Tuyển Tập

NHỚ HUẾ

SỐ 7

Ấn Phẩm Đặc Biệt - 20 NĂM XA HUẾ - 1975 - 1995

GIẢI PHẪU THẨM MỸ

COSMETICARE

PLASTIC SURGERY SPECIALISTS

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU THẨM MỸ UY TÍN VÀ LỚN NHẤT ORANGE COUNTY

CHUYÊN SỬA NHỮNG GÌ VỀ SẮC ĐẸP CHO PHÁI NAM VÀ PHÁI NỮ

Do một nhóm Bác sĩ Chuyên khoa Thẩm mỹ phụ trách dưới sự điều khiển của Bác sĩ:

MICHAEL W. NICCOLE, MD

- *Member American Society of Plastic and Reconstructive Surgeons, Inc.*
- *Board Certified and Qualified Plastic Surgeons (Bác sĩ Chuyên khoa của khoa Giải phẫu Thẩm mỹ)*

- ☆ **Mắt hai mí, cắt thịt dư mí mắt dưới.**
- ☆ **Mũi cao, thon đẹp, cánh mũi, môi, cằm.**
- ☆ **Làm ngực căng, tròn mềm mại, đẹp tự nhiên bằng chất nước biển.**
- ☆ **Căng đuôi mắt, căng da mặt, căng da trán, căng da bụng.**
- ☆ **Hút mỡ mặt, mỡ cổ, mỡ bụng, mỡ hông và mỡ đùi.**
- ☆ **Sửa nhỏ và làm đẹp lại cơ phận phụ nữ, đã bị biến đổi vì sinh sản.**
- ☆ **Sửa bộ phận sinh dục đàn ông theo ý muốn (Tham khảo với Michael Nguyễn).**
- ☆ **Cấy tóc cho nam và nữ.**

Phương Hiền

- ✦ Có Video để Quý vị trông thấy diễn tiến cuộc giải phẫu thẩm mỹ.
- ✦ Hoàn toàn không đau, không hại sức khỏe vì dùng kỹ thuật gây mê.
- ✦ Bảo đảm an toàn vì có Bác sĩ về tim luôn luôn theo dõi sức khỏe của Quý vị.

- FINANCIAL 100%. Nhận Bảo Hiểm (Tùy trường hợp).
- Có nhận VISA - MASTER CARD

3500 S. Bristol St. #200 ❐ Santa Ana, CA 92704

(714) 850-1533 hoặc (714) 476-8538

NGOÀI TIỂU BANG CALIFORNIA, XIN GỌI TOLL FREE 1-800-954-6243 -

Có phương tiện di chuyển và chỗ ở cho khách ở xa

Tuyển Tập Nhớ Huế

Chủ Trương:

Hội Thân Hữu
Huế - Thừa Thiên

Chủ Biên:

Võ Văn Tùng

Ban Biên Tập:

Nguyễn Văn Y • Nguyễn Ngọc Thanh • Tôn Thất Tùng • Hoàng Giao • Nguyễn Khoa Thiều • Hồ Văn Phú • Nguyễn Đình Mô • Thái Bá • Thái Doãn Ngà • Hoàng Thi Thao • Hà Thúc Như Hỷ • Hoàng Tuấn Lộc • Hoàng Ngọc Trác

Kỹ Thuật:

Phan Đắc Khôi

Hình bìa

Nguyên Khai

Trang Trí:

Thái Bá

Thư từ, bài vở, ngân phiếu ủng hộ, xin vui lòng gởi về:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite D
Westminster, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
Fax: (714) 531-5824

Những bài vở đăng trong ***Tuyển Tập Nhớ Huế*** *không nhất thiết phản ảnh quan điểm của Nhóm Chủ Trương và do người viết hoàn toàn chịu trách nhiệm. Trích dịch xin nêu rõ xuất xứ.*

Hai mươi năm xa Huế

Thấm thoát kẻ trước người sau chúng ta đã xa Huế được hai thập niên. Trên mảnh đất tạm dung này, trong đoạn đường dài đầy cam go ấy, chúng ta đã hưởng được đầy đủ tự do và phần đông có đời sống sung túc hơn ở quê nhà. Đồng thời, với ý chí sắc bén cùng nỗ lực tranh đấu ở một xứ-sở-của-cơ-hội, nhiều đồng hương của chúng ta đã may mắn thành công trong nhiều lãnh vực như học vấn, thương mãi, đầu tư v.v...

Hàng trăm sắc dân đã đem văn hóa riêng biệt của đất nước mình kết hợp lại thành một nền văn hóa đa dạng, muôn màu muôn sắc của Hiệp Chủng Quốc. Không một nơi nào trên thế giới "trăm hoa được đua nở" một cách tự do như ở Hoa Kỳ và đóa hoa Việt Nam dù sinh sau, nở muộn cũng đã góp phần làm thắm đẹp thêm.

Dù vạn vật có đổi thay, chiến tranh có tàn bạo, cuối cùng văn hóa vẫn phải được bảo vệ ở vị thế độc lập của nó để những cảm nghĩ, những khát vọng, những rung động của con người được diễn tả một cách trung thực.

Vì vậy ở quê nhà cho biết, mỗi khi bắt gặp Tuyển Tập Nhớ Huế được đem lọt về, đồng hương dù ở Đà Lạt, Sài Gòn, Huế hay Đà Nẵng v.v.. đều tranh nhau say sưa đọc và mỗi khi đọc xong, chục người như một, cảm thấy một cái gì thích thú, gần gũi với mình vô cùng.

Còn ở quê người, bài vở vẫn tiếp tục được sáng tác và gửi về đóng góp cho Tuyển Tập. Thêm nhiều đóng góp mới hết sức quý giá.

Hai mươi năm, quả thật là một thời gian dài. Xa Huế nhưng những người có liên hệ đến Huế vẫn thiết tha với quê hương bé nhỏ thân thương, lắm lúc tỉnh giấc trong cơn ngủ, cảm thấy nhớ nhà nhớ nước, tức cảnh làm thơ, viết văn, lấy Huế làm đối tượng.

Tuyển Tập Nhớ Huế xin hân hạnh được vinh dự tiếp tục làm nơi truyền bá những lời văn hay, ý đẹp ấy.

Võ Văn Tùng
Chủ biên TTNH

Với sự góp mặt của:

Bản Anh ▪ Vĩnh Bội ▪ Bồng Phạm Văn Thoại ▪ Thái Bá ▪ Huỳnh Hữu Cửu ▪ Nam Cát ▪ Nhã Ca ▪ Minh Vũ Hồ Văn Châm ▪ Lê Thị Kim Cương ▪ Trúc Chi ▪ Hà Huyền Chi ▪ Hoàng Bích Đào ▪ Võ Văn Đạt ▪ Trần Đoàn ▪ Bùi Minh Đức ▪ Hoàng Đức ▪ An Nguyễn Kiều Mỹ Duyên ▪ Nguyễn Mộng Giác ▪ Hoàng Giao ▪ Bùi Bích Hà ▪ Bạch Thu Hà ▪ Tôn Nữ Hoàng Hoa ▪ Tôn Nữ Hoài Hương ▪ Nguyễn Văn Hưng ▪ Hà Thúc Như Hỷ ▪ Phượng Hàm ▪ Phan Tôn Nữ Hà ▪ Vân Hòa ▪ Nguyên Hà ▪ Thế Hoàng ▪ Võ Đình Hữu ▪ Tôn Thất Hứa ▪ Phan Mộng Hoàn ▪ Nguyễn Thị Hiệp ▪ Thái Văn Kiểm ▪ Hồ Trọng Khôi ▪ Đồng Sĩ Khiêm ▪ Đoàn Khoách ▪ Trần Trọng Khoái ▪ Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh ▪ Tâm Lạc T.T.D ▪ Lê Văn Lân ▪ Dương Công Liêm ▪ Hoàng Liên ▪ Nguyễn Khoa Diệu Lê ▪ Duy Lam ▪ Lê Phước Lộc ▪ Thái Kim Lan ▪ Thiên Thanh Như Lý ▪ Nguyễn Văn Minh ▪ Mai Kim Ngọc ▪ Trịnh Lâm Ngân ▪ Lê Nguyễn ▪ Nguyễn Ngọc Nhâm ▪ Hồ Văn Phú ▪ Nguyễn Huy Phước ▪ Nguyên Pháp ▪ Hoàng Phong ▪ Nguyễn Khoa Diệu Phương ▪ Trần Quang ▪ Lê Khắc Ngọc Quỳnh ▪ Bùi Văn Sớm ▪ Tôn Thất Sơn ▪ Võ Văn Tùng ▪ Trần Dạ Từ ▪ Chi Điền Hoàng Duy Từ ▪ Nguyễn Phúc Vĩnh Tung ▪ Dạ Triều ▪ Hương Thủy Hoàng Trọng Thược ▪ Tôn Thất Tùng ▪ Thanh Toàn ▪ Trần Xuân Thời ▪ Kiêm Thêm ▪ Nguyễn Hữu Thứ ▪ Nguyễn Ngọc Kiều Trang ▪ Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang ▪ Nguyễn Ngọc Thùy Trang ▪ Võ Long Tê ▪ Hoàng Trúc Tiên ▪ Nguyễn Phúc Bửu Tập ▪ Nguyễn Khoa Thiều ▪ Đinh Việt Thủy ▪ Lê Quang Tiềm ▪ Thân Trọng Tuấn ▪ Tôn Thất Tuệ ▪ Nhất Tuấn ▪ Nguyễn Ngọc Thanh ▪ Minh Đức Hoài Trinh ▪ Thiên Tứ ▪ Tôn Lệ Vân ▪ Hoài Việt ▪ Nguyễn Văn Y ▪

Tuyển Tập Nhớ Huế số 7

Ấn phẩm Đặc Biệt

20 NĂM XA HUẾ

Nội Dung

- Hai mươi năm xa Huế *VÕ VĂN TÙNG* 1
- Huế sinh trưởng, thăng trầm và hoan lạc thường Xuân *HƯƠNG GIANG THÁI VĂN KIỂM* 5
- Thơ của Cụ An Đình Trần Kinh trong Hương Bình Thi Xã *TRẦN THỊ CẨM TUYẾN* 16
- Giòng thơ trữ tình của Thi Ông Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy *LÊ VĂN LÂN* 21
- Thử tìm hiểu tên Chúa Nguyễn đời thứ năm *ĐOÀN KHOÁCH* 27
- Thầy tướng số ở Huế *NGUYỄN HỮU THỨ* 34
- Công lao của Nhà Nguyễn đối với quần đảo Trường Sa & Hoàng Sa *TÔN THẤT TÙNG* 43
- Chùa Từ Hiếu và các cậu Giám *NGUYỄN PHÚC BỬU TẬP* 49
- Định mệnh *VÕ VĂN TÙNG* 56
- Danh từ Mụ, Mệ trong cách xưng hô qua các thời đại. *NGUYỄN KHOA THIỀU* 71
- Mưa Huế *NGUYỄN MỘNG GIÁC* 74
- Trái khế tây *HOÀNG GIAO* 78
- Tiếng Huế đặc thù *BÙI MINH ĐỨC* 80
- O Xưa *NHÃ CA* 88
- Gió đưa cành trúc la đà *MINH VŨ HỒ VĂN CHÂM* 95
- Cảm thương vua Tự Đức *TÔN LÊ VÂN* 98
- Tương Giang Khúc *TRẦN XUÂN THỜI* 104
- Một ám ảnh *TÔN NỮ HOÀNG HOA* 107
- Hiền nhân thời đại: Sảng Đình Nguyễn Hy Thích *NGUYỄN LÝ TƯỞNG* 110
- Hải Vân quan *NGUYỄN VĨNH TRÁNG* 123
- Lời trần tình với Huế *LÊ NGUYỄN* 128
- Cơm hến Huế *TRẦN KIÊM ĐOÀN* 130
- Câu sấm dời đô *THÂN TRỌNG TUẤN* 139
- Huế của hắn *TÔN THẤT SƠN* 145
- Thư viết gửi về Huế *PHAN MỘNG HOÀN* 149
- tâm sự một dòng sông *NGUYỄN KHOA DIỆU PHƯƠNG* 156
- Chơi đùa một thuở ấu thơ *LÊ VĂN LÂN* 159
- Người Huế Minh Hương *LÊ PHƯỚC LỘC* 167
- Thủy chung với Huế *TRẦN THỊ HOÀNG DIỄM* 172
- Những bài thơ gây ra thảm họa tày trời *HƯƠNG THỦY* 176
- Cậu tôn & các mệ *TÔN THẤT HỨA* 180
- Đêm thơ nhạc Huế trên Hồ Tây Hà Nội *TÔN THẤT TÙNG* 188
- Tại sao di tích Huế được công nhận là Di sản Thế giới *P.T.A* 191
- Thư tín 193
- Danh sách ân nhân ủng hộ Ngày Nhớ Huế và Tuyển Tập Nhớ Huế 95 232

THƠ:

- Niềm đau không tên *HOÀNG BÍCH ĐÀO* 31
- Lối về yêu thương *LÊ KHẮC NGỌC QUỲNH* 46
- Nhớ Huế - *LÊ QUANG TIỀM* 62
- Thương về xứ Huế - *HỒ TRỌNG KHÔI* 70
- Đèo Hải Vân - *NGUYÊN PHÁP* 73
- Gởi Huế *NGUYỄN NGỌC QUỲNH TRANG* 77
- Hoa sứ vườn em *PHƯỢNG HÀM* 94
- Sen Tịnh Tâm - *HOÀI VIỆT* 103
- Nhớ cố đô Huế - *XUÂN ÁNG* 122
- Ngày Nhớ Huế - *LA Y* 129
- Xin được một ngày *THANH TOÀN* 142
- Huế gọi - *DIỄN NGHỊ* 144
- Lặng thầm *TRẦN Đ. TRƯƠNG* 161
- Mưa Xuân *BỒNG* 166
- Nhớ Huế - HÀ THÚC HOÀI NHÂN 171
- Về thăm mộ đầu xuân *NGUYỄN ĐÔNG ANH* 175
- Tâm tình bên nớ, bên ni - *BỬU CẦU* 179
- Lạc bến *NGUYỄN NGỌC THÙY TRANG* 187

LỜI CẢM TẠ ÂN NHÂN

Ngày Nhớ Huế

và

Tuyển Tập Nhớ Huế

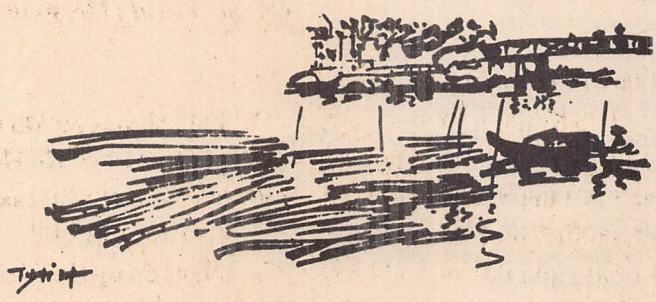

Hội Thân Hữu Huế - Thừa Thiên
xin chân thành cảm tạ
Quý vị ân nhân đã góp công,
của để giúp chúng tôi thực hiện
Tuyển Tập Nhớ Huế số 7, 1995
và tổ chức Ngày Nhớ Huế 1995
được thành công tốt đẹp.

HUẾ SINH TRƯỞNG, THĂNG TRẦM VÀ HOAN LẠC THƯỞNG XUÂN

HƯƠNG GIANG - THÁI VĂN KIỂM

Cúc già mai nở,
Cảnh trời Nam rực rỡ vẻ tân xuân,
Cuộc nhân sinh lại mở hội Dân
Cơ tạo hóa lần lần xoay tới độ.

(Tô Nam)

Lâu nay, người ta viết rất nhiều về Cố Đô Huế: lịch sử, sự tích, phong cảnh, văn chương, mỹ thuật, hồi ký v.v.. thảy đều bổ ích về nội dung và thiết tha về tình cảm. Vì lâu năm xa xứ mà người Việt Hải Ngoại đã thi nhau thổ lộ tâm tình qua thơ văn, bút ký, khiến cho độc giả lắm lúc bùi ngùi xúc động, âm thầm gạt lệ nơi quán trọ bên đường với tuyết sương bao phủ!

Chừ đây lữ khách nhàn du, vượt không gian và thời gian, tìm về nơi *cội nguồn Cố Đô Huế*, về bằng tâm trí nhớ thương, nhằm thỏa mãn phần nào những ước mơ dồn ép lâu nay đối với Quê Hương biền biệt xa vời! Nào là Huế sinh trưởng, nào là Huế thăng trầm, nào là Huế hoan lạc thưởng Xuân suốt bốn trăm năm, kể từ ngày Chúa Tiên vượt sông Gianh (1558) vào Nam khai bang lập quốc.

Và ngày Tết Cố Đô hẳn là một đề tài trọng đại và hấp dẫn, vì nó bao gồm cả một phương trời văn hóa, một quang cảnh tưng bừng náo nhiệt, một nếp sống đầy truyền thống và lễ nghi, một triều đình trang nghiêm trong lễ nhạc, một hội hoa đăng với cờ xí, trống chiêng, hát hò hoan lạc khắp chốn thị thành và thôn dã. Đúng vào thời kỳ này thì:

Vì tính cách rộng lớn của đề tài mà chúng ta sẽ gởi tâm tư về Cố Đô Huế của thời vàng son, qua các trạng thái sau đây:

— Đôi dòng lịch sử
— Nguyên ủy chữ Huế
— Tết của vua quan
— Tết nơi dân dã
— Du xuân Thuận Hóa qua ca dao.

☆ I.- Đôi dòng lịch sử.

Ngược dòng lịch sử, chúng ta có thể nói rằng sự hình thành của Cố Đô Huế, dựa trên *hai cuộc viễn du, một giấc chiêm bao* và *hai câu sấm ký*.

Trước hết, sử sách cho chúng ta biết rằng sự xuất hiện của xứ Thuận Hóa nói chung và kinh thành Phú Xuân nói riêng bắt nguồn từ một cuộc viễn du của Thượng Hoàng Trần Nhân Tông qua Chiêm Quốc năm 1301; tiếp theo đó là thực hiện một lời hứa của Thượng Hoàng với Chiêm Vương Chế Mân (Jaya Sinhavarman III): bằng lòng gả Công Chúa Huyền Trân cho Chiêm Vương để đổi lấy hai châu Ô Lý, mà về sau sẽ đổi tên là Châu

Thuận và Châu Hóa, có nghĩa là "bằng lòng" và "thay đổi" theo chế độ và phong tục của người Việt. Hai Châu này đã chính thức sáp nhập vào nước ta năm 1306.

Sau cuộc viễn du của Trần Nhân Tông, chúng ta phải chờ đợi một cuộc viễn du khác, được thực hiện gấp rút 257 năm về sau, đúng vào năm 1558, dưới sự lãnh đạo của Chúa Nguyễn Hoàng, hồi đó được Vua Lê Chúa Trịnh cử vào trấn đất Thuận Hóa. Nguyễn Hoàng — mà người đương thời gọi là Chúa Tiên — đã tuân theo câu sấm của Trạng Trình *"Hoành Sơn Nhất Đái Vạn Đại Dung Thân"*, bèn cầm đầu một cuộc di dân lớn lao vào hai Châu Thuận Hóa, bao phen "qua sông, lội suối, leo núi, băng ngàn", nên chi trong đoàn tùy tùng của Chúa, có người bắt đầu thoái chí, mới than rằng:

"Tới đây đất nước lạ lùng,
Con chim kêu cũng sợ, con cá vẫy vùng cũng lo!"

Chúa bèn trấn tĩnh nhân tâm với một câu hò đầy ý nghĩa:

"Măng giang nấu cá ngạnh nguồn
Tới đây ta phải bán buôn mua vui"

Việc mua vui đầu tiên của Chúa và đoàn tùy tùng là một công tác kiến trúc. Chúa quyết định lập dinh xây phủ tại làng *Ái Tử* (tỉnh Quảng Trị); ít lâu sau, vào năm 1570, Ngài dời dinh tới làng *Trà Bát*, phía Nam Ái Tử. Rồi ba mươi năm sau, vào năm 1600, Ngài lại dời phủ tới *Cát Dinh*, phía Đông Ái Tử.

Vậy có thể nói rằng Ái Tử là cái đầu cầu trước tiên (première tête de pont) của người Việt trong cuộc di dân lớn lao vào hậu bán thế kỷ thứ XVI. Cái đầu cầu đây có thể hiểu theo nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, là vì trong dân gian hiện nay còn lưu lại câu ca dao:

"Mẹ bồng con ngồi cầu Ái Tử,
Thiếp trông chàng đứng núi Vọng Phu;
Trông chàng bóng xế trăng lu,
Quyết lánh xa trần tục đi tu cho rồi".

Trong thời gian trị vì (1558-1613), Chúa Tiên du lãm khắp xứ Thuận Hóa. Năm 1601, khi Chúa đặt chân tới xã *Hà Khê*, bên bờ sông Hương, Chúa thấy giữa đất bằng đột khởi lên một ngọn đồi cao như hình đầu con rồng ngoảnh lại, trước có sông, sau có hồ, cảnh trí xinh tốt khác thường.

Tương truyền khi xưa, có người ban đêm trông thấy một bà lão, mặc áo đỏ quần xanh, ngồi trên gò ấy mà nói rằng: *"Rồi đây sẽ có Chúa tới nơi này để dựng chùa, đặng tụ linh khí và củng cố long mạch"*. Nói xong bà lão biến mất; nhân dân bèn gọi gò Hà Khê là *núi Thiên Mụ*.

Nhìn về hướng Đông, Chúa thấy dòng sông Hương uốn khúc, lấp lánh dưới ánh mặt trời, như có ý thúc giục Chúa thiên dinh về nơi đó. Rất có thể rằng lúc bấy giờ Chúa đã nẩy ý định đó, nhưng tạm thời Chúa cho xây một ngôi chùa trên gò Hà Khê, lấy tên là *Thiên Mụ Tự* (1) để ghi lại một giấc chiêm bao hay là một giai thoại do người địa phương kể lại. Chùa Thiên Mụ được xem như cảnh trí số một của Cố Đô Huế và được truyền tụng qua một câu hò bất hủ:

"Gió đưa cành trúc là đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương".

Các vị Chúa kế tiếp Nguyễn Hoàng sẽ lần hồi thiên dinh về miền Nam. Năm 1626,

Chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1615) dời dinh về làng *Phúc Yên* (huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên). Năm 1636, Chúa Thượng Nguyễn Phúc Loan (1635-1648) lại thiên dinh về làng *Kim Long* (huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên) gần chùa Thiên Mụ. Năm 1687 Chúa Ngãi Nguyễn Phúc Trăn (1687-1691) dựng phủ mới ở làng *Phú Xuân*, tức là vào chỗ đông nam Kinh Thành Huế ngày nay, lấy núi Ngự Bình phía trước làm án, xây thành, dựng cung thất, trồng cây, mở đường, cách thức xinh đẹp, sự định đô tại Phú Xuân bắt đầu từ đó.

Năm 1712, Chúa Minh Nguyễn Phúc Chu (1691-1725) lại dời phủ ra làng *Bác Vọng* (huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên). Như vậy thời gian kiến đô tại Phú Xuân chỉ được 25 năm.

Năm 1738, Chúa Ninh Nguyễn Phúc Trú (1725-1738) băng hà, Hoàng Trưởng Tử là Nguyễn Phúc Khoát lên nối ngôi, tức Võ Vương (1738-1765), bèn dời phủ chính về lại *Phú Xuân* (bên tả phủ cũ của Chúa Ngãi hồi trước). Nhân có câu sấm *"Bát thế hoàng trung đô"* nghĩa là "Tám đời thì trở lại Trung Đô", mà người đương thời giải thích là Thăng Long, Chúa Võ mới tính lại từ đời Chúa Tiên, trải qua các Chúa Sãi, Chúa Thượng, Chúa Hiền, Chúa Ngãi, Chúa Minh, Chúa Ninh, rồi tới Chúa Võ, thì vừa đúng 8 đời. Chúa lo ngại cho số phận của Đàng trong, rồi đây có lẽ bị sáp nhập với Bắc Hà, đặt dưới quyền uy của Vua Lê Chúa Trịnh. Vì lẽ đó mà Chúa quyết định xưng vương lập quốc, làm cho Nam Hà hoàn toàn biệt lập đối với Bắc Hà; năm đó là Giáp Tý 1744, khởi đầu cho một vận niên lúc giáp mới. Chúa chia nước ra làm 12 dinh: dinh Phú Xuân được gọi là Chính dinh, sau gọi là Đô Thành. Chúa sửa đổi y phục, cấm đàn bà mặc váy theo lối Bắc, mà phải mặc quần, sửa sang phong tục, tham chước chế độ các đời trước, định triều phục các quan văn võ. Bởi thế mà từ đó mới xuất hiện câu tục ngữ *"ăn Bắc, mặc Kinh"*.

Về phương diện kiến thiết, Chúa vừa lên ngôi xong, liền khởi công xây dựng điện Kim Hoa, điện Quang Hoa, gác Diêu Trì, gác Triều Dương, gác Quang Thiên, tựu Lạc Đường, Chính Quang Đường, Trung Hòa Đường, Di Nhiên Đường, Đài Sướng Xuân, đình Thụy Vân, hiên Đồng Lạc, am Nội Viên, đình Giáng Hương. Về phía thượng lưu sông Hương, lại xây phủ Dương Xuân, điện Trường Lạc, hiên Duyệt Vũ. Những kiến trúc ấy đều chạm trổ và tô vẽ hết sức tinh xảo. Trong các vườn, lại có giả sơn, hồ cầu, thủy tạ; các bức tường tạc hình long hổ, lân phụng, hoa cỏ. Trên dưới đô thành đều thiết rất nhiều quan xá cùng phủ đệ của những bậc công hầu. Ngoài thành chợ liên lạc, đường xá rộng rãi, nhà cửa san sát, hai bên đường đều toàn nhà ngói cả. Cây cao, bóng mát, thuyền chài, thuyền buôn qua lại như dệt cửi, làm thành một chỗ đại đô hội, cảnh sắc cực kỳ diễm lệ.

Nói tóm lại, Chúa Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát đã *vì một câu sấm, mà chủ trương kiến thiết đô thành Phú Xuân*, tạo nên một sắc diện tân kỳ, xứng đáng là một quốc gia tân tiến và văn minh, để ứng dụng với câu sấm *"Bát thế hoàn Trung Đô"* mà Trung Đô đây có thể hiểu không phải là Trung Đô Thăng Long mà là Trung Đô Phú Xuân vậy.

Từ sau khi Võ Vương băng hà, chính tình trong nước ngày càng rối ren, do các cuộc nội chiến giữa ba họ Trịnh, Nguyễn, Hồ (Tây Sơn), đã làm hư hao rất nhiều những kiến trúc của đô thành Phú Xuân.

Chúng ta phải đợi tới thời kỳ vua Gia Long thống nhất sơn hà năm 1801, lên ngôi năm 1802, rồi quyết định chọn Phú Xuân làm Kinh Đô, để được thấy Ngài ra lệnh, vào năm 1805, đắp một thành mới rộng hơn thành cũ, để làm Kinh Thành.

Kinh Thành Huế khởi đắp tháng 4 năm Ất Sửu, 1805, chiếm địa phận 8 làng: Phú Xuân, Vạn Xuân, Diễn Phái, An Vân, An Hòa, An Mỹ, Thể Lại, An Bửu, nhưng làng Phú Xuân mất đất nhiều hơn cả, nên làng này được vua ban, ngoài số bạc bồi thường, còn nhiều ruộng đất chung quanh Huế, ở Quảng Trị và Quảng Bình nữa.

Vua Gia Long xem xét lại địa thế từ làng Kim Long, đến Thanh Hà, thân chế kiểu thành, rồi mới giao cho Giám Thành Nguyễn Văn Yến vẽ bản đồ, đóng cọc v.v.. rồi huy

động quân lính ở Kinh và mộ dân các tỉnh về làm. Chúng ta có thể xem viên Giám Thành Nguyễn Văn Yến như vị kiến trúc sư đầu tiên của Kinh Thành Huế.

Ban đầu, thành chỉ đắp bằng đất, cho nên chỉ từ tháng 4 đến tháng 8 đã xong. Năm Đinh Mão 1807, lại tiếp tục công việc cho đến cuối triều Gia Long. Năm Mậu Dần 1818, mới bắt đầu xây gạch 2 mặt Nam và Tây, rồi đến mặt Bắc, công việc giao cho Hoàng Công Lý, Trương Phúc Đản và Nguyễn Đức Sỹ, đến năm 1819 thì xong.

Năm Canh Thìn, Minh Mạng nguyên niên 1820, mưa lớn, làm đổ mất 300 trượng (phỏng chừng 1200 mét), phải sửa chữa lại. Năm Tân Tỵ, 1821, lại tiếp tục công việc và xây gạch mặt phía Đông, như vậy là cả bốn mặt đều xây bằng gạch. Qua năm Nhâm Ngọ 1822, lại mưa lớn, làm hỏng 2057 trượng (8228 mét), phải giao cho hai kiến trúc sư Trần Văn Nang và Nguyễn Văn Vân sửa chữa lại. Sau hết, năm Giáp Thân 1824, còn tu bổ một lần nữa, công việc mới thật hoàn toàn, tính như vậy, từ năm 1805 cho tới năm 1824, là cả thảy 20 năm trời mới xây xong Kinh Thành Huế. Lúc bấy giờ, những người có dự vào việc xây Kinh Thành đều được ban thưởng; quân lính trước khi giải ngũ về quê được lãnh tất cả 143.000 quan tiền, các quan kiến trúc và chuyên viên được lãnh mỗi người thêm 5 tháng lương.

Theo Linh Mục Léopold Cadière viết trong tập san của Hội Đô Thành Hiếu Cổ, số 1-2, năm 1933, thì những người Pháp giúp việc vua Gia Long, không có xen vào công việc xây dựng Kinh Thành Huế (Les deux extraits que je viens de citer sont, on le voit, absolument précis et ne permettent en aucune façon de penser que les Européens aient été mêlés à la construction de la Citadelle de Huế). Linh mục Cadière còn nói thêm đại khái rằng: ngoại trừ thành Gia Định, đã được kiến thiết năm 1791, do bản đồ của kỹ sư Lebrun, dưới quyền chỉ huy của Vệ Úy Olivier, tất cả những thành trì trên lãnh thổ Việt Nam, tuy có tham chước ít nhiều những kiểu thành Vauban, đều do những Kiến trúc sư Việt Nam phác họa và thực hiện (... la construction même de la Citadelle de Huế, ainsi que celle des autres citadelles du royaume construites dans la suite, cela ne fait aucun doute aujourd' hui, a été préparée entièrement par les Annamites et exécutées en totalité sous leur contrôle et leur direction).

Nói như vậy, không phải là chúng ta hoàn toàn phủ nhận ảnh hưởng của Tây phương trong việc kiến trúc Kinh Thành Huế. Ảnh hưởng đó có thật, nhưng người ta chỉ trông thấy nơi Thành ngoài mà thôi: còn như những cung điện lâu đài ở bên trong thì tuyệt nhiên không có gì là Tây Phương cả.

Mô tả một kinh thành, ghi lại từng giai đoạn tiến triển, phát giác hồn thiêng của nơi đó và đồng thời gặp được bạn tri âm tri kỷ đã từng ngưỡng mộ đắm say, quả là một điều hi hữu, nhất là khi kinh thành đó bao hàm muôn vàn sắc thái, nổi bật lên như viên kim cương dưới ánh chiêu dương: Cố Đô Huế, một thành đô đã từng là nguồn cảm hứng dạt dào trong văn chương Việt Nam và từng có một địa vị tương đương với Lạc Dương, Trường An trong văn chương Trung Quốc.

☆ II.- Nguyên Ủy Chữ Huế.

Sau khi đã duyệt qua những thời kỳ kiến tạo và phát triển của Kinh Thành Thuận Hóa, chúng ta biết rằng nước ta đã bị phân chia lãnh thổ thành Bắc Hà và Nam Hà, hay là Đàng Ngoài và Đàng Trong, suốt từ năm 1601 đến 1769, nghĩa là 168 năm. Sự phân chia đó có ảnh hưởng trong lời ăn tiếng nói và dần dần đã tạo nên một giọng nói khác biệt với giọng Bắc của cha ông lúc mới tiến vào miền Trung, sau khi vượt Hoành Sơn, và Sông Gianh. Với ảnh hưởng của thủy thổ địa phương, nhờ mượn thêm nhiều từ ngữ gốc **Mường** nơi dãy Trường Sơn (mạn ngược Quảng Bình, nơi ẩn núp của vua Hàm Nghi sau này), và nhiều từ ngữ gốc **Chiêm** như *ri, mô, tê, răng, rứa,* mà đám người mạo hiểm di dân từ miền Bắc vào Nam, trải qua nhiều thế hệ, đã tạo nên một thứ tiếng mới (tuy vẫn là tiếng Việt) và một giọng nói mới, mà chúng ta gọi là *"tiếng Huế"*, là *"giọng Huế"*. Ví dụ như: *răng chừ* nghĩa là bao giờ (chừ thay cho

giờ), khi nào. Ví dụ như *ốt dột* thay cho ô nhục, *tui* thay cho tôi, *côi nớ* là trên ấy v.v...

Chữ **Huế** này bắt nguồn từ chữ **Hóa** trong địa danh Thuận Hóa. Phải chăng là để tránh né tên của một nhân vật quan trọng, một vị tổ tiên, một thành hoàng mà con cháu phải kiêng cữ? Nói tổng quát là một **chữ húy** phải đọc trại đi vì kính nể theo thông lệ ngày xưa. Hay là Chúa Võ Vương, nhân cuộc "cách mạng 1724", đã đổi chữ Hóa thành Huế, để phân biệt mới với cũ, nhận thức rõ ràng xưa và nay?

Chúng ta chưa biết đích xác thời kỳ xuất hiện của chữ Huế. Tuy nhiên, cũng có thể nói rằng chữ **Huế** đã xuất hiện trong thời kỳ Nam Bắc phân tranh thời đại, là nhờ căn cứ trên những dữ kiện ngôn ngữ và tự điển sau đây:

1. Chúng ta nhận thấy trên bản đồ *"Carte du Tonkin et de l'Annam"* của Alexandre de Rhodes, in năm 1653, có ghi *"Province de Thoanoa"*. Thoanoa tức là Thuận Hóa. Trong vài hồi ký của Ông đã thấy ghi chữ *Huế, Kẻ Huế*.

2. Trên bản đồ *"An Nam Đại Quốc Họa Đồ"* kèm theo quyển Tự Vị *"Dictionarii Latino - Annamitici"* (tom II) của J.L Taberd, ấn hành năm 1838 tại Serampore (Ân Độ), chúng ta thấy ghi: *Phủ Thừa Thiên, Quảng Đức - Huế*. Đó lần đầu tiên, ta thấy tên Huế xuất hiện trong tự điển.

3. Theo sách *"Thơ văn Nguyễn Phi Khanh"* của Bùi Văn Nguyên, nhà xuất bản Văn Học Hà Nội 1981, thì trong gia phả Nguyễn Bặc, công thần khai quốc nhà Đinh, và là tiên tổ của nhà Nguyễn, có người cháu 5 đời tên là Nguyễn Nạp **Hóa**. Ông này là ông Sơ 4 đời của Nguyễn Phi Khanh (Ưng Long), tức là cha của Nguyễn Trãi. Và Cụ Lê Thước cũng cho biết là Nguyễn Du cùng dòng họ với Nguyễn Trãi. Theo tôi thì vì phải húy tên của tổ tiên Nguyễn Nạp Hóa mà chữ này phải đổi ra chữ **Huế**.

4. Trong quyển Tự Vị *"Dictionarium Annamitico - Latinum* (tome I) của hai Vị Giám Mục Pigneau de Béhaine (Evêque d' Adran) và J.L. Tabert, ấn hành năm 1838 tại Serampore (An Độ), chúng ta thấy ghi:

化 Huế: provinocia regia Cocinoinao
順化 Thuận Hóa: id-
茶化 Chè Huế: theumillius provinciae

Trước và sau Alexandre de Rhodes, đã có nhiều linh mục phiên âm chữ Thuận Hóa:

Sinoa: xứ Hóa, tức Thuận Hóa (Joao Roiz, 1621)
Sinuua: xứ Hóa (Christoforo Borri, 1621)
Sinua: xứ Hóa (Antonio de Fontes)
Sinoa: xứ Hóa (Alexandre de Rhodes, mai 1631)

Chữ **Huế** cũng có thể viết chữ Nho với chấm thảo :.....

5. Jean Baptiste CHAIGNAU mà vua Gia Long đã phong là Đức Thắng Hầu, đã lấy vợ Việt Nam tên là Benoite Hồ Thị Huệ, quê quán Phú Cam (Thừa Thiên). Bà sinh mười một người con: trưởng nam là Michel Đức Chaigneau (25.6.1803 - 27.12.1902) sinh trưởng ở Huế, có viết một thiên ký sự nhan đề *"Souvenirs de Huế"*, ấn hành năm 1867 ở Paris, trong đó ông kể lại rất nhiều kỷ niệm thời thơ ấu nơi Cố Đô Huế, hồi đầu thế kỷ XIX.

6. Nếu những dữ kiện ngôn ngữ và lịch sử nêu trên mà chưa đủ, thì tôi xin phép dẫn thêm một dữ kiện nữa, để tùy bậc thức giả suy xét thêm. Vốn là bà Hoàng Hậu, vợ vua Minh Mạng, nhũ danh là *Hồ Thị Hoa*, con gái ông Hồ Văn Vui, tức Bôi, vị quan coi tàu ngựa của vua Gia Long. Năm Bính Dần 1806, vua Gia Long và Thuận Thiên Hoàng Hậu

lựa con gái công thần Hồ Văn Vui làm phối thất cho Thái Tử Đởm, sau này lên ngôi là vua Minh Mạng. Gia đình họ Hồ quê quán Thủ Đức (Nam Việt).

Theo *"Đại Nam Chính Biên Liệt Truyện"* (sơ tập), bà Hoa có nhiều đức tính: **thục, thận, hiền, trinh, hết đạo hiếu kính** đối với cha mẹ và người trên. Vua Gia Long ngợi khen, bèn đặt tên là *"Thật"* (hay Thiệt). Vua dạy rằng: *"Phi nguyên tên là Hoa, hoa thì chỉ nghe thơm mà thôi, chi bằng chữ Thật (Thiệt) là gồm có quả Phúc"*.

Tháng 5 năm Đinh Mão 1807, Bà sinh Hoàng Tử Miên Tông (sau này là vua Thiệu Trị), sinh được 13 ngày thì Bà bị sản hậu mà băng hà, hưởng thọ 17 tuổi. Vua Gia Long, Thái Tử Đởm và Hoàng gia thương tiếc vô cùng. Vì húy tên Bà mà tên hoa phải đổi thành *huê, bông, ba*, ví dụ như: cửa Đông Hoa cải gọi là Đông Ba, cầu Hoa gọi là cầu Bông v.v.. Rồi có lẽ chứ Hóa (đọc na ná như Hoa) cũng thành chữ húy, cũng như chữ *Thật* phải đọc là *Thiệt*, chữ *Anh* phải đọc là *Yêng* (Yêng mình đi mô rứa?) để tránh tên Ánh của vua Gia Long.

☆ III.- TẾT của Vua Quan.

Tết của vua quan phải diễn tiến theo nghi thức được ấn định trong Hội Điển sự lệ, do sự sắp đặt của Bộ Lễ và sự chọn ngày lành tháng tốt của Khâm Thiên Giám. *Lễ* thì phải đi với *Nhạc*, vì *Lễ là trật tự bên ngoài*, còn *Nhạc là trật tự bên trong*. Mọi tổ chức xã hội ngày xưa đều phải theo đúng lễ Nhạc, tức là hòa hợp cả ngoài lẫn trong, cả vật chất lẫn tinh thần, nhắm thực hiện được sự điều hòa, cân phân và quân bình trong xã hội.

Ngoài ra cơ quan *Khâm Thiên Giám* có nhiệm vụ quan sát vũ trụ, thấu đáo Kinh Dịch và bói toán để chọn ngày giờ thuận lợi nhất cho sự diễn hành các tiết lễ. Sự liên hệ chính yếu là *Tam Tài*: Thiên Địa Nhân. Mỗi tài mở vào một hội trong 12 chi:

- *Thiên Khai ư Tí:* Trời mở vào hội Tí.
- *Địa tịch ư Sửu:* Đất dựng vào hội Sửu.
- *Nhân sinh ư Dần:* Người sinh ra hội Dần.

Theo Kinh Dịch thì: *Tam dương khai thái:* ba hào dương ⚌ trong quẻ *Thái* ䷊ (3 âm 3 dương) mở vận hanh thông, là vì bao gồm cả *trời* (càn ☰) và *đất* (khôn ☷). Quẻ Thái thuộc về tháng giêng, mở đầu cho một năm.

Cũng theo Kinh Dịch thì: quẻ Phục ䷗ thuộc về tháng 11. Quẻ Lâm ䷒ thuộc về tháng 12 (chạp). Quẻ Thái ䷊ thuộc về tháng 1 (tháng giêng). Quẻ Phục chỉ có 1 hào dương, quẻ Lâm có hai hào dương, quẻ Thái có 3 hào dương.

Muốn chọn ngày lành tháng tốt, giờ hên thì phải có *Lịch*. Làm lịch là nhiệm vụ của *Khâm Thiên Giám*, do những vị túc nho, giỏi về Toán Học và Lý Số điều khiển.

Đúng một tháng trước Tết, nghĩa là nhằm ngày mồng một tháng chạp, Bộ Lễ phải tổ chức *Lễ Ban Sóc* nơi sân điện Thái Hòa để Vua ban lịch mới cho văn võ bá quan, hạng đường quan tam phẩm trở lên, hay là tương đương đối với võ quan, và cho cả hoàng thân quốc thích. Lịch ấn hành có hai loại: một loại cỡ lớn, có đóng đại ấn thì để ban cho đường quan, một loại nhỏ và mỏng, có đóng ấn thường, thì để ban cho thuộc quan. Việc ấn loát thì do Khâm Thiên Giám phụ trách, còn việc đóng ấn thì do Bộ Lễ phụ trách.

Người ta kể lại rằng: Dưới thời vua Duy Tân, không nhớ năm nào, trong buổi hành Lễ Ban Sóc, các quan đang quỳ lạy nhà Vua thì trời đổ mưa. Theo đúng nghi lễ thì dù mưa to cách mấy, các quan cũng không được nhúc nhích, nếu không có lệnh của nhà Vua. Lần này tuy chưa có lệnh nhà Vua mà các quan đã tự ý chạy vào núp mưa. Vua Duy Tân cũng chưng hửng, chưa biết nghĩ sao, thì liền đó có một vị đường quan là Cụ Võ Hoành, Tham Tán Văn Phòng Hoàng Đế, quì xuống trước mặt nhà Vua tâu xin Hoàng Đế tha tội cho mọi người, vì trường hợp cấp bách, bất khả kháng. Vua Duy Tân nở một nụ cười, xem như không có gì cả và truyền giải tán, ai về Bộ nấy mà chăm lo công vụ cho dân được nhờ.

Lễ Ban Sóc lấy ý nghĩa trong chữ *Sóc* là ngày mồng 1, *Vọng* là ngày rằm (15) trong

mỗi tháng. Theo tín ngưỡng dân gian thì trong mỗi tháng có 3 ngày kiêng xuất hành là: mồng 5, 14, và 23, theo phương ngôn:

Mồng năm, mười bốn, hăm ba
Đi chơi cũng lỗ lọ là đi buôn.

Tuy nhiên, vẫn có những lễ lược được cử hành vào ngày mồng 5, như *Lễ Đoan Ngọ*, mồng 5 tháng 5, để tưởng niệm nhà thơ Khuất Nguyên của nước Sở, và *Lễ Táo Quân*, ngày 23 tháng chạp, đưa ông Táo về trời, làm phúc trình một năm hoạt động của loài người nơi hạ giới.

Cho tới ngày 30 tháng chạp thì quan Hữu Ty thiết *đại triều* ở điện Thái Hòa, *thường triều* ở điện Cần Chánh. Ở khoảng giữa hai điện này, có trồng hai hàng *Ngô Đồng* (Pawlonia platanifolia), cứ xuân đến thì nở hoa màu đỏ, cánh nhỏ, trông thật xinh. Sở dĩ vua ta quí trọng mà trồng cây Ngô Đồng là nhờ lời Kinh Thi:

Ngô Đồng sinh hỉ, vu bỉ triêu dương.

Nghĩa là: Cây Ngô Đồng sinh ở phía mặt trời mọc kia! Lại còn truyền thuyết nói rằng: chim phụng hoàng chỉ đậu trên cành cao của cây Ngô Đồng, như diễn tả trong mấy câu thơ của Tản Đà:

Chậu nước trong xanh lơ lửng con cá vàng
Cây ngô cành bích con chim phượng hoàng
nó đậu cao.

Với biểu tượng của chim phụng hoàng, chúng ta chính thức bước vào thềm năm mới với hồi trống lớn đầu canh 5, giờ Dần. Trống nghiêm hồi thứ nhất: viên Quản Vệ giàn bày cờ quạt nghi trượng theo đúng nghi thức. Trống nghiêm hồi hai: các quan văn võ phẩm phục vào chực sẵn trong điện Thái Hòa.

Sắp sửa rạng đông, trống nghiêm hồi thứ ba: trên Kỳ đài kéo quốc kỳ lên cao 80 thước, ngang với đỉnh Ngự Bình, cùng với các sắc kỳ khánh hỉ. Quan Khâm Thiên Giám báo giờ: vua đội mũ cửu long, mặc áo hoàng bào, cầm hốt trấn khuê ngự ra điện Cần Chánh. Quản vệ quì tâu: "Xin Thánh Thượng ngự lên xa giá". Vua lên kiệu. Ban tiểu nhạc cử nhạc. Quân Túc Vệ và Ngự Lâm cầm cờ quạt, nghi trượng rước vua sang điện Thái Hòa. Trên lầu Ngọ Môn nổi chuông trống. Vua ra cửa Đại Cung Môn, tới hiên phía bắc điện Thái Hòa xuống kiệu. Đại nhạc trổi. Trên thành, phía Tây Nam, phát 9 tiếng súng thần công. Vua tiến vào điện Thái Hòa đến ngai vàng ngự tọa. Đại khái như thế, còn bao nhiêu nghi lễ phức tạp còn lại của thời xưa. Chỉ nên thêm rằng: có tờ Chiếu của nhà vua được rước từ điện *Thái Hòa* ra tới *Phu Văn Lâu* (lầu phô bầy văn kiện), nơi đây có dựng hai tấm bia: *Khuynh cái - Hạ Mã* (Nghiêng lọng - Xuống ngựa). Từ đó nhìn ra sông Hương có *Nghinh Lương Đình*, là nhà hóng mát của vua. Sau 3 ngày, quan Hữu Ty triều phục đến trước Phu Văn Lâu, lạy 5 lạy, lấy tờ Chiếu trên bảng, cuốn bỏ vào ống kim phụng, đặt lên kiệu, cùng binh sĩ, nghi trượng rước về Bộ Lễ, giao cho viên Quản Lý Văn Thư cất giữ.

Mồng 5 tết, trong cung nhà vua có bày tiệc *Khai Hạ*. Từ quan chí dân đều đi chùa, viếng đền đài, vườn hoa và thắng cảnh trong địa phương.

Cũng trong mấy ngày đầu tháng giêng, nơi điện Chánh có *lễ Phất Thức*, tức là lễ quạt bụi, lau chùi các ấn ngọc, ấn vàng, kim sách, ngân sách (một loại gia phả của nhà vua), bửu tỉ, phù tín. Rửa với nước hoa thơm, lau chùi với khăn đỏ. *Phù tín* là vật tin mà giống nhau (phù, phù hợp), thường là tượng con cọp bằng vàng (kim hổ) cắt làm đôi, hai mảnh bằng nhau. Theo giáo sư Bửu Cầm cho biết thì công dụng của phù tín là lúc ban đêm, hoặc khi có biến cố, vua mang theo một nửa, còn trao lại một nửa cho người thân tín (vợ, con... chẳng hạn), khi vua trở về, thì đem hai mảnh so với nhau mà phù hợp thì tin chắc là không có sự giả mạo, tráo người, tráo lệnh.

Ngoài ra, vào cuối mùa đông, Bộ Lễ phải tổ chức *Lễ Lập Xuân* để mở đầu năm mới, ban ân huệ cho dân chúng, tiếp đến là *Lễ Tiến Ngưu* tế thần *Câu Mang*, còn đầu năm có *Lễ Tịch Điền*, cầu cho mưa thuận gió hòa, mạ xanh lúa tốt. Trong Lễ Tiến Ngưu có nắn tượng trâu đất, để cho một vị quan quất tượng

trưng 3 roi, để răn dạy trâu lo cày bừa. Trong Lễ Tịch Điền, thì ngày xưa, chính nhà vua đích thân xuống ruộng cày ba luống, nhưng sau này thì vua ủy quyền cho một vị quan thực hiện việc canh tác thay cho mình. Thần Câu Mang tức là mục đồng cỡi trâu ra đồng ruộng. Tới triều Khải Định thì không nắn tượng trâu bằng đất nữa, mà vẽ hình trâu và mục đồng trên lụa tốt.

Đến đời Minh Mạng thứ 8 (1827), vua ban dụ có câu: *"Theo ý Trẫm, các quan tỉnh Thừa Thiên đã chọn đất ở hai phường Hòa Thái và Ngưỡng Trị để cử Lễ Tịch Điền, từ nay sẽ định vào tháng thứ hai mùa hạ"*, tức là tháng 5 âm lịch.

☆ IV.- Tết Nơi Dân Dã.

Trước khi rời chốn cung điện nhà vua, chúng ta nhìn lại Ngọ Môn cửa chính của Hoàng Thành, một kiến trúc cổ điển nguy nga, tráng lệ, có thể nói là đẹp nhất và tiêu biểu nhất, đối ba cửa kia tên là Hiển Nhơn, Chương Đức và Hòa Bình. Ngọ Môn nhìn về hướng Nam cũng như tất cả cung điện trong Đại Nội, là vì theo quan niệm cổ truyền Á Đông, hướng Nam là hướng thuận lợi nhất, cho nên các vị Đế Vương ngồi xây mặt về hướng Nam, theo Kinh Dịch:

Thánh nhân Nam diện, nhi thính thiên hạ.

Nghĩa là: bậc thánh nhân (vua) ngồi xây mặt về hướng Nam để nghe thiên hạ, để hiểu rõ dân tình.

Sở dĩ gọi là Ngọ Môn là lúc mặt trời lên đúng thiên đỉnh (zénith), cao nhất trên trời. Vua là bậc trí tôn, nên mới ví với mặt trời lúc đúng ngọ, và Ngọ Môn là cửa chính giành cho vua. Ngọ Môn có 5 cửa: 3 cửa giữa và 2 cửa hông. Phía trên là *lầu Ngũ Phụng (5 giống phụng ngũ sắc khác nhau), gồm có 9 nóc lầu, có tầng gác, chính giữa lợp ngói hoàng lưu ly, hai bên lợp ngói thanh lưu ly. Nên chú ý là từ đây trở vào hướng Bắc, tất cả cung điệu đều lợp ngói lưu ly, tức là ngói cong (âm và dương) kết nhau, tráng men hai màu, ngói vàng nơi mái giữa, ngói xanh hai bên, như cửa Ngọ.*

Ngói lưu ly cũng gọi là *ngói ống* (tuile canelée). Muốn làm thứ ngói này, người ta dùng gỗ tròn để làm khuôn, lấy đất sét thật nhuyễn in thành miếng ngói cong, sau đó người ta lấy chất bột đá xanh (gọi là biển thanh thạch) và bột đá màu vàng (gọi là biển hoàng thạch) làm chất men keo tráng lên ngói, rồi mới sắp ngói vào hầm đốt cho chảy đều, láng mặt và khô cứng lại. Nhờ sự đốt chảy chất men đó, mà viên ngói sẽ trơn láng và sáng ngời như ngọc lưu ly, một thứ ngọc quí danh tiếng thời xưa.

Nơi dân dã ngày nay, còn truyền tụng mấy câu hò ca tụng Ngọ Môn với một năng khiếu quan sát rất tinh tường:

Ngọ Môn năm cửa chín lầu
Cờ cao ba cấp, Phu Văn Lâu mấy tầng?

*

Ngọ Môn năm cửa chín lầu,
Đế Vương tạo lập cho công hầu vô ra.

*

Ngọ Môn năm cửa chín lầu;
Một lầu vàng, tám lầu xanh
Ba cửa thẳng, hai cửa quanh
Thân em là phận gái
Chớ hỏi chốn Kinh Thành mần chi!

Trước cửa Ngọ Môn có một đám cỏ rộng lớn như một tấm thảm xanh trải ra tới chân Kỳ Đài. Nơi đây là *giao điểm giữa Vua và Dân*, là nơi tập họp quần chúng để nghe những lời huấn dụ của nhà vua. Chính ở nơi này, vào ngày 25 tháng 8 năm 1945, mấy

chục ngàn dân kinh đô Huế đã ngậm ngùi nghe vua Bảo Đại tuyên cáo thoái vị, để nhường quyền cho một chính thể Cộng Hòa Nhân Dân Xã Hội. Và cũng chính nơi này, vào đầu tháng 5 năm 1949, nhân dân lại tập họp để đón tiếp Quốc Trưởng Bảo Đại trở về nắm lại vận mạng quốc gia.

Từ đó tới nay, biết bao biến cố đã xảy ra trên đất nước và trong lòng người bị giao động không ngừng, bên cạnh những thành quách rêu phong và những thảm cỏ trở thành hoang dại. Những người luống tuổi ngậm ngùi nhớ lại những thời vàng son, đèn nến sáng choang, cờ xí tung bay trên lầu Ngọ, pháo đốt tưng bừng từ giờ Tý canh ba cho tới sáng ngày Nguyên Đán, từ chốn Kinh Thành trang nghiêm ra tới phố phường đông đúc.

Từ cửa Đông Ba ra tới bến đò Gia Hội, từ thôn Vĩ Dạ lên tới Vạn Kim Long, từ sông An Cựu nắng đục mưa trong cho tới núi Ngự Bình trước tròn sau méo, một bầu không khí mới mẻ vui tươi, tràn đầy hương sắc, đem lại cho Cố Đô một quang cảnh khác thường, như là được mô tả trong bài thơ sau đây:

Hoa pháo chào xuân đón Tết sang,
Trước sân oanh yến cợt mai vàng.
Xui lòng nhớ cảnh mờ trăng Ngự
Chạnh tưởng thương tình mộng nước Hương.
(Thiếu Mai Lê Thanh Cảnh).

Nơi xứ Huế, nhà nào cũng có sân, có vườn, có rào giậu xanh tươi, kín đáo, ngăn che nếp sống bên trong như có sự e dè, tự trọng. Phải chờ đến Tết mới thấy mọc lên cây nêu kiêu hãnh, với bùa phép thần diệu tứ tung ngũ hoành, một loại "radar" để khu trục tà ma quỉ quái!

Từ nửa đêm sau *Lễ Giao Thừa*, nhà nào cũng phải trang trí tốt đẹp để đón chào năm mới và người *xông đất* được coi như vị sứ giả đem sự may mắn, hay là rủi ro không chừng! Vì lẽ đó, vị sứ giả này đã được lựa chọn từ trước, sau khi đã cân nhắc về nhân phẩm, đức hạnh, chức tước, của cải, con cháu đầy đàn, cũng như về tính nết, niên vận, khi cầu khẩn người xông nhà đầu năm.

Cùng với đặc lệ kể trên, người dân Huế rất chú trọng đến việc *xuất hành*, ngày giờ và hướng đi, cũng như thân thế của người mình gặp đầu tiên lúc ra khỏi nhà sẽ có ít nhiều ảnh hưởng trong tương lai.

Khởi sự đầu năm, ai nấy ăn mặc bảnh bao, rồi thì con cháu cung kính chúc tụng ông bà, cha mẹ và được ban thưởng *lì xì* (lợi thị) đựng trong những bao đỏ, là màu sắc hảo hên. Sau đó thì đến lượt bà con cô bác, thân bằng quyến thuộc đi thăm viếng và chúc tụng lẫn nhau.

Trong những ngày đầu năm, mọi người phải cố gắng cẩn trọng lời ăn tiếng nói, tránh điều xích mích, *chín bỏ làm mười, dĩ hòa vi quý*. Chớ đánh vỡ bát chén mà đổ bể suốt năm! Chớ khâu vá mà vất vả quanh năm. Không quét nhà vì sợ đưa Thần Tài ra cửa. Đồng thời, người ta tránh nói những chữ thô tục và gọi tên chó mèo khỉ lợn, nghe nhột tai.

Người dân Huế cũng không quên cúng *Thành Hoàng*, cúng *Tiên Sư* bảo trợ cho nghề nghiệp. Họ cũng cung kính làm lễ *Khai bút, Khai ấn* với văn phòng tứ bửu, mong sao nghề nghiệp được thăng tiến vinh quang.

Lại có người tập trung tư tưởng, khấn niệm, rồi mở *Kiều* ra xem một vài đoạn, tìm kiếm ý nghĩa ẩn náu bên trong, để hành động cho tương xứng. Kiều là một quyển Kinh bằng thơ lục bát, chứa đựng tất cả trường hợp và tâm tình, từ giản dị đến éo le, phức tạp nhất trong một đời người. Kiều là một thi phẩm siêu đẳng, vô tiền khoáng hậu. Kiều là tinh hoa, là siêu phẩm trong kho tàng văn chương nhân loại.

Sau khi đã làm xong các nghi thức và bổn phận, người dân Huế được phép tiêu khiển, ăn chơi trong nhà, hay là ngoài chợ phố, đình làng và trên sông. Trong nhà thì chơi bài (tứ sắc, tổ tôm, bài tây, bài kiệu...), đổ xâm hường trong bát sứ thời xưa, may ra bốc được trạng nguyên, bảng nhỡn...

Ra ngoài phố phường thì họ chơi sóc đĩa, đánh me, đánh lú, chọi gà và đá cá lia thia... Có người rủ nhau đi xem *hát tuồng*: cải lương, hát bội, xi nê... gọi là *bói tuồng* để tiên đoán hên xui trong năm. Nhưng cái trò chơi hấp dẫn nhất và vui nhộn nhất là *bài chòi*, hay là

bài tới, có hô rao bài thai, câu đố ám dụ, chứa đựng điển tích, văn chương, chữ nghĩa. Lại thêm có trống lớn, trống nhỏ khao mừng thắng trận, cờ phất tới tấp nơi chòi cao. Hãnh diện khi bài tới với ông Thang (Thái Tử), ông Lão (ông ầm). Ôm bụng mà cười khi bài tới với Cái Huê (Bạch Tuyết), với Nọc Đượng (Con Sam)...

Đây là bài thai **Con Gối** (Nhất văn):

Đầu năm, mười một chòi lẳng lặng mà nghe:
*Đêm nằm **gối** ấm không êm,*
*Gối lụa không mềm bằng **gối** tay em*
*Là con Gô... ô... ôi... **gối**.*

☆ V.- Du Xuân Thuận Hóa Qua Ca Dao.

Đất Thần Kinh tự thuở nào vẫn là nơi hấp dẫn và qui tụ tao nhân mặc khách, đồng thời là nguồn cảm hứng vô tận của thi nhân, nghệ sĩ, không ngớt ca tụng những cảnh trí mỹ miều, sơn thanh thủy tú, những chùa chiền miếu vũ, những lăng tẩm của các vua xưa, được kiến tạo công phu và mỹ thuật khắp các đồi núi bao quanh thành Huế, dọc theo đôi bờ sông Hương cho tới dãy Trường Sơn hùng vĩ:

Bốn bề núi phủ mây phong,
Mảnh trăng thiên cổ bóng tùng Vạn Niên.

Đầu năm vẫn là dịp tốt để người sống tưởng nhớ người chết đang an nghỉ nơi âm u của núi rừng. Từ những mái ngói rêu phong, hương trầm và khói nhang không ngớt tỏa ra với anh linh các bậc tiên đế, kẻ ít người nhiều trong quá khứ, đã góp sức với dân ta trong mồ hôi nước mắt, để xây dựng giang sơn, mở mang bờ cõi.

Giới cảnh của người quá vãng được nối liền khu vực nhân sinh tràn đầy nhựa sống bởi con sông Hương thơm mát mà Cụ Vân Bình Tôn Thất Lương đã khéo mô tả trong bài thơ sau đây:

Cỏ thơm có giống thạch xương bồ,
Sanh ở hai nguồn tả hữu trạch;
Hơi thơm dầm nước trong veo,
Hợp thành sông thơm chảy róc rách.
Quanh co rộng hẹp vài muôn sải
Thấm mát ruộng vườn gành với bãi
Êm đằm theo dọc tỉnh Thừa Thiên
Chảy về Thuận An ra Đông Hải.

Hai bên bờ tả hữu trạch sông Hương mọc giống cỏ *"Thạch Xương Bồ"*, cũng gọi là *"Ngoại Xương Bồ"* (acorus gramineus) là vị thuốc trường sinh, có mùi đặc biệt, hoa và củ thấm vào nước sông trong vắt mà tạo nên phương danh sông Hương.

Màn đêm từ từ xuống trên sông Hương và đồng thời hàng ngàn vạn ngọn đèn dầu cũng bắt đầu lóe lên, như một đám sao lớn trên giải Ngân Hà. Kẻ chài kẻ vạn thi nhau *phóng đăng* trên khắp mặt nước với ghe thuyền trôi nổi bềnh bồng, nhạc trổi lên như tạo nên một cảnh thần tiên cho Cố Đô thơ mộng ngàn đời. Từ đầu năm, ta đã cảm thấy như đang sống trong một giấc mơ, phiêu diêu trong một thế giới huyền ảo...

Đâu đây vọng lại câu hò tiếng hát trầm bổng của ca nhi trong bài **Nam Xuân**, nhịp nhàng với thuyền lan chèo quế:

Nhắn nhe vườn hạnh, ngồi chờ chim xanh,
Khéo đưa tình,
Đưa tình đưa lại cho ta, lại cho ta,
Trót đã nặng mà!
Đã gần, xin bạn đừng xa,
Sớm đào tối mận lân la,
Trước còn trăng gió, còn trăng gió,
Sau ra đá vàng.

Thuyền lan chèo quế sẽ đưa khách du xuân đi từ *"bến chợ Đông Ba tiếng gà eo óc, bến đò Thọ Lộc tiếng trống sang canh"*, lòn qua *"cầu Tràng Tiền sáu vài mười hai nhịp, em qua không kịp tội lắm anh ơi"*, lần tới bến đò Thừa Phủ đối diện với Phu Văn Lâu và Cột Cờ Thành Nội bị bao lần vất vả phế hưng vì thời cuộc, rồi từ đó chúng ta sẽ tiến về cầu Bạch Hổ, xóm Nguyệt Biều thơm ngát mùi hoa cam hoa bưởi, rồi lần tới *"Văn Thánh trồng thông, Võ Tánh trồng bàng - Ngó xuống Xã tắc hai hàng mù u"*, thẳng tới Chùa Thiên Mụ là cảnh trí đẹp nhất của Đế Đô, với: *"Tháp*

bảy từng, Thánh Miếu Chùa Ông - Chuông khua Diệu Đế, trống rung Tam Tòa"... Sau hết, du khách sẽ về nguồn mà chiêm ngưỡng lăng tẩm các bậc Tiên Đế, tọa lạc trên đồi cao rừng rậm, với ngọn *"gió thổi ngọn cây, suối reo hang đá"*, tạo thành một *"bức cảnh thiên nhiên tuyệt đẹp, ghép thêm một bức ảnh nhân tạo tuyệt vời"* (Phạm Thượng Chi).

Trời đã hừng sáng trên giòng Hương với hồi chuông ban mai của Chùa Thiên Mụ, hồi chuông vỗ về và cảnh tỉnh thế gian. Trên đường cái quan, cô lái đò không theo kịp chàng trai là lẽ thường. Còn đây, chính giữa dòng Hương, đôi mái chèo đã gặp và tình đã trao đổi trong câu hát, điệu hò, thế mà mối tình ngang trái cũng đành ngược xuôi đôi ngả:

Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược,
Nước chảy ngược, con cá vượt lội ngang.
Thuyền em xuống bến Thuận An,
Thuyền anh lại trẩy lên ngàn em ơi!

Chèo ngược chèo xuôi quanh năm suốt tháng, rồi cũng có ngày hoàng đạo đầu xuân, may mắn gặp được duyên lành, cùng nhau cặp bến, trong nhờ đục chịu, trong số mười hai bến nước của xã hội ngày xưa: công hầu khanh tướng, sĩ nông công thương và ngư tiều canh mục:

Dãy dọc tòa ngang giàu sang có số,
Kim Luông Nam Phổ nước đổ về Sình,
Đôi đứa mình nặng nợ ba sinh,
Cùng chèo một chiếc thuyền tình cho vui!

Rời dòng Hương, du khách lên bờ rảo bước về phía Nam Giao để chiêm ngưỡng đàn tế Trời tròn vuông hòa hợp, thơm ngát phấn thông vàng. Du khách sẽ quay về cánh đồng An Cựu xanh mướt lúa thơm:

Tôm rằn bóc vỏ bỏ đuôi
Gạo de An Cựu em nuôi mẹ già.

Qua khỏi khúc *"Quẹo dầng xay"* thì đến *"Cống Thác Lác"* là nơi xưa kia bà Từ Dũ đã đem loại cá thác lác từ trong Nam ra thả cách hơn một thế kỷ và từ đó giống cá này đã sinh sản nhiều vô số. Bà cũng biểu cậu Miên Thẩm (Tùng Thiện Vương) chăm sóc giống cá ấy và những cây măng cụt từ Nam đưa ra.

Rời An Cựu, du khách thưởng xuân đi về Dạ Lê, Thanh Thủy, Thanh Toàn, khắp nơi trưng bày phường môn, đối liễn, hoa cúc, hoa mai, hoa vạn thọ, chen lẫn với trai thanh gái lịch từ thôn quê lũ lượt về Kinh, hay là từ thị thành về quê thăm thân quyến, khiến du khách nhớ lại ca dao:

Hồ Tịnh Tâm giàu sen bạch diệp,
Đất Hương Cần ngọt quít thơm cam,
Ai về cầu ngói Thanh Toàn,
Chờ em về với một đoàn cho vui.

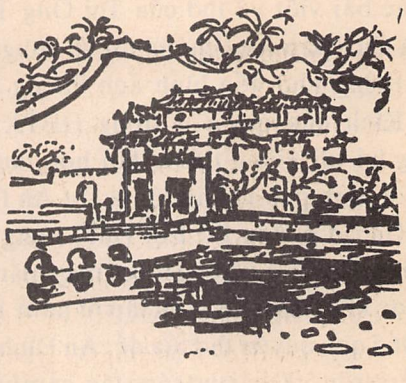

Trên kia là đôi nét chấm phá, mô tả cảnh Tết Cố Đô Huế thời vàng son, chưa bị chiến tranh tàn phá. Từ đó đã hơn 40 mươi năm rồi tôi chưa trở về quê hương. Nay chỉ còn giữ lại những hình ảnh mờ phai với năm tháng, với phong sương:

Đâu rồi dãy phố hoàng mai ấy?
Trời ba bữa nắng bốn đêm mưa,
Đâu dáng thùy dương, thành quách cũ?
Đâu tà áo lụa Đế Đô xưa?
Sóng xô một buổi tàn khuê các,
Khói dậy vài phen nát liễu bồ!

(Thụy Khanh)

Paris (Chiêu Anh Các)
Nguyên Đán Ất Hợi 1995

○ **Hương Giang Thái Văn Kiểm**

Thơ của Cụ An Đình Trần Kinh
(1888-1966)
trong Hương Bình Thi Xã

Trần Thị Cẩm Tuyến

Đọc Tuyển Tập Nhớ Huế 1994-1995, qua các bài viết về thơ của Thi Ông Thúc Giạ và Cụ Thảo Am, chúng tôi vô cùng xúc động, tưởng nhớ đến hình ảnh Phong Nho Thân Kính của quý Cụ trong HBTX, đã thường lui tới viếng thăm, hội họp, xướng họa, với thân phụ chúng tôi là Cụ An Đình Trần Kinh ở đường Lê Lợi Huế, trong các thập niên 50 và 60. Chúng tôi có may mắn lưu giữ được khá nhiều thơ sưu tập từ năm 1925 đến 1965 qua quyển thơ tựa đề: An Đình Thi Tập gồm trên 500 bài thơ sáng tác, cảm hứng, xướng họa ... Giới hạn trong bài này, chúng tôi xin chọn vài vần thơ phản ảnh nguồn cảm hứng của thân phụ chúng tôi qua thế sự thăng trầm , cùng những kỷ niệm vui buồn với quý Thi hữu trong HBTX.

Xuân Tân Mão (1951)

Tưởng năm Tân Mão có gì vui,
Té cũng xuân kia tới với lui,
Cọp mới hung hăng lìa khỏi ngõ,
Mèo đà rón rén, chực trên rui.
Vô ra thôi cũng loài nanh vút,
Khao khát lâu nay miếng béo bùi.
Tết nhứt, chiên xào nhiều cá thịt,
Ngao! Ngao! Chi khỏi mỡ nhoèm ui!

Bài này cùng với nhóm HBTX dự cuộc thi thơ do Liên Thành thi-xã Phan Thiết tổ chức. **Đề:** Mèo tới, Cọp lui. **Vận:** Lui. Hội đồng khảo thí do Cụ Thúc Giạ chủ tọa đã chấm giải nhất, Bình hạng (12 khuyên).

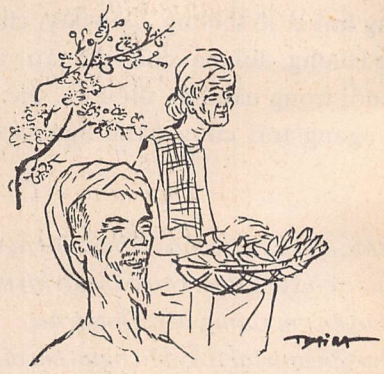

Qua bài vịnh **Tết Nhâm Thìn (1952)** có mấy câu:

.....
Mèo ngao xó bếp nghe đà chán,
Rồng lượn trên mây, khéo đặt bày!
Nêu chẳng thấy trồng, tre thấy đốn,
Pháo không nghe đốt, đạn nghe bay!
.....

Gợi cảnh quê hương đang bị tàn phá bởi chiến tranh.

Các bài sau đây có ý trào lộng thời cuộc loạn ly, xã hội văn minh Âu Á lẫn lộn...

Hoa Sen Cắm Bình Vỏ Mọt-Chê (1953)

Cảm vịnh:

Bình sen, kiểu mới lạ chưa tề,
Nhìn kỹ, ờ ra vỏ mọt-chê.

Cạnh đỏ, tua vàng, xem vẫn đẹp,
Dáng bom, hình đạn ngó mà ghê!
Hoa kia ví biết nhường nông nổi,
Sắc nọ, e chừng phải ủ-ê!
Một lọ danh ba, chưng trước án,
Buồn vui, chi khéo gợi lòng quê!

Hý vịnh:

Khen ai khéo kết cái bu-kê (Bouquet)
Đem cắm vào bình vỏ mọt-chê (Mortier)
Búp nở mấy chồi hình cát-tút (Cartouche)
Tía hồng đủ vẽ tựa phuy-dê (Fusée)
Hương trời, ai lại không công-tắng (Content)
Sắc nước, lòng nào chẳng tút-sê (Touché)
Uống rượu xem hoa, chơi cũng sít (Chic)
Thảo nào lắm bạn muốn đăng-xê (Dancer)

Xe Xích Lô (1954)

Ai khéo xích lô chế kiểu xe
Thay cho "bút-bút" ngụy chưa tề! (1)
Cong lưng ráng sức hai chân đạp,
Nạt chúng ra uy mấy tiếng: Ê!
Làm ngựa, trước đà xem quá chán,
Lên yên, nay cũng ngó ra bề.
.....

(1) Bút-bút = pousse-pousse = xe kéo.

Trung Thu Mậu Tuất (1958)

Gặp tiết trung thu, nhớ chị Hằng
Khiến người ngoạn nguyệt, những băn khoăn.
Muốn theo Bút-nít (Spounick) lên cung quế.
Cậy có Lai-Ka (chó Laika) dẫn lối đàng!
Nhưng mới nghe đâu tàu chết máy
Nên đành hoãn lại cuộc chơi trăng!
.....

Trời, (Nói thay ông Trời) (1958)

Ngó xuống trần gian, quái lạ thay,
Hung hăng toan tính chuyện gì đây?!
Thủy lôi, phi đạn lung tung nổ,
Hỏa tiễn, hành tinh, rộn rịp bay.
Đem đất cung trăng ra đấu giá, (1)
Chiếm nơi không phận, chực chia tay. (2)
Bán trời rõ thật không văn khế,
Chẳng sợ ai thưa, chẳng sợ rầy!

(1) Theo các báo thời đó: Nhật Bản mở một ngân hàng bán đất trên mặt trăng.

(2) Liên hiệp quốc thảo luận giới hạn trên không trung. Cũng nhờ qua thi thơ xướng họa, quý cụ đã ghi lại một cách thần tình rất nhiều diễn tiến trong xã hội, từ phạm vi nhỏ hẹp của cá nhân, gia đình, bạn hữu, qua các bài Vịnh Xuân, Mừng Sinh Nhật, Chúc Thọ, Hỷ Tín, Ai Điếu..., đến họa chiến tranh của nước nhà, thời thế đổi thay... cũng như chuyện phát minh khoa học trên thế giới...

*

Có một lần không nhớ rõ là thân phụ tôi hay một cụ trong HBTX đã vịnh **Thống Chế Pétain** qua bốn câu thơ, lời giản dị nhưng tứ rất thâm trầm, chỉ nghe qua một lần là nhớ mãi:

Cứu quốc xưa kia tiếng nổi thời,
Mà nay bán nước, cũng ông thôi!
Sao không chết sớm tròn danh tiết,
Đa thọ chi thêm nhục để đời! (1)

Học sinh thời trước đó ai mà không thuộc lòng bài Marseillaise hát mỗi sáng trong lễ chào cờ, tiếp theo là suy tôn:

Maréchal! Nous voilà ....

(1) Ông Henry Philippe Pétain (1856-1951) trong thế chiến thứ I là một vị anh hùng nổi danh của nước Pháp, được suy tôn và vinh thăng chức Thống Chế. Nhưng qua thế chiến thứ II thì ông bị kết tội phản quốc thân Đức. Ông Pétain chết trong tù lúc 91 tuổi.

*

Năm 1925 Cụ An Đình có xuất bản một tập thơ tựa đề: Quảng Bình Địa Dư tiện đọc. Soạn cho Học sinh Tiểu học. Tập thơ này gồm 12 bài, mô tả: Địa thế - Núi - Sông - Khí hậu ... - Phong tục - Danh nhân - Cổ tích. Biên soạn, dẫn giải rất công phu. Trong thời gian nhậm chức Đốc Học tại các tỉnh, thân phụ tôi đều có thơ ghi lại các di tích lịch sử tại địa phương.

Ví dụ:

Tại Quảng Bình thì có các bài:

— Động Đông Pha.

— Sông Gianh Hoài Cổ.

— Lũy Trấn Ninh Hoài Cổ (lũy Thầy Do Cụ Đào Duy Từ xây đắp).

Tại Bình Định có bài:

— Chùa "Ông Núi" (Linh Phong Tự).

— Sông Lại Giang (Sông Bồng Sơn).

Tại Nghệ Tĩnh có kỷ niệm viếng thăm các thắng cảnh:

— Đền Chào ở Sơn Triều.

— Lâm Thành Phế Lũy ở Đèo Ngang.

— Vũng Chùa.

— Phong Cảnh Núi Nài.

— Núi Nam Giới và Đền Chiêu Trưng tại Cửa Sót.

Tại Quảng Ngãi thì có:

— Quảng Ngãi Thập Cảnh (Thiên Ấn, Thiên Bút, Cổ Lũy Cô Thôn...).

— Biển Sa Huỳnh.

Và tại Bình Thuận thì viếng cảnh:

— Lầu Ông Hoàng (Duc de Montpensier)

— Lăng Thái Giám và Tháp Chàm.

Trở lại thập niên 50 là thời gian quý Thi Ông tại đất Thần Kinh có nhiều kỷ niệm đáng ghi nhớ. Nhờ bài thơ **Kỷ niệm Nhất-Chu-Niên Làng thơ Hương Bình** mà chúng tôi biết được HBTX thành lập vào năm 1951.

Giữa tiệc chu niên, họp đủ làng,
Thi đề kỷ niệm tiếng chuông vang.
Xuân Thu tính chẵn mười hai tháng
.....
Thi hồn quốc vận, giây liên hệ,
Suy thịnh xưa nay... khỏi phải bàn.

Nhâm Thìn 1952. Cũng trong năm 1951 quý cụ xôn xao làm thơ mừng lễ sanh Điếu Cụ Thúc Giạ. Bài của Cụ An Đình như sau:

Câu đối:

Rượu tỉnh thơ say, cốt cách thần tiên, tình
Thúc Giạ.
Trăng trong gió mát, tiêu diêu non nước, thú
Vương Tôn.

Thơ:

Sanh tặng bao phen đủ cả rồi,
Phen này sanh-điếu, thử coi chơi.
Thềm rồng chín bậc, lên hơn tám,
Tuổi hạc mười mươi, thiếu cợ vài.
Chén thọ nay xin dâng trước án,
Văn ai, sau khỏi tế cho ruồi.
Thơ tình Thúc Giạ, tay lần giở,
Lai láng tình xưa, chuyện khóc cười!

Ca trù:

Đại Đức Giả Thọ.
.....
Văn học uyên thâm, nhà sẵn nếp,
Tài ba lỗi lạc tiếng đồn xa
Mấy mươi năm, bể hoạn xông pha
Khi Hồng sơn, khi Lệ thủy
Khi Đông Hải, khi Bắc Hà
.....
Chốn Lộc đình, chén rượu câu thơ
Tuổng Lộ Địch, đào tơ xướng hát
.....
Phong lưu ai dễ tày Ông!

Kỷ niệm xướng họa về cụ Thúc Giạ thật nhiều không kể xiết, qua các bài:

— Trùng Cửu Ất Sửu (Họa Nguyên Vần Thơ Cụ Thúc Giạ, Án Sát Quãng Bình)(1925).

— Viên đá ba sinh (1960) (mừng Cụ Thúc Giạ khỏi bệnh sạn thận.)

— Khóc điếu Thúc Giạ Tiên Sinh (1961)

— Đọc tiểu sử Ưng Bình do Cụ Phù Giang ấn soạn

— Họa bài "Kỷ niệm cha từ trần" của Cô Hỷ Khương (1961)

— Tiểu tường cụ Thúc Giạ (1962)

Kỷ niệm xướng họa với cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vi cũng khá nhiều.

Sau đây là bài họa nguyên vận của cụ Thảo Am.

Tám Mươi Ba Tuổi Tự Trào (1963)

Tính tuổi thì nay mới tám ba,
Chín mươi, thiếu bảy có bao là!
Cửu tuần ăn trước, vui cùng trẻ,
Bách tuế chờ sau, sợ quá tra.
Cam chỉ, cháu con bày chật tiệc,
Thi ca bạn hữu đọc oang nhà.
"Đăng quang" theo lệ thường thêm tuổi, (1)
Bắt chước mà chơi lễ thọ ta.

(1) "Đăng quang" là lễ tôn Vua lên ngôi. Theo lệ xưa một khi "Đăng quang" mà vua còn nhỏ tuổi thì Triều Đình dâng thêm một hay hai tuổi.

*

Nhớ lại thập niên 50, chúng tôi còn trong tuổi học trò nên còn ở cận kề phụ mẫu. Hội ngâm HBTX họp thường kỳ mỗi tháng do quý cụ thay phiên thết đãi, ngoài ra có những tiệc vui bất thường như Hiếu kỷ, Tân gia, Du lịch, hay nhà có hoa Quỳnh nở... quý cụ cũng ra đề tài mời xướng họa ngâm vịnh. Do đó cứ trung bình 3 đến 5 tháng thì chúng tôi có dịp phục vụ cho Hội ngâm một lần tại tệ xá. Trước ngày hội họp, các em trai chúng tôi có phận sự đạp xe đem thơ mời đến nhà: Cụ Thúc Giạ ở Vĩ Dạ, Cụ Thiếu Đào ở Đập Đá, Cụ Bích Hiên trong chợ Cống, Cụ Thảo Am bên Gia Hội, quý cụ Hòe Đình, Sa Minh, Mục Tử, Quỳ Ưu v.v.. Ngày hội họp, chúng tôi lo hầu tiếp rượu trà và được phép... lấp ló sau bức bình phong lóm nghe quý cụ xướng họa, ngâm vịnh. Không khí lúc nào cũng rộn ràng, sôi nổi. Đặc biệt những dịp có Cụ bà Trần Thanh Mại hoặc Cô Hỷ Khương ngâm vịnh thì thật là tuyệt thích! Tuổi già của quý cụ thật là nhàn nhã phong lưu. Lúc sắp về hưu, phụ thân chúng tôi có bài lưu giản:

Bể hoạn mừng nay đã đến bờ,
Thỏa lòng rày ước với mai mơ!
Gió xuân, mưa hạ, ơn đầm thấm,
Nước trí, non-nhơn, cảnh đợi chờ.
Đèn sách duyên ưa, khi tuổi trẻ,
Công danh đường rộng, lối năm xưa,
Rồi đây tùng cúc, ngày thong thả,
Bạn-tác vui vầy, thú rượu thơ.

Phụ thân chúng tôi ngoài thú rượu thơ, bạn tác vui vầy, còn thích trồng hoa kiểng và ngao du sơn thủy. Mở tiệc ngắm Quỳnh hoa nở vào đêm khuya thanh vắng, Cụ cảm tác:

Hoa xem đầu bạc chớ cười,
Biết chăng đầu bạc là người trồng hoa!

Những cuộc du lịch ngoại quốc được Cụ ghi qua bài thơ **"Thú Giang Hồ"**

Ca trù:

Văn phi sơn thủy vô kỳ khí,
Nhân bất phong sương vị lão tài.
Thú giang hồ, nào có riêng ai?
Vững tay lái cứ chèo bơi cho phỉ sức.
Ngoài ngàn dặm, Đông Tây Nam Bắc,

Nào Phù Tang, Lữ Tống, nào Vọng Các,
Nam Vang

.....

Thú hồ hải những bao phen mơ ước,
Lúc tuổi già, mà hưởng được cũng hay hay.

Đi cho biết đó biết đây. Qua thập niên 60, thi hữu HBTX lần lượt ra đi! Kỷ niệm qua các bài ai điếu sau đây:

Ai Điếu Hòe Đình Thi Hữu.
(1960)

.....

Bầu rượu hải hồ, chưa chuốc cạn,
Túi thơ phong nguyệt, nỡ vùi chôn!
Tôi đi Vọng Các, tôi về lại,
Bác viếng Sài Thành, Bác ở luôn! (1)

(1) Trong khi Cụ Hòe Đình vào Sàigòn chơi, thì Cụ An Đình đi du lịch Vọng Các. Sau đó về Huế được mươi ngày thì nghe tin Cụ Hòe Đình đã tạ thế ở Sài thành.

Ai Điếu Tống Nguyên Tiên Sinh
(1960)

Hết điếu Hòe Đình, điếu Tống Nguyên,
Làng thơ ngơ ngác hóa như điên!
Trong vòng ba tháng, đưa hai đám!
.....
Kẻ mất người còn gây nỗi nhớ,
Câu thơ chén rượu, gợi cơn phiền!

Ai Điếu Thúc Giạ Tiên Sinh
(1961)

Ơi Ông Thúc Giạ, hỡi ông ơi!
Nỡ bỏ Hương Bình, bạn chúng tôi!
Đem khối văn chương, chôn chặt đất,
Trút kho phong nguyệt ném tung trời!
Người về tiên cảnh vui bao nhỉ,
Kẻ ở trần gian, tẻ bấy thôi!
.....

Ai Điếu Thi Hữu Dương Chi
(1961)

Sáu mươi ba tuổi đã già chi?
Tiên cảnh về chơi, sớm quá ri?
Bởi chán trần gian, không muốn ở.
Hay thương Thúc Giạ, vội ra đi?
Người còn, kẻ mất, buồn bao nổi,
Chén rượu câu thơ, nhớ những khi!
.....

Thân phụ chúng tôi qua đời năm 1966. Nhiều bài Ai Điếu của Quý Cụ trong HBTX gởi đến phân ưu. Chúng tôi trân trọng lưu giữ trong tủ sách An Đình. Có mấy bài tuyệt tác chúng tôi kính cẩn chưng trên bàn thờ, những mong hồn thiêng của Cụ sẽ về thưởng thức ngâm vịnh với thi hữu như lúc sinh thời. Tiếc thay, mọi di tích kỷ niệm đều bị kẻ gian phá hoại trong biến cố 75! Tủ sách An Đình cũng như bàn thờ Tổ Tiên đều bị cướp phá tan tác! Để kết thúc, bài thơ Tình Non Nước sau đây diễn tả tâm tình chung của mọi người dân Việt đương thời! Hận đất nước bị chia cách! Mong ngày Hòa Bình Thống Nhất.

Tình Non Nước (1964)

Non cao vời vợi, nước xanh xanh,
Nọ nước, kìa non, gợi mối tình.
Chim hót đầu non, gây nỗi nhớ,
Trăng lồng đáy nước, rọi đêm thanh.
Trường Sơn một giải, ai chia rẽ?!
Hải thủy đôi bờ, hận giới ranh!
Thống nhất sơn-hà, mau sớm liệu
Máu sông, xương núi, ngó sau đành!

Quý cụ và toàn thể dân miền Nam Việt Nam đâu có ngờ rằng ngày Thống Nhất Sơn Hà chưa kịp đến thì miền Nam đã bị miền Bắc xâm lăng! Nước Việt Nam đã khổ đau vì chiến tranh, càng đau khổ gấp bội vì họa Cộng Sản. Máu tràn sông, xương ngập núi, gia đình ly tán, và mối sầu xa xứ của bao nhiêu kẻ tha hương thật không bút mực nào tả xiết!

○ Trần Thị Cẩm Tuyến.

GIỌNG THƠ TRỮ TÌNH CỦA THI ÔNG
KỈNH CHỈ - PHAN VĂN HY

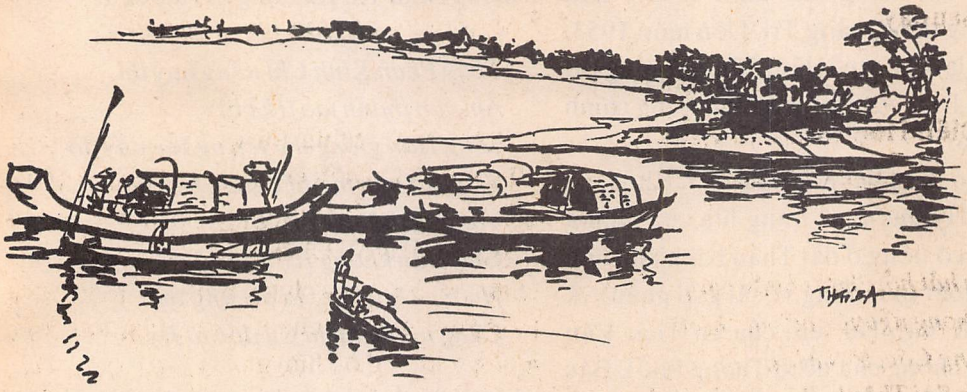

(Viết để thân tặng hai anh Phan Văn Thỉnh và Phan Văn Vỹ để tưởng nhớ hương hồn tiên phụ).

Lê Văn Lân

Cũng như tỉnh Thừa Thiên (Huế) chọn núi Ngự Bình và Sông Hương Giang làm biểu tượng thì Tỉnh Quảng Trị lại lấy non Mai, sông Hãn làm nét đặc thù cho địa phương mình...

Núi Mai Lĩnh và giòng Thạch Hãn đã đi vào thi ca qua những vần điệu sáng tác của một vị danh sĩ họ PHAN sinh trưởng ở đây.

Sinh đúng vào năm đầu tiên của thập niên cuối của thế kỷ 19 (1890) và mất vào năm đầu của thập niên 70 của thế kỷ hiện đại 20 (1970), cụ Phan Văn Hy — bút hiệu Kỉnh Chỉ — sinh ở làng Nhan Biều, phủ Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị... Ta hãy nghe cụ Phan dí dỏm tự nhắc đến thân thế của mình nhân ngày sinh nhật lần thứ 79: (1968).

Nhâm Dần tháng chạp sáng mồng hai
Ngày ấy Nhan Biều thêm một trai
Chừ đã răng long và tóc bạc.
Trước thời vai rộng với lưng dài
Hữu tình Phật cũng thương yêu lắm
Vô sự Trời cho sức mạnh hoài
Sanh nhật mừng lần bẩy mươi chín
Vợ con cháu chắt chật trong ngoài.

14. 1. 1968

Cụ Phan là một danh sĩ được người đời biết đến qua nhiều danh vị: một thầy thuốc, một thân hào nhân sĩ, một nhà thơ... Qua danh vị của một thầy thuốc, Cụ Phan Văn Hy (tốt nghiệp Y Sĩ Đông Dương năm 1915 rồi sau được chuyển ngạch Y Khoa Bác Sĩ Quốc Gia), từng phục vụ cho sức khỏe của người dân qua nhiều địa phương như ở các bệnh viện Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Pleiku, Kontum, Phan Rang, Huế và cuối cùng là Y sĩ Trưởng Bệnh Viện Quảng Trị trước khi về hưu (năm 1944).

Tuy đã về hưu, cụ Đốc Hy — như dân Quảng Trị thường thân mến gọi - — vẫn hăng hái phục vụ với tư cách Cố Vấn Quân Y cho Trung Đoàn ở Chiến Khu Quảng Trị để chống Pháp (khoảng thời gian 1947-1948). Sau cụ bị Pháp bắt và tra vấn về thuốc men và dụng cụ y khoa chôn dấu ở đâu, cụ khăng khăng không khai nên bị một tên Bác sĩ Quân

y người Pháp đòi bắn. Cụ bị đưa về tỉnh lỵ để giam cứu, may lại nhờ một người đi lính khố đỏ loan báo cho đồng bào biết nên chợ bỗng ngưng họp và dân kéo đến thật đông để đòi Pháp thả "cụ Đốc" ra! Với tư cách của một trí thức có uy tín trong thân hào nhân sĩ, Cụ Đốc Hy được mời tham gia nội các Trần Trọng Kim trong hai tháng vào năm 1945... làm Tỉnh Trưởng tỉnh Quảng Trị. Đến năm 1953, cụ Đốc Hy lại được mời làm Tổng Trưởng Bộ Cựu Chiến Binh và Thương Binh trong chính phủ Bảo Đại.

Sớm theo tân học, học ngành Y Khoa, cụ Phan Văn Hy thuộc về trang lứa của những thầy thuốc có tiếng ở đất Thần Kinh như ông Đốc Ưng Hoát (nổi tiếng về tài giải phẫu) và Bác sĩ Thái Văn Du (em của cụ Thái Văn Toản và là chồng của nữ sĩ Tương Phố), Bác sĩ Bửu Hiệp.

Tuy thế, Y nghiệp khô khan lại không ngăn cản cụ thích ham bén mảng bước vào cõi thi văn với tác phong của một Nho gia. Cụ "Đốc Hy" đã thích làm thơ. Thơ của cụ làm rất nhiều... nhiều đến nỗi lên đến con số hằng trăm bài, chứa đầy chật cả cái "tráp cẩn" mà gia tộc họ Phan bây giờ coi như là món gia bảo: Hoàn cảnh của Y Thi Sĩ Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy nào có khác gì nhà văn gốc thầy thuốc đa tình là Anton Chekov đã để lại cho đời một câu nói ngộ nghĩnh bất hủ, đại khái bằng Pháp văn: *La Médecine est ma femme, La Littérature est ma maitresse. Quand je ne me couche pas avec celle ci, je m'en vais avec l'autre"* mà tôi xin tạm diễn ra thơ Việt:

Y Khoa kết nghĩa Tao Khang
Văn chương kiều diễm là nàng Tình Nhân...
Tao Khang những lúc không gần
Tình nhân âu yếm ân cần gối chăn...

Đối với Y nghiệp qua nghĩa tao khang thì cụ Đốc Hy đã từng phục vụ hăng say như ta đã thấy, nhưng người đời và đặc biệt đám thi hữu lại tìm thấy ở cụ Đốc... hình ảnh của một tâm hồn lai láng mê đắm nàng "tình nhân Văn Thi" rất tận tình...

Cụ "Đốc tờ Hy" đã gia nhập Hương Bình Thi Xã ở Huế do cụ Ưng Bình Thúc Giạ Thị làm chủ soái và cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy làm phó soái. Vào Nam, cụ lại được mời vào Tao Đàn Diêu Trì do hai vợ chồng Bác Sĩ Trần Ngọc Án bút hiệu Diên Hương và bà Song Thanh chủ trương...

Cụ Ưng Bình đã hân hoan, trọng vọng đón nhận nhà thơ Kỉnh Chỉ đất Quảng Trị vào Hương Bình Thi Xã bằng bài thơ sau:

Thầy Phan Kỉnh Chỉ tiếng hay thi
Âm vận thanh tao ít kẻ bì
Sông Hãn giong thuyền ngâm mấy độ
Thành Xuân mở tiệc rước hôm ni
Văn Âu chẳng kém đời tân học
Chữ Hán không rời bạn cố tri
Hương Ngự làng ta ai cũng thế
Cũng mừng thêm Cụ đốc tờ Hy.

Sông Hãn là sông Thạch Hãn, còn Thành Xuân là Kinh Thành Phú Xuân Huế.

Cụ Ưng Bình sanh năm 1877 lớn hơn cụ Kỉnh Chỉ đến 13 tuổi (sanh 1890) nên ngoài tình Thi Hữu đã yêu nhà thơ "tài hoa trữ tình" gốc Non Mai Sông Hãn như một người em mà cụ "nong nã" thương nhớ khi ở xa.... và mong chắp cánh bay ra gặp.

Cảm tú hồ sơn vi địa chủ
Hỏi còn ai hơn Chú Phan lang (1)
Có ca cơ, có thi hữu, có ngọc địch quỳnh tương
Sông Hãn có, sông Hương mình chẳng có
Chấp cánh những mong ra đến đó
Dừng chèo xin hãy đợi chờ đây
Khúc tỳ bà xin hãy cứ lên giây
Câu Bạch Tuyết thêm gây mùi xướng họa
Ngã tối liên khanh, khanh ái ngã (2)
Dệt tờ mây nong nã đứng ngồi trông
Thấu tình Thúc Giạ hay không?
(Ưng Bình Thúc Giạ)

Giữa hai "nhà thơ", thường có những bài xướng họa rất thú vị như bài mà cụ Kỉnh Chỉ họa thơ Tết của cụ Thúc Giạ, trong bài nhắc đến những "bóng giai nhân ca sĩ" thường kế cận bên cạnh nhà thơ thôn Vĩ Dạ:

Ngày xuân thi rượu cứ nghê nga

Vui sướng như yêng (tức là anh) mới thật là
Nhắc điệu hát xưa cho Liễu hát
Đặt bài ca mới để Châu ca
Vuốt râu đứng lắng Oanh kêu bạn
Vách mảy ngồi xem Cúc nở hoa
Phúc Lộc đã nhiều, gồm cả thọ
Tuổi trời hơn tớ đến mười ba.

"Tuổi trời hơn tớ đến mười ba".. ý nói cụ Thúc Giạ già như vậy nhưng phong độ vẫn còn ngon... nên kể cận vẫn còn nào Liễu, nào Châu, nào Oanh, nào Cúc...

Cụ Thảo Am Nguyễn Khoa Vy là Phó soái của Hương Bình Thi Xã là một nhà thơ hết mực đa tình nhưng tính thích nghịch ngẫng "chưởng" hoạt kê thường ưa nói chuyện "nguyệt hoa" tuy rằng tuổi hạc đã cao, như bài sau:

ĂN LỄ CỬU TUẦN TRƯỚC NĂM 83 TUỔI

Tuổi mình nay mới tám mươi ba,
Ăn cửu tuần chơi trước gọi là.
Đông đủ một bầy con cháu trẻ,
Giai hơi hai đứa vợ chồng tra
Rậm người gẫm lại hơn nhiều của
Rộng bụng lo chi nỗi hẹp nhà,
Chén rượu câu thi mừng lễ thọ,
Mua vui chung với bạn làng ta.

Thảo Am Nguyễn Khoa Vy.

Cụ Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy vào năm này cũng đã 73 tuổi, nhưng đã dí dỏm họa lại bài thơ trên của cụ Thảo Am đã tự khoe rằng vẫn còn "Giai hơi" và đã từng sản xuất đông con nhiều cháu...

Đông đủ một bầy con cháu trẻ
Giai hơi hai đứa vợ chồng tra...

Thơ họa của Cụ Kỉnh Chỉ như sau:

Tưởng đâu mười bảy hoặc mười ba
Cụ Thảo Am tôi chửa chịu già
Rượu đến khi say ưng mó nguyệt
Trời dù bóng xế thích dòm hoa
Đa tình là Phật chơ sao nữa
Vô sự thì Tiên cũng thể mà
Sân khấu còn vui ta cứ sống
Sống mà hò hát với người ta.

Ưng "mó" Nguyệt! thích "dòm" Hoa! Đúng là tả đúng tâm trạng của cụ Phó soái hảo ngọt của Ưng Bình Thi Xã rất thích ngắm "hoa", chẳng hạn như câu sau trong bài tả cảnh ham đi chơi suốt đêm của cụ Thảo Am:

Gió vật cành đào hoa ngã ngửa
Trăng dòm khu đĩ bóng nằm nghiêng.

(Về sau Hàn Mạc Tử cũng có cái giọng chớt nhả lả lơi với những câu về *Đêm trăng không ngủ:*

Gió lọt khe song... sờ soạng gối
Trăng leo cửa sổ cọ mài chăn

hay:

Trăng nằm sóng soải trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi...)

Người Việt hay nói: "Cả sông đông chợ, lắm vợ thì nhiều con"... Cụ Thảo Am gặp cảnh "hẹp nhà" vì nỗi "rậm người" thì cụ Đốc Phan cũng đâu kém "Vợ con cháu chắt chật trong ngoài"... Đa tình là thói của thi nhân mà! Đa tình thì đa đinh (lắm con cháu), đa đinh thì đa phúc. Đinh số trong gia đình cụ Phan nghe đếu đến tá rưỡi!

Thơ xướng họa của cụ Phan Văn Hy với các bằng hữu rất nhiều, chép đầy cả năm trăm trang trong tập thi *"Kỉnh Chỉ"*. Cụ đã xướng họa với những nhân vật như Nữ sĩ Tương Phố, vợ chồng Bác sĩ Diên Hương - Nữ sĩ Song Thanh, Cụ Trần văn Hương và rất nhiều thi hữu trong Hương Bình Thi Xã và Tao Đàn Diêu Trì...

Thể thơ tuyệt đại đa số thường dùng là Thất Ngôn Bát Cú, nhưng đôi khi cụ cũng sáng tác những bài theo Song Thất Lục Bát như bài **Thu Lữ Hoài Ngâm** (làm ở Phan Rang năm 1920 lúc 30 tuổi) giọng thơ tự

nhiên tha thiết chí tình, hơi thơ nào có khác gì Lý Bạch hay Chinh Phụ Ngâm Khúc... diễn Nôm của Đoàn Thị Điểm:

Càng nhớ lại thêm càng e lệ
Tâm sự này ai dễ biết cho
Trong màn đèn hạnh lập lờ
Ngoài thềm tiếng dế nhỏ to kêu sầu
Nhìn non nước một màu xa thẳm
Đoái cỏ cây mấy dặm xanh rì
Nỗi lòng đau đớn như ri
Nước non cây cỏ biết chi đâu mà
Càng nhớ lại càng sa nước mắt
Trách trời thu đã rất vô tình
Mình buồn mình biết một mình
Giải buồn chỉ có chén quỳnh đầy vơi
Ngồi khúc khích mình mời mình uống
Uống say rồi lăn xuống ngủ khì
Đêm thu một giấc li bì
Chiêm bao lại thấy những khi Hương Bình

Giọng thơ thật là tha thiết tình tứ trong bài **Người Đi Chưa Về:**

Vô tình trừ tịch khéo trêu ai
Quán trọ dừng chân khách thở dài
Mấy lớp phong sương sờn nếp áo
Nửa đời hồ thỉ nhẹ thân trai
.....
Bến Hương Giang tình cờ bữa nọ
Mình trên sông ai đó ngoài sông
Trông nhau luống ngẩn ngơ lòng
Tấc gang mà cách mấy trùng quan san
Ngậm ngùi lúc trăng tàn đêm lạnh
Xem cảnh chừ khác cảnh ngày xưa
Bể cồn thay đổi ghê chưa
Thấy bây giờ nhớ bao giờ mà đau

Thơ của Kỉnh Chỉ qua cảm khái vào đêm 30 Tết (**Trừ Tịch**)

"Mấy lớp phong sương sờn nếp áo
Nửa đời hồ thỉ nhẹ thân trai"

Thật là khinh khoát và man mác vô cùng...

Về sau, qua phong trào thơ mới, Thế Lữ cũng dùng một tứ thơ tương tự là:

Rũ áo phong sương trên gác trọ
Lặng nhìn thiên hạ đón xuân sang.

Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy tài hoa không những qua những bài thơ có âm vận thanh tao mà còn qua tài hát cổ nhạc và điệu nghệ thù tạc với khách làng văn qua rượu và thi.

Tuần Lý Huỳnh Khắc Dụng trong Tao Đàn Diêu Trì trong Nam đã nhắc đến cái tài sành điệu ca xướng của cụ Phan qua câu sau trong bài **"Khóc Kỉnh Chỉ"** 17.3.70.

Nhớ khi chỉ dạy vài câu hát
Thương lúc riêng than những bọn tồi
Tổ quốc không người, đau đất nước
Thi đàn vắng đó, hận chia phôi

Cụ đã đặt ra nhiều bài Ca Trù và đặt lời cho nhiều điệu hát câu hò như (Ca Nam Bình chẳng hạn...) Cụ lại sáng tác các điệu hát bộ... và đã từng diễn bộ mỗi khi các thi hữu tụ họp vui chơi. Đời cụ rất vui sống như cụ đã thổ lộ qua câu:

Sân khấu còn vui ta cứ sống
Sống mà hò hét với người ta

"Hò Hát" chứ không phải "hò hét"
Khoát nạt như "những bọn tồi".

Quan niệm "hành lạc": của nhà Nho đã thể hiện rõ qua bài **"Sống vui"** sau:

SỐNG VUI

Dưới đất trên trời... giữa có tôi
Trời cho tôi sống sống tôi vui
Vui đem chữ TÍN giao cùng bạn
Vui lấy lòng NHÂN ở với người
Vui đợi non sông phô vẻ đẹp
Vui nhìn hoa cỏ nhuộm màu tươi
Vui trăng vui nước vui thi rượu
Vui chuyện tôi vui cũng đáng cười.

Về chữ TÍN, nhà thơ Kỉnh Chỉ đã tận tình "giao hảo" với rất nhiều bằng hữu còn về lòng "Nhân" thì có lẽ bài thơ sau đã tiêu biểu cho quan niệm "trồng cây Đức" của người

thầy thuốc họ Phan đất Hãn Mai truyền thống cứu thế độ nhân:

Hai cụ lang già ngồi bảo nhau
Xưa nay có phúc quí hơn giầu
Trót đà chịu tiếng làm thầy thuốc
Thôi chớ đem nghề chẹt kẻ đau
Biển Thước Hoa Đà tên vẫn nhớ
Thạch Sùng Vương Khải của còn đâu
Gắng công ta hãy trồng cây Đức
Con cháu ta rồi hái quả sau.

Cụ Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy là một tâm hồn lai láng tình cảm nên đương nhiên đã phải vướng vào cái màng lưới của tình yêu... Loại Thư gởi *"Người tình"* của nhà thơ đa tình này cũng rất nhiều không kể xiết. Có một câu thơ của cụ mà nhiều người thích nhất là:

Thử lấy giây tình dăng mặt nước
Tình dài dằng dặc nước vơi vơi...

Diễn tả cái lai láng vô biên của ái tình. Theo cụ thì:

Dầu cho ngọn bút thần tiên nữa
Khó vẽ cho ra một chữ "TÌNH"
(Từ Pleiku gởi về Mẹ Thể)

Thơ trữ tình của Kỉnh Chỉ có nhiều câu tuyệt tác, những tứ thơ hay hình ảnh rất cổ điển ước lệ nhưng rất hay và mộc mạc:

— Con tằm dã dượi mình nương kén
Chiếc nhạn bơ vơ bóng tuyệt vời

— Ớ chị Trăng này có ý chi
Xui mình gặp gỡ khách làng thi
Chia phôi đã được năm tuần chẵn
Trông tưởng đương còn mấy bữa ni
Mưa gió trời Thu dài giằng giặc
Bút nghiên mối nọ nặng tri tri

Những vần thơ pha vài tiếng thổ ngữ Bình Trị Thiên hay lời nói bình dân quê mùa của Kỉnh Chỉ đọc lên nghe rất đặc biệt và duyên dáng dí dỏm lạ thường:

Hôm sớm như gần ông bạn cũ
Bút nghiên càng nặng khối tình chung
Quan san ngàn dặm nhà xa ngái
Vân thọ đôi đường nỗi nhớ nhung

(Nhận được chân dung nhớ Thúc Giạ)

"Xa Ngái" là xa, xa rất xa...

.....
Xe điện chở người đi chật phố
Tròng ngao rước khách đậu đầy sông
Cười mình cũng vác chòm râu bạc
Theo họ mà chen đám bụi hồng
Xem vẻ áo quần mầu phấn sáp
Những anh nôn vợ, chị nôn chồng

Chợ Phiên ở Huế (1932 - lúc 42 tuổi)

Ngỡ rằng năm Mão được mùa hung
Trận lụt hay đâu lớn lạ lùng
Mưa xé mái tranh rơi sạt sạt
Gió xô vách đất ngã dùng dùng
Đậu mè lúa bắp trôi tầm bậy
Mèo chó heo gà chạy tứ tung
Cao lắm ông trời soi chẳng thấu
Mồ hôi nước mắt của dân cùng.

(*Thu Đông bão lụt* - 1939 - 49 tuổi)
Hung: nhiều, dữ lắm

Tuy giỏi Hán học, cụ Kỉnh Chỉ lại ưa dùng thơ Nôm thuần túy, không nặng về điển tích hay xử dụng chữ nghĩa mắc mỏ uyên áo.. Cụ Thúc Giạ khen là "âm vận thanh tao ít kẻ bì" quả là đúng.

Nhiều câu thơ tả cảnh có vẻ như "thư trung hữu họa" (trong thơ như có vẽ), như câu:

"Tranh ráo sương mai rợn ánh vàng
Quê mùa như nhắc chuyện nông tang..."

(Về sau Hàn Mặc Tử cũng có câu tả cảnh tương tự về: *"Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng"...)*

Nhiều bài đọc lên nghe rất giầu nhạc tính như bài **"Đêm nằm nghe tiếng sáo nhớ bạn xa"** làm năm 1939 lúc 49 tuổi. Khiến ta liên tưởng đến không khí của Đường Thi:

Tiếng sáo nhà ai thoảng gió đưa
Đêm nghe ríu rít dễ buồn chưa.
Một trời tinh đẩu canh gà dục
Ngàn dặm quan hà bóng nhạn thưa
Danh lợi nhầm người tô bánh vẽ
Văn chương kén khách món hàng xưa
Ai về nhắn bảo cùng ai đó
Mái tóc chàng Phan đã rối bừa...

Tứ thơ của Đường Thi đã đi vào thơ của Kỉnh Chỉ một cách rất hồn nhiên tuy rằng cảnh trí trước mặt là cảnh trí hiện đại:

VỀ THĂM NHÀ CŨ Ở NHAN BIỀU

Trên đường hương lộ xuống ô tô
Nhà cũ đè chừng dạo bước vô
Vách đổ gạch vôi nằm lệch lạc
Thềm hư cây cỏ mọc lô xô
Vườn hoang để đó hoa còn nở
Giếng bỏ lâu rồi nước đã khô.
Lũ trẻ quên mình là chú bác
Hỏi han: Cụ ấy cụ già mô?

8. 11. 1958 - (68 tuổi)

Giọng thơ của Kỉnh Chỉ Phan Văn Hy cực kỳ phong phú với hàng trăm bài thơ, mà tôi chỉ xin đề cập đến một phần rất nhỏ qua tập thơ **"Kỉnh Chỉ"** mà gia đình cụ đã sưu tập lại. Khía cạnh trữ tình lai láng là khía cạnh nổi bật nhất trong tâm hồn của nhà thơ Xứ Non Mai Sông Hãn... Nó còn biểu lộ qua nhiều bài thơ xướng họa với các thi hữu ở bốn phương qua hằng chục năm từ đầu thế kỷ này cho đến khi cụ mãn phần vào năm 1970.

Khuôn khổ chủ đề của bài viết này không cho phép tôi nói lan man qua nhiều khía cạnh không kém phần độc đáo của thơ của cụ Phan Văn Hy như đầu óc ái quốc bất khuất, kín đáo qua những bài thơ trào phúng của cụ lúc còn thanh niên qua bài Vịnh xe kéo, Vịnh đầu tầu xe lửa, Vịnh bầy vịt; khía cạnh ưu thời mẫn thế cho số phận quê hương trong lò lửa chinh chiến, lúc cụ ở vào tuổi lão niên hay khía cạnh nhuốm mùi triết lý Phật giáo lúc cụ ở vào buổi gần đất xa trời... Cụ có rất nhiều bạn cũng như rất nhiều người mến mộ nên lúc cụ thoát chết sau một tai nạn xe hơi... cụ đã xướng họa với thi hữu hàng chục bài thơ rất lý thú. Người dân xứ Quảng Trị cũng đã cảm cái ân đức của cụ Đốc Hy nên đã xem cụ là một thân hào nhân sĩ mà họ rất quí trọng nhắc nhở trên cửa miệng. Thậm chí vụ cụ thoát chết sau vụ tai nạn xe hơi rùng rợn năm xưa đã được một ông mù ngồi ở bờ sông Thạch Hãn nói thành Vè... gọi nôm na là *"Vè Cụ Đốc"*. Lúc cụ mất đi vào năm 1970, thơ *"Khóc Kỉnh Chỉ"* của các thi hữu bốn phương lên đến con số hàng chục bài... bài nào cũng có giọng thân mến thống thiết đối với nhà thơ lỗi lạc của đất Non Mai Sông Hãn.

Đối với Danh sĩ Phan Văn Hy một nhân vật có tâm hồn văn chương phong phú lai láng và tài năng đức độ lỗi lạc, từng sống 80 năm cuộc đời trải dài từ cuối thế kỷ trước cho đến gần trót thế kỷ sau thì thi văn do cụ sáng tác là một di sản tinh thần mà không những gia đình và hậu duệ của cụ phải coi là món "Gia bảo"... mà còn đáng được sưu tập và lưu truyền trong văn học sử nước nhà...

Lê Văn Lân

Chú thích:

(1) Làm chủ của vùng núi hổ gấm vóc, có ai hơn là chú em họ Phan.

2) Tôi rất mến em, và em cũng mến tôi.

Xe điện: là xe hơi.

Tròng ngao: là xuống.

Nôn: nóng lòng mong có...

■

Thử Tìm Hiểu Tên Chúa Nguyễn

ĐỜI THỨ NĂM

Đoàn Khoách

Trong khi sưu tập và giới thiệu thơ văn các chúa Nguyễn, chúng tôi có dịp tìm hiểu thêm về tiểu sử các vị chúa này. Điều làm cho chúng tôi phải suy nghĩ là sự bất nhất của các sử sách trong việc ghi chép tên chúa Nguyễn đời thứ năm mà đương thời gọi là chúa Nghĩa. Sử sách trước đây hầu hết viết bằng chữ Hán. Bộ Việt sử đầu tiên viết bằng chữ Quốc ngữ là *Việt Nam Sử Lược* của Trần Trọng Kim đã ghi tên vị chúa này là *"Hoằng Quốc Công Nguyễn Phúc Trăn 阮福溱 (1687-1691) truy tôn là Anh-Tông Hiếu-Nghĩa Hoàng đế, đương thời gọi là Chúa Nghĩa ....."* (1). Trong khi đó, các bản *Hệ Phổ* của họ Nguyễn-Phước bằng quốc văn do con cháu trong các Hệ cất giữ mà chúng tôi đã tham khảo được thì lại ghi khác. Hoằng Quốc Công là Nguyễn-Phúc Thái, còn Trăn là tên của Cương Quận Công, em cùng cha khác mẹ với chúa Nghĩa (2). Vậy Hoằng Quốc Công được truy tôn là Anh-Tông Hiếu-Nghĩa Hoàng Đế tên thật là Trăn hay là Thái?

Thông thường thì tài liệu của các *Hệ Phổ* có một tín dụng cao, vì *Hệ Phổ* do các vị Tư giáo sung làm tộc trưởng các Hệ, là người có trách nhiệm ghi chép, khai báo và sao lục từ *Tôn Phổ* cho từng Hệ. Có điều, mấy bản Hệ Phổ trên đây mới chỉ là bản dịch ra chữ Quốc Ngữ chứ chưa phải là bản chữ Hán. Trong khi đó, bộ *Sử Lược* của họ Trần lại được học giới tín nhiệm học hỏi và tham khảo. Cứ xem những bộ Việt Sử sau đó như *Việt Sử Khảo Lược* của Tôn Thất Dương Kỵ, *Việt Sử Xứ Đàng Trong* của Phan Khoang, *Việt Sử Toàn Thư* của Phạm Văn Sơn, cho đến phần chú thích trong các bản dịch *Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* của Việt Sử học, cũng đều chép tên chúa Nghĩa là Nguyễn Phúc Trăn giống như sách của họ Trần (3). Cũng nên biết thêm, trước đó vào năm 1914, trong *Bulletin de l'Ecole Francaise d'Extrême Orient* và trong *Bulletin des Amis du Vieux Huế* cũng đã ghi gần gần như thế (4). Do đó muốn tiếp cận sự thật, thiết tưởng nên tìm hiểu thêm các chi tiết sau đây:

— Tên Trăn và Thái bằng chữ Hán viết như thế nào?

— Những tài liệu sử sách nào thường ghi tên các vua chúa triều Nguyễn?

— Cách ghi tên các vua chúa triều Nguyễn trong các tài liệu sử sách đó ra sao?

— Sự sai khác tên chúa Nguyễn giữa các tài liệu chữ Hán và các sử sách quốc văn như thế nào?

* 1. Tên Trăn và Thái bằng chữ Hán viết như thế nào?

Tài liệu và sử sách Việt Nam trước đây nói chung thường được ghi chép bằng chữ Hán. Cách đọc chữ Hán

của người Việt Nam tùy hoàn cảnh riêng tư, đôi lúc có chỗ hơi khác nhau, tuy nhiên "luật phiên thiết" trong các Tự điển và *Từ điển* Tàu vẫn là tiêu chuẩn phổ thông tương đối chính xác cho người Việt noi theo khi đọc. Trường hợp cá biệt về nhân danh, địa danh, do sự cố ý của người đặt tên hay gọi tên, chữ và âm có thể không phù hợp với nhau, hoặc có lúc chữ để gọi tên lại không có trong các *Tự điển* và *Từ điển* Tàu mà chũng chẳng phải là chữ Nôm (5) Tuy nhiên hai chữ Thái 溙 và Trăn 溱 ở đây đều có trong *Khang Hy Tự Điển*. Cả hai chữ, đều thuộc bộ Thủy 氵. Ngoài hình bên trái là bộ Thủy 氵 hình bên phải của hai chữ hơi giống nhau nhưng âm lại khác hẳn, một chữ là Thái 泰 phần bên dưới là chữ Thủy 水 còn một chữ là Tần 秦 thì phần bên dưới là chữ Hòa 禾 Hình chữ hơi giống nhau này có thể làm cho người kém thận trọng dễ nhìn nhầm mà phiên âm Trăn thành Thái hoặc Thái thành Trăn chăng? Có điều nếu nhầm là nhầm hai tên của một người. Nhưng các bản *Hệ Phổ* của họ Nguyễn Phước lại chép hai tên là của hai người riêng biệt. Vậy ở đây ai tên là Trăn và ai tên là Thái?

* 2. Những tài liệu sử sách nào thường ghi chép tên các vua chúa triều Nguyễn?

Tài liệu sử sách đây là các Thần Chủ, các Long Vị, sách *Miếu Húy Chư Tôn Tự*, các *Bản Tôn Phổ, Ngọc Điệp*, các bộ sử *Đại Nam Thực Lục, Đại Nam Liệt Truyện*...

Theo sự tìm hiểu của ông Nguyễn Phúc Lôi là hậu duệ đời thứ chín của Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần, thì Thần chủ thờ các chúa Nguyễn trước đây có ghi rõ tên tuổi, đã bị thất lạc trong chính biến năm Giáp Ngọ (1774). Từ thời Gia Long về sau các chúa được truy tôn, tên tuổi được ghi chép vào các Long vị để thờ trong Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu và Thế Miếu. Tất cả Miếu hiệu ở các Long vị đều được chép lại thành sách *Miếu Húy Chư Tôn Tự* để thờ trong Điện Phụng Tiên (6).

Ngọc Phổ nói chung là phổ hệ của dòng họ Nguyễn Phúc gồm có *Ngọc Điệp* ghi chép dòng dõi tên tuổi các vua chúa triều Nguyễn và *Tôn Phổ* ghi chép tên tất cả bà con trong hoàng tộc nhà Nguyễn. Trước đây, việc biên tu *Ngọc Điệp* và *Tôn Phổ* cứ hai năm một lần, vào các năm Ất, Đinh, Kỷ, Tân, Quý do một ban biên tập gồm có Toản tu, Đằng lục, đứng đầu là một văn quan hàm Chánh Nhị phẩm làm Tổng tài. *Ngọc Điệp* được chép thành hai bản, bản chính cất vào hòm vàng ở điện Cần Chánh, bản phụ để vào hòm vàng ở Quốc Sử quán. *Tôn Phổ* được chép làm ba bản. Bản chính dâng vào Đại Nội, hai bản phụ thì một để ở Quốc Sử quán, một giao cho phủ Tôn Nhơn lưu trữ ở Phủ đường để sao thành nhiều bản cho các Hệ cất giữ và theo dõi. Còn các bộ sử như *Đại Nam Thực Lục, Đại Nam Liệt Truyện, Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*... thì đã được ấn hành tương đối rộng rãi. Gần đây các sử sách đó lại được dịch ra chữ Quốc ngữ để lưu hành.

* 3. Cách ghi tên các vua chúa triều Nguyễn trong các tài liệu sử sách nói trên:

Cách ghi chép tên các vua chúa triều Nguyễn trong các tài liệu sử sách trên đây không phải hoàn toàn giống nhau. Tùy nơi, tùy lúc, tùy hoàn cảnh mà cách ghi chép có khác nhau.

Để hiểu thêm vấn đề này, thiết tưởng cũng nên biết qua tục kỵ húy của cha ông mình thời trước. "Nhập gia vấn húy" là thái độ thận trọng trong lối xử thế tiếp vật của người xưa. Gặp nhau thường ít gọi thẳng tên, mà chỉ gọi nhau bằng thứ tự trong gia đình, như bác Cả, chú Tư, anh Sáu... bằng vai vế trong làng xóm, như cụ Hương, bác Lý... bằng chức tước, khoa hoạn trong xã hội như cụ Thượng, quan Đốc, cậu Tú, anh Phán... Con cháu kiêng gọi tên tổ tiên, dân chúng kiêng gọi tên vua chúa là để tỏ lòng kính trọng những người trên trước, mất cũng như còn. Nhưng trong chế độ quân chủ chuyên chế, việc kiêng cữ trở thành điều cấm kỵ, cấm gọi cũng như cấm viết tên vua chúa như lối thông thường. Sách *Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* có ghi rõ những

phép tắc kỵ húy, đại để có những chữ cấm đọc chính âm mà phải đọc trại ra, như "hoàng" phải đọc là "huỳnh", "thái" phải đọc là "thới"..., có những chữ khi viết phải thay bằng chữ khác, như chữ "nhậm" 任 phải thay bằng chữ "dụng" 用, chữ "chủng" 種 phải thay bằng chữ "thực" 植 có những chữ khi viết cần thêm nét 巛, như chữ "hoa" 華, chữ "thực" 實., có những chữ cần bớt nét, như chữ "miên" 綿 được viết là 綿, chữ "tông" 宗 được viết là 宗 có những chữ khi viết phải chia ra từng phần, bên trái chữ gì, bên phải chữ gì, v.v.. để người đọc tự ghép lại mà nhận ra, như bên trái chữ "hòa" 禾 bên phải chữ "trọng" 重 tức chữ "chủng" 種 (7) Những ai lỡ phạm những phép tắc kỵ húy nói trên, tùy trường hợp nặng nhẹ phải chịu những hình phạt thích đáng. Sách vở còn ghi chuyện Đặng Huy Trứ thời Tự Đức vì lỡ phạm húy trong kỳ Đình thí mà bị phạt một trăm trượng và bị xóa tên trong danh sách đỗ Tiến Sĩ lẫn Cử Nhân! (8) Để tránh cho dân khỏi phạm lỗi, nên vào năm Tự Đức thứ 14 (1861) nhà vua đã ra lệnh cho Quốc Sử Quán phải sao chép tất cả chữ quốc húy để công bố, tuy nhiên không được ghi rõ chữ húy tên ai và ở vào thời nào.

Một cách viết chữ húy khác là chỉ viết đến chữ "húy" rồi để trống, ví như *"Thái Tổ Gia Dũ Hoàng Đế Húy... (để trống)"*. Sách *Đại Nam Thực Lục* khi viết đến tên các chúa hay các vua đều theo cách này. Nhưng cũng trong *Đại Nam Thực Lục* khi chép lại các Dụ buộc phải kiêng các tên húy thì lại chép theo lối tả mặt chữ "bên trái chữ gì, bên phải chữ gì" để ghép lại thành chữ húy, như tên Húy của các chúa sau đây:(9)

1/ bên tả chữ "thủy" 氵..	bên hữu chữ "kim" 金	là chữ Kim 淦
2/ bên tả chữ "thủy" 氵...	bên hữu chữ "hoàng" 黃	là chữ Hoàng 潢
3/ bên tả chữ "thủy" 氵...	bên hữu chữ "nguyên" 原	là chữ Nguyên 源
4/ bên tả chữ "thủy" 氵..	bên hữu chữ "lan" 闌	là chữ Lan 瀾
5/ bên tả chữ "thủy" 氵...	bên hữu chữ "tần" 頻	là chữ Tần 瀕
6/ bên tả chữ "thủy" 氵...	bên hữu chữ "thụ" 尌	là chữ Thụ 澍
9/ bên tả chữ "thủy" 氵..	bên hữu chữ "khoát" 闊	là chữ Khoát 濶
10/ bên tả chữ "thủy" 氵..	bên hữu chữ "hưởng" 享	là chữ Thuần 淳

Cách chép tên húy này cũng là cách chép trong tập *Miếu Húy Chư Tôn Tự* để thờ ở điện Phụng Tiên, chép lại từ các Long vị ở Triệu Miếu, Thái Miếu, Hưng Miếu và Thế Miếu. Trường hợp ở Long vị của Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế thờ ở án thứ hai bên hữu trong Thái Miếu ghi: *"Đế Húy tả tòng Thủy 氵 hữu tòng Thái 泰 (tên húy của vua: bên trái chữ Thủy bên phải chữ Thái, tức chữ Thái 溙)*

Tài liệu độc nhất không theo lối tả mặt chữ "bên trái chữ gì, bên phải chữ gì" mà được viết thẳng tên húy các vua chúa triều Nguyễn là *Ngọc Điệp*. Hai bản *Ngọc Điệp* trước đây để trong hòm vàng tại điện Càn Thành và tại Quốc Sử quán, theo ông Nguyễn Phúc Lôi, hiện nay đều đã bị thất lạc. Tuy nhiên bằng vào sách *Tiên Nguyên Toát Yếu Phổ* của Liên Đình Tôn Thất Hân viết bằng chữ Hán đã căn cứ ở *"Ngọc Điệp Tôn Đồ, Thực Lục, Liệt Truyện, cùng biên bản các nhà để lại... "*, do Ưng Bình và Ưng Tôn dịch ra Quốc Văn (10) thì cũng thấy được đầy đủ tên húy của các chúa Nguyễn, cụ thể như trường hợp Anh-Tông Hiếu-Nghĩa Hoàng Đế *"tên là Phước Thái, lại tên Ngạn, con thứ hai vua Hiếu Triết, mẹ là Hoàng Hậu họ Tống...*

Tóm lại, căn cứ vào: Long vị, sách *Miếu Húy Chư Tôn Tự*, các *Dụ* trong *Đại Nam Thực Lục*, sách *Tiên Nguyên Toát Yếu Phổ*, chúng ta có thể kết luận:

Chúa Nghĩa (1687 - 1691) **tức Hoằng Quốc Công truy tôn là Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế có tên húy là Thái 溙 Nguyễn Phúc Thái 阮福溙** (1649 - 1691).

Còn Trăn là tên của ai đây?

Sách *Hoàng Triều Tôn Phổ Tiền Biên* quyển 4 viết về con cháu của Thái Tông Hiếu Triết Hoàng Đế, đã ghi về bốn hoàng tử đầu như sau:

— Hoàng tử thứ hai tức Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế (xem rõ ở *Ngọc Điệp*),
— Hoàng tử trưởng húy là Diễn 演, con bà Hoàng Hậu họ Châu.
— Hoàng tử thứ ba húy là Trăn 溱 con bà Hoàng Hậu họ Tống,
— Hoàng Tử thứ tư húy là Hiệp 協 nguyên húy là Thuần 淳 vì trùng Tôn húy phải đổi, con bà Hoàng Hậu họ Châu.

Các sách *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên, Đại Nam Liệt Truyện Tiền Biên* và *Tiên Nguyên Toát Yếu Phổ* cũng đều ghi tương tự như thế. Do đó chúng ta có thể nói được rằng:

Nguyễn Phúc Trăn 阮福溱 tước Cương Quận Công là em cùng cha cùng mẹ với chúa Nghĩa.

* 4. Sự sai khác giữa các tài liệu chữ Hán và các sử sách Quốc văn gần đây:

Từ những tài liệu trích dẫn trên, tưởng cũng nên xem lại chỗ sai khác về điểm nói trên của hai học giả tiền bối Richard Orband và Trần Trọng Kim cùng một số trường hợp rải rác khác.

a. Richard Orband trong *"Les Tombeaux des Nguyễn"*, tuy ghi đủ bốn hoàng tử đầu con của chúa Hiền là:

1. Diễn 演 appelé aussi Hán 瀗 阮福溱
2. Nguyễn Phúc Trăn
3. Trăng 溱 appelé aussi Huyền 玄
4. Thuần 淳

nhưng lại có hai điểm khác với những sử liệu của triều Nguyễn nói trên:

— Một là ở số 2 - nhầm chữ Thái 溱 ra Trăn 溱

— Hai là ở số 3 - chữ 溱 ghi là Trăng, thiết tưởng có phần gượng ép, bởi vì chữ 溱 không phải là một chữ Nôm. Trong các Tự Điển có ghi chữ Nôm thì chữ Trăng nếu có nghĩa là "mặt trăng, ánh trăng, v.v.." thì ghi là 朡 hay 朧 hoặc 曨; còn chữ Trăng nếu có nghĩa là "trối trăng, đóng trăng, trói trăng" thì ghi là 綾. Hơn nữa, nếu đã có chữ 溱 là tên Chúa ở số 2 - thì theo đúng lệ kỵ húy, chữ 溱 ở số 3 - phải đổi thành chữ khác, như trường hợp chữ Thuần 淳 ở số 4 - phải đổi thành chữ Hiệp 協 như đã ghi trong *Tôn Phổ*.

b. Còn cụ Trần trong bản "Nguyễn Thị Thế Phổ" sách *Việt Nam Sử Lược* lại ghi chúa Hiền chỉ có ba hoàng tử đầu là: Diễn 演, Anh Tôn Hiếu Nghĩa - Hoằng Quận Công Nguyễn Phúc Trăn 阮福溱 và Hiệp 協 Chưa rõ cụ Trần đã dực vào những sử liệu nào khác những sử liệu của triều Nguyễn nói trên để có những quyết định này. Riêng về Anh Tông Hiếu Nghĩa, nếu căn cứ vào hai cuống Việt sử xưa hơn viết bằng chữ Pháp mà cụ Trần có ghi trong phần "Những sách soạn giả dùng để kê cứu (11), chúng ta vẫn thấy Chúa Nghĩa tức Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế đều có tên húy là *Nguyễn-Phước Thới* (Phước Thới là ghi âm kỵ húy của Phúc Thái).

Ngoài ra, cái nhầm "Thái" 溱 ra "Trăn" 溱 ở một số nơi trong các bản dịch *Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Đại Nam Thực Lục, Đại Nam Liệt Truyện...* của Viện Sử Học, có lẽ hoặc do sự thiếu cẩn trọng hoặc do dự quá chủ quan của một số dịch giả khi chú thích (12).

Trong khi đó ý hẳn để giúp đọc giả đỡ tốn thì giờ về phần sưu tra cần thiết, nên Đại Học Khánh Ứng ở Nhật Bản, đã cho điền thêm tên các vua chúa nhà Nguyễn vào chỗ trống sau mỗi chữ húy trong các bộ *Đại Nam Thực Lục, Đại Nam Liệt Truyện* trước khi đem in lại (13).

Thật ra Chúa Nghĩa tên Nguyễn Phúc Thái và em là Cương Quận Công tên Nguyễn Phúc Trăn, không phải là chuyện xa lạ chi đối với bà con trong hoàng tộc hằng lưu tâm đến dòng họ. Có điều sự thật nếu không được trình bày và phổ biến

sâu rộng thì những điều nhầm lẫn lúc đầu có thể là vô tình được lập đi lập lại, lắm lúc dễ trở nên chân lý.

Ngày 2. 8. 1994, Thuận Hóa đã vinh dự đón nhận văn bản chính thức của UNESCO trong đó ghi: *Ủy Ban Di Sản Thế Giới đã ghi tên Quần Thể Di Tích Huế vào Danh Mục Di Sản Thế Giới. Ghi tên vào danh mục này là công nhận giá trị toàn cầu đặc biệt của một tài sản văn hóa hoặc thiên nhiên để được bảo vệ vì lợi ích của nhân loại* (14).

Thiết tưởng đây không những là niềm tự hào riêng cho nhân dân xứ Huế, mà còn là niềm tự hào chung của cả dân tộc Việt Nam. Thành quách, cung điện, lăng tẩm, đền đài thuộc cố đô triều Nguyễn ở Phú Xuân, dù bị thời gian và nhất là chiến tranh tàn phá khốc liệt, nay vẫn mang một giá trị văn hóa vượt ra ngoài phạm vi quốc gia để sánh vai cùng thế giới. Có điều kinh thành Huế hiện nay, đứng về vị trí lịch sử mà nói thì phần căn bản thực sự đã được Hoằng Quốc Công Nguyễn Phúc Thái thiết định từ năm 1687. Sách *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên* có ghi: *"Năm Đinh Mão (1687) mùa Thu tháng bảy, lấy phủ cũ làm miếu Thái Tông, dời dựng phủ mới sang Phú Xuân (tức Kinh Thành bây giờ), lấy núi đàng trước (tức núi Ngự Bình) làm án, đắp tường thành, xây cung điện, trước mặt đào hồ lớn trồng hoa cỏ cây cối, thể chế rất tráng lệ..."* (15).

Thành ra, tìm hiểu tên húy của Chúa Nghĩa ở đây không những chỉ nhằm ở một mức độ nào đó góp phần "trả sự thật lịch sử lại cho lịch sử", mà đồng thời còn mang ý thức và tình cảm "uống nước nhớ nguồn" của một người dân Huế tha hương.

*

niềm đau không tên

Hoàng Bích Đào
Paris

Đêm Nam Giao trời buồn sao lấp lánh
Phương trời xa anh có nhớ em không?
Phút chia tay, anh tặng nhánh hoa hồng
Em nín lặng nghe nỗi buồn kết trái.

Đêm Nam Giao một mình em trở lại
Nghe thông reo tê tái mảnh hồn thơ
Điệu Nam Bình, lưu luyến một thời xưa
Từng cung bật khóc thương người cô phụ

Màu thời gian kiếp phù du vụn vỡ
Như thuở nào dang dở mối tình ta
Chiều thu này tiếp nối những thu qua
Trên đôi mắt rưng rưng sầu kỷ niệm

Đêm Nam Giao vẫn là đêm lưu luyến
Em nhìn trời, thầm gọi những vì sao
Những con đò trong sương lạnh trôi mau
Đem thổn thức vào không gian quên lãng

Lời thệ ước, đã nhạt nhòa năm tháng
Mà niềm đau còn đó cố nhân ơi !
Đêm Nam Giao, đêm kỷ niệm một đời
Đêm huyền diệu, chốn quê hương yêu quý.

Đêm Paris, trời buồn như lệ ứa
Với những hàng liễu rủ - một thời qua
Nhớ Nam Giao đón nhận một cành hoa
Rồi từ đó, là lìa xa - Vĩnh viễn...

Chú Thích:

(1) Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử Lược*, I và II, Imprimerie Trung Bắc Tân Văn, Hà Nội, 1920.

(2)— *Hệ Phổ:* tài liệu chép tay của ông Tôn Thất Chi ở Hoa Kỳ và tài liệu in của ông Tôn Thất Đông ở Việt Nam.

— *Hiền Vương Nguyễn Phúc Tần*, tài liệu in của ông Tôn Thất Lôi ở Huế (ảnh 1).

(3) Tôn Thất Dương Kỵ, *Việt Sử Khảo Lược*, Quyển I, Tiên Hoa, Thuận Hóa, 1949.

— Phạm Văn Sơn, *Việt Sử Toàn Thư*, Thư Lâm ấn thư quán, Sàigòn, 1960.

— Phan Khoang, *Việt Sử Xứ Đàng Trong*, Khai Trí, Sàigòn, 1970.

— Quốc Sử Quán, *Việt Sử Thông Giám Cương Mục, Viện Sử Học Việt Nam biên dịch và chú giải, Nxb. Sử Học, Hà Nội, Tập XVI, trang 1557.*

— Quốc Sử Quán, *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*, Nxb. Sử Học, hà Nội, Tập I, trang 132.

(4) Richard Orband, "Les tombeaux des Nguyễn", B.E.F.E.O, 1914.

— Généalogie des Nguyễn avant Gia Long". B.A.V.H, 1914.

(5) Ở Việt Nam, vào thời Nho học đang thịnh, những gia đình có chữ nghĩa thường đặt tên con cháu theo các "Bộ chữ Hán" trong các sách Tự Điển Tàu. Ví dụ: Dòng họ Ngô Thì ở làng Tả Thanh Oai tỉnh Hà Đông một thời đặt tên theo "bộ Nhân" 亻 như

Ngô Thì Ức 億
Ngô Thì Sĩ 仕
Ngô Thì Nhiệm 任
Ngô Thì Chí 恁
Ngô Thì Lữ 侶
Ngô Thì Trí 傚
Ngô Thì Hương 僑
Ngô Thì Điển 倎

là cha con, chú bác, ông cháu và cũng là đồng tác giả bộ sách nổi tiếng *Ngô Gia Văn Phái*. Trường hợp các chúa Nguyễn thì đặt tên theo "bộ Thủy", như

Nguyễn Hoàng 潢
Nguyễn Phúc Nguyên 源,
Nguyễn Phúc Lan 瀾
Nguyễn Phúc Tần 瀕

ngay cả khi dùng bộ Thủy nhưng chữ đặt tên lại không có trong Tự điển, như chữ 瀾 .. khi gọi tên lại dùng phần "hài thanh" của chữ 關 là "khoát".

Còn có trường hợp hình chữ Hán và tên gọi Việt không phù hợp nhau, ví dụ tên tác giả bộ sách *Hiếu Cổ Đặc San* nổi tiếng hiện ở Saigòn là Vương Hồng Sển, nhưng chữ Hán lại viết là 王洪盛 (Vương Hồng Thịnh).

(6) — **Triệu Miếu:** Dựng năm Gia Long thứ 3 (1804), trong có khám thờ Triệu Tổ Tịnh Hoàng Đế (húy Nguyễn Kim).

— **Thái Miếu:** Dựng năm Gia Long thứ 3 (1804), trong thiết 9 án thờ 9 Đế - Hậu: Thái Tổ, Hiếu Văn, Hiếu Chiêu, Hiếu Triết, Hiếu Nghĩa, Hiếu Minh, Hiếu Ninh, Hiếu Vũ, Hiếu Định.

— **Hưng Miếu:** Dựng năm Minh Mạng thứ 2 (1821), trong có khám thờ Hưng Tổ Hiếu Khương Hoàng Đế (húy Nguyễn Phúc Luân, thân sinh vua Gia Long).

— **Thế Miếu:** Dựng năm Minh Mạng thứ 2 (1821), trong thiết 7 án thờ Đế - Hậu: Thế Tổ Cao Hoàng Đế, Thánh Tổ Nhân Hoàng Đế, Hiến Tổ Chương Hoàng Đế, Dực Tông Anh Hoàng Đế, Giản Tông Nghị Hoàng Đế, Cảnh Tông Thuần Hoàng Đế, Hoằng Tông Tuyên Hoàng Đế.

— **Điện Phụng Tiên:** Vào thời Gia Long có tên là Điện Hoàng Nhân, đến đời Minh Mạng cải tên thành Điện Phụng Tiên, trong thiết 7 án thờ các Đế - Hậu từ Đời Gia Long đến đời Khải Định, Điện Phụng Tiên cũng thờ như Thế Miếu nhưng có tính cách gia đình, các bà nội cung có thể vào cúng kỵ, còn Thế Miếu thì phụ nữ không được vào.

(7) Xem *Đại Nam Hội Điển Sự Lệ* và *Đại Nam Hội Điển Sự Lệ Tục Biên*, bản dịch của Nhà Xuất Bản Thuận Hóa, Huế, 1993 (phần tránh chữ húy).

(8) Xem:

— *Quốc Triều Đăng Khoa Lục* của Cao Xuân Dục, bản dịch của Trúc Viên Lê Mạnh Liêu, Bộ Quốc Gia Giáo Dục, Saigon, 1962.

— *Đặng Huy Trứ, Con Người và Tác Phẩm* của nhóm Trà Lĩnh, Nxb, Thành Phố Hồ Chí Minh, 1990.

(9) Xem *Đại Nam Thực Lục Chính Biên*, bản dịch của Viện Sử Học ở Hà Nội, các tập V, VII và XXIX.

(10) Trích bài "Tự Phổ Tiên Nguyên Toát Yếu" trong *Tiên Nguyên Toát Yếu Phổ* (Tiền biên) của Thái tử Thiếu-phó, Cần chánh điện Đại học sĩ, Phò Quang Quận công, Liên đình Tôn Thất Hân soạn Hán văn và xuất bản năm 1917, được Lễ bộ Thượng thư trí sự là Ưng Bình và Ưng Tôn dịch ra Quốc văn và xuất bản năm 1935. Tác giả và dịch giả sách *Tiên Nguyên Toát Yếu Phổ* đều là những người đức vọng cao nhất trong Hoàng tộc, lại cũng là những học giả, văn thi gia nổi tiếng thời cận đại, có trách nhiệm viết lại lịch sử của chính tổ tiên mình. Các ngài đã căn cứ vào những sử liệu căn bản nhất để viết, nên thiết tưởng sách phải có độ tín dụng rất cao (ảnh 2).

(11)— *Cours d'Histoire Annamite à l'usage des Ecoles de la basse Cochinique* par P.J.B Trương Vĩnh Ký, 1ère édition, Saigon, Imprimerie du Gouvernement, 1877, 2è volume, p.155.

— Alfres Schreiner, *Abrégé de l'Histoire d'Annam* Deuxième édition. Revue et Augmentée de la période comprise entre 1858 et 1889. Saigon, chez l'Ateur: 37, rue de bangkok, 1906, p.80.

(12) Ví dụ trong bản dịch *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*, trang 129 đã có đoạn: *"Mùa Thu, tháng 8, hoàng tử thứ ba là Chưởng Cơ Trăn (lại tên là Huyền) mất, tặng Thuần Tín Công Thần Hữu Quân Đô Đốc Phủ Chưởng Phủ Sự Thiếu Bảo Cương Quận Công..."*, như vậy biết hoàng tử thứ ba là Cương Quận Công Nguyễn Phúc Trăn rồi, thế mà đến trang 132 gặp tên húy người con thứ hai của Thái Tông là Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế, người dịch lại chú là [Phúc Trăn] nữa!

(13) Xem ví dụ trường hợp tên húy của Anh Tông Hiếu Nghĩa Hoàng Đế ở nguyên bản in của Quốc sử quán triều Nguyễn (Quyển 6 tờ 1a), đối chiếu với bản in lại của Đại Học Khánh Ứng ở Nhật Bản, trang 87. (ảnh 3 và 4)

(14) Nguyên Văn: Organisation Des Nations Unies Pour L'Education, La Science Et La Culture. Convention Concernant La Protection Du Patrimoine Mondial Culturet Et Nature. La Comité du patrimoine mondial a inscrit *L'ensemble de monuments de Huế* sur la Liste du patrimoine mondial. L'inscription sur cette Liste consacre la valeur universelle exceptionnelle d'un bien culturel ou naturel afin qu'il soit protégé au bénéfice de l'humanité.

Date d'inscription: 11 Décembre 1993

Le Directeur Général: Federico Mayor Zaragoza.

(Tài liệu của Tạp chí *Thông Tin Khoa Học và Công Nghệ*, Huế, số 1-1995).

(15) *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*, bản dịch của Viện Sử Học, Nxb Sử Học, HÀ Nội, 1962, Tập I, trang 134.

Phụ lục:

4 ảnh tài liệu về "tên Chúa Nguyễn đời thứ năm"

San Diego, ngày 18. 6. 1995.

○ **Đoàn Khoách**

Nhớ Quê

Ạ à ơi... cá trê nướng nước mắm gừng
Gừng thơm mắm ngọt vui mừng bên nhau
Nhà mình sân trước vườn sau
Gió lay cành lựu vồng rau rập rờn

Ạ à ơi... bồng con mẹ đỡ cô đơn
Nhớ quê cũng nhớ từng cơn êm đềm
Thương con mỗi lúc thương thêm
Tình quê càng nặng càng bền tình thương

(Trích "Hát ru làn điệu Huế" của Tôn Lệ Vân)

Lời Nói Đầu: *Tôi viết bài này như một bài phiếm luận. Nhưng có chỗ xem như huyền bí, bịa đặt ra nên tôi xin mạn phép đưa ra chi tiết và tên người, địa chỉ, xin cảm thông.*

Khoa Học Huyền Bí Hay Mê Tín Dị Đoan?

Thầy Tướng Số ở Huế

♦ **Giáo Sư Nguyễn Hoàng Phương**

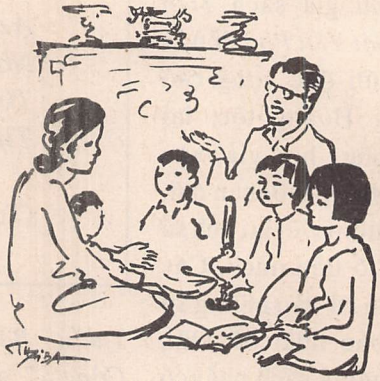

Nguyễn Hữu Thứ

Có một cựu học sinh Trường Quốc Học Huế tên là Nguyễn Đình Công; thân sinh là một kỹ sư Thủy Lâm, bà mẹ thuộc gia đình Thân tộc, chị của một luật sư ở Saigon, có thời gian làm Đại Biểu Chính Phủ ở Cao Nguyên. Ông Công có em ở Việt Nam, ở California, Hoa Kỳ. Lúc tập kết ra Bắc ông lấy tên là Nguyễn *Hoàng Phương*, đậu Phó Tiến sĩ Khoa học và làm giáo sư. Sau 1975, có giai đoạn biệt phái vào dạy ở Trường Đại Học Tổng Hợp (Viện Đại Học) Huế.

Thời cuối thập niên 70, đầu thập niên 80, ông tìm được một "đồng cốt" (medium) tức người có khả năng thấy những cái mà người thường không thấy. Cho nên GS Nguyễn Hoàng Phương tổ chức diễn thuyết để nói về vấn đề *con người có thể có giác quan thứ sáu*. Phó Thủ Tướng CP. Hà nội thời đó là ông Trần Quỳnh, cho rằng như thế là phổ biến mê tín dị đoan, cái mà trong chủ nghĩa duy vật Marx Lénine không chấp nhận. GS Phương liền tổ chức nhiều cuộc diễn thuyết khác. Thời đó, tôi đang ở tù hoặc mới được thả về năm 1981, nên không có điều kiện để dự một buổi nói chuyện như vậy. Tôi phỏng vấn một bà con, giáo sư về khoa học nguyên tử tên *Thân Trọng Huy*, hiện nay ở 68 Đường Lê Lợi, Huế, ngay trước mặt KS Hương Giang I và đang dạy ở Trường Đại Học Tổng Hợp. Ông Huy tường thuật một cuộc diễn thuyết điển hình:

Giáo Sư Nguyễn Hoàng Phương, trong độ nửa giờ, trình bày rằng trong những điều kiện nào đó, có tần số hay những khả năng mà khoa học hiện nay chưa giải thích được, con người có thể thấy, nghe những gì mà người thường không làm như thế được. Để chứng minh điều đó, ông thực hiện một cuộc trắc nghiệm. Ông giới thiệu một "đồng cốt" (medium) có giác quan thứ sáu. Ông mời một khán giả không quen hay biết diễn giả, đồng cốt lên. Những gì mà người lạ nhận lời lên trắc nghiệm nghĩ sẽ chuyền qua đồng cốt và ông này sẽ thuật lại để kiểm chứng. Khán giả có thể chọn một đề tài có nhiều chi tiết như gia đình đông con, công sở hay xí nghiệp, công đoàn... Một người tình nguyện lên, quả quyết là không quen ai cả. Ông chọn gia đình. Phút im lặng bắt

đầu để người khách nghĩ, đồng cốt (bịt mặt) thu nhận. Độ mười lăm phút khán giả hô: "xong". Diễn giả yêu cầu đồng cốt thuật lại. Đồng cốt nói đến ông bố, con trai trưởng, mẹ rồi những người khác trong gia đình. Khách mời xác nhận là lời tường thuật của đồng cốt rất đúng và nói thêm: "Lẽ ra, sau khi nghĩ đến bố thì nghĩ đến mẹ, song lúc đó tôi nghĩ đến con trai trưởng, có lẽ định nghĩ về phái nam trước, nữ sau, nhưng không nghĩ đến mẹ là vô lý...

Sau khi nói xong về gia đình khán giả, đồng cốt nói thêm: "Bây giờ tôi xin nói đến những gì đựng trong ba túi của đồng chí". Rồi ông kể tỉ mỉ ba bốn thứ ở túi này, rỗng không ở túi khác; khán giả ngạc nhiên đến sững sờ, cho hay là đồng cốt nói đúng và đưa đồ trong túi ra.

Ông Thân Trọng Huy kể lại rằng có lần đồng cốt đột ngột ngưng thuật lại những gì đã nhận được mà nói: "Tôi thấy ca sĩ... (ông Huy có nói tên song tôi không thạo về tên các ca sĩ miền Bắc) qua trình diễn ở Tiệp Khắc, đang đi trên con đường... Ai là bạn quen ca sĩ, xin ghi để kiểm soát lại về sau, xem có đúng không..."

Ông Thân Trọng Ninh, giáo sư, cựu học sinh Trường Quốc Học, hiện cũng ở 68 Lê Lợi, cùng chốn với người cháu là GS Huy thuật lại: "Ông mới ra Hà nội, vào lúc người bạn đời của ông Hoàng Phương, đột tử ngay buổi họp mà bà đi công tác xa mới về để dự. Buổi tối, ông Hoàng Phương nằm mơ thấy vợ về dặn dò: Có áo quần về mới thay, chưa kịp giặt, xin thanh toán; có xấp vải của cô bạn gái gửi biếu một người, có số tiền còn lại để ở chỗ... xin giải quyết. Giáo sư Hoàng Phương, trước mặt ông Ninh, tìm các thức dặn dò, tất cả đều đúng, nên ông nói: "Càng hay, đây là một bằng chứng nữa về các điều mà con người không thấy được, người chết vẫn phát ra tần số, dầu yếu, qua giấc mơ..."

Về những chi tiết tỉ mỉ ông Huy nói sao, tôi ghi lại, không có điều kiện kiểm soát, về tổng quát, người trí thức Hà nội đều biết.

♦ *Thầy Chiêm Ở Huế.*

Sau khi tôi ở tù (cải tạo) một thời gian, giữa thập kỷ 80, ông Ưng Luận, giáo sư, nhà ở đường Lý Thường Kiệt, gần Đài Truyền Hình Huế, đến thăm tôi; tôi có đáp lễ nhiều lần. Ông là một nhà giáo kỳ cựu, có uy tín, soạn nhiều sách giáo khoa. Cho nên, tôi thuật lại câu chuyện của ông Nguyễn Hoàng Phương trên, nghĩ rằng thế nào ông cũng góp nhiều ý kiến hay.

Thay vì phát biểu ý kiến, ông Luận cũng kể lại một mẩu chuyện tương đương, liên hệ đến một người nổi tiếng ở Huế: *Thầy Chiêm*. Tôi không rõ họ của Thầy; mọi người đều biết rõ ông ở *Làng Sam*, bên cạnh *Làng Chuồng*. Hai làng ấy nằm bên hai đầm trên Phá Tam Giang nổi tiếng về nhiều cá, nhất là cá ngon; hai làng thuộc xã Phú An, gốc của đại tộc *Hồ Đắc*, nhất là gia đình ông *Hồ Đắc Trung*, cùng các con là các ông Khải, Di, Điểm, Ân... đỗ tiến sĩ Y, Luật, Dược.

Ông Ưng Luận kể: "Độ năm rưỡi, hai năm sau vụ Mậu Thân, tình hình ở thôn quê yên ổn, đi đâu cũng được. Một hôm, một người bạn rủ tôi cùng nhiều người đi Sam gặp Thầy Chiêm, đi bằng xe Lambretta ba bánh. Xe đi từ Huế, theo con đường về Thuận An, song đi quá chợ Mai, quá Quận lỵ Phú Vang thì rẽ phải, theo hương lộ đi qua trường trung học tư thực Lassalle của một số sư huynh. Hương lộ ấy xấu vì năm nào cũng có lụt cả. Lúc đi trời mưa, xe lúc lắc nên tôi lên tiếng than phiền: "Không rõ đến có gặp Thầy không mà vất vả quá..." Nhưng rồi, xe cũng đến nơi. Chúng tôi ghé nhà trước mặt nhà thầy để lau nước mưa, chải qua tóc lại cho tươm tất. Lúc chúng tôi bước vào nhà, câu đầu tiên của thầy là: "Lẽ ra các ông không gặp tôi vì tôi có hẹn với người khác. Nhưng tôi thấy trên xe lam đi ở hương lộ về đây, có người than phiền rằng đi khổ mà không rõ có gặp được tôi không nên tôi chưa đi để tiếp các ông..." Tôi hết sức ngạc nhiên nên lên tiếng xác nhận rằng chính tôi nói câu than phiền. Tôi hỏi nhiều câu để xem thử thầy trả lời ra sao. Các câu trả lời của thầy làm tôi sững sờ..."

Ông Ưng Luận kể thêm một chuyện về thầy Chiêm cũng lạ. Ông nói: "Khi ghé vào nhà trước mặt nhà thầy, tôi thấy trong nhà thầy có một chiếc *Vespa Sprint*. Tôi nghĩ rằng đường ở đây xấu quá, sao thầy sắm nó làm gì. Ông chủ nhà giải thích: "Xe ấy là quà của một 'Khách hàng' ". Vào đầu năm 1969 - xuân Kỷ Dậu, nhiều mồ tập thể được tìm ra ở Huyện Hương Thủy (Thủy Vân, Xuân Hòa) Huyện Phú Thứ (Vĩnh Thái, Phú Lưu...) có một ông đại úy đến nhờ thầy tìm xác ông bố bị bắt đem đi mất tích. Thầy liên lạc bằng cách nói chuyện như người dùng điện thoại. Rồi thầy chỉ chỗ cho khách. Ông sĩ quan đề nghị xin chở thầy bằng chiếc Vespa ấy và tìm được chỗ bên cạnh đường, gần bụi dứa hoang. Ông sĩ quan xin phép nhà cầm quyền địa phương đào đoạn đường ngắn, một phần đường thôi, hứa sẽ chịu phí tổn sửa chữa. Quả tìm ra hai xác, thối rữa, song nhờ áo, đôi kính nên nhìn ra ngay. Chữa đường không tốn mấy nên ông khách khỏi phải trả gì cả; ông xin trả ơn thầy bằng một số tiền, Thầy từ chối nên ông sĩ quan biếu chiếc xe Vespa."

*

Thấy câu chuyện thầy Chiêm có vẻ hay, tôi nhớ lại vài chuyện, tìm ra vài mẩu chuyện khác liên hệ đến thầy.

- **1. Một bạn tù kể lại.**

Trước vụ GS Ưng Luận kể, lúc còn ở trại Bình Điền II, phía tây Huế, đội trưởng đội

3 của tôi là một cựu trung úy người Triệu Giang, Triệu Phong, Quảng Trị. Ông kể: "Lúc mới ra trường Chiến tranh Chính trị Dalat, tôi về thăm nhà ở Quảng Trị trước khi nhận nhiệm sở. Tôi ghé Huế, ở lại nhà anh bạn cùng khóa, nhà ở đường Đinh Bộ Lĩnh, ngoài cửa Thượng Tứ. Tình cờ tối lại có thầy Chiêm ghé thăm. Chủ nhà nhờ xem tướng, số của bạn tôi và tôi. Thầy hỏi tên tuổi, nhìn mặt, sau đó: "Con bác sẽ có công việc xem ra an toàn nhưng tháng thứ tư, cẩn thận kẻo nguy đến tánh mạng. Bạn cháu sẽ ra chiến trường nhưng 6 tháng sẽ yên thân". Việc sau nầy xẩy ra đúng như vậy: Bốn tháng sau, bạn tôi đi công tác đặc biệt, chết - sáu tháng sau, tôi quả được cử vào công việc văn phòng.

- **2. Thầy Sanh.**

Tôi có một người cháu, sĩ quan, hy sinh, được an táng ở Nghĩa trang Nam Giao (phía trước đàn N.G). Sau 80, có lệnh cải táng. Tôi nhờ thầy Sanh, chuyên về địa lý, mồ mả chọn chỗ, hướng. Trong lúc thân nhân thực thi cải táng, tôi thuật lại các mẩu chuyện của ông giáo Phương, của Thầy Chiêm. Cũng không ngờ thầy Sanh cũng thuật lại một chuyện lý thú. Thầy kể: "Tôi nay ở Đường Chi Lăng, gần trường Phú Mỹ. Trước đây, tôi ở bên kia Đập Đá, gần chùa Thầy Tánh. Một hôm có chiếc đò, do chủ ước lượng sai mực nước lúc đi qua đập bị chìm. Không ai chết, nhưng nhiều người gần chết trong đó có người sau này nổi tiếng là thầy Chiêm. Lúc đó, ông đi buôn. Tôi vớt ông đã ngất. Lúc tỉnh lại, ông cám ơn. Trong lúc ông ngất, tôi xem tướng qua mặt, vội nói: "Nếu trong một tuần, mươi hôm mà không có thân nhân chết, tánh mạng ông lâm nguy". Sau đó ba ngày, vợ ông chết vì hư thai còn nhỏ". Thầy Sanh phỏng đoán rằng có người chỉ dẫn ông dùng thai ướp khô làm "*phù nhĩ*": đóng vai hồn để đi nghe, thấy về báo cho biết. Thầy nói nhiều về phù nhĩ, về việc vì sao

thầy Chiêm không ở Huế mà lên Dalat.

Tôi còn tìm hiểu thầy Chiêm qua rất nhiều người ở Huế, ở Hoa Kỳ mà trước đây đã hay nhờ thầy, song chuyện quá dài. Thầy bị đưa đi cải tạo gần 15 năm. Lúc thầy được trả tự do, rất nhiều người vẫn đến nhờ thầy.

♦ Ông Giáo Ảnh.

Ông người Đồng Hới, Quảng Bình, có giai đoạn đi dạy nên người ta quen gọi là giáo Ảnh. Sau khi Hiệp Định Genève được ký năm 1954, Đồng Hới thuộc về miền Bắc, ông cùng gia đình di cư vào Huế, được nhận vào làm ở Sở Kiểm Soát Ước Chi, trụ sở ở gần Đài Phát Thanh Huế. Nay ông ở Đường Trương Định không xa Morin bao nhiêu.

Có điểm đáng nói là trong việc đoán tướng số ông tổng hợp nhiều chuyện: Tên (đương sự, cha mẹ, anh em) tử vi, chỉ tay, tướng mặt, hoa lá, hướng nhà. Sau đây là vài mẩu chuyện về ông.

Một ông bạn Huế dẫn tới một ông từ Quảng Nam ra. Ông Ảnh hỏi tên cả gia đình rồi nói: "Cháu 13 tuổi có tật ở chân trái vì cửa ngõ nhà ông bị cửa nhà bên kia đường chiếu, mạnh hơn". Ông khách rùng mình vì 2 điều ông Ảnh nói ra đều đúng.

Một hôm, có một vụ tự sát: Bố đốt mùng chăn tự tử, không rõ làm sao các con cũng chết luôn, trừ cậu con trai đi nơi khác. Bố tên Cương, con tên Thạch. Ông giáo Ảnh giải thích: "Không phải tôi nói chuyện đã rồi: cha là Cương; con tên Thạch mới đối chọi được nên không chết". Lúc đó, tôi nhớ đến vụ Tống Minh bị phạt tù - tôi hỏi ông Ảnh: "Nhờ ông xem tương lai của anh Tống Minh", ông đáp: "Mình có ánh sáng mà tống nó đi thì tất phải vào tù. Anh này đã hay sẽ vào tù là cái chắc".

Thời Đệ Nhất Cộng Hòa, tờ *Cách Mệnh Quốc Gia* là cơ quan ngôn luận của Phong Trào đó - Có một số xuân được kèm một phụ bản trên đó có ảnh T.T Diệm cỡi ngựa. Ông Ảnh nói với bạn: "Năm nay, ông Diệm có thể bị mưu sát, không rõ có can gì không". Có người báo cáo với Cậu Cẩn nên ông Ảnh bị bắt giam vào lao Công An. Ông Ảnh trình bày rằng theo chỗ hiểu biết của tôi, tôi thấy sao nói vậy trong vòng thân hữu chớ có phổ biến ra ngoài đâu. Tôi nghĩ các ông nên đề phòng hơn là giam tôi" Sau đó, ông được phóng thích, quả thật ông Diệm bị ám sát hụt ở Ban Mê Thuột.

Cũng trong thời kỳ T.T Ngô Đình Diệm, ông giáo Ảnh có một chuyện khác đáng nói ra. Lúc ông mới vào làm ở Sở Kiểm Soát Ước Chi, giám đốc là ông *Lê Văn Đạm*. Sau đó, ông Đạm được cử giữ chức Tỉnh Trưởng Khánh Hòa. Ông Đạm - cũng như nhiều người trong Sở K.S.Ư.C, rất phục ông giáo Ảnh nên ông mời bạn vào Nha Trang chơi ít hôm. Ông Ảnh vào được tiếp đãi nồng hậu. Trong bữa cơm tối cuối cùng, ông Đạm nói: "Ông giáo vào Nha Trang, tôi sẽ cấp cho một sở đất, cho mượn tiền xây nhà; về sau, có thì trả, không thì thôi". Ông Ảnh nhìn chăm chăm đôi mắt có kính cận của chủ nhà, ông Đạm thú thật là lúc ấy chột dạ quá, liền hỏi: "Có gì mà ông giáo nhìn kỹ thế?" Ông Ảnh nói: "Ông Tỉnh Trưởng sẽ không còn ở đây lâu và đi một cách bất đắc chí". Quả thật, năm 1960, ở Nha Trang thành lập hai trường Huấn Luyện Hải Quân, Không Quân. Quân nhân của hai đơn vị tiền phong đến xây nhà bất hợp pháp, cơ quan cảnh sát dẹp hết. Lính Hải Quân, Không Quân hễ gặp cảnh sát là bắn, không chết ai, xong cảnh sát bị cầm trại. Có lực lượng tăng viện ở Saigon ra mới tái lập trật tự, song ông Lê Văn Đạm bị thuyên chuyển như ông giáo Ảnh đã nói.

Còn nhiều chuyện Hitchcock khác về ông giáo Ảnh, con người lạ lùng, tuy nhiên, ông chỉ là người nên lắm lúc cũng... trật lất.

♦ Thầy Hải Liên.

Thầy Hải Liêm làm ở Sở Văn Khố Trung Ương Huế từ lâu, từ thời ở gần Viện Tàng Thơ, bên cạnh một hồ nhỏ nhưng nước trong, đẹp như mộng. Nhìn về phía Nam, có Hồ Tịnh Tâm cách hơn 100 mét thôi.

Thầy chuyên về địa lý (xem mồ mả), tử vi, vẫn nghiệp dư, không lấy thù lao, nhưng khách trả ân bằng

cách khác. Về địa lý thầy theo nghi thức nghiêm chỉnh: quốc phục, khăn đóng, làm lễ; đem theo địa bàn Hồng Kông mà một thân chủ làm quà. Thầy chỉ vào địa bàn, phong cảnh, các mốc mà giải thích, có người hiểu, có người không cũng được. Có lẽ thầy thường suy ngẫm kỹ nên ở Huế, tôi không nghe ai có lời phê bình không tốt về thầy.

Thầy thích tử vi hơn và thường đề cao đó là một khoa học, nên phát triển để thoát giai đoạn huyền bí. Tôi xin dẫn ra hai trường hợp.

- **1. Ông Trần Văn Kỉnh.**

Ông Kỉnh đắc cử hội viên Hội Đồng Thành Phố Huế, nên bị đưa lên "cải tạo" ở *Ba Lạch*, cạnh đường Hồ Chí Minh, vùng Ashao, Tây Nam Huế, cách độ 100km. Chiều *15 tháng chạp Bính Thìn* (15. 1. 1976) ông ngủ và "đi" luôn. Thư ký trại B Ba Lạch là ông Nguyễn Châu, giáo sư Triết ở Quốc Học trước đó, nay ở San José, ông Châu kiểm kê tài sản của ông Kỉnh để lúc người nhà lên thì giao lại. Ông Châu thấy trong một cuốn sổ con có câu *"Mãn phần ngày 15 tháng chạp âm lịch, nơi rừng rú, lúc 60 tuổi"*. Quả ngày đó là 15 tháng chạp, ở Ba Lạch, nơi rừng rú và ông Kỉnh đúng 60 tuổi. Có lẽ ở Thừa Thiên, ông Kỉnh là một trong những tù nhân chính trị vĩnh viễn ra đi sớm nhất. Các bạn tù xúc động, khóc nhiều, cựu thiếu tá Nguyễn Tri Kiểm, bạn thân của ông Kỉnh, xin thay con làm trưởng nam, bịt khăn chế, chống gậy, đi thụt lùi theo phong tục. Cả trại ngậm ngùi nói đến người xấu số.

Riêng tôi, tôi suy nghĩ về sự trùng hợp giữa việc ghi trước và việc xảy ra. Tôi nghĩ rằng ông Kỉnh chết là vì câu đoán của thầy Hải Liên: ngày 15 tháng chạp đó, ông Kỉnh xin nghỉ, chắc là lấy lý do bệnh, lý do độc nhất được chấp thuận. Nhưng ông lại xin một soon nước sôi lớn, một thùng, múc nước khe đổ vào, trộn nước sôi và tắm. Ba Lạch ở cao độ trên 700m nên vào tháng tám vẫn đắp chăn. Rằm tháng chạp cách tiết đại hàn chỉ 6 hôm nên lúc ông Kỉnh tắm, lạnh. Ông dội nước nóng xong là đầu lạnh, máu dồn lên nên có lẽ vì thế mà ông dãn mạch máu não. Ông vào ngủ đến chiều, Ông Hoàng Phúc Hiệt, đội trưởng gọi ông dậy ăn cơm thì thấy ông đã chết, còn chưa lạnh hẳn. Sở dĩ ông tắm có lẽ ông đoán là mình sắp chết thì nên chết trong tinh khiết: ông đã tắm và đã ra đi như thầy Hải Liêm đoán tử vi.

- **2. Ông Đoàn Tư Thành.**

Ông Thành, ở gần chợ An Cựu, là cựu nhân viên của trường Quốc Học. Ông có con trai, con gái, dâu, rể ở San José, Bắc California. Đầu thập niên 1980, ông đau nặng. Một hôm trưởng nam là ông Đoàn Tư Hối đến tìm thầy Hải Liên, nói: "Ba cháu ốm nặng, nếu đi hôm nay hay mai là "chết trùng", nguy hiểm cho gia đình. Nhờ bác xem hộ". Thầy Hải Liên hỏi nhiều chi tiết, tra cứu trong sách và nói: "Không ngại gì: ba sẽ 'đi' vào ngày kia lúc 10 giờ sáng". Quả đúng như vậy, ông Đoàn Tư Thành trút hơi thở cuối cùng vào giờ nói trên.

*

Ở Huế, Thừa Thiên còn nhiều người xem tử vi, chỉ tay, mồ mả, bói bài tây... cũng nổi tiếng, trước đây, sau 30. 4. 75 vẫn hoạt động "chui" đều đặn, nhưng tôi nghĩ không thể nói ra hết.

○ Đôi Chuyện Kim, Cổ Thuật Lại Để Độc Giả Suy Ngẫm.

Để bổ túc vào các chuyện trên, tôi xin thuật lại đôi mẩu chuyện nay, xưa để độc giả rộng đường suy nghĩ.

♦ Tượng Của Tướng Công Quan Văn Trường.

Đầu thập niên 80, tôi đến thăm ông *Võ Đình Thảng*, nhà ở đường Mã Khai (nay là đường Nhật Lệ, thành Nội Huế). Ông là thân phụ của nghệ sĩ, văn sĩ *Võ Đình*, cựu học sinh Quốc Học, rời Huế từ 1950. Trong lúc đàm thoại, tôi liếc thấy trên bàn thờ có tượng của ngài Quan Văn Trường và không xa đấy, tượng bà Quan Âm. Tôi đưa nhận xét: "Thường lúc thờ Đức Quan Công, người ta hay thờ luôn Châu Xương và Quan Bình. Người ta không

thờ ngài gần bà Quan Âm..." Ông Thảng giải thích:

"Cuối thập niên 20, tôi làm ở Chi Bưu Điện *Ba Đồn*, trên sông Gianh, gần Đèo Ngang. Một buổi trưa, tôi đi làm về, vừa cởi áo sơ mi ra thì bà vợ - đang có thai, la hét vì đau quá. Ông mất trí, chạy lui, tới mà chẳng biết nên làm gì. Lúc đó, tình cờ tôi đứng trước bàn thờ Quan Công, tuy ăn mặc không chỉnh tề, tôi khấn vái, xin Ngài phù hộ. Bỗng ở nhà tôi ẩu ra một đống chất gì đen, thấy quá dễ sợ, song sau đó, bà đỡ đau, nằm yên. Tôi lo săn sóc nhà tôi, bà con lối xóm dọn chỗ dơ hộ và cuối cùng tôi vẫn không rõ là chất gì. Cũng vào lúc đó, bưu điện đưa tôi một điện tín khẩn của ông thân tôi (cũng làm bưu điện, ở Huế) nói: "Donner nouvelles santé ta femmme" (Cho biết tin tức sức khỏe vợ con). Tôi sửng sốt vì không rõ làm sao mà ông biết được. Tôi phỏng đoán trong bao thư gửi từ Huế ra, thế nào cũng có thư của thân sinh tôi, nên lúc nhận nó, tôi tìm ngay ra thư đó, đại khái: "Trưa nay, ba đi làm về, rửa mặt với nước ở bể trước nhà, qua những giọt nước, ba thấy Ngài Quan Công hiện ra cho biết rằng vợ con bị bệnh nặng, song Ngài đã cứu. Tôi tự nguyện rằng nếu có cơ hội, tôi sẽ thỉnh tượng Ngài về thờ . Mãi sau 1975, vào Saigon, đến thăm một người bà con, tôi thấy ở giữa bàn có một tượng Quan Công. Người nhà cho biết có một ông ở Bắc vào, tham gia chiến dịch tiếp thu, đem tượng ấy đến xin gửi mới hôm qua, hứa sẽ trở lui lấy ngay. Tôi bèn đề nghị xin đổi một kỷ vật khác, ông cán bộ Bắc bằng lòng. Tôi mua một con ngựa ở cuối đường Võ Di Nguy và đổi, đưa Ngài về thờ mà chưa dọn được bàn riêng!

Ở Huế, tại Bờ sông Phan Châu Trinh có Đền thờ *Đức Thánh Trần* (Hưng Đạo Đại Vương) do tư nhân dựng lên cũng sau câu chuyện tương tự như trên. Đó là đền tư nhân song nay xem như công vì đền rất linh thiêng.

♦ Tôn Tẫn - Bàng Quyên.

Trong lịch sử *Đông Chu Liệt Quốc*, câu chuyện Tôn Tẫn, Bàng Quyên có lý thú, ý nghĩa về nhiều khía cạnh, tôi nói đến chỉ về khía cạnh huyền bí.

Thời *Tấn Bình Công* bên Tàu, ở đất Dương Thành có một nơi rừng rú tên là *Quỉ Cốc*, không có người ở, trừ một vị ẩn sĩ *Vương Hủ* mà người ta thường gọi là *Quỉ Cốc Tiên Sanh*. Ông là bạn của *Tôn Vũ* (nổi tiếng về binh pháp thời Hạp Lư), của *Mặc Địch* (nổi tiếng về thuyết *Kiêm Ái*). Ông giỏi về Du học (xem chỉ tay), Binh pháp, Du thuyết học, Xuất thế học (dưỡng sinh siêu đẳng). Vì uy tín, tài năng, ông được nhiều người xin thụ huấn. Ông nhận lời trong khả năng, thực tế: rảnh dạy, bận nghỉ; ai học, thôi, tùy ý. Trong số các môn đệ, những người mà lịch sử còn nói đến có *Tôn Tẫn, Bàng Quyên* về binh pháp; *Tô Tần, Trương Nghi* về du thuyết.

Bàng Quyên, học được ba năm, có cảm tưởng rằng mình quá giỏi; lại nghe đồn nước *Ngụy* đang cầu hiền, muốn hạ sơn bay nhảy, song còn sợ Thầy, chưa dám nói ra. Quỉ Cốc tiên sinh biết tánh, tướng, rõ ý, nên nói đến việc Bàng Quyên hạ sơn. Thầy bảo hái một *hoa* để đoán quẻ. Quyên vào rừng mà gặp mùa hạn, chỉ thấy có một cây cỏ có hoa nhổ lên thì nó héo liền nên vào dối với Thầy là không có hoa gì. Thầy bảo đưa hoa héo và nói:

"Đây là hoa *Mã Đâu Linh*, mỗi lần nở có *12 nụ* cho rõ nhà người sẽ vẻ vang trong *12 năm*. Hoa này hễ có mặt trời chói thì héo, có nghĩa là nhà ngươi sẽ lừa dối người khác, nhưng lại bị lừa dối lại gây nguy. Nhà ngươi ghi nhớ 8 chữ: *"Gặp dê thì vinh; gặp ngựa thì hỏng"*.

Quyên dạ dạ vâng vâng, xin hứa nhiều với Thầy. Đối với bạn Tôn Tẫn, Quyên cũng hứa sẽ tiến cử lúc có cơ hội. Quyên thân hành đến gặp *Ngụy Huệ Vương*, gây được cảm tình nhờ tài hùng biện. Trong bữa tiệc sơ ngộ do Ngụy Vương đãi, Quyên thấy có món *dê hầm*, nên nghĩ rằng thời cơ đã đến như Thầy đã nói trước. Quả thật Quyên được trọng dụng ngay, lên như gió song Quyên không nhớ đến Thầy, đến bạn như đã hứa.

Quỉ Cốc Tiên Sinh biết Quyên thiếu tình nghĩa, nhiều thủ đoạn nên không

dạy cho cuốn *Binh Thư* của *Tôn Vũ*, tổ nội của Tôn Tẫn. Sau khi Bàng Quyên hạ sơn, Thầy mới chuyền cuốn binh thư ấy cho Tôn Tẫn, học 3 hôm, Tẫn thuộc hết và có thể trả lời các câu chất vấn của Thầy, rõ ràng, đầy đủ.

Thầy không đi đâu cả, nhưng *Mặc Địch* chu du đó đây phổ biến thuyết Kiêm Ái, nhân đó mà ông rõ Bàng Quyên đã ở đỉnh cao danh vọng. Ông bèn giới thiệu Tôn Tẫn với Ngụy Huệ Vương vì thế mà Vương cho đoàn xe đến đón Tôn Tẫn ở ngay Quỉ Cốc. Theo thường lệ, Thầy bảo Tẫn bẻ một cành hoa. Thời đó là mùa hoa, Tẫn chỉ lấy một cành ở độc bình. Thầy nói đại khái:

"Hoa đẹp song cành bị gẫy, không hoàn hảo, song không hại gì. Nó lại được cắm trong bình, tức được quí. Như vậy, danh vọng vẫn lẫy lừng. Tuy nhiên, nhất thời có gặp khó khăn".

Có một điểm bí ẩn là Thầy đổi tên mà không giải thích: Thêm vào bên trái chữ *Tẫn* chữ *nhục*; chữ mới đọc là *Tận*. Lịch sử giải thích: Tôn Tẫn bị cực hình là chặt chân, sau sống được mà *chân què*. Thầy chỉ cho một *cẩm nang*, đem dùng lúc gặp đại biến.

Qua nước *Ngụy* Tôn Tẫn được trọng dụng ngay. Sự hiện diện của Tẫn bên cạnh sẽ gây nguy cho Bàng Quyên nên y tìm cách đưa bạn vào bẫy và Tẫn vào bẫy, có thể bị xử trảm. Quyên gây ân bằng cách làm cho Tẫn "chỉ" bị chặt chân. Sự thật Quyên để Tẫn sống cho đến lúc nào viết lại xong cuốn *Binh Thư* của Tôn Vũ. Tôn Tẫn vẫn tin ở bạn vì không thể nghĩ rằng bạn dùng thủ đoạn đến thế. Lúc đó *cẩm nang* của Thầy đã cứu sống được. *Tề Uy Vương* bí mật đưa Tẫn về, để Tôn Tẫn lừa Bàng Quyên đến *Mã Thắng*, chịu đòn. Mã là ngựa mà hễ gặp *ngựa* là Quyên gặp nguy. Tại đó, Bàng Quyên đã hứng hàng trăm, ngàn mũi tên và bị Tôn

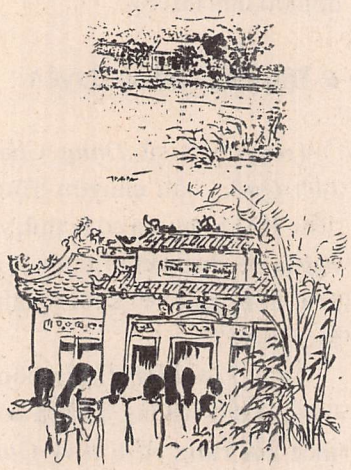

Tẫn chặt đầu. Trận đánh đã xảy ra đúng *12 năm* sau khi Bàng Quyên bắt đầu bước lên danh vọng.

Như vậy *Quỉ Cốc Tiên sinh Vương Hủ*, ngồi ở rừng sâu, xa thế gian, nhìn qua thời gian, không gian, thấy trước nhiều việc nhờ những khả năng huyền bí mà khoa học chưa giải thích được.

♦ Lưu Bang - Phàn Khoái

Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa năm 249 trước công nguyên, chấm dứt 873 năm (1122- 249 trước CN) của nhà *Chu* và 204 năm (453 - 249 trước CN) thời *Chiến Quốc*. Nhà vua tàn bạo nghĩ rằng dòng dõi ông có thể ở ngôi nhiều thế hệ, không ngờ rằng ông chỉ ở ngôi trên vài chục năm, *Nhị Thế* - người kế vị - chỉ 4 năm, mất ngôi năm 206 trước CN. Có rất nhiều nơi nổi dậy như Trần Thắng, Ngô Quảng ở đất Tần, Hạng Lương, Hạng Vũ ở Ngô, Lưu Bang ở Bái (Giang Tô).

Lưu Bang thuộc gia đình tầm thường, dệt chiếu. Ông có tướng lạ: mặt oai như rồng, miệng rộng, mũi cao, có rất nhiều nốt ruồi. Con người khả ái, song ham mê tửu sắc nổi tiếng. Thế mà có ông *Lã Văn* xem tướng thấy cả một tương lai sáng lạn nên đề nghị gả cô gái lớn tên *Nha*. Lưu Bang từ chối, lấy lý do là thanh niên mà chưa làm nên chuyện gì chưa vội lập gia đình. Nhưng bị "ép", ông phải cưới "Hoa hậu".

Vào lúc ấy có "đồng chí" *Phàn Khoái* đến tìm Lưu Bang. Lã ông cũng thấy Khoái có một tướng rất tốt nên tuy Khoái tự giới thiệu là làm nghề *bán thịt chó*, Lã ông cũng thuận gả thứ nữ tên Tu. Phàn Khoái bị "quá ép" mới nhận "Á Hậu" về săn sóc chăn gối.

Sau đó, Lưu Bang xuất quân bằng một hành vi ngoạn mục: giết *bạch xà ở Mang Đảng*, đất Bái, cũng như *Hạng Vũ* đã bưng cái *đỉnh* cao 7 thước, nặng hàng ngàn cân (thời xưa) đặt ở

Miếu Vũ Vương làm hai tướng *Hoàn Sô, Vũ Anh* theo ngay phe Hạng Lương, Hạng Vũ thuộc nước Sở. Sự tranh hùng giữa Sở (Hạng Vũ) và Hán (Lưu Bang) là giai đoạn hấp dẫn trong lịch sử Trung Quốc, cuối cùng phe Lưu Bang, Phàn Khoái, rể của Lã ông, đã lập nhà *Tây Hán* hay *Tiền Hán* năm *206* trước CN. Quả Lã ông đã đoán tướng lại nhờ có khả năng xem tướng.

o Đoạn Kết - Đôi Khái Niệm Khoa Học.

Như trình bày trên, cách đây 15 năm, ở Hà Nội có cuộc tranh luận giữa GS Nguyễn Hoàng Phương và phó Thủ Tướng Trần Quỳnh xem như phát ngôn viên của chủ trương duy vật cho rằng cái gì mà khoa học không chứng minh được là mê tín dị đoan, cần bị bài trừ, tôi trình bày đôi mẩu chuyện, đa số ở Huế để nói lên rằng quả có nhiều cái con người *chưa hiểu hết* nhưng vẫn lạc quan có thể hiểu một ngày nào. Như vậy là vì, như nhà thông thái Pháp *Blaise Pascal* (1623 - 1662) đã nói, con người chỉ là một cây sậy, yếu nhất trong thiên nhiên, nhưng là một cây sậy có tư duy. Chỉ nhìn những bước tiến vĩ đại của khoa học xung quanh ta thôi cũng đủ hiểu cái thâm thúy của câu mà Pascal nói ra,

Cái đáng ngại là con người vì chủ quan, về nhiều lý do khác, đánh giá không đúng thành quả của khoa học.

Thời *Thượng cổ*, nhà toán học Hy Lạp *Claude Ptolémée* (sống ở thế kỷ II sau CN) cho rằng *quả đất là trung tâm của vũ trụ*, nó đứng yên một chỗ, các tinh tú khác xoay quanh nó. Ý ấy hợp với chủ trương của Cơ Đốc giáo, nên được chấp thuận và phổ biến. Các tư tưởng khác với ý ấy bị xem như tà thuyết. Sự sai lầm ấy kéo dài trên mười thế kỷ và được đại văn hào Pháp *Victor Hugo* (1802. 1885) nói đến trong tác phẩm *"Notre Dames De Paris"* (1831).

Nhưng thời *Trung cổ*, nhà bác học Ba Lan *Nicolas Copernic* (1473. 1543) trong tác phẩm *De Revolutionibus Orbium Cochestium Libri VI* xuất bản năm 1543, ít tháng trước khi ông chết, chứng minh rằng quả đất xoay xung quanh nó và xoay xung quanh mặt trời.

Lẽ ra nhân loại phải kiểm soát sự hiểu biết của mình; không, con người vẫn bảo thủ. Gần một thế kỷ sau, khoa học gia Ý *Galilée* (1564 - 1612), người sáng chế một loại kính nhìn xa mang tên ông, đem lý thuyết của Copernic ra giải thích, phổ biến ở vùng đất mà Cơ Đốc Giáo bành trướng mạnh nhất, nên bị tòa án thường tụng La Mã kết án là theo tà thuyết. Năm 1533, tòa án tôn giáo (*Inquisition*) buộc phải công khai nhận tội theo tà thuyết (Loại tòa án tôn giáo này được Giáo Hoàng La Mã *Innocent III* (1160 - 1216) thành lập năm *1199* và chúng ta thấy diễn ra trong cuốn phim *"Le bossu de Notre Dame"* (người gù của nhà thờ Đức Bà), dựa theo tiểu thuyết của Victor Hugo nói trên. Tòa án tôn giáo có tánh cách bất hợp pháp (vì không có bản văn thành lập của chính quyền), bất hợp lý và phản khoa học, rút dần về bóng tối và qua thế kỷ 18 thì không còn những câu chuyện Ptolémée, Galilée cho thấy có một số người muốn dựa vào sai lầm khoa học để củng cố vị trí của một tôn giáo.

Lịch sử vẫn ghi nhiều vụ lợi dụng như vậy. Vụ đáng nói ra xảy ra vào giữ thế kỷ 20 này: Vụ *Mitchourine - Lysenko - Staline.*

Ivan Mitchourine (1855 - 1935) là một kỹ sư nông nghiệp Liên Xô, chuyên viên pha giống, tạo nên giống mới về lúa mì, về táo; ông cho rằng các đặc tính mới thủ đắc không mất đi, trái với thuyết di truyền dựa trên *nhiễm sắc thể* (chromosones) của nhà bác học Áo *Grigor Mendel* (1822. 1884) mà nhà bác học Hoa Kỳ *Thomas Morgan* (1866 - 1945) củng cố, phát triển. Thuyết của Mitchourine được *Trofim Lysenko* (1898 - 1976) khai triển thành thuyết di truyền dựa trên duy vật.

Lysenko, người Ucraine là nhân vật nổi tiếng nhất ở Liên Xô trong phạm vi nông nghiệp. Ông là chủ tịch viện Lénine về các khoa học nông nhiệp trong giai đoạn 1938 - 1956, chủ tịch viện di truyền học thuộc viện Hàn Lâm Khoa Học Liên Xô. Ông trình bày thuyết di truyền của mình trong cuốn *"Heredity*

and Variability" xuất bản bằng Nga Ngữ năm 1943, bằng Anh Ngữ năm 1946 và trong cuốn "*Science of Biology*" xuất bản bằng Nga Ngữ - Anh Ngữ năm 1948.

Staline thấy thuyết Mitchourine Lysenko hợp với chủ thuyết Marx Lénine quá nên công khai chấp nhận phổ biến và quyết định: mọi công dân Liên Xô phải theo thuyết đó, nếu không, sẽ có chế tài. Các nhà khoa học có thể bị trục xuất ra khỏi các đoàn thể của mình, đặc biệt ra khỏi Viện Hàn Lâm. Các nước chư hầu - trong đó có cả Bắc Việt cũng phải nhập cuộc từ cuối thập niên 1940.

Thế giới tự do viết sách, báo phê bình, chỉ trích, cho rằng quyết định của Staline là phản dân chủ, thuyết của Mitchourine Lysenko là sai. Một trong những tác phẩm nặng lời nhất là của nhà bác học Anh *Julian Huxlay* (1887 - 1975), tác phẩm ông được dịch đăng trong tạp chí Pháp Ngữ *Echo*. Dư luận Nga dè đặt, có một số bài ca tụng "theo đơn đặt hàng", không ai chê cả. Nhưng sau khi Staline chết - 5. 3. 1953, thuyết di truyền cộng sản bị các nhà bác học Nga chỉ trích và lùi dần vào dĩ vãng.

Staline chấp nhận một sự sai lầm vì lý do học thuyết chính trị. Sau *30. 4. 1975*, nhà cầm quyền Hà Nội bỏ tù trên 10 năm những người như Thầy *Huỳnh Liên* ở Saigon, Thầy *Chiêm* ở Huế và nhiều người khác ở đâu đó thì cũng chẳng khác gì thái độ của Staline trong vụ Mitchourie Lysenko. Có chút khác tai hại là có người sống khổ sở, có gia đình lo sợ, đau buồn, trong trên chục năm.

Thiên nhiên ưu đãi con người, cho nhiều khả năng hơn loài vật khác, đặc biệt cho trí thông minh. Người không bay bằng chim, không lặn bằng cá, không mạnh như voi... nhưng trí thông minh giúp người chế phi cơ, hỏa tiễn, tầu ngầm, xe, máy trục chở, đẩy hàng trăm tấn... Nhìn đó nghĩ nên lạc quan, tin vào khoa học.

Cũng nên thiết thực mà đánh giá khả năng của con người nữa, Thiên nhiên ưu đãi con người hơn các loài động vật khác bằng cách ban cho nhiều khả năng, song không đồng đều. Có người đẹp, thông minh hoạt bát, đạo đức... hơn người khác. Vì sao không nghĩ rằng một số người - có lẽ rất ít - ưu việt biết, thấy nhiều hơn người thường. Pháp có *Nostradamus* - Michel de Notre Dame (1503. 1566), Việt Nam có *Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm* (1491. 1583) được hậu thế, cho đến bây giờ, xem như những nhà tiên tri đại tài. Ở các nước khác, nhất là Ấn Độ, cũng có những vị tương đương. Còn *Quỉ Cốc tiên sinh Vương Hủ* thời Đông Chu Liệt Quốc, *Khổng Minh Gia Cát Lượng* thời Tam Quốc - đã đi vào huyền thoại.

Vì sao Thầy Huỳnh Liên ở Saigon, Thầy Chiêm, Thầy Hải Liên, ông Giáo Ảnh... ở Huế lại không có gì hơn người, có làm cái gì phạm vào luật pháp đương hành để có thể bị trên 10 năm tù? Mười năm tù thường là hình phạt dành cho những trọng tội như cướp của có súng ống, cố sát có dự mưu. Nhưng sao hiện nay ở đâu cũng có các chiêm tinh gia hoạt động mà không thấy ai vào tù cả?!

Riêng ở Saigon, dân chúng lại tin vào những cái ít khoa học nhất, đúng là vào mê tín dị đoan. Tuần báo *Thời Báo Toronto*, Canada trong số 220 ra ngày 17. 3. 94, có đăng trong mục "*Lá thư Saigon*":

".. Không hiểu sao những năm trở lại đây, dân Saigon chỉ... bói toán lạ lùng. Thậm chí phong trào bói toán lan tràn vào các cơ quan chính quyền, các công ty quốc doanh, liên doanh... Lăng Ông Bà Chiểu thì chen chân không lọt... trong dịp Tết vừa rồi, cả mấy ông Tây bà Đầm của các công ty liên doanh cũng theo cán bộ người Việt đến Lăng Ông xin xăm.." Không có gì đáng ngạc nhiên cả. Lúc cuộc đời có thiếu thốn, vất vả về vật chất, lo âu về tinh thần thì con người phải cầu nguyện Đấng Thiêng Liêng giúp đỡ, nếu cần bằng phép lạ. Hạn chế tự do tín ngưỡng, cấm đoán lòng tin vào những Thầy Chiêm, Thầy Hải Liên, Thầy Huỳnh Liên... không làm gì vi phạm an ninh trật tự là không hợp lý.

Mississauga, Canada
hè 1995

○ **Nguyễn Hữu Thứ**

Công lao của nhà Nguyễn đối với quần đảo TRƯỜNG SA VÀ HOÀNG SA.

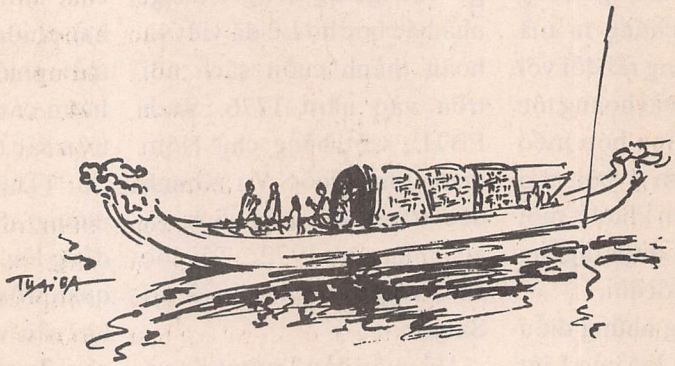

Tôn Thất Tùng

Như quý bà con Nguyễn Phước Tộc thường theo dõi thời sự đều biết vào năm 1974 Trung Cộng ngang nhiên xua quân xâm lấn quần đảo Hoàng Sa. Để bênh vực cho hành động cướp giật của mình trong chiến dịch này Trung Cộng đã cố ý làm cho thế giới lầm tưởng quần đảo Hoàng Sa chưa chính thức thuộc quyền của nước nào để sẽ chiếm bằng sức mạnh của mình.

Cuộc tranh chấp về chủ quyền đảo Hoàng Sa mở đầu từ thời chính phủ Việt Nam Cộng Hòa. Đến nay thì ngoài Trung Cộng lại còn có một số nước khác nhẩy vào tranh dành chủ quyền đảo Trường Sa hòng chia chác quyền lợi. Vì tất cả đều biết nơi này có nhiều tài nguyên mà đứng đầu là dầu hỏa.

Bài này người viết không có tham vọng trình bày và thảo luận vấn đề chủ quyền. Bởi đó là bổn phận và trách nhiệm của nhà cầm quyền Việt Nam. Dầu sao đi nữa thì chính quyền Hà Nội cũng phải cố gắng tranh đấu để bảo toàn lãnh thổ cũng như trong quá khứ họ đã cố gắng kéo dài chiến tranh để ngày nay trở thành chủ nhân ông suốt giải giang sơn gấm vóc. Nhưng trong tất cả các điều mà nhà cầm quyền Hà Nội trưng dẫn chủ quyền không khi nào họ đưa ra những bằng chứng lịch sử là vào thời kỳ nào Việt Nam mới đích thực là chủ nhân của quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Và nhất là các nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam cố tình lờ đi không hề nhắc đến công lao của các vua chúa nhà Nguyễn đối với quần đảo nói trên. Ngay cả trong cuốn *"Đánh Giá Lại Nhà Nguyễn"* do hai tác giả Trần Bạch Đằng và Trần Văn Giàu đồng biên soạn vừa xuất bản tại Sàigòn vào giữa năm 1993 tôi cũng không thấy họ nhắc đến sự kiện lịch sử nói trên.

Tuy nhiên lịch sử bao giờ cũng là lịch sử. Không ai có thể bóp méo hay vo tròn. Nhân dịp ngày húy nhật thứ 175 của ĐỨC THẾ TỔ CAO HOÀNG tôi muốn mượn trang giấy này để chia xẻ

cùng bà con một tài liệu lịch sử liên quan đến giòng họ chúng ta: Đó là công lao của Liệt Thánh, hay nói một cách rõ ràng hơn là công lao của giòng họ Nguyễn Phước đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa cũng như đối với đất nước Việt Nam. Điều mong ước sâu xa của tôi là mong quý bà con phổ biến sự kiện lịch sử này không những cho con cháu chúng ta mà nên phổ biến rộng rãi đối với những người ngoài hoàng tộc để cho ai đó đừng bóp méo lịch sử với thâm ý bôi nhọ giòng họ Nguyễn Phước, một giòng họ đáng được ngẩng mặt hãnh diện với đời.

Để dẫn chứng những điều tôi biết về công lao của Liệt Thánh, tôi xin ghi lại sau đây những sự kiện lịch sử mà tôi có dịp đọc trong các tài liệu Việt Pháp cũng như những di tích liên hệ tôi đã tận mắt nhìn thấy. Những điều tôi trích dẫn đều căn cứ vào các tài liệu của Việt Nam và của Pháp mà tôi sẽ ghi rõ thời gian và không gian. Tuy nhiên, vì thời gian đọc cũng đã khá lâu nên nay tôi không nhớ rõ ngày tháng xảy ra những sự kiện lịch sử nhưng tôi xin cam đoan những điều tôi ghi lại rất trung thực, phù hợp với chính sử. Chỉ có thể thiếu sót chứ không thêm thắt.

➤ I. TÀI LIỆU VIỆT NGỮ:

Trong *"Tuyển Tập Nhớ Huế"* số 6 phát hành tại Orange County tháng 8-1994 trong bài viết về nhà bác học Lê Quý Đôn tôi có đề cập đến cuốn *Phú Biên Tạp Lục* do ông viết vào năm 1774 khi ông được Chúa Trịnh cử giữ chức Hiệp Đồng Kinh Lý Quân Sự, phụ tá cho tướng Hoàng Ngũ Phúc vâng lệnh Chúa Trịnh vào điều nghiên tình hình Thuận Hòa và Quảng Nam để chuẩn bị tiến vô đàng trong. Tại ngôi nhà gỗ bên giòng sông Hương, nhà bác học họ Lê đã viết và hoàn thành cuốn sách nói trên vào năm 1776. Sách PBTL, viết bằng chữ Nôm được Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa dịch và xuất bản năm 1972... Tôi đọc sách này vào năm 1973 tại Sàigòn.

Về quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa mà Lê Quý Đôn ghi chép trong sách đều dựa theo tư liệu của các Chúa Nguyễn và cuốn sổ tay của Đội trưởng đội Hoàng Sa là Thuyên Đức Hầu. Theo tài liệu trên thì quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một dãy đảo san hô nằm giữa hải phận Việt Nam. Hoàng Sa ở phía bắc, gần bờ biển Quảng Nam. Trường Sa ở phía nam gần đảo Côn Sơn, nguyên của nước Chiêm Thành nhưng đã trở thành sở hữu của nước Việt kể từ thế kỷ XV khi vua Lê Thánh Tông thân chinh đánh Chiêm Thành và sát nhập nước Chiêm vào Đại Việt. Tài liệu không thấy nói tên Chàm gọi là gì mà chỉ có tên Nôm là đảo Vạn Lý Trường Sa và đảo Bãi Cát Vàng. Trên quần đảo có nhiều hải sản như đồi mồi, hải sâm, ốc xà cừ, chim yến, trứng vịt. Ngoài ra còn nhiều tài sản của tàu bè bị bão đánh chìm tấp vào đảo, nơi đây cũng là nơi phát xuất những trận bão lớn thổi vào duyên hải Việt Nam.

Vào thế kỷ 16 chúa Nguyễn Phước Nguyên tuyển mộ dân ở Quảng Ngãi thành lập đội binh Hoàng Sa chia làm 20 xuất, chia làm hai phiên thay nhau ra đảo mỗi phiên 6 tháng để thu lượm các hải vật và tài sản trên các tàu chìm chở về cửa Eo (Thuận An) và theo đường sông đến Phú Xuân dâng lên chúa Nguyễn. Viên quan trông coi ngân khố sau khi cân và phân hạng xong, cho đem bán nạp tiền vào công quỹ và ban thưởng cho các quan và binh lính.

Vì toàn thể quần đảo có trên một trăm đảo nhỏ nên số binh sĩ thuộc đội Hoàng Sa không thể canh gác và kiểm soát hết nên có một số tàu của Hòa Lan và Tây Ban Nha nhiều phen đến đảo đế lấy hải vật. Vì vậy lắm khi xảy ra những cuộc hải chiến giữa các tàu ngoại quốc và thủy quân đội Hoàng Sa. Vào khoảng cuối thế kỷ 16 có 3 chiếc tàu của Tây Ban Nha do một đô đốc chỉ huy từ Phi Luật Tân dự định đến Hoàng Sa để vơ vét sản vật nhưng bị bão trôi dạt vào vùng Sơn Trà - Đà Nẵng bị thủy quân Chúa Nguyễn Phúc Nguyên chận đánh. Một chiếc bị trúng đạn chìm, hai chiếc chạy thoát về Manille. Số binh sĩ Tây Ban Nha bị chết, xác tấp vào bờ,

được lính chúa Nguyễn đem chôn ở chân núi Sơn Trà. (Vào năm 1960 nhân một lần đi tắm ở biển Sơn Trà nay được gọi là Tiên Sa, tôi có ghé lại coi những ngôi mộ của thực dân Tây Ban Nha đã được xây lại bằng xi-măng khi Tây Ban Nha theo chân quan Pháp đến phục hận. Nói cho đúng ra thì khi trông thấy những ngôi mộ đó tôi cứ tưởng là mộ của lính Tây Ban Nha bị chết vì tranh dành đất đai với người Pháp, mãi về sau đọc cuốn *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn tôi mới biết những người Tây Ban Nha đó chết bởi chiến công của thủy quân chúa Nguyễn).

Nối gót Tây Ban Nha với mưu đồ chiếm quyền lợi ở Hoàng Sa là Hòa Lan. Vào đầu thế kỷ thứ 17, hai chiếc tàu Hòa Lan từ Java Nam Dương đến Hoàng Sa gặp tàu của Dũng Lê Hầu Nguyễn Phúc Tuần đang tuần tiễu tại đó chận đánh. Soái hạm Hòa Lan bị trúng đạn bốc cháy, một chiếc bị va vào đá ngầm chìm xuống biển. Để rửa hận, sau đó Hòa Lan cho tàu đến bắn phá ở Cù lao Chàm nhưng lại bị Dũng Lê Hầu đánh bại một lần nữa. Từ đó người Hòa Lan rất kiêng nể Nam Hà, không dám bén mảng tới Hoàng Sa nữa.

Đến đời Chúa Nguyễn Phúc Chu, Chúa ra lệnh cho Cai bạ Thuận Hóa là Thúc Lương Hầu tuyển mộ thêm người lập đội Bắc Hải để tăng cường canh gác và bảo vệ Trường Sa và Hoàng Sa (Hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải bị tan rã khi Tây Sơn chiếm Phú Xuân và được tái lập khi Vua Gia Long thống nhất sơn hà, hai đội binh này hoạt động cho đến đời vua Tự Đức thì chấm dứt do sự chiếm đóng của Pháp).

➤ II TÀI LIỆU PHÁP NGỮ:

Tài liệu này tôi được biết do một dịp hết sức tình cờ. Số là vào năm 1977 tôi tỵ nạn tại Pháp, thời gian đầu tôi tạm trú tại Foyer Ricci ở số 51 Bis Rue D'Alsace thuộc ngoại ô Paris. Trưởng Foyer là ông Nguyễn Thái Hảo, nguyên Tham vụ tòa Đại sứ Việt Nam Cộng Hòa tại Pháp. Trong một buổi mạn đàm, ông Hảo và tôi nói chuyện thời sự Việt Nam, nhân nhắc đến việc tranh chấp chủ quyền đảo Hoàng Sa thì linh mục Larre ghé đến (Linh mục Larre là người sáng lập Foyer Ricci và trước năm 1975 là Trung tâm trưởng Trung tâm Đắc Lộ ở đường Yên Đổ Sàigòn). Sau khi được ông Nguyễn Thái Hảo cho biết là chúng tôi đang bàn chuyện Hoàng Sa và không quên giới thiệu tên họ của tôi. Vốn là một giáo sĩ hoạt động ở Việt Nam gần 20 năm và từng nghiên cứu lịch sử Việt Nam nên cha Larre biết rất tường tận về con người và đất nước Việt Nam. Vì vậy khi nghe tôi mang họ Tôn Thất, cha Larre vụt nói:

— Ồ rất hân hạnh, nếu ông là người trong hoàng tộc (cha Larre dùng chữ Famille Royale) mà nói đến đảo Hoàng Sa hẳn ông rất hãnh diện vì tổ tiên của ông có nhiều công lao tại đó. Và chính những người sáng lập triều đại nhà Nguyễn đã khẳng định chủ quyền trên quần đảo bão tố đó. Ông có biết như vậy không?

Những lời linh mục Larre vừa nói làm cho tôi hết sức ngỡ ngàng vì thực ra tôi không biết vị vua đã xác định chủ quyền trên đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Tôi vội lơ lửng trả lời:

— Thưa cha, tôi không được rõ lắm (ý tôi muốn cha Larre nghĩ là tôi có biết nhưng không biết tường tận cho đỡ mất mặt).

Nghe tôi đáp như vậy cha Larre tiếp lời:

— Hiện trong văn khố Bộ Ngoại Giao Pháp có tài liệu chứng minh lời tôi vừa nói. Vậy nếu ông muốn tôi có thể dẫn ông đi xem khi thuận tiện. Tôi thiết tưởng đó là một điều rất cần thiết đối với một người mang họ Tôn Thất như ông.

— Thưa cha, nếu được cha hướng dẫn thì thật là một điều may mắn cho tôi. Tôi xin cám ơn cha trước.

Sau một vài câu chuyện liên quan đến sinh hoạt của Foyer Ricci, linh mục Larre đứng lên ra về. Khi bắt tay từ giã tôi, cha Larre đã nhìn thẳng vào mặt tôi và nói.

— Ông hãy hãnh diện về tổ tông của ông (nguyên văn tiếng Pháp là: Vous pouvez être fier de vos ancêtres).

Chừng hơn một tuần sau linh mục Larre lái xe đến Foyer đón tôi đi đến Bộ

Ngoại Giao Pháp. Vì là chỗ quen biết nên cha Larre đưa tôi vào gặp ông Gérard Chủ sự Văn Khố không mấy khó khăn. Sau khi được cha Larre cho biết mục đích chuyến viếng thăm của chúng tôi, ông Gérard bèn đưa cha Larre và tôi sang một phòng lưu trữ tài liệu khá rộng với nhiều tủ kệ to lớn. Sau một hồi tìm kiếm, ông Gérard lấy ra từ một chiếc kệ một chồng hồ sơ dày khoảng hai tấc đưa đến cho tôi, tôi nhìn thấy bên ngoài có đề hàng chữ: *PARACELS MÉMOIRES ET DOCUMENTS*. Giây lát ông Gérard nói:

— Đây là tất cả tài liệu về Paracels, ông tha hồ đọc và ghi chép nếu ông muốn. Và với giọng nửa đùa nửa thật, ông tiếp lời: Mais il faut pas déchirer, d'accord?

Khi Gérard vừa quay lưng, cha Larre liền bảo tôi:

— Tôi có chuyện phải làm, vậy ông cứ ở đây tra cứu tài liệu, lúc nào về cứ việc xuống Métro vì tôi không thể trở lại đón ông được.

Tôi ngỏ lời cám ơn linh mục Larre và đưa ông ra khỏi phòng rồi quay lại với tập tài liệu. Trong tập tài liệu nầy có nhiều thứ tiếng Việt, Pháp, Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha và chữ Hán. Trước hết tôi gạt ra một bên những loại chữ tôi không đọc được, chỉ giữ lại trước mặt các tài liệu Việt và Pháp ngữ. Về tài liệu chữ Việt thì có cuốn *Phủ Biên Tạp Lục* của Lê Quý Đôn và cuốn *Hoàng Việt Địa Dư Chí* của Phan Huy Chú viết vào thế kỷ thứ 10 do

lối về yêu thương

Lê Khắc Ngọc Quỳnh

Hoa tươi ngập lối đường về.
Lá xanh xanh mãi lời thề năm nao
Quê hương in dấu hoa đào
Tình người viễn xứ rạt rào niềm vui.
Nhớ xưa em e ấp cười
Một lần ai đã thốt lời yêu thương
Bàng hoàng giấc mộng bình thường
U uất chua xót những lời biệt ly
Người về em phải ra đi
Mà phương trời ấy có chi thay buồn ?
Cầm bằng như chuyện tang thương.
Chỉ rằng đã có tơ vương một thời
Bây giờ không gọi người ơi !
Tha phương lối ấy cả trời lạnh sao ?
Hôm nay nắng ấm lên cao
Mây xanh xây lối, đường sao trở về.
Tình nồng là của trời quê
Yêu thương chỉ để bốn bề nước non.

Viện Sử Học Hà Nội dịch và ấn hành năm 1970. Cuốn PBTL vì đã đọc ở Sàigòn rồi nên tôi chỉ đọc lướt qua. Riêng cuốn HVĐDC của Phan Huy Chú tôi vừa lật ra định đọc nhưng nhìn lại xuất xứ từ Hà Nội nên không muốn đọc nữa vì nghi ngờ tính chất trung thực. Tài liệu chữ Pháp thì có nhiều nhưng tựu trung có 3 tài liệu tôi lưu ý nhất. Đó là tờ *Bulletin des Amis du Vieux Huế* (tôi không nhớ năm tháng phát hành nhưng chắc chắn là sau năm 1920). Tập *Les mémoires sur la Cochinchine* của Jean Baptiste Chaigneau tên Việt là Nguyên Văn Thắng và một tập của linh mục Taberd có tựa đề rất dài tôi không nhớ nổi, mà hình như có những chữ... *Histoire et description de tous les peuples*... mà tôi sẽ lần lượt ghi lại dưới đây:

1. Về tài liệu do tờ Bulletin des Amis du Vieux Huế ghi lại thì tôi vô tình không để ý xuất xứ, chỉ nhớ thoát ý một số chi tiết như sau:

— Sau khi minh định chủ quyền Hoàng Sa, Vua Gia Long hạ lệnh cho hai đội Hoàng Sa và Bắc Hải phải thường xuyên tuần tiểu ở Hoàng Sa và Trường Sa.

— Phái võ quan đến Hoàng Sa để thám sát và ước lượng hải trình từ kinh đô tới đảo vì nhà Vua nghĩ rằng quần đảo này có tiềm năng kinh tế lớn nếu biết khai thác và ngài có dự tính sẽ đưa một số dân ở Phú Xuân ra định cư tại đảo để tiện bề khai thác.

Về phần Vua Minh Mạng thì Ngài đã tiếp tục chính sách của vua cha bằng các việc sau đây:

— Phái người ra lập họa đồ về địa thế Trường Sa và Hoàng Sa cùng đo đạc diện tích có thể trồng trọt được.

— Ra lệnh cho Bộ Công chở vật liệu ra đảo xây cất một miếu thờ những người chết chìm và một thần từ phía trước có tấm bình phong đề bốn chữ VẠN LÝ BA ĐÌNH.

— Vua nhận thấy chung quanh Hoàng Sa có nhiều đảo thấp, vào mùa nước dâng cao các tàu bè qua lại không thể phân biệt đâu là nước, đâu là đảo nên thường gây ra tai nạn chìm tàu. Do đó vua ra lệnh chở nhiều cây dương liễu ở đất liền ra trồng trên các đảo thấp để giúp tàu bè qua lại dễ nhận thấy, tránh được tai nạn chết người, có lợi cho các đời sau.

— Qua năm sau Vua Minh Mạng lại ra lệnh chở nhiều cây mốc lớn đem cắm trên mỗi đảo có ghi rõ địa thế, vị trí, bề dài, bề ngang, độ cao, độ sâu của biển và ghi ngày tháng cắm mốc.

Tất cả những việc làm trên đây của Vua Minh Mạng trong tài liệu đều có ghi tên họ của các quan phụ trách nhưng vì đọc quá lâu ngày nên tôi không nhớ.

2. Tập hồi ký của Jean Baptiste Chaigneau xuất bản năm 1923, đoạn nói về Hoàng Sa có nhiều chi tiết tương tự như trong tờ Bulletin des Amis du Vieux Huế. Riêng đoạn đầu ông viết đại ý: *"Vua nước Nam xưng Đế hiệu là Gia Long. Chủ quyền gồm có Cochinchine, Tonkin, một phần đất Cao-Mên và Paracels gồm nhiều đảo nhỏ. Năm 1816 đương kim Hoàng đế đã chính thức lấy chủ quyền đảo này"*. (Tôi không nhớ trọn nguyên văn chữ Pháp mà chỉ nhớ được mấy chữ cuối cùng là: *"...C'est seulement en 1816 que l'Empéreur actuel a pris possession de cet archipel."*)

3. Về tài liệu của Giám mục Taberd xuất bản năm 1933 thì hình như ông dựa vào hồi ký của Chaigneau nên nội dung gần giống nhau, chỉ khác tên gọi đảo Hoàng Sa. Trong khi Chaigneau gọi là Paracels, Taberd lại gọi là Sable Jaune. Câu kết của Taberd nói về việc Vua Gia Long xác nhận chủ quyền ở đảo thì ông viết: *"...et ce fut en 1816 que l'Empéreur Gia Long y abore solenellement le drapeau Cochinchinois."* Có nghĩa là Vua Gia Long đã long trọng treo cờ nước Nam tại đảo vào năm 1816.

Ngoài các sử liệu trên đây, hình như vào năm 1973 tôi gặp ông Nguyễn Kim Nhường, Trưởng ty Khí Tượng Đà Nẵng kể chuyện hồi mùa hè ông ra công tác ở Hoàng Sa, ông thấy cây trụ xi-măng đã gãy mất khúc trên, khúc dưới có kẻ mấy chữ **"l'Empéreur Gia Long"** và ông có lượm được một đồng tiền đúc từ thời Vua Gia Long là đồng Gia Long Thông Bảo.

Căn cứ vào các sử liệu trên đây chúng ta có thể quả

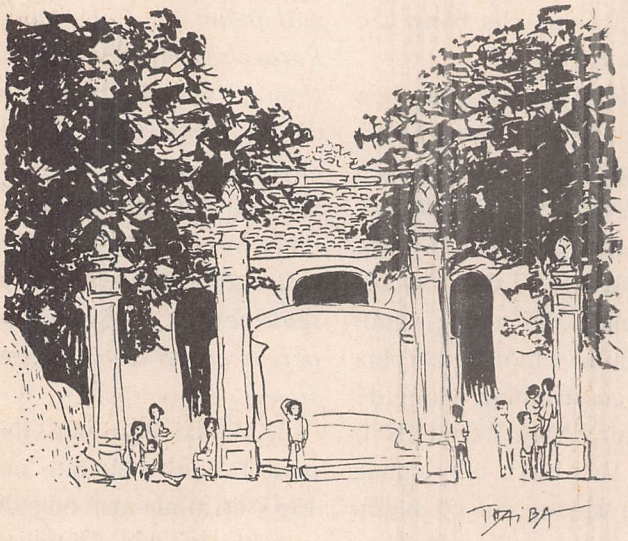

quyết rằng Đức Thế Tổ Cao Hoàng là người đã xác định và hành xử chủ quyền nhà Nguyễn trên quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa vào năm 1816 khi ngài cho cắm lá cờ vàng của Hoàng gia tại đó. Và với con mắt của một người lão luyện trong chiến trận, ngài nhận định quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là một vị trí chiến lược quan trọng để bảo vệ non sông nên sau khi vừa thống nhất sơn hà, ngài đã lập tức tái thành lập hai đội binh Hoàng Sa và Bắc Hải để canh phòng và tuần tiễu chung quanh hải đảo. Ngay cả việc ngài dự tính di dân từ Phú Xuân ra Hoàng Sa để tiện bề khai thác tài nguyên mà ngài nghĩ là rất phong phú, điều đó chứng tỏ Đức Thế Tổ Cao Hoàng là một người nhìn xa thấy rộng và rất phù hợp với thực tế hiện nay khi các thế lực quốc tế muốn tranh dành chủ quyền ở Hoàng Sa và Trường Sa. Người kế vị ngài là Vua Minh Mạng cũng đã tiếp nối chính sách của Tiên Đế bằng những việc làm mà các sử gia đã ghi lại những giòng chữ đem lại cho giòng họ chúng ta một niềm hãnh diện lớn lao.

Trên đây là tất cả những gì tôi ghi nhận được về công lao của Liệt Thánh đối với một phần lãnh thổ của quê hương. Việc ghi chép của tôi chắc chắn còn nhiều thiếu sót, quá ít ỏi so với công sức mà các ngài đã làm cho quê hương đất nước. Phải chi ngày tôi đến Bộ Ngoại Giao Pháp tôi biết được nhiều ngoại ngữ để có thể tham khảo hết các sử liệu thì bài này nhất định sẽ đầy đủ hơn. Nhưng tôi vẫn nghĩ rằng chỉ chừng ấy thôi cũng đủ cho lịch sử phê những nét son vào phổ tộc chúng ta.

Đồng thời với niềm hãnh diện về một giòng họ có công thống nhất sơn hà và nới rộng biên cương tôi lại xót xa nhận thấy những chính quyền kế tiếp nhà Nguyễn đã coi thường vị trí chiến lược Hoàng Sa. Hình như những nhà lãnh đạo chính quyền tiếp nối nhà Nguyễn đều cùng nghĩ rằng Hoàng Sa chỉ là nơi có chút ít giá trị về kinh tế hay chỉ là nơi phát xuất những trận "cuồng phong bão tố" nên đã lơ là trong vấn đề binh bị tại đó khiến Hoàng Sa đã bị mất vào tay Trung Cộng một cách quá dễ dàng (Theo tôi biết thì vào thời kỳ 73, 74 chỉ có một đại đội Địa phương quân thuộc tỉnh đoàn Quảng Nam trấn giữ trên 100 hòn đảo lớn nhỏ thì làm sao chống đỡ nổi với lực lượng hải quân hùng hậu của đối phương?) Còn lại Trường Sa thì đang bị xâu xé bởi nhiều thế lực mà cuộc tranh chấp đã trở thành tầm vóc quốc tế. Không biết trong tương lai nước Việt có gìn giữ được một phần đất quan trọng mà giòng họ Nguyễn đã dày công vun quén hay không? Kẻ viết bài này mong các nhà lãnh đạo Việt Nam (dù là Cộng sản) hãy cố gắng dành lại lãnh thổ, đừng để mất đi những mồ hôi nước mắt của tổ tiên chúng ta.

Xuân Tân Hợi 1995
Viết nhân ngày
húy nhật thứ 175 của
Đức Thế Tổ Cao Hoàng.

○ Tôn Thất Tùng

Chùa Từ-Hiếu

Nguyễn-phúc Bửu Tập

và các Cậu Giám

Khách du viếng Huế, nếu may mắn gặp một người hướng dẫn có tâm hồn thơ mộng, thế nào cũng được đem đến thăm một ngôi chùa đặc biệt, chùa Từ Hiếu. Một ngôi chùa nhỏ, kín đáo, không có cái vẻ mỹ lệ của chùa Diệu Đế, Từ Đàm, lại khác xa cái quan cảnh trầm hùng của những ngôi chùa lớn xa thành phố như Thiên Mụ, Túy Vân. Thế nhưng chùa Từ Hiếu ngày trước quyến rũ người yêu Huế vì những nét đan thanh, kín đáo, lãng mạn, và nhiều hơn nữa, vì một vài điều bí sử của nhà chùa. Dân xứ Huế bao nhiêu đời quen thuộc với cái tư cách khiêm cung, tuy thích đùa giỡn, nhưng vẫn tránh phạm thượng, nhất là tránh chế diễu những điều tật nguyền. Vì vậy mà ít người biết đến cái tên hiệu của chùa. Người Pháp, trong thời kỳ "làm ông làm cha" dân thuộc địa ở đất Thần kinh đã căn cứ trên lịch sử của chùa gọi tên chùa là *"Chùa Thái Giám"* (Pagode des Eunuques/ Eunuchs Temple), các cụ xưa nhẹ nhàng nói theo là "Chùa Cậu Giám", "Chùa Các Cậu".

Chùa Từ Hiếu nằm trên một ngọn đồi nhỏ, thuộc làng Dương Xuân, huyện Hương Thủy. Khách du từ Huế theo đường Bến Ngự lên đàn Nam Giao, rẽ lên phía Bắc đi về hướng lăng Tự Đức sẽ gặp một ngôi chùa dấu mình kín đáo trong một lối rẽ ngoặc. Ở xa không nhìn thấy được chùa vì cành lá trên các ngọn đồi thông khá cao chung quanh vùng che phủ. Ngày trước, đường vào chùa vắng vẻ và nhỏ hẹp, hai bên đường cây lá um tùm, khách vừa đi nghe được tiếng chim hót, suối reo. Cảnh chùa được núi sông bao bọc, tiếp giáp với chu vi núi Ngự Bình ở phía Đông Nam và về phía Tây Bắc của chùa là giòng Hương giang. Vị trí chùa có đủ lợi thế qua cái nhìn phong thủy của người Á Đông, và trong con mắt của người Tây phương viếng cảnh, chùa được sắp vào một trong những thắng cảnh xinh đẹp nhất của Cố đô Huế (A. Laborde: Communication lue à la Réunion des Amis du Vieux Huế, 1918).

Chùa Việt Nam xây cất theo mẫu mực các chùa Trung Hoa. Mỗi ngôi chùa thường có một tấm bia lớn, đặt trong nhà bia ở cổng vào, dựng lên khi xây cất, để ghi các nguyên do và biến cố tạo nên việc thiết lập ngôi chùa. Các tấm bia lớn ở chùa Thiên Mụ là ví dụ cụ thể. Gần đây ta được đọc *"Bài Văn Bia"* của tác giả Đoàn Khoách dịch nguyên tác chữ Hán của Chúa Minh vương Nguyễn-phúc Chu (1691-1725) khắc trong chùa Thiên Mụ, nói về lịch sử nhà chùa (Tập san Tiếng Sông Hương 1995). Ông Đoàn Khoách nêu lên khuyết điểm là cho đến nay những bài viết về các tấm bia

ở chùa Thiên Mụ chỉ *"giới thiệu qua loa về nội dung hoặc trích dịch đoạn "minh" ở cuối bia, chứ chưa thấy ai giới thiệu toàn văn bài bia"*. Ông kết thúc kêu gọi *"các bạn đồng tâm ở Việt Nam, nhất là ở Huế... sưu tầm và phiên dịch và ấn hành những tấm văn bia còn sót lại ở Huế"*. Chúng ta mạo muội nối lời ông, mong ước là chính phủ Cộng sản hiện tại, nếu không vì tinh thần bảo trì di sản nhà nước, cũng sẽ nặng lo bảo trì các cơ sở du lịch để kiếm tiền bằng cách tổ chức và khuyến khích mọi cố gắng cá nhân trong việc sưu tầm, phiên dịch và ấn hành các sử liệu nói trên.

Ta trở lại chùa Từ Hiếu. Theo tài liệu của ông A. Laborde, một vị đốc sự Hành chánh Pháp có thời làm quan sứ ở miền Trung Việt, thích sưu tầm và nghiên cứu và đã trở thành một cây bút đắc lực của tập san Bạn Cố đô Huế (Bulletin des Amis du Vieux Huế, BAVH), chùa Từ-hiếu được nhà sư Nhật Định dựng lên, làm chỗ giảng dạy và đào tạo tăng sĩ. Việc sưu tầm của Laborde, về phương diện lịch sử, chỉ có vậy. Các chi tiết về năm xây cất, về tiểu sử sư Nhật định, về lý do chùa trở thành nơi đào tạo tăng sĩ... không thấy nói đến. Ta đoán được là các chi tiết này phải có trên tấm bia của chùa.

Một tài liệu mới hơn trong sách Việt Nam Danh lam Cổ tự (Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội 1993) ghi rõ là chùa Từ Hiếu được dựng lên năm 1843, dưới đời vua Thiệu Trị là một ông vua nhà Nguyễn rất sùng đạo Phật. Chùa do sư Nhật Định tạo dựng, lúc đầu cơ sở rất nhỏ, gọi là An dưỡng am. Sư Nhật Định thờ mẹ rất có hiếu, nuôi mẹ trong chùa. Vì mẹ đau nặng, không thể ăn trường trai, phải có dinh dưỡng thịt cá. Nhà sư không ngại, mỗi ngày xuống chợ mua thịt cá cho mẹ, nên bị người trong làng đàm tiếu.

Năm Đinh-mùi 1847, vua Tự Đức được tấn phong thay vua cha băng hà, nghe chuyện hiếu thảo của sư Nhật Định, sắc phong cho ông làm hòa thượng và chùa được vua sắc tứ là *"Từ Hiếu Tự"*.

Một tài liệu khác cũng trong tập san BAVH của vị Giám đốc Học chánh Trung Việt hồi đầu thế kỷ, ông H. Délétie cọng tác với ông M. Sogny xác định là chùa Từ Hiếu, từ xưa, đã là nơi làm chỗ tấn phong tăng sĩ. Ta sẽ trở lại mục này ở một đoạn sau.

Laborde còn dẫn một tài liệu quan trọng hơn về chùa Từ Hiếu, giảng giải vì sao ngôi chùa đã có cái tên kín đáo là chùa Cậu Giám. Năm 1893, dưới triều vua Thành Thái năm thứ năm, có ba vị thái giám trong triều, tên là Dương Oai, Đặng Tín và Nguyễn Khang, tự nguyện bỏ tiền riêng đã đành dụm được khởi công việc đại trùng tu chùa Từ Hiếu. Đồng thời nhờ thế lực của các ông thái giám này mà chính phủ Nam triều cũng đã dự phần vào việc xây cất tu bổ lại ngôi chùa. Trên tấm bia có ghi khắc sự kiện, theo lời tóm lược rất đơn sơ của ông Laborde. Các cậu giám sau bao nhiêu năm cung cúc tận tụy hầu hạ vua chúa, *"nghĩ đến số phận cay đắng của mình và tương lai bi đát vì không thể có hương hỏa phụng thờ, tự biết là chỉ có thể trông cậy vào chính bổn thân mình để tìm đường thoát nghiệp"*. Vì lẽ đó, họ xin nhà vua cho họ được trùng tu ngôi chùa để xử dụng làm nơi an dưỡng và thờ tự. Trên bia đá có khắc lời nguyện của các cậu giám: *"Sống, chúng tôi có được nơi lui tới nghỉ ngơi; khi đau ốm chúng tôi có chỗ an dưỡng; khi chết chúng tôi được an táng gần bên nhau. Sống gởi thác về, chúng tôi được gần gũi nhau"*. Đoạn văn này dịch từ Pháp ngữ, không phải từ nguyên văn chữ Hán. Ngày trước, các ông Tây dù có tinh thần bác học như Laborde, Délétie và chính cả cha Cadière (người khai sáng và chủ bút tập san BAVH) cũng vẫn khinh khi chữ Quốc ngữ. Trong các tạp chí điều nghiên quan trọng như Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient và Revue France-Asie... nhiều tài liệu được dịch từ chữ Hán sang tiếng Pháp, không bao giờ chú thích Hán Việt hay Việt ngữ. Nếu không sớm sưu tầm và dịch thuật các tài liệu bằng chữ Hán hay chữ Nôm mà phải căn cứ vào các bổn dịch đã sẵn có bằng tiếng Pháp, sợ không tránh được sai lệch.

Trở lại với chùa, qua vòm cây ta gặp cửa Tam quan chùa Từ Hiếu rất đẹp, xây làm hai tầng. Tầng dưới có ba cửa mở; từng trên dựng tượng La-hán. Qua cửa Tam quan là nhà bia đã nói ở trên và bức bình phong xây bằng gạch được nối dài bằng một bức tường thấp bao quanh một chiếc hồ trồng sen.

Kiến trúc chùa Từ Hiếu — là một ngôi chùa quy mô trung bình — với nhà bia, nhà chuông, chánh điện, nhà chứa kinh, trai phòng, dấu vết cơ sở vài lớp học của tăng chúng ngày trước... không có gì đặc sắc để hấp dẫn du khách, ngoại trừ vị trí của chùa trong một bối cảnh thơ mộng và hai nơi mà người viếng chùa nên nhìn kỹ.

Một là tháp Bồ-đề, còn gọi là am Bồ-đề, nằm ngoài khuôn viên chùa, đối diện với cổng Tam quan. Kiến trúc tháp đặc biệt, gồm ba tầng xây bằng đá và gạch. Tầng thứ nhất làm hầm, có tường kín bao bọc chừa một cửa gỗ không song luôn luôn đóng chặt. Tầng thứ hai cũng có tường xây kín bao bọc, trừ một lỗ hổng lớn không cửa, cách mặt sàng độ hai mét. Qua lỗ hổng, tăng chúng trong chùa Từ Hiếu và các chùa trong vùng trong tỉnh, đem những cuốn kinh sách mục nát, hoặc các dụng cụ tế lễ như chuông mõ, hoặc các tượng bể gãy bỏ vào lỗ hổng. Tầng thứ ba cũng bít kín, chung quanh trổ chạm bằng mảnh sành. Trên nắp tháp xây một chiếc bầu nậm.

Tháp Bồ-đề được dựng lên năm Bính-Thân 1896, dưới đời vua Thành Thái, do sáng kiến của một ông thái giám được bà mẹ vua xuất tiền yểm trợ xây cất. Ngày xưa kinh điển được viết trên lá bối, trên thẻ tre. Các bộ kinh lớn được thỉnh từ Trung Hoa sang nước ta và các chùa luân phiên chép lại trên giấy bồi dễ mục nát. Người Á-Đông vốn trọng kinh điển và dụng cụ tế lễ, không bao giờ đem đốt hoặc thiêu hủy, khi không dùng được nữa. Tháp Bồ-đề làm nơi chứa kinh, tượng và chuông mõ phế thải để các vật này tự phân hóa.

Một nơi khác có ý nghĩa đặc biệt trong chùa Từ Hiếu là "Nghĩa trang các cậu giám". Như trên đã nói, chùa được vua Thành Thái cho tu bổ lại vào cuối thế kỷ 19, làm nơi thờ tự của các cậu giám. Bên cạnh chùa, cùng chung một cánh đồi, xây một nghĩa trang riêng có tường thấp bao bọc, phân biệt với phần đất tháp của chùa, là nơi dựng tháp và mồ cho các sư trụ trì hoặc tăng chúng quá vãn. Nghĩa trang các cậu khác với nơi chôn cất người thường. Mồ mả người thường được đặt theo chiều hướng do thầy phong thủy định. Mộ cậu giám xây cất song song với nhau, không cần phong thủy. Không ai nối giõi khi nằm xuống, khỏi cần lo lắng cho đời sau hưng thịnh, chỉ cần thỏa được điều ước nguyện là các cậu mãi mãi được gần nhau, như đã khắc trên bia. Đầu thế kỷ, lúc Laborde đến viếng chùa và để lại tài liệu bia Từ Hiếu như ta thấy ở trên, nghĩa trang các cậu đã có 18 ngôi mộ. Trong số mộ phần có chín ngôi để trống, để chờ các cậu giám đang còn sống.

Ở trên ta nói chùa Từ Hiếu ngày xưa làm chỗ thọ giới cho các tu sĩ. Trong tập kỷ yếu BAVH, 1918 các ông H. Délétie và M. Sogny để lại bổn tài liệu *"L'initiation des Bonzes à la Pagode des Eunuques"* (Lễ Thọ giới của Tăng sĩ tại chùa các ông Thái giám). Délétie, ngày đó là giám đốc Học chánh Trung kỳ, bằng lời văn chải chuốt tả lại một buổi lễ Thọ giới ông ta được dự, kéo dài trong ba ngày. Buổi lễ, tiếng nhà Phật gọi là Đàn kỳ (upasampada, chữ Pali), tổ chức tại chùa Từ Hiếu cho tăng chúng trong năm tỉnh Bình, Trị, Thiên, Nam, Ngãi gởi các tụng sinh (người mới đi tu, chú tiểu, samanera) và các tu sĩ lớn chưa được chính thức thụ phong đến dự thí. Thí sinh gồm có 300 tu sĩ đã sinh sống tại chùa, 50 mươi cư sĩ tại gia muốn vào chùa hẳn và 100 ni cô. Hội đồng Tuyển chọn do vị Tăng cang chùa Diệu Đế chủ tọa, gồm có mười vị Tăng cang, Trụ trì, Tự trưởng các chùa lớn ở miền Trung làm hội viên. Cuộc thi gồm ba phần:

— Ngày thứ nhất, "Sa di giới đàn", tuyển chọn chính thức các thí sinh làm sa di;

— Ngày thứ hai, "Tì kheo giới đàn", chọn hàng sa di đủ điều kiện làm tì kheo (bhik-khu);

— Ngày thứ ba, "Bồ tát giới đàn", chọn và tấn phong hàng Đại đức và Thượng tọa.

Cuộc thi loại thí sinh từng đợt, chọn 300 người trúng tuyển trong số 450 người ứng tuyển. Sau bổn trình bày Đàn kỳ là một tài liệu của M. Sogny, ngày đó là Chánh Mật thám (cơ quan an ninh) ở miền Trung, bổ túc tài liệu Délétie cho ta hiểu rõ là tuy cuộc thi hoàn toàn do chính chùa Từ Hiếu tổ chức (ngày đó chưa có các hội Phật giáo ba miền Trung Nam Bắc, cũng chưa có các tổ chức độc lập của tăng đoàn Sangha, như viện Tăng-thống, như viện Hóa-đạo) cho nên mọi việc sắp xếp đều phải được chính phủ Nam triều (Bộ Lễ) y chuẩn và công bố. Dưới triều các vua nhà Nguyễn, tuy đạo Phật không còn là quốc giáo nhưng mối tương quan hỗ trợ giữa đạo và chính quyền vẫn giữ chặt chẽ.

Ở trên ta đã vạch ra được sự liên hệ giữa chùa và các cậu giám. Ta thử tìm hiểu rõ hơn nữa đời sống của các ông thái giám và đặc biệt là các cậu giám triều Nguyễn, một vài người ta còn gặp được ở miền Trung, giữa hai cuộc thế chiến.

Theo từ điển Đào duy Anh, thái giám đồng nghĩa với hoạn quan; thái giám là người không có cơ khí sinh dục, hoạn là thiến mất cơ năng sinh dục. Thái giám tiếng Anh gọi là eunuch, tiếng Pháp eunuque; mất bộ sinh dục vì hoạn, thiến tức là làm mất bộ phận ngọc hoàn hay dương vật của người đàn ông (castration). Tập tục đã có từ năm nghìn năm trước, trên đất Mesopotamia, truyền sang Ấn Độ dưới thời văn minh Vệ Đà, và từ đó lên Trung Hoa, khoảng tám thế kỷ trước Tây nguyên. Về mặt địa dư, tập tục này chỉ phổ cập vào hai nơi là miền Cận Đông và Á Đông. Nguyên do của tập tục cho đến bây giờ vẫn chưa giải thích được thỏa đáng. Có lẽ người xưa quan sát loài thú vật, khi chúng mất bộ sinh dục trở nên tốt mã, dễ nuôi dạy và rất trung thành với chủ. Thời đó, người nô lệ sánh ngang với súc vật, chủ nhân lựa kẻ nô lệ mạnh và trẻ đem thiến, tạo nên món hàng đắt tiền. Một lý do quan trọng khác là ngày xưa vua chúa và những người quyền thế giàu sang có nhiều tì thiếp. Tại Trung Hoa lúc Hán Lưu Bang diệt nhà Tần, vào cung đếm được ba nghìn mỹ nữ. Tại các nước Hồi giáo, lịch sử cận đại còn thuật lại là trong cung đình đếm được trên mười nghìn mỹ nữ, nô lệ và thái giám. (L. Massignon, Annuaire du Monde Musulman, Paris 1955). Massignon thuật lại, năm 1867, một người tù trưởng Muhammad Ali đem dâng làm quà lễ tấn phong ông Sultan (vua Thổ-nhĩ-kỳ) 200 người nô lệ trẻ đã được thiến kỹ để phục vụ trong động cung phi (Harem).

Về mặt cơ thể học, có hai loại người giám. Một là giám bẩm sinh, có những người sinh ra thiếu bộ phận sinh dục. Loại người giám này được đánh giá rất cao. Hai là giám vì thiến bởi hình phạt phạm tội lớn, hoặc bởi lý do đói kém bị bắt làm nô lệ hay tự thiến để bán mình làm tôi đòi. Phương pháp thiến người đàn ông thông dụng nhất là kéo giật mất hai viên ngọc hoàn hoặc cắt bằng dao kéo nung lửa hồng. Tỉ lệ chết nếu thiến trẻ con từ 8 đến 12 tuổi khá cao; tỉ lệ cao hơn nữa ở tuổi trưởng thành. Ngày trước tại Trung Đông và Bắc Phi có những làng, những trung tâm sống về nghề thiến người.

Tưởng cần nhắc thêm chút ít về kỹ thuật hoạn để hiểu dễ vấn đề sinh lý của các ông giám. Bộ phận sinh dục đàn ông gồm hai cơ quan. Một là bộ ngọc hoàn, nơi phát sinh ra dương kích tố (androgen) và tinh trùng (spermatozoid); hai là dương vật. Kỹ thuật thiến ở Cận đông lấy hết cả hai bộ phận, người bị thiến mất hoàn toàn tình dục và phương tiện làm tình. Phương pháp này để tuyển chọn người nô lệ phục vụ trong Harem hoặc để thiến các tu sĩ (nhiều bộ môn Hồi giáo và Cơ đốc giáo đòi hỏi tu sĩ hiến mình hoàn toàn cho Thượng đế bằng cách loại hẳn tình dục). Kỹ thuật thiến từ Cận đông sang Ấn Độ, được dùng ngay vào chế độ kỳ thị giai cấp. Theo luật Manu, người ở giai cấp Sudra làm tình với một người Bà-la-môn sẽ bị kết tội thiến dương vật; đệ tử Bà-la-môn nếu làm ô uế chỗ ngủ (làm tình) của bổn sư sẽ bị thiến cả dương vật lẫn ngọc hoàn.

Người Trung-hoa chú trọng về triều đại nhiều hơn. Ai phạm tội hại vua phải tru di tam tộc (giết cả ba họ: cha, mẹ, vợ), trừ các trẻ con dưới mười tuổi, đem thiến làm thái giám. Người Tàu thiết thực quy tội tình dục người đàn ông vào chiếc "đòn cân tạo hóa", đem chặt một nhát khi thiến. Vô tình hay cố ý, họ làm cho cậu giám khổ sở hơn muôn phần. Ngọc hoàn còn đó, tình dục vì cấm đoán, nên khẩn trương tột độ, mà dụng cụ lại không có. Bao nhiêu bi thảm trong hai pho truyện *The Chinese Art of Love* (London, 1972) và *Annuaire du Monde Musulman* (Paris, 1955) cần đọc để thêm kiến thức.

Người bị thiến thay đổi một phần các nét cơ thể sinh lý. Lông trong người rụng mất, nhưng trái lại tóc giữ nguyên, láng như tóc đàn bà, và về già tóc không bạc; giọng nói trở nên lanh lảnh rất đặc biệt. Các cậu giám thường tư lự, dễ buồn bã, cũng dễ vui đùa giận hờn, thiếu trí nhớ. Không được hưởng thú sinh dục nên đâm ra thèm ăn, thèm nhậu. Các cậu thường ngồi lê đôi mách, rất hà tiện, luồn trên ép dưới. Khi có chút quyền thế thường trở nên độc ác và thiếu lương tâm. Điều này cũng dễ hiểu vì họ là nạn nhân của một tật nguyền hoặc là nạn nhân của một tập tục xã hội vô cùng man rợ.

Một điểm khoa học cần ghi nhận là sau khi bị thiến, sinh dục tính (libido) của các cậu giám không mất ngay mà tăng cường thập bội trong vài đôi năm, sau đó mới dần dần mất hẳn. Vì lẽ đó mà trong thời kỳ văn minh La Mã sắp sụp đổ, con buôn Ả Rập thiến các chú bé nô lệ xinh đẹp ở tuổi dậy thì đem bán sang Roma cho các bà mệnh phụ dùng. (Thousand Nights and One Night, London 1884; Nghìn Lẻ Một Đêm, chuyện số 368).

Sử ký các nước Hồi giáo ở Cận đông và sử ký Trung Hoa chép đầy những chuyện chính sử và giả sử li kỳ về hành vi của các người giám trong mọi lãnh vực, triều đại, chính trị, xã hội. Nơi đây ta chỉ nói đến các ông giám Việt Nam, đặc biệt ở kinh đô Huế, trong các triều vua cận đại. Tuy vậy, tưởng cũng nên nhắc qua chút ít tư liệu về giám quan ở bên Tàu, bởi lẽ tập tục trong nội cung xứ ta thường chỉ là nét phản ảnh rất mờ các tập tục Trung Hoa. Giữa thế kỷ 19, một nhà ngoại giao Pháp Maxime Maybon để lại cuốn sách ký sự *La Vie Secrète de la Cour de Chine* (Những Điều Bí Ẩn trong Cung đình Trung Hoa) có đoạn rất bổ ích nói về các ông giám, xin lược dịch như sau:

"... Ở cửa hậu cung, chúng (các ông giám) được tập trung sống chui rúc trong một giãy doanh trại. Chúng giữ quầy, gác đêm, thủ trại, chăn ngựa, canh cửa, làm quản thủ, quản gia, hầu cận, làm thừa lại, làm con hát, làm hề.

Thừa hành công việc này, chúng sẵn sàng tâu bẩm, rình rập, làm chứng giả mạo, lừa đảo, biển thủ, không một tội ác nào mà chúng không dám làm. Chúng quản lý bốn-mươi-tám cung viện, điều hành một cách xấc xược đời sống trong cung. Theo thông lệ, phải có ba nghìn thái giám trong cung; sự thật chúng nhiều hơn gấp bội. Thế nhưng chỉ có một số rất nhỏ được chọn lựa dùng vào việc liên lạc giữa thiên tử và cung tần. (Trong lịch sử) đã xảy ra nhiều lúc người lãnh tụ thái giám tuy chỉ là một quan chức hàng tứ phẩm, đã dám công khai kháng lệnh đức vua.

Trong khắp nơi tam cung lục viện, đâu đâu cũng thấy bóng dáng hoạn quan; chúng bám sát từng người cung nữ... Khi màn đêm rơi xuống, chúng nằm ngoài cửa phòng kín của mỗi cung phi.

Mỗi tối, thái giám thường trực rút vào một phòng kín trong nội tẩm, nhìn vào các hộc đựng các thẻ ngọc khắc tên cung nữ nét vàng. Trong ngày, thiên tử đã chọn sẵn một thẻ, đánh dấu bằng cách đặt ngược chiếc thẻ trong hộp. Hiểu được lệnh trên rồi, thái giám rời nội tẩm, tiến về phiá viện các cung phi. Đến trước phòng người cung nữ được chọn, thái giám đốt chiếc đèn lồng đỏ có quai bằng sừng treo ở cửa phòng. Trong phòng người cung nữ đã tắm gội sẵn, cởi bỏ y xiêm. Thái giám đi vào, tay nâng chiếc áo choàng màu đỏ thắm. Người cung phi run rẩy vì trần truồng trước cặp mắt

không hồn của viên thái giám. Y choàng chiếc áo rộng vào người đàn bà phủ kín tấm thân ngà ngọc, ôm siết vào người, nhấc bổng bế đi qua một dãy hành lang đầy tiếng xôn xao (ganh ghét). Thái giám mau chân hơn, ôm sát vào ngực món hàng trân quý... Rồi đến nội tẩm, không khí ấm áp hơn. Thái giám dừng chân. Ánh sáng mờ ảo. Đâu đây tiết ra mùi hương trân trọng. Thái giám đặt món hàng trên thảm lụa một chiếc giường...

Sáng hôm sau, ông thái giám trực lại ôm người ngọc, lúc này đang ngái ngủ, ê chề nhưng toại nguyện vì ân sủng, trở về nội viện. Xong, y lập một biên bản, tài liệu công chứng trong trường hợp người đẹp thụ thai. Trước khi trở lại nội viện, người đẹp được bế xúng xính trong khung lụa đỏ đến làm lễ thổ thần trên điện, cảm tạ ơn trên đã cho mưa móc thấm nhuần."

Dĩ nhiên đấy là chuyện trong nội cung nước Tàu. Phương tiện cung đình nước ta hạn hẹp, không thể có cả nghìn cung nữ và cả nghìn thái giám trong nội thành. Tại nước Nam, trừ vài trường hợp đặc biệt và có lẽ vì nhu cầu hữu hạn, ít có người hoạn quan tự thiến. Đa số các thái giám phục vụ trong cung đình là những người bẩm sinh tật nguyền. Làng xã nước ta lại còn biến cái tật nguyền của đứa bé thành một phúc lợi, cho nên có câu tục ngữ: *"Gắng sanh ông bộ, để cho làng nhờ"*. Làng nào có đứa bé ái nam ái nữ phải khai báo quan, đứa bé được cấp dưỡng số tiền bằng năm tương đương với tổng số thuế thân của 17 người trong thôn. Làng lại còn được hưởng miễn dịch cho một dân đinh; làng lại hy vọng là đứa trẻ sau khi tiến cung có thể trở nên đắc dụng, sẽ giúp đỡ cho làng. Đứa trẻ được làng đem tiến cung lúc lên mười tuổi, và được nuôi dạy trong Cung giám viện.

Nói về thái giám có tiếng tăm trong sử Việt Nam, trước hết nên nhắc tới những tấm gương anh dũng, tích cực. Sử ta thường nhắc đến ông Lý thường Kiệt, dưới triều đại cực thịnh nhà Lý, thế kỷ 12, cùng với người em là Lý thường Hiến, đã tự thiến mình để khỏi nặng gánh gia đình, hy sinh cuộc đời cho nước nhà. Sau anh em họ Lý, sử còn chép chuyện ông Phạm ứng Mộng, dưới triều Lý thái Tôn, thế kỷ 11. Vua nằm mộng, gặp một người tôi hiền giúp nước. Sáng dậy dạo chơi gặp một người giống hệt người trong mộng. Ông ra lệnh cho ông Mộng tự thiến, đem vào cung và về sau trở nên hiển hách. Trong sử cận đại, từ thế kỷ 18, nước ta chia làm hai, Bắc triều của họ Trịnh, Nam triều của họ Nguyễn. Bắc triều có ông thái giám Hoàng công Phụ nịnh bợ chúa Trịnh Giang khiến chúa thành xa xỉ và hung ác. Phụ ăn cánh với một người tôn thất tên là Trịnh Huệ, nắm tất cả quyền hành. Phụ xui Trịnh Giang làm nhà dưới hầm ở để tránh sấm sét. Cơ nghiệp họ Trịnh suýt mất vì tay Phụ nếu không nhờ có bà mẹ Giang lập người em là Trịnh-Doanh thay thế.

Một ông thái giám khác cũng đã tiếp tay làm mất họ Trịnh. Chuyện được tiểu thuyết hóa trong sách dã sử Bà Chúa Chè của Nguyễn triệu Luật. Thế tử Trịnh Sâm hiếu sắc, không dùng thẻ ngọc gọi gái như bên Tàu, mà viết tên yêu lên thẻ tre. Một hôm thế tử lơ đễnh sai cậu giám nhỏ truyền lệnh miệng. Ông giám trực Khê Trung Hầu là người tài tử, lại nhân hậu, muốn giúp một cung nữ vừa mới bị thất sủng, nên tráo y thị vào thay người được gọi. Thế tử gặp người cũ, ân hận, chăn gối luôn ba đêm, thụ thai sinh ra Trịnh Khải. Sau chúa Trịnh Sâm lại mê đắm Bà chúa Chè Đặng thị Huệ, bỏ Khải lập người con thứ, là duyên cớ làm mất họ Trịnh.

Bây giờ ta nói chuyện Huế, chúa Nguyễn miền Nam. Linh mục Koffler là một người Hòa Lan, thuộc Dòng Tên (Jesuits) đã sống tại Đàng trong, làm thầy thuốc chữa bệnh cho phủ chúa từ năm 1740 đến năm 1755. Ông để lại một tập hồi ký *"Notice Historique sur la Cochinchine"*, được trích đăng trong tập san Revue Indochinoise 1911, viết về các cậu giám như sau:

"Các ông thái giám được chúa rất trọng dụng. Có ba vị tên tuổi nhất, một người quản lý ngân khố, thâu thuế và

thanh toán mọi khoản chi tiêu trong phủ; uy quyền của ông lớn đến nỗi Chúa muốn tiêu dùng việc gì cũng phải do ông chấp thuận trước. Hai vị thái giám kia quản lý việc thương mãi; kiểm soát việc buôn bán vàng, sắt, ngà voi; điều khiển thuyền bè xuất nhập, tiếp liệu hàng hóa cho phủ Chúa."

Nhà Tây Sơn dấy lên làm mất nghiệp chúa Nguyễn. Vua Gia-long khôi phục cơ nghiệp, thống nhất Nam Bắc. Một vị thái giám đóng góp rất nhiều trong việc trung hưng họ Nguyễn là ông Lê văn Duyệt. Vì trung thành với tiểu chủ là hoàng tử Cảnh, ông chống đối việc lập hoàng tử Đảm lên kế vị. Vua Minh Mạng khi định lại việc phép tắc trong nước, giữ lòng căm hận hoạn quan Lê văn Duyệt, ban hành đạo dụ năm 1836 ấn định quy chế người thái giám trong cung đình.

Từ trước, trong triều đại Việt Nam, hoạn quan không có quy chế, thăng trầm tùy thuộc vào sự thương ghét của nhà vua. Quy chế mới loại hẳn người giám ra khỏi quan trường, lập ra nghạch trật để phát bổng lộc, chỉnh đốn cách ăn mặc, đi đứng nói năng lúc sống trong cung. Từ nay người giám lạm bàn vào chính trị sẽ bị xử tội lăng trì; không được nói chuyện với một người tì thiếp nếu không có vợ vua hay một bà quý phi đứng cạnh, luôn luôn ăn mặc tề chỉnh theo sắc phục đã định sẵn. Các cậu giám chức lớn mặc áo rộng màu lục; các cậu giám trẻ, áo màu xanh, trên ngực áo thêu một chiếc hoa màu xanh phông đỏ, khác với hình thêu loan phượng của các quan văn, và hình thêu lân ly của các quan võ. Y phục cậu giám đặc biệt nhất là cái mũ màu đen thêu chỉ vàng hình một con ve và một chiếc đuôi chuột. Các cụ xưa giải thích là người thái giám được ví như con ve tinh khiết chỉ sống với nước sương trên cành lá để phục vụ, và ví với con chuột chui rúc, len kẽ vào được bất cứ chỗ nào kín đáo nhất trong nhà.

Thật ra chế độ thái giám tại cung đình Huế đã chấm dứt dưới đời hai nhà vua cách mệnh và ái quốc là Thành Thái và Duy Tân. Dưới đời vua Thành Thái, chỉ còn 15 vị thái giám. Trước khi lên ngôi, vua và bà mẹ bị giam trong ngục, và có lẽ bị thái giám bạc đãi nên nhà vua giữ điều hiềm kỵ với các cậu giám. Trong số giám, năm người được bổ dụng giữ lăng tiên đế, An-lăng (vua Dục Đức), phục vụ các bà phi tần sống trong lăng sau khi vua mất; hai người hầu hạ bà mẹ vua, và tám người phục dịch trong nội cung. Vua Thành Thái lại có lệ như vua Tự Đức trước, dùng một số thị nữ hầu hạ, phục dịch hằng ngày (Đọc tài liệu của cụ Thân trọng Huề trong Nam Phong tạp chí về vua Tự Đức), mà không ngó ngàng tới các cậu giám. Vì lẽ đó, các cậu đã đứng xin tu bổ chùa Từ Hiếu làm nơi an nghỉ khi sống và khi chết.

Năm 1914, ông vua anh hùng nhất (sau vua Hàm Nghi) trong lịch sử thuộc Pháp là vua Duy Tân ra đạo dụ bỏ quy chế thái giám. Các cậu giám còn sống được giữ lại làm việc cho tới khi chết, nhưng sẽ không tuyển dụng thêm nữa.

Bài phúc trình của Laborde đọc trước một buổi hội của Các Người Bạn Cố Đô Huế năm 1918 cho biết là vào lúc đó, chính thức chỉ còn chín cậu giám (chính hiệu) còn sống. Dinh trại của các cậu ở ngoài biên Tử cấm thành, phía Bắc Thành Nội, cửa An Hòa, đã đổ nát hết chỉ còn lại một chiếc cổng trên khắc chữ "Cung Giám Viện môn", đối diện với một chiếc cổng khác của một ngôi nhà cũng đổ nát là "Bình an đường", nơi các cung nữ lúc gần chết được đem từ trong cung ra cho các cậu giám săn sóc chờ chết. (Lệ xưa, chỉ có mẹ và vợ vua được chết trong cung).

Sung mãn tinh thần hiếu cổ, Laborde đề nghị với giới sĩ phu ngày đó sớm thực hiện các cuộc điều nghiên về đời sống các cậu giám với số nguyên liệu sống (in situ & in vivo) đang sẵn có. Tiếc thay lời kêu gọi không kích thích được mấy thiện chí. Tám mươi năm đã đi qua, bây giờ tìm hiểu rõ tập tục và đời sống các cậu giám không còn là việc dễ.

○ **Nguyễn-Phúc Bửu Tập**

Định Mệnh

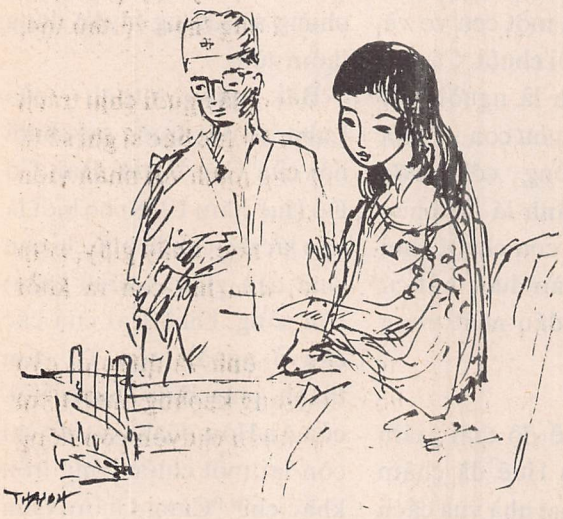

Võ Văn Tùng

1.

Tâm trở về California thấm thoắt được gần mười năm. Là một y sĩ mở phòng mạch tư, công việc do mình làm chủ nên dễ chịu. Giờ giấc tùy mình kiểm soát, nhưng bao giờ Tâm cũng cố gắng đi đến nơi làm việc đúng giờ, trừ những lúc kẹt ở bệnh viện. Những lúc ấy, chính là lúc Tâm đang sống trong giây phút căng thẳng, hồi hộp của nghề nghiệp.

Hôm nay, công việc khá suông sẻ nhờ mấy bệnh nhân đầu tiên dễ điều trị như nhức đầu, sổ mũi, cảm ho. Vào khoảng xế chiều, Tâm vừa khám xong một bệnh nhân ở phòng ngoài, bước vào phòng kế cạnh thì gặp ba mẹ con đang ngồi chờ. Người đàn bà còn khá trẻ, ăn mặc hợp thời trang, đứng dậy chào Tâm với giọng Huế đặc sệt. Hai đứa nhỏ cũng đứng dậy theo mẹ, lễ phép cúi đầu. Tâm tự nhủ bà này dạy con quá khéo rồi ngồi xuống hỏi chuyện. Người đàn bà cho biết, chồng là một kỹ sư hiện làm việc ở Long Beach. Bà ta ở nhà, lo việc nội trợ và trông con. Đứa con trai lớn lên năm tuổi, tên Toàn, mặt mày sáng sủa. Cháu gái tên Ánh, mới ba tuổi, kháu khỉnh, xinh xắn trong chiếc áo đầm trắng loại đắt tiền. Hai cháu đều sinh ở Cali và cho đến nay chưa hề mắc chứng bệnh gì quan trọng.

Tâm thân mật hỏi tiếp:

— Ở Huế, nhà chị ở mô?

— Dạ hồi trước gia đình em ở Thành Nội, em người làng Kim Long.

Giọng nói nhỏ nhẹ, với dáng dấp mảnh khảnh dễ thương, khi cười có hai má núm đồng tiền thật sâu và chiếc răng khểnh rất duyên dáng, người đàn bà này chắc cũng có một thời hoa khôi

"Kim Long có gái mỹ miều, Trẫm thương, Trẫm nhớ, Trẫm liều, Trẫm đi".

— Anh ở nhà người miền nào, chị?

— Dạ cũng người Huế, nhà gần cầu Kho Rèn.

Trước khi bắt đầu khám bệnh, Tâm muốn biết thêm vài chi tiết:

— Hôm nay ai giới thiệu chị đến đây? Hai cháu đau chi?

— Thưa bác sĩ, cháu không đau chi cả. Em đem đến để nhờ bác sĩ khám tổng quát. Lúc trước em học ở Huế, có vào Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng thực tập. Hồi đó bác sĩ Đinh dạy tụi em về hộ sinh, còn bác sĩ dạy tụi em về nhi khoa nhưng chắc vì khóa sinh đông, lại lâu ngày nên bác sĩ quên rồi, không nhận ra.

Tâm cố moi trí nhớ, thả hồn mình vào chốn xa xưa, vùng Quảng Đà, nơi mà 20 năm về trước tên tuổi chàng đã được nhiều người biết đến. Chàng liên tưởng đến những cán sự y tế, nữ hộ sinh, y tá điều dưỡng, nội trú bệnh viện,

những người cùng một thời đã học hoặc cộng tác với chàng. Một tia sáng gợi lên trong ký ức, chàng đã nhận ra người học trò cũ.Phải rồi, Minh Nguyệt có má núm đồng tiền và chiếc răng khểnh duyên dáng. Chàng chỉ cười.

— Chị cởi áo cho cháu.

Tâm nhìn qua tình trạng tổng quát rồi khám tai, mũi, họng, nghe tim phổi, sờ bụng trên bụng dưới, khám tay chân cho hai đứa bé, cuối cùng là các phản xạ thần kinh.

— Sức khỏe cháu Ánh tốt lắm, chị khỏi lo. Riêng cháu Toàn hơi yếu, cần ăn uống đầy đủ và uống thêm vitamine mỗi ngày. Trẻ con ở Mỹ được diễm phúc hơn trẻ con xứ mình vì thức ăn dư thừa, nhất là sữa tươi, hằng ngày chị nên cho cháu uống hai ba ly.

Người mẹ với khuôn mặt trái xoan, vừng trán cao, tóc cắt ngắn, đôi mắt long lanh bỗng dưng đứng lặng. Một lúc, chị ngập ngừng:

— Thưa thật với bác sĩ, con em thiếu sữa cho nên em đem cháu đến đây để xin bác sĩ ký cho cháu "bông sữa WIC".

Câu nói làm Tâm rất ngạc nhiên. Một người đàn bà bề ngoài khá sang trọng, con cái ăn mặc tươm tất, chồng là một kỹ sư mà lại nói con thiếu sữa uống.

— Anh ở nhà vẫn làm việc chứ?

—Dạ phải.

— Chị có biết "bông sữa" chỉ dành cho những gia đình có lợi tức thấp không?

— Dạ em biết và em cũng cảm thấy tủi hổ mới đi tìm bác sĩ là chỗ quen biết xưa. Nếu giúp được thì bác sĩ giúp, em xin đội ơn. Nếu không được, xin bác sĩ dấu dùm cho em.

Nói xong nàng rơm rớm nước mắt làm Tâm xao xuyến trong lòng.

Theo chương trình sắp xếp mỗi ngày thì giờ khám bệnh dành cho trẻ con khoảng mươi, mười lăm phút, nhưng với trường hợp này thời gian hạn định đã qua. Tâm nghe tiếng thở dài của bệnh nhân phải chờ chàng hơi lâu ở hai phòng kế cận nên muốn giải quyết cho xong chuyện.

— Thế chị xin "bông sữa" cho một cháu hay cả hai?

— Dạ chỉ xin cho cháu trai thôi, cháu kia ba nó lo.

— Răng mà lạ rứa hè!

Người đàn bà như hơi ân hận đã lỡ lời.

— Dạ... Câu chuyện rắc rối lắm bác sĩ ơi. Hôm nào có dịp hoặc bác sĩ rảnh rỗi em kể cho bác sĩ nghe.

Lại một trong những chuyện tình đầy uẩn khúc gì đây! Tâm nhanh tay lấy phiếu ra điền. Người mẹ tỏ ra thông thạo về thủ tục, vội nói:

— Bác sĩ cứ đề tên em là người chịu trách nhiệm về cháu bé, còn lợi tức bác sĩ ghi số 0, em sẽ xoay xở và chứng minh với nhân viên trên chương trình WIC...

Người đàn bà mắt đỏ hoe, nhận giấy, cám ơn và chào Tâm rồi dẫn hai con ra khỏi phòng.

Tâm tiếp tục khám bệnh và quên đi câu chuyện còn bỏ dở vì trong khoảng mười năm nay, chàng đã nghe nhiều chuyện còn động lòng hơn nữa.

*

Tháng 8 năm ấy, trong một buổi họp đồng hương, Tâm bất chợt gặp lại người học trò cũ. Hai tay nàng dắt hai đứa con khấu khỉnh, má đỏ hồng.

— Kính chào bác sĩ. Bác sĩ nhớ em chớ?

— Chào chị Nguyệt, làm răng tôi quên chị được. Chị có khỏe không?

Rồi chàng vui miệng tiếp:

— Đã gặp cố nhân chưa?

Câu nói bông đùa làm nàng ngập ngừng:

— Dạ, lâu ngày gặp lại bạn bè, bà con, quá vui. Còn cố nhân thì chưa thấy.

Nàng nhìn Tâm, đôi mắt đã sáng, long lanh hơn.

— Nhân dịp gặp lại, em xin cám ơn bác sĩ một lần nữa đã giúp cho con em có sữa để uống nên cháu mập khỏe ra. Dạo đó, nhà em ghen với em và ghét cháu quá, em lại chưa đi làm mà sáng nào anh ấy cũng bắt bí em. Anh ấy thiệt là chướng, không cho em được quyền lấy sữa do tiền của anh ấy mua để cho cháu Toàn uống. Em nghĩ lại, anh ấy vì ghen mà đối xử với trẻ con như vậy thật là tàn nhẫn!

— Bây giờ tình trạng có khá hơn không?

— Dạ cũng rứa. Nhưng em đã đi làm part-time và đi học thêm rồi. Em đang cố gắng

chịu đựng vì... lỗi ở em. Hơn nữa em cũng sợ mang tiếng lắm, trong giòng họ nhà em chẳng có ai ly dị cả. Ở Huế mình khi mô cũng nói "có răng mới bị chồng bỏ", thường thì mọi đổ vỡ đều qui tội cho đàn bà.

2.

Gia đình Nguyệt, gốc người Kim Long, nhà ở gần Tiểu Chủng Viện. Từ ngày cha nàng được bổ làm Trưởng ty thì dọn về Thành Nội ở. Nguyệt là con gái duy nhất nên được cha mẹ hết sức nuông chiều. Mộng của ông bà Trưởng ty là mong cho con gái mình học Y Khoa để sau này trở thành bác sĩ, giúp đời, giúp mình.

Thời Trung học, Minh Nguyệt thuộc về hạng học giỏi, biết vâng lời gia đình nhưng "học tài thi phận", hai năm liền không đậu được kỳ thi tuyển vào Y Khoa Huế. Ý muốn của Nguyệt, đôi khi muốn dứt bỏ vô Sài Gòn học Nha hay Dược nhưng lại là con một, vào Sài Gòn không có họ hàng thân thích, nên nàng miễn cưỡng vâng lời cha mẹ thi vào ngành điều dưỡng. Ông bà Trưởng ty tự an ủi: "Số con mình không thành bác sĩ được, đành học điều dưỡng. Biết đâu sau này sẽ thành bà nầy bà nọ... ". Khá nhiều nữ hộ sinh, cán sự y tế ở Huế lấy chồng danh giá như bác sĩ, kỹ sư, sĩ quan cao cấp...

Năm đó, Nguyệt tròn hai mươi tuổi. Tâm hồn đã mộng mơ nhưng hoàn toàn trong trắng. Nàng chưa có bạn trai.

Huế là thành phố nhỏ, hầu như mọi người đều biết nhau nên trai gái rất thận trọng trong việc giao du. Dư luận còn thành kiến và khắt khe với những cặp trai gái yêu nhau lộ liễu. Làm thân con gái trăm bề khó khăn, hở tí là "ngàn năm bia miệng".

Lên năm thứ ba, nhân mùa bãi trường, Nguyệt được giới thiệu và quen với Hùng. Hùng đang học kỹ sư năm thứ 4 ở Sài Gòn, về thăm gia đình trong mùa nghỉ hè. Người ta nói "tiếng sét ái tình" quả là đúng, vừa gặp nhau họ đã hạp nhãn. Hùng tìm thấy ở Nguyệt một mẫu người lý tưởng theo tiêu chuẩn của chàng. Với Nguyệt, Hùng là người trí thức, lịch lãm với nét mặt khá đẹp trai gần đúng "khuôn mặt người tình" mà nàng hằng mơ ước.

Hùng người làng An Cựu, nhà ở gần cầu Kho Rèn, con thứ trong một gia đình chỉ có hai anh em. Anh cả là thiếu tá Hải quân ở Sài Gòn, đã lập gia đình nhưng chưa có con. Cha mẹ Hùng đã già, trông chờ có cháu nội để bồng. Thấy Hùng cũng sắp học xong, ông bà để mắt tìm dâu chỗ này chỗ nọ. Khi nghe có người đánh tiếng làm mai chỗ "con nhà" thì mừng lắm.

Cuối năm 1974 Hùng và Nguyệt cùng tốt nghiệp. Nguyệt được giữ lại trường làm huấn luyện viên. Hùng được biệt phái về Huế trông coi công trường Phú Bài nên hai người có dịp gặp gỡ thường xuyên, nhất là sau những ngày đã làm lễ "dạm ngõ", sự tới lui thăm viếng nhà nàng mới được dễ dàng, không thành vấn đề nữa. Càng ngày họ càng khắng khít, mọi chuyện đều tâm đầu ý hợp.

Một hôm nàng tâm sự:

— Hùng ơi, hai đứa mình hình như có thần giao cách cảm. Hễ mỗi lần em nghĩ đến chuyện gì thì y như rằng anh cũng nghĩ đến chuyện đó. Có bữa em thấy thương anh quá, muốn đến ôm anh thật lâu cho đỡ nhớ nhưng sợ anh chê em sỗ sàng thì chính ngay lúc ấy anh rủ em đi dạo bờ sông.

Nàng nũng nịu:

— Anh làm em hồi hộp gần chết... Em ghét anh quá! Lỡ có ai thấy thì dị biết mấy!

Ở đâu cũng có hình bóng họ. Kề vai bên bờ Hương Giang, tung tăng đuổi bắt trên đồi Vọng Cảnh, nghe thông reo trên Giòng Thiên An, tên của hai người quấn quít vào nhau, khắc lên những gốc thông già ở các lăng tẩm. Cùng ngồi nắm tay nhau, nghe tiếng chuông chùa Trà Am vọng thấu chân núi xanh... Những ngày êm đẹp trôi qua tưởng không bao giờ dứt...

Đầu năm 75, chiến trường vùng Trị-Thiên sôi động. Hùng và Nguyệt sợ xa nhau nên chiều nào tan việc, họ cũng tìm cách gặp gỡ để gần nhau và trao đổi tin tức thời sự.

Trước tình hình dầu sôi lửa bỏng, ông trưởng ty kêu con gái dặn dò:

— Ba thấy tình hình biến chuyển nhanh chóng quá. Huế có thể mất. Người ta đồn nếu Việt Cộng chiếm được Huế rồi chúng sẽ đi lùng bắt gái đẹp ép gả cho cán bộ, thương binh, lúc nớ làm răng mà tránh con hè!

Ông tỏ vẻ lo lắng thật sự. Còn Nguyệt cứ tưởng tượng đến cảnh ấy đủ lạnh cả người.

Nguyệt thầm nghĩ chỉ có một người cứu được mình mà thôi. Đó là Hùng, nhưng nàng không dám hé môi nói ra, đời nào lại có chuyện con gái hối thúc con trai cưới mình bao giờ.

Hôm sau gặp nhau, họ lại lo lắng về chiến sự khốc liệt ở vùng địa đầu giới tuyến. Hùng đoán không chừng dân Huế, dân Quảng Trị phải di tản vào Nam, rồi chàng ngập ngừng, trên mặt thoáng nụ cười thú vị làm nàng hồi hộp quá.

— Anh sẽ nhờ Ba Me xem ngày lành tháng tốt đến xin Ba Mạ em làm đám cưới cho hai đứa mình sớm hơn dự định. Em chịu không?

Được lời như cởi tấm lòng, Nguyệt sung sướng gật đầu rồi ghé sát vào người chàng, cắn nhẹ vào má người yêu, nói lên những lời tình tứ :— Anh ơi, mình thề sẽ yêu nhau trọn đời nghe anh. Dù cho sông cạn đá mòn, dù cho ở nơi chân trời góc biển nào, chúng mình vẫn không bao giờ xa nhau... Em mơ một mái ấm nho nhỏ thật hạnh phúc với chồng, với con...

Nàng cảm động tiếp lời:

— Em muốn anh hứa với em là bao giờ cũng che chở, bao bọc em. Bao giờ anh cũng phải là người rộng lượng vì con gái tụi em dễ yếu lòng lắm.

Hùng hoàn toàn đồng ý và hai người đã thề thốt yêu nhau trọn đời!

Sau đó không bao lâu, họ làm đám cưới. Mặc dù chiến trận gần kề, đám cưới của họ cũng đầy đủ tiệc tùng, nghi lễ. Đêm động phòng tiếng súng đì đùng thay cho tiếng pháo, và hỏa châu soi sáng bầu trời xứ Huế thay cho pháo thăng thiên. Đôi vợ chồng mới cưới đã sống trọn vẹn cho nhau trong tuần trăng mật trong một căn nhà nhỏ thuê trên đường Gia Hội, tưởng trên đời không ai có được hạnh phúc hơn họ.

Hai tháng sau ngày cưới, tình hình quân sự ở Huế càng ngày càng tồi tệ. Sáng ngày 13 tháng 3 quân đội chủ lực được lệnh rút khỏi Huế. Hoang mang, tán loạn, đồng bào trốn chạy khỏi Huế. Vợ chồng Hùng dắt díu nhau vượt qua đèo Hải Vân vào Đà Nẵng tạm trú để mong tìm đường vào Nam.

Vừa đặt chân nghỉ đêm tại nhà người bạn sĩ quan Không Quân thì hôm sau 18 tháng 3 đài phát thanh loan tin Tổng Thống ra lệnh tử thủ Huế và yêu cầu quân nhân công chức, nhất là nhân viên y tế phải trở lại nhiệm sở. Báo hại những người công chức gương mẫu như Nguyệt phải trở về Huế trình diện. Nguyệt cản không cho Hùng theo về, viện lẽ đàn ông trong lứa tuổi quân dịch di chuyển lúc này rất nguy hiểm. Vì công vụ, Nguyệt cắn răng chia tay với chồng.

Về tới Huế được mấy ngày lại có tin Thủ tướng đích thân ra Huế kinh lý, họp bàn với các giới chức quân sự và hành chánh cao cấp, duyệt xét tình hình tại chỗ và sau đó quyết định chuyện rút lui, không tử thủ nữa. Tin tức loan ra, dân Huế thêm một phen hoảng hốt, bỏ của chạy lấy người.

Rất nhanh, đường vào Đà Nẵng bị cô lập bởi các chốt đóng của Việt Cộng ở miệt đèo Phước Tượng, Phú Gia. Nguyệt nôn nóng trong lòng, ruột gan rối bời. Lo cho Hùng, nhớ Hùng, nàng mất ăn mất ngủ. Chịu hết nổi, Nguyệt quyết định tìm đủ mọi cách trở vào Đà Nẵng tìm chồng.

Ngày 22 tháng 3, hai sư đoàn Dù và Thủy Quân Lục Chiến được lệnh rút về Thuận An để tìm đường triệt thối về Sài Gòn. Khi sư đoàn I và địa phương quân rút theo vào ngày 23 thì Huế bị bỏ ngỏ cho địch quân tiến chiếm trong tức tưởi....

Đà Nẵng bị hỗn loạn. Hơn nửa triệu người từ phía Bắc và Nam đổ xô về, nâng dân số lên hơn một triệu người. Dân chạy loạn nằm la liệt ở bờ sông, lề đường, hè phố. Chính quyền tan rã. Các đơn vị quân đội mất chỉ huy, lang thang thất lạc trong khắp thành phố, súng kè kè bên hông, có thể nổ súng bất cứ lúc nào, rất nguy hiểm. Thêm vào đó, các tổ đặc công bắt đầu xâm nhập, phá hoại, tung hàng loạt tin đồn thất thiệt làm cho dân chúng càng hoang mang, hoảng sợ hơn.

Ngày 28 tháng 3, Đà Nẵng trong cơn hấp hối. Địch pháo kích dữ dội vào phi trường, gần chỗ Hùng đang tạm trú chờ Nguyệt. Trong giây phút hỗn loạn, Hùng đành phải theo gia đình bạn gấp rút lên xe dọt đại ra phi đạo. May mắn, họ cùng được tháp tùng một phi vụ chở thương binh binh vô Sài Gòn.

Ngày 29 tháng ba, địch quân tràn chiếm Đà Nẵng trong khi Nguyệt đang cùng với hàng ngàn người tị nạn khác chen chúc nhau, lần từng bước, tìm cách vượt qua đèo Hải Vân đầy đặc xe và người. Nắng đầu hè như thiêu đốt, đường nhựa bỏng da chân, đoàn người đói khát, hoảng loạn, vừa đi vừa oán hận từ ông Tổng thống, Thủ tướng, cho đến hàng tướng tá bất lực, tiền hậu bất nhất, khi bỏ Huế, khi tử thủ, nên bản thân và gia đình họ mới ra nông nỗi này.

3.

Hùng về đến Sài Gòn bình an. Trên đường từ Tân Sơn Nhất về trung tâm thành phố, dọc theo đường Công Lý, xe cộ nối đuôi nhau chạy tấp nập. Dân chúng sống trong cảnh thanh bình giả tạo khác hẳn với cuộc chiến hỗn loạn đang xảy ra ở miền Trung.

Về đến nhà người anh cả là Hạm trưởng, ở cư xá Hải Quân, hai anh em vui mừng ôm lấy nhau.

— Thấy Huế mất, rồi Đà Nẵng mất, anh lo cho chú quá, không ngờ chú thoát được. Ba mẹ già rồi, ở lại không sao. Anh vừa đi họp tham mưu về, biết tình hình hết sức nghiêm trọng. Sài Gòn cũng bắt đầu lung lay rồi, không biết tử thủ hay bỏ chạy. Thôi chú hãy vào tắm rửa cái đã.

.....

Những giọt nước mát chảy trên thân thể làm Hùng cảm thấy khoan khoái, dễ chịu, tâm trí bớt căng thẳng.

Chàng cám ơn trời Phật đã phù hộ cho mình thoát khỏi cảnh súng đạn hãi hùng, nhưng chạnh lòng xót xa thương người vợ trẻ giờ phút này không biết sống chết ra sao? Hùng đã sốt ruột chờ đợi nàng trong bom đạn cho đến phút cuối cùng.

Tình hình biến chuyển quá nhanh chóng. Hết thành phố này đến thành phố nọ rơi vào tay địch. Hằng đêm, mọi gia đình đều lắng tai theo dõi hai đài BBC và VOA, để rồi cảm thấy lo âu và thất vọng. Dân Sài Gòn đổ xô đi tìm "tuy dô", lảng vảng quanh các tòa đại sứ và các phái bộ Hoa Kỳ để tìm đường di tản. Riêng Hùng chẳng bận tâm gì đến những chuyện ấy. Chàng lân la đi tìm bà con bên vợ để hỏi tin tức của Nguyệt.

Sài Gòn cũng chỉ còn đứng vững trong một vài ngày nữa. Người ta bắt đầu hoảng loạn đổ xô lên phi trường, xuống bến cảng. Sáng sớm ngày 29/4 mọi người trong Cư xá Hải Quân, đúng ngay khu chàng đang tạm trú, đột nhiên được phép lên tàu hải quân đậu gần đấy di tản. Hùng được người anh đánh thức dậy và thuyết phục:

— Chiếm hạm của anh được lệnh phải rời Sài Gòn ra đi ngay. Anh rủ chú cùng đi với gia đình anh. Giờ phút này ai thoát được là phước. Nếu cứ chần chờ địch tới, chúng nó chẳng tha ai đâu. Chú còn trẻ, tương lai nhiều hứa hẹn, nên theo anh xuất ngoại. Phải tìm con đường sống trước đã. Qua bên nớ chắc chắn sẽ có việc làm, dù lao động cực khổ mà có chút tự do.... Còn như ở lại, cuộc đời mình coi như kết thúc. Về phần thím Nguyệt bị kẹt lại ở Huế rồi, chuyện ấy anh em mình sẽ tính sau. Chú đừng lo, anh tin chắc là mình sẽ trở về mà....

Hùng đành nhắm mắt nghe theo, chen chân lên tàu theo mọi người, mặc cho số phận đưa đẩy.

Sau mấy ngày lênh đênh trên biển cả, tàu đến được đảo Guam. Ở đây được mấy ngày, Hùng được đưa bằng máy bay Boeing 747 về Camp Pendleton. Hai tháng sau, Hùng được

một nhà thờ Tin Lành bảo trợ về định cư ở thành phố Glendale nằm về phía Bắc Los Angeles.

Hùng theo học Anh ngữ tại trường Evans rồi xin vào học tiếp trường Glendale College. Chàng thi đậu vào học kỹ sư điện E.E tại Cal State ở Los Angeles.

Tháng 7 năm 1980 Hùng tốt nghiệp và may mắn xin vào làm việc cho hãng Douglas ở Long Beach.

Về phần Nguyệt, đã mấy lần suýt bỏ mạng ở chặng đèo Hải Vân trên đường di tản vào Đà Nẵng với ước mong đoàn tụ với chồng. Đến nơi, lửa đạn khắp trời, dân chúng hốt hoảng tìm đường tháo chạy, Nguyệt kiếm khắp nơi không gặp chồng. Tuyệt vọng, nàng tìm đường trở lại Huế sống với cha mẹ. Nguyệt vẫn được tiếp tục làm việc ở Bệnh viện Huế, nhưng tâm trí lúc nào cũng hướng về phía bên kia Thái Bình Dương, nơi mà nàng hy vọng chàng đã thoát hiểm đến được ở đó.

Hơn một năm rưỡi sau hai người mới liên lạc được với nhau. Biết chồng hiện yên lành, có công ăn việc làm tốt ở xứ tự do, Nguyệt hết sức vui mừng. Đầu năm 1981, Nguyệt nhất quyết vượt biên để được đoàn tụ với chồng, mặc dù nàng biết con đường đi sẽ đầy chông gai sóng gió...

Vào một đêm không trăng, nàng cùng đoàn gần 20 người vượt biên trên một chiếc tàu mong manh khởi hành từ cửa Thuận An. Sau gần mười ngày bồng bềnh trên biển cả, có đêm tàu hư máy phải thả trôi theo lượn sóng cao vút, dựng đứng rồi đâm sâu như xuống tận đáy biển thật rùng rợn khiếp đảm. Tưởng làm mồi cho cá giữa biển khơi, cuối cùng, tàu cũng trôi dạt vào một hoang đảo của Mã Lai. Lương thực và nước uống đã cạn, đoàn người phải tranh đấu với cơn đói khát để sống còn. Màn trời chiếu đất, ban ngày lo đi câu cá, bắt ốc, tối phải hứng sương làm nước uống. Cuộc sống đầy gian truân và khổ ải. Bóng tử thần đã lởn vởn trước mặt đoàn người bất hạnh.

Chính trong hoàn cảnh bi đát đó, Nguyệt đã gặp Phúc và kết thân. Trong số cùng xuống tàu vượt biên gồm 20 người, giờ phút này chỉ còn 5 mạng sống sót. Xác của người đồng cảnh ngộ được vùi lấp sơ sài trên đảo. Nàng đã mấy lần ngất xỉu, tay chân bị co quắp vì thiếu nước, nếu không nhờ Phúc chăm lo, nhịn bớt phần ăn, nước uống thì nàng đã bỏ mạng. Có lần Phúc còn dùng hơi thở của mình làm hô hấp nhân tạo kịp thời cứu Nguyệt thoát chết trong đường tơ kẻ tóc.

Năm người sống trên hoang đảo trong tình trạng tuyệt vọng, chỉ còn biết chờ thần chết mang đi thì tình cờ có cứu tinh. Một tàu chạy ngang qua, phát hiện được đám người sống sót trên hoang đảo nên cập bến cứu thoát. Tất cả được đưa về đảo KuKu... Họ được cấp phát một căn nhà tre lợp lá để ở tạm. Sức khỏe của Nguyệt quá tồi tệ nên mọi việc cơm nước đều do Phúc lo dùm. Việc tắm rửa vệ sinh cũng nhờ Phúc xuống giếng múc nước đem về. Lúc đầu, Phúc giúp Nguyệt với một tấm lòng vị tha, không mảy may lợi dụng vì biết Nguyệt có chồng. Nguyệt nhận Phúc làm đại ân nhân đã một lần cứu sống mình, nay lại lo cho mình mọi chuyện. Ơn sâu ấy, Nguyệt nguyện ghi đậm vào lòng.

Tuy nhiên, cuộc sống cô đơn và đầy lo sợ nơi hoang vắng đã làm nẩy nở giữa hai người một tình bạn thật đẹp, chưa hẳn là tình yêu, lại càng không phải tình huynh đệ. Họ quyến luyến nhau như hình với bóng.

Qua hội Hồng Thập Tự Quốc Tế, Nguyệt đã bắt được liên lạc với Hùng ở Mỹ. Những lá thư tình tứ trao đổi giữa hai vợ chồng khiến Nguyệt yên tâm. Nàng vui mừng vì sắp tìm lại được cuộc sống lứa đôi đầy hạnh phúc. Phúc được Nguyệt san sẻ những nỗi niềm hân hoan ấy, chàng mừng cho bạn.

Phúc nhờ độc thân nên được một gia đình họ đạo ở thành phố Dearborn thuộc tiểu bang Michigan bảo lãnh, và may mắn giấy tờ xong trước. Còn Nguyệt đang chờ Hùng bổ túc hồ sơ, sẽ rời trại sau Phúc chậm lắm là một hai tuần lễ nữa.

Ngày chia ly đã gần đến. Chẳng còn bao lâu nữa hai người sẽ phải xa nhau. Phúc cảm thấy buồn man mác, chàng không ngờ tình cảm của mình dành cho Nguyệt dạt dào và sâu đậm đến vậy. Đối với chàng, thời gian

còn lại sống ở trại tỵ nạn bên cạnh Nguyệt được đếm từng phút từng giây. Lúc này sức khỏe Nguyệt đã được phục hồi, Phúc nhận thấy ở nàng có một vẻ đẹp vô cùng quyến rũ. Lòng Phúc không khỏi viễn vông những mơ ước của một người đàn ông khi yêu.

— Ước chi sau này mình lấy được nàng.

Khí hậu Mã Lai mưa nắng thất thường. Trời đang nắng oi bức, chợt mưa rào se lạnh. Đêm chia tay, bên ngoài trời mưa tầm tã. Về khuya gió thổi mạnh, phên lá mong manh không đủ sức ngăn chặn nước tạt vào. Phúc chợt tỉnh giấc, ngồi dậy tìm cách che mưa. Nguyệt cũng bị gió lùa qua khe cửa đánh thức. Hai người bị nước thấm ướt cả áo. Nguyệt run cầm cập vì lạnh. Phúc xích lại gần bên Nguyệt choàng tay ôm nàng vào lòng để sưởi ấm, cử chỉ rất tự nhiên như chàng đã từng làm khi hai người còn ở ngoài hoang đảo. Nguyệt nằm gọn trong vòng tay Phúc, miên man nhớ đến ơn người đã cứu mình, thương cho tình cảm éo le giữa chàng với nàng mà không mảy may có ý tưởng phản bội chồng.

— Phúc ơi, em sẽ không bao giờ quên ơn anh. Ngày mai lên đường chúc anh thượng lộ bình an và hãy quên em đi nghe!

Khác với lúc sức tàn gần như sắp chết nơi hoang đảo, giờ đây, trong hoàn cảnh quá đặc biệt, Phúc với sức sống đang lên của tuổi trẻ, đê mê đón nhận làn hơi mát lạnh từ da thịt của người con gái nằm bên cạnh.

— Nguyệt ơi! Em dễ thương quá, anh làm sao quên em được.

Đây là lần đầu tiên Phúc bày tỏ lòng mình cùng Nguyệt làm cho nàng cảm thấy bối rối, Phúc vừa nói vừa ôm chặt lấy nàng vào lòng. Trong bóng tối huyền ảo, khuôn mặt Nguyệt thoáng một chút sợ hãi trông càng quyến rũ. Phúc không dằn lòng được nữa. Từ tâm trí cho đến thể xác, con người chàng đang căng thẳng như một sợi dây đàn rung lên theo nhịp độ kích thích của bản năng. Hai tay lồng trong mớ tóc huyền của Nguyệt, chàng đặt môi

Nhớ Huế

Bài Thơ tặng Ban Tổ Chức Ngày Nhớ Huế
28- 8, 94 tại Westminster,
Orange County California.

Ba mươi năm cách xa xứ Huế
Cố đô ơi làm thế nào quên
Quốc Học Đồng Khánh tình bền
Sông Hương ai đứng cạnh bên hữu tình

Tiếng thông reo Ngự Bình gợi cảm
Cầu Trường Tiền ai bám lan can
Tiếng chuông Thiên Mụ mơ màng
Mõ chùa Điệu Đế đánh tan mộng đời.

Giốc Nam Giao dạo chơi thuở ấy
Phú Văn Lâu tưởng thấy người xưa
Thái Hòa, Cần Chánh sớm trưa
Tịnh Tâm không được vì chưa chủ quyền

Nào Chợ Dinh, tình duyên Đập Đá
Nhớ câu hò ở phá Tam Giang
Thần công ai nã Thuận An
Sĩ phu Quốc Tử chạy làng hay sao?

Đồn Mang Cá chứng bao quốc biến
Lăng tẩm xưa dâu biển còn chăng?
Lưu vong gặm nhấm ăn năn
Thề xưa, Huế hỡi sâu hàn lòng ta.

Santa Ana 28 tháng 8, 1994
Năm Giáp Tuất
Lê Quang Tiềm
Cựu học sinh Quốc Học Huế
năm 1935 - 1940

mình lên đôi môi hé mở của nàng. Mùi đàn ông và nụ hôn bất ngờ làm Nguyệt chới với, ngộp thở. Một niềm lạc thú ngây ngất chạy rần rật trong cơ thể người đàn bà đã lâu lắm không được yêu... Khi sực nhớ mình là gái có chồng nàng liền đẩy nhẹ chàng ra.

Phúc như người mất hồn, nhìn say mê đôi mắt man dại của người con gái mà chàng ngỡ là người yêu, ôm sát nàng vào lòng. Hai bàn tay không kìm hãm được nữa, chàng mân mê vừng cổ no tròn rồi theo sống lưng mát lạnh từ từ tiến xuống phía dưới...

— Đừng anh... em sợ lắm...

Nàng kêu khẽ như van xin rồi cố gắng tỏ một động tác chống cự, nhưng quá yếu ớt không đủ sức ngăn chặn nổi dục vọng đang dâng lên trong cơ thể người thanh niên tràn đầy sức sống. Nguyệt thở dồn dập, trí óc quay cuồng... biết không thể làm gì hơn nàng đành buông thả...

— Thôi thì một lần ơn trả nghĩa đền... chắc không can chi mô... Ai mà biết! Có chi thì tuần sau mình gặp Hùng rồi!

Hình ảnh thoáng qua của chồng làm nàng nhớ đến những khoái cảm tuyệt vời khi cùng nhau ân ái, rồi đâm ra thèm thuồng và quên mất hoàn cảnh hiện tại của mình đang nằm trong vòng tay một người đàn ông khác.... Trong cơn mê, nàng rướn người ôm chặt lấy Phúc hưởng thụ... mà tưởng như đang ôm Hùng...

Đến lúc cơn mưa vừa tạnh thì hai người mới từ từ tỉnh hồn. Khi nhận ra mình..., ra người..., nhận ra thân thể vừa bị tả tơi... Bỗng dưng trong linh tính Nguyệt cảm thấy sợ hãi, nàng ân hận cắn môi, lặng người.

Còn Phúc, lần đầu tiên biết mùi đời, cảm thấy thương hơn nữa người con gái đã chìu mình. Chàng thì thầm hai chữ cám ơn bên tai nàng và còn ham hố tìm đôi môi mọng đỏ hôn từ giã người mình say đắm.

Nguyệt vùng vẫy, thẹn thùng. Sự việc xảy ra quá đột ngột. Nàng không dám nhìn thẳng vào mặt chàng, ngượng ngùng nói:

— Em trả ơn Phúc rồi đó nghe... tội chết!

Nàng xem như đã sòng phẳng với ân nhân và sau đó, muốn dứt khoát ngay sự liên hệ tình cảm với chàng.

— Từ nay anh hãy cố quên em đi. Ngày mai xa nhau rồi, anh đừng tìm cách liên lạc với nhau làm chi cho thêm khổ. Em sẽ không cho anh địa chỉ mô...

Thế rồi Phúc lên đường đi Michigan về với người bảo lãnh, còn nàng, chờ ngày đoàn tụ với chồng.

Hai tuần lễ trôi qua, Nguyệt vẫn chưa được kêu lên văn phòng để nhận số chuyến bay đi California. Nàng đang lo âu thì nghe thông báo mới: Tất cả những người đi Mỹ đều phải thử lao lại lần nữa. Bốn mươi tám giờ sau, một vòng đỏ thẫm hơn mười ly hiện nơi điểm thử lao trên cánh tay phải của Nguyệt. Phản ứng dương. Nàng được gửi đi chụp hình phổi.

"Phim phổi có vết, phải thử đàm và máu." Thử nghiệm kéo dài khoảng một tháng thì nàng cảm thấy trong người hơi khác, cơm không muốn ăn, vú hơi căng và bắt đầu nôn mửa. Triệu chứng gì đây? Lại thử nghiệm. Bác sĩ cho biết nàng đã có thai. Nghe tin, nàng hoảng kinh, người run cầm cập.

— Thôi chết rồi, Mạ ơi! Thiệt không trời... Làm răng ăn nói với Hùng đây!

Nàng khóc. Kêu trời oán đất. Nàng vẫn yêu chồng tha thiết. Chuyện vừa qua chỉ là một phút yếu lòng, nàng chưa bao giờ nghĩ tới chuyện bỏ chồng theo Phúc. Nàng cũng không có lý do gì oán trách Phúc, chỉ biết thầm oán mình đã .. khôn ba năm mà dại một giờ.

Mấy ngày sau, nàng mới lấy lại bình tĩnh, nghĩ tới nghĩ lui, Nguyệt lấy giấy viết thư cho chồng:

"Anh Hùng yêu mến,

Khi anh nhận được thư này thì anh sẽ rất khó xử. Em đã suy nghĩ kỹ khi viết cho anh. Em cam đoan với anh là lúc nào em cũng thương yêu anh như thuở ban đầu nhưng có một chuyện chẳng may đã xảy đến cho em...

Em đã lỡ dại, chỉ lỡ dại một lần thôi... một lần duy nhất vì hoàn cảnh đưa đẩy. Em đã có thai... Anh ấy là người cứu sống em. Em là

người ngoan đạo, em không thể phá hủy hình hài đứa bé vô tội dù cha nó không phải là anh.

Hạnh phúc của hai đứa mình em đã vô tình phá vỡ... Nếu anh rộng lượng tha thứ cho em thì em nguyện sẽ làm tôi tớ cho anh suốt cuộc đời của em.....

Nhưng em biết rõ anh là người đầy tự ái, sẽ không chấp nhận hoàn cảnh này, nên em xin vĩnh biệt anh từ hôm nay.

Xin cám ơn hạnh phúc anh đã ban cho em và những gì anh đã làm cho em... Em đang chờ lên văn phòng Cao Uỷ xin lập thủ tục tị nạn ở Canada.

Minh Nguyệt"

Nhận được thư vợ, Hùng bủn rủn tay chân. Chàng vò nát thư, giận dữ trách người vợ bạc tình và trong lòng sôi sục sự ghen tuông ghê gớm với người đàn ông kia đã hiếp vợ mình. Hạnh phúc nằm trong tay bỗng nhiên bị kẻ khác chiếm đoạt, thật là đau đớn biết chừng nào. Hùng đi quanh phòng rồi ngồi vò đầu suy nghĩ.

— Chỉ một lần thôi... một lần duy nhất... Một lần cũng đủ làm tan nát cuộc đời em rồi, em ơi!

Chàng trách người rồi cũng tự trách mình. Chuyện nàng ngoại tình mang thai, Hùng có phần trách nhiệm vì hồi ấy nếu chàng cương quyết ngăn cản không cho Nguyệt trở lại Huế, hoặc đừng cho Nguyệt vượt biên, chờ ngày đi theo diện ODP, thì làm gì có chuyện rắc rối này xẩy ra. Hơn nữa, trong suốt mấy năm sống độc thân tại chỗ, chàng cũng chẳng giữ sự trung thành tuyệt đối với vợ.

Hùng từng so sánh những người đàn bà tóc vàng, tóc đen đã qua đời chàng với Nguyệt, người nào cũng thua xa vợ chàng. Hùng làm sao quên được những nụ cười tình tứ, những đam mê và dâng hiến, những thỏa mãn tận cùng với Nguyệt... Chàng quyết định không bỏ vợ được.

"Minh Nguyệt,

Anh tha thứ cho em. Hãy bỏ đơn xin đi Canada ngay. Anh đợi em ở Mỹ. Hùng."

Đánh điện tín xong, Hùng tạt vào rạp cine gần nhà để giết thời gian.

4

Ba tuần sau Hùng nhận được điện thoại của cơ quan thiện nguyện USCC thông báo cho biết ngày giờ chuyến bay của Nguyệt đến phi trường Los Angeles. Chàng quên hết mọi chuyện, hăng hái lên phi trường đón vợ. Tuy lập gia đình đã hơn năm năm nhưng vợ chồng mới chung sống với nhau chưa đầy 3 tháng. Hùng nôn nao chờ đợi hơn cả tiếng đồng hồ mới thấy vợ xuất hiện khỏi quầy quan thuế. Chàng vội chạy lại ôm chầm lấy Nguyệt. Bao nhiêu thương nhớ của mấy năm xa cách trút vào nụ hôn đầu trên đất Mỹ. Nguyệt say sưa đáp ứng rồi hai người lên xe về nhà.

Trong lúc Hùng kể chuyện liên hồi thì Nguyệt dè dặt ít nói. Hùng ngắm lại hình dáng quen thuộc của vợ. Nàng vẫn xinh đẹp, tha thướt, quý phái như bao giờ. Hùng tò mò nhìn phía dưới, bụng nàng chưa lớn. Thân hình nẩy nở đầy quyến rũ của người con gái mới mang thai con so hai tháng thật hấp dẫn. Chàng cố xua đuổi những hình ảnh nhớp nhúa trong đầu và xử sự hết sức tế nhị với Nguyệt.

Đêm hôm ấy hai vợ chồng cũ đã ôm ấp nhau không rời. Họ quay cuồng trong biển tình ái còn mặn nồng hơn xưa... Mây mưa dồn dập nối tiếp để bù lại những ngày thiếu thốn. Những dồn ép trong bao năm trời được dịp tuôn trào như nước vỡ bờ...

Rồi đến ngày nở nguyệt khai hoa, Hùng chịu khó đưa vợ đi sanh. Nguyệt mừng có con trai đầu lòng, mẹ tròn con vuông. Hùng cũng vui lây với vai trò làm cha của mình.

Cuộc sống có trẻ con trong nhà làm tăng thêm hạnh phúc. Hùng vui vẻ giúp vợ chăm sóc gia đình. Nguyệt tỏ ra là người vợ hiền, chịu khó hầu hạ, chiều chuộng chồng như đã hứa để chuộc tội. Và Hùng, rộng lòng tha thứ hết, để đón nhận hạnh phúc nằm trong tầm tay của mình.

Hai năm sau Nguyệt lại có bầu. Nàng cho ra đời một cô bé gái tròn trịa xinh xắn. Hai vợ chồng mừng lắm, nhất là Hùng, chỉ mong hết giờ làm việc để về nhà bồng con. Hùng và Nguyệt đã sống những ngày hết sức đầm ấm, vui vẻ.

Càng ngày Hùng càng yêu mê đứa con gái của mình và vô tình lạnh nhạt dần với đứa con trai khác giống. Nguyệt để ý và buồn thầm nhưng vẫn cố gắng xử sự khéo léo. Nàng không dám nhắc nhở chồng, chỉ mong một ngày kia chàng sẽ thay đổi.

Thời gian trôi qua rất nhanh, bé Ánh đã được 3 tuổi, khuôn mặt giống cha như đúc làm Hùng càng thêm thương. Và trong cuộc chung sống, Toàn đã trở thành chướng ngại vật của hạnh phúc giữa hai người. Hùng đã thiếu sự rộng lượng, đâm ra ghen tuông với quá khứ của vợ. Mỗi lần gần vợ, nghĩ đến đứa con trai và kẻ làm cha nó, Hùng tự nhiên cảm thấy không còn hứng thú nữa. Đời sống vợ chồng càng ngày càng lạt lẽo. Không còn những lời tình tự của thủa ban đầu. Không còn những lạc khoái tuyệt mỹ khi ân ái. Không còn sự hòa hợp của hai tâm hồn và hai thể xác. Nhiều lần, Nguyệt đã cố gắng biện minh, nhưng Hùng không chịu nghe, nàng đành lòng cam chịu.

Nguyệt tận tụy phục vụ chồng con, nhưng Hùng đã hoàn toàn đổi tính nết. Không việc gì làm Hùng vừa lòng được, Hùng gắt gỏng vô cớ, tìm những sơ hở nhỏ nhen để hạch vợ. Hùng ghét lây cả đứa bé vô tội.

— Mẹ, sao ba không mua đồ chơi cho con như em Ánh?

Nguyệt nghe con nói mà thấy nhói trong tim.

— Con không thấy mẹ đã mua cho con mấy chiếc xe hơi đó à!

— Con muốn tự tay ba mua cho con.

Thằng bé buồn hiu. Có lúc, nó thắc mắc hỏi mẹ:

— Sao ba cứ hôn em Ánh hoài mà không hôn con?

— Tại ba bận đi làm.

— Con thấy ba không thương con, phải không mẹ?

Hùng đã không thương Toàn lại còn ghen với nó. Đến lúc sự ghen tuông trở thành vô lý thì con người trở nên hết sức nhỏ nhen, bần tiện.

— Nguyệt à, bây giờ nhà đông người, lương của anh thì cố định, anh muốn em tiết kiệm để dành tiền cho con sau nầy ăn học.

Nguyệt nghe Hùng nói có lý liền gật đầu ưng thuận. Nhưng không ngờ được khi nghe chàng nói tiếp:

— Thằng Toàn lớn rồi, xem tivi được rồi. Em bớt mua đồ chơi và game cho nó.

Một hôm khác, Hùng buột miệng:

— Thằng Toàn chắc chẳng cần uống sữa. Hồi nhỏ mình đâu có uống sữa mà thân thể cũng phát triển bình thường được mà.

Đến giây phút này thì Nguyệt giận lắm và hoàn toàn không đồng ý sự ngăn cấm phi lý ấy. Nguyệt dằn từng tiếng:

— Em hiểu rồi. Anh ghét thằng con trai. Anh ghen với cha nó và muốn hành hạ nó cho bỏ ghét, chứ một ly sữa có mấy cents thấm thía gì đối với ngân quỹ gia đình.

Nghe vợ nói đúng tim đen, Hùng đỏ mặt, tỏ vẻ kiêu căng:

— Mấy cents cũng là tiền. Tôi đâu bắt bà bỏ đói nó nhưng bắt đầu từ hôm nay tôi không muốn bà dùng tiền do mồ hôi của tôi làm ra để mua sữa cho nó uống. Bà hiểu chưa?

Nguyệt tức quá hết chịu đựng nổi, miệng nói nhưng mặt tỏ ý khinh bỉ chồng:

— Thiệt là ác! Con nó đâu có tội tình gì - Anh cứ hành hạ tôi đi - Tôi sẽ nhường phần sữa của tôi cho con tôi, được không?

— Cũng không được. Bà đi xin bông sữa cho thằng Toàn. Con không cha có chính phủ lo.

Như bị gáo nước lạnh tạt vào mặt, Nguyệt hét lên:

— Tôi không đi xin ai cả. Anh làm chi thì cứ làm đi.

Cho là bị vợ thách thức, trước mặt chàng bây giờ Nguyệt là một người đàn bà ngoại tình lại còn dám bênh con riêng, tức thì chàng thuận tay tát mạnh vào má nàng.

Nguyệt lịm người chịu đựng, không ngờ người chồng lý tưởng của mình bây giờ lại vũ

phu đến thế. Từ đó nàng không thèm nhìn mặt chồng...

Cơn đau đớn và dấu in mấy ngón tay trên má cứ loanh quanh, ám ảnh nàng.

"Thưa Ba Mạ,

Con hết sức đau khổ khi phải viết những giòng này cho ba mạ. Con và anh Hùng đã dứt khoát, ba mạ đừng buồn và giận con. Ở xã hội Mỹ, vợ chồng không còn hợp nhau nữa thì nên xa nhau còn hơn ăn ở với nhau mà phải chịu đựng đau khổ. Mặc dầu anh Hùng vẫn nói còn yêu thương con và năn nỉ con nhiều lần bỏ qua chuyện ghen tương, nhưng vì hình ảnh tàn bạo của anh ấy không phai mờ trong trí óc con được. Con còn hận lắm! Vẫn biết con có lỗi và con ngây thơ tưởng đã được chồng tha thứ nhưng không phải vậy, nên chúng con đã ly thân và sau đó ly dị. Tòa cho phép con giữ hai cháu và anh Hùng cấp dưỡng cho chúng.

Con đã dọn về Tustin để gần chỗ vừa đi làm vừa đi học thêm. Con sẽ tạm quên mọi chuyện và lấy sự học làm vui, con báo tin cho ba mạ mừng là con đang theo đuổi ngành Tâm Lý Học mà con rất thích. Rất thương yêu Ba Mạ.

Minh Nguyệt."

Kể từ khi xa Hùng, Nguyệt cảm thấy tuy vắng đàn ông nhưng cuộc sống thoải mái hơn nhiều. Ban ngày nàng đến sở làm. Công việc của một cán sự xã hội không nặng nhọc lắm. Ban đêm đi học thêm và sau một thời gian chuyên cần, Nguyệt đã thi đỗ lấy chứng chỉ.

Thấy việc học hành thành công, Nguyệt hết sức phấn khởi, xin đổi sang làm việc bán thời gian, đồng thời xin chuyển lên học tiếp về Biology ở Đại Học UCI.

5.

Phúc được một hội Thánh Tin Lành ở thành phố Dearborn, gần Detroit bảo trợ. Một cặp vợ chồng tín đồ nhận Phúc làm con, đem về nhà nuôi. Hai ông bà lớn tuổi, giàu có, con cái đã trưởng thành chỉ mong có người ở trong nhà cho vui và giúp vài công việc lặt vặt. Họ hứa giúp đỡ Phúc ăn học trở lại, đồng thời họ chỉ nhờ Phúc mỗi khi rãnh rỗi lái xe chở đi chơi vòng quanh bờ hồ Michigan hoặc mỗi tháng đôi ba lần đưa đi khám bệnh, làm tóc, đi shopping, công việc giống như một quản gia nhàn hạ.

Phúc học xong chứng chỉ tương đương trung học liền ghi tên vào Đại học Cộng đồng hai năm. Gặp lúc hãng xe Ford tuyển thêm nhân viên, Phúc nạp đơn và sau một cuộc phỏng vấn, hãng nhận Phúc vào làm việc. Sở dĩ Phúc được may mắn là vì chàng thuộc diện minority. Mỗi hãng xưởng làm xe hơi ở Michigan khi tuyển chọn nhân viên đều phải dành một quota cho người thiểu số, phần lớn là người da đen, nay vui vẻ nhận thêm một anh da vàng mũi tẹt.

Vừa đi làm vừa đi học thêm, sau mấy năm" học gạo" Phúc lấy được bằng kỹ sư điện. Chàng muốn nhảy sở nhưng không may gặp lúc kinh tế khó khăn nhất là phải cạnh tranh với Nhật, kỹ nghệ chế tạo xe hơi ở Detroit càng ngày càng xuống dốc thê thảm. Phúc bị thải việc.

Sau hai năm nằm nhà, chàng quyết định đổi nghề và theo lời rủ rê của bạn bè, dọn về Cali sinh sống. Chàng dự trù sẽ thi vào ngành Nha hay Y, một ngành học khi ra trường ít bị thất nghiệp.

Về đến Orange County Phúc ghi tên vào học Bio ở trường Irvine Valley College và lớp luyện thi MCAT ở trường Kaplan. Vừa nhập học được hai hôm thì bất ngờ Phúc nhìn thấy một người nữ sinh viên đứng tuổi, ăn mặc gọn ghẽ, khuôn mặt trái soan, nước da trắng hồng với mái tóc huyền, đang chăm chú ngồi học cách xa bàn của chàng chỉ mấy bước.

Phúc lạnh người khi nhận ra đó là Minh Nguyệt. Mười năm qua, Nguyệt đã già đi khá nhiều tuy nhiên nét mặt đặc biệt của nàng không làm Phúc nhầm được. Phúc vừa ngồi học vừa hồi hộp quan sát. Chàng tôn trọng kỷ luật của trường, kiên nhẫn đợi đến khi gần đóng cửa, ai nấy sửa soạn ra về, Phúc mới từ từ tiến lại chỗ nàng ngồi, gọi nhỏ:

— Nguyệt!

Người đàn bà ngước mắt nhìn chàng với vẻ ngạc nhiên sửng sốt:

— Ủa...Anh Phúc. Trời ơi, anh ở đây sao?

Phúc mừng quá tính ôm chầm lấy Nguyệt nhưng sực nhớ tới hoàn cảnh hiện tại chàng dừng lại ngay...

— Phúc tưởng đã vĩnh viễn mất Nguyệt rồi, không ngờ hôm nay gặp lại Nguyệt nơi đây.

Bắt gặp ánh mắt sáng ngời của Phúc, nàng xúc động trả lời bằng giọng dịu dàng trìu mến.

— Em cũng nghĩ vậy. Thiệt là mừng quá anh hí.

Nguyệt cũng vừa giang tay ra định ôm Phúc nhưng không hiểu sao lại thôi

— Nguyệt có mấy con rồi?

— Dạ hai con, còn anh?

Phúc nói tỉnh bơ:

— Phúc vẫn còn độc thân.

Nguyệt hồi hộp nói tiếp:

— Lâu ngày gặp lại, trông anh ít thay đổi nên Nguyệt nhận ra ngay. Anh học ở đây lâu chưa?

— Phúc vừa mới đến.

Chuyện trò một lúc tưởng không dứt được.

— Thôi Nguyệt xin về kẻo các cháu đợi. Còn học ở đây Nguyệt sẽ còn nhiều dịp gặp Phúc nữa, mừng quá há anh. Mà chuyện lạ thật... thôi bữa khác nghe anh.

Những câu nói dễ thương ấy làm người đàn ông chết được.

Phúc nhìn Nguyệt ra xe, lòng vẫn còn xúc động. Người con gái đối đãi với chàng vẫn niềm nở như xưa. Chàng nóng lòng thắc mắc muốn biết gia đình nàng có hạnh phúc hay không, rồi tự đi tìm câu trả lời:

— Một người như vậy chắc hạnh phúc phải tràn trề!

Còn phần Nguyệt, khi ngồi vào tay lái lui xe mắt vẫn nhìn Phúc không rời, mừng thầm trong lòng.

Những ngày sau Phúc gặp dịp lại kể cho Nguyệt nghe cuộc đời mình trong hơn 10 năm qua, còn Nguyệt, vẫn e dè một số chuyện dấu kín trong lòng.

Phúc ngỏ ý muốn có dịp đến thăm để Nguyệt giới thiệu chồng con nhưng Nguyệt chỉ ầm ừ cho qua chuyện. Trong thâm tâm, Nguyệt muốn kể hết sự tình cho Phúc rõ để xem thái độ của chàng nhưng nàng cứ lưỡng lự, lo ngại "tình người" vì đã một lần dang dở. Trường Kaplan nằm ở ngã ba El Camino và New Port trong một khu thương xá nhỏ. Trường nằm trên lầu, phía dưới là một hí viện nhỏ, hằng đêm trình diễn những vở tuồng xưa của Mỹ dành cho người cao niên. Bên cạnh có nhiều tiệm bán fast food, ngon nhất là tiệm sandwich của một bà người Tàu. Trưa nào Phúc cũng qua đấy mua thức ăn. Thỉnh thoảng chàng mua mời Nguyệt. Nàng không nỡ từ chối vì không thể tự dối lòng mình được. Nàng đã cô đơn quá lâu, và với Hùng, sự cảm phục đã không còn, tình yêu cũng đã mất. Những cử chỉ săn sóc, niềm nở của Phúc lại nhắc nhở bao kỷ niệm xưa lúc còn ở đảo.

Nhiều đêm thao thức Nguyệt cảm thấy đơn lẻ, lạnh lẽo, lúc đó, nàng muốn có Phúc bên cạnh để ôm vào lòng sưởi ấm nhau, kể rành mạch cho Phúc biết giọt máu rơi và cũng là nguyên nhân của sự đổ vỡ giữa nàng và Hùng, nhưng nàng vẫn còn ngại ngùng, chưa dám thố lộ.

Qua ánh mắt và cùng cách đối xử, người con gái dư biết ai đang si mê mình vì người ấy cũng không tài nào che đậy mãi cõi lòng được khi đã yêu.

Bỗng một hôm Nguyệt để ý thấy Phúc vắng mặt. Ngày hôm sau bạn bè trong lớp dành nhau đọc một bản tin nhỏ trên tờ Register, phần Metro:

— Một người đàn ông lái chiếc Honda Civic bị một kẻ say rượu tông ở ngã tư Red Hill và El Camino gần chỗ dẫn vào xa lộ 5. Nạn nhân bị hôn mê hiện đang được điều trị tại Western Medical Center ở Santa Ana...

Nguyệt đọc tin ấy hốt hoảng, tim đập hồi hộp, mặt mày tái mét. Chiếc xe Honda Civic ... người Á Đông... gần trường Kaplan... đích thị là Phúc chứ chẳng còn ai khác. Nàng bỏ học, vội vã lái xe đến bệnh viện. Dọc đường, miệng nàng không ngớt đọc kinh cầu nguyện.

Đến nơi nàng khai là người thân với nạn nhân, nằn nì xin được vào thăm Phúc ở Intensive Care Unit. Phúc đang hôn mê. Y tá bảo bệnh tình rất nặng vì nạn nhân bị chấn thương ở đầu.

Nguyệt quay quắt đau đớn khi thấy mặt mày Phúc sưng bầm tím và lồng ngực của Phúc chuyển động lên xuống đều đặn theo nhịp đập của máy thở nhân tạo. Nàng đến bên giường cầm lấy tay Phúc áp lên má mình, bàn tay tưởng đã vĩnh viễn không bao giờ đụng chạm được từ khi hai người chia tay nhau ở trại tị nạn. Một cảm giác dường như thật quen thuộc mà cũng dường như thật mới lạ xâm chiếm tâm hồn nàng. Bất giác hai hàng nước mắt chảy dài trên má, nàng thì thầm vào tai Phúc dù biết rằng chàng đang hôn mê.

— Anh Phúc ơi! Anh phải sống... để nghe em kể về hòn máu rơi của anh. Đừng bỏ mẹ con em tội nghiệp!... Chẳng lẽ em lại bất hạnh thế này sao?

Nàng tự trách mình mấy hôm trước đã không cho Phúc biết sự thật về đứa con của chàng. Rủi ro nếu chàng mệnh hệ nào thì... trời ơi, nàng sẽ ân hận biết chừng nào.

Hai hôm sau, Phúc qua được cơn nguy hiểm. Bịnh tình Phúc thuyên giảm dần và được chuyển ra khỏi ICU. Ngày nào Nguyệt cũng chịu khó đến thăm Phúc làm Phúc rất cảm động.

Một hôm thấy Phúc gần bình phục hẳn, Nguyệt mừng lắm, hỏi:

— Phúc ơi, anh đã khỏe hẳn chưa?

Chàng gật đầu, nhìn Nguyệt trìu mến. Ánh mắt nhìn chứa đựng biết bao tình thương yêu đằm thắm. Phúc đưa tay mình nắm tay Nguyệt và mạnh dạn giữ chặt lấy. Hơi ấm từ bàn tay mềm mại của người thương như liều thần dược tăng cường cho sức mạnh của chàng.

Phúc ân cần nói như dò xét:

— Nguyệt ơi, anh cám ơn em đã thường xuyên đến thăm anh nhưng sao em không đem chồng con tới giới thiệu với anh.

Đã đến lúc Nguyệt cảm thấy không thể dấu diếm được Phúc. Nàng cúi mặt rồi buộc miệng nói:

— Em đã ly dị với Hùng từ lâu rồi.

Đây là câu trả lời mà Phúc hồi hộp chờ đợi, vậy mà chàng còn như chưa tin ở tai mình. Một phút im lặng trôi qua, chàng hỏi:

— Em nói thật?

Nàng gật đầu. Phúc âu yếm nhìn Nguyệt:

— Thế thì ngày mai em đem hai cháu vào thăm anh nhé, nhất là cháu gái. Gia đình anh toàn con trai nên anh thích có đứa con gái lắm.

Chàng nói nhỏ vừa đủ nàng nghe:

— Ước chi anh có người vợ giống hệt em và có đứa con gái dễ thương như em.

Gặp dịp này, Nguyệt không dám bỏ qua nữa. Tay trong tay, nàng nhìn thẳng vào mặt Phúc.

— Em phải nói thật với anh điều mà trước đây em nguyện không tiết lộ với ai, kể cả anh. Phúc còn nhớ cái đêm hôm ấy ở đảo... em đã chiều anh. Chuyện không ngờ xảy ra là em đã mang thai với anh từ ngày đó. Đứa con trai của anh nay đã mười tuổi.

Phúc sững sờ mở to đôi mắt nhìn Nguyệt. Chuyện quá bất ngờ, chàng gào lên như điên dại:

— Trời ơi, tôi có con thật sao. Thiệt không em. Đừng dối anh nghe em, tội nghiệp. Con trai của anh... Con trai của anh đâu?

Chàng mừng rỡ đến cuống quít và nước mắt đã rớm ra.

— Trời ơi, Nguyệt... Con anh đâu? Còn con gái của em đâu... nó cũng phải là con của anh nữa chứ...

Nguyệt thấy Phúc khóc cũng sụt sùi khóc theo. Nàng xúc động khi thấy Phúc rộng lượng, chưa chi đã xem con riêng của nàng như con mình. Nhưng qua Hùng, Nguyệt cũng đã đón nhận lòng khoan dung lúc ban đầu, rồi về sau... Nguyệt ngần ngại.

— Em...anh Phúc à, đứa sau nó không là con của anh...

— Em điên rồi, Nguyệt. Em khùng rồi, Nguyệt. Chúng nó đều là con của mình. Tuổi trẻ nó có tội tình chi..

Nàng cúi xuống vuốt tóc Phúc rồi hôn nhẹ trên vầng trán cao của chàng.

— Ngày mai em sẽ đem hai con lại thăm anh.

Phúc hớn hở ra mặt nhưng không khỏi cảm thấy một chút ân hận trong lòng.

— Nguyệt ơi, dù sao anh cũng có tội với em. Anh đã phá hạnh phúc của em. Em tha lỗi cho anh nghe.

Câu nói của Phúc vô tình làm Nguyệt chạnh nghĩ tới người chồng cũ. Cũng vì thời buổi loạn ly mới xẩy ra cảnh éo le làm mối tình lý tưởng giữa nàng và Hùng phải tan rã, đó là điều nàng không hề mong muốn.

— Phúc ơi, anh chẳng có lỗi gì hết. Người có tội là em nhưng em chẳng thấy gì để ân hận. Em nghĩ cuộc đời có sự tương đối, chẳng ai được hoàn toàn trăm phần trăm. Chồng cũ của em là người đáng thương. Anh ấy đòi hỏi một sự tuyệt đối nên... làm sao có được. Em đâu muốn tạo ra cảnh sống cô đơn này...

Phúc nhanh trí kéo Nguyệt ra khỏi quá khứ đau buồn của nàng:

— Sau hơn mười năm sống ở Mỹ anh thấy con người mình có đổi khác, rộng rãi hơn và bớt cố chấp phải không em?

— Dạ, đó cũng là điều em muốn và đang cố gắng sửa đổi.

Đến giờ phút này, Phúc là người may mắn nhất trong ba người. Hy vọng đang dâng lên, mộng ước đã gần thành!

— Nguyệt, anh vui quá. Nhờ em mà anh thấy hết bệnh rồi.

Chàng ngồi thẳng người kéo Nguyệt lại gần, mân mê bàn tay mềm mại, bốn mắt nhìn nhau, trao đổi tình tứ.

*

Ngoài trời mây kéo tới âm u. Đã lâu lắm rồi Quận Cam mới có một trận mưa rào đổ xuống. Phúc mỉm cười hỏi Nguyệt:

— Em thấy không, cuộc đời có nhiều chuyện thật bất ngờ. Anh cho rằng mọi chuyện xẩy ra đều do số mạng cả. Em có tin vậy không?

Nàng im lặng không nói mà trả lời chàng bằng cái nhìn đắm đuối, vời vợi yêu thương... Còn gì thơ mộng hơn, nhìn mà là nói... vì nói làm sao cho hết.

Hai người bây giờ thật sự có nhau rồi, không có gì có thể ngăn cách họ được nữa. Định mệnh đã an bài!

*
* *

"Tustin ngày... tháng... năm 199...

Con tin Ba Mạ mừng, con đã may mắn được nhận vào trường Đại Học Y Khoa Jefferson ở Philadelphia.

Con sẽ dọn nhà vào cuối tháng 5 để kịp ngày tựu trường. Chẳng bao lâu con sẽ mãn nguyện, trở nên người như Ba Mạ mong ước.

Giấy tờ bảo trợ cho Ba Mạ con đã hoàn tất. Tiền máy bay đã đóng xong. Chỉ trong vòng hai tháng nữa Ba Mạ sẽ lên đường rồi đó và con sẽ sung sướng được đoàn tụ với Ba Mạ...

Nguyệt viết xong lá thư, khoan khoái đứng dậy mở cửa ra ngoài gần cây cỏ xanh tươi, khung cảnh không còn cô quạnh.

Trời Cali tháng 3 nắng ấm. Chẳng bao lâu nữa nàng phải dọn nhà lên miền Bắc tuyết lạnh. Nàng ngồi xuống chiếc ghế đá, tâm trí thoải mái, suy nghĩ mông lung, và chuẩn bị tư tưởng cho một cuộc hành trình thứ hai ở Mỹ. Nàng sẽ vui vẻ tạm biệt thủ đô tị nạn, khu phố Bolsa, từ giã tất cả bạn bè, bà con thân thuộc và chắc chắn sẽ không quên ghé thăm và từ giã vị ân nhân của mình. Hẳn khi gặp lại nàng, bác sĩ Tâm sẽ ngạc nhiên, hỏi:

— Ủa, răng chị lại dọn lên miền Bắc lạnh lẽo rứa hè?

Nàng sẽ cười, sẽ có câu sẵn để trả lời vị thầy cũ đã hơn một lần giúp đỡ nàng:

— Dạ không lạnh mô thầy. Vì ở đó, em đã có một trái tim để sưởi ấm.

Trái tim của Phúc, từ nay đã là một lò sưởi ấm áp cho Nguyệt, cho bao mùa đông giá còn lại của cuộc đời.

Võ Văn Tùng
Cali, mùa Xuân 1995

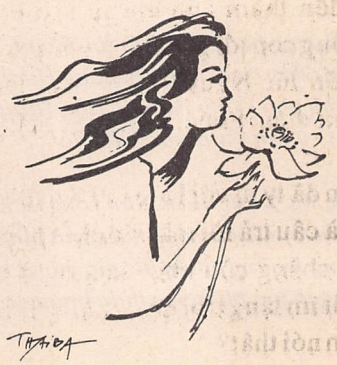

thương về xứ huế

Đã bao năm ta không về thăm Huế
Hương giang ơi, sông nước có còn xanh?
Từ mùa Xuân máu lửa, Tết Mậu Thân,
Quê hương mẹ đã nhuộm hồng huyết lệ!

Ta mơ màng nghe tiếng chuông Diệu Đế,
Tiễn oan hồn vào tận cõi hư linh!
Tiếng chuông xưa, những ngày tháng thanh bình,
Ai oán lắm, từ mùa Xuân binh biến!

Ngự Bình Sơn, bóng ma thiêng ẩn hiện,
Kiếp trăm năm phút chốc bỗng thành không.
Đỉnh non thần ta nhớ mãi ngàn thông,
Reo trong gió điệp khúc vàng bất tận...

Bến Ngự, Nam Giao, ngàn thu di hận,
Non nước này, gỗ đá cũng thành tro!
Vĩ Dạ ơi, ta nhớ những giọng hò,
Đồng vọng mãi trong chiều buồn viễn xứ.

Hoa phượng vĩ trên nẻo đường Thượng Tứ,
Đã bao lần rơi rụng dưới gót sen,
Những bóng nữ sinh tha thướt dịu hiền,
Nghiêng vành nón bài thơ trên suối tóc...

Qua Ngọ Môn, vào nội thành, Tây Lộc
Ta nhớ hoàng cung mái thắm màu son,
Sóng biếc Bao Vinh, bờ trúc Đò Cồn
Hàng lệ liễu trong tà huy hong lá

Liễu dương buồn hàng lệ rơi lả chả.
Để chữ đây chua xót một dòng Hương!
Phường phố Đông Ba, Gia Hội, Hàng Đường,
Đô thị cũ tan tành trong lửa đỏ!

Thiên Mụ, Vạn Xuân, Kim Long, Bạch Hổ,
Cầu Trường Tiền cong vút cánh phượng bay,
Thoang thoảng chiều hè, gió mộng hây hây
Những tà lụa phất phơ màu bướm trắng.

Trên sông xanh khi hoàng hôn tắt nắng,
Những con đò lặng lẽ cuộn theo mơ,
Hương giang xưa êm ả một nguồn thơ
Ai gieo huyết mà nước tan thành lệ?

Thánh nữ Maria, ngự trị Dòng Cứu Thế,
Mẹ hiền ơi, Mẹ có biết cho không?
Dưới chân hoa, bao nhiêu nỗi hãi hùng,
Dưới chân Mẹ, Huế đô đầy nước mắt!

Những hầm thây dập vùi không kín đất,
Những đầu lâu, hài cốt trắng lòng khe!
Xác lương dân nơi cồn cát, bờ tre,
Kẻ vô tội thịt xương trào máu đỏ!

Phú Cam ơi, tiếng chuông chiều nhật mộ,
Vong linh nào uất nghẹn khóc hờn oan?
Ven quốc lộ dài, nắng đổ hào quang,
Đồng An Cựu tím ngắt màu tiết dạng!

Ruộng lúa xưa, gió chiều gờn gợn sóng,
Sao chừ đây rờn rợn bóng ma trơi?
Hồn cỏ cây nặng trĩu những u hoài,
Lạnh lẽo cả quê nghèo Thanh Hương Thủy.

Huế đô ơi, hoa xuân tàn hương nhụy,
Một mùa hoa sông núi hận tang thương!
Ai vong nô, ai phản quốc, bạo cường,
Mà khổ ải dẫy đầy non nước Việt?

Dưới trời Tây, những chiều buồn ly biệt,
Ta nhớ người, cay đắng, Phú Xuân ơi!
Hoàng thành cao, ngọc đá cũng tơi bời,
Ôi, Thuận Hóa, giang sơn dầm máu lệ!

Ta nhớ mãi chốn quê nghèo, đất mẹ,
Những con đường, từng dãy phố dọc ngang,
Nhớ ánh trăng khuya trên mái mơ vàng,
Từng lá cỏ, từng giọt sương lấp lánh!

Nhớ những ngày xuân, mưa hoa lành lạnh.
Phượng vĩ rơi trong nắng đỏ trưa hè,
Bàng bạc mây thu, gió cuốn lê thê,
Màn mưa bụi những chiều đông bất tận...

Cố đô ơi, nơi cuối trời lận đận,
Ta nhớ người, đau xót, cố đô ơi!
Ngàn trang thơ thương tiếc chẳng trọn lời,
Quê mẹ hỡi, bút mực này rớm lệ!

Hồ Trọng Khôi - Paris

DANH TỪ MỤ MỆ TRONG CÁCH XƯNG HÔ QUA CÁC THỜI ĐẠI

Nguyễn Khoa Thiều

Sau khi được người anh rể là Trịnh Kiểm cho vào trấn đất Thuận Hóa, Chúa Tiên Nguyễn Hoàng (1558-1613) đã cố gắng phát triển vùng đất mà sau này lịch sử gọi chung là Đàng Trong (khác với Đàng Ngoài là vùng đất thuộc Chúa Trịnh, từ Thanh Hóa trở ra). Lịch sử có ghi Chúa Tiên đã du hành khắp xứ Thuận Hóa và năm 1601 khi đặt chân đến vùng Hạ Khê, một gò núi bên bờ sông Hương, Chúa đã được dân làng kể là có lần một bà lão mặc áo đỏ quần xanh xuất hiện ở trên gò ấy và nói rằng: *"Rồi đây sẽ có Chúa tới nơi này để dựng chùa đặng tụ linh khí và củng cố long mạch"*. Nói xong bà lão biến mất. Nhân dân bèn gọi gò Hạ Khê là núi Thiên Mụ. Chúa Tiên đã cho xây một ngôi chùa trên gò Hạ Khê lấy tên là Thiên Mụ Tự. Dân Huế quen gọi là chùa Thiên Mụ hoặc chùa Linh Mụ.

Danh từ Mụ chắc chắn đã có từ lâu, tuy nhiên với chi tiết lịch sử nêu trên chữ Mụ đã được đồng hóa với hình ảnh của một huyền linh, có uy quyền mầu nhiệm, đáng kính, đáng tôn thờ. Có lẽ đấy

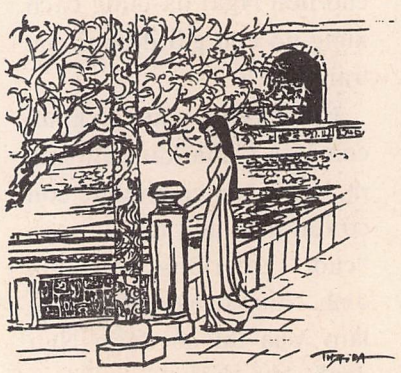

là ý nghĩa cao quý nhất của danh từ Mụ. Ta còn tìm thấy trong danh từ Bà Mụ mà dân gian đã xem như một vị thần linh với khả năng huyền bí nặn tạc ra hình hài đứa bé sơ sinh. Sinh mạng, sức khỏe của đứa bé và bà mẹ, mọi sự đều phụ thuộc vào Bà Mụ: cúng Mụ, lạy Mụ, nhờ Mụ nên mới có mẹ tròn con vuông. Đứa bé có lên cơn sốt, biếng chơi, không ngủ, tiêu chảy, việc đầu tiên là cầu cứu với Mụ để Mụ giúp cho tai qua nạn khỏi. Có nhiều lúc dân gian đã quên rằng Bà Mụ chỉ là một người đỡ đẻ và sau này với cải thiện về giáo dục y khoa, khía cạnh linh thiêng, huyền bí đã biến mất và Bà Mụ trở thành Cô Mụ tốt nghiệp trường hộ sản ra hành nghề còn rất trẻ trung.

Theo nghĩa thông thường, Mụ chỉ một người đàn bà đứng tuổi, không thân tình, cũng không phải là xa cách, ví dụ: Mụ Tôn, Mụ Đào v.v... Mụ cũng có nghĩa là một người đứng tuổi, đáng trọng vì liên hệ gia tộc: Mụ Phán, Mụ già hàng xóm, hoặc Mụ

Gia (tức mẹ chồng) ví dụ: *Thương chồng phải khóc Mụ Gia.* Trong các tuồng hát Bội người phụ nữ đóng vai bà già gọi là "Vai Mụ", người đóng vai trẻ gọi là "Đào".

Trong cách xưng hô hàng ngày chữ Mụ đã biến nghĩa nhiều và trở thành bình dân: Mụ nở, Mụ tê, Mụ bán cá, Mụ vú, Mụ ở v.v.. ý nghĩa có lúc mất khía cạnh tốt đẹp, kính trọng: Mụ điên, Mụ ăn mày...

Hạ xuống một nấc nữa là đạt đến nghĩa khinh thường, miệt thị: Mụ tú bà, Mụ trùm; có lúc còn thêm chữ "Con". Con Mụ nở với ý nghĩa hạ cấp nhất.

Trên đây là ý nghĩa của từ *"Mụ"*. Còn *"Mệ"* thì khác hẳn. Danh từ Mệ chỉ người đàn bà già cả, đáng kính vì có cấp bậc trong gia tộc hoặc vì tuổi tác: Mệ Nội, Mệ Ngoại. Trong trường hợp có thêm chữ "con" đi trước, chữ Mệ biến nghĩa và tương đương với Mụ: Chỉ một người đàn bà sồn sồn nhưng không đáng kính: "Con Mệ nở".

Danh từ Mụ Mệ còn được dùng riêng trong một trường hợp khác nữa, đấy là xử dụng với các đối tượng thuộc Hoàng tộc: Mụ, Mệ ở đây dùng cho các con của Vua, Chúa, cháu ông Hoàng, bà Chúa và dùng chung cho cả phái nam lẫn nữ không phân biệt tuổi tác: Mụ Sao hoặc Mệ Sao đều là ông Sao, thuộc Hoàng tộc.

Ta có thể giải thích nguồn gốc việc xử dụng hai chữ Mụ Mệ trong hình thức này căn cứ vào hoàn cảnh xã hội của các thế kỷ trước. Việc sinh và dưỡng vốn còn rất nhiều may rủi. May thì sống, rủi thì chết. Số lượng tử tuất trẻ sơ sinh (chết non) và số trẻ chết trước khi ăn thôi nôi (tròn một tuổi) chắc chắn là rất cao. Do đó vì mê tín, dị đoan tin rằng để tránh "Mụ bắt" hoặc khó nuôi nên cần đặt tên xấu cho đứa trẻ để ma, quỷ, thần chê mà không bắt đi. Trong hoàng tộc việc kiêng cữ còn chặt chẽ hơn vì mạng sống của một công tôn, công tử vốn được xem là quý hơn mạng sống bách tánh. Do đó ngoài việc đặt tên xấu, các công tôn, công tử còn được gọi khác giống đi để đánh lừa ma quỷ muốn ám hại. Đó là lý do tại sao trong Hoàng tộc tất cả đều là Mụ, Mệ cả.

Trong Việt Nam Văn Hóa Sử Cương tác giả Đào Duy Anh có viết Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1714-1765) sinh được 18 trai và 6 gái. Tuy nhiên vì chỉ nuôi được một số ít trai mà thôi cho nên Ngài đã dùng cách xưng hô con gái để gọi con trai.

Cũng giống như dân gian, con Vua Chúa khi mới sinh ra, ngoài tên chính thức còn có tên móc nôi, tên tục, tên "chơi" gọi riêng trong gia đình. Nếu sau này đứa trẻ lên làm Vua thì có thêm Ngự danh, khi chết thì có Thụy hiệu hoặc Miếu hiệu. Chính tại "tên chơi" này mà ta tìm ra chữ "Mệ". Vua Dục Đức có tên chơi là Mệ Trìu, vua Hiệp Hòa có tên chơi là Mệ Mến, vua Bảo Đại (Vĩnh Thụy) có tên chơi là Mệ Vững.

Con của vua Thành Thái về phái nữ mang tên các loài chim: Mệ Nhạn, Mệ Két, các con trai mang tên xấu hơn: Mệ Cóc, Mệ Chuột.

Trong Hoàng tộc sau đời các Mệ, chữ Mệ không còn dùng nữa cho thế hệ kế tiếp mà xuống một bực gọi chung là Mụ cho nam lẫn nữ.

Hai chữ Mụ Mệ cùng chiều hướng biến chuyển của xã hội đã được phổ thông hóa. Trong nhiều trường hợp chúng ta đã nghe bạn hữu xưng với một người Huế là Mụ hay Mệ mặc dầu người ấy không liên hệ với Hoàng tộc. Hai chữ Mụ Mệ trở thành một danh từ để xác định người kia là dân gốc Huế và riết rồi tất cả dân Huế đều là Mụ Mệ hết!

Các Vua triều Nguyễn, ngoại trừ vua Tự Đức (vô tự), vốn có rất nhiều con. Vua Minh Mạng có đến 78 trai và 64 gái; vua Thành Thái cũng có một số lượng con cái đáng kể. Vua cha đã không đủ khả năng trợ cấp và nhất là chính quyền bảo hộ mỗi ngày một giới hạn chi tiêu của triều đình. Một số lớn các Mệ khác sống nhờ vào đồng lương của Tôn Nhơn Phủ và với chế độ đa thê các ông hoàng này khi ở với bà này, mai ở với bà khác sinh ra hàng chục người con và giao cho các bà tự lo liệu lấy. Nghĩ rằng thân thế mình vốn là công tôn, công tử nên các Mệ đã cố gắng duy trì một thế sống nhàn hạ, đài các, phong lưu khác biệt với bá tánh trên bình diện bề

ngoài, bộ điệu, lời ăn tiếng nói. Thật ra sự sai biệt này trong rất nhiều trường hợp chỉ là giả tạo và các Mệ rất nhiều lúc đã rất chật vật với đời sống hàng ngày. (Cụ Hoàng Trọng Thược đã kể vài giai thoại liên quan đến các Mệ trong tập san Nhớ Huế 1992).

Dầu sao đối với dân Huế cách xưng hô Mụ mệ bao giờ cũng gợi hình ảnh một lớp người có một nếp sống đài các, vương giả, Nho phong của chế độ quân chủ cũ.

○ Hai Chữ Mụ Mệ Còn Đất Sống Trong Tương Lai Không?

Lẽ dĩ nhiên người dân Việt sẽ tiếp tục xử dụng hai chữ Mụ Mệ trong cách xưng hô cổ điển thường nhật. Tuy nhiên một tầng lớp các người *"Anh Em Bên Nớ"* sau một thời gian *"Học Làm Sang"* nay đã hủ hóa và bắt đầu để lộ cung cách kệ nệ, phong kiến của một số Mụ Mệ thời quân chủ. Bề ngoài họ vẫn dùng cách xưng hô "Cách Mạng" tuy nhiên bề trong họ đã Mụ Mệ rồi. Biết đâu đảng nhà nước sẽ chính thức hóa và chúng ta sẽ không thấy lạ tai khi nghe đến các "Mệ Hai", "Mệ Bảy", "Mệ Mười".

Có Mụ mô ở Huế thử mở một quán bán thuốc lá Cẩm Lệ ở Hà Nội coi có khá không?

○ Nguyễn Khoa Thiều

Thương người xứ Huế phải theo
Nhưng đi đường bộ sợ đèo Hải Vân

Đèo Hải Vân

Dọc theo quốc lộ Bắc Nam
Ngọn đèo khó vượt nằm ngang Trung Phần
Hải Vân hố thẳm, đèo cao
Hoa rừng gió núi, ngạt ngào hương thông
Đỉnh đèo dựng đứng chờ trông
Chiều chiều mây xuống chập chùng giao duyên
Hai mươi ngàn thước mỗi bên
Xuống như tuột thẳng, lên chừng đứt hơi
Đường ngang, kẹp xếp từng nơi
Ngoằn ngoèo hiểm trở lắm người chết oan
Xẩy bao tai nạn kinh hoàng
Dẫy đầy am, miếu hồn oan vệ đường
Chân đèo về phía đông phương
Sát ngay mặt Thái Bình Dương tít mù
Hải Vân tên cũng nên thơ
Tiếc rằng hiểm họa, chực chờ đó đây.
Anh tài công chánh đời nay
Có ai nghĩ đến sau này chỉnh trang
Có ai đổi cách thay đường
Làm sao tránh bớt tai ương qua đèo

○ Nguyên Pháp

Mưa Huế

Nguyễn Mộng Giác

Sau khi bộ trường thiên tiểu thuyết *Mùa Biển Động* hoàn tất và phát hành khắp nơi, tôi nhận được nhiều ý kiến của bạn đọc, những lời khen ngợi lẫn những chỉ trích gay gắt. Khen chê là chuyện thường tình. Một tác phẩm khi đã được phổ biến tự nhiên có một thân phận riêng, và như tất cả mọi thứ thân phận trên đời, có những may rủi thăng trầm không thể biết trước. Tấm lụa đào phất phơ giữa chợ, vào tay ai không phải là quyền chủ động của tấm lụa. Huống chi, thành thật mà nói, tác phẩm của tôi chưa phải là tấm lụa.

Trong những lời chê tôi nhận được, có một câu trách móc nhẹ nhàng của một độc giả vô danh. Qua miệng một người bạn chung, người bạn Huế ấy trách tôi sao suốt bộ trường thiên viết về Huế không thấy Nguyễn Mộng Giác nhắc tới mưa Huế. Tôi giật mình, và nhận thấy lời trách cứ ấy chính xác.

Ờ! Tại sao tôi quên mất mưa Huế? Học đại học ở Huế ba năm, đi dạy ở Huế hai năm, sau đó do làm rể Huế đi đi về về bao lần, quần áo tôi đã ẩm ướt mốc meo vì mưa Huế đã nhiều. *Mưa chi mưa mãi. Mưa mãi mưa hoài. Lòng biết nhớ thương ai...* Mấy câu thơ ấy chợt đến đúng lúc. Nó giải thích Huế mặc dù có thể tác giả không viết về mưa Huế. Đó là một lời than cho cái khí hậu khắc nghiệt giam hãm người ta một chỗ không cho đi đâu, nhưng cũng nhờ cái mưa man man vô tuyệt kỳ ấy mà lòng nhớ thương như rộng ra, sâu xuống, tỏa lên, bao trùm cả đất trời. Một sự thực hiển hiện như thế mà tôi lại quên! Vì sao?

Tôi đi tìm một kẻ tòng phạm để chia bớt gánh nặng của trách móc. Tôi tìm ra ngay. Hàn Mặc Tử cũng đi đi về về với Huế nhiều lần như tôi, nhưng khi nhớ về thôn Vỹ, cũng không nhớ mưa Vỹ Dạ:

Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền

Nắng mới, lá trúc xanh, vườn rộng, một khuôn mặt thiếu nữ... Hàn Mặc Tử chỉ nhớ Huế **sau** cơn mưa chứ không chịu nhớ Huế **trong** cơn mưa. Cách lựa chọn khôn ngoan của người đứng ngoài, mặc dù cả tâm hồn của nhà thơ cũng trao trọn cho Huế. Thân gửi tạm ở Qui nhơn mà hồn ông có ở Qui nhơn đâu! Ông bị *mất hồn*, lẩn thẩn viết thư hỏi người bạn Trần Tái Phùng là sau lễ phát giải thưởng cuối năm ở trường Đồng Khánh, các cô nữ sinh có bỏ quên lại thứ gì không. Ông than thở vật vã vì xa Huế, một cách rất khác thường, như mưa Huế:

Hôm nay vui quá anh Phùng ơi
Buồn xa không đến lệ không rơi
Tình không gặp mặt người không lại
Cười nói làm sao cho hả hơi!

Hàn Mặc Tử yêu Huế, điều đó không có thể ngờ vực được. Nhưng ông yêu Huế như yêu một người tình. Ông chọn lọc, thăng hoa những nét đẹp của Huế, vô tình gạt bỏ những cái ẩm ướt dầm dề của khí hậu. Căn bệnh nan y ập đến, ước vọng lứa đôi không thành, Hàn Mặc Tử lỡ dịp làm rể Huế. Tuy nhiên là người tình của Huế hay là rể Huế, vẫn là người ngoài, không thuộc trọn vẹn vào Huế. Thuộc trọn vẹn về nhau, như tình vợ chồng, thì phải chấp nhận trọn vẹn toàn thể cái đẹp cái xấu, cái vui cái buồn, cái được cái mất, cái thơ cái tục của nhau, chấp nhận những trận mưa dầm lạnh lẽo ướt át lẫn những *nắng hàng cau nắng mới lên* của Huế.

Một nhà thơ tiền chiến khác, được đời nhớ tên nhờ tập thơ *"Huế Đẹp và Thơ"* là Nam Trân. Nam Trân thấy Huế đẹp Huế thơ ở đâu? Mưa Huế chăng? Không. Ông giống như Hàn Mặc Tử, chỉ nhớ có nắng Huế. Cảnh Huế qua thơ Nam Trân trong veo, chói chang. Ông tả Huế ngày hè:

Hoa phượng như giọt huyết
Dỏ xuống phủ lề đường
Mặt trời gay gay đỏ
Nhuộm đỏ góc sông Hương.

Ông tả Huế đêm hè:

Trời nóng hăm bốn độ
Đèn, sao khắp đế đô
Mặt trăng vàng, trỏn trẻn
Nấp sau nhánh phượng khô

Ba nhịp cầu Trường Tiền
Đứng đầy người hóng mát
Ngọn gió Thuận An lên
Áo quần kêu sột soạt

Tôi ngạc nhiên, lục sách vở tìm cho ra nguyên do. Đây rồi: Nam Trân làm thơ ca tụng Huế (và được Hoài Thanh khen là *tả cảnh Huế không ai bằng Nam Trân*) nhưng không phải người Huế. Ông là một trong những anh "học trò trong Quảng ra thi" và từ đó không rời được Huế. Chàng trai huyện Đại Lộc tỉnh Quảng nam ra Huế học Quốc Học, rồi làm công chức Huế. Ông không phải trai Huế. Trai Huế thì ai mà ghét cho được điệu Nam ai, Nam bình? Thế mà Nam Trân ghét. Nam ai Nam bình còn ghét được thì làm sao thương nổi mưa Huế? Không thương nổi mưa Huế thì làm sao thấy hết được *Huế thơ*? Cái chói chang nực nội trong thơ Nam Trân không phải là độc quyền của Huế. Nắng Hà nội, nắng Sài gòn, nắng Phan rang, nắng Cà mau... chắc cũng thế mà thôi. Rốt cuộc Nam Trân vẫn là người ngoài.

Tôi đi tìm một nhà thơ Huế 100% để kiểm chứng xem lối giải thích (mà cũng là tự biện hộ) của mình có đúng hay không. May cho tôi, tôi tìm thấy tập thơ *"Huế buồn chi"* của Hoàng Xuân Sơn. Người Huế làm thơ về Huế thì nhất định phải khác với những người phương xa bị Huế níu chân hớp hồn vì người vì cảnh.

Thi tập của Hoàng Xuân Sơn, đúng như tôi mong đợi, đầy những cơn mưa man man vô tuyệt kỳ, buồn và lạnh thấu xương. Ngay những trang đầu, bài thơ tác giả dùng làm nhan cho toàn tập, đã ẩm ướt mưa gió, tái tê vì khí hậu:

Huế buồn chi Huế không vui
Huế o ở lại, Huế tui đoạn đành
o đau sương khói một mình
tui đi ray rứt Nội thành tái tê
Huế buồn chi, tội rứa thê!
tình xưa nghĩa cũ ngó về tựa nương
Huế ơi mộng tới đường trường
Kim Luông Vỹ Dạ dòng Hương có còn
trèo tình lên núi mà thương
cỏ cây chất ngất phố phường ở mô
Huế chừ cách mấy triệu o
mưa qua cửa Thượng chiều co bến Thừa.

Cơn mưa đầu trong thi tập mở màn cho những trận mưa buồn khác. Nắng chỉ là một ảo ảnh mong manh. Mưa mới là thực tại:

Nắng lên
đầy ảo
mắt nàng
gió sao còn chạy xiêng quàng giữa mưa
màu trời

ai bảo đem chia
cho người khốn khổ
đầm đìa
giọt trân.

Mưa tê tái, mưa lạnh lùng. Nhưng ngay trong cái tê tái nhợt nhạt ấy, Huế vẫn cứ thơ:

Hạt mưa là hạt mưa thưa
ừ xin ngả nón cho vừa lòng nhau
dầm mưa môi tái nhợt màu
mà thương không hết để lâu cũng già
bàn tay mưa trông ngộ là
ngón tê tê ngậm ngón nhòa nhòa đan
vòng xe lăn bánh ngang hàng
cho mưa rối sợi quàng sang vai mềm
bữa về mưa gọi tên quen
à ơi cơn ngủ rất hiền dưới mưa.

Tình yêu của Huế thật sự không cần cầu viện đến nắng vàng, trời trong, mây xanh. Ủ dột u ám cũng có nét đẹp của nó, nét đẹp quyện chặt với phong thổ, con người, tiếng đàn, giọng hát. Điệu Nam ai Nam bình có lẽ thích hợp với mưa Huế hơn nắng Huế. Hoàng Xuân Sơn viết được điều cốt tủy ấy, bằng chính cái dầm dề tê buốt của mưa gió quê hương:

Như đến như về chân lữ khách
chiều anh qua phố gốc me già
gối đầu lên gió đồng tê buốt
bầy chim sẻ cũ ngoài hàng ba

Như mớm vào nhau hồn vụng dại
lời yêu thương cuối một ngày buồn
chiều anh đi giữa tình xa ngái
mưa rớt trên đầu, tóc cố hương.

"Xa Huế thì nhớ Huế, mà ở Huế thì...". Nguyễn Tuân ghé Huế mê Huế mà không dám ở lại Huế. Khi viết "Mà ở Huế thì..." ông lễ phép tế nhị không muốn nêu rõ những cái ông không chịu nổi của Huế, sợ những người bạn Huế của ông không vui. Không nói, nhưng ai cũng biết ông không chịu nổi cái mưa Huế. Hoàng Xuân Sơn người con xứ Huế, ngược lại, tìm ra cái đáng yêu ngay trong những thứ Nguyễn Tuân "mà ở Huế thì...":

Rồi cuốn trôi đi nhành củi mục
khi mùa mưa lũ nước tràn sông
nhà ở bên tê múi Đập Đá
ngó đất trời dạ cũng sầu mông

Giờ này chăn ấm e còn ngủ
ôm vai mưa mộng tiếng ru dài
có thấy bâng khuâng hồn bão rớt
và có mơ mòng nghĩ một ai

Nước xiết chân rồi đò không lại
thương thương này gửi gió qua bờ
gởi màu mây xám giăng ô cửa
cho nhớ nhung mềm những sợi thơ.

"Cho nhớ nhung mềm những sợi thơ". Câu thơ đẹp của Hoàng Xuân Sơn rất tiêu biểu cho điều mà trong giới văn nghệ vẫn thường gọi là *"chất Huế"*, *"tính cách Huế"*: nhạc Trịnh Công Sơn; tranh Đinh Cường, Nguyên Khai; thơ Hoàng Xuân Sơn, văn Hoàng Ngọc Tuấn, Hồ Đình Nghiêm... Giới thưởng ngoạn không thể lầm lẫn khi đọc thơ Huế và thơ của vùng đất chỉ cách Huế một ngọn đèo: Quảng Nam Đà nẵng. Thơ Luân Hoán, Thành Tôn, Hoàng Lộc, Vũ Hữu Định, Thái Tú Hạp... thường quan tâm đến những hiện thực xã hội nhiều hơn là những sợi mưa thưa làm mềm lòng người. Có thể gọi thơ Quảng là thơ chói nắng, thứ nắng của lý tưởng, của luận lý, trong khi thơ Huế bằng bạc mây khói trữ tình.

Muốn giải thích sự khác biệt ấy, có nhiều cách, từ ảnh hưởng của phong thổ cho đến những chi phối của kinh tế, chính trị, giáo dục, xã hội... Trong các động lực phức tạp tạo nên chất Huế, tôi cho rằng mưa Huế giữ vai trò quan trọng nhất.

Cũng giống như khí hậu băng tuyết khắc nghiệt đã tạo ra thứ tâm hồn Nga trong văn chương Dostoievsky, Gogol, Tolstoi... mưa Huế giữ chân những con người Huế lại trong một khoảng không gian chật hẹp, bắt buộc họ phải đối diện với chính họ, bắt buộc họ phải ôm ấp nâng niu toàn bộ những gì còn lại của

quá khứ, rồi từ đấy hết thương lại nhớ. Huế sống bằng quá khứ hơn là hiện tại.

Người con xứ Huế hưởng được những tiện nghi ưu đãi về văn hóa giáo dục do Huế là trung tâm quyền lực suốt thời nhà Nguyễn, nên cơ hội thăng tiến có nhiều hơn những vùng khác ở miền Trung. Nhưng cơ hội thăng tiến không đi đôi với nhu cầu nhân dụng của Huế. Nói theo ngôn ngữ kinh tế, thị trường nhân dụng của Huế bị tình trạng cung nhiều hơn cầu. Cho nên người Huế muốn tiến thân chỉ còn một con đường: phải xa Huế. Xa Huế thì nhớ Huế, mà ở Huế thì... khó tìm được việc làm! Huế đã trở thành quá khứ ngay trong đầu óc tuổi trẻ của Huế. Họ biết khi rời khỏi gia đình, xông pha vào đời để tìm một chỗ đứng, họ phải vượt đèo Hải vân xuôi về phương Nam. Mưa Huế giữ chân họ tạm thời trong đời chật, nhưng trong khoảng đời dài xa Huế sau này, chính những cảm xúc, mơ mộng, kỷ niệm của đoạn đời chật này lại trở thành một nguồn hứng vô tận cho những người có năng khiếu sáng tạo. Nghệ sĩ Huế mang phổ biến khắp nơi cảm giác xót xa của những gì mong manh nhất, cái buồn "trệ người" của tiếng mưa rơi liên miên tháng ngày trên những mái ngói cũ, những giấc mộng bay xa lên cõi vô cùng có nắng... Mưa Huế đối với người nghệ sĩ vừa là sức hãm vừa là sức bật. Nó tạo ra đối cực trong những người Huế sống xa quê hương: hoặc là những người Huế hết sức thơ (thơ từ cách ăn nói, cách suy nghĩ, thơ cả trong cách đi đứng ứng xử), hoặc là những người Huế quá khích muốn quên hết những ràng buộc tù túng của phong tục, truyền thống, khí hậu. Có Huế lãng mạn và Huế cách mạng, cách mạng theo lối Huế, nghĩa là cách mạng một cách lãng mạn.

Huế đã đổ nát vì thứ cách mạng lãng mạn này. Rồi Huế hồi sinh để lại trở thành *"Huế thơ"*. Lịch sử đã sang trang. Trung tâm quyền lực chính trị ngày nay thường nằm ở những nơi đông đúc ồn ào và ngập nắng. Mưa Huế không thuận tiện chút nào cho những cuộc biểu dương sức mạnh, và Huế cũng không cần những cuộc biểu dương ấy. Huế đã có một sức mạnh riêng: *Huế thơ!*

Tháng 8.1995

○ **Nguyễn Mộng Giác**

Gởi Huế

Mai mốt Em về thăm quê cũ
Thiên Mụ trầm ngâm giữa nắng mưa
Mái tóc già nua người tình cũ
Đêm dài hiu hắt bóng hình xưa

Núi Ngự cô đơn buồn hiu quạnh
Bóng nhạn chìm khuất giữa đêm trăng
Hoàng thành muôn thuở sầu câm lặng
Giữ trọn tâm tình góc nghĩa trang

Sông Hương lơ lửng mái tóc thề
Con đò xuôi ngược tháng năm trôi
Sóng vỡ mạn thuyền tiếng suối reo
Giọng hò lay động chiếc lá rơi

Nguyễn Ngọc Quỳnh Trang
Simi Valley 95

Trái Khế Tây

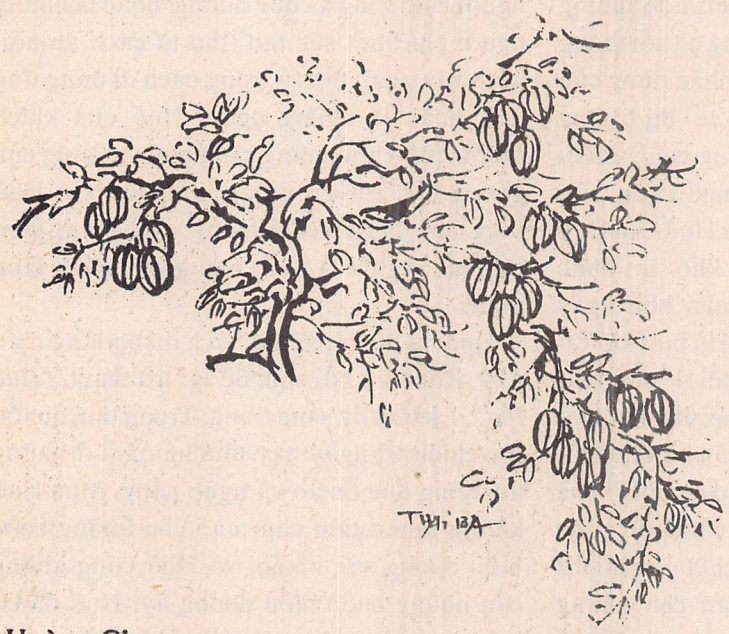

Hoàng Giao

Tôi không nhớ trái này có cái tên gì khác hay không, nhưng chắc chắn là nhiều người gọi nó là trái khế tây. Trái của nó hao hao giống trái tầm ruột hay "chùm ruột" ở miền Nam, nghĩa là cũng cỡ lớn, chỉ khác là các cạnh khế tây có vẻ sắc hơn chứ không tròn như trái tầm ruột. Lúc còn non, trái có màu xanh, nhưng lúc chín thì trở thành màu vàng rồi sau đó thành màu đỏ. Loại khế tây này cũng có vị chua không kém gì tầm ruột hay khế thường, nhưng có vẻ "gắt" hơn. Các cô cũng thích ăn khế tây này với muối ớt như ăn tầm ruột. Đã từ lâu tôi không có dịp để thưởng thức lại và kể từ ngày đó đến nay mỗi lần nhắc đến hoặc trông thấy nó là tôi cảm thấy ớn "lên tới cổ", đầu óc choáng váng và lẽ tất nhiên là không dám ăn nữa.

Ngày đó,là một ngày vào năm 1947, tôi không nhớ vào tháng nào, tôi phải đi học như mọi ngày và buổi trưa phải ở lại lớp vì nhà xa, chỉ khác là buổi trưa hôm đó tôi phải nhịn đói để dành phần gạo, độ một nắm tay để nạp cho nhà trường theo lệnh của nhà nước. Nhà trường cũng như các công sở khác chỉ làm theo lệnh của nhà nước, đứng ra thu góp gạo của các giáo sư, nhân viên nhà trường và học sinh để nạp lại cho tỉnh. Nói một cách khác là mỗi tháng có một ngày gọi là ngày "đồng tâm". Buổi trưa ngày hôm đó, tất cả mọi người dân trong thành phố đều phải nhịn ăn, để dành phần gạo góp cho nhà nước. Dường như lệnh này được áp dụng khoảng 2 tháng thì phải ngưng vì bị nhiều chống đối của dân.

Năm đó tôi đang theo học lớp Đệ nhị, Trung học Đệ nhất cấp, tức là lớp 7 ngày nay của trường Khải Định (tức là Quốc Học). Lớp học của tôi nằm ở dãy nhà phía sau, nối tiếp dãy nhà hai từng phía trước với sân vận động. Nhìn qua cửa sổ, thì thấy dinh Công Sứ cũ, lúc bấy giờ là tư dinh của một vị tướng Pháp chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Huế (?) Sau này là tư dinh Tỉnh trưởng Thừa Thiên kiêm Thị trưởng thành phố Huế. Trường Quốc Học lúc bấy giờ gọi là trường Khải Định - đã được trưng dụng để lần lượt làm nơi đóng quân của nhiều đơn vị quân đội từ Tàu xanh, Tàu vàng sang tước khí giới quân đội Nhật Bản, rồi đến lính Lê dương của quân đội Pháp. Cứ mỗi lần như vậy là nhà trường phải thu lại trong một số lớp hoặc phải di chuyển đi các nơi khác cho nên tôi không nhớ rõ, nhưng nếu không lầm thì lúc bấy giờ phân nửa trường phía trước do quân đội Pháp xử dụng.

Nhà tôi ở cách xa trường khoảng hơn một tiếng đi bộ. Vì không có xe đạp cho nên mỗi ngày phải đi bộ băng qua cầu Trường Tiền hoặc qua đò ngang ở bến Thừa Phủ. Nếu học hai buổi thì buổi trưa phải ở lại trường chứ không có đủ thì giờ để về nhà ăn cơm rồi trở lại học. Đa số các

bạn cùng trường nhà ở Kim Long, Gia Hội, Thành Nội, Bao Vinh, An Hoa v.v... đều cùng ở lại trường như tôi. Sau buổi ăn trưa thì đem bài buổi chiều ra học hoặc làm. Nếu rảnh rỗi thì đi hóng gió ở bờ sông Hương hoặc đi loanh quanh trong trường.

Ngày hôm đó "đồng tâm". Cả lớp đều phải nhịn đói mặc dù bình thường thì bữa trưa mỗi đứa cũng chỉ mang theo một mo cơm bới tức là cơm vắt bằng mo cau hoặc một "gầu mên" bằng nhôm ăn với một ít muối mè hoặc vài ba con tôm kho rim hoặc một ít tôm chấy. Có đứa nhà nghèo, chỉ đem theo vài củ khoai luộc, sắn (khoai mì) hoặc củ môn hay bình tinh tức là các loại hoa màu phụ mà dân Huế thường ăn để thay thế cho cơm. Học sinh nghèo cho nên ít ai có xe đạp để đi học hoặc có thể mang theo bữa ăn trưa với 2 hay 3 món ăn. Có đứa không có nón để đội mà phải đội nón lá hoặc những chiếc mũ "phớt" cũ do ông già để lại, gọi là mũ phở. Đó là chưa kể mưa hay nắng cũng chỉ mang đôi guốc gỗ mức, lúc mới thì nặng sịch nhưng đến khi cũ thì gót bị mòn, sắc như lưỡi dao.

Trưa hôm đó, chúng tôi cả thảy 5 đứa, tan giờ học, kéo nhau ra sân ngồi chơi cho quên đói. Nhưng khổ nỗi tuổi đang lớn vả lại buổi sáng chỉ ăn một chén cơm nguội rồi lội bộ từ nhà đến trường, đến trưa thì quá đói, không ăn không chịu nổi, dù cho có làm đủ mọi cách để quên. Chợt nhìn qua phía vườn sau của dinh Công Sứ chúng tôi thấy có một cây khế tây, trái xum xuê và bắt đầu chín đỏ.

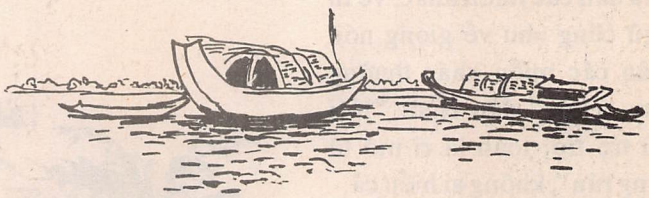

Thế là, với phản ứng tự nhiên, chúng tôi đánh bạo, mở cửa ngõ bên cạnh dinh, vào thẳng nhà người lính gác dan và xin phép hái ít trái ăn "cho đỡ buồn". Người gác dan cũng tử tế, cho phép chúng tôi hái tự nhiên. Thế là đứa níu cành, đứa hái trái, chẳng mấy chốc là đầy túi quần. Chạy trở về trường lật đật móc ra ăn. Mấy trái đầu, ăn ngon thật, nhất là bụng đang đói. Cả năm đứa đều ăn cho hết cả túi khế. Ăn xong một lúc chất chua của khế mới thấm vào bao tử. Trong người bắt đầu cảm thấy khó chịu. Cái mùi khế chưa chín cộng thêm vị chua chua chát chát đã tạo thành một cảm giác như người đang đói bụng mà uống vào một bát nước chè xanh đậm vừa hái trên cây xuống, mà người ta thường gọi là say. Cái say của nước chè tươi khó chịu hơn say rượu vì say rượu làm cho người ta buồn ngủ mà say nước chè tươi thì lại làm cho người ta buồn nôn. Thế là buổi chiều hôm đó không sao ngồi yên được. Chỉ trông sao cho hết giờ để về nhà. Không đứa nào dám hé môi nói cho giáo sư biết mà chỉ ráng làm sao dấu được sự dày xéo của bao tử. Giả sử lúc bấy giờ thầy giám thị hay vị giáo sư, hiệu trưởng mà biết được, chắc các vị đó cũng phải thương hại hơn là quở trách, vì chính họ cũng phải nhịn đói như chúng tôi. Họ sẽ thông cảm cho lũ học sinh phải nhịn đói từ sáng đến chiều.

Tôi chắc các thầy cô cũng cố gắng nhiều lắm. Họ đã cố hết sức để làm một việc gì đó trong hai tiếng đồng hồ nghỉ trưa, như ráng ngủ cho quên, đọc báo xem sách hay hàn huyên với nhau cho khuây khỏa. Vì là một nhà giáo, cần phải làm gương cho học sinh và với bản chất thật thà của một nhà mô phạm không muốn làm trái với luật lệ để phải bị khiển trách hay "ghi vào sổ đen" họ cũng phải nhịn đói "thật" mặc dù ngoài mặt vẫn cố giữ vẻ bình thường để chứng tỏ mình là người công chức gương mẫu.

○ Hoàng Giao

BÙI MINH ĐỨC

TIẾNG HUẾ ĐẶC THÙ

Tiếng Huế của dân Huế thật có nhiều điểm đặc biệt, khác với tiếng của dân các miền khác, về từ ngữ cũng như về giọng nói. Dân các miền khác thường hay "chọc" dân Huế: "Nói thì trọ trẹ, toàn là ri mô tê răng rứa", không ai hiểu cả.

Ngoài ra, tiếng Huế thay đổi tùy theo môi trường và tùy theo hoàn cảnh xử dụng. Tiếng Huế dùng trong Cung Vua khác với tiếng Huế dùng trong dân gian và tiếng Huế nói chuyện lúc bình thường cũng khác tiếng Huế dùng lúc nổi giận.

Trong khuôn khổ bài này, chúng tôi muốn đề cập đến một vài điểm về tiếng Huế đặc thù của chúng ta và nhân tiện nêu lên một vài nhận xét liên hệ.

✧ TIẾNG HUẾ ĐẠI NỘI:

Vì chỉ dùng trong Đại Nội nên từ ngữ trong hoàng cung đã không được phổ biến trong dân gian và vì thế có vẻ như cầu kỳ và lập dị.

Theo tục lệ trong Cung, con cháu trai của giòng vua thì gọi là "Chị" hay là "Mệ" để ma quỷ thấy là con gái, không "bắt đi" sớm, khỏi chết yểu! Chắc nhiều người cũng đã nghe nói đến khẩu khí của các vị này. Chẳng hạn, chuyện các "Mệ" ăn khoai đã được truyền tụng như sau:

Vắt chân chữ ngũ, "chém"
củ khoai lang
Bớ Mụ nhà hàng, múc ta bát
nước!

Một "Mệ" rất nổi tiếng sau này là "Mệ Mười" tức Tùng Thiện Vương, hồi còn nhỏ rất được vua Gia Long thương, hay bồng đùa dỡn. Một "Mệ" khác cũng rất đặc biệt đó là "Mệ Đảm" tức "Mệ Bốn", sau này là vua Minh Mạng.

Vua ở trong "Điện" và các "Bà" ở trong "Cung". Nhắc đến Vua, thường phải thêm chữ "Ngự" hay chữ "Long": Vua ban là "Ngự Tứ", giường Vua thì gọi là "Long Sàng", áo Vua thì gọi là "Long Bào". Ngoài ra tên Vua là kỵ húy, cần tránh đọc và phải đọc trại đi. Như đời vua Đồng Khánh chẳng hạn, chữ "Thi" hoặc chữ "Biện" đều là tên húy của nhà Vua, phải tránh viết hoặc đọc. Đi thi, lỡ quên mà viết tên của Vua hoặc của các vua tiên triều, sẽ bị phạm trường quy, bị đánh hỏng và có thể bị tù tội. Quan địa phương ký giấy cho thí sinh đi thi cũng bị vạ lây.

Vua ăn cơm thì gọi là "Ngự Thiện" (sớm thường là 7 món, chiều 10 món), Vua nghỉ thì gọi là Vua "ngơi", Vua đau nặng thì gọi là "Đại Tiêm". Vua mất thì gọi là Vua "băng" hay "thăng hà". Đến đây, tôi xin ra ngoài lề mà kể một câu chuyện về "Vua băng": Khi Vua Gia Long sắp mất, bên giường bệnh có Hoàng tử Đảm tức là Vua Minh Mạng sau này, lúc đó đã 29 tuổi. Vua Gia Long trối: "Dân đó, nước đó, con đã thấy sáng nghiệp, thì con phải biết thủ thành. Giao lân

hiếu đạo, không nên gây việc can qua khổ cho dân và nguy cho nước. Những đồ đế nghiệp này (ngọc ấn, cờ mao tiết, gươm thượng phương) ta giao cho con. Thiên hạ đại cuộc đã định rồi. Ta yên lòng nhắm mắt. Con hãy biên lại và nhớ lời ta". Hoàng tử Đảm để tỏ ra có hiếu, để trống chỗ chữ "nhắm mắt", Vua Gia Long mỉm cười bảo: "Tử sanh tự hữu, phần đã định, húy kỵ làm gì" và tự tay viết chữ "băng" vào chỗ trống.

Lúc Vua Gia Long băng, bên giường có Nhị Giai Phi Thuận Thiên, mẹ ruột Vua Minh Mạng. Vai trò thật của Bà Thuận Thiên là Hoàng Hậu vì Bà Nhất Giai Phi Thừa Thiên, mẹ đẻ Hoàng Tử Cảnh, đã qua đời. Triều Nguyễn không có ngôi Hoàng Hậu vì Vua Gia Long lấy kinh nghiệm các biến loạn trong Cung của các triều đại khác đã không cho thiết lập ngôi này, (Sau này, Vua Bảo Đại đã phá lệ, lập Nam Phương Hoàng Hậu).

Phẩm trật của các vợ của Vua triều Nguyễn như sau:
— Hoàng Quý Phi là hoàng hậu (để trống).
— Nhứt Giai Phi là vợ bậc nhất.
— Nhị Giai Phi là vợ bậc nhì.
— Tam Giai Tân là vợ bậc ba.
— Tứ Giai Tân là vợ bậc bốn.
— Ngũ Giai Tiếp Dư là vợ bậc năm.
— Lục Giai Tiếp Dư là vợ bậc sáu.
— Thất Giai Quí Nhân là vợ bậc bảy.
— Bát Giai Mỹ Nhân là vợ bậc tám
— Cửu Giai Tài Nhân là vợ bậc chín.

Sau Tài Nhân là Cung Nhân. Từ Lục Giai Tiếp Dư trở lên, tiếng trong Cung thường gọi là "Bà", ví dụ: Bà Tiếp, Bà Tân, Bà Phi. Từ Quý Nhân trở xuống thì gọi là "Chị": Chị Quí, Chị Mỹ, Chị Tài.

Khi vua mất, mộ của vua được gọi là tẩm lăng. Dân thì gọi là lăng nhưng trong Nội thì gọi theo danh hiệu đã đặt ra: lăng Gia Long thì gọi là Lăng Thiên Thọ (1820), lăng Minh Mạng thì gọi là Hiếu Lăng (1841), lăng Thiệu Trị thì gọi là Xương Lăng (1847), lăng Tự Đức gọi là Khiêm Lăng (1883), lăng Kiến Phước là Bối Lăng, lăng Đồng Khánh là Tứ Lăng (1889) và lăng Khải Định là Ứng Lăng (1925).

Cũng cần nói vài hàng về tên họ của con cháu các nhà vua, cũng khác lạ hơn thường. Họ Nguyễn là họ nhà vua, tuy nhiên con cháu Hoàng tộc lại có tên họ khác nhau: Cha tên Bửu X. sinh con là Vĩnh Y, chẳng hạn. Sự việc này xảy ra vì con cháu vua phải nối tiếp lấy tên theo các chữ trong bài thơ Đế Hệ thi do Vua Minh Mạng đặt:

Miên Hường Ưng Bửu Vĩnh
Bảo Quý Định Long Tường
Hiền Năng Kham Tế Thuật
Thế Thoại Quốc Gia Xương

Qua đến Mỹ, nhiều con cháu trong Hoàng Tộc thường gặp rắc rối vì họ của cha khác với họ của con nên xu hướng bây giờ là thêm hai chữ Nguyễn Phước trước tên họ cũ: Nguyễn Phước Bửu Y, sinh ra Nguyễn Phước Vĩnh Y. chẳng hạn.

Nếu vua không thích ai, muốn trừ khử, thì vua cho phép người đó tự tử, không bắt tội. Cái này gọi là vua "gia ân", thường là ban cho thuốc độc để uống, dao nhọn để tự đâm hoặc lụa trắng để tự kết liễu đời mình, gọi là Tam Ban Triều Điển.

Tội đồ bị xử chém thì các quan gọi là "xử trảm", chém bay đầu thì gọi là "thủ trảm", chém ngang lưng thì gọi là "thân trảm". Bị tội nặng, triều đình có thể cho "tứ mã phân thây" hay cho "voi chà ngựa xéo", một hình phạt mà vua Gia Long đã dành cho các tướng anh hùng Tây Sơn Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân lúc chiến cuộc sắp tàn. Đến đây tôi lại xin ra khỏi đề để kể một câu chuyện về tướng Tôn Thất Thuyết cuối triều vua Tự Đức. Vị tướng này có tật thích "trảm quyết". Một ngày nọ, người con trai mà ông rất thương ghé vào dinh thăm cha. Lính hầu vào bẩm báo. Ông đang đọc sách, lơ lửng trả lời "Trảm". Lát sau, lính vào quỳ dâng mâm có thủ cấp của người con yêu dấu của ông. Ông lặng đứng người! Nhân vật Tôn Thất Thuyết này cùng với Nguyễn Văn Tường quyền hành độc đoán, và rất lộng quyền. Vua Gia

Long đã đặt ra lệ không lập chức Tể Tướng, nhưng đến cuối triều vua Tự Đức, hai ông này quyền hành thật bao trùm hơn Tể Tướng! Tướng Tôn Thất Thuyết đã phò vua Hàm Nghi bôn tẩu khỏi kinh thành sau khi thất thủ kinh đô

(1885). Sau đó, giao vua lại cho con phò giữ, ông qua Tàu xin cầu viện, nhưng nhà Thanh đã quá yếu, không giúp gì được nữa. Ông phải đập đá sinh sống, lủi thủi ngày ngày đập đá để "đã nư" giận. Người Tàu thấy ông cả ngày im lặng, đập đá không ngừng như thù như hận, nên gọi ông là "Thạch Đả Nhân". Theo tôi, ông là một vị anh hùng, hết lòng vì nước vì non.

✧ TIẾNG HUẾ DÂN GIAN.

Người Huế dùng nhiều từ ngữ không đâu có. Là người Huế, đã nghe tiếng Huế trên 30 năm tại Huế, và cũng đã có "bạn Nam bồ Bắc" dạy dỗ cũng nhiều, tôi nhận thấy tiếng Huế thật có lắm dị biệt. Nếu không ở Huế và không nghe quen, với từ ngữ lạ hoắc và với khẩu âm "trọ trẹ", người các miền khác khó có thể hiểu được dân Huế muốn nói gì.

Nữ văn sĩ Túy Hồng cũng đã nêu lên sự khác biệt này trong một bài đăng trong báo Đất Mới, Seattle, số 194, năm 1984 như sau: "Mi ấp em thét, rồi xuốt cái cươi, xong vô giả cấu, rồi cắp trác đi tận nơi thật ngái, chơ không được ngưng, hễ chộ phân trâu thì cóp đem về, lộn chuột nưa!" Nói theo tiếng thông thường thì là: "Mày ấp em ngủ rồi quét cái sân, xong rồi vào giã gạo, rồi cắp thúng đi tận nơi thật xa, chứ không được gần, hễ thấy phân trâu thì hốt đem về, trồng chột nưa".

Một luật sư tại Huế dí dỏm kể chuyện một người con gái Huế vừa đi lấy chồng, trở về nhà cha mẹ, thỏ thẻ chuyện "đàn bà" với nhau cho cô em nghe về anh rể đa tình ra sao: "Dựa trưa đứng bóng, đang đạp ló trựa cươi, en kéo vô nhà, en bồn lên chờn, ba en đẫn!".

Sau đây là vài ví dụ về các từ ngữ đặc biệt Huế đó:

- Cái nớ: cái đó
- Cái ni: cái này
- Tắc hò: tiếng dùng để chỉ huy trâu
- Cây bút: cây viết
- Mô: ở đâu
- Tê: kia
- Ri: thế này
- Rứa: đó
- Cái ni: cái này
- Răng: thế nào
- Coi: xem
- Nổi tam bành: nổi giận
- Hói: rạch
- Thằng lục tặc: thằng tào lao
- Chọc: diễu, chế nhạo
- Lục lạc: giỡn mà chơn
- Đìa: đầm
- Ba trợn: trợn trạc, hấp tấp
- Trừa lại: chừa lại
- Gà lên chàng: chạng vạng
- Trựa cươi: giữa sân
- Khẽ tiền: rút tiền
- Dói: kêu to
- Bồn lên chờn: bồng lên giường
- Tùm lum: lộn xộn
- Nác: nước
- Trốt: cái đầu.
- Thâm căn cố đế: gốc rễ ăn sâu
- Em thét: em ngủ
- Ngựa, Phản: giường bằng ván ghép
- Nốn: Cái nống lúa
- Gạo lon tộn: học chăm chỉ
- Đẫn: ăn hỗn tạp
- Thẳng cò o ngón: đi quá lâu (để mẹ ngóng trông)
- Chộ: thấy

- Muổi: sâu đậm, nhiều
- Bẩm: nhiều
- Đọi: cái tô
- Chàng bếp: khung treo trên bếp
- Đía con cá: nói dóc.
- Đoản hậu: không lưu tình
- Ỏm củ tỏi: ồn ào quá
- Đời tù hu, tù huýt: đời xưa
- Lưa lại: trừa lại
- Nằm chộ: năm mơ
- Ngởn đầu: ngẩng đầu
- Bầy quân: trẻ nhỏ
- Ngẫng: tinh nghịch
- Đây với đó, đó với đây: anh với em, em với anh
- Hằm bà lằng: Lẫn lộn
- Uống nác: uống nước.
- Hon: hông, treo cho khô
- Ông dôn: ông chồng
- Nốt: thuyền
- Ló: lúa
- Giống: như hệt
- Mói: muối
- Cha mi: tiếng nựng con
- Đành hanh: lì lợm

Một câu chuyện nhắc lại kỷ niệm học trò của chúng tôi: Năm 1949 một giáo sư từ Hà Nội vào Huế dạy Việt Văn trường Khải Định, lớp tôi. Ông ra đề tài làm luận văn cuối tuần là "Tả cây viết chì của anh". Làm xong, chúng tôi đem đến nạp thì hầu như bài nào ông chỉ xem qua vài giây rồi xé toẹt, chỉ trừ vài bài còn sót lại. Chúng tôi lại được lệnh về làm lại, nhưng không biết đã phạm lỗi gì. Về sau ông mới cho biết là tiếng Việt không có chữ "bút chì" mà chỉ có chữ "viết chì". Và chúng tôi đã viết: "Tả cây bút chì" thay vì phải viết "Tả cây viết chì".

Như chúng ta sẽ thấy, chữ "bút" của chúng ta, tiếng Chàm cũng có, gọi là "bút" như tiếng Huế. Vậy tiếng Huế của chúng ta có liên hệ gì với tiếng Chàm hoặc của một tiếng nói nào khác hay không, đó cũng là một vấn đề được đặt ra, cần giải đáp tường tận. Ai vay ai, ai mượn ai hay cả hai đều có cùng chung một nguồn gốc, vấn đề thật khá phức tạp, đòi hỏi nhiều suy nghĩ, nghiên cứu.

✧ TIẾNG HUẾ GIẬN HỜN.

Cũng như mọi sắc dân khác, người Huế cũng có hờn, có ganh có ghét. Giận hờn cũng có nhiều nấc: giận hờn nhẹ thì dân Huế "nói bóng, nói gió", giận hờn nặng thì dân Huế "dói" người ta ra mà chưởi. Chưởi lộn là biểu lộ cùng cực của giận và ghét trong người xứ Huế.

Lê chân khắp năm châu bốn biển, sau 20 năm xa cách, lúc về Huế viếng mộ người thân thuộc tại núi Ngự Bình vào một buổi chiều, tình cờ tôi đã lại được nghe người Huế chưởi lộn. Dừng chân nghỉ nửa giờ "để nghe lóm" và 2 giờ sau, khi đi thăm mộ về, tôi vẫn còn nghe hai bên chửi lộn! Tôi đã tìm thấy lại tinh thần cố hữu của người xứ Huế và nhận thấy rằng quả thật, chưởi lộn của xứ Huế cũng có nhiều điểm đặc biệt của nó, phản ảnh phần nào văn hóa của người chưởi. Vài đặc tính cố hữu của dân Huế cũng được phát tiết trong khi thể hiện cảm xúc mãnh liệt của giận hờn này. Chưởi lộn xứ Huế, như có người đã nhận xét, cũng có khuôn khổ lễ giáo, lệ luật của nó, cũng như dân Huế lúc ra đường, buôn thúng bán bưng mà vẫn phải mặc áo dài và đội nón lá.

Trước hết phải nói là Chưởi lộn của xứ Huế khá thoát tục. Khi chưởi lộn, hai bên ít dùng các từ ngữ phản ảnh hành động giao cấu hoặc dính dáng đến cơ quan sinh dục như ở các miền khác.

Chưởi lộn của dân Huế, có tính cách dạy dỗ, răn đe.

Chưởi lộn của dân Huế nhắm vào tội bất hiếu, sỉ nhục lớn nhất của dân Huế, đã để người ta dày vò, hỗn láo, "xách lên để xuống tổ tiên mình".

Chưởi lộn của dân Huế có tính cách dai dẳng.

Chưởi lội của dân Huế có vần, có điệu, có qua, có lại, như "xướng họa" một bài thơ.

Chưởi lộn xứ Huế thường là giữa đàn bà với nhau. Đàn ông là "người quân tử", không chấp trách "thứ đồ nớ", nên không hạ mình chưởi lộn.

Chưởi lộn xứ Huế cũng có tiêu chuẩn riêng và Modus Operandi riêng của nó.

Chưởi lộn thường ("lên cơn") khoảng 3 - 4 giờ chiều lúc đang rảnh rỗi, chưa nấu cơm.

Chưởi nhiều khi như nói chuyện, không cần to tiếng.

Chưởi có lúc phải bốn phương tám hướng, quay theo chiều kim đồng hồ, cho

mọi người nghe, bêu xấu kẻ bị chưởi.

Chưởi phải "thấm thía" như "gió bảy đọt tre" và cũng phải xỉa xói. "như sanh như sứa".

Chưởi có thể vừa đối đáp, kẻ qua người lại như hò giã gạo.

Chưởi phải đứng giữa sân, chỗ trống, để tiếng vang ra xa, "cho xóm làng biết".

Chưởi mỏi miệng, có quyền trở vào nhà nấu cơm, rồi ra sân chưởi nữa!

Trong khi chưởi có thể "dậm chân khoa tay", "lúc lắc đầu" để nhấn mạnh điểm mình giận, nhưng tránh chưởi "miệng sùi bọt mép" để khỏi bị gán là "điên", là "tàng".

Chưởi có lúc như mãnh hổ "nhai tươi nuốt sống", có lúc nhẹ nhàng và sắc bén "như mèo quào".

Chưởi độc là đem tổ tiên người ta ra trách móc mắng nhiếc, dày xéo "đem gia phả người ta ra mà chưởi", đã không biết dạy dỗ con cháu để chúng làm chuyện "ngang ngược, thương luân bại lý".

Chưởi nhẹ nhàng là ra mặt dạy dỗ, lúc lên lúc xuống, cường độ tăng giảm, "lúc cao bổng, lúc xuống trầm". Có lúc lên Crescendo, hùng dũng lồng lộng như "đỉa phải vôi", có lúc xuống Bass trầm hùng nhẹ nhàng "như nhạc trút vào tai".

Chưởi thường là dai dẳng, "dai như rẻ rách", "lê thê", "có thứ có lớp", lâu lâu to tiếng rồi lắng xuống, với dạng Sine wave.

Chưởi là để cho đàn bà "ra tranh đua", đàn ông im thin thít, tránh trong nhà, kẻo "ốt dột, ốt dạt". Tuy nhiên đôi khi cũng bị địch thủ đẩy ra vòng chiến với các câu "đàn ông bất lực để vợ lăng loàn".

Chưởi đổng dùng khi bị mất gà, nhởn đào bị hái trộm, ớt bầu bị hái triệt lúc đêm khuya. Chưởi "trù" cho người ta "chết ẻo", ăn vào "đau bụng thổ tả", "không chết thì cũng ngất ngư" hoặc trách mắng là "đoản hậu, cốt tiệt nọc, cạn tàu ráo máng, như quân ăn cướp, uống nước không trừa cặn".

Chưởi trù người ta "mạt", "vô phước", "vô hậu" cũng là cách làm cho người kia đau đớn, lo âu, sợ hãi trong tương lai.

Chưởi sao cho người ta như "bị tát nước vô mặt" "ngẩng đầu không lên", không đối lại được, "tiu nghỉu như mèo cụt đuôi".

Chưởi cũng có thể là chưởi cho "sướng miệng", vì không thích người đó, hay ganh tị với người đó, phát tiết ra với câu "khi không mi chọc cho cha mi giận"!

Chưởi lộn gần tàn khi bên bị thua nín lặng, không tiếp tục trả lời, "vào nhà đắp chiếu ngủ". Bên thắng trận chưởi tiếp nhưng cường độ giảm dần, lê thê dậy dỗ, lâu lâu bùng lên vài câu to tiếng rồi lặng dần như đèn phụt sáng trước khi tắt hẳn.

Và cuối cùng, khi nghĩ rằng mình đã bị thiệt hại, cần được đền bù, thì "lăn ra nằm vạ" ngay sân nhà địch thủ mình. Một hình thức phản kháng quyết liệt "đấu tranh". Nằm không nhúc nhích, "Nằm giả chết", không ăn không uống, "cương quyết tuyệt thực" "cho cha con mi thấy", đợi cho làng tổng hay "quơn" đến giải quyết mới thôi. Một câu chuyện xưa, có thật về nằm vạ, khi dân Huế còn tiêu bằng "tiền điếu", tức "tiền kẽm". Đồng tiền này, lâu ngày có thể bị mẻ hoặc lủng và nhiều thương gia từ chối không nhận. Người đến mua đi cả ngày, lên thấu huyện mong "sắm sửa", mua đồ về cho cả nhà sinh sống, bị từ chối vì đồng tiền quá tệ. Về tay không thì chồng đói con đói, bèn nằm lăn ra trước cửa hàng, "chận đường" "làm khó dễ", để cho "quơn" giải quyết. May gặp quan huyện cũng là một người nhân đức, đáng mặt "phụ mẫu chi dân", bắt các thương gia phải nhận cho người ta. Vì thế, tiếng đồn bay về các làng mạc hẻo lánh:

"Ai ơi chớ thảm chớ sầu,
Ngó lên đầu cầu, lưng bể
cũng ăn."

✧ VÀI NHẬN XÉT VỀ NGUỒN GỐC TIẾNG HUẾ.

Câu hỏi được nêu ra là vì sao cũng là tiếng Việt mà tiếng Huế lại có những tính chất đặc trưng, đặc thù đó. Phải chăng trong tiếng Huế đã còn sót lại nhiều dấu vết của tiếng Việt thời xưa, của ông bà ta, hai ba ngàn năm trước? Câu hỏi này cũng kéo

theo một câu hỏi khác là tiếng Việt ta thời xưa do đâu mà có?

Lược qua các khảo cứu từ trước đến nay về vấn đề này, tôi ghi nhận nhiều ý kiến khác nhau.

Trước hết phải nhắc đến tiếng Môn, một thứ tiếng được xem là nguồn gốc của nhiều thứ tiếng tại Đông Nam Á. Dân Môn bây giờ chỉ là một dân tộc thiểu số sống rải rác ở miền Bắc Thái Lan và Miến Điện. Theo học giả Henri Maspero (BEFEO t. XII 1912) và Nguyễn Hy Vọng, những người đã dày công nghiên cứu về sự liên hệ giữa tiếng Môn và tiếng Việt, thì tiếng Việt ta cùng một gia đình với họ Môn. Sở dĩ tiếng Huế có nhiều chữ gần như tiếng Môn là vì qua mấy ngàn năm, dân miền Trung đã giữ được phần lớn tiếng nói xưa của ông bà chúng ta, nhờ vị trí địa dư đặc biệt với dãy Trường Sơn. Thổ âm của dân quê các tỉnh miền Trung: Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên (tức khoảng nửa triệu người) còn được 48 sắc dân Thượng sống dọc theo dãy Trường Sơn nói, còn được hơn 1 triệu người Môn bên Miến Điện nói, còn được hơn nửa triệu người Mường ở Việt nam dùng.

Liên hệ giữa tiếng Huế và tiếng dân miền Thượng của dãy Trường Sơn cũng đã được học giả Bình Nguyên Lộc nêu lên khi đưa ra nguồn gốc Mã Lai của tiếng Việt Nam. Ông cho rằng Thượng Việt cùng dòng họ với Việt Nam ta, cũng phát xuất từ giòng Mã Lai và từ Trung Việt lên Cao Nguyên. Dân làng Thọ Ngõa ở Huế trước đây đã gọi con trâu là "Trời" và "ông", y hệt dân miền núi quý mến trâu cày rẫy.

Sử gia Nguyễn Khắc Ngữ nêu lên nguồn gốc Melanesie của dân Việt Nam và cùng với Nguyễn Thế Phương (Tập San Sử Địa, số 42, 1958) đồng ý với bà J. Cuisinier, tác giả cuốn *"Les Muong"*, cho rằng người Việt và người Mường cùng một chủng tộc, xưa kia cùng một thứ tiếng. Người Mường ở vùng rừng núi, tiến bộ chậm hơn, không bị Hoa hóa như miền Bắc Việt Nam và do đó còn giữ được nhiều phong tục của tổ tiên ta ngày xưa. Theo bà Cuisinier, người Mường có phong tục tập quán, nhà cửa, ăn mặc, lễ lạc gần giống Việt Nam ta. Ngay cả truyền thuyết Lạc Long Quân của ta, họ cũng có chuyện vua Dit Dang y hệt ta. Họ cũng có cả Trống Đồng mà họ giữ gìn trang trọng, một tài sản truyền kế của giòng giống, và họ còn biết cả cách đánh trống bằng cách thọc dùi trên mặt trống như các hoa văn ghi trên trống đồng của chúng ta. Nói một cách khác, họ chính là hậu duệ của Cổ Đông Sơn. Về nhân hình học: chiều cao, màu da, sọ dừa, họ đều rất gần giống với chúng ta. Bình Nguyên Lộc cũng cho rằng tổ tiên người Mường (Mã Lai, đợt 2) cũng là tổ tiên của ta về thời xưa.

Nhiều dẫn chứng về liên hệ ngôn ngữ đã được nêu ra, ví dụ tạ gọi là "Trời" thì người Mường gọi là "Bloi" hay "Tloi". Chữ "Bloi" này cho mãi đến thế kỷ thứ 17,

HUẾ CHỪ

Ạ à ơi... "Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương"
Trời thiêng trao đất đế vương
Núi sông hòa dịu phố phường thanh tao

Ạ à ơi... Hương giang thấp thoáng đèn sao
Êm đềm cá lượn dạt dào đò xuôi
Lắng nghe tiếng hát ngọt mùi
Ngân xa trầm vọng bồi hồi nao nao

Ạ à ơi... nhớ xưa gái kiệt trai hào
Rừng gươm lửa đạn rì rào Phú Xuân
Huế chừ như áng phù vân
Hoàng thành hiu quạnh sầu ngân điệu buồn

(Trích "Hát ru làn điệu Huế") của Tôn Lệ Vân)

người Việt chúng ta vẫn còn dùng.

Sau đây là vài thí dụ:

- Mu: tối
- Muông: muối
- Blăn: trăng
- Mlớn: lớn
- Mlời: lời
- Tlôk: trốt (dầu)
- Ka: các
- Kon: cong
- Kăm: cằm
- Kăp: kẹp
- Gôy: đầu gối
- Di: đi
- Bô: cha
- Tất: tất
- K'oy: khói
- Kim: Kim
- Nút: nút
- Nuy: vừa
- Mok: nước
- Mo: mồm

Ngoài ra xứ Huế chúng ta trước là Châu Ô của xứ Chàm, vậy các từ ngữ của tiếng Huế có liên hệ gì với tiếng Chàm hay không? Theo tôi ảnh hưởng và liên hệ giữa dân Chàm và dân Huế không phải là ít. Tôi muốn nói Chàm Phan Rang và Chàm Phan Rí chứ không phải Chàm Châu Đốc vì tiếng nói của người Chàm Châu Đốc không nhiều thì ít đã bị đồng hóa với tiếng Cao Miên rồi. Người Chàm Phan Rang vẫn còn giữ nguyên được tôn giáo cổ truyền của họ với tất cả các sắc thái văn hóa của dân tộc họ. Họ còn giữ được chữ viết tay về tôn giáo, cổ tích, thần thoại và con cháu họ giữ gìn rất kỹ lưỡng. Ảnh hưởng Chàm tại Huế còn lưu lại qua sự việc dân trẻ làng La Giang vẫn nói tiếng Chàm và con gái làng Thủy Ban vẫn ăn mặc theo lối Chàm vào hồi đầu thời Pháp thuộc. Dân quê vài làng thuộc huyện Hương Trà như Bàu Đôn, Thế Lại, La Khê cho mãi đến năm 1950 vẫn còn có người mặc váy kiểu "sarong" như dân Chàm. Ngoài ra, vài làng tại Huế trước đây có lúc đã mang nhiều màu sắc mẫu hệ tiềm tàng của dân Chàm: Dân các làng Khương Lộc, Hoài Tài, Tiên Nộn, Đôn Lương, Bao Vinh, Lại An và Thế Lại — tức 2/3 đất của châu Ô ngày trước — có nếp sống khá lỏng lẻo: trai gái tuy không sống chung với nhau trước nhưng họ có thể đã có 2, 3 mặt con trước khi cưới hỏi.

Tiếng Việt và tiếng Chàm cũng có rất nhiều điểm giống nhau. Trong khi nghiên cứu tiếng Chàm, chúng tôi đã ghi được hàng trăm tiếng Chàm đồng âm và đồng nghĩa với tiếng Việt. Hơn thế nữa, trong số các tiếng Việt đồng âm, đồng nghĩa đó tiếng Huế đặc thù có tỷ lệ khá cao. Các từ ngữ đặc biệt của tiếng Huế như: "Ri, Ni, Nớ, Tê" thì tương ứng, tiếng Chàm cũng có các chữ đồng nghĩa: "Rey, Ni, Nan, Teh". Một chữ đặc biệt của các cô gái Huế thường thân mật gọi nhau là "Ấy", thì Chàm cũng có chữ "Ay" để kêu "chị bạn, anh bạn".

Tôi xin nêu thêm vài thí dụ khác:

— Thang Ni: nhà ni (nhà này)
— Hun: hôn
— Kumey Nan: Đàn bà nớ (ấy)
— Awe: Huế
— Teh: Tê (kia)
— Hang: Hăng (cay)
— Rey: Ri (thế này)
— Iem: yếm (áo lót)
— Khoi Ita: chúng ta
— Ing Ong: Ễnh ương
— Khoi Nu: chúng nó
— Kahak: khạc (nhổ)
— Muy: em (mùi mẫn)
— But: Cay bút (viết)
— Yow: Giống (y hệt)
— Ay: Ấy (anh, chị)
— Kway: quai
— Ju: hút
— Bloo: ló (lúa)
— Blu: cái lu
— Guei: gùi (mang vai)
— Sak: xấc (hỗn láo)
— Truh: trụi (rụng lá)
— Canuk: nức (mọc lên)
— Beh: bể (sứt mẻ)
— Baw: bào (bào gỗ)
— Po': Vó (cái rớ).

Tôi xin nhấn mạnh là vì thận trọng, tôi đã nêu lên "vấn đề tiếng Việt ta, tiếng Huế ta có thể liên hệ với tiếng Chàm" mà không nói là "Tiếng Việt ta có nguồn gốc Chàm". Chúng ta không thể hấp tấp quyết đoán sai lầm theo kiểu "*Post hoc, ergo proptor hoc*" (Sau nó, vậy là nó) khi chưa có chứng minh cụ thể nào thêm. Liên hệ tiếng Chàm và tiếng Việt có thể đã xảy ra theo 1 trong 3 quá trình sau:

— Dân Chàm và dân Việt cùng một nguồn gốc tổ tiên, cũng đã có chung một ngôn

ngữ. Với thời gian, tiếng Việt đã bị Hoa hóa, tách xa dần khỏi tiếng Chàm và chỉ còn sót lại vài dấu vết trong tiếng Huế.

— Dân Việt có mặt trên bán đảo trước và dân Chàm đến sau. Dân Chàm chịu ảnh hưởng tiếng Việt của tổ tiên ta trong ngôn ngữ của họ. Nhưng với thời gian, tiếng Việt càng bị Hoa hóa, xa dần với tiếng Việt từ ngàn xưa, trong khi tiếng Chàm còn giữ được vài nét đặc thù của tiếng Việt xưa của ta.

— Dân Việt di cư lần về phương Nam, tiếp xúc với dân Chàm nên ngôn ngữ đã lần lần "nhuốm màu tiếng Chàm". Sau này vì dân Chàm hầu như bị diệt chủng nên tiếng Chàm ít được xử dụng, tiếng Việt đã chiếm ưu thế. Do đó, ngày nay, tiếng Chàm chỉ còn sót lại một ít trong tiếng Việt ở các địa phương hẻo lánh như ở giải đất hẹp Bình Trị Thiên.

Cũng có thể nói thêm, vùng Huế chúng ta nói riêng và giải đất Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên nói chung, là nơi hai nguồn ngôn ngữ đã kết hợp nhau: ảnh hưởng Hoa văn từ trên xuống và ảnh hưởng Môn, Mã Lai, Chàm từ dưới lên. Vì thế, tiếng Huế đặc thù của chúng ta là các rớt lại của nguồn ngôn ngữ từ dưới lên vậy.

Nói tóm lại, có lẽ vì tiếng Huế có nhiều "giây mơ rễ má" như thế nên tiếng Huế mới có nhiều khác biệt với tiếng nói của dân các miền khác.

✧ KẾT LUẬN:

Xem như vậy, ta thấy không nhiều thì ít tiếng Huế có thể đã có liên hệ mật thiết với tiếng Môn, với tiếng Thượng Việt, với tiếng Chàm, và có thể cả tiếng Mã Lai, Tây Tạng và Miến Điện (Shafer, BEFEO, 1948). Ngoài ra, sở dĩ tiếng Huế ta có nhiều từ ngữ đặc biệt mà hai miền Bắc Nam không có, có thể là nhờ vị trí địa dư đặc biệt đã giúp ta còn giữ được nhiều dấu vết của tiếng nói ông bà chúng ta ngày trước, một quá khứ có thể đã đến ba bốn ngàn năm hơn.

Những liên hệ giữa tiếng Huế đặc thù và các thứ tiếng khác, với các câu hỏi ai vay ai, ai mượn ai, ai nhờ ai, sẽ là những đề tài nghiên cứu phong phú cho các nhà ngôn ngữ học Việt Nam cũng như ngoại quốc của ngành Việt Học trong tương lai.

Học giả Hoàng Xuân Hãn trong một cuộc phỏng vấn từ Paris (1994) đã phát biểu như sau: *"Ngành Việt Học cần được nghiên cứu và phát triển thêm và tốt hơn hết là phải nghiên cứu tại chỗ"*.

Tôi hoàn toàn đồng ý về điểm này.

○ **Bùi Minh Đức**
6/1995.

TÀI LIỆU THAM KHẢO.

1. Pierre Huard et Maurice Durand, Connaissance du Việt Nam, Ecole Francaise d'Extrême Orient, Imp. National de Paris, 1954.

2. Gerard and Mossay, Dictionnaire Cam, Vietnammien, Francaise, Centre Culturel Cam, Phanrang, 1971.

3. J. Cuisinier, Les Muong, Institut d'Ethnologie de Paris 1948.

4. M. Georges Maspero, Le Royaume De Champa, Librairie Nationale d'Art et d'Histoire G. Vanoest Editeur, Paris et Bruxelles, 1928.

5. Huỳnh Tịnh Paulus Của, Dictionnaire Annamite, Đại Nam Quốc Âm Tự Điển, Tome 1 et Tome 2, Imprimerie Rey Curiol et Cie, 1896.

6. Thần Kinh Tạp Chí, Tập 4, Tháng 11, 1927, 382 - 387.

7. Vương Hồng Sển, Khảo Về Đồ Sứ Cổ Men Lam, Nhà XB TP HCM, 1993.

8. Bình Nguyên Lộc, Nguồn Gốc Mã Lai Của Dân Tộc Việt Nam, Xuân Thu, Saigon.

9. Nguyễn Khắc Ngữ, Nguồn Gốc Dân Tộc Việt Nam, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa Việt Nam, Montreal, 1985.

10. Nguyễn Văn Chỉnh, Tự Điển Mèo Việt, Nhà XB Khoa Học Xã Hội Hanoi, 1971.

11. Nguyễn Hy Vọng, Nguồn Gốc Đa Dạng Của Tiếng Việt Nam, Tập san Hội Y Sĩ Việt Nam tại Nam Cali, số 3 và số 4, 1992.

12. Tư Liệu Thư Viện Gia Đình Bùi Minh, California, Hoa Kỳ (Trống Đồng, B.E.F.E.O, B.A.V.H, R.I).

■

O XƯA

Nhã Ca

Năm tôi lên mười, O Xưa đã trên ba mươi. Ở con đường Nam Giao, từ đầu dốc tới cuối dốc, O Xưa đi lên đi xuống giống như một cái bóng, vì hình như O không sống với người.

O Xưa sống với ma, người chồng ma của O vô hình, ở đâu đó, trên cây, trong cỏ, đậu trên lá, trong vòm trời. O kể lể vậy.

Có thể nhìn thấy O Xưa vào buổi sáng, vào giờ công chức đi làm, học sinh đi học và các bà nội trợ Huế ngồi xúm xít bên gánh bún bò ngon nổi tiếng của mụ Dục, bên gánh cơm Hến của mụ Khế, gánh bánh canh từ Nam Phổ của mụ Cau. Buổi trưa, lúc O Xưa đi từ trên con dốc xuống, đầu có đội nón thì mấy bà nội trợ đang ngồi lê đôi mách với nhau ở cái quán tre đầu một con hẻm. Cũng có người ngó O Xưa một cái:

"Mấy người coi, con mụ Điên."

"Quá thường, bữa mô cũng chộ, có chi là lạ nà..."

Mấy người đàn bà vô công rỗi nghề này thấy O Xưa quá thường là phải rồi. Lúc này họ đang có mục vui đùa mới. Ở đâu lạc tới một thằng cha bán cốm, gánh hai cái lu đi lên dốc là niềm vui của họ. Ăn hàng, nói dốc, kể chuyện thiên hạ cũng nhàm, vậy là quay sang người đàn ông bán cốm. Một bà cao giọng hò:

Ơi anh gánh cốm hai lu
Anh cho tui gửi chim cu về cùng
Cu tôi cu ấp cu bồng
Chớ bỏ vô ...lồng mà ốm cu tui...

Có vậy thôi họ cười nghiêng ngả, cười tới chảy nước mắt. Ông bán cốm cúi gầm mặt, lẹ bước đi. Biết, hơn thua không nổi với bọn giặc đàn bà.

"Nì, anh nớ, đem "lu" đi mô rứa anh!"

Cười nữa. O Xưa dừng lại nhìn, con mắt đờ dẫn, khuôn mặt đờ dẫn, hình dạng, tâm trí không còn ở với cõi người ta.

Buổi chiều, O Xưa lại đi lên đi xuống con dốc nhiều lần hơn, nhất là lúc chạng vạng tối. Bao ngày tháng rồi, chiếc áo tứ thân màu nu phai lạt và sờn rách, tóc vấn khăn xô lệch và tay luôn luôn ôm một cái bọc vải, không biết bên trong có gì.

Nhưng nhìn có vẻ như O đang bế đứa con mới sinh. Đi một đoạn, O cúi xuống, nựng nịu, ru hời hời, không ra một câu quéo gì. Đứa con trong bọc cũng không bao giờ lớn, cứ nằm trong cái bọc vải từ năm này tới năm khác. Chỉ mình O nghe nó khóc và dỗ dành. Có lần, mấy đứa con nít chọc O, xô đẩy, giằng kéo, cái bọc trên tay O rớt xuống bung ra, chỉ toàn là áo quần cũ và giẻ rách. O hốt hoảng, khóc lóc, lượm lại từng cái, ghém lại thành cái gói như cũ.

Đi thất thểu như thế, thỉnh thoảng dừng lại dưới những gốc cây, ngước mặt lên nói chuyện. Những lúc này khuôn mặt O Xưa biến đổi

một cách kỳ lạ. Khuôn mặt sáng lạng, trẻ trung, mắt mơ màng, giọng nói tiếng cười nũng nịu. O đã gặp người của thê giới vô hình, người yêu, chồng của O.

Người ta đồn riết rồi cũng mỏi miệng. O Xưa nói chồng O là chàng Ba. Chàng Ba đẹp trai lắm, nói chuyện rất có duyên. Tuy là ma nhưng chàng Ba ăn ở rất tình nghĩa. Họ đã có với nhau ba mặt con rồi. Không biết có độn bụng không mà lâu lâu thấy bụng của O Xưa phình lên, rồi một thời gian, đúng tháng ngày của một người đàn bà chửa, cái bụng lại xẹp xuống. Đứa con sơ sinh nằm trong bọc vải O Xưa bế bồng trên tay, biết khóc biết cười bằng chính miệng của O Xưa.

Không ai biết gốc gác của người đàn bà này. Lúc đầu, họ là một gia đình từ trong Quảng tìm ra Huế sinh sống. Gia đình gồm có ba người, cha mẹ và O Xưa. Họ không được may mắn, bị gạt ra ngoài lề xã hội, nên họ phải dựng một cái chòi nhỏ trong một vùng đất trống toàn sỏi đá và bụi cây dại, chạy xa tới chân núi. Dân gọi vùng này là đất "độn". Đi hoài không thấy nhà cửa, chỉ có mồ mả và một cái miếu hoang. Nhiều gia đình không có "nhà vệ sinh", thường lên "độn" để làm công việc "ỉa đồng", vừa sạch vừa mát, còn nhìn trời mây, cảnh đẹp. Mỗi lần, người ta đi lên "độn" đều phải qua nhà O Xưa.

Hai ông bà già và O Xưa sinh sống bằng cái máy xay bột bằng đá. Họ nhận xay gạo, xay nếp, và họ phải làm bằng tay, bằng sức lực của họ... Vậy mà không đủ sống, bữa đói bữa no... Kế đó, ông bà già tiếp tục theo nhau về trời, cô gái mồ côi, sống một mình trong căn nhà đã xiêu vẹo lắm. Không ai biết tên thật của cô là gì. Thấy cô ăn mặc tồi tàn, tóc vấn khăn vẻ xưa cũ quá, bèn gọi cô là con Xưa. Cũng có người nói cô gái có trải qua mấy cuộc tình. Nhưng nhà nghèo, nhan sắc bình thường thôi, chẳng ai cưới hỏi. Mấy cậu trai thường khảo nhau: "Con Xưa nó dại lắm, nói gì nó cũng tin". Căn nhà tồi tàn đã một thời là chỗ tới lui của bọn con trai hoang đàng.

Một ngày nọ, cậu trai nào tới kiếm cô cũng bị cự tuyệt, xua đuổi ra cửa:

"Từ nay tui có dôn (chồng) rồi, đừng ai chọc tui nữa".

O Xưa nói một cách nghiêm trang.

*

Chuyện về O Xưa mỗi người kể một cách, tha hồ thêu dệt, vẽ rắn thêm chân. Theo họ, câu chuyện bắt đầu từ một buổi trưa sau ngày cha mẹ chết một năm, lúc đó O Xưa vừa mười chín tuổi. Cô cũng vừa bị sỉ nhục, khi hỏi một chàng trai vừa ăn nằm với cô xong:

"Khi mô anh cưới tui?"

Anh con trai trố mắt nhìn cô:

"Cưới ? Điên chưa rứa ? Nì, đừng mơ tưởng hão huyền hí. Cầm tiền đi mua cơm mà ăn."

Miệng nói, hắn nhét vào tay O Xưa mấy đồng bạc. Mở lớn mắt. Không phải ngạc nhiên, cũng không phải giận dữ hay căm hờn, O Xưa chỉ thấy buồn, thấy tủi. O Xưa đi lang thang vào trong "độn" cát rồi tới cái miếu hoang, cô vào bên trong. Không biết ai đã trãi sẵn ở đó một chiếc chiếu rách. Chỉ có thể là bọn chăn trâu thường tụ tập ở đây. Sẵn có chiếu, cô nằm xuống, và cơn buồn trôi dần vào cơn buồn ngủ, cô ngủ luôn. Giấc ngủ dường như lâu lắm, vì khi cô mở mắt, trời tối đen như mực. Trên bệ thờ ai thắp ngọn đèn leo lét, ánh sáng lung linh như lúc nào cũng chực tắt chiếu những cái bóng cứ phồng lên, rồi thoi thóp trông kinh dị như hồn ma dáng quỉ.

Cô thấy lạnh người. Đưa tay sờ thấy quần áo trên người đâu mất hết. Chưa kịp định thần, cô nghe tiếng cửa kêu cót két. Đâu có ai đến miếu hoang giữa đêm khuya khoắc này? Chỉ có thể là gió. Không phải. Một cái bóng sừng sững bên cô, rồi cái bóng cử động. Sợ đến cứng họng, không la được, cô nhắm mắt lại.

Cô rùng mình, không mở mắt ra nữa. Có một bàn tay đang ve vuốt trên người cô...

"Anh là ai rứa?"

Chỉ có tiếng phì phò hay tiếng gió. Không có tiếng người.

"Anh ở mô rứa? Gần đây không?"

"Phì phì..."

Tiếng thở. O Xưa thét lên một tiếng, ngất xỉu.

Không biết bao lâu, lúc O Xưa tỉnh dậy thì ngọn đèn trên bệ thờ đã tắt. Bóng trăng rọi vào những vệt trắng sữa và bên ngoài dun dế run rẩy điệu thê lương. O Xưa ngồi bật dậy, mớ tóc dài xõa xuống đất, O Xưa đưa tay bới mớ tóc lên... Vừa lúc đó như có ai đè cô nằm xuống. Có điều lạ lùng là O Xưa không còn thấy sợ hãi nữa, cô đưa cả hai tay lên ôm siết khoảng không. Lúc đó, đôi mắt O khờ khạo và miệng mỉm cười một bó tròn hạnh phúc. Hơi thở táp vào mặt cô những nụ hôn, cái bóng cô ôm trong tay không có thật. Và O Xưa nghe một thứ tiếng kì dị chỉ có mình O hiểu. Tiếng nói xa xăm, từ một thế giới nào. Và O Xưa nghe, O Xưa nói:

"Anh ở mô mà tới kiếm em rứa?"

"Ở côi nớ? Côi mô? Hỏi nhà anh a tề?"

O Xưa vểnh tai:

"Hí? Nhà anh côi cây...? Ba trợn chưa tề. Côi mô? Cây? Cây mô rứa? Há, răng cây mô cũng nhà anh hết rứa. Răng anh có nhiều nhà rứa?"

O cười, tiếng cười dòn, vui vang ra bên ngoài, vút lên cao, quất vỡ mấy vì sao.

"Thiệt hí? Anh thiệt thương tui?

Gió cố đẩy cánh cửa, cột rui trên mái miếu kêu răng rắc.

"Anh đừng làm tui nhột. Nhột quá... Hi hi, anh đừng nói chơi. Anh thương tui khi mô?"

Đến lúc này, mấy con tắc kè trên mái mới thức giấc, chép lưỡi, kêu "tặc tặc tặc...kè".

"Phải biết chớ răng không biết. Thôi đi. Cưới tui? Cưới, vợ... Nói chơi nữa tề..."

...

O nhíu mày, bộ tịch hờn dỗi...

"Anh đừng giỡn với tui. Chắc? Ờ thì tin...Tui? Răng không chắc. Chắc chơ. Hứa mà. Bữa ni trở lên tui thề, không cho đứa mô ngủ với tui nữa... Thề rồi, răng không tin?"

"Phì phì..."

O Xưa nghe tiếng thở. O co người lại. Cả người O bị xiết chặt, xiết chặt đến nghẹt thở và cả người O đê mê, gờn gợn bởi sự vuốt ve. O kêu lên:

"Anh thương tui đi... Thương như rứa đó. Rứa đó..."

O Xưa, như một người khác rồi. O quằn quại, lăn tròn trên chiếc chiếu, run lên và khóc cười. Chuyện gì trước kia, O không hề nhớ ra nữa. Hình như không phải một con tắc kè mà hai ba con, cả chục con, tặc lưỡi ghê quá.

"Lạnh. Tui lạnh lắm. Anh ôm chặt tui đi. Ôm chặt nữa. Đó, như rứa đó. Hi Hi, anh thiệt ba xàm ba láp... Cợ mấy ngày mình gặp nhau? Đừng. Đừng đi. Anh đi mô chừ..."

Bàn tay O Xưa đưa ra níu kéo trong khoảng không, như nắm vạt áo ai kéo lại.

"Hượm một chút, chưa rợn sáng mô anh... Hơ, anh đi thiệt rồi tề..."

Cánh cửa bị gió rung một hồi đập lập cập rồi bật ra, y hệt như có tay ai đẩy ra đóng vào vậy. Tiếng dế ran nhẹ dần. Gà gáy và trời rợn sáng. Mồ mả và cây cối bên ngoài lãng đãng trong sương. Trên bệ thờ có tiếng đồ vật bị đụng chạm. O Xưa ngoái cổ nhìn lên:

"Anh chưa đi hỉ? Răng anh noái láo với em?"

Một con chuột thò cái mõm với đôi mắt ti hí nhìn O Xưa. Nó loay quay thụt lui thụt tới, rồi leo thoăn thoắt lên mép bệ thờ, chui xuống gầm mất dạng. Không biết vì gió hay vì con chuột chạy đụng mà xô ngã chiếc độc bình gây một tiếng động lớn làm O Xưa giật nẩy cả người. O vớ vội mớ quần áo mặc vào người, lùi vào một mép chiếu sát góc miếu. Đằng sau bệ thờ, vi vu trong tai O tiếng lao xao như người ta nói chuyện... O Xưa đứng bật dậy, vụt chạy ra ngoài.

Lúc cô ra khỏi cái miếu con thì trời đã sáng tỏ. O Xưa cảm thấy bụng cứng nhắc, bèn vén ống quần, ngồi xuống bên một bụi dứa dại. Không hiểu nghĩ gì mà O Xưa ngửa mặt lên trời, cười. Lúc đầu, chỉ vài cái cười mỉm, ánh mắt khờ dại, rồi cười rũ y hệt như con đười ươi. Từ hôm đó, thỉnh thoảng O Xưa lại cười rú lên, rũ rượi ra như vậy, dù không có một lý do gì hết. O Xưa không cười với người, vì hễ người nào nhìn O, cười hay hỏi, thì mặt O nghiêm lại, hay ánh mắt như không hề trông thấy.

Không còn một người đàn ông nào tìm tới nhà O Xưa nữa. Căn nhà lạnh tanh, hoang vắng. Chiếc cối đá xay

bột không chùi rửa, quáng lớp bụi dày. Thời gian đầu, O Xưa thường đến ngủ với chồng ở miếu hoang vào ban đêm. Về sau, O tới cả ban ngày để trò chuyện cho đỡ nhớ nhung. Nhưng bọn chăn trâu tới chiếm chỗ, nên ban ngày O Xưa không có dịp gần gũi với người tình. O buồn hiu giam mình trong căn nhà càng ngày càng rách nát, đợi đến đêm đi tới miếu hoang... Ở đó, thường thường O cũng ăn các thức ăn những người đi thăm mộ, đem vô cúng ở miếu... Khu đất sau căn nhà chòi cha mẹ cô để lại là một vườn trồng sắn. O Xưa đã đào xới ăn dần hết, khi nấu chín, khi ăn sống... Thời gian ngắn sau, O cũng được gặp chồng ở các nơi chốn khác, vào ban ngày, ngoài căn miếu hoang. O thường đi tới dưới các gốc cây, ngẩng mặt lên nhìn, cười, nói, tâm tình. Bỗng nhiên, cái bụng của O Xưa lớn dần lên. Bọn thanh niên lang chạ trước đây đã ăn nằm với O đều lo lắng, không biết mình có phần với đứa bé trong bụng O Xưa không! Có người hỏi thì O Xưa cười bẽn lẽn:

"Tui có chồng. Tui có mang với chồng tui chớ ai, hỏi chi mà lạ đời rứa!"

Hỏi chồng O Xưa là ai, ở đâu? O chỉ lên cây cối, nụ cười hoang dại, xa xăm:

"Đó, chồng tui là Ông Hoàng Ba lận nghe. Chồng tui ở côi cây. Chồng tui đi trên lá, cưỡi trên gió, còn tui thì đi dưới đất."

Ông Hoàng Ba. Giới đi đền, lên đồng nghe mà chới với. Ông Hoàng Bà Chúa là của điện Hòn Chén, mấy bà ngồi đồng đã tốn bao nhiêu tiền bạc, lễ vật. Được ngồi đồng, được Ông Hoàng Ba nhập họ phải ăn chay một tuần lễ, tắm gội sạch sẽ. Ở điện Hòn Chén, các bà phải ngồi lúp khăn hàng giờ. Khi ông Hoàng Bà Chúa nhập, lúc đầu họ chỉ lắc lư cái đầu thôi. Tới lúc đó là chầu văn lên giọng, trống phách phụ họa lâm ly, ầm ĩ, đầu người ngồi đồng đảo nhanh, đầu lắc, cả người lắc. Ông Hoàng Ba, đẹp trai, giọng nói thanh như ngọc, hay cợt nhả, nũng nịu. Khi "ông lên" ông hay tặng quà cho các bà, khi thì trái chín, khi thì bông hoa. Hoàng Ba còn hay "lẫy" nữa, có khi mới nhập, chê "con nữ" không tâm thành, hay quần áo bữa nay xấu xí, ông Hoàng không thích, vậy là ông "thăng".

Khác với Ông Hoàng Ba, cái giọng nói, điệu bộ làm cho mấy bà chết mê chết mệt, là ông Chín Thượng Ngàn khi "nhập đồng" la hét, vật vã, còn xiên lình coi khủng khiếp lắm. Ông Chín cầm thanh sắt nung đỏ, đâm ngọt xớt từ mép miệng bên này qua bên kia, rồi rút thanh sắt ra, nhổ một bãi nước miếng trên tay, thoa vào hai lỗ hổng rỉ máu. Da khép lại, lành lặn như bình thường. Khi ông nói tiếng Mường, tiếng Mọi ngọng nghịu khó nghe. Được cái tấm lòng ông tốt, hay đốt tàn nhang, giấy bạc làm thuốc cứu độ chúng sanh. Những buổi ngồi đồng lớn trong các đền, hay xa xôi như ở điện Hòn Chén, bọn con nít cũng ranh cũng đi coi cho được. Chúng hát chọc ghẹo:

Ông lên ông nhảy lon xon
Bà lên bà nhảy văng om
nước chè

Ông và cô Chín Thượng Ngàn lúc đó bận biểu diễn đi mây về gió, Đối với giới "đồng cô bóng cậu" chỉ có mấy ông Hoàng Ba, Hoàng Bảy, cậu Chín Mường mới là mẫu người "lý tưởng" làm mấy bà mê mệt. Cho nên, khi thấy một con đàn bà nghèo khổ, điên khùng làm mất danh ông Hoàng Ba, mấy bà "lên đồng" căm lắm. Coi như một sự xúc phạm nặng nề không thể tha thứ được.

Lúc đầu họ dùng bạo lực ngăn cấm, đe dọa. Họ sừng sộ chửi rủa, xua đuổi O Xưa. O Xưa chẳng chút phản kháng nào. Đánh O té xuống, O nằm xẹp luôn. Kéo O đứng dậy, mắt O vẫn trong cõi xưa nào. Riết đụng vào O Xưa họ cũng thấy nhợm tay, họ đành coi O Xưa như kẻ cùi hủi, khùng dại.

"Con mụ điên nói ba xàm ba láp, ai tin."

O Xưa không cần biết có ai tin hay không. O cũng không còn thiết đến việc ăn uống. Ngày mưa, ngày nắng, vẫn là ngày hẹn hò của O Xưa. Người "chồng ma" của O đâu ở trong mấy đền, nên O cũng không bén mảng tới đó để chịu đánh đập mắng chửi. O cứ nhìn lên cây, cười vui, nói chuyện, tâm tình.

Lúc đầu O đi đến đâu là bọn con nít theo chân, đông nghịt. Chúng chọc ghẹo, phá phách, nói ba xàm ba láp, tục tĩu, nhưng sau đó, chúng cảm thấy trong dáng đi, nét mặt, nụ cười, cách nói năng của O Xưa có một vẻ huyền bí, ma quái làm chúng sợ. Chúng chỉ lẳng lặng theo xa xa, bàn tán với nhau, đôi khi đức này binh, đứa kia phá, mà cãi vả nhau om sòm. Có đứa làm gan, lân la tới bên O Xưa, lắng nghe O đi "trai gái" với ma. Trên cây đâu có ai mà O Xưa cười nói, giận lẫy, bẽn lẽn coi "dị dạng" quá.

Mấy bà lớn tuổi trề môi:

Ma quỉ chi, ngủ lang chạ cả mấy chục thằng, chỉ phình một cái bụng. Còn giả điên giả khùng nữa... Thứ đó, hồi xưa là trói thả xuống sông cho cá sấu ăn, hồi còn vua thì cho "voi dày ngựa xé" chớ mô dễ dàng như thời nay..."

Bọn chăn trâu thì quả quyết O Xưa không giả khùng điên gì hết. Điên thiệt. Chúng nó đã rình coi nhiều lần. Đêm, O Xưa rời căn chòi rách nát, đi lên độn, tới căn miếu hoang. O bỏ đồ, nằm co quắp trong một góc chờ đợi... người yêu. Miệng lảm nhảm những lời nhớ nhung tình tự. Lúc bên ngoài nghĩa địa những đốm lửa ma trơi chập chờn trên mồ hoang, dun dế tấu lên điệu nhạc như quỷ khóc yêu hờn, là lúc mắt O Xưa khờ đi và môi cười hoang dại, giọng nói cớt nhả như con nít.

"Anh, em lạnh quá, em chờ lâu bất chết..."

Rồi cũng chỉ mình O lăn lộn, phành bụng, kêu rên, sung sướng, khoái lạc:

"Chao ui, nhẹ nhàng thôi chàng Ba của em. Khéo chàng Ba đụng con của tụi mình chừ..."

Không biết ai đêm nào cũng thắp ngọn đèn dầu lạc trên bệ thờ để rọi những chiếc bóng đầy hình thù kỳ dị, chờn vờn như xấn tới, cho người đàn bà một cảm giác ôm ấp bằng hơi hướm của một kẻ khuất mặt, hằng đêm yêu thương và ân ái với chị.

Không bao lâu, O Xưa mặt mày châu vau, xanh rớt, vô hồn chỉ còn như một cái xác biết đi. Ai cho bất cứ gì cũng ăn. Không ai cho gì thì ăn lá cây, đôi khi ăn cả nắm đất. Chân bước nhẹ nhàng như hỏng trên mặt đất rồi, O Xưa cứ chậm rãi đi trên lề đường, mắt ngước lên nhìn tàng cây, giọng tha thiết:

"Chàng Ba của em ơi, chàng mau tới với em! Không gặp chàng em nhớ lắm chàng ơi, tội cho em..."

Đó là những hôm O Xưa đi dưới những gốc cây, ngước mắt tìm hoài mà không gặp được chàng Ba. O Xưa khóc lóc, van nài, oán trách, đập đầu, vật vã với những gốc cây vô tri giác.

*

O Xưa đẻ đứa con so ở trong căn miếu hoang trên độn vào một buổi trưa. Thường ngày, bọn chăn trâu hay vô miếu núp nắng và ăn cơm trưa. Bữa đó, mấy đứa tới thì đã thấy O Xưa ngồi trước chắn ngang. O Xưa không giống O Xưa hàng ngày nữa, mắt đỏ lòm long lên sòng sọc, tóc tai rũ rượi. Hai tay O cầm hai hòn đá sẵn sàng liệng tới phía trước. Bên cạnh chỗ O ngồi là một đống đá lớn nhỏ sắp sẵn.

"Ê mụ điên, mần chi chắn cửa lại rứa. Cho người ta vô. Chỗ ni không phải của mụ mô."

O xưa đưa hai tay cầm đá lên, sẵn sàng.

"Ê, mụ điên. Không được đôi. Chỗ ni của tụi tui lâu rồi. Đi ra, giành chỗ không được mô nghe."

Một hòn đá ném tới. Bọn trẻ chăn trâu lùi xuống.

"Làm thiệt há. Đôi thiệt há. Ê, tụi bây xông vô..."

Một thằng la lên. Nhưng không đứa nào xông tới. O Xưa đứng bật dậy. O không

nói tiếng người nữa, ú ớ rồi rú lên như quỷ nhập tràng.

"Coi mụ dễ sợ quá tụi bây nờ... Coi tề, coi chừng mụ đôi đá trúng..."

Bọn con nít dang xa dần, nhưng vẫn trố mắt ngó. Mấy cục đá rơi xuống lưng chừng vì sức O Xưa không ném xa. Đống đá chất xung quanh O Xưa khó ném hết được.

Bọn trẻ chăn trâu đâu có lạ lùng gì mụ điên này. Bình thường, chỉ nạt một tiếng là mụ riu ríu đi ra. Bữa nay, mắc chứng gì mụ lên cơn dữ dằn quá...

Coi mãi cái trò này chẳng có gì hấp dẫn. Một lát, bọn trẻ chăn trâu bỏ đi, ra ngoài độn, tìm mấy bóng mát ngồi mở mo cau ăn cơm vắt. Nhưng có mấy đứa tò mò nán lại rình coi cho được chuyện gì. Về sau kể lại:

... O Xưa sau khi hung hăng đuổi được bọn trẻ chăn trâu, ngồi thở dốc một hồi. Mặt O bắt đầu nhăn nhó khó coi, trán rịn đầy mồ hôi. O khó nhọc lết vào bên trong miếu, cạnh bệ thờ, ôm bụng quằn quại, miệng kêu rên: "Chàng Ba ơi, em tới giờ sanh, đau bụng quá. Chàng Ba ơi, chàng ở mô rồi..." O Xưa khóc rưng rức như một đứa trẻ. O quằn quại lăn vòng dưới nền đất, kêu ca, rên rỉ y hệt một người đàn bà trong giờ sanh con. Hơn một tiếng đồng hồ khốn khổ như vậy, O rú lên một tiếng như như con heo bị thọc huyết, rồi vật ra, bất tỉnh.

Mấy đứa chăn trâu tưởng O Xưa chết rồi, sợ quá, có đứa ba chân bốn cẳng đâm đầu chạy. Chỉ còn hai thằng gan lì nhất, núp phía sau miếu chờ coi.

Lâu lắm, O Xưa tỉnh dậy, ngơ ngác trong căn miếu hoang. O Xưa có vẻ không còn đau đớn gì nữa. Một ánh nắng chiều nhảy qua nhảy lại như bước chân ai. Một làn gió, một làn hơi. O Xưa hít hít, nhận ra, nụ cười khờ khạo nở trên môi:

"Răng chừ chàng mới tới?"

Nét đau đớn, khốn khổ đã biến hết trên khuôn mặt. Cởi chiếc áo ngoài ra, bọc thành một bọc, O Xưa nói, giọng nhớt nhã trẻ con:

"Đây, con chàng. Nó là con trai..."

O Xưa hát hò ru con, âu yếm đung đưa bọc vải:

"Ngoan ngoan, đừng khóc. Cha mi, la dữ rứa? Cha con nì... Chàng ơi, nhìn con coi nó giống chàng như đúc nì..."

Bọn trẻ chăn trâu, lũ con nít quỷ còn thêm thắt kể về ca sinh đẻ đứa con ma của O Xưa bằng sự tưởng tượng thêm thắt của chúng cho có vẻ ly kỳ hơn. Bọn đàn bà lúc đầu ngạc nhiên, tò mò, cũng có chút ganh tị nữa. Câu chuyện, mỗi người thêm thắt một câu, bớt đi một chữ, càng trở nên huyền bí. Người ta càng ghét O Xưa lại càng sợ O Xưa. Câu chuyện rồi cũng nhạt nhòa dần đi, thường đi, và sự sợ hãi cũng phai dần, người ta đem chuyện O Xưa ra diễu cợt.

O Xưa mặc kệ. Nét mặt của O càng khờ khạo hơn, mắt nhìn, môi cười, càng đi lạc vào cõi xa xăm, vô hình. Tình yêu với chàng Ba càng thê thiết.... O Xưa có thêm đứa con thứ hai, rồi đứa thứ ba, thứ tư. Cứ kể như năm một, đẻ xong là lại có mang liên tục... Bồng một đứa con bọc trong bọc vải, dắt theo một bầy con ma không hình bóng, lúc O ru đứa nhỏ, lúc chửi mắng la rầy mấy đứa lớn. Trời nắng, trên trán mồ hôi chảy ròng ròng, O Xưa quệt mồ hôi, than thở với chồng trên cây:

"Anh không coi mấy đứa nhỏ với em, chúng nó hư, phá như ma. Em mệt quá, mệt lắm. Anh phải dạy con... "

O Xưa thở dốc. Trông O già đi nhiều, đẻ nhiều con, gầy như que củi khô, xanh xao, võ vàng. Nhưng không biết sức lực ở đâu mà O Xưa tay bế tay bồng, dẫn đàn con đi lên đi xuống con dốc Nam Giao, hẹn hò, nói chuyện với "chàng Ba" không biết mệt.

*

Nhiều năm cũng đã qua với tôi, với nhiều người Huế sống trên con dốc Nam Giao. Bỏ Huế. Tứ tán. Mất nước. Lưu lạc xứ người. Người Huế, nhớ Huế. Nhớ nhau. Và những người cùng một thời ở Nam Giao, chắc cũng có lúc nhớ O Xưa!

Với tôi, O Xưa là một hình ảnh khó quên trong tuổi mới lớn. O Xưa còn nhắc nhở tôi một giai đoạn lịch sử kinh hoàng. Đó là những năm trước, thời kháng chiến mùa Thu của Việt Minh. Nhiều buổi sáng, mấy đứa trong xóm rủ nhau đi học, ra khỏi con hẻm đầu dốc, chúng tôi

gặp nhiều xác chết. Có xác bị mất tứ chi, có xác bị cắt đầu, hoặc cái đầu máu me đặt trong chiếc nón rách ghim một bản án của Việt Minh. Không theo Việt Minh là Việt gian, giết đến bao giờ cho hết. Như người bạn nhỏ của tôi, một buổi sáng dậy, xách cặp đi học, thấy cha bị giết, xác và bản án đặt trước ngõ nhà...

Đàn bà rú lên, gào khóc. Con nít không dám ra đường sáng sớm, những lúc xác người, đầu lâu chưa được dọn đi. Nhưng O Xưa ra đường sớm lắm. Vẫn bế bọc vải trên tay, O đi đến bên xác chết. Có người chết nào, hay đầu lâu nào chưa chịu nhắm mắt, O Xưa vuốt mắt cho họ và thủ thỉ:

"Đừng buồn. Đừng sợ. Để tui nhờ chàng Ba chỉ đường tránh cửa ngục... "

Rồi O Xưa ngước mặt lên, kêu chàng Ba, xin nhờ chàng Ba giúp đỡ. Bà con xanh mặt, nửa tin nửa ngờ, nhưng trước cảnh kinh hoàng, ai cũng cúi đầu trân trọng im lặng...

Câu chuyện đã vùi sâu trong ký ức. Mới đây, khi gặp một số bạn cũ trước cùng ở Nam Giao, cùng ngồi nhắc lại chuyện cũ. Tôi hỏi các anh còn nhớ Huế, nhớ xóm Nam Giao, nhớ O Xưa không?

"Mụ Xưa há. Nhớ cha răng không nhớ!".

Tôi bỏ Huế rất sớm, không biết O Xưa sau này ra sao? Sống? Chết?

"Nghe nói sau 75, có người còn gặp mụ Xưa..."

"Ở mô?"

"Nghe nói vẫn ôm cái bọc đi lên đi xuống dốc Nam Giao. Bộ dạng gia đình dề huề lắm. Mụ đã có cháu nội cháu ngoại..."

Tôi ngẩn người. O Xưa. Huế đã qua biến cố Mậu Thân, thành phố đầy xác chết, đầy khăn tang. Qua một cuộc đổi đời 75 máu nhuộm biển đông, O Xưa vẫn còn và không biết O đã có thêm bao nhiêu con, bao nhiêu cháu với ma nữa!

Nhưng vẫn chỉ là nghe nói. Có ai nhìn thấy không? Tôi im lặng, ngẫm nghĩ một mình. Câu chuyện đã cũ, cũng như O Xưa, xưa rồi. Thời buổi này, kể ra không ai còn có thể tin. Nhưng tôi biết, những người đã sống thời đó, thì câu chuyện O Xưa, tin hay không tin, hình ảnh O Xưa, chắc chắn vẫn còn váng vất trong trí nhớ.

Tôi viết chuyện này để tặng bạn bè cũ, đã cùng một thời thơ dại ở xóm Chùa, cùng trên con đường "Nam Giao thẳng mà không bằng", như lời nhà thơ Xuân Diệu đã viết.

○ Nhã Ca

Hoa sứ vườn em

Hoa sứ vườn em đẹp tuyệt vời,
Chạnh lòng anh nhớ thuở đầy vơi.
Ngày xưa, đất cũ xa xôi quá!
Thương xót thầm đau trọn nửa đời,

Gió nhẹ hương hoa vờn tóc rối,
Mắt em lóng lánh ánh cười vui.
Hôm nào em cắt cành hoa ấy,
Ướm lấy cho anh một nhánh tươi.

○ Phượng Hàm

Gió đưa cành trúc la đà

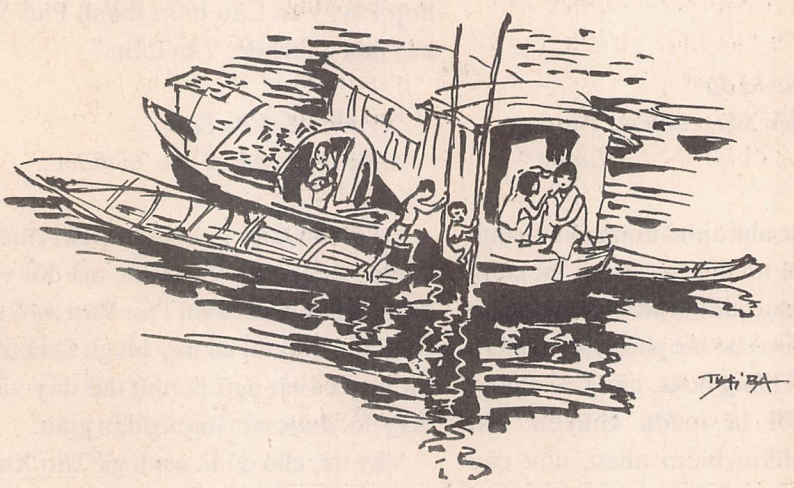

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Đầu năm 1988, tôi trở về thăm Huế sau mười mấy năm trời xa cách. Trước cảnh lâu đài đình tạ cát lấp rêu phong, trước vẻ nghèo khó xác xơ của người dân Huế hàng ngày chật vật với miếng cơm manh áo, lòng tôi luống những ngậm ngùi. Cung cách đài các kiêu sa của chốn đế đô mơ mộng không còn tìm đâu ra vang bóng !

Biết nói gì với những bạn đồng hành trước đây chưa một lần đến Huế nhưng lại nghe và đọc rất nhiều về Huế. Tôi chợt nhớ tới bà Tân Du, tiểu thư quan Lễ Bộ Thượng Thư Võ Liêm và là Đệ Tam Giai Phi (Tân nhân) của vua Khải Định. Bà Tân Du lá ngọc cành vàng, là người của lầu son gác tía, một thời nổi danh hương trời sắc nước. Sau năm 1945, theo với vận nước nổi trôi, bà Tân Du rời Đại Nội trở về với cuộc sống bình thường. Bắt đầu từ đó, bà từ bỏ cuộc đời vương giả kiêu sa, ăn sung mặc sướng, bước chân vào một cuộc sống mới, mỗi ngày một khó khăn chật vật vì chén cơm manh áo, nhưng luôn luôn ghi nhớ và ứng dụng câu ngạn ngữ *"Giấy rách vẫn giữ lấy lề"*. Cho đến những năm tháng cuối cùng của cuộc đời, bà Tân Du vẫn chịu khó giữ cho cái vẻ bên ngoài được tươm tất, dù cho phải mất nhiều công sức để che dấu cái vá chằng vá đụp bên trong. Đấy, Huế ngày nay của chúng tôi là thế đấy, hỡi những người bạn phương xa đến thăm Huế lần đầu.

Vậy thì Huế ngày nay có thể được ví von như một bà già nghèo khó, thất thế sa cơ, đang cố công cố sức che đậy vẻ lam lũ bên ngoài, và mặt khác rất mực tự hào về cái phong tư thanh nhã được hun đúc qua những thử thách dồn dập của cuộc đời, cái phong tư tự nhiên mà có trong từng tia máu, từng thớ thịt, bởi một lẽ giản đơn: xưa kia vốn là tiểu thư ngàn vàng, là thiếu phụ vương giả. Cho nên, đến thăm Huế, xin đến với tấm lòng chân thật, đôn hậu, tấm lòng trong sáng thanh cao, để hoài niệm về những cái chân, thiện, mỹ của một thời vàng son lộng lẫy, để cảm nhận cái thơ mộng của mây tím hoàng hôn rực rỡ, đằng sau màu xanh đen thẫm của đỉnh núi Kim Phượng, để xao xuyến với vẻ tinh khiết của những giọt sương mai ngưng đọng trong lóng sen Tĩnh Tâm đang bừng rộ nở hoa mỗi độ sang hè. Và sau hết, đến thăm Huế

hay ở xa nghĩ về Huế, xin hãy trả lại cho Huế những gì của Huế.

Từ thuở ấu thơ, lùi xa về trước năm 1945, cho đến tuổi trung niên, giữa năm 1975 mình trần thân trụi vào sống trong các trại tập trung cải tạo, tôi thường nghe nhắc nhở đến câu ca dao:

"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương"

Câu ca dao được nhắc nhở trong những tình huống khác nhau, nhưng tựu trung thì cũng chỉ vì mỗi một mục tiêu văn chương nghệ thuật, muốn tô điểm cho tác phẩm thêm phần ướt át, mượt mà. Thảng hoặc, cũng có những trường hợp người ta mượn chuyện văn chương để mà châm biếm nhau, như câu chuyện "chicken soup" được gán cho một vị dân biểu khi đi công du nước ngoài đã có cái nhầm lẫn to lớn dịch câu ca dao trứ danh trên đây ra Anh ngữ với cụm từ Thọ Xương chicken soup !

Tôi không dám tự phụ đã đọc hết sách báo Việt ngữ xuất bản trước năm 1975, nhưng tôi có thể khẳng định trước năm 1975 trên diễn đàn văn học Việt Nam, không ai đặt vấn đề câu ca dao nêu trên không phát xuất từ Huế. Cũng có trường hợp có người thắc mắc về địa danh Thọ Xương là tên một huyện thời trước ở vùng ven Hà Nội, một địa danh không tìm thấy ở vùng ven Huế và đã giải thích rằng sở dĩ Thọ Xương cùng đi chung với Thiên Mụ là vì có lẽ tác giả câu ca dao là một người sinh trưởng ở Hà Nội đã vào lập nghiệp ở Huế, nhân đi chơi trên sông Hương lúc nửa đêm về sáng, nghe tiếng chuông Thiên Mụ ngân nga bỗng cảm khái nặng lòng cố quận mà tưởng tới canh gà Thọ Xương. Sự giải thích như vậy chỉ nhằm mục đích bảo vệ cho hai chữ Thọ Xương, chứ không hề muốn thay đổi ý tứ và phủ nhận xuất xứ của câu ca dao đã trở thành quá quen thuộc đối với người dân trong cả nước. Lại cũng có người cho rằng không phải Thọ Xương mà là Thọ Khương, tên một làng nằm bên bờ sông Hương, đối diện với chùa Thiên Mụ. Sở dĩ Thọ Khương biến thành Thọ Xương là vì có người vui miệng nói trại Thọ Khương thành Thọ Xương, rồi vì chữ Thọ Khương khó đọc hơn, khó nói hơn nên đã phải nhường chỗ cho chữ Thọ Xương trong cửa miệng dân gian, chẳng khác gì trường hợp Phu Văn Lâu biến thành Phú Văn Lâu hay đơn giản hơn, Văn Lâu:

"Trước bến Văn Lâu,
Ai ngồi, ai câu, ai sầu, ai thảm...

Đố ai tìm được người bình dân Huế nào nói đúng 3 tiếng Phu Văn Lâu, mà đối với người thông hiểu Hán tự thì Phu Văn mới có nghĩa chứ Phú Văn thì có hay ho gì. Quá trình phát triển của sinh ngữ là như thế đấy và mấy ai thay đổi được cửa miệng dân gian.

Vậy thì, cho dù là canh gà Thọ Xương hay canh gà Thọ Khương thì những vế còn lại của câu ca dao không có gì thay đổi. Cành trúc la đà trên bến nước sông Hương, tiếng chuông ngân nga từ chùa Thiên Mụ, toàn thể câu ca dao diễn tả cảnh sắc xứ Huế và tình cảm con người sống tại Huế, bất kể nguyên quán là Trung, là Nam, là Bắc.

Thế rồi, sau năm 1988, tại trại cải tạo trở về, trong những ngày sống ở Sài Gòn chờ xuất cảnh, tôi có dịp đọc một số báo Việt ngữ xuất bản ngoài Bắc, sửa câu ca dao nêu trên lại như sau:

"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương"

Các bài văn, bài báo này đã trích dẫn câu ca dao ấy một cách hết sức tự nhiên, xem như chưa từng có một câu ca dao tương tự đã được lưu truyền trước đó. Cũng không ai nêu lên vấn đề Thiên Mụ hay là Trấn Võ, tại sao phải đổi Thiên Mụ thành Trấn Võ. Mãi đến đầu năm 90, tạp chí Sông Hương xuất bản ở Huế mới rụt rè đặt lại vấn đề xuất xứ của câu ca dao. Theo tác giả của bài báo, trên bờ nam sông Hương, đối diện với chùa Thiên Mụ, có một làng tên là Thọ Khương, và câu ca dao nêu trên là lối ru quen thuộc của cả vùng ven đô đó, bất kỳ người dân nào của Thọ Khương,

cho dù đi tận chân trời góc biển, vẫn không bao giờ quên lối ru của mẹ, của bà ngày trước văng vẳng bên tai và giờ đây đã thấm sâu vào tim, vào óc. Rồi tạp chí Sông Hương đưa ra một kết luận có vẻ dĩ hòa vi quý, hết sức nhỏ nhẹ rất là Huế, rằng như vậy là có đến 2 câu ca dao, một câu là:

"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương"

và một câu là:

"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Khương"

Chẳng thấy có ai có ý kiến gì khác. Rồi tạp chí Sông Hương bị đình bản, và ít lâu sau, trong một bức tranh chụp cảnh Hồ Tây, tôi lại thấy có in mấy câu chú thích như sau:

"Gió đưa cành trúc la đà
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ Xương.
Mịt mù khói tỏa ngàn sương,
Nhịp chày An Thái, mặt gương Tây Hồ"

Toàn bộ mấy câu này nghe thoáng qua có vẻ xuôi tai, nhưng xét kỹ lại thì phần sau ý tứ hời hợt, không ăn khớp với phần trước về phương diện nội dung. Hơn nữa, mặt sông, mặt hồ chỉ phẳng lặng, sáng rỡ như gương khi trời quang, mây tạnh, *"Giang tâm như kính tịnh vô trần"*, chứ không tài nào sông hồ lại có thể phơi bày mặt gương cho thiên hạ quan chiêm đang khi khói sương mù mịt. Đáng tiếc lắm thay! Câu ca dao được lưu truyền hằng trăm năm nay, đẹp đẽ và quý báu như chiếc vòng ngọc bích muôn phần hoàn hảo thì nay thêm thắt vào mấy câu đã trở thành chiếc vòng ngọc khảm vàng mười đỏ chóe! Có người phụ nữ thanh lịch và cao sang nào lại chịu đeo chiếc vòng khảm vàng mười đỏ chóe đó vào cổ tay.

Đối với một bà già nghèo khó, thất thế sa cơ, bất cứ ai là kẻ có lòng cũng không nỡ đang tâm tước đoạt một vài vật trang sức còn sót lại trên người bà. Hãy giữ nguyên vẹn những thứ ấy, vì đó là chứng tích của một thời vàng son xa xưa, khi bà còn là thiên kim tiểu thư, khi bà còn là đệ tam giai phi. Giữ nguyên vẹn không phải là giữ nguyên cho bà làm của riêng. Giữ nguyên vẹn là vì nó đẹp quá, nó quí quá, giữ nguyên vẹn để cho mọi người của muôn đời có dịp thưởng thức. Riêng đối với con em làng Thọ Khương, xin các ngài cũng đừng khăng khăng câu nệ. Thọ Khương đã biến thành Thọ Xương, là do cửa miệng người đời, bà là thành quả của đại khối quần chúng thì xin đừng động chạm đến.

Tóm lại, trước sau cũng chỉ có mỗi một câu ca dao thôi:

"Gió đưa cành trúc la đà,
Tiếng chuông Thiên Mụ, canh gà Thọ Xương"

Minh Vũ Hồ Văn Châm

Ottawa, tháng tám 1995.

TRÀU TRÊ

Ạ à ơi... ru em ru hỡi ru hời
Có con cá diếc hắn lội miết bờ tre
Tràu ni thương diếc một bè
Rọ gài bên đó ai dè ai hay

Ạ à ơi... trong vườn có trái ớt cay
Sẵn đem kho cá nêm đầy mắm tiêu
Tràu can diếc cũng cứ liều
Rọ mô chưa thấy ham nhiều tép tôm

Ạ à ơi... đồng sâu nước đục túi om
Ham ăn diếc lội diếc dòm thấy chi
Thấy chi thì lọt rọ rồi
Ai can cho được tràu ngồi thở than

(Trích "Hát ru làn điệu Huế"
của Tôn Lệ Vân)

Cảm thương vua Tự Đức

Tôn Lệ Vân

Ba mươi sáu năm triều chính của vua Tự Đức (1847-1888), chuyện đã qua trước ta hơn một thế kỷ mà ta vẫn bàng hoàng kinh hãi khi biết đến. Nước ta thời ấy quá khổ cực, chính sự nhiễu nhương, giặc trong giặc ngoài, nhân tâm phân tán. Nước ta bắt đầu bị Pháp lấn hiếp đô hộ. Nếu ta được đọc những lời than thở, tự nhận lỗi mình của vua Tự Đức trong "Khiêm Lăng Ký" ta sẽ hiểu được phần nào nỗi khổ tâm của một ông vua nước ta thời ấy.

Lúc còn đi học trường Đồng Khánh tôi chỉ được cô giáo dạy cho biết vua Tự Đức là một vị vua chăm chỉ, đạo đức, hiếu để vào hạng nhất. Là một thiên tử mà một hôm vua đi săn về trễ, bị mẹ là đức Từ Dũ phê trách vua liền tự lấy roi nằm xuống xin mẹ phạt! Vua Tự Đức có những vị trung thần như ông Phan Thanh Giản, Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, hết lòng vì vua vì nước, lúc thua quân Pháp thì đành tự tận để nhận tội mình! Trước khi chết còn hướng về phía kinh thành, quỳ lạy xin vua tha tội. Các ngài tỏ lòng trung quân ái quốc một cách thống thiết thương tâm làm cho đám hậu sinh chúng ta thương cảm và càng thêm xót xa cho thân phận một nước nhược tiểu như nước mình!

Vua Tự Đức lại không con, phải nuôi ba con nuôi! Lúc thăng hà vua có để lại di chúc viết kỹ lưỡng, vậy mà hai quyền thần Tôn Thất Thuyết và Nguyễn Văn Tường mưu phế vua mới lập vua khác khiến cho triều đình rối loạn thêm, trong khi quân Pháp đã đặt căn cứ ngay tận kinh thành! Ngoài chính trị ra, tôi còn được biết vua Tự Đức thật đa tình, nhớ thương bà Bằng Phi mệnh yểu đến nỗi đòi:

"Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi!"

Ông vua thi sĩ đa tình, đa cảm, cũng đã xếp đặt cho mình một chốn ngàn thu yên giấc thật nên thơ. Lăng vua được đặt tên Khiêm Lăng! Ai đến nơi xem cảnh trí nhẹ nhàng êm đềm lòng cũng bồi hồi! Giữa vùng sen thơm bát ngát, ngàn thông vi vút, mái nhà thờ cổ kính trang nghiêm, lăng mộ khiêm tốn im lìm. Vậy mà vị hoàng đế nằm dưới đây đã nắm quyền sinh sát muôn dân. Vận mệnh quốc gia nằm trong bàn tay một thư sinh đã được huấn luyện để làm một vị vua hiền đức. Nội tâm vua luôn bị dày vò, vua sống đau khổ khắc khoải luôn trong ba mươi sáu năm trị vì đất nước theo vương đạo Khổng Nho mà vẫn không cứu vãn được tình thế, đến nỗi đất nước bị mất dần dần, bắt đầu từ Nam ra dần đến Bắc!

Ngày nay tôi mới biết rõ thêm về vua Tự Đức, vị vua

thi sĩ, thể chất yếu đuối, người gầy gầy, da mái mái xanh xanh! Lấy vợ năm mười lăm tuổi, đến hai mươi tuổi vẫn chưa có con, thì rủi thay lại bị bệnh đậu mùa làm cho khí huyết hư hao thêm, hy vọng có con nối giõi cũng tuyệt luôn từ đó. Vua luôn luôn sầu khổ, tâm trí căng thẳng cùng độ! Trong ba mươi sáu năm trị vì của vua tất cả có 263 biến cố lớn nhỏ phải dùng binh lực để đánh dẹp: 103 vụ biến loạn, 191 lần quân đội Pháp và Tàu xâm nhập lãnh thổ, gây tổn thật sinh mạng tài sản quân dân! 59 vụ cướp biển, cướp sông do quân Tàu từ biên giới tràn qua! Quân thổ phỉ Miên ở An Giang, Hà Tiên, giặc Tàu Ô, Cờ Đen, Cờ Vàng, Cờ Trắng, giặc mọi, giặc Mèo Mán Nùng, giặc Tạ Văn Phụng mạo xưng con cháu nhà Lê, lại có thêm sự giúp đỡ khuyến khích của Pháp, và còn đám giặc Châu Chấu do ông Cao Bá Quát làm quân sư nữa! Thêm 3 vụ âm mưu cướp ngôi của ông anh khác mẹ Hồng Bảo (1854), ông em họ Hồng Tập (1864), ông cháu Đinh Đạo (con ông Hồng Bảo) (1866).

Đau lòng nhất là lãnh thổ Việt Nam bị quân Pháp xâm lấn dần dần. Chủ quyền quốc gia không bảo vệ nổi mà các thiên tai hạn hán, lụt lội, đê vỡ, các bệnh dịch hạch, dịch tả hoành hành liên tiếp. Nước ta thời ấy có vào khoảng 10 triệu dân mà có năm như năm 1849 các bệnh dịch giết hại đến gần con số 600,000 người. Cũng năm 1849 ấy, vua Tự Đức mới chừng hai mươi tuổi cũng bị bệnh đậu mùa như bao trăm ngàn người dân trong nước!

Nhân lực tài nguyên quốc gia hao tổn kiệt quệ dần. Kinh tế vào cuối thế kỷ thứ 19 mà vẫn dựa vào một nền nông nghiệp thô sơ, thông thương Trung Nam Bắc chỉ có một con đường cái quan rộng chừng hai thước! Lúc qua núi vượt đèo chỉ có cách mang theo dao mác chặt cây đốn rừng để đi bộ hoặc đi cáng võng có hai người khiêng! Số dân thất nghiệp, nghèo đói gia tăng đến độ "khố rách áo ôm" có áo cũng ôm chứ hà tiện không dám mặc! Vậy mà thuế má thì thất thâu vì tham nhũng và thiên tai! Hành chính quân sự tồi tệ thêm mà vua quan kẻ sĩ chỉ biết kiên nhẫn chịu cảnh thanh bần. Sống trong sạch là điều đáng quý trọng nhất của người quân tử trung quân ái quốc. Vì trọng nghĩa khinh tài, họ chẳng biết cách làm cho quốc gia tăng tiến phú cường thêm. Khi được biết thế giới có nhiều nước giàu mạnh, họ chỉ thêm ù ù ú ớ, chẳng biết học hỏi noi gương, trong lòng lại như có dị ứng, cho là sức mạnh man rợ vật chất đáng tránh xa. Về ngoại giao chỉ noi theo các vua trước mà "bế quan tỏa cảng", phòng thủ thì hay nhất là bất hợp tác với cả thế giới công kỹ nghệ, trừ nước Trung Hoa ngàn năm văn vật! Vua quan thấy chống Pháp bằng thế công không xong, đành phòng thủ bất động lại càng thất bại!

Người dân sống quanh quẩn nơi làng xóm. Vua thì sống trong Tử Cấm Thành, nhờ các quan làm tai nge mắt thấy! Chẳng mấy khi vua có dịp đi ra ngoài dù là để đi xem non sông gấm vóc nước mình! Một hôm vua Tự Đức muốn được biết phong cảnh hang động Non Nước ở Quảng Nam, giáp giới tỉnh Thừa Thiên, vậy mà có một vị ngự sử dâng sớ khuyên can nói ở Quảng Nam dân tình đang lúc nghèo đói, nếu phải huy động dân để tiếp rước, làm đường xá, cất nhà trú cho vua quan sẽ quá tốn kém, dân phải bỏ công ăn việc làm, thật không tiện! Vua Tự Đức là vị vua có lương tâm nghe vậy không còn dám mơ màng chuyện du hành nữa!

Quân Pháp bắn phá Đà Nẵng từ một chiến hạm tối tân. Thành lũy tan nát vì những đạn trái phá tân tiến, vua nghe không thể tin sức hỏa lực ấy nhưng nào nghĩ tới chuyện tự mình phải đi quan sát tận nơi vì sợ phiền đến quan dân phải chặt cây đẽo rừng, vượt đèo Hải Vân vất vả! Nhất là khi vua ngự ra khỏi kinh thành nếu lỡ có vị hoàng thân nào nổi lên chiếm cứ nội cung thì đường về lại còn gian nan hơn nữa!

Năm Tự Đức thứ 15, sau khi mất ba tỉnh phía đông Nam Kỳ, vua thấy rõ ràng nếu không canh tân làm cho nước phú cường, để có thể sắm tàu thuyền, súng ống tối tân hơn và cần người chuyên môn có kỹ thuật giỏi, thì không thể nào giữ được bờ cõi, không thể nào chống

chọi với Tây Phương nổi! Lúc bấy giờ nước đã quá nghèo, quá lạc hậu, vua quan thì chỉ giỏi văn thơ thi phú hoa mỹ!

Vì muốn canh tân đất nước, năm Tự Đức thứ 18 (năm 1863), vua cử ông Phạm Phú Thứ sang Pháp, ông thấy nước Pháp quá giàu mạnh, ông dâng sớ xin lập trường hàng hải, cho người học ngoại ngữ để mở rộng kiến thức hiểu rõ tình hình các nước, khai mỏ, luyện thợ giỏi v.v.. sau ông Phạm Phú Thứ còn nhiều người khác cũng bàn tâu xin mở mang canh tân xứ sở.

Năm Tự Đức thứ 21 (năm 1868) có ông Trần Đình Túc và ông Nguyễn Huy Tế qua Hương Cảng về xin mở cửa hàng buôn ở Nam Định. Cũng năm ấy có ông Đinh Văn Diên người công giáo, mật tâu xinh lập sở dinh điền, khai mỏ vàng, làm tàu hỏa, mời người Tây qua chỉ dạy, kết thân với các cường quốc, lập nhà thương mãi, canh tân cách luyện tập quân sĩ.

Năm Tự Đức thứ 24 (năm 1872), viện Cơ Mật thương bạc tâu xin mở ba cửa biển để buôn bán.

Năm Tự Đức thứ 26 (năm 1873), ông Phạm Phú Thứ lại xin chỉnh đốn võ bị, kết thân với các cường quốc, thông thương với các nước, mở tòa lãnh sự ở Hương Cảng. Trong lúc đó quân Pháp đang gây hấn ở Bắc Kỳ đến hồi kịch liệt!

Năm Tự Đức thứ 34 (năm 1881), ông Phan Liêm (con của ông Phan Thanh Giản) tâu xin mở thương cuộc, chung vốn mở hội buôn, học nghề, khai mỏ, học tập tiếng ngoại quốc và học làm công kỹ nghệ như tây phương. Vua sai hội đồng Cơ Mật duyệt y. Hội đồng Cơ Mật tâu: "Khoản khai trương không tiện! Còn các khoản khác xin tự các tỉnh hiểu xét. Có ai xin khai mỏ và đi học thì tâu về sẽ nghĩ!" Vua Tự đức thấy không làm nỗi than rằng: "Biết rồi bao giờ mới tấn tới! Mà không tiến là thối!" Chính vua cũng hiểu vậy!

Năm Tự Đức thứ 32 (năm 1879), ông Nguyễn Hiệp đi sứ Xiêm La về tâu trình cách ngoại giao khôn khéo của vua Xiêm: Các cường quốc được tự do buôn bán trên nước Xiêm. Họ được đặt tòa lãnh sự nên việc bang giao được dễ dàng. Vua nghe xong bàn lại với đình thần nhưng nhất thiết bị đình thần cản trở! Mấy ông quan chỉ có tài bàn ra! Hoặc bàn cho qua chuyện! Vua Tự Đức tự mình không định đoạt được gì mặc dầu lúc bấy giờ đã mất sáu tỉnh miền Nam và nhiều nhượng địa ở Bắc Kỳ. Vậy đã trễ muộn lắm rồi!

Năm Tự Đức thứ 34 (năm 1881), có ông Lê Dinh đi Hương Cảng về nói lên việc cần thiết của nghề thương mãi kinh doanh vì có liên hệ đến việc binh bị. Dùng binh để bảo vệ việc buôn. Dùng việc buôn bán để có tiền nuôi binh. Vậy việc lo thông thương, chỉnh đốn thương cảng rất là cần cấp. Nước Nhật, nước Tàu theo cách ấy lần lần thông thương được với các cường quốc. Vì vậy việc canh tân của họ ở trên đà tiến triển. Ông Lê Dinh than: "Văn thơ câu nệ làm cản bước tiến triển của con người!"

Năm Tự Đức thứ 26, tháng 8 năm 1873, ông Bùi Viện người Thái Bình đậu Cử Nhân được Hình Bộ Thượng Thư Lê Tuấn tiến cử đi sang Hương Cảng để tìm cách giao thiệp với các nước. Lúc bấy giờ quân Pháp đang gây hấn ở Bắc Kỳ và đang tìm cách giao thương với tỉnh Vân Nam nước Trung Hoa. Ông Bùi Viện dâng sớ xin mở mang buôn bán với ngoại quốc rồi ông được đi Hương Cảng. Ở đấy ông có dịp kết giao với ông lãnh sự Hoa Kỳ rồi được sang Hoa Thịnh Đốn. Sau một năm vận động chờ đợi, ông được yết kiến Tổng Thống Hoa Kỳ Ulysses S. Grant. Ông xin Hoa Kỳ cứu giúp Việt Nam đối phó với Pháp. Lúc bấy giờ quân Pháp do Francis Garnier lãnh đạo đã chiếm cứ thành Hà Nội trong một cuộc tấn công chớp nhoáng ngày 20. 11. 1873 và ông Nguyễn Tri PHương đã nhịn ăn, từ chối uống thuốc của Pháp để tuẫn tiết.

Tổng Thống Hoa Kỳ muốn giúp nhưng vì ông Bùi Viện không có Quốc Thư nên việc cầu viện của của ông không chính thức. Khi ông trở về nước xin được ủy nhiệm thư của vua Tự Đức rồi sang lại thì vị tổng thống này đã qua đời và chính sách Hoa kỳ đã thay đổi nên

không để ý đến việc trợ giúp nữa. Vả lại lúc bấy giờ triều đình Huế đã phải ký hòa ước Dupré trong đó nước Đại Nam chịu để Pháp "bảo vệ", cam kết theo đúng chính sách đối ngoại của nước Pháp. Vậy là quyền ngoại giao đã bị Pháp dành chiếm!

Ngoài việc trên, mấy năm sau ông Bùi Viện còn được giao phó tổ chức một đoàn tuần dương hạm để giữ mặt biển. Việc chưa đến đâu thì ông bị chết bệnh, thọ 40 tuổi, sau hai năm hăng hái làm việc, hy vọng trừ đám cướp biển để cho thương thuyền ta có thể ra ngoại quốc buôn bán!

Lỗi lạc nhất trong số người có ý thức về thời vụ, có nhiều ý kiến thích hợp với hoàn cảnh nước ta lại có tài đảm đương là ông Nguyễn Trường Tộ. Ông người Nghệ An theo đạo Thiên chúa thông Nho học lại được dịp theo giáo sĩ ngoại quốc qua La Mã rồi học tập tại Paris. Vì ậy ông có kiến thức rộng, thông hiểu nhiều môn học thực dụng tân tiến như tìm mỏ, đào sông, kiến trúc, kinh doanh v.v.. Ông dâng lên triều đình những tờ điều trần tha thiết, xin cải cách học thuật, chỉnh đốn võ bị, khai hoang, cải cách nông chính, mở mang thành thị, thi hành phép thống kê, đặc điền, khuếch trương khuyến khích kỹ nghệ, thông hiếu với các cường quốc ngoài nước Pháp như các nước Anh, Nga, Áo, Tây Ban Nha.

Những lời điều trần của ông Nguyễn Trường Tộ đều được vua Tự Đức châu phê những vẫn không được thi

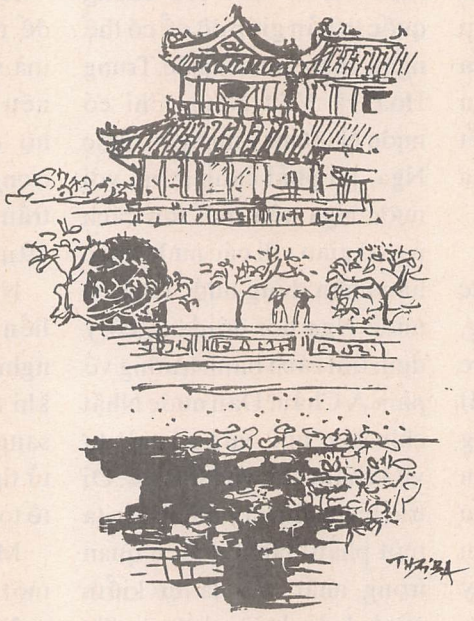

hành hoặc thi hành thử rồi phải bỏ dở dang! Mặc dầu trong Cơ Mật Viện có những ông quan muốn cải tiến như Phan Thanh Giản, Trần Tiễn Thành, Phạm Phú Thứ. ví dụ như năm 1766 vua ra lệnh cho hai đại thần Cơ Mật Viện là Trần Tiễn Thành và Phạm Phú Thứ nghiên cứu những đề nghị của ông Nguyễn Trường Tộ về việc lập toà lãnh sự tại Sài Gòn để giao thiệp hòa hoãn với nước Pháp và thông hiếu với nước Anh (theo thuật tung hoành, giao thiệp rộng rãi với nhiều nước để nước này kiềm chế nước nọ, giúp cho mình khỏi bị nước Pháp độc tài hiếp chế). Hai ông biết rõ vua không chịu lập tòa lãnh sự của ta tại Sài Gòn vì như thế Pháp sẽ đòi lập một tòa lãnh sự của Pháp ngay tại Huế. Vì thế hai ông dâng sớ bàn chỉ nên xin nước Pháp cho mở một cửa hàng ở chi hội Bến Thành Sài Gòn! Vua cũng không phê chuẩn cho người Anh quốc lập tòa lãnh sự ở Huế vì vua nghĩ nếu có tòa lãnh sự Anh thì tất nhiên phải nhận có một tòa lãnh sự Pháp ở Huế, phải qua lại ngoại giao với họ ngay tại Huế, trong khi vua cảm thấy việc giao dịch tiếp đón ngoại nhân thật là ngượng ngập khó khăn nhất là đối với người Pháp!

Ngày nay ta biết trong Khiêm Lăng Ký vua tự phê: "Bản tính ít nói hay thẹn, phàm không phải là người rất thân cô, dù là thân phiên đại thần vào chầu gặp nhau cũng ít trò chuyện, có vẻ như đàn bà, vì thế nên cũng ít giao thiệp"... Trong khi vua Xiêm bạo dạn cho các tòa lãnh sự quốc tế mở cửa trong nước Xiêm, rồi họ trông chừng, giữ miếng lẫn nhau, vua Xiêm tránh khỏi nạn độc quyền của Anh, của Đức và của Pháp!

Những người đã được triều kiến vua Tự Đức như ông Thân Trọng Huề và các cố đạo Pháp đều tả vua dáng người nho nhã thư sinh, mặt dài trái soan, mắt vừa tinh tường vừa thâm trầm điềm đạm. Một vị vua hay ưu tư suy nghĩ nhưng vì vậy thiếu quả quyết hay e dè do dự nên

không định đoạt được việc gì kịp thời! Giá ông Shakespeare biết vua Tự Đức, có thể tả vua như tả Hamlet: bao giờ cũng đang suy nghĩ để nội tâm dày vò, đầy mâu thuẫn, luôn e ngại nên không đủ lanh lẹ thực hành được ngay những công việc quan trọng cần kíp. Đến khi gặp thất bại, lãnh thổ bị xâm lấn thì vua Tự Đức chỉ biết than thở, nhận tội còn thống thiết hơn vua Richard III của Shakespeare nữa!

Vua tự chê mình kém đức hạnh, ngu tối, thiếu tài năng, thiếu nhìn xa thấy rộng, học chưa đủ... và hay nhút nhát do dự! Cái do dự của một ông vua vừa hết lòng thương dân thương nước, nhưng quá hiếu thảo với các tiên vương nên cứ đắn đo rồi không dám thay đổi chính sách của các vua trước. Cái do dự của ông vua biết dân tình quá cực khổ nghèo đói, tài chính quốc gia tồi tệ, thiếu người chuyên môn, không biết kinh doanh, không biết hoạt động xoay theo thời thế, lại giặc trong giặc ngoài! Làm sao vua có thể tàn bạo như Toàn quyền Paul Doumer sau này, một tay chính trị gia bá đạo, dám bán thuốc phiện, rượu, tổ chức cờ bạc để tăng gia ngân sách hầu có tiền lập hạ tầng cơ sở trong một nước Việt Nam nghèo nàn chỉ có một nền nông nghiệp lạc hậu. Nhân dân bị sưu cao thuế nặng nổi lên chống chính quyền bảo hộ Pháp dữ dội, rồi bị chánh phủ đàn áp tù đày thật khổ nhục!

Trong lúc nước ta bị Pháp đô hộ, nước Xiêm tuy giữ được quyền tự trị, nhưng mãi vẫn là một nước nghèo khổ yếu kém, hành chánh bê bối, quan lại tham nhũng, giặc cướp luôn luôn. Công kỹ nghệ chỉ mới khá lên từ thập niên 60, 70 nhờ các cường quốc tư bản giúp đỡ để có thể ngăn chặn làn sóng đỏ Trung Hoa và Việt Nam. Chỉ có nước Nhật may nhờ gần nước Nga, lại phải cạnh tranh với nước Nga nên mới tìm cách ngoại giao với các nước khác hầu chận đứng nước Nga, vì nước Nga hồi đó đang có ý định tìm cách bành trướng về phía Á Châu. Dân nước Nhật chịu học hỏi, vừa có trật tự vừa chăm chỉ, vừa thực tế. Ôi trách vua thì hãy trách dân ta một phần! Nhưng điều quan trọng nhất vẫn là tự kiểm mình luôn luôn như vua Tự Đức, nhưng phải biết cương quyết ứng biến kịp thời, dám tung hoành, nhưng cương nhu vẫn phải chừng mực, giữ được những điều hay lẽ phải đạo đức cổ truyền, nhưng không câu nệ cứng nhắc!

Ôi vua Tự Đức nằm trong Khiêm Lăng từ năm 1883 mà tiếng rền rĩ đau thương còn ai oán đến ngày nay! Cùng với nỗi nhục nhã ê chề của một nước chậm tiến lạc hậu. Tiếng rền rĩ của một vị hoàng đế xanh xao, gầy gò, tóc bạc trước tuổi bốn mươi, mệt mỏi cả thể xác lẫn tinh thần, sợ hãi mệnh trời, càng hiếu thảo với các đấng tiên vương càng thêm câu nệ chậm chạp không xoay xở kịp thời để chấn hưng đất nước. Nhà vua luôn luôn ưu tư, nằm ngồi chua chát lo buồn làm cho khí huyết hao mòn mà giang sơn của ngài cũng tiêu hao theo! Hậu quả là nước ta đành phải để cho nước Pháp lấn át, cai trị.

Hồn thiêng của vị hoàng đế rất thương yêu đất nước mà số phận lại quá bẽ bàng, nếu vua còn linh hiển xin phù hộ cho nước ta nay đang trong cơn khủng khoảng còn trầm trọng hơn hồi thế kỷ thứ 19 nữa.

Ngày nay thế kỷ thứ 21 đã liền kề mà giai đoạn công nghiệp còn phôi thai, trong khi thế giới đã đi hết tốc lực sang giai đoạn kỹ thuật điện tử tin học để đi vào nền kinh tế toàn cầu.

Một nền văn minh mới, một văn hóa mới, một trật tự mới đang tiến triển mạnh với những rối loạn có thể xảy ra dễ dàng. Nhất là ở nước ta, khi cái chung của cả nước không được quản lý đúng, khi luật lệ quốc tế không tôn trọng đủ và nhất là con người chưa có điều kiện để tự do phát triển cho kịp đà với thời đại. Cái riêng của người dân chưa được gìn giữ đúng mức để họ được yên tâm làm việc, học hành, thêm nhiều cơ hội để mở mang trí tuệ, trau dồi tài năng, giúp mình và giúp xã hội.

Với nguy cơ kinh tế nước ta bị bao vây bởi nước Trung Hoa, sức ép kinh tế từ những người Trung Hoa ở Đông Nam Á dồn vào nước ta thật cận kề. Nếu ta không kịp hội nhập vào kinh tế toàn cầu thì

cuộc khủng hoảng càng ngày càng trầm trọng. Nước ta sẽ ra sao, sẽ còn gì trong vòng "Đại Trung Hoa Kinh Tế Khuyên"? Nếu may mắn hơn, nước ta được hội nhập vào kinh tế toàn cầu thì nước ta vẫn phải kịp thời điều chỉnh, phân biệt nhanh chóng cái hay cái dở để cùng đồng tâm hiệp lực đi vào thế giới đại đồng mà vẫn giữ gìn được phẩm cách và cá tính riêng của quốc gia Việt Nam trong cộng đồng thế giới.

Hy vọng nhờ kỹ thuật điện tử tin học mà nước ta có ngày sẽ tiến mau hơn nước Nhật Bản khi xưa đã mất cả thế kỷ mới bắt kịp Âu Mỹ. Hy vọng ấy chỉ có thể thành sự thật nếu dân ta được phát triển theo đà tự do dân chủ hợp với thời đại tin học đang tỏa rộng khắp hoàn cầu.

Cuộc khủng hoảng thương tâm thời vua Tự Đức và cuộc khủng hoảng ngày nay đều do sự chậm chạp không kịp tiến triển theo văn minh mới, kinh tế không kịp mở mang, chuyên môn kỹ thuật yếu kém. Nỗi đau thương của vua Tự Đức và nỗi đau khổ của chúng ta ngày nay còn nối dài liền liền đến tận bao giờ, vua Tự Đức đã nằm trong Khiêm Lăng, còn chúng ta đang thao thức ở đất khách quê người.

○ **Tôn Lệ Vân**

SEN TỊNH TÂM

Hồ Tịnh Tâm hè xưa mình dạo mát,
Hương sen hồng ngào ngạt, nhớ không em?
Nhớ không em hương vị hột sen mềm
Vừa hái trộm - Ôi! ngọt ngào biết mấy!
Tay trong tay nghe tình thơ nổi dậy
Má em hồng anh âu yếm nâng niu.
Ngồi bên nhau mình nghe tiếng sáo chiều
Hồn bay nhảy theo khúc đàn muôn điệu.
Tình trẻ trắng trong, tình đầu hiền dịu
Đã nát tan cùng đất nước thân thương.
Anh tội tù, em vội vã lên đường
Lìa quê mẹ, xót xa mùa ly biệt!

Xuân nay đến một mình đi chợ Tết
Nhìn hột sen anh nhớ đến hương xưa
Mến gửi em sen của tuổi mộng mơ
Qua năm tháng trong lòng anh sống mài
Dâu bể đổi thay, cuộc đời tê tái
Ngậm hột sen mềm anh lại nhớ đến em.

Hoài Việt - Paris
Kỷ niệm mùa HC và TB về thăm Huế - 1994

Tương Giang Khúc

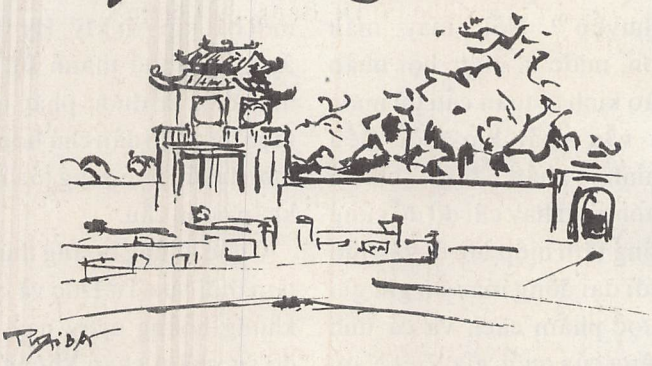

Trần Xuân Thời

Nếu sông Gianh là hình ảnh của nơi biên cương thống khổ:

Đây sông Gianh, nơi biên cương thống khổ,
Nơi sa trường, nơi nấm mộ trời Nam
Nơi giòng sông, giòng máu Việt còn loang
Nơi cổ độ xương tàn xưa chất đống".

thì sông Tương là giòng sông thể hiện yêu thương và ly biệt:

"Quân tại Tương giang đầu
Thiếp tại tương giang vĩ
Đồng ẩm Tương giang thủy
Tương tư bất tương kiến".

Mượn cảnh để tả tình, cụ Nguyễn Du đã diễn tả tâm sự của đôi giai nhân tài tử Kiều và Kim Trọng:

"Từ phen đá biết tuổi vàng,
Tình càng thấm thía, dạ càng ngẩn ngơ.
Sông Tương một giải nông sờ
Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia".

Tình yêu và ly biệt như bóng với hình "Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia". Thế rồi không biết "Chờ nhau chờ đến bao giờ. Mấy thu thuyền đã sang bờ". Cao Bá Quát đã than thở cho một cuộc tình:

"Giai nhân nan tái đắc.
Trót yêu hoa nên gian díu với tình.
Mái Tây hiên nguyệt gác chênh chênh,
Rầu rĩ lắm xuân về, oanh nhớ
Giai nhân tài tử, đa xuân tứ
Đoạn trường thiên, nhất chỉ thư
Nước sông Tương, một giải nông sờ,
Cho kẻ đấy, người đây mong mỏi
Bứt rứt mãi, trăm sầu nghìn nỗi.
Chữ chung tình, biết nói cùng ai?"

Thời gian và không gian cách biệt càng làm tăng thêm mối sầu dằng dặc tựa miền bể xa. Nhưng khi đã yêu thì "Từ khi xa anh, em vẫn mong và nhớ. Mà sao anh đi, đi mãi không về nữa!

"Thuở đăng đồ, mai chưa dạn gió
Hỏi ngày về, chỉ độ đào bông,
Nay đào đã cuối gió đông
Tuyết mai trắng bãi, phù dung đỏ bờ".

Tình yêu và ly biệt có thể vì "Xưa nay chinh chiến, mấy khi trở về", cũng có thể vì cảnh tử biệt sinh ly. Ngọc Hân Công Chúa đã khóc vua Quang Trung suốt cuộc đời còn lại:

"Buồn thay nhẽ, xuân về hoa nở
Mối sầu này, ai gỡ cho xong".

Đông Hồ Lâm Tấn Phác đã khóc ý trung nhân với nỗi lòng cô quạnh:

"Cảnh năm trước, vẫn là năm trước.

Tình năm nay đã khác năm xưa.
Nào sông, nào núi, nào hồ.
Mà người cùng ngắm bây giờ là đâu?

Vua Tự Đức đã khóc Thị Bằng, một thiên Giai Nhân Tri Kỷ

"Ô Thị Bằng ơi, đã mất rồi!
Ô tình, ô nghĩa, ô duyên ơi!
Mưa hè, nắng chái, oanh ăn nói
Sớm ngõ, trưa sân, liễu đứng ngồi
Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi
Mối tình muốn dứt mà không đặng,
Đeo mãi, đeo hoài, thế mãi thôi!"

Thi nhân hiện đại cũng cảm nghiệm nỗi buồn cô quạnh:

"Ngán cho nỗi xoay vần thế cục,
Sum hiệp này cho bõ lúc phân ly.
Hỡi ông tơ! độc địa làm chi!
Bắt kẻ ở người đi mà nỡ được!
Thôi, đã trót cùng nhau nguyện ước,
Duyên đôi ta chẳng trước thì sau.
Yêu nhau, nhớ lấy lời nhau!"

Phải chăng gặp gỡ để rồi chia ly. Vui sướng để rồi đau khổ. Chẳng khác nào như: "Khoái lạc và đau khổ là hai kẻ cừu địch mà thần quyền không hòa giải nổi, nên đã trói lại với nhau và bắt đánh bạn với nhau suốt đời". Đã là nhân sinh hệ lụy, khó mà thoát khỏi nhân duyên. Cuộc đời đã được xếp nếp, như vết hằn trên lưng ngựa hoang, biết bao giờ gỡ nổi mối tơ mành.

"Cho hay là giống hữu tình
Đố ai gỡ nổi tơ mành cho xong?"

Mối tơ mành đó như sợ xích thằng vương vấn suốt cuộc đời.

"Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm".

Vì là giống hữu tình nên lao đao trong trường tình bể ái.

"Từ thuở xa em, phòng anh lạnh,
Bút rỉ hồn tan, sách bụi ngầu.
Mực đã khô, và tim cũng héo,
Can trường bỗng chịu vết thương đau".

Thương đau cũng vì:

"Cùng một kiếp bên trời lận đận
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quên nhau
Từ xa kinh khuyết bấy lâu
Tầm Dương đất trích gối sầu hôm mai".

Dẫu lâm vào hoàn cảnh nào chăng nữa, tâm hồn vẫn phải sống với hy vọng:

"Còn non, còn nước, còn dài
Còn về, còn nhớ đến người hôm nay".

Yêu cũng là cái nghiệp của một "khách tình si, ham vẻ đẹp muôn hình, muôn thể" và vẫn mơ được đạt thành nguyện ước.

"Câu thần, chữ thánh người tiên.
Hay đâu rồi chẳng phỉ nguyền trăm năm".

Nhưng tình là gì mà phải sầu thương khóc nhớ? Nguyễn Công Trứ thường vẫn băn khoăn:

"Tình là cái chi chi?

nhưng rồi:

"Dẫu chi chi, cũng chi chi với tình!
Đa tình là dở, đã mắc vào đố gỡ cho ra!"

Dẫu tình là cái chi chi đi nữa, thì không ai trong chúng ta mà không biết mãnh lực của ái tình. Ái tình có mãnh lực:

"Gọi người nằm thiên cổ dậy
Lại đưa hồn trong lúc ngủ canh đi
Nực cười thay, lúc phân kỳ!
Tuy chẳng nói, biết bao nhiêu biệt lệ!"

Tình yêu đối với chúng ta qua cảm nghiệm hơn là lý giải "Le coeur a des raisons que la raison ne connait pas".

"Đố ai cắt nghĩa được tình yêu?
Có nghĩa gì đâu, một buổi chiều.
Nó chiếm hồn ta bằng nắng nhạt
Bằng mây nhè nhẹ, gió hiu hiu".

Và đặc tính của tình yêu là có khi tiềm ẩn, có khi hiển hiện. "Tình yêu lấp lánh tựa trăng sao", có khi đến bất chợt "coup de foudre" hay "trông nhất kiến tình duyên như đã", có khi song phương có khi một chiều nên thường rất cẩn trọng.

"Tình yêu trân trọng như châu ngọc.
Sợ mở ra xem có chuyện sầu!"

Cái sầu rình rập của mối tình thơ mộng câm nín, có khi tình vương vấn, ru trọn cuộc đời, sống trong thế giới đông người nhưng chỉ thấy riêng em.

"Yêu lặng lẽ là yêu không dám tỏ
Là mơ màng mang lấy sự đau thương!"

Có thể vì:

"Trai xứ Huế ngàn năm câm miệng hến
Yêu rất nồng mà ghét cũng thiệt cay
Khi yêu như sấm chớp đầu mây
Khi ghét như sóng gào mặt nước".

Tuổi hồng nào mà không vấn vương tình ái "Đeo mãi đeo hoài" cũng dị thiệt, nhưng đó là dấu chỉ của tâm tình bột phát theo quy luật bất biến của Càn Khôn; Dương xướng và âm họa. "Nhất âm nhất dương vi chi đạo". "Mái tây hiên nguyệt gác chênh chênh. Rầu rĩ lắm, Xuân về oanh nhớ", cái nhớ mang mang thơ mộng trong những bóng ngày qua dưới mái hiên trường Đồng Khánh:

"Răng mà cứ theo tui hoài rứa ?
Cái ông ni mới dị chưa tề.
Sáng chiều trưa ba bữa đi về.
Đưa với đón mần chi không biết ?!
Ôi đôi mắt chi mà tha thiết,
Đừng nhìn hoài làm ngượng bước tui đi.
Lá thư tình ông gửi làm chi?
Chú mẹ biết rầy la tui chết!
Ông tán tỉnh làm chi không biết ?!
Tui như ma quỷ dưới âm ty
Nói hoài lời hoa mỹ làm chi,
Tui còn "dỏ" chuyện tình răng biết được ?
Tội tui lắm cách cho vài bước
Đừng đi gần hai bước song đội.
Xa xa kẻo bạn tui cười
Mai vô lớp cả trường dị nghị.
Theo chi rứa người răng không biết dị ?
Thôi được rồi đưa lá thơ đây
Rồi chia tay đôi ngả nơi nầy
Thương với nhớ làm chi không biết.

Khi đã yêu, thì cả bầu trời lấp đầy tình ái.

"Ta muốn ôm
Cả sự sống, mới bắt đầu mơn mởn
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn.
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều,
Và non nước, và cây và cỏ rạng.
Cho chếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng.
Cho no nê thanh sắc của thời tươi!
Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi!"

Nếu gọi tình là âm, là lý là dương. Âm dương phải hòa hợp cũng như tình và lý phải song hành mới đạt được thế quân bình giữa âm và sinh lý "âm dương tương hợp". Tình yêu chẳng những làm cho mộng đời thêm thi vị mà còn hướng thượng tâm hồn khiến cho thân không tật bệnh và tâm không phiền não. Thiếu tình yêu sẽ làm mất ý vị của cuộc đời vì người không tình yêu chẳng khác nào như cây không nhựa vậy.

○ Trần Xuân Thời.

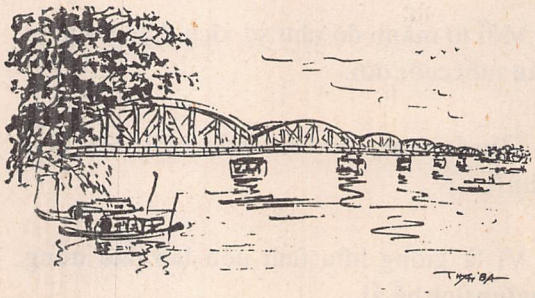

Một Ám Ảnh

Tôn Nữ Hoàng Hoa

Tuyển Tập Nhớ Huế đến với tôi như một bất ngờ đột ngột. Như một khuôn mặt của những ngày tháng cũ đã qua. Thời gian của Huế, từng trang chữ của quyển báo là những vùng trời ký ức như những định mệnh ngọt ngào, đau thương khắc khoải âm thầm nhưng vô cùng sâu đậm cho những ai đã được sinh ra từ Huế, lớn lên tại Huế và nói tiếng Huế.

Trong khoảng một giây, những hình ảnh lờ mờ của một thời ở Huế bỗng lảng vảng hiện lên cùng khắp. Từ một ký ức mịt mùng, chẳng chịt những lãng quên, tôi bỡ ngỡ đi từ ngõ ngách này đến ngõ ngách khác của một vùng ký ức xa xôi ở Huế.

Tôi theo cha mẹ di cư vào Huế năm 1954. Sau đó theo cha tôi vào Quảng Nam và khoảng một năm sau đó thì lại về Huế. Năm 1957 tôi vào đệ Lục B6 trường Đồng Khánh. Đã nói tới Đồng Khánh thì phải nói về Quốc Học. Bởi Đồng Khánh và Quốc Học như một tương quan mơ hồ lãng đãng. Như từ hai dãy tường đã có sự kết tụ một linh hồn, một ý nghĩa, như thiên nhiên và tình yêu của tự nó. Có biết bao nhiêu mối tình Quốc Học Đồng Khánh đã xây dựng nền tảng gia đình tại Huế. Tự nhiên những ý nghĩ của tôi về trường xưa như một thầm thì đối thoại. Trong ký ức lờ mờ khép kín lãng quên của tôi còn sót lại cô Nguyễn Thị Tiết, hồi đó là hiệu trưởng và cô Lê Khắc Ngọc Cầu, giáo sư Việt văn. Cô Cầu người thanh cảnh, dễ thương. Tôi cố gắng hình dung khuôn mặt của cô Cầu qua trí nhớ lờ mờ của tôi, mà không thấy được. Bỗng dưng tôi nhận thấy mình vô lý và thảng thốt nhận ra là đã già cỗi quá rồi.

Bao nhiêu ý tưởng về cô Cầu cũng như về Đồng Khánh theo thời gian xuôi ngược trong kiếp sống bồng bềnh lưu lạc đã không có cơ hội trao đổi cùng ai. Bạn bè cùng lớp bây giờ mỗi đứa một nơi. Hôm nay như một bất ngờ, xuất hiện của khuôn mặt định mệnh: Tuyển Tập Nhớ Huế. Tôi như muốn trút hết giòng tư tưởng, vùng tiềm thức đã từ lâu khép kín vào một tiếng gọi duy nhất: Huế. Cô Lê Khắc Ngọc Cầu dạy tôi Việt văn ở đệ Lục. Trong thời gian này tôi luôn luôn chiếm giải nhất về luận. Cô Cầu đã từng đọc những bài luận tả cảnh, tả người của tôi cho cả lớp nghe. Cô Cầu không bao giờ tỏ vẻ nâng niu một nữ sinh nào trong lớp, cho dù ngay cả tôi luôn luôn chiếm giải nhất về luận. Có lần cô bảo ý nghĩ của tôi không phải là ý nghĩ của một bé gái 13. Cho nên cô đã tổ chức một kỳ thi thử luận văn cho kỳ đệ nhị lục cá nguyệt sắp tới. Cô bảo tất cả học trò ôm sách vở ra ngoài hành lang hay bỏ trên bục gỗ trước bảng đen. Trên bàn chỉ còn một tờ giấy nháp và một tờ giấy thi. Kỳ đó tôi cũng được làm "chemise" về luận.

Tôi yêu hết tất cả cô giáo, thầy giáo tôi hồi ấy. Thầy Phạm Vinh, thầy Toại, cô Dần dạy Pháp văn. Tôi tuy không học với thầy Nguyễn Châu nhưng thầy cũng dạy

Đồng Khánh một khóa. Sự kính mến đó luân lưu cho tới hôm nay, cho dù hôm nay cả thầy Châu và tôi cùng sinh hoạt trong tổ chức cộng đồng Việt Nam tại Hoa Kỳ. Tôi vẫn cung kính thầy như xưa. Thầy cũng rất ưu ái về những người học trò cũ của Đồng Khánh ngày xưa. Trên lý lẽ tôi ít khi nhường nhịn ai, nhưng đôi lúc trong những giờ thảo luận sinh hoạt cộng đồng, tôi thật sự đã biết tôn trọng ngôi vị của thầy trò. Từ sự tôn trọng đó tôi đã khám phá ra trong tôi đã có một trân trọng nâng niu vô cùng quý giá cho một vùng trời kỷ niệm của thời gian làm học trò Đồng Khánh ngày qua. Chỉ có những lúc ấy thầy Châu mới nói chuyện với tôi về Đồng Khánh, về những nghịch ngợm của nhất quỷ nhì ma thứ ba học trò. Nghe tôi gọi thầy Châu bằng thầy cho nên các anh em làm việc chung trong CĐVN tại Hoa Kỳ cũng đều gọi thầy bằng thầy luôn. Một tiếng gọi tuy xa lạ nhưng nếu được diễn tả trong một thâm tình ấm cúng thì cảm động biết bao. Tôi nghe như từ trong tôi một trời của Huế sống lại. Đâu đâu cũng văng vẳng lời mời gọi. Một lời mời gọi từ một khung trời đã khuất. Một vùng rực rỡ xa vời của tuổi thơ và thần thoại. Huế đang sống lại trong tôi như một con thuyền đã lênh đênh qua nhiều bến đậu. Rồi bỗng nhiên lao xao trên một đợt sóng dĩ vãng thân yêu. Tưởng đã dạt vào bờ và đã tan tành theo sóng nước nhưng rồi lại là một hình ảnh to lớn đang vỡ tung ra và òa ngập vào cuộc đời hiu quạnh trên đất lạ quê người.

Huế giờ đã ngút ngàn xa cách nhưng như một ảo ảnh bềnh bồng theo sóng nước trôi về, kéo theo từng vùng trời kỷ niệm. Năm đệ Tứ 2 cũng là năm cuối cùng của tôi ở Huế. Đệ Tứ 2 nằm ở lầu 2 cách Quốc Học một con đường. Bàn tôi ngồi ngay cửa đối diện với dãy lầu đệ Tam của Quốc Học. Trong bàn có Nguyễn Thị Giánh, Trần Thị An, Nguyễn Thị Cuối và tôi. Còn cái tên ngồi đầu bàn tôi quên mất. Chúng tôi ghét nhất là giờ toán của cô Kim Anh. Cô Kim Anh rất dễ thương nhưng cô lại dạy toán, môn học mà chúng tôi nuốt không vô thành ra đối với chúng tôi cô Kim Anh đã trở thành quá khô khan. Bước vào lớp là số với số. Đại số, hình học, chúng tôi bốn đứa đều ghét toán. Vô phước cả bọn lại ngồi chung một bàn, vào giờ của cô Kim Anh tôi thường hay đổi chỗ vào ngay cửa sổ vì cô Kim Anh ít khi kêu mấy đứa ngồi trong góc lên bảng. Thành ra đối với bọn tôi ngồi gần trong cửa sổ là một vị trí an toàn có thể tạm lánh những đòn pháo kích chí tử của cô Kim Anh. Chúng tôi thường kháo nhau về cô Kim Anh và không biết cô đã yêu ai chưa? Bởi vì cô Kim Anh yêu con số như vậy thì làm sao cô có thể biến một thực thể thành hai. Vả lại tình yêu là một sự nhiệm mầu không tính toán. Là một ảo giác trong sự hóa thân. Đã hoàn toàn biến hai thành một trong cùng một xác thân, một số kiếp. Trong tình yêu không ưa số lẻ và cũng không là một tính toán để trở thành một đáp số cho tha nhân. Và cô Kim Anh nếu bảo biến 2 thành 1 xác thân là một điều không thể có mà cũng không là đáp số cô kiếm tìm trong những giờ toán học. Có lần Giánh bảo: Nếu có ai yêu cô Kim Anh mà bảo: Anh với em tuy hai mà một là bị cô cho zero liền. Tôi hỏi: Răng rứa? Giánh trừng tôi: Còn nói răng rứa nữa, hỏi vô duyên rứa hèn chi cô Kim Anh luôn luôn truy mi thì phải. Với cô Kim Anh, trong toán học không có anh với em tuy hai mà một mà phải nói anh với em một cộng một là hai.

Những lúc đó tôi nghĩ cô Kim Anh chắc sẽ không bao giờ có chồng, vì cái kiểu nửa đêm ngồi dậy thầm thì anh với em tuy hai mà một mà bị cô cho zero thì sẽ mất hết hứng. Như vậy chắc sẽ không bao giờ có tình yêu. Đã có lần tôi chăm chú nhìn cô Kim Anh để xem thử trong xác thân kia cô Kim Anh có bao giờ biết say mê những ảo ảnh và có bao giờ có ảo giác đang hóa thân, nhập xác hai thành một hay không?

Cho nên trong ý nghĩ hồn nhiên ngây thơ của tôi cô Kim Anh chắc vô cùng cô đơn, chỉ yêu mình và không yêu ai cả.

Có một lần giờ toán, để tránh đạn pháo kích của cô Kim Anh, Giánh dành lấy chỗ bên cửa sổ và tống tôi ra

ngoài đầu bàn. Bữa đó tôi được cô Kim Anh chiếu cố mời lên bảng, lúc trở về chỗ ngồi tôi thấy dãy bàn tôi và bàn cuối xôn xao như có hỏa hoạn. Còn cửa sổ thì đóng kín mít như có mưa bão bên ngoài. Một ngọn sóng dữ như đang lan ngầm trong lớp học. Mọi cặp mắt như đang đổ dồn vào cánh cửa sổ, không hiểu vì sao hôm nay lại đóng chặt trong giờ toán của cô Kim Anh. Tôi không hiểu ất giáp gì vì những khuôn mặt quen thuộc ở bàn tôi và bàn dưới bỗng nhiên thay đổi trong hốt hoảng và lạc lõng. Tôi cố hỏi Ngọc thì nó bảo tôi im đi, để đợi gần đến giờ chơi nó sẽ nói cho tôi nghe. Tôi đi về chỗ ngồi, định với tay mở chốt cửa sổ ra thì cả hai bàn la lối như bị phỏng phải lửa. Tiếng ồn ào đã làm cô Kim Anh chú ý. Cô bước xuống bục, đi thẳng lại dãy bàn 4 và 5 ở cuối lớp. Cả hai bàn bỗng im lặng nhưng những cặp mắt lơ láo trên những khuôn mặt trắng xanh bỗng tạo nên một không khí vô cùng ngột ngạt. Hình như cô Kim Anh cũng linh cảm như vậy nhưng đã không có cơ hội để hỏi vì giờ toán đã hết. Cô Kim Anh vừa ra khỏi cửa thì cả lớp bỗng nhao nhao lên. Một tin động trời vừa được tung ra đã làm cả lớp học bỗng như tối sầm lại và lạnh ngắt trong một khoảnh khắc tê dại. Một tên Quốc Học khi không nổi hứng trình diễn vũ khúc khỏa thân trên cửa sổ bên tê làm mấy mụ Đồng Khánh như đạp phải đinh, đụng phải lửa. Tin sốt dẻo lan ra như hỏa hoạn. Mấy ngày sau thì được biết: Cái tên trình diễn vũ khúc khỏa thân đó học đệ Tam A và đã bị thầy hiệu trưởng Đinh Qui cho đi nghỉ hè dài hạn.

Trường Đồng Khánh không còn cái im lìm cố hữu. Đi đâu cũng nghe bàn bạc về cái anh chàng khỏa thân. Chỗ bàn tán xầm xì nhiều nhất là quán chè mụ Cách. Hai đồng một chén đậu xanh nguyên hột ngon tuyệt vời. Từ đó màn vũ khỏa thân của học sinh Quốc Học như một ám ảnh. Từng cánh cửa sổ ngó qua Quốc Học, không ai bảo ai đã vô tình khép kín như bức tường sắt giữa Đông và Tây Bá Linh. Bởi lúc đó, không có một nữ sinh Đồng Khánh nào có đủ can đảm để đưa bàn tay lên chốt cửa. Bởi cánh cửa là dấu ấn của hoài nghi, bâng khuâng và hồi hộp. Nếu mở cửa mà phải chứng kiến một màn "Male Stripper" nữa thì chao ôi! Có nước chết. Thì thôi thà khép lại, cho dù tối, cho dù không ánh sáng nhưng đủ để bảo đảm cho một cảm giác bình an. Chúng tôi đã đóng cái cửa sổ đó cho đến hết niên học. Bởi mỗi lần nhìn cánh cửa sổ mở đóng là mỗi lần nỗi ám ảnh sợ sệt người con trai khỏa thân bên tê trường Quốc Học.

Rồi thời gian lặng lẽ trôi đi. Cuộc đời xuôi ngược đã từng theo những buổi chiều yên tĩnh trôi về. Ít khi tôi nhớ về Huế vì thời gian sống ở Huế chỉ có vỏn vẹn 3 năm. 1960 tôi theo cha tôi thuyên chuyển vào Qui Nhơn và từ đó xuôi ngược theo con nước cuộc đời. Nhưng nếu có một lần nhớ về Huế là mỗi lần nhớ đến nỗi ám ảnh ngày xưa. Đến một thời sợ hãi những cánh cửa sổ vô tình. Vì sau lưng khuôn cửa sổ vuông vắn của trường xưa, có thể là một vùng nắng ấm và cũng có thể là một ám ảnh bất hạnh vô tình cho một đám học trò trong tuổi thơ vừa mới lớn. Chỉ là một hình ảnh tinh nghịch vô tình không ác ý của một người học trò trong tuổi đời đang lớn, đã là một nỗi ám ảnh khó quên cho những người con gái mới lớn vô tình nghe được thấy được. Huống hồ trong những ngày tháng thương đau của Huế, trong thời gian vượt thoát tìm tự do, đã có những người con gái Huế, những người đàn bà Huế phải chịu những cảnh bất hạnh hãm hiếp trong cuộc đời thì thử hỏi làm sao họ chịu đựng được. Bất giác tôi nghe trong tôi một tiếng thở dài và bỗng nhiên thấy mình thương Huế và nhớ Huế vô cùng.

○ Tôn Nữ Hoàng Hoa

Hiền Nhân Thời Đại:

Sảng Đình Nguyễn Hy Thích

Nguyễn Lý Tưởng

Một nhà giáo đạo đức, mô phạm, tận tụy hơn 60 năm với nghề dạy học, từ tiểu học, trung học đến đại học: Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích. Có lẽ từ Nam chí Bắc, từ 1911 đến 1975, không ai là không biết đến Cụ. Hàng trăm ngàn học trò của Cụ ở các trường Khánh Hòa, Quốc Học, Pellerin, Providence, Sainte Marie Huế, Viện Hán Học Huế, các Đại Học Văn Khoa, Sư Phạm Huế, Sài Gòn, Đà Lạt... Hàng triệu độc giả trên các báo Vì Chúa (Xuất bản từ năm 1937) tại Huế, cho đến các báo trong Nam, ngoài Bắc: báo Đại Học, báo Khổng Học, báo Văn Hóa, báo Mầm Sống, báo Nguồn Sống v.v.. Quả thật có quá nhiều người biết đến Cụ.

Hôm nay nhân ngày sinh thứ 103 của Cụ, với tư cách là một trong muôn ngàn học trò của Cụ, chúng tôi xin phép được thay mặt bằng hữu xa gần ghi lại vài nét sơ lược về cuộc đợi của Cụ mà chúng tôi có duyên may được biết.

Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích còn có tên là J.M.T hay J.M Nguyễn Văn Thích, sinh ngày 22 tháng 9 năm 1891, tức 20 tháng 8 năm Tân Mão, giờ Sửu, tại An Nhơn (gần thị xã Quy Nhơn). Nguyên quán của Cụ là làng Niêm Phò (thường gọi Kẻ Lữ), huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên. Cụ xuất thân từ một gia đình thế gia vọng tộc đất Thần Kinh; cụ thân sinh là Lô Giang Tiểu Cao Nguyễn Văn Mại, đậu thủ khoa thi Hương năm Giáp Thân (1884) tại trường Thừa Thiên, rồi đậu Phó Bảng năm Ất Dậu (1885), làm quan đến hàng Thượng Thư, Thái Tử Thiếu Bảo, Hiệp Tá Đại Học Sĩ. Thời gian Cụ Nguyễn Văn Mại làm quan tại An Nhơn, bà cụ là Thân Thị Vỹ đã sinh ra Cụ Sảng Đình tại nơi đây.

Cụ Thượng Thư Nguyễn Văn Mại (hay Nguyễn Mại) sinh năm 1858 qua đời năm 1945, và Cụ Bà Thân Thị Vỹ sinh năm 1862, qua đời năm 1946.

Cụ Bà, người họ Thân Trọng ở làng Nguyệt Biều, tỉnh Thừa Thiên, là một dòng họ danh tiếng, sản xuất các bậc khoa bảng như Cụ Thân Trọng Huề (làm quan dưới thời Tự Đức, Đồng Khánh, Khải Định). Người xứ Huế có câu: *"Họ Thân không nhà, họ Hà không dân"*, ý nói họ Thân Trọng không cần phải mua nhà riêng vì đã có nhà của vua ban (ra làm quan); họ Hà Thúc ở làng La Chữ cũng có tiếng học giỏi, đỗ đạt cao và không ai làm thứ dân, xuất thân họ Hà Thúc đều làm quan cả.

Cụ Nguyễn Văn Mại đã từng theo vua Khải Định qua Pháp, là một nhà thơ nổi tiếng ở đất Huế. Cụ có nhiều con trai, đều lấy chữ

lót là "Hy". Theo gia phả họ Nguyễn tại làng Niêm Phò, Quảng Điền, Thừa Thiên thì Cụ Nguyễn Mại có đến mấy chục người con, các con trai là:

— Trưởng Nam: Nguyễn Hy Địch (tự Cát Khanh)

— Con thứ 2: Nguyễn Hy Thích (tự Sảng Đình)

— Con thứ 5: Nguyễn Hy Nhã

— Con thứ 9: Nguyễn Hy Cừ

— Con thứ 12: Nguyễn Hy Xước.

— Con thứ 13: Nguyễn Hy Đơn.

— Con thứ 15: Nguyễn Hy Bách

— Con thứ 18: Nguyễn Hy Thành

— Con thứ 22: Nguyễn Châu Giáp (?)

— Con thứ 24: Nguyễn Hy Hiền

— Con thứ 25: Nguyễn Hy Hoàng.

Trong số những con trai Cụ Thượng Mại, có hai người nổi danh và có cuộc đời khá ly kỳ: đó là Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích và Ông Nguyễn Hy Hiền.

Ông Nguyễn Hy Hiền là người đậu hai bằng Tú Tài Pháp trong một năm; kỳ thi thứ nhất đậu Tú Tài ban Toán (Khoa học) và kỳ thứ hai đậu Tú Tài Ban Triết Học. Được chọn là học sinh giỏi nhất trong năm đó tại Đông Dương. Năm đó, có ba học sinh đại diện ba miền Bắc, Trung, Nam được chọn để Ban Giám Khảo xét cho đậu thủ khoa thì Ông Nguyễn Hy Hiền, con Cụ Thượng Thư Nguyễn Văn Mại được trúng giải. Về sau Ông Hiền qua Pháp học kỹ sư hàng hải, rồi kỹ sư hàng không. Về nước Ông tham gia kháng chiến chống Nhật rồi theo Việt Minh; trước 1975, Ông là giáo sư Đại Học Bách Khoa Hà Nội. Một người yêu nước nhưng không phải là đảng viên Đảng CSVN.

Cuộc đời của Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích cũng được xem là kỳ lạ, khác người. Vốn là một người tài hoa, vẽ đẹp, làm thơ hay, giỏi âm nhạc, xuất thân từ một gia đình Nho học, quan lại, trở lại đạo Công Giáo, rồi lại đi tu làm linh mục, là một học giả nổi tiếng, tinh thông cả Đông lẫn Tây học và nhiều ngoại ngữ. Cụ là một trong những nhạc sĩ mở đầu phong trào Nhạc Việt vào những thập niên đầu của thế kỷ 20.

Thiếu thời, Cụ theo học Hán văn với thân phụ, đã từng lều chõng đi thi Hương, vào đến trường ba thì hỏng. Cụ thường kể cho chúng tôi rằng Cụ đã vào được hai trường rồi, đến trường ba thì không được vào trường tư vì phạm trường quy. Đậu trường tư là Cử Nhân; nếu hỏng thì được Tú Tài. Còn Cụ thì:

"Ai về nhắn với mẹ cha,
Mua heo ai trả, trường ba hỏng rồi!"

Cụ Nguyễn Mại khi nghe tin cậu con trai thông minh đĩnh ngộ là Nguyễn Hy Thích hỏng trường ba thì Cụ giận quá; đang ngồi ăn, cụ hất đổ cả mâm cơm, rồi một mình tức tối đi ra ngoài sân.

Thời gian theo học Hán văn để thi Hương. Cụ Sảng Đình cũng theo học trường dòng Thánh Jean Baptiste de La Salle (tức trường Pellerin) ở Huế. Trường này được thành lập năm 1905, và Cụ là thế hệ học sinh đầu tiên. Trước khi qua học trường Dòng, Cụ học trường Thành Thái do Cụ Tôn Thất Học làm hiệu trưởng, đó là một trường dạy chữ Quốc Ngữ và chữ Pháp đầu tiên ở Huế. Cụ tốt nghiệp năm 1910, hồi đó gọi là Cao Đẳng Tiểu Học; sau đó Cụ học ban tu từ học (Rhétorique) một năm tại trường Pellerin, Huế.

Năm 1911, Cụ theo thân phụ vào Khánh Hòa, năm đó Cụ đã ngoài 20 tuổi. Cụ được bổ nhiệm làm giáo viên Trường Tỉnh (ban tiểu học) ở Khánh Hòa. Thời gian học tại trường Pellerin, Cụ đã tìm hiểu đạo Công Giáo qua các giờ học giáo lý. Thời gian làm giáo viên tại Khánh Hòa, Cụ thường đi lại, giao thiệp với linh mục người Pháp là Léculier (thường được gọi là Cố Lưu). Cụ quyết định trở lại đạo Công Giáo, mặc dù gia đình không thuận tình. Cha mẹ Cụ đã tìm mọi cách ngăn cấm không cho Cụ theo đạo. Nhưng ngày 29 tháng 6 năm 1911, Cụ đã chịu phép rửa tội tại Bình Cang, tỉnh Khánh Hòa do Linh mục Léculier chủ lễ, Cụ lấy tên là Joseph Marie.

Trước đó, nhiều lần Cụ đã tranh luận với thân phụ về đạo Công Giáo, và Cụ đã trưng dẫn trên 30 câu trong các sách Nho về chữ Thiên. Chữ Thiên đó không phải là bầu trời,

trăng sao, mây gió... mà là một Ngôi Vị Thiêng Liêng, là Đấng Tạo Hóa hay Thượng Đế. Đạo Công Giáo thờ Đấng Thiêng Liêng đó. Cụ cũng chứng minh rằng đạo Công Giáo không dạy điều gì trái với chữ "hiếu", trái với lòng thảo kính cha mẹ. Trong mười giới răn của Đạo, thì ba giới răn đầu nói về sự thờ kính Đức Chúa Trời, là Đấng Tạo Hóa; giới răn thứ tư, sau việc thờ kính Thiên Chúa, chính là lòng hiếu thảo với cha mẹ. Người theo Đạo phải có lòng hiếu thảo với mẹ cha, khi sống cũng như khi chết. Nhưng hình thức tỏ lòng hiếu thảo của người theo Đạo Công Giáo có nhiều điều hợp lý hơn.

Quyết định trở lại đạo Công Giáo của Cụ Nguyễn Hy Thích đối với cha mẹ, anh em, họ hàng, bằng hữu của Cụ đã là một chuyện bất thường rồi. Nhưng cụ không chịu dừng lại ở đó, mà Cụ còn quyết tâm tận hiến cuộc đời mình cho Thiên Chúa. Sáu năm sau ngày nhận bí tích rửa tội, vào tháng 9 năm 1917, Cụ xin vào Tiểu Chủng Viện An Ninh tại Cửa Tùng ở tỉnh Quảng Trị. Năm đó Cụ được 26 tuổi.

★ CON ĐƯỜNG ĐỊNH MỆNH.

Sau khi chịu phép rửa tội được ít lâu, Cụ lại xin đổi về dạy học ở Huế. Trong khoảng từ 1911 đến 1917, Cụ đã có nhiều thời giờ để suy nghĩ. Lựa chọn giữa con đường công danh và cuộc đời tu hành. Bên nào sẽ thực hiện được lý tưởng phục vụ của mình một cách tích cực hơn? Và thế là Cụ đưa đơn xin từ chức trợ giáo vào năm Đinh Tỵ (1917) rồi xin vào Tiểu Chủng Viện. Người ta kể rằng sau khi từ chức trợ giáo. Cụ vào thăm thân phụ ở Quy Nhơn, rồi cải trang làm cô gái ra xe lửa mua vé tàu Quảng Trị. Vì gia đình cương quyết ngăn cản không cho Cụ đi tu, và thuê người đón đường bắt Cụ trở về với gia đình, nên Cụ phải cải trang để ra đi cho trót lọt. Vào Tiểu chủng viện lúc đó Cụ đã 26 tuổi. Đó là trường hợp đặc biệt vì thông thường những người mới vào tu khoảng 12 đến 14 tuổi, nhưng Cụ được Giám Mục Eugene Allys (Đức Cha Lý) chuẩn nhận đặc cách cho một người vừa lớn tuổi, vừa theo đạo đi tu làm linh mục. Vào chủng viện, Cụ vừa học Latin và giáo lý, vừa làm giáo sư dạy cho các chủng sinh khác về Pháp văn, Hán văn, Quốc văn.

Trong thư của Linh Mục Denis (tức cố Thuận, sau này là Tổ phụ lập dòng Xi-tô Việt Nam) gởi về cho mẹ ở Pháp có kể rằng:

"Kính thăm mẹ yêu quý, học trò con đã tề tựu rồi. Năm nay có một chủng sinh xuất sắc. Thường học sinh mới vào thì nhỏ tuổi, nhưng người này đã 28 tuổi rồi.

Đó là một vị giáo sư Pháp văn, trường trung học nhà nước, đã xin từ chức để nhập học chủng viện. Luật chung không nhận những học trò như thế vì vừa lớn tuổi vừa mới theo đạo được 6 năm nay. Nhưng Đức Giám Mục đã đặc cách..." (Trích chuyện Cha Benoit R.P Denis tức Cố Thuận, Tổ Phụ Dòng Xi-tô Việt Nam, tr, 85, 86).

Ở Tiểu Chủng Viện An Ninh được hai năm, Cụ được cho vào Đại Chủng Viện Phú Xuân, Huế (1 tháng 9 năm 1919). Tại đây Cụ lần lượt chịu các chức cắt tóc (18.12. 1920), bốn chức nhỏ ngày 22 tháng 12 năm 1921 và 23, chức sáu ngày 20 tháng 12 năm 1924. Và chức linh mục ngày 18 tháng 12 năm 1926.

Việc cậu Nguyễn Hy Thích, một nhà trí thức vừa Nho học vừa Tây học, con quan Thượng Thư Nguyễn Văn Mại ở Huế đi tu làm xôn xao trong giới thanh niên trí thức thời đó. Sau này có linh mục Bửu Dưỡng, con Cụ Ưng Trình, một người đứng đầu hoàng tộc, dòng dõi Tuy Lý Vương, Tùng Thiện Vương, xin trở lại đạo và đi tu làm linh mục cũng là một trường hợp lạ thường khác nữa.

★ ANH ĐI TU, EM CŨNG ĐI TU.

Gia đình Cụ Thượng Thư Nguyễn Văn Mại đông con trai, con gái. Về cánh nam nhi, chúng tôi đã giới thiệu qua trong phần trước. Nay nói về cánh nữ thì có cô Nguyễn Thị Như Ngộ, em cùng cha khác mẹ với Cụ Nguyễn Hy Thích. Tên Như Ngộ vốn là tên của nhà Chùa, do Sư của Chùa Tam Thai đặt cho khi mới chào đời vào năm 1902. Cô học chữ Hán từ lúc mới 6 tuổi, năm lên 9 học chữ Pháp, chữ

Quốc Ngữ; đậu tiểu học Pháp năm 1916 (Bính Thìn). Cũng như anh cô là Nguyễn Hy Thích, Cô làm trợ giáo ở Khánh Hòa; cũng dạy một trường và chịu ảnh hưởng của người anh. Cô biết đến giáo lý đạo Công Giáo rất sớm. Khi anh Cô là Nguyễn Hy Thích bỏ nhà đi tu, thì Cô đổi ra dạy trường Nữ Hà Tĩnh. Năm 1919, Cô về nghỉ hè ở Huế cùng với gia đình. Một hôm Cô bỏ nhà ra đi vào lúc 11 giờ trưa, chỉ mang theo một bộ quần áo và để lại một bức thư cùng với tất cả nữ trang... Khi đọc lá thư, cả nhà đều khóc, mới hay Cô đã xin vào Dòng Kín Carmel Kim Long, Huế. Mẹ bề trên là Marie de Aimée Nguyễn Hữu Thị Tài (con Cụ Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài) đã đón tiếp Cô. Lúc bấy giờ Cô đổi tên là Nguyễn Thị Ngọc.

Mẹ của Cô, bà Nguyễn Văn Mại, đã đến nhà Dòng chửi mắng, yêu cầu trả con gái mình về với gia đình. Sau đó, Cụ Nguyễn Văn Mại đích thân đến Dòng lôi kéo con gái về nhà. Nhưng Cô khóc lóc nằm trì xuống đất. Ông bà thân sinh đành chịu thua. Đến ngày 29 tháng 9 năm 1921, cô Nguyễn Thị Ngọc được mặc áo dòng, lấy tên dòng là Marie de l'Eucharistie. Dịp lễ khấn dòng của Cô được tổ chức long trọng, có mặt của gia đình cụ Thượng Thư Nguyễn Hữu Bài (Bộ Lại), gia đình Cụ Nguyễn Văn Mại, và anh ruột Cô là Nguyễn Hy Thích lúc đó còn là thầy đại chủng viên (chưa chịu chức linh mục). Theo lời kể của Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn trên báo "Nam Kỳ Địa Phận" số 663, năm 1921 thì trước quyết tâm tận hiến cho Chúa của hai người con đạo hạnh, Cụ Nguyễn Mại dần dần mến phục chí khí của hai người, và từ đó Cụ có cảm tình với đạo Công Giáo. Cụ cũng nói: *"Bây giờ là thời tự do tín ngưỡng nên ta cũng không cấm đoán các con được"*.

Xúc động trước dịp lễ khấn lòng của em gái, thầy Nguyễn Hy Thích có làm mấy vần thơ:

"Sững sờ nửa tỉnh, nửa như say
Ai khéo đưa em đến chốn này."
....
"Cám đội đời đời ơn Thánh Chúa,
Dẫn đường chỉ nẻo mới vào đây."
....
"Say mùi đạo đức quên lòng tục,
Bỏ chữ công danh nặng chữ nhàn
Mới biết một ngày trong phúc kín
Hơn muôn ngàn kiếp ở trần gian".

Nữ tu kín Maria Nguyễn Thị Ngọc ở trong dòng gần 20 năm, qua đời ngày 10 tháng 3 năm 1940, tức ngày 2, tháng 2 năm Canh Thìn; mộ táng tại Kim Long, Huế, lúc đó cha mẹ Chị còn sống.

Một người cháu ruột của Cụ Nguyễn Hy Thích cũng theo đạo và sống một đời sống thánh thiện, tu tại gia, đã được Cụ giới thiệu trên báo Vì Chúa như là một vị thánh; Cụ gọi Cô là Tê-rê-xa Quật Hồng. Trong phòng khách của Cụ, luôn có ảnh Tê-rê-xa. Cụ thường cầu nguyện với người cháu đó.

★ NHỮNG NHIỆM VỤ ĐẢM ĐƯƠNG.

Sau khi chịu chức linh mục, Cụ Sảng Đình được bổ nhiệm làm giáo sư tại Dòng Thánh Tâm, Huế; sau đó làm giáo sư tại Trường Thiên Hựu (Institut de la Providence), Huế vào năm 1933. Từ tháng 9, 1937, làm giáo sư Tiểu Chủng Viện An Ninh ở Cửa Tùng, Quảng Trị. Thời gian này Cụ xuất bản báo Vì Chúa, một tờ nguyệt san truyền bá đạo Chúa và văn hóa dân tộc. Báo Vì Chúa đã đăng tải thơ văn của nhiều văn nghệ sĩ, học giả danh tiếng. Cụ Sào Nam Phan Bội Châu đã mừng báo Vì Chúa của Cụ Sảng Đình với một bài thơ như sau:

"Lô dã văn chương hà chúa đào,
Nguyện tương chân lý chú đồng bào.
Cổ kim đại đạo Thiên trường tại,
Âu Á tân trào nhạc bất dao.
Xích tử mãn hoài phương đãi bộ,
Hôn hình bỉnh chúc cảm từ lao.
Kim chu hựu hựu lai chu đáo
Xứ xứ chiên đàn mộc thánh cao".

Cụ Sào Nam đã tự dịch ra Quốc Văn như thế này:

"Văn chương lò bệ sẵn khuôn trời.

Chân lý đưa ra đúc thây người
Đạo ô xưa nay trời mãi mãi,
Sóng đầu Âu Á núi hoài hoài.
Bé con trước bụng đương chờ mớm
Đuốc lớn đường khuya phải cố soi.
Đầy tuổi còn còn đầy tuổi nữa
Bầy chiên khắp xứ tắm ơn ngài.

(Báo Vì Chúa số 52, ngày 8.10.1937)

Ngày 25 tháng 8 năm 1942, Cụ Sảng Đình được chuyển về làm tuyên úy trường Pellerin Huế và trở lại làm giáo sư trường Trung Học Khải Định (tức là trường Quốc Học). Thời gian dạy học, Cụ sáng tác một số sách như: *Vật Lý Tùng Đàm, Sách Vì Chúa, Lời Hằng Sống, Sảng Đình Thi Tập, Bách Trẻ Giáo Dục, Con Người Đẹp Nhất.* Cụ đã lấy 300 câu ca dao ghép thành một bài thơ lục bát dài bắt chước Kinh Thi của Trung Hoa (Thi tam bách: Thơ có 300 bài). Kinh Thi là thơ xuất phát từ dân gian Trung Hoa cũng như ca dao được dân gian nước ta truyền tụng từ lâu đời (Tài liệu này được Định Hướng Tùng Thư tái bản với tựa đề *Cổ Việt Phong Dao).*

Từ 1927 đến 1937 Cụ làm giáo sư trường Dòng Thánh Tâm dưới sự lãnh đạo của cha bề trên Hồ Ngọc Cẩn, tức Giám Mục địa phận Bùi Chu sau này (1935). Đức Cha Cẩn là người thông thái, làm Tự Điển Hán Việt, Pháp Việt và cũng xuất thân từ một gia đình dòng họ không theo đạo Công Giáo và cũng đi tu khi đã lớn tuổi. Hai người trở nên bạn hữu thân thiết với nhau, cùng làm báo Vì Chúa, cùng xướng họa văn chương. Sau khi ra Bắc nhận nhiệm vụ mới ở Bùi Chu, Đức Cha Hồ Ngọc Cẩn vẫn gởi bài đăng trên báo Vì Chúa đều đặn.

Từ 30 tháng 4 năm 1946, Cụ Sảng Đình về làm cha xứ họ Kim Long; thời gian này Hồ Chí Minh lên cướp chính quyền, làm Chủ Tịch nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa; ảnh hưởng của Cộng Sản lên cao trong giới thanh niên. Vốn là một nhà Nho cương trực, Cụ Sảng Đình không thể chấp nhận cái cảnh lộng hành của bọn thanh niên mới và tư tưởng duy vật vô thần của chủ thuyết Cộng Sản, Cụ viết nhiều bài thơ, bài nghị luận bài bác tà thuyết đó.

Sau khi Pháp trao trả độc lập cho Bảo Đại, chính quyền Quốc Gia được thành lập tại Huế, và các thành phố từ Nam chí Bắc, trật tự được vãn hồi, Cụ trở lại dạy trường Quốc Học và các trường Công Giáo tại Huế. Từ năm 1958 đến 1970, Cụ làm tuyên úy trường Pellerin và dạy Đại Học Huế, Viện Hán Học Huế, Đại Học Đà Lạt, Sài Gòn về môn Hán văn và Triết Học Đông Phương.

Sau năm 1970, Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền ở Huế thấy Cụ tuổi đã 80 nên mời Cụ về ở tại Tòa Tổng Giám Mục (nhà Hưu Dưỡng) để được săn sóc chu đáo về sức khỏe. Cụ vẫn dạy đại học cho đến 1975.

Từ 1958, Cụ được mời tham gia các công tác văn hóa, giáo dục trong những chức vụ sau đây:

— Chủ Tịch Ủy Ban Văn Hóa Tỉnh Thừa Thiên.

— Chủ Tịch Ủy Ban Kiểm Duyệt sách Báo Giáo Phận Huế.

— Ủy Viên Hội Khổng Học.

— Tổng Tuyên Úy Toàn Quốc Hướng Đạo Việt Nam. Cụ tham dự nhiều trại họp bạn Hướng Đạo tại VN và thế giới, nhiều lần thuyết trình về phong trào này.

Dưới thời các Giám Mục Urutia, Ngô Đình Thục, Nguyễn Kim Điền, Cụ được mời vào Hội Đồng Cố Vấn Giám Mục ở Huế. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, vì già yếu, Cụ không giám nhận chức vụ gì nữa, nhưng vẫn thích dạy học, làm việc tông đồ. Công tác tông đồ mà Cụ ưa thích ưu tiên là các hoạt động từ thiện bác ái, giúp đỡ người nghèo khó, chia sẻ của cải vật chất cho họ.

★ CÁC ĐIỂM NỔI BẬT TRONG NHÂN ĐỨC VÀ TÀI NĂNG CỦA CỤ SẢNG ĐÌNH.

- **1. Một người con chí hiếu.**

Việc trở lại Đạo Công Giáo của Cụ đã được một số người ghét Đạo, chống Tây, kỳ thị tôn giáo, bảo thủ trong gia đình, họ hàng và trong hàng quý tộc, phong kiến Huế chê bai, cho cụ là con bất hiếu, không vâng lời

cha mẹ. Nhưng khi thấy Cụ đi tu làm linh mục và thấy gương đạo đức tuyệt vời của Cụ thì họ dần dần hiểu ra con người lý tưởng, con người tiến bộ nơi Cụ. Cụ sống rất tình cảm với anh em họ hàng; Cụ đến với mọi người với tất cả tình thương mến, phục vụ, hy sinh cho tha nhân. Năm Tân Mùi (1931) nhân dịp gia đình tổ chức mừng đại thọ Song Thân, Cụ đã đứng ra góp công lớn lo ngày lễ mừng Cha Mẹ thật long trọng. Cụ đã sáng tác một bài thơ *"Mừng Thọ"* theo điệu *"đăng đàn cung"*. Cụ cũng khuyên Cha Mẹ theo Đạo Công Giáo, tin vào giáo lý và Phúc âm của Chúa Giê Su. Khi Cụ Nguyễn Văn Mại qua đời, năm 1945, thọ 87 tuổi, chính tay Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích ban phép rửa tội cho thân phụ. Cũng trong hôm đó, Thân Mẫu của Cụ được nhận bí tích rửa tội; và năm sau, Cụ Bà Thân Thị Vỹ qua đời, thọ 84 tuổi (1946).

- **2. Một người giàu lòng bác ái.**

Cụ làm giáo sư lâu năm, dạy nhiều giờ ở đại học, từ năm 1958 đến 1975, ngạch lương giáo sư của cụ rất cao. Lương tháng cao hơn bất cứ giáo sư nào ở Huế. Thế mà khi nhắm mắt xuôi tay, Cụ chẳng có một tài sản nào để lại. Bất cứ ai nghèo khổ mà Cụ biết, Cụ đều đem tiền bạc, thức ăn, áo quần đến giúp đỡ. Nhiều sinh viên chạy đến với Cụ; nhiều người lợi dụng lòng tốt của Cụ một cách thái quá, Cụ vẫn vui cười không từ chối một ai. Cụ thường đi thăm Viện Dục Anh Kim Long, nơi nuôi trẻ mồ côi. Lần nào ghé qua đó, Cụ cũng móc túi, tìm xem còn bao nhiêu tiền, Cụ trao hết cho các Soeurs phụ trách. Làm tuyên úy trường Pellerin, Cụ cũng kiêm luôn tuyên úy Bệnh Viện Huế, Viện Bài Lao Huế. Mỗi lần đi thăm bệnh nhân, cứ hành thánh lễ cho họ, hay giúp họ khi hấp hối, Cụ đều dành dụm những món quà cho họ. Dù lương cao bao nhiêu cũng chẳng đủ để phân phối. Hồi chúng tôi học ban trung học ở trường Pellerin, có những lúc người quản gia của Cụ chạy vào gặp Thầy Quản Lý hay Thầy lo nhà bếp, xin cho Cụ một ít gì để ăn, vì Cụ tiêu đâu hết cả lương tiền và quên không trao tiền chợ cho người quản gia. Ai cũng tưởng Cụ giàu có vì thấy Cụ giữ những chức vụ quan trọng, lương cao. Mấy chục năm đi dạy, Cụ chỉ đi xe đạp, một chiếc xe đạp mua từ thời 1945, hiệu Saint Etienne của Pháp; Cụ dùng mãi không thay đổi. Cho đến năm đã ngoài 70 tuổi. Cụ vẫn đi xe đạp. Đức Tổng Giám Mục Huế thấy vậy, cấm không cho Cụ đi xe đạp nữa vì sợ rằng với sức khỏe già yếu, mỗi lần đi xe đạp qua cầu Trường Tiền, xe cộ qua lại như bươm bướm, tai nạn có thể xảy ra cho Cụ.

Cụ rất thương trẻ thơ; khi ở trường Pellerin, Cụ lập một nhà trẻ theo kiến trúc của Cụ đưa ra, sơn son thếp vàng, có nhà Dưỡng Tâm Đình, có chỗ học cho trẻ, được dạy theo phương pháp mới. Cụ đã tạo cho các giáo viên theo phương pháp sư phạm của Cụ. Dạy trực tiếp, dạy nhiều bài hát tiếng Việt, tiếng Pháp; khi hát thì phải có cử chỉ phù hợp như diễn tuồng trên sân khấu. Cụ dạy cho trẻ em mẫu giáo hát những câu ca dao đượm tình quê hương dân tộc, những câu dí dỏm. Một đứa trẻ vừa té ngã trên sân, tức khắc một bạn trẻ khác nói ngay:

"Dù ai lăn ngửa, lăn nghiêng.
Anh đây vẫn vững như kiềng ba chân".

Khi tổ chức nhà trẻ, Cụ có mua một chiếc xe hơi hiệu Peugeot của Pháp để chở học sinh, và Đức Giám Mục khuyên Cụ nên dùng xe đó để đi dạy học cho tiện.

Cụ rất thương học trò, bênh vực học trò, nhất là đối với những người ngay thẳng, thanh cao. Cụ có quá nhiều học trò, nên nhiều khi Cụ không nhớ tên, nhưng Cụ vẫn nhớ mặt. Thời gian học với Cụ tại Viện Hán Học, tại Đại Học Văn Khoa và Sư Phạm, tôi thường hay trốn học đi dạy trường tư hoặc hội họp sinh hoạt chính trị. Chúng tôi học bên Sư Phạm là chính, chỉ ghi danh bên Văn Khoa, cuối năm thi mà thôi. Thi viết đậu rồi, khi vào vấn đáp, Cụ hỏi tôi có thuộc bài thơ Hán Văn nào không. Tôi trả lời là có và Cụ bảo tôi lên bảng viết bài thơ đó. Tôi viết một bài của Trần Nhân Tôn, có câu:

"Đạo thông thiên địa hữu hình ngoại,
Thị nhập thanh vân biến thái trung".

Thế là Cụ hỏi tôi về Hình Nhi Thượng Học, Hình Nhi Hạ Học trong Khổng Học. Câu hỏi đó tương đối khó, nhưng tôi đã học với Cụ rồi và tôi cũng có đọc sách thêm nên trả lời thông suốt. Cụ thấy tôi cầm phấn viết chữ Nho trên bảng, nét chữ cứng cáp, ngay thẳng, đúng phương pháp chân truyền, Cụ hỏi tôi:

"Anh học đâu mà khá vậy, sinh viên Văn Khoa biết được mấy chữ đâu!"

Tôi trả lời:

"Con học với Thầy xưa nay mà".

Cụ bảo:

"Sao tôi không nhớ tên, nhớ mặt anh?"

Tôi cười:

"Dạ con học bên Sư Phạm nên kẹt giờ, con hay trốn học. Trước đây con có học với Thầy 3 năm bên Viện Hán Học rồi".

Cụ ờ một tiếng:

"Hèn chi tôi hỏi anh mấy câu khó rứa mà anh trả lời được. Tôi thấy anh viết chữ khá nhanh và coi được nên tôi hỏi khó hơn một chút. Từ sáng tới giờ không anh nào trả lời khá cả".

Mấy năm sau, tôi ghé thăm Cụ tại Nhà Hưu Dưỡng Linh Mục Giáo Phận Huế, Cụ nhận ra ngay. Cụ bảo:

"Anh ni chừ làm Dân Biểu rồi phải không? Rứa là bỏ nghề đi dạy luôn hả?"

Tôi thưa:

"Do tình thế mà con ra ứng cử để tranh đấu cho một nền dân chủ, chứ con vẫn không muốn bỏ nghề dạy học. Con nghe tin Thầy ở đây nên đến thăm và nhân tiện xin Thầy câu đối về treo ở nhà".

Cụ dẫn tôi đi khoe những bức tranh, những câu đối Cụ làm ra và trình bày lên một bức sáo tre rất đẹp. Cụ cho tôi mấy tập sách Cụ soạn về Đại Học, Trung Dung và 300 câu ca dao VN chọn lọc. Tôi nhìn lại hình ảnh Cụ đã quá già rồi, chỉ còn lại vóc hạc cốt tiên; bàn tay với những ngón thật dài, bàn tay của một người tài hoa. Thầy gặp lại trò cũ, chúng tôi gặp lại Thầy cũ; bao nhiêu tâm tình, bao nhiêu xúc động... Nói đến Cụ Sảng Đình là nói đến con người đầy lòng yêu thương tha nhân, nhất là thương học trò; vì Cụ là nhà tu hành, không có vợ con, tất cả học trò là con của Cụ, con tinh thần của Cụ Vậy.

- **3. Một nhà tu hành rất gương mẫu và thánh thiện.**

Chưa thấy ai phê bình Cụ điều gì trong đời sống tu hành của Cụ, Trái lại, Cụ thật sự là một gương mẫu trong giới tu sĩ đạo Công Giáo. Cụ sống khó nghèo, khiêm tốn, rất nghiêm khắc với chính mình. Đối với nữ giới, Cụ sống rất đứng đắn, không bao giờ đi quá giới hạn của người tu sĩ. Dù khi đã già rồi, mỗi lần tiếp xúc, nói chuyện với người khác phái, dù là tu sĩ hay người thường, Cụ vẫn giữ đúng lễ, không quá thân mật, gần gũi, có thể tạo cơ hội cho những tư tưởng hay hành vi xấu, vi phạm giới luật của Thiên Chúa hay luân lý đạo đức xã hội.

Cụ vâng phục hoàn toàn các Đấng Bề trên, giữ đúng ba lời thề của Linh Mục là độc thân, vâng lời và khó nghèo. Dù là người mới theo Đạo, nhưng đức tin rất vững vàng, lòng cố gắng yêu mến Chúa và Đức Mẹ rất gương mẫu... Cụ đã đặt nhiều bài hát, nhiều bài thơ ca tụng Thiên Chúa. Chúng ta đã từng nghe những vần thơ đạo đượm màu sắc dân tộc và triết lý Đông Phương của Cụ do chính Cụ phổ nhạc như:

"Trời cao đất thấp gặp nhau
Đấng tôi yêu mến, ngự vào lòng tôi.
Thánh tình ôi! Nhiệm mầu thôi!
Hồn tôi thờ lạy, khôn lời nói ra".

hay là:

"Chúa Thiên Đàng ngự giữa lòng tôi,
Phước phận này sao đáng Chúa ôi!
Kìa chín trời còn đang chật hẹp,
Huống chi nữa chút phận bèo trôi.
Tớ hèn cam phận bùi ngùi,
Bao phen lầm lỗi, mấy hồi vong ân.
Ôi thôi! Lạy Chúa chí nhân,
Từ nay thống hối, muôn phần thứ tha..."

Lòng sùng kính Đức Mẹ Maria cũng được Cụ bày tỏ qua những khúc nhạc như:

"Bao giờ tôi được lên trời.
Ở cùng Đức Mẹ thì tôi phỉ nguyền..."

hoặc mượn lời Kinh Thánh qua bài *Magnificat*, do chính Cụ dịch và phổ nhạc:

"Linh hồn tôi ngợi khen Chúa,
Và trí khôn tôi nhảy mừng trong Chúa,
Đấng Cứu Chuộc tôi..."

Cụ cũng là người sáng tác bài ca tụng Mẹ La Vang, một điệp khúc mà khách hành hương chốn thánh địa này ngày nay vẫn còn thuộc lòng:

"Lạy Đức Mẹ La Vang,
Xin cứu con khốn nạn,
Phần linh hồn, phần xác,

Xuống ơn thiêng muôn vàn..."

Cụ rất yêu mến đời sống đơn sơ, hy sinh, khiêm tốn của Thánh nữ Têrêxa Hài Đồng Giê Su; và Cụ đã dịch nhiều bài thơ của Vị Thánh Nữ 24 tuổi này:

"Tôi yêu đồng lúa chín vàng,
Tôi yêu gác tía, nẻo đàng xa xa..."
(Ce que j'aime)

Cụ rất tôn sùng các anh hùng tử đạo Việt Nam, Cụ đã sáng tác nhiều câu đối bằng Hán Văn ca tụng các Ngài như:

"Tử hựu hà phường vi trung vi hiếu,
Đạo bất khả ly, duy tinh duy nhất"...

Một tu sĩ khiêm nhường, nghèo khó, đạo hạnh, vâng lời, phục vụ, sống gương mẫu theo Đức Tin của mình. Điều đó không ai mà không nhận thấy thể hiện nơi con người Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích.

- **4. Một nhà thơ, nhà văn, nhạc sĩ, họa sĩ nổi danh.**

Thơ tiếng Việt của Cụ có những bài đơn sơ, lời lẽ giản dị, dễ hiểu, hợp với tâm hồn trẻ thơ. Nhiều bài được đăng trên các báo, hoặc in lại trong tập Sảng Đình Thi Tập. Cụ cũng thường đọc ngâm hoặc ca cho chúng tôi nghe; chẳng hạn như bài **Say Xuân** dưới đây:

"Đầm ấm, xuân đầm ấm,
Lai láng, ánh láng lai
Gió phưởng phất, phưởng phất
Cành lung lay, lung lay.
Cu cù, cu cu gáy
Se sè, se sẻ bay
Riu ríu, riu ríu mắt.
Sờ sững, sững sờ say".

Thơ tiếng Việt thì đơn sơ, dễ hiểu cho tất cả mọi người, dù lớn hay nỏ, dù ở trình độ học vấn nào cũng theo được. Nhưng thơ, văn, câu đối bằng Hán văn thì thật là cao thâm.

Khi chúng tôi mới vào học Viện Hán Học, thấy ngay câu đối nét chữ của Cụ treo ở Di Luân Đường, là nơi thờ Đức Khổng Tử, như sau:

"Minh Đức, Tân Dân, chỉ ư chí thiện,
Bác học thẩm vấn, trạch hồ Trung Dung".

Hai câu này lấy ý trong sách Đại Học và Trung Dung, là hai trong bộ Tứ Thư của Nho Học.

Năm 1959 - 1960, Cụ theo phái đoàn của Tổng Thống Ngô Đình Diệm qua thăm Đài Loan. Về phía Việt Nam có 3 nhà Nho nổi tiếng là Cụ Tiến Sĩ Nguyễn Huy Nhu, Hội Trưởng Hội Khổng Học Việt Nam; Cụ Cử Nhân Lương Trọng Hối, Niên Trưởng Quốc Hội và Linh Mục Nguyễn Văn Thích, tức Giáo Sư Sảng Đình Nguyễn Hy Thích. Trong dịp này phía Đài Loan cũng có nhiều học giả danh tiếng như Hồ Thích, Giáo Sư Đại Học, triết gia đương đại; Hoàng Quý Lục, Quán Trưởng Quốc Sử Quán; Linh Mục Phương Hào, Giáo Sư Đại Học, Chủ Tịch Hội Sử Học Đài Bắc... Trong bữa tiệc, Cụ Sảng Đình thấy có món đề tên là "Giá cô" (Chim đa đa con). Nhớ lại bài thơ của Bà Huyện Thanh Quan ra Hán Văn như sau:

"Bộ đáo Hoành quan nhật dĩ tà,
Yên ba gian thạch, thạch gian hoa.
Tiểu qui nham hạ, ta ta tiểu
Thị tập giang biên, cá cá đa
Đỗ Vũ tâm thương, thanh quốc quốc
Giá cô hồn đoạn tứ gia gia.

Đình đình trữ vọng: thiên, sơn, hải
Nhất phiến cô hoài, ta ngã ta"

Bài thơ quốc âm của Bà Huyện Thanh Quan như sau:

"Bước tới Đèo Ngang bóng xế tà,
Cỏ cây chen đá, lá chen hoa.
Lom khom dưới núi tiều vài chú,
Lác đác bên sông chợ mấy nhà.
Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái da da
Dừng chân đứng lại trời, non, nước.
Một mảnh tình riêng ta với ta".

Cụ đã dịch hai câu 5 và 6 là: Tiếng chim Đỗ Vũ (quyên) nghe quốc quốc và: Chim giá cô (chim đa đa) như đứt ruột nghe gia gia. Hai câu của Cụ bằng Hán Văn suất sắc hơn hai câu Quốc văn của Bà Huyện Thanh Quan nhiều. Vì hai câu 5 và 6 trong bài *Qua Đèo Ngang* dùng chữ chưa được thoát, có vẻ còn lúng túng, lời chưa diễn tả được ý một cách khéo léo, lời hơi vụng.

Bài thơ đó với lời dẫn giải của Cụ làm cho các vị lãnh đạo trong Chính Phủ Đài Loan, hôm đó có mặt Tổng Thống Tưởng Giới Thạch, rất lấy làm hoan hỷ và khen ngợi Phái đoàn Việt Nam. Cụ đã viết bài thơ lên phía sau thực đơn và để lại trên bàn tiệc cho mọi người thưởng thức. Có thể nói, so với tài văn chương của các sứ thần Việt Nam ngày xưa như Mạc Đĩnh Chi, Phùng Khắc Khoan thì Cụ không dám sánh bằng, nhưng bài thơ của Cụ cũng là một giai thoại văn chương trong công tác ngoại giao thời nay vậy.

Cụ có sáng tác bài thơ chữ Hán lấy tên là: *"Quy ý Thánh Giáo Thập Thư"*, gồm mười bài thơ tứ tuyệt và hai bài Nhật tụng (xin xem phần phụ đính). Trên báo Vì Chúa số 138, ngày 24 tháng 9. 1939, Cụ có giới thiệu rằng: *"Bài này có ý viết cho những nhà Nho học muốn học Đạo khi gấp chịu phép rửa tội. Nếu viết ra chữ lớn, để trước mặt kẻ đau liệt cho họ xem nhiều lần và đọc đi đọc lại thì hay lắm..."* Cụ cũng gởi tặng Cụ Phan Bội Châu một bản. Chính Cụ có kể lại rằng Cụ Phan Bội Châu rất hoan hỷ tiếp nhận và cất dưới gối nằm... Hai Cụ Sào Nam và Sảng Đình gặp nhau ở một điểm: là một nhà Nho uyên thâm, đồng thời cũng là một nhà cách mạng. Cụ Phan Bội Châu thì hy sinh cả cuộc đời cho lý tưởng cách mạng chính trị để cứu dân cứu nước; còn Cụ Nguyễn Hy Thích thì làm cách mạng tư tưởng, từ chỗ uyên thâm về Nho học, Cụ đã tìm được Thượng Đế qua các sách Nho. Và Cụ đã tiến thêm một bước cao hơn là tìm thấy Thượng Đế là Đấng Cứu Rỗi cho linh hồn, không phải chỉ để đạt đến một cuộc sống ổn định trong xã hội trần thế, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ theo chủ trương của Khổng Tử mà thôi, mà còn phải đạt đến một cuộc sống vĩnh cửu sau khi chết. Và để đạt được cuộc sống vĩnh cửu đó, Cụ đã tin Chúa, đã trở nên con Chúa, đã tận hiến cuộc đời để phục vụ Chúa, phục vụ Giáo Hội, phục vụ tha nhân...

Như đã nói ở trên, Cụ Sảng Đình là một học giả thông thái, một nhà thơ, nhà văn tài hoa, ngoài ra Cụ còn là một nhạc sĩ, một họa sĩ nữa. Cụ còn để lại những bức tranh hiện còn trưng bày tại Tòa Tổng Giám Mục Huế như chân dung Thánh Gioan Maria Vianney, Thánh Têrêxa Hài Đồng Giê Su, bức họa Từ Mẫu (Mater Misericodiae)... Cụ cũng biết xử dụng nhiều loại nhạc khí Tây phương cũng như Đông Phương (cổ nhạc) như đàn violon, harmonium, đàn cò, đàn tranh, đàn bầu... Cụ thuộc nhiều điệu hát Huế, nhạc cung đình cũng như nhạc dân gian. Nhạc sĩ Phạm Duy đã giới thiệu bài *Cái nhà là nhà của ta* của Cụ Sảng Đình sáng tác cho thiếu nhi và Hướng Đạo gần 70 năm nay, trong chương trình Lịch Sử Nhạc Việt Nam của đài BBC năm 1982.

- **5. Là một nhà hoạt động cho Hướng Đạo Việt Nam và các Phong Trào Thanh Thiếu Nhi nói chung.**

Cụ chẳng những tham gia các Phong trào đó một cách tích cực, nhiệt tình mà còn là Tổng Tuyên Úy Toàn Quốc Ngành Hướng Đạo. Nếu kể về tuổi tác thì Cụ đã sinh hoạt với Phong Trào này lâu nhất, anh em Hướng Đạo Trung, Nam, Bắc đều biết đến Cụ. Cụ đã dự nhiều Trại Họp Bạn Quốc Tế, sáng tác nhạc thiếu nhi, nhạc dành cho Hướng Đạo. Trong sinh hoạt thanh niên, Cụ đã không

quên nêu cao tinh thần văn nghệ lành mạnh. Cụ đã dịch tuồng *Polyeucte* của thi hào Corneille (Pháp) ra tiếng Việt, lấy tên là *Phổ Liệt*, và đứng ra tập cho các chủng sinh Tiểu Chủng Viện An Ninh. Mỗi lần vào lớp dạy học, dù là đang trình bày với sinh viên hay với các em mẫu giáo, Cụ cũng cho nghỉ ít phút để tập hát những bài vui tươi, lành mạnh. Có khi đang giảng về triết lý Khổng Mạnh, đang dạy về sách Đại Học hay Trung Dung, Cụ cũng ngừng lại ít phút, cho học sinh, sinh viên thưởng thức một bài thơ do Cụ sáng tác hoặc dạy một bài hát do Cụ làm ra. Không khí lớp học do Cụ điều khiển rất vui, và học trò ai cũng nhớ mãi. Ngay khi Cụ đã 80 ngoài rồi mà không khí trong các lớp học Cụ hướng dẫn vẫn sôi động như hồi Cụ còn trẻ.

Tâm hồn Cụ đơn sơ, vô tội, đầy chất nghệ sĩ, cao thượng, đó là tâm hồn thấm nhuần nhân đức, thánh thiện. Ở Huế có hai người viết chữ Nho đẹp nổi tiếng là Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích và Cụ Liên Hồ Hồ Đắc Định. Nét chữ của Cụ Liên Hồ thì tài hoa mà đa tình, còn nét chữ của Cụ Sảng Đình thì tài hoa mà trang trọng.

*

Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, Cụ đã gần 84, 85 tuổi rồi, quá già nhưng chưa yếu hẳn. Hoàn cảnh của Cụ lúc đó rất cô đơn; không còn bạn bè, học trò cũng chẳng còn ai lui tới. Tòa Tổng Giám Mục Huế bị bao vây, theo dõi đêm ngày và lại còn bị lục soát, gây căng thẳng cho những bậc tu hành. Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Kim Điền bị Công An mời đến điều tra liên tục hàng tháng. Mỗi ngày, từ 8 giờ, Ngài phải mang cơm nước đến Ty Công An, trả lời những câu hỏi có tính cách tra tấn với mục đích hành hạ tâm lý một nhà chân tu. Cứ thế đến chiều, Ngài mới được cho trở về nhà. Những biến cố đó làm cho Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích thêm đau lòng.

Tuy tuổi già và sống trong hoàn cảnh u sầu như thế, nhưng Cụ vẫn luôn làm việc tông đồ, muốn chia sẻ cho người nghèo khó, muốn kêu gọi những ai muốn chối bỏ Đức Tin, không còn lửa mến Chúa, yêu người hãy trở lại với Chúa. Cụ thường đi đến những người nghèo mà Cụ quen biết, hoặc những bạn già còn sống sót trên đất Thần Kinh. Trong số những người bạn già đó có Cụ Tôn Thất Sa, một họa sĩ danh tiếng, thầy của nhiều họa sĩ ở Huế. Cụ Tôn Thất Sa trong cảnh đời về chiều, nhìn bóng xế mà nghĩ đến ngày cuối đời của mình, đã gặp Cụ Sảng Đình, và qua sự nhắc nhở, khuyến khích của Cụ Sảng Đình, từ một người nguội lạnh, khô khan, đã tìm về với Chúa, tìm lại niềm tin ngày chịu phép rửa tội, Cụ đã đến với Đức Giám Mục xin chịu phép giải tội và được chết lành thánh.

Hai người bạn thân cùng rủ nhau ra đi. Vào tháng 12 năm 1989, một mùa đông rét lạnh kinh khủng ở xứ Huế, Cụ Sảng Đình tuổi già sức yếu, chỉ còn bộ xương nằm trên giường bệnh, hướng về ảnh tượng Thánh Giá, ảnh Đức Mẹ. Trong giờ phút đó, chắc chắn Cụ còn nhớ lời ca mà chính Cụ đã đặt ra, đã hát lên trong thời tuổi trẻ:

"Bao giờ tôi được lên Trời
Ở cùng Đức Mẹ thì tôi phỉ nguyền"

Cụ đã ra đi vào ngày 9 tháng 12 năm 1989, một cách thánh thiện. Trước khi chết, miệng Cụ vẫn còn vui vẻ ca hát.

Một Đấng Thánh đã ra đi! Một Hiền Nhân không còn nữa trên cõi đời này! Nhưng hình ảnh Cụ vẫn còn mãi trong tâm hồn tôi và vẫn còn mãi trong tâm hồn bất cứ ai đã từng thọ giáo với Cụ, đã từng quen biết Cụ. Con cháu của Cụ dù bất đồng tín ngưỡng, vẫn có quyền hãnh diện về Cụ. Bạn hữu, học trò của Cụ ở trong nước cũng như ở hải ngoại có quyền tự hào về người Thầy gương mẫu, đạo đức của mình. Có thể trong anh em chúng tôi, những người đã học với Cụ ở Viện Hán Học, Đại Học Sư Phạm, Đại Học Văn Khoa hay ở các trường Trung Học, Tiểu Học khắp nơi trong nước Việt Nam, nhiều người chưa biết ngày Cụ sinh ra, ngày Cụ qua đời, chưa biết đến phần mộ của Cụ hiện nay được an táng ở đâu. Vì thế chúng tôi viết bài này, cũng là để cho mọi người, bất cứ ai còn nhớ đến Cụ, được biết đôi nét về thân thế Cụ, sự nghiệp của Cụ và để vinh danh một học giả lỗi lạc, một nghệ

sĩ tài hoa, một bậc chân tu, một người Thầy đáng kính: Một Hiền Nhân Của Thời Đại. Chúng tôi cũng xin cảm ơn những người đã viết về Cụ, đã nói về Cụ qua báo chí, sách vở, trong đó có:

— Phòng lưu trữ hồ sơ của tòa Tổng Giám Mục Huế.

— Linh Mục Aldolphe Delvaux.

— Linh Mục Gioan Võ Văn Hoàng.

— Đức Tổng Giám Mục Nguyễn Văn Thuận.

— Linh Mục Giu Se Nguyễn Văn Hội.

— Giáo Sư Lê Ngọc Bích.

— Giáo Sư Võ Long Tê.

cùng tất cả anh em bà con của Cụ Sảng Đình đã giúp chúng tôi những sự hiểu biết tối thiểu để viết bài này.

Nếu sau này chúng ta có dịp về Huế, chúng ta sẽ tìm đến thăm Cụ tại nghĩa trang núi Thiên Thai Huế, nơi mà sau Tết Mậu Thân 1968, chúng tôi đã gặp Cụ đi đưa đám những nạn nhân Cộng sản bị giết tập thể tại Huế. Đây cũng là duyên tiền định, bởi vì trước đó, Cụ được an táng tại Phủ Cam (nghĩa trang của các Linh Mục Dòng Chúa Cứu Thế Huế, sau đó Chính quyền Cộng Sản muốn lấy chỗ đất này để xây dựng cơ quan hành chánh của họ, nên đã ra lệnh giải tỏa nghĩa trang đó. Và thế là Cụ được dời lên núi Thiên Thai, phía sau núi Ngự Bình. Cụ vốn là người vóc hạc cốt tiên thì nơi an nghỉ cuối cùng của Cụ là Núi Tiên Thai có lẽ cũng phù hợp với con người tiên, thánh, siêu phàm của Cụ.

Cuối cùng, chúng tôi xin gửi đến những người trong gia đình, con cháu Cụ Sảng Đình hiện đang ở trong Nước cũng như Hải Ngoại, lời thăm hỏi và cầu mong Quý Vị chỉ giáo, bổ túc cho những điều sai lầm nếu có về những liên hệ gia đình của Cụ trong bài này.

Viết tại Orange County, California, USA, nhân ngày sinh nhật thứ 103 của Thầy: 22 tháng 9 năm 1994.

Học trò cũ:
G.S Nguyễn Lý Tưởng.

Phụ Đính:

Tập Quy Y Thánh Giáo Thập Thư của Cụ Sảng Đình Nguyễn Hy Thích bằng Hán Văn được phiên âm như sau:

Bài 1.- Duy nhất Thiên Chúa hữu tam
Thánh Phụ, Thánh Tử, Thánh Thần Thị
Sanh thành vạn vật tế càn khôn.
Toàn trí, toàn năng, toàn thiện mỹ.

Bài 2.- Thánh Tử giáng sinh danh Gia tô (Giê su),
Lập nhơn, lập đức, tắc nhơn mô,
Hy sinh nhân thể cứu nhơn thế,
Khổ hình thập giá khai hồng đồ.

Bài 3.- Gia tô phục hoạt thăng thiên hậu,
Thánh Thần giáng lâm lập thánh giáo.
Nhứt thời thập nhị thánh Tông đồ,
Hảo khứ giảng truyền Phúc âm đạo.

Bài 4.- Tín duy nhơn vị vạn vật linh,
Thể nhục tuy tử, hồn trường sinh.
Đản vi nguyên tổ vi Chúa lệnh,
Vạn phương hữu tội thử kỷ mệnh.

Bài 5.- Thiên Chúa chí công tất trừng ác,
Diệc duy chí từ bất nhẫn phạt
Xá chi như hà đắc chí ân,
Duy bằng Thánh Tử hy sinh tác.

Bài 6.- Ta! Ta! ngô nhơn dục cứu linh,
Nhất tâm tín ngưỡng dốc chân thành.
Thánh hội nhập môn tiên Thánh tẩy.
Cánh vô biệt lộ đáo chân sinh.

Bài 7.- Thánh giáo tín quy hữu thập nhị,
Tâm trí bất cảm sinh dung dị.
Mục bất đổ hề ly nan tham
Chúa mặc khải hề tu túc dĩ.

Bài 8.- Thánh Giáo quy y thập giới thiên,
Điều điều tu tỉnh tối tinh tuyền.
Thánh thiện điển huấn tuy thiên vạn
Ái Chúa, ái nhơn yếu lưỡng đoan.

Bài 9.- Y! Thiên sinh dân tất hữu chủ,
Gia tô đích ngã chân sanh lộ

Tin chi, ngưỡng chi, ái đải chi,
Vấn thùy năng xuất bất do hộ.

Bài 10.- Gia tô Công Giáo đích chân truyền,
Tinh nhất nguyên đầu xuất tự thiên
Nam, Bắc, Đông, Tây vô bất phục,
Giáo hoàng thọ thọ ức thiên thiên.

TỤNG VIẾT:
Gia tô Chúa hề do ngã chi liên
Duy ngã túc trái hề tẩy ngã tiên khiên
Tín nhữ, ái nhữ hề ngã tâm lưu liên
Vọng nhữ hồng ân hề, chiêm nhữ trùng thiên
Gia tô Thánh mẫu hề ngã tâm thương bi,
Ngã tuy đa tội hề duy nhữ thị y.
Bảo ngã kim sinh hề, hộ ngã tử kỳ,
Lai sinh vinh phúc hề, nguyện dữ nhữ đồng quy

Dịch Nghĩa:

MƯỜI BÀI QUY Y ĐẠO CHÚA

1.- Đức Chúa Trời chỉ có một mà Ngài có ba Ngôi,
Là Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần.
Ngài dựng nên muôn vật, cai trị cả trời đất,
Ngài soi thấu suốt và làm nên mọi sự toàn thiện toàn mỹ.

2.- Đức Chúa Con giáng sinh tên là Giê Su,
Giảng dạy, lập công đức, thành gương mẫu cho loài người.
Hy sinh thân thể cứu người đời.
Chịu khổ hình trên thập giá, lập nên cơ nghiệp lớn (là Giáo Hội)

3.- Đức Chúa Giê su sống lại, sau đó lên trời,
Chúa Thánh Thần hiện xuống (mà) lập Hội Thánh.
Lúc đó mười hai Thánh Tông Đồ,
Đi khắp xứ giảng truyền Đạo Phúc Ấm.

4.- Chỉ con người là loài thiêng liêng trong vạn vật
Thể xác tuy chết, nhưng hồn hằng sống.
Vì nguyên tổ trái lệnh Chúa
Nên muôn đời mắc tội, ấy là tội lỗi thế gian.

5.- Thiên Chúa chí công ắt trừng trị sự ác,
Nhưng lại chí từ không nỡ phạt
Tha tội thế nào cho được chí ân?
Chỉ nhờ Chúa con hy sinh mà được.

6.- Ôi! Chúng ta muốn cứu linh hồn.
Phải dốc một lòng tin cậy thành thật.
Muốn vào cửa Hội Thánh có mười hai điều phải tin,
Lòng nắm giữ không dám ơ hờ
Con mắt dầu thấy, trí khôn dầu không hiểu,
Nhưng Chúa đã tỏ cho biết thì đã đủ rồi.

8.- Đạo Thánh phải giữ mười điều răn
Mỗi điều dạy tu đức rõ ràng trọn vẹn
Dầu các Thánh dạy muôn ngàn lời,
Nhưng mến Chúa, yêu người là hai điều chính yếu.

9.- Ôi! Người sinh ra ở đất ắt phải có chủ,
(mà) Giê Su chính là con đường sống thật của ta.
Ta tin, ta ngưỡng mộ, ta yêu mến Ngài.
Hỏi có ai mà không bởi Ngài mà ra.

10.- Đạo Công Giáo của Giê Su (là Đạo) lập và truyền chân thật,
Tinh túy như nguồn nước từ trời xuống.
Nam, Bắc, Đông, Tây đâu đâu cũng phục,
Các Giáo Hoàng trao lại và nhận lấy (cứ thế) mãi mãi muôn đời.

KINH ĐỌC HẰNG NGÀY:

Giêsu Thiên Chúa xin thương xót tôi,
Xin tha nợ xưa, xin rửa lỗi cũ của tôi.
Tin Chúa, yêu Chúa lòng tôi luôn ghi nhớ
Trông đợi hồng ân chiêm ngưỡng Chúa trên trời.
Lạy Mẹ Thánh của Giê su lòng tôi đau đớn
Con dù nhiều tội, con chỉ nương nhờ Mẹ
Xin giữ con sống, giúp con khi chết,
Ngày sau nơi vinh phước, nguyện xin được về cùng Mẹ

(Trích từ bài "Văn Học Công Giáo" của Võ Long Tê, báo Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp, số 10 bộ mới, tháng 3, 1970).

Nhớ Cố Đô Huế

Thơ

Ngược lại thời gian dạ ngẩn ngơ!
Xiết bao luyến tiếc cảnh lu mờ!
Áo xiêm phai nhạt màu son phấn
Xe ngựa xưa đâu luống thẩn thờ!

Nhớ phen dạo bước kinh thành cũ,
Tràng Tiền vương vấn gót chân ai?
Hương Giang in bóng Chùa Thiên Mụ
Nguyễn Du văng vẳng giọng thân hoài

Ước được đến thăm nơi Đỉnh Ngự
Viếng mồ Tiểu Muội dưới thông xanh
Việt Mỹ đôi bờ hiu hắt nhớ
Tâm tư khắc khoải mối tơ mành!

Điệu hát Nam Ai sầu gợn sóng
Khoang thuyền trăng dọi bóng Liêu Trai
Có người lữ khách mơ tiền kiếp
Yêu nàng thục nữ tóc ngang vai.

Đâu bóng Thùy Dương thành quách cũ!
Đâu màu áo lục Đế Đô xưa?
Sóng xô một buổi tàn khuê các
Khói dậy vài phen nát liễu bồ!

Xa thẳm chân trời ta nhớ mài,
Một mùa Đông nữa lá vàng phai
Bao giờ trở lại phương trời cũ?
Cố đô cách trở tháng năm dài!

Xuân Áng.

HẢI-VÂN QUAN

Nguyễn Vĩnh-Tráng

Ngoài đại đa số nhân dân Thừa Thiên, Huế, kể cả những người ngoài Bắv hay trong Nam, hễ đặt chân lên đất Thần kinh, hầu hết đều nghe nói đến: "đèo Hải-Vân". Hải-Vân đã gợi cho mọi người một thanh âm mơ mộng, một xa xăm huyền bí, một rừng núi hoang vu... Sở dĩ được mang tên mây biển (Hải-Vân) vì dãy đèo này chạy dài theo ven biển, cách mặt biển ở mức độ khá cao, cho nên quanh năm luôn luôn có mây mù bao phủ. Hải-Vân còn hình dung trong đầu óc mọi người một địa thế hiểm trở, một căn cứ trọng yếu.

Đèo Hải-Vân nằm tại trung tâm lãnh thổ quốc gia, mà danh xưng lại gắn liền với danh từ quan ải, sau khi trên ngọn đèo hiểm trở này được xây cất một ải quan. Cửa biên phòng có đồn lũy, có thú binh để kiểm soát giao thông, kể từ niên hiệu Minh Mạng thứ bảy (1826). Thuở ấy dân chúng qua lại trên đèo gọi tên là Ải-Vân, thế cho Hải- Vân. Danh xưng này được tự nhiên thay đổi như vậy, phải chăng vì dân chúng cảm thông nỗi khó nhọc của binh sĩ đồn trú tại chốn hiểm nghèo, hiu quạnh, mây mù giăng phủ?

"Chiều chiều mây phủ Ải-Vân,
Chim kêu ghềnh đá, gẫm thân thêm buồn..."

Vài câu ca dao xuất xứ từ thời gian ấy nói lên cảnh tượng đời sống quân nhân tại cửa ải này chăng? Và từ đó họa đồ địa điểm đèo Hải-Vân, thường ghi chú là Ải-Vân.

Bắt đầu vào những năm 50, Huế với Đà Nẵng đã có những chuyến xe hàng ngày nối liền hai tỉnh lỵ. Xe cũ, đường xá chưa được toàn diện sửa sang, ngòng nghèo, chật hẹp, hiểm trở. Những chuyến xe đi lại rất vất vả, vì thế tai nạn xe hơi xảy ra rất nhiều tại đoạn đường ấy. Lời đồn về di chuyển khó khăn, đầy nguy nan của hành khách làm cho ta có cảm giác băng qua đèo Hải-Vân là một cuộc leo đèo, lội suối cực kỳ gian khổ. Sự di chuyển đó đã tự nhiên thành một huyền thoại trong tâm khảm một số người miền Trung.

Từ Huế vào Đà Nẵng, sau khi leo dốc Đá Bạc, Cầu Hai (Cao Đôi), phải vượt ba đèo Phước Tượng, Phú Gia, Hải-Vân. Từ Đá Bạc đến chân đèo Hải-Vân, thời ấy đường xá tuy đã sửa sang, nhưng nhiều đoạn bị chiến tranh tàn phá. Đường vẫn chật hẹp, khúc khuỷu nhưng lại tương đối ngắn, từ 1 đến 4 cây số, và thấp, từ 100m đến 200m. Duy chỉ có đèo Hải-Vân là dài và cao hơn cả. Dốc rất đứng, đường rất ngòng nghèo, lại sát những hố sâu thăm thẳm, và nhiều chặng bị sụp đổ vì chiến tranh hay vì thiếu sự chăm sóc.

Chính thức, đèo Hải-Vân dài 12 cây số. Nhưng trên thực tế, đèo bắt đầu từ làng Lăng-Cô (An-Cư) đến làng Liên-Chiểu, dài độ 18 cây số. Từ Lăng-Cô lên đến đỉnh đèo có độ 9 cây số rưỡi, từ đỉnh đèo xuống đến Liên-Chiểu độ 8 cây rưỡi. Đỉnh đèo cao độ 500m (496m theo bản đồ của Nha Địa Dư Đà Lạt). Thành thử trong những năm 60, để tránh sự hai xe đi ngược chiều, chạm mặt với nhau trên một con đèo quá hẹp, những nhà hữu trách đã

ra lệnh cho các đoàn xe từ Huế vào Đà-Nẵng và từ Đà-Nẵng ra Huế phải đợi ở hai trạm Lăng-Cô và Liên-Chiểu. Rồi đúng giờ, hai đoàn xe đó cùng tiến lên đèo một lúc. Những chiếc xe đầu lên đến đỉnh đèo phải chờ tại đó cho chiếc xe cuối cùng của hai bên lên đến tận nơi mới cùng một lượt xuống đèo. Thời gian chiếc xe đầu lên đèo cho đến lúc chiếc cuối của đoàn xe xuống hết đèo là một giờ. Tuy có mất thì giờ, nhưng sự vận chuyển lại được an toàn nhiều hơn.

Tôi còn nhớ vào thời ấy, trong những chuyến đi Đà-Nẵng, nếu ngồi được phía hông xe bên trái sẽ thấy được trong mây mù một cửa ải đầy rêu đen. Lên đến đỉnh đèo để đợi những chiếc xe cuối cùng, ta có thể xuống xe để cho giãn gân cốt, để nghỉ vì say sóng trên chiếc xe đò chật hẹp hay để giải khát ở những quán chung quanh. Sau một buổi tù túng ngồi trên xe, những đám mây xám lạnh, từ biển ùn ụt tiến vào, tạt vào mặt làm cho hành khách tỉnh táo, phấn khởi tinh thần trước cảnh hoang vu có tính chất thần thoại của con đèo bí hiểm đó. Đứng ở quán nước, ta thấy rõ đỉnh của cửa ải, cách đó độ 60m. Mây gió luồn vào quan ải ngùn ngụt, tạo nên một vẻ hùng vĩ của nơi biên trấn. Có lần làm bạo, tôi xin các quân nhân ở đó, cho phép lại gần xem, vì nơi đây là một căn cứ quân sự có nhiệm vụ kiểm soát giao thông. Đến được gần 30m ở phía bên ngoài hàng rào thép gai, đứng trên một mỏm đá ta có thể thấy được cửa ải một cách rõ ràng, và ngay cả mấy chữ Hán cũng nhận được lờ mờ trên đầu nó. Vì tò mò, lại không biết chữ Hán, tôi hỏi các quân nhân ý nghĩa của mấy chữ đó, thì họ cho biết là họ cũng không được rành, có lẽ đó là tên cửa như tên Đông-Ba (Đông-Bắc), Quảng-Đức của các cửa thành ở Huế. Tôi cầu mong được một cụ lão bối dịch cho, và kể cho một đôi chút về sự tích cửa ải, nhưng vì thời gian quá eo hẹp nên tìm không ra. Về đến nhà muốn học hỏi các cụ uyên bác, hiểu nhiều biết rộng về các di tích lịch sử, nhưng cơ hội chưa cho phép, thành thử sự ước ao tìm học đó chưa được thỏa mãn như mong muốn.

Thế rồi du học, thế rồi bị "kẹt" tại xứ người... thế rồi trong những hôm rảnh rỗi, tôi có dịp đọc một vài tập san của hội Đô Thành Khảo Cổ Xã (1) và một vài cuốn như Đại Nam Thực Lục Chính Biên (2) có nói về Huế, về đèo Hải-Vân. đọc những trang giấy đó làm tôi nhớ Huế, nhớ những chuyến qua ải, xuyên đèo nhớ lại những hình ảnh hùng vĩ cửa quan... Những tài liệu trong mấy cuốn đó cho tôi những chỉ dẫn quý báu, khá chính xác về quan ải. Có lần tôi có trình bày những tài liệu đó với giáo sư Tùng-Chi Võ Như Nguyện, một nhà nho uyên bác, một nhà văn, nhà báo có danh, thì được giáo sư khuyến khích nên góp nhặt lại để đăng tải trên một tập san, hầu góp một phần nào, trên đất lạ xứ người, trong công cuộc phổ biến lịch sử của một vài di tích của đất Thần kinh, gần năm trăm năm văn vật.

Hè năm 1994 tôi có dịp sang California, tình cờ được gặp lại Bác sĩ Võ Văn Tùng. Bác sĩ Tùng chẳng những là bà con của tôi, mà còn là bạn đồng môn, đồng nghiệp với ông anh ruột tôi. Trong buổi hàn huyên nhắc đến Huế, tôi có đề cập đến bài này, thì Bác sĩ Tùng đã đề nghị đưa bài này lên tập san "Nhớ Huế". Cũng vì thế, tôi đã mạnh dạn gởi đến tòa báo tập giấy này.

*

Theo tài liệu cũ, quan ải được xây cất dưới triều Minh Mạng. Trước đó cho đến triều Gia Long, nơi đây chỉ là một cái trạm nhỏ gồm một vài mái nhà tranh, làm nơi tạm trú cho hành khách, thương gia qua đường hay cho các phu trạm thay ngựa nghỉ chân. Đường đèo chỉ là một con đường mòn dùng để di chuyển sơ biểu, chiếu sắc hay dùng cho dân chúng cận vùng trao đổi hàng hóa giữa các làng nằm hai bên chân núi. Vì hầu hết sự giao thông, trên lãnh vực kinh tế, đều bằng đường biển.

Tuy cũng có những cuộc hành quân lớn băng qua đoạn đèo này, nhưng chỉ có tính cách nhất thời. Trong những cơ hội đó, con đèo được nới rộng ra để cho các đoàn binh, các công xa, khí cụ được vận chuyển một cách dễ dàng,

nhưng sau những cuộc hành quân đó, núi rừng đã lặng lẽ thâu lại con đường và biến ngọn đèo thành một giải đường mòn hiểm trở.

Mãi đến dưới triều Gia Long, vì sự giao thông với các doanh trấn miền Nam càng ngày càng phát triển, nên đường đèo được khai rộng ra, được chăm sóc tu bổ đều đặn. Bây giờ trạm mới được xây bằng gạch và có tên là Nam Hoa. Chính tại trạm này đến triều Minh Mạng, quan ải mới được xây cất.

Ải có hai cửa chính: (Xem hoành đồ sơ họa đính kèm)

Một cửa (A) xây mặt về phía chính đông, ở cao độ 600m, mở đầu cho con đường đi đến Huế. Cửa cao 15 thước (6,00m), chiều ngang 11 thước (4,40m) và bề dầy 18 thước 1 tấc (7,24m), không có lầu xây bằng gạch bát tràng như những cửa của Kinh thành Huế. Trên đầu cửa có khắc nổi, bằng chữ Hán, theo hàng ngang, ba chữ **Hải-Vân Quan** - Cửa ải Hải-Vân - thật lớn và phía bên phải của ba chữ ấy, theo hàng dọc, có bảy chữ tương đối nhỏ hơn, *MINH MẠNG THẤT NIÊN NHẬT TẠO* - xây cất trong một ngày lành năm Minh Mạng thứ bảy.

明命柒年吉日造

關雄一第下天

Cách đó độ 50m, một cái cửa thứ hai (B), xoay mặt về phía chính Nam. Kiến trúc giống hệt như cửa trước, ở cao độ 575m, cao 15 thước và dày 17 thước 1 tấc (6,84m). Trên đầu cửa cũng chạm nổi bằng chữ Hán, sáu chữ to theo hàng ngang, THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT HÙNG QUAN. Dưới bầu trời này, đây là cửa ải kiên cố và uy thế nhất - (Hai chữ Thiên hạ còn có nghĩa là trên một nước này, trên trái đất này hoặc trên hoàn vũ này), và cũng như cửa trước có bảy chữ nhỏ theo hàng dọc, MINH MẠNG THẤT NIÊN CÁT NHẬT TẠO.

Lưng hông bên trái của cửa (A) và lưng hông bên phải của cửa (B) được nối liền bằng một bức thành cánh cung, cao độ 5m, dày độ 1,50m và dài chừng 70m. Một bức thành tương tựa như trên kẹp sát hai hông của cửa (A), phía bên trái dài độ 11m, phía bên phải dài độ 24m, một bức khác cùng bề cao với hai bức trên nhưng dầy hơn, vào khoảng 2m, đi từ hông trái cửa (B) đến quá đầu (F) bức thành bên phải cửa (A) và gắn liền vuông góc với cửa ấy, dài độ 42m. Trên đây có đặt ba khẩu thần công lớn bằng sắt (H,I,J). Hông phải của cửa (B) được nối liền bởi hai bức thành hướng chênh chếch về phía Tây Nam, song song với nhau và cũng cùng một bề cao với các bức thành trước. Bức thành ngoài dài độ 74m và có bề dầy độ 2m. Bức thành trong chỉ dầy độ 1,50m và dài độ 55m. Trên hai bức thành đó có đặt ba khẩu thần công lớn (K,I,M), tương tựa như ba khẩu trên nhưng bằng đồng. Trên lưng của sáu khẩu thần công đó đều được khắc năm chữ**MINH MẠNG THẤT NIÊN CHÚ** - được đúc vào năm Minh Mạng thứ bảy (3).

Thành bên trái cửa (B) nối hông trái cửa này với sườn núi Bắc Hải- Vân (G) ở cao độ 700m và cách đỉnh núi Bắc Hải-Vân, có cao độ 900m, theo đường chim bay vào khoảng 20m. Thành bên phải cửa nối hông phải cửa với sườn núi Nam Hải-Vân (P), ở cao độ 575m, và cách đỉnh núi Nam Hải-Vân, có cao độ 1,100m theo đường

明命柒年吉日造

關雲海

chim bay, chừng 30m. Phía ngoài hai bức thành đó trừ một khoảng khá rộng trước mặt cửa, thì toàn bụi bờ cây cối chằng chịt, đá sỏi nhấp nhô, hết sức là hiểm trở.

Ở trong cửa ải, có một tòa nhà lớn (D) cho quan "Phòng Thủ Viên" và một đội lính giãn 50 người trú ngụ. Phía sau tòa nhà đó và được ngăn cách bởi một bức tường, có một tòa nhà nhỏ hơn (E) dùng để lưu trữ đạn dược cùng những khí cụ linh tinh khác. Xung quanh hai tòa nhà đó, có một bức thành bao quanh (AQB), đi từ lưng trái cửa (A) đến hông phải cửa (B). Ngoài ra cách cửa (B) độ 5m về phía Bắc, có một cửa hậu nhỏ (C) đưa ra một cái sân rộng bằng phẳng.

Chính con đường quan lộ nối liền doanh Quảng Đức và doanh Quảng Nam, sau này được đổi thành tỉnh Thừa Thiên và tỉnh Quảng Nam, đã xuyên qua hai cửa (A) và (B) đó. Mãi đến thời Pháp thuộc (dưới triều Thành Thái) người ta mới cho triệt hạ một đoạn thành (NP) ở cuối bức thành bên phải cửa (B) chừng 20m để dời đường quan lộ này xuống ở cao độ 500m, và đến lúc đó đường quan lộ mới không đi xuyên qua cửa ải nữa. Ngày nay đường quốc lộ số 1 cũng đi qua điểm đó.

Như ta thấy trên, ở thời đó, đồn ải này chẳng những là một bức lũy kiên cố mà còn là một căn cứ quân sự hữu hiệu trấn giữ đất Thần kinh.

*

Nói đến quan ải là nói đến một đồn lũy ở biên cương. Ải Hải-Vân lại nằm trọn trong địa phận của đất nước, thì thật tình ra THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT HÙNG QUAN không phải để giữ gìn biên giới, lãnh thổ. Nói ải để giữ cương thổ đất kinh đô, như thế cũng là quá đáng. Chúng ta còn lạ gì, ngay từ lúc Chúa Nguyễn Hoàng được bổ nhiệm trấn thủ đất Thuận Hóa, đã sai con là Chúa Nguyễn Phúc Nguyên vào trấn đất Quảng Nam. Đến khi đức Gia Long thống nhất đất nước từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mâu, Quảng Nam là một trong bốn doanh của đất kinh kỳ (4). Nếu quả thật đất Quảng thuộc vào tay người, cần phải có ải Hải-Vân để trấn giữ đất Thần kinh thì không chỉ một cửa ải Hải-Vân mà cả mấy cửa ải đi nữa cũng không bảo vệ toàn vẹn mảnh đất Phú Xuân nhỏ hẹp kém phì nhiêu này. Thủ phủ và kinh đô sống được là nhờ sự cung cấp của các doanh trấn phía nam đèo Hải-Vân hay của cả toàn nước. Cũng vì thế mà trước triều Minh Mạng, các Chúa và đức Gia Long không xây quan ải tại đây.

Có chăng là thời bấy giờ dưới triều Minh Mạng, đất nước ta hùng mạnh nhất, rộng lớn nhất trong lịch sử Việt Nam. Phía Tây Bắc có đất Trấn-Ninh, phía Tây Nam có đất Tây Thành. Nước ta đã thâu trọn cả miền nam, hai quốc vương Lào và Cao Mên đều phải thần cống. Cho nên, có lẽ để làm tăng uy danh kinh đô của một nước "Đại Nam", đức Minh Mạng đã cho xây cất quan ải, để phía bắc kinh thành đã có lũy Trường Dực thì phía nam phải có ải Hải-Vân. Tượng trưng giữ gìn kính cẩn kinh đô để tỏ ra quyết liệt bảo vệ đất nước. Nhưng dầu sao HẢI VÂN QUAN cũng đã gắn liền với thành trì, lăng tẩm, với rừng núi, biển sông của đất Thần kinh thì quan ải là mảnh hồn thiêng của chốn kinh kỳ muôn màu, muôn vẻ.

Năm 1984, sau gần một phần tư thế kỷ xa quê hương, tôi được về thăm Huế. Lúc bấy giờ hàng không Việt Nam chưa đủ phương tiện nối lại đường bay Huế- Sàigòn. Máy bay chỉ đến được Đà Nẵng, rồi từ đó tôi phải lấy xe đò đi Huế. Đường đèo bây giờ đã được khai rộng ra và đã được tráng nhựa dày, xe cộ qua lại tương đối được an toàn, nên không có những chuyện đợi chờ như lúc trước. Tôi đã dành được chỗ ngồi gần cửa xe để mong nhìn lại cửa ải. Nhưng trên lúc đi đường, bác tài lại lấy thêm hành khách, nên tôi bị kẹt cứng ở giữa xe, không thể nào ngắm được cảnh đồng quê trìu mến. Vả lại cũng vì đường xá đã được sửa đổi lại tân tiến hơn, nên quan cảnh đối với tôi xa lạ quá, làm tôi không đoán biết được lúc nào mới đến đỉnh đèo, thành ra trong chuyến đi đó tôi không nhận thấy được ải quan.

Quan ải còn đó không, hay đã bị chiến tranh hoặc thời gian phá hủy? Những tâm trạng éo le, ngao ngán, hồi

Hai cửa ải của đèo Hải Vân

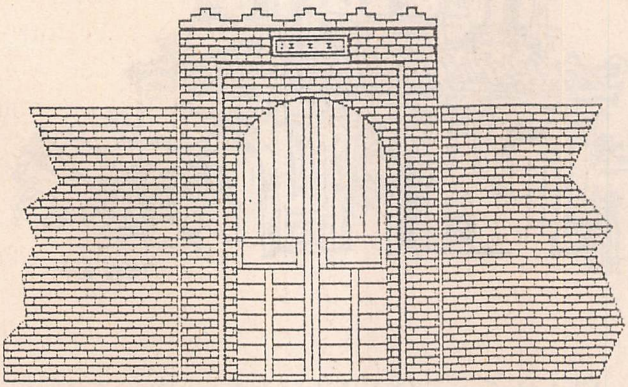

Mặt trước của cửa ải ở phía Bắc

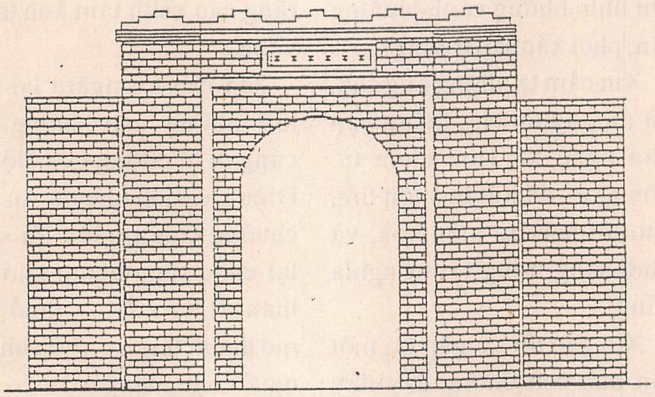

Mặt trước của cửa ải ở phía Nam

hộp, thương cảm, mong chờ của một kẻ tha phương thấy lại cảnh quê hương điêu tàn, đổ nát, đang rứt rỉa tâm hồn tôi. Không thấy được quan ải, làm tôi lại thổn thức thêm. Tôi thầm cầu mong ải quan vẫn còn đó và còn mãi mãi với đất nước non sông...

Ước gì say này nhà nước có cơ hội, tái thiết lại **THIÊN HẠ ĐỆ NHẤT HÙNG QUAN** để cho hậu thế có dịp chiêm ngưỡng, nhớ mãi một di tích lịch sử, một công trình kiến trúc khéo léo, hùng vĩ của ông cha đã dày công để lại cho con cháu.

Để kỷ niệm
ngày "Nhớ Huế"
28 tháng 8 năm 1994
tại miền nam California.

○ **Nguyễn Vĩnh-Tráng**

Chú thích:

(1) Bulletin des Amis du Vieux Huế, năm 1920 và 1921. Viết bằng tiếng Pháp.

(2) Đại Nam Thực Lục Chính Biên, tập XXII và XXXVIII. Nhà xuất bản Khoa Học Xã Hội Hà Nội ấn hành bằng tiếng Việt. 1978.

(3) Phần chữ Hán tôi đã dùng cuốn Hán-Việt Từ Điển của Đào Duy Anh. Trường Thi Sàigòn. 1957.

(4) Bốn doanh của đất kinh kỳ là Quảng Bình doanh, Quảng Trị doanh, Trực-Lệ Quảng-Đức doanh và Quảng Nam doanh. Còn các tỉnh khác đều là trấn hết, như Nghệ An trấn, Quảng Nghĩa trấn, Cao Bằng trấn, Hà Tiên trấn, v.v...

Lời trần tình với Huế

Lê Nguyễn

Xin cảm tạ Huế đã cho tôi được sống bằng những chuỗi ngày lây lất vinh nhục đầu đời! Cảm tạ Huế, dù có lúc chỉ mỗi ngày một buổi ghé thăm Quán cơm Xã hội — ngay trên con lộ chính của thành phố, với sáu đồng, phần ăn đạm bạc qua bữa! Xin được nhớ Huế qua nhiều đêm thức trắng vật lộn với những trang văn — may mắn lắm mới được báo "Công Dân" chiếu cố — lãnh ra, chỉ vừa đủ vài cốc cà phê đắng ngây như nếp đời nghèo khó, thanh bần, bên mấy điếu Rubi lẻ, ngồi quán Lạc Sơn ngắm dòng suối người đủ nhân dáng, dửng dưng đi qua — để phiền muộn tâm thân càng xoáy mạnh vào hồn.

Xin được nhớ Huế qua ký ức về những cuộc tình thật đẹp đã mất, đã chết từ khuya xa. Nhớ Huế qua hình ảnh những chồng bánh bèo buổi chiều xuống núi, thật ngon! Huế của chén cháo gạo đỏ tôm rim, của tô cơm Hến bên Cồn qua phố buổi sáng. Ôi, đạm bạc đến dường nào - sao đậm đà hương vị xứ sở?! Nhớ Huế thời ướm chán ghét sách vở, học đường mà vẫn cố chen chân vào lớp học, để phải ngậm ngùi luyến nhớ — khi nhìn những cánh phượng tàn, phơi xác sân trường!

Xin cảm tạ những ông cha, bà mẹ, người chị, thằng bạn văn nghệ xứ Huế nhân từ, đôn hậu - đã kết hoa lên tim, cho tôi hơi ấm hiền hòa, và khơi sáng trong tôi từ nghĩa sống!

Xin cho tôi về gặp lại một lần bao con đường dẫy đầy kỷ niệm: Hột mát, Hàng me, Ô hồ, Lục bộ... Những con đường dẫn về Hương Cần mùa quýt, lên Nguyệt Biều mùa thơm, xuống Mỹ Lợi mùa mía. Con đường khuya đưa sang quán Cơm Âm Phủ, nghe thật... rợn người, mà quá chừng ấm cúng, ước mơ. Để khách viếng Huế được ấm lòng, ngon miệng — trước khi thả thuyền ra sông Hương, hay bách bộ về thăm thôn Vỹ quê tôi — nhìn mấy rặng cau xanh tắm ánh trăng vàng.

Xin cho tôi ngắm lại một lần những con đường ấm cúng đi từ đường Gia Hội — Diệu Đế kinh khuya, An Lạc chuông chiều, giúp tôi sống lại cuộc sống kham khó mà thân ái xa xưa — thuở hoa mơ thánh thiện — bên những người bạn mang màu áo lam chiều dưới ngôi cổ tự, ôm ấp hàng trăm trái tim mang màu

đạo lý. Đáng yêu quá đi thôi, những vòng dây thân ái, buổi cơm chay trong lành dưới trời xanh mây trắng.

Xin cho tôi cơ duyên trở lại quê cha cùng khổ này một lần, để sống một ngày cuối tuần ý nghĩa, hòa mình dưới lớp áo sờn vai — cả một đoàn người, gái trai, già trẻ, thợ thuyền, sinh viên — giữa trưa hè, hay sáng sớm mưa đông xứ Huế, gò lưng trên yên xe — theo sau một vị chân tu: "Bác Siêu Từ Thiện", len vào tận những thôn ấp ngoại thành khó nghèo, bệnh tật — vỗ về, ủy lạo bao người xấu số bằng tấm lòng thành, với chút quà mọn quyên góp từ bao tấm lòng vàng!

Một lần, chỉ một lần thôi, trước giờ xuôi tay nhắm mắt — xin cho tôi được trở về nhìn lại chiếc cầu sơn màu trắng sữa — Trường Tiền, mỗi ngày vẫn đưa tôi lên ga, xuống phố. Cầu oằn mình nằm xuống như chiếc lưng trần dưới vết chém, như bao tảng băng phủ lên bao mồ huyệt lạnh... Cầu ơi, mùa xuân Huế ơi — nào tội tình gì?!

Này chị, này em - hỡi thù, hỡi bạn! Hãy trả lời cho tôi, hãy trả lời hộ tôi, giữa đêm xuân an lành ấy của đất trời, Huế tội tình gì?! Để vạn kiếp cháu con nhắc lại, muôn đời còn kinh khiếp? Lịch sử ngày mai, ai sẽ lý giải sao đây, trước trơ trơ chứng tích? Ai dám bạo gan, mạnh phổi khuyên chị, khuyên em tôi vơi nguôi suối lệ mùa xuân, khi trên vạn giải khăn sô đã ngấm máu hận hờn?

Xin tất cả hãy cùng tôi, đi chung chuyến tầu đời một lần về đây, vùng đất Ba Đồn khổ hận này — bên nhau, chúng ta cùng thầm nguyện, để lưng mẹ Huế thôi còng, mắt mẹ Huế thôi mưa. Hãy cùng nhau gối đầu lên nghĩa trang buồn lạnh, đau sầu dâng ngập tang tóc này một chiều, một đêm — để nghe tiếng lịm nghẹn của những hàng dương cao, như hòa cảm chân thiết với bao vành khăn trắng, trên những mái tóc thề, biết lặng sầu từ thuở ấy! Để mai đây trên chuyến viễn trình, đừng còn ai nhân danh chiến tranh, chủ nghĩa — bóp chết đời sống thầm lặng an bằng của người dân xứ Huế quê tôi, vốn hiền hòa, nhân ái! Cho tôi, giúp chúng tôi những lần trở lại thăm Huế, thanh thản phút giây nhìn sông, ngắm núi — vục đầu vào vòng tay khẳng khiu mà từ ái vô lượng của mẹ Huế hằng đời !!!

○ **Lê Nguyễn**
Florida

ngày nhớ huế

"Không ngủ được không mần răng ngủ được"
Vì ngày mai "Ngày Nhớ Huế", quê ta
Mà đêm nay tui tuổi đã về già,
Còn chi nữa nếu không còn bạn cũ,
Hằng năm tới chung vui ngày đoàn tụ
Với bạn bè tình nghĩa cũ năm xưa?
Còn chi nữa nếu mất tình yêu Huế
Thì còn chi hoài niệm cảnh hương xưa,
Làm ấm lại con tim nơi Hải Ngoại?...

LA - Y

CƠM HẾN Huế

Trần Kiêm Đoàn

Cái thuở ban đầu "cơm hến" nớ...

Cơm Hến Huế cũng giống như tình cảm của người con gái Huế: Chắt chiu mà hào sảng, đơn giản mà thâm trầm.

Làm người Huế là một cái "nghiệp" vì nói như mấy o nữ sinh trường Đồng Khánh, những nàng tiên áo trắng dịu hiền, cắn cơm không bể cắn tiền bể tư, rằng: "Huế là quê hương đi để mà nhớ, chứ không phải ở để mà thương". Trái lại, biết ăn Cơm Hến Huế là một cái "duyên" vì dù ở bất cứ phương trời nào, cơm hến cũng là một tấm giấy thông hành tình cảm để cho những người có chút duyên nợ với Huế tìm về nhau mà chan, mà húp, mà nghẹn ngào và rơm rớm nước mắt vì... cay!

Không phải người Huế nào cũng biết ăn, thích ăn và ghiền ăn cơm hến, cũng như không phải người Bắc nào cũng khoái rau muống bảy món và người Nam nào cũng mê cá rô kho tộ. Ăn cơm hến có "ăn dòng" và "ăn theo". Ăn dòng là những người Huế chính thống, sinh ra từ miệt An Hòa, An Lăng, An Cựu, Bao Vinh, Vỹ Dạ, Chợ Dinh, Chợ Nọ trở vào thành phố. Đó là những người mới sinh hôm trước, sáng hôm sau đã có o bán cơm hến gánh triêng gióng, nồi niêu ngồi lù lù ngay trước cửa nêm cơm hến rồi. Còn ăn theo là dân Huế thuộc phận gái chữ tòng hay thân trai dài lưng tốn vải từ quê lên tỉnh học hoặc trong Quảng ra thi rồi "lỡ bước sang ngang" mà ở lại đất Thần Kinh. Với những gã si tình nhưng tình không si lại mà gặp những trận mưa héo úa tâm hồn của Huế, thì cơm hến là cơm "phù thủy" và đây là đất Thất Kinh.

Nhất ẩm nhất trác còn giai do tiền định — ăn một miếng, uống một hớp đều có trời cao định đoạt — huống chi là cái sự... ăn cơm hến. Luận về cái tính tiên thiên tiền định trong cơm hến, tôi cảm thấy đã đến lúc cần phải phát huy tinh thần "về nguồn" của một người con dân xứ Huế, nghĩa là thử nhớ lại mình đã tìm đến với cơm hến khi mô, như Ngưu Lang đã gặp và mê Chức Nữ trong trường hợp nào.

Làng tôi ở cách Thành phố Huế khoảng 10 cây số. Quanh làng có đủ sông hồ ao lạch với nhiều loại hến trùng trùng điệp điệp, rứa mà chẳng hề nghe ai trong làng tự nấu cơm hến cả. Bao nhiêu hến bắt được đều đem ra nấu canh, nấu cháo và xào hến. Thỉnh thoảng tôi vẫn nghe nam thanh nữ tú trong làng nói đến "cơm hến bên Cồn" một cách trang trọng và hào hoa như khi nói đến cơm ngọc Giang Châu hay cơm chiên Thượng Hải. Tuổi thơ, tôi vẫn mơ một ngày nào đó lên Huế học, được dắt tay một cô nàng áo trắng, đội nón bài thơ trên mái tóc thề thần thoại để hai đứa cùng qua ăn cơm hến bên Cồn.

Ngày đó tới, khi tôi 17 tuổi, học lớp Đệ Nhị trường Quốc Học. Tôi đến thăm nhà một người bạn cùng lớp ở vùng Chợ Xép, người bạn có

cô em gái xinh xinh học ban C trường Đồng Khánh. Tôi thuộc loại con nhà nghèo, trai quê, học giỏi nên cũng dễ dàng lọt qua mắt xanh của mấy cô tiểu thư chợ Xép có bà già là tiểu thương chợ Đông Ba. Bởi vậy ngay hiệp sơ ngộ ra mắt, tôi đã được chiêu đãi cơm hến, sau khi bà già mời "phủ đầu" một cách rất chi là... Huế:

— Nì, buổi sáng con ưng ăn chi hè? Cơm hến hỉ?

Một thoáng, tôi nghĩ nhanh về hình ảnh cơm hến bên Cồn mà cảm thấy lặng người vì xúc động. Tôi trả lời, không phải với bà già đứa bạn, mà với một hình ảnh trong mơ nào đó:

— Điểm tâm mà được ăn cơm hến bên Cồn thì tuyệt.

Bà già khen một cách ngọt ngào làm tôi chột dạ:

— Ngó bộ con cũng rành ăn cơm hến dữ hí.

Bà bỗng cất tiếng gọi với vào bên trong:

— Út của mạ mô rồi? Ra kêu thím Bòng Cồn Hến gánh cơm vô đây con.

Có tiếng "dạ" nhỏ nhẳn vọng ra từ bên trong. Rồi cô em gái người bạn học bước ra phòng ngoài, nơi có những "bậc rành ăn cơm hến" đang ngồi đợi. Thấy tôi, cô bé cất tiếng chào lí nhí, cái "lí nhí" chết người của những cô gái Huế.

Cái ngõ có hai hàng gia tàu xanh bỗng sáng lên vì màu áo lụa hồng và mái tóc dài vờn bay miên man của cô bé tìm cơm hến. Tôi chưa ăn mà đã cảm nhận được "răng mà cơm hến ngon dễ sợ!"

Thím Bòng đặt cả giang sơn cơm hến trên đôi vai gầy guộc của thím. Trời mùa hạ, nắng tháng tám nám trái bưởi, vậy mà thím vẫn mặc chiếc áo dài nâu, chân chạy, vạt áo dài bay lất phất. Lần đầu tiên tôi được tận mắt nhìn một gánh cơm hến truyền thống của Huế. Thực tế không lãng mạn và nên thơ như tôi tưởng tượng "trong cơm hến có xác sông Hương và có hồn núi Ngự". Gánh cơm hến nhỏ nhắn thế kia mà chứa đủ cả một giang sơn khói lửa, đủ mắm ruốc tiêu hành. Một đầu là nồi nước luộc hến đặt trên bếp lửa có sức nóng vừa phải, nóng quá thì nồi nước bốc hơi mà nguội quá thì nước hến không đủ ấm. Đầu gánh bên kia là cả một "câu lạc bộ" thu nhỏ: "Tầng trệt" là thúng cơm, tầng hai là rau đủ màu, đủ loại. Tầng "chót vót" vừa ngang tầm tay người ngồi là cái trẹc lớn bày biện hơn chục cái chai, thẩu, tô, chén. Mỗi cái đựng một thứ gia vị đặc biệt; từ ruốc, muối, mè, ớt, bột ngọt, tóp mỡ đến hến luộc, hến xào, hến trộn... Quanh hai chiếc gióng mỏng manh vẫn còn chỗ để treo ba bốn cái đòn cho khách sang không quen ngồi chò hõ. Đặc biệt nhất là cái thau nước rửa chén cỏn con mà rửa hoài không cạn vì thím Bòng "chùi" nhiều hơn là rửa!

Bà mẹ người bạn giục thím Bòng:

— Thím làm cho một tô đặc biệt để đãi khách quý. Cháu ni ở miệt dưới làng nên ăn cơm hến rành rõi lắm. Thím gia đồ màu sơ sơ thôi, rồi để đó cháu Út nêm lại cho mặn miệng.

Thím Bòng nhìn tôi một phát từ đầu tới chân và vừa hỏi vừa chuẩn bị tô cơm hến:

— Rứa "chơ" cậu ở mô lên?

Tôi đáp không một chút e dè hay đề phòng gì cả:

— Dạ, con ở vùng Quận Hương Trà.

Nghe xong, thím Bòng cười tủm tỉm một cách bâng quơ mà kiêu bạt như ca sĩ Paris By Night cười ca sĩ Karaoké hát trong quán cóc Sài gòn. Thím phát biểu làm tôi giật mình:

— Dân miệt ruộng có người bạc "trốt" chưa biết cơm hến mặt ngang mặt dọc ra răng, rứa chơ cậu ni biết ăn cơm hến hồi mô?

Tôi liền trả lời ra cái vẻ anh hùng sành điệu mà sau nầy nghĩ lại, thấy mình u mê không thể tả:

— Dạ, con biết ăn cơm hến từ lúc mạ con mới đẻ.

Thím hỏi lại:

— Ngó bộ hồi nớ cậu bú sữa hến chơ chi nữa!

Biết là đang gặp chưởng môn cơm hến, tôi im re luôn. Bà già người bạn thắc mắc:

— Khi hồi thím nói chi hè? Dân ở miệt dưới làng không biết ăn cơm hến răng?

Thím Bòng nói như nhà hùng biện:

— Dân trưa ruộng ăn chắc mặc bền, ăn cơm hến vô, ra làm mạnh tay vài tráo là cái bụng xép ve, còn hơi sức mô nữa mà cuốc đất lật cỏ.

Câu trả lời rất bình dân học vụ của thím Bòng dã giải

đáp được sự thắc mắc nhiều năm của tôi rằng, "Tại sao cơm hến thịnh hành quanh thành phố Huế và vùng phụ cận nhưng lại vắng bóng trên quê tôi?" Câu trả lời rõ ràng là tại vì cơm hến dễ tiêu, mau đói, không thích hợp cho những người làm lao động nặng như nông dân.

Thím Bòng miệng nói nhưng tay vẫn thoăn thoắt múc, trộn, thêm, bớt, pha chế để đưa tất cả hương vị chuẩn bị sẵn vào tô cơm. Nhìn bàn tay cần cù và vẻ mặt đam mê của thím, tôi có cảm tưởng đang xem nhạc trưởng của một giàn nhạc giao hưởng.

Cô em gái người bạn chừng như đã quen "nhạc trưởng" sẽ điều khiển ban nhạc chơi tấu khúc nào tiếp nên đã lẹ làng đón tô cơm hến từ tay thím Bòng. Cô múc một chút nước từ trong tô và tự nhiên đưa lên miệng nếm "chíp" một cái ngon ơ. Tôi có thể nghe tiếng gió gào và nước cuốn chạy qua đôi môi chín mọng chúm lại tròn xoe của cô. Tôi có thể "nhìn" được hương vị của cơm hến qua nét mặt với cái cau mày, cái nhăn mặt, cái gật gù, cái đăm chiêu... của người nếm. Biết có người đang theo dõi từng động tác của mình, cô em quét một cái nhìn nhanh như điện. Tôi bắt kịp tia nhìn ấy và nói thầm trong bụng: "Nếu đời mà có em nêm cơm hến, tôi sẽ ăn cơm hến suốt 100 năm, mỗi năm 365 ngày và mỗi ngày 4 bữa!". Chừng như để mở màn cho ước mơ "hoang dại" đó, cô em đưa cho tôi tô cơm hến có sẵn cái muỗng sành mà em đã đưa lên môi, lên lưỡi nếm nhiều lần. Tôi nhìn cô em như muốn hỏi: "Em có muốn tôi ăn chung muỗng với em không?". Bà mẹ giục:

— Ăn đi con. Cơm hến phải ăn nóng, ăn xốc vác mới ngon. Để lâu cơm nở, rau xìu, hến nguội mất ngon.

Tôi "dạ" ngoan ngoãn, nhưng hơi ngỡ ngàng vì chưa biết cơm hến phải ăn như thế nào cho đúng điệu. Nhìn lớp ớt đỏ như phù sa sông Hồng phủ trên mặt tô mà tôi chột dạ. Đến nước nầy thì tôi hết đường lựa chọn. Đã trót lên ngựa thì phải ra roi nên tôi xúc muỗng cơm hến đầu tiên đưa lên miệng. Cảm giác tức thời là mùi thơm ngây ngất của các loại rau, khế, chuối cây, chuối bắp hòa với vị ngọt mượt mà của nước hến, vị mặn nồng nồng của ruốc, vị béo ngầy ngậy của tóp mỡ, vị chua thanh thanh của khế, vị chát the the của chuối và nổi bật nhất vị cay quỷ khốc thần sầu của ớt tương. Muỗng cơm hến "khai hỏa" đối với tôi có một mùi vị nồng nàn vừa quen vừa lạ. Cái quen đến từ những chất liệu truyền thống của quê hương và cái lạ phát ra từ cách pha trộn và chế biến.

Muỗng cơm hến thứ hai vừa ăn xong hình như có một cái gì làm tôi chững lại. Một cảm giác nóng bỏng chạy dài râm ran từ cổ họng, lên hai mang tai, tràn qua mắt, trôi vào mũi. Tôi chợt nhận ra đây là cái cay ác liệt của ớt tương mà cả thím Bòng và cô em gái bạn tôi đã thi đua trổ tài nêm vào tô cơm hến.

Muỗng cơm hến thứ ba đủ sức đánh tan những mộng mơ và thành sầu chất ngất trong tôi. Mồ hôi, nước mắt, nước mũi chan chứa chảy dài. Mẹ người bạn lên tinh thần cổ võ:

— Ăn cơm hến phải cay hít hà như rứa mới ngon!

Nhìn phần còn lại của tô cơm hến, tôi thấy mênh mông như biển hồ lai láng. Để rút ngắn con đường chịu đựng gian khổ, tôi nghiến răng nhắm mắt ăn một lèo sạch tô cơm hến như Kinh Kha phi ngựa sang Tần. Than ôi! Hành động chạy làng nầy lại được diễn dịch như một người khát khao ăn cơm hến nhiệt tình. Mắt tôi muốn hoa lên khi nghe mẹ người bạn kêu thím Bòng: "Cho thêm tô nữa nhanh lên ăn cho kịp". Và, lòng tôi chùng xuống, sũng nước mưa Thành Nội, khi nghe cô em gái người bạn hỏi nũng nịu: "Em nêm cơm hến như rứa anh có thích không?" Tôi dám chắc rằng, cho dù Từ Hải với râu hùm, hàm én, mày ngài có sống dậy, cũng không đủ can đảm trả lời "không" với một người con gái Huế đã mở lời qua nét nhìn e ấp nhưng sâu thẳm, với đôi môi cười chúm chím và đôi má ửng hồng, cho nên tôi đã trả lời giống như mấy tỷ thanh niên đa tình mà dại dột trên trái đất nầy:

— Có, anh thích lắm!

Hậu quả của câu trả lời nầy là tôi bị "ban" cho một tô cơm hến nữa. Tôi chỉ kịp van vái: "Bà mụ ơi, cứu con

với!". Trước khi bà mụ kịp ra tay cứu độ thì tô cơm hến long lanh màu ớt đỏ đã sẵn sàng trước mắt. Tôi ở trong tình thế phải giữ gìn tiết tháo của chàng trai nước Việt "thà chết chớ không hề lui" nên âm thầm lên phương án: Bước một là múc xác ăn trước cho đỡ cay và bước hai là húp một lèo cạn tô, tới mô thì tới. Tiến trình bước một đang tiến hành đẹp như mơ thì bị bà mẹ bạn phát hiện:

— Người ta nói "khôn ăn 'nác', dại ăn xác". Cơm hến, phải ăn đều nước, đều xác mới ngon. Út mô rồi? Thêm cơm cho anh đi con!

Dưới sức ép đầy tình cảm thân thương của gia đình người bạn, tôi chỉ còn biết trân trọng chìa tô cơm hến lõng bõng toàn nước ra cho cô em thêm chén cơm đầy vào. Tô cơm hến lại đầy như xưa! Dẫu sao, tôi cũng phải đi cho trọn đường trần may ra thoát hiểm bằng cách ngồi nhích ra xa, hít một hơi thật sâu để nâng cao tinh thần chiến sĩ và húp một hơi dài cho đến khi nước cạn trong tô. Tưởng đã qua cơn sóng gió, ngờ đâu tôi húp kỹ quá, âm thanh nước cạn réo lên như hút thuốc lào đã làm bà mẹ bạn chú ý. Tôi chỉ còn biết kêu lên nho nhỏ "Mẹ ơi!" khi nghe lời ra lệnh như điệu nhạc thúc quân của bà mẹ:

— Út ơi! Thêm nước và nêm đồ màu vô tô cơm hến của anh đi con!

Trên đường về, bụng tôi cồn cào vì quá tải cơm hến và cái cay giờ lưu lại một cảm giác tê tê ở đầu lưỡi. Giá như nhà thơ Thế Lữ có đi ăn cơm hến Huế lần đầu, thưởng thức cái cay và cái ngọt ngào của Huế thì cũng phải kêu lên:

Cái thuở ban đầu "cơm hến" ấy,
Nghìn năm hồ dễ mấy ai quên (!)

Bắt đầu làm quen với cơm hến Huế là kể như bị trúng độc hoa tình giống trong truyện kiếm hiệp, nghĩa là sẽ đi đến chỗ thích cơm hến Huế, thèm cơm hến Huế và ghiền cơm hến Huế cho hết cả một đời sau. Trúng độc hoa tình thì khó tìm ra thuốc giải, nhưng ghiền cơm hến Huế thì "giải" rất dễ. Muốn biết cách giải như thế nào, xin xem tiếp hồi sau sẽ rõ.

★ LUẬN VỀ CƠM HẾN HUẾ

Cơm hến Huế, thật ra, là món cơm đạm bạc của con nhà nghèo mà nguyên thủy, theo cụ Trần Văn Tường, giáo sư Hán văn trường đại học sư phạm Huế, thì chỉ gồm có canh hến chan với cơm nguội, thêm một chút rau tươi và gia vị. Thường thường canh và cơm ăn còn thừa hay cố ý để dành lại từ bữa cơm chiều hôm trước cho sáng hôm sau, vì vậy cơm hến truyền thống phải ăn với cơm nguội mới ngon. Mỗi hột cơm nguội qua đêm sẽ nằm ngoan ngoãn trong tô cơm như cô dâu ngày cưới, không nhão nhoẹt, không bốc hơi nóng làm cho rau bớt dòn và gia vị bớt hương thơm. Cơm hến là món ăn điểm tâm "cây nhà lá vườn" mang tính "kinh tế và kiệm ước" cao nhất của người bình dân xứ Huế. Những món ăn điểm tâm của Huế, nếu xếp loại theo giá cả từ thấp đến cao sẽ là:

— Cháo gạo
— Khoai sắn
— Cơm hến
— Xôi bắp
— Xôi chấm muối mè
— Bún nước mắm hay bún mắm nêm
— Bánh bột lọc

— Bánh bèo
— Bánh nậm
— Xôi thịt hong
— Bún bò
— Mì, phở...

Giá cả có thể thay đổi chút đỉnh tùy theo mùa, theo "thời thế" và theo vùng, nhưng cơm hến vẫn chiếm giải xuất sắc, không nhất cũng nhì, về giá cả bình dân và phẩm chất hảo hạng, nói một cách nôm na là hội đủ "tứ khoái": No, ngon, bổ, rẻ.

Cơm hến Huế gắn liền với Cồn Hến. Cồn Hến thường được coi như là quê hương nguyên thủy của cơm hến. Cơm hến "chánh hiệu nai vàng phải là cơm hến bên Cồn". Mấy thím, mấy o bán cơm hến gia truyền thường có cái tước hiệu "Cồn Hến" kèm bên cạnh tên cúng cơm" như Thím Bồng Cồn Hến, O Gái Đò Cồn để khỏi lầm với Bà Năm Sa Đéc, Người Đẹp Bình Dương.

Theo tương truyền do mấy cụ già địa phương có tổ tiên là các bậc khai canh, khai khẩn kể lại thì Cồn Hến là do xác hến bốn phương từ suối khe của dãy Trường Sơn đi xuống; từ ao hồ, sông lạch đổ ra sông Hương đi lên; từ biển Đông qua cửa Tư Hiền, Thuận An đi vào, tụ lại qua nhiều đời, nhiều giai đoạn mà thành. Cồn Hến còn được coi như là một "thánh địa" của hến. Xưa kia có nhiều năm mất mùa, hến di chuyển đâu mất không còn một con, dân sống ở Cồn Hến tin rằng, hến bỏ Cồn rủ nhau ra đi là vì người dân Cồn "thất lễ" với hến. Thế là các vị bô lão, các vị tộc trưởng, các thân hào nhân sĩ địa phương tổ chức nghi lễ trang trọng có đủ cờ quạt, lọng tàn, có phường nhạc bát âm đi theo các ngã rẽ của giòng sông Hương tiếp cận với sông Bồ trước khi ra biển Đông để khấn vái, cầu xin hến trở về. Sau đó, không ai giải thích được là do hiện tượng di chuyển tự nhiên theo mùa hay do "linh ứng" mà hến trở lại dồi dào như xưa. Dẫu sao thì tín ngưỡng và thần thoại cũng góp phần làm cho tô cơm hến có thêm một chút hương thơm phảng phất mơ hồ của gia vị "Đào Nguyên".

Giống hến lý tưởng cho món cơm hến Huế phải là loại hến nhỏ xíu nằm dưới sông Hương chung quanh vùng Cồn Hến. Có một đơn vị đo lường không hợp với tinh thần toán học nhưng lại nên thơ vô cùng được dùng để mô tả vóc dáng của loài hến này là "lớn bằng móng tay út của ba cô trong nội". Dĩ nhiên không phải là "công tằng bà chằng Đại Nội" mà phải là một nàng tôn nữ xinh xinh như cô công chúa ngủ trong rừng hay ít ra cũng là:

Công tằng tôn nữ trong cung,
Con út, chưa chồng, mình hạc xương mai.

Bởi hến nhỏ nhưng mà nhìn dễ thương, nên một số dân Huế quen gọi là con "chép chép". Cũng có người gọi là hến gạo hay hến sẻ.

Có dịp so sánh về mùi vị giữa hến Cồn và hến các nơi khác mới thấy được cái vị ngọt rất thanh và mùi thơm nhẹ nhàng độc đáo của hến Cồn. Ai cũng biết hến là giống sống trong bùn đất nằm sâu dưới nước. Vì vậy, đặc tính thủy thổ của môi trường sống khác nhau đã làm cho màu sắc và mùi vị hến của vùng nầy khác với vùng kia. Giải thích về tính chất đặc biệt của hến Cồn, ông Nguyễn Khoa An trong cuốn sách nghiên cứu về sinh vật học *"Hiện Tượng Thiên Di"* (Nam Sơn, 1976) có viết rằng: *"Nước sông Hương trong vắt quanh năm vì thượng nguồn phát nguyên từ vùng núi đá già Trường Sơn, mang rất ít phù sa và chất phèn trong nước. Rong rêu dưới lòng sông xanh mướt và phát triển một cách đầy sức sống dưới ánh sáng mặt trời không bị giòng nước che khuất. Các giống sinh vật sống dưới sông Hương như tôm cá và nghêu, sò, ốc, hến cũng nhờ vậy mà có được phẩm chất rất ngọt và thơm hơn các vùng sông biển khác..."*

Có người đi xa hơn trong việc nhận xét cái "khoái khẩu" của hến Cồn. Họ cho rằng Cồn Hến là giao điểm giữa sông và biển trên giòng Hương Giang vì hàng năm, vào mùa Hạ, nước mặn Biển Đông tràn qua cửa Thuận An lên tới Cồn Hến... nên con hến vùng Cồn tiếp thu và kết tụ tinh hoa của cả Trường Sơn và Nam Hải. Và, họ kết

luận một cách dễ dãi như hò ru em: "Hến Cồn ngon hơn chỗ mô hết là vì rứa!"

Trong những cuốn sách dạy nấu món ăn Việt Nam, do các "Hỏa đầu quân Bắc đẩu" của cả ba miền Bắc, Trung, Nam như Triệu Thị Chơi, Hoàng Thị Kim Cúc, Thanh Vân cũng không nghe ai nói về cơm hến. Vì vậy, người viết bài nầy phải dày công nghiên cứu về cái "mẹo" nấu cơm hến bằng cách gặp bà nào có vẻ giống... Thị Hến là xin phỏng vấn liền. Thêm vào đó, kinh nghiệm bản thân có duyên nợ với cơm hến cũng khá dày dạn phong trần. Vả lại, kỹ thuật nấu cơm hến nó không giống với công thức luyện thuốc trường sinh, nếu có trật chút đỉnh thì cũng chẳng chết ai nên xin trình bày như vầy:

★ CƠM HẾN HUẾ

- ***I- Nguyên liệu:***
  - — Hến tươi
  - — Mỡ heo tươi
  - — Bún tàu
  - — Mè
  - — Rau đủ loại
  - — Cơm

- ***II- Gia vị:***
  - — Ruốc
  - — Ớt bột
  - — Muối
  - — Gừng
  - — Dầu
  - — Bột ngọt
  - — Tiêu, hành, nước mắm.

- ***III- Cách thực hiện:***

*** Giai đoạn 1:** Sửa soạn.

— Hến tươi rửa sạch. Nếu hến vừa mới bắt, cần nhốt vào nước trong vài ba hôm để hến có thời gian thải những chất bùn trong ruột. Nước trong pha chút muối, nấu sôi và cho hến vào luộc chừng 30 phút. Xong vớt hến ra và giữ lại nồi nước luộc hến. Nếu muốn để dành hến lâu hơn thì cần cho vài lát gừng tươi vào nồi nước hến để giữ mùi thơm và ăn khỏi "lạnh bụng".

— Tách hến ra khỏi vỏ. Xào hến với gia vị (tiêu, hành, nước mắm) và bún tàu cắt ngắn chừng vài ba phân.

— Nấu cơm chín xong, bới ra, để nguội.

— Mỡ heo xắt mỏng và nhỏ, đem lên rán cho vàng và chỉ lấy xác, đổ nước mỡ. Món nầy được gọi là tóp mỡ.

— Rang muối mè chín và để nguội.

— Nấu vài ba muỗng dầu cho sôi, rồi bỏ ớt bột vào để làm thành ớt tương dầu.

— Xắt nhỏ và trộn tất cả các loại rau lại với nhau.

— Trộn ruốc tươi với một phần tư chén nước lọc hay nước sôi để nguội, khuấy đều.

*** Giai đoạn 2:** Trình bày.

— Cho rau thập cẩm vào tô, trộn với vài ba muỗng canh đầy hến xào. Chan nước luộc hến nóng vào tô.

— Nêm các loại gia vị chuẩn bị sẵn như tóp mỡ, muối, ruốc, mè, ớt và trộn đều.

— Cho cơm để nguội vào tô nước hến có đủ rau và gia vị.

— Kiểm điểm lại lần chót lượng gia vị cần thêm bớt cho hợp với khẩu vị của từng người.

— Hít một hơi thật nồng nàn để cảm nhận hết cái hương vị "liêu trai" của cơm hến, với một chút... hít hà, và... ăn! Ăn cơm hến cũng như thương người Huế, cần thương thật tình và ăn thật bụng. Đừng thử! Vì thử là chưa hết mình: Tình sẽ không nồng và ăn cũng mất ngon.

Có thể nói rằng, rau là linh hồn của cơm hến Huế. Mặc dầu rau trên quê hương xứ Huế không hẳn đã dồi dào như các nơi khác, nhưng mỗi loại rau dùng trong cơm hến đều có cái giá trị đặc biệt về "đất lề quê thói" của nó. Những loại rau, cây, lá... truyền thống thường dùng nhất trong cơm hến là: rau thơm, bạc hà, ngò, khế, bắp chuối và thân cây chuối sứ còn non. Ngoài ra, một số loại rau có mùi vị đặc biệt như rau má, rau dấp cá với mùi nồng thoang thoảng như cá tươi, rau tía tô với mùi vị cay cay như quế, rau húng với mùi dầu bạc hà... cũng được dùng tùy theo sở thích của mỗi người. Tất cả những món rau nhiều mùi, nhiều màu và nhiều vị hợp lại được cắt nhỏ để trên dĩa sẽ tạo ra một đài hoa xanh-tim tím-trắng với mùi hương "cơm hến" nồng nàn và vị "cơm hến" tuyệt vời tê tê đầu lưỡi làm mê man vị giác của khách sành điệu mới nếm lần đầu.

★ HÀNH TRÌNH CƠM HẾN

Lịch sử Cơm Hến Huế gắn liền với lịch sử của Thừa Thiên - Huế. Số phận của xứ này được đánh dấu từ tháng ba năm 1558, khi Nguyễn Hoàng xin anh rể là Trịnh Kiểm vào trấn thủ đất Thuận Hóa. Sau đó là cả một làn sóng người vào Đàng Trong để khai hoang lập ấp. Với bàn tay cần cù và óc sáng tạo, họ đi đến đâu, đất cát nở thành hoa quả, áo cơm đến đó. Cuộc hành trình của cơm hến cũng lắm gian nan như bước đi của lớp người khai phá về Nam. Xuất thân là sản phẩm của dân nghèo, cơm hến vào tận cung đình và trở lại với đám bình dân, tuy vóc dáng có vẻ đài trang hơn, nhưng bản chất đạm bạc của người dân chân bạc dấu phèn vẫn còn nguyên vẹn.

Một ngày dựa mạn thuyền rồng,
Còn hơn muôn kiếp ở trong thuyền chài.

Trước quan niệm ngang tàng thần thánh hóa giai cấp vua chúa và quý tộc thuở xưa, người dân chân đất đã phản pháo lại:

Con vua lấy thằng bán than,
Nó lên trên ngàn cũng phải lên theo.

Cơm hến đã đi vào cung cấm! Hoa đồng cỏ nội mà đã đi vào cung vua rồi cũng sẽ thành cành vàng lá ngọc. Cái huyền thoại nầy chỉ đúng với những cô gái quê hương sắc được tuyển vào cung và được vua sủng ái nhưng lại không đúng với trường hợp của cơm hến Huế. Chén trân châu không làm cho hến thành rồng và đũa ngọc không làm cho mớ rau- xanh- tim tím- trắng thành đuôi phụng. Một trăm năm triều Nguyễn rồi cũng qua đi, nhưng cơm hến vẫn còn mãi với nhân gian như quan trạng vinh quy mà không quên gốc gác của mình:

Cờ quạt long bào rền vó ngựa,
Công hầu một bước đời đang mơ.
Cây đa bến cũ, con đò nhỏ,
Ta vẫn là ta: Anh khóa xưa.
(Trần Huyền Trân - Ngày đó)

Theo học giả Bửu Kế, giáo sư Đại Học Văn Khoa Huế (1968) trong giáo trình về lịch sử triều Nguyễn, thì những món ăn bình dân như bánh bèo, bánh khoái, cơm hến... sau khi được đưa vào cung vua, đã được tận dụng mọi phương tiện và kỹ xảo trong nghệ thuật ẩm thực đương thời để biến chế, bày biện thế nào cho có vẻ sang trọng, cầu kỳ, đài các, thích hợp với khung cảnh và nếp sinh hoạt trưởng giả, vàng son của giới vua quan, quý tộc.

Cơm hến cũng không thoát khỏi cái số phận "áo xiêm ràng buộc lấy nhau" đó. Hến sau khi bắt ở Cồn về, chỉ lựa những con nào có vỏ màu vàng cháy, ba đêm dầm vào nước trong cho sạch chất bùn, ba đêm tiếp hến được thả vào trong nước mưa lọc kỹ để "thụ tính âm dương" và sau đó hến được đen dầm vào nước gạo loãng cho "thuần". Qua giai đoạn nầy, hến mười phần chết bảy còn ba. Sau cùng hến được thả vào nước sâm pha chế với nước lọc

trước khi đem vào luộc. Cơm để ăn với hến phải là cơm nguyên hột nấu từ gạo "de" An Cựu, để nguội từ nửa đêm cho đến sáng. Các loại gia vị gần ba chục món khác nhau và rau ăn với hến hết sức cầu kỳ, tỉa gọt và tuyển chọn. Cũng theo cụ Bửu Kế thì "cơm hến" trong cung vua chỉ còn là một cái tên chứ thực chất là một loại cao lương nấu với hến nặng mùi sâm nhung, quế phụ. Các "mệ" thích nhìn "cơm hến ngài ngự" hơn là thích ăn nên vẫn thường lân la ra vùng ngoại thành thưởng thức cơm hến nguyên chất với giới bình dân.

Nhờ các vị thầy Tàu mà cơm hến Huế đã được "giải phóng" và lưu truyền một cách vừa đầy quê hương tính và cũng vừa đầy hương vị tính cho đến ngày nay.

Theo tài liệu được ghi trong *"Ô Châu Cận Lục"* của Lễ Thiên Dương Văn An và cũng theo tài liệu ghi chép trong Đại Nam Nhất Thống Chí do Quốc Sử Quán triều Nguyễn (1835) biên soạn thì sau khi Nguyễn Phúc Ánh thống nhất sơn hà và lên ngôi hoàng đế năm 1802, lấy hiệu là Gia Long, đặt kinh đô tại Huế, đất nước cũng như vương quyền đã trải qua một thời kỳ thanh bình và thịnh trị. Đây là giai đoạn mà các hàng vương tôn công tử thi đua tạo dựng một đời sống cực kỳ xa hoa và diễm lệ. Căn bệnh "thời đại" lúc bấy giờ là sự tổ chức tiệc tùng, ăn uống quá đà. Có quá nhiều người thuộc tầng lớp quan quyền và quý tộc bị mắc chứng vàng da, phình bụng, khó tiêu vì ăn uống quá độ mà thiếu vận động. Các thầy thuốc Nam thì quen quy vào cái khái niệm y học truyền thống quá mơ hồ và đơn giản như: "Tỳ suy vị yếu" và khuyến khích uống thêm thuốc bổ và ăn thêm đồ bổ dưỡng. Kết quả là càng làm suy yếu hơn tình hình thể chất của giới con vua cháu chúa vốn đã quá tồi tệ vì thặng dư nhiều chất kích thích và dầu mỡ tích lũy trong người. Do đó, triều đình phải cho các sứ bộ đích thân đi mời những thầy thuốc người Tàu về chữa trị. Trong Nam Du Ký Sự của Lâm Chấn Trung (The HongKong Express, 1958), với tư cách là một vị thầy thuốc nổi tiếng vùng Hoa Nam được mời vào cung, kết hợp với kinh nghiệm của các danh y đương thời như Kiều Hành, Sử Kính Liêu... đã nhận xét rằng: *"Người Nam Bang có thuốc mà nằm chết trên thuốc vì không biết dùng thuốc Nam để trị liệu. Cứ ỷ y vào thuốc Bắc nên hoặc là không có tiền để mua hoặc có tiền mà không có thuốc."* Lâm Chấn Trung đã khuyên giới quý tộc thời bấy giờ là muốn có sức khỏe tốt, không cần phải uống thuốc bổ hay ăn sâm nhung quế phụ mà cần phải giữ "sự bình hành âm dương trong việc ăn uống" bằng cách tận dụng những sinh vật, ngũ cốc, rau cỏ ngay trong môi trường mình đang sinh sống, không nên mất công tìm kiếm đâu xa.

Xuất phát từ uy tín và lời khuyên của các vị thầy thuốc danh tiếng người Tàu, món cơm hến bình dân trước được đưa vào cung để chế biến thành sơn hào hải vị, nay lại được xem như là món ăn dưỡng sinh tốt nhất, hợp với thiên nhiên gồm những chất liệu mọc lên từ lòng đất của môi trường sống địa phương. Nhờ vậy, con hến bên Cồn được giới quý tộc rửa sạch và thả lại trong nước mát sông Hương trước khi luộc thành cơm hến. Các loại rau, chuối cũng giới hạn trong các loại rau quen thuộc trồng quanh vùng Thành Nội. Gia vị không còn đơn giản như xưa, nhưng cũng không bắt chước theo cách chuẩn bị kênh kiệu của cung đình.

Thật ra, cơm hến Huế ngày nay là một hình ảnh tổng hợp giữa cái đơn giản của "canh hến cơm nguội" nguyên thủy và cái xa hoa cầu kỳ của "cơm hến ngài ngự" ngày xưa. Nếu chỉ nói đến sự chi phí về tiền bạc cho một bữa cơm thân mật gia đình đãi khách thì cơm hến Huế là môi trường gặp gỡ bình đẳng và lý thú giữa giàu sang và nghèo khổ. Nếu chỉ bàn về nghệ thuật nấu nướng của một bà nội trợ trung bình thì cơm hến là một hình ảnh chung giữa cung cách thẩm lặng tế nhị và thái độ phô trương kiểu cách. Nếu muốn nói đến ý nghĩa của một món ăn mang nặng tính quê hương thì cơm hến là sự kết hợp hài hòa giữa bình dân và quý tộc.

Năm 1992, sau hơn 10 năm xa quê, tôi về lại Huế. Buổi sáng đầu tiên thức dậy, chị tôi biết ý nên đã kêu một gánh cơm hến đợi sẵn. Tôi ăn liền một lúc gần bốn tô cơm hến. Thật ra, bốn tô cơm hến Huế nho nhã và thanh lịch góp lại chưa đầy một tô xe lửa phở Hòa tại Mỹ, nhưng cũng đủ cho bà con hôm đó đồn rằng: "Cái chú nớ ăn cơm hến như thúng lủng khu". Mẹ tôi già trên 90 tuổi, trí nhớ đã phôi pha, không còn đủ nhớ tên dăm đứa cháu xa nhà, nhưng vẫn còn sót lại bao ký ức yêu thương của những ngày tháng cũ khi nhìn tôi ăn cơm hến, mẹ nói một cách đơn giản mà thiết tha bằng hơi ấm phương Đông huyền diệu của tất cả những bà Mẹ Việt Nam:

— Hồi nớ, có khi mô mà hắn ăn cơm hến nhiều dữ rứa. Tội nghiệp thằng ni chắc đói thắt ruột lâu ngày ở bên tê. Mai mốt con đừng bỏ mạ mà đi mô nữa, ở lại với mạ, để mạ bán lúa, bán tre mạ nuôi.

Nghĩ đến ba tuần nữa, tôi lại bỏ mẹ mà đi và có lẽ gặp mẹ lần này là lần vĩnh biệt, tự nhiên miếng cơm hến sau cùng nghẹn lại trong cổ. Tôi để tô cơm hến xuống, hít hà kêu cay và chạy vội ra hè sau lặng lẽ khóc một cách ngon lành cho hết những giọt nước mắt nổi trôi. Tôi nói trong câm lặng, nói với mẹ, nói với bụi tre và cây dừa trước ngõ, nói với chính mình và nói với những tô cơm hến: "Thiệt đó mạ. Con đã thấm thía với cái đói ở quê người. Con đói không phải vì thiếu miếng cơm manh áo nhưng đói vì thiếu mạ, thiếu những khuôn mặt thân thương, thiếu mùi vị nồng nàn của đồng chua nước mặn và hơi hám của quê mình".

Hến cũng như người, nơi mô mà chẳng có. Từ những con hến thoang thoảng mùi diêm sinh giữa vùng khe suối nhiều núi lửa quanh trại tỵ nạn Bataan heo hút, xứ Phi Luật Tân; những con hến Hồng Kông to bằng hột mít, đến những con hến tròn trịa vùng định cư xứ New Orleans bắt lên từ giòng sông Mississippi dài nhất thế giới, và hến nặng mùi bùn non đầy dẫy ven bờ sông American bao quanh thủ phủ xứ California, tiểu bang có đông người Việt nhất ở nước ngoài... đều có một bản chất chung là "hến", nhưng mỗi loài hến đều có cái mày vẻ riêng tư và độc đáo của giang sơn sinh ra nó như "Nam quốc sơn hà Nam đế cư" rứa đó.

Thử ăn một tô "cơm hến nước ngoài" mới cảm nhận được tinh thần sáng tạo của những nhà... cơm hến bên ni. Thiếu hến Cồn, người ta dùng loại sò xanh (Green Mussel) nhập cảng từ Thụy Sĩ là nơi có non xanh nước biếc không thua gì xứ Huế. Sò xanh Thụy Sĩ luộc lấy nước và xắt nhỏ thay hến rất dễ làm cho khách ghiền cơm hến xa Huế ngàn dặm "lạc bước bên Cồn". Thiếu khế thì dùng cây cần Tây (Celery) xắt mỏng dầm vào giấm. Thiếu bắp chuối sứ thì dùng bắp su tím cắt thành sợi thế vào. Thúy Vân còn thay được Thúy Kiều huống chi là cơm hến, miễn sao khách tha hương ăn cơm hến cũng "dễ nuôi mau lớn" như chàng Kim Trọng là được!

Dân Huế và những người yêu Huế xa quê, có tô cơm hến nằm ở một góc nào đó trong mớ hành trang của ký ức. Trên quê người, nhất là tại các nước Âu Mỹ phồn vinh bậc nhất ngày nay, với những món ăn tinh hoa truyền thống lừng lẫy của nhiều nước trên thế giới, cơm hến trở thành khiêm tốn và đơn sơ như một cụm hoa bưởi, hoa ngâu trong vườn thượng uyển. Nhưng vườn thượng uyển là đất chung của cuộc đời mà hoa bưởi hoa ngâu là ngõ sau để ngó về Quê Mẹ. Cơm hến cũng như bà mẹ quê Việt Nam: lui cui lút cút thế thôi, đơn sơ chất phác thế thôi, nhưng không có một kỳ quan nào của vũ trụ này sánh được với trái tim của Mẹ.

○ Trần Kiêm Đoàn

Sacramento, California,
Mùa Vu Lan
Bông trắng cài áo thứ hai,
1995

Tháng 7 năm Giáp Ngọ (1714), thời Chúa Nguyễn Phước Châu năm thứ 23, chúa cho mở chay đàn thật lớn ở chùa Thiên Mụ. Lần này quy tụ vô số cao tăng, ẩn sĩ, thuật sĩ cũng như những người cầm đầu các man, trấn, v.v.. (1) đều về tham dự. Phần chúa Nguyễn, lại ăn chay suốt một tháng, ở biệt lập trong vườn Côn Gia thuộc chùa Thiên Mụ để tụ tập trì giới. Ngoài mục đích cho mở chay đàn để siêu độ cho các âm hồn và truyền bá đạo Phật ra, còn có một mục đích khác nữa là làm lễ khai chuông chùa Thiên Mụ. Nguyên năm Canh Dần (1710), Chúa có cho đúc chuông lớn nặng 3,285 cân (khoảng 1,971kg hay 4,345Lbs). Chuông đúc xong, tìm thỉnh không được người có đủ khả năng để **chấn chuông** theo như ý muốn của chúa Nguyễn, nên lễ khai chuông không thực hiện được.

Chuông đồng là một thứ nhạc khí, nhưng không phải là cứ đúc cái chuông nặng mấy ngàn cân, xong cho treo lên, dùng dùi đánh vào, chuông sẽ kêu ngân nga, thanh thoát! Chuông lớn, vừa đúc xong, đánh lên tiếng không *tròn* và không vang đi xa. Có lúc nghe như bị rè, bị bể hoặc ùng ùng như gió thốc vào hang núi v.v... Đúc một cái chuông quả là một công trình, tốn kém về mọi vấn đề. Đúc chuông xong, phải có buổi lễ tế chuông, tốn kém cũng không ít. Chuông dùng cho miếu, đền, điện, phủ, v.v... dùng trâu để tế, gọi tắt là *Lễ bôi chuông*, ngụ ý từ chỗ lấy huyết của con vật bị dùng để tế chuông bôi lên chuông giữa buổi tế. Chuông dùng cho chùa khi tế, gọi phân biệt là *Lễ khai chuông*, chỉ dùng đồ chay và kinh chú.

Có thể tạm ví chuông lớn sau khi đúc xong, vừa trục ra khỏi khuôn, như con ngựa quý Thiên Lý mã mới bắt được. Trị ngựa cho thuần, cần tay nài giỏi, và chỉ trị một lần duy nhất. Chấn chuông cho đúng mức, cần có một cao nhân thông hiểu luật âm thanh và cách chỉnh.

Trong buổi lễ tế chuông, cao nhân sẽ gõ nhẹ quanh cái chuông để tìm ra *khúc nối của sự cộng hưởng*. Công việc tìm kiếm có thể kéo dài từ vài giờ đến vài ngày. Mỗi lần gặp điểm nghi ngờ đều dùng phấn nụ làm bằng bột gạo thứ thượng hảo hạng mà làm dấu, thử đi thử lại thật chắc chắn, nếu không phải thì xóa bỏ vết phấn ghi. Lạ một điều là nguyên cả cái chuông chỉ có mỗi một điểm duy nhất để *chấn*! Cao nhân sau khi khám phá ra chỗ *nối*, cân nhắc cẩn thận *độ sâu* cần thiết cần phải chấn, dồn hết *tinh hoa của một đời tu luyện* cảm thông với vật, ngưng thần, tụ khí, để cái ve thép đúng chiều, xong tùy sức cảm thông nện một búa sắt tâm ý vào ve thép để chấn một vết duy nhất vào chuông. Thành, bại cũng chỉ một vết chấn này! Sự cộng hưởng của âm thanh từ dây sẽ liên tục hay đứt đoạn tùy theo vết chấn đúng hay sai.

Đây là một nghệ thuật mà người ta ít để ý tới. Vả lại, sự truyền nghề cũng khó khăn, bởi lẽ không có nhiều dịp để thực tập. Có thể tạm cho rằng tất cả đều do sự truyền tâm và khả năng thiên phú, cơ duyên để trở thành một cao

Câu Sấm Dời Đô

Thân-Trọng Tuấn

nhân trong việc chấn chuông.

Chúa Nguyễn Phước Châu gặp cao nhân trong trường hợp khá ly kỳ. Câu chuyện được truyền tụng trong sự hạn chế chứ không phải bừa bãi như trong lúc trà dư tửu hậu. Kẻ được kể cho nghe cũng phải bị ngầm lựa chọn, gạn lọc xem thử có đủ khả năng để hiểu và chấp nhận câu chuyện một cách trang trọng hay không trước khi kể.

Nguyên, sau khi đúc xong chuông lớn cho chùa Thiên Mụ, chúa Nguyễn vẫn băn khoăn vì không tìm ra kẻ có đủ khả năng trong việc chấn chuông. Để giải khuây chúa Nguyễn, con người hâm mộ đạo Phật lẫn đạo Thần Tiên hô phong ngưng vũ, đã dành lớn thì giờ trong việc Tượng trận, thứ binh lược dùng voi đánh trận, quan trọng vào bậc nhất của xứ Đàng trong. Nhờ Tượng trận, chúa Nguyễn Phước Châu thu phục Chiêm Thành và một phần lãnh thổ Chân Lạp (Miên), mở rộng phần đất phương nam.

Một hôm, Chúa cho đàn voi tập trận cách phủ chúa về hướng nam cả trăm dặm. Đang khi thao diễn, thình lình tất cả số voi tham dự bỗng ngừng lại, không chịu tiến thoái theo lệnh. Chúa đang ngạc nhiên, chưa kịp sai người tra hỏi, thì từ chân núi phía tây, xuất hiện một thớt voi lớn, trên đầu voi chễm chệ ngồi một người vững chãi như trên đất bằng, nhắm chỗ đàn voi đang thao diễn mà lướt tới. Chúa lấy làm kỳ, sai quân hầu phóng ngựa ra chận lại để tra hỏi. Kẻ cỡi voi lạ vẫn coi như không, thoắt bên đông, thoắt bên tây, khiến lũ quân hầu không thể nào đến gần. Chúa muốn nhập trận, chợt động tâm cơ,

nhớ lại lời khuyên của nhà sư Thạch Liêm mười mấy năm trước sau việc chúa đích thân đi chữa cháy (2), bèn thôi, không tiến vào. Chúa lại nghĩ rằng, với lối điều khiển voi chưa từng thấy, không cần móc câu, búa nhỏ, thúc gót, vỗ đầu, v.v... mà voi và người cứ như là một, tiến thoái như trò đùa. Chúa ngoảnh nhìn đàn voi của chúa, tất cả đều tụ lại một đám, không còn hàng ngũ gì nữa. Tiếng nài voi quát tháo vang lừng, voi phủ chúa vẫn chẳng thèm nghe theo mệnh lệnh. Nhìn lại kẻ cỡi voi lạ, thì thấy người và voi đang đứng yên trên ngọn đồi nhỏ.

Thình lình, người lạ đưa tay chỉ về hướng chúa Nguyễn, liền có một trận cuồng phong thổi tới. Chúa Nguyễn vội vàng cong tay bắt ấn, miệng niệm chú *định phong*, ngờ đâu chẳng hiệu nghiệm, bị gió áp rát mặt. Gió vừa dứt, kẻ lạ mặt lại chỉ thêm cái nữa, hơi lạnh tràn tới, tiếp theo từng đợt mưa ập tới như thác lũ, xòe tay trước mặt không trông thấy ngón. Chúa Nguyễn vội chấp hai tay *bắt quyết*, miệng hô chú *ngưng vũ* khản giọng vẫn như không. Giây lát, mưa tạnh, chúa và quân sĩ ướt lot ngoi, trông thảm hại. Kẻ lạ ngồi trên đầu voi, vỗ tay cười. Cười chán, đưa tay ngoắc chúa lại, trông thật là ngạo mạn, vô lễ. Chúa chưa kịp nổi giận thì con ngựa chúa đang cỡi thình lình nhảy vọt lên, nhắm hướng kẻ lạ mặt phóng tới, mấy lần Chúa ra sức gò cương cũng không chịu đứng lại. Khi lại gần Chúa nhận ra kẻ lạ mặt có hình tướng khôi vĩ, dung mạo khác phàm, khó có thể đoán tuổi tác. Tự nhiên chúa đâm ra có thiện cảm. Kẻ lạ mặt lúc này mới tụt xuống khỏi đầu voi, thong dong ra mắt chúa Nguyễn. Bất đồ, chúa Nguyễn cũng xuống ngựa vái chào trả lại. Chúa hỏi tên họ, kẻ lạ mặt thoái thác không chịu cung xưng, Chúa cũng không bắt lỗi.

Chúa hỏi mục đích của sự xuất hiện, người lạ mặt tâu rằng người đến giúp Chúa

cởi bỏ oan khiên, bùa chú nhảm nhí, không hợp với cương vị của người đứng đầu một cõi. Bấy giờ Chúa mới hay là những phép thuật do Thạch Liêm Hòa thương truyền cho Chúa kỳ mùa thu năm Ất Hợi (1695), trong phút chốc đã tiêu tan. Kẻ lạ mặt khuyên Chúa lo việc lâu dài về sau. Chúa chắp tay cảm tạ, xong thỉnh mời về phủ để thọ giáo thêm. Kẻ lạ bằng lòng. Lúc nầy quân hầu vừa tới, thấy Chúa bình an, chuyện trò thân mật với kẻ lạ thì vô cùng ngạc nhiên, nhưng chẳng ai dám lên tiếng. Chúa sai đem kiệu và mười sáu người phu kiệu đến. Kẻ lạ mặt cùng ngồi chung kiệu với Chúa về phủ. Con voi của kẻ lạ đi vào rừng (3).

Về đến phủ, chúa tôi đàm luận mấy ngày đêm. Sau kẻ lạ nhận khai chuông Thiên Mụ. Chấn xong chuông, kẻ lạ xin chúa đích thân đánh (4) thử: Tiếng chuông vang xa và ngân nga tuyệt vời quá sức tưởng tượng của mọi người.

Kẻ lạ ở chơi thêm vài ba bữa. Hôm cuối cùng người theo chúa Nguyễn chơi thuyền trên sông Hương. Đêm đã về khuya, kẻ theo hầu đều được cho nghỉ. Chỉ còn lại chúa Nguyễn và kẻ lạ, nhân thể Chúa mới hỏi về cơ đồ. Kẻ lạ không trả lời, cầm sào viết trên mặt nước. Dưới ánh trăng mờ lúc trời gần sáng, chúa Nguyễn đọc kịp năm chữ *Bát thế hoàn trung đô*. Viết xong, kẻ lạ gác sào, chắp tay chào chúa Nguyễn. Chúa xin nán lại, kẻ lạ mỉm cười, lắc đầu từ chối, xong quăng chiếc nón lá vẫn đội đầu hàng ngày xuống nước, đoạn nhẹ nhàng nhảy lên chiếc nón, theo dòng nước hiền hòa của Hương Giang, từ từ mất dạng trong màn sương mờ ảo.

Chúa Nguyễn Phước Châu suy nghĩ nhiều về câu *Bát thế hoàn trung đô*. Tính từ thời Nguyễn Kim phò vua Lê, xuống tới chúa Nguyễn Phước Châu mới đời thứ sáu.. Đông đô là Thăng Long, Tây đô là Lam Kinh, Thanh Hóa. Trung đô sẽ ở đâu? Vì sao lại trở về? Không lẽ Trung đô lại là một trong những nơi chúa Nguyễn lập dinh phủ trước kia như Cựu dinh, Chính dinh, Cát dinh? Hay, Trung đô chính là dinh mới, đang xây cất nơi bãi cát bồi ngoài huyện Quảng Điền, thuộc khu vực biển cạn phá tam giang? Lời tiên đoán xảy ra vào thời của chúa. Xứ Đàng trong, kể từ thời chúa *Tiên* Nguyễn Hoàng, đến nay mới 6 đời, phải đến đời cháu, tức là đời thứ 8, mới trở về dựng đô thành? Càng nghĩ, chúa Nguyễn Phước Châu càng lấy làm chắc, bèn đặt tên đất của dinh đang xây là Bác Vọng, có nghĩa là mong ước lớn lao, tám phương đều hướng vào như ý triều hướng kinh đô, lại còn ngụ ý nhắc nhở đến đời thứ 8 trong nghĩa chữ *bát* đồng âm dị nghĩa. Khi Ký Lục Lê Quang Hiến tâu là đã làm xong dinh mới ở Bác Vọng, chúa Nguyễn Phước Châu cho làm lễ lạc thành, dời ra ở vài tuần xong trở vào Phú Xuân, lấy cớ là phải ở gần tông miếu và chùa tự. Dinh Bác Vọng bỏ trống, không dùng, tục danh là *Dinh giả* nghĩa là chỉ dùng giả vờ làm dinh, lại ngầm dặn con cháu rằng đến đời thứ 8, sau khi lời sấm ứng nghiệm thì dùng cách hủy bỏ một cách êm thấm, đừng làm náo loạn lòng dân.

Tháng 4 năm Ất Tỵ (1725) chúa Nguyễn Phước Châu băng, hưởng dương 51 tuổi, con trai con gái gồm 146 người. Trưởng nam là Nguyễn Phước Trú lên thay.

Tháng 4 năm Mậu Ngọ (1738), chúa Nguyễn Phước Trú băng hà. Con trưởng là Nguyễn Phước Khoát lên thay.

Chúa Nguyễn Phước Khoát cho xây phủ mới về phía tả phủ Phú Xuân. Quy chế rộng rãi, công phu. Thành quách, lâu đài, cảnh trí tráng lệ. Chúa đặt tên phủ mới này là phủ chính Phú Xuân.

Tháng 4 năm Giáp Tý (1844), chúa Nguyễn Phước Khoát, sau khi giữ ngôi chúa được 6 năm, bèn theo lời xin của bầy tôi là Nguyễn Đăng Thịnh, vin vào cớ cây sung ra hoa, lên ngôi vương ở phủ chính Phú Xuân. Chúa Nguyễn Phước Khoát, tức Vương, cho rằng lời sấm viết trên mặt nước độ nào, nói *Tám đời trở lại trung đô* nay đã ứng nghiệm, Vương bèn cho đổi y phục, thay phong tục, cùng dân đổi mới về thói nết ăn ở, cách thức xưng hô, lễ độ theo kinh điển. Vương

lại cho nghiên cứu chế độ các đời trước, tìm những điểm thích hợp thâu dùng, định triều phục văn võ cho mặc áo gấm thêu hình con mãng, gấm đoạn nhiều màu thêu hình mây nước hoa lá, mũ dát vàng dát bạc tùy theo chức tước, phẩm hàm v.v... Những buổi họp chầu đều theo đúng nghi thức của một triều đình tự chủ. Phủ mới Phú Xuân vốn đổi làm phủ chính Phú Xuân hay Chính Dinh, nay ra lệnh cải đổi Chính Dinh làm Đô Thành Phú Xuân. Riêng Phủ Bác Vọng xây dưới thời chúa Nguyễn Phước Châu hơn 30 năm nay, bây giờ cho âm thầm hủy bỏ vì chúa nhận ra rằng cuộc đất ở Bác Vọng không phải là cuộc đất tốt, vì thuộc đất bồi, lại sắc đất trắng có pha cát, dễ bị xoi mòn, không hợp cho chỗ dựng đô, lập nghiệp đế dài lâu.

○ Thân Trọng Tuấn

(Trích Bên Dòng Sông Thơm)

Chú thích

(1) Trong kỳ chay đàn, có vị quan đại thần cuối cùng của Chiêm Thành là Kế Bà Tử cùng ba người con là Phù Xác, Phác Xác và Tỳ Thôn Phù cùng các tướng tá thân cận dưới quyền cũng đến tham dự. Chúa Nguyễn Phước Châu phong cho ba người của Kế Bà Tử tước hầu. Tưởng cũng cần nhắc lại, là, vào năm Quý Dậu (1693), vua nước Chiêm Thành là Bà Tranh không tiến cống. Chúa Nguyễn Phước Châu sai Tổng binh Nguyễn Hữu Kính đem binh đi đánh, bắt trọn vua tôi Chiêm Thành là Bà Tranh, cùng các cận thần là Tả Trà Viên, Kế Bà Tử, Bà Ân v.v... đem về giam trên núi Ngọc Trản, thuộc khu vực điện Hòn Chén, thượng lưu sông Hương bây giờ. Chúa Nguyễn Phước Châu đổi tên

Xin được một ngày

Em Sài-gòn em chưa biết Huế
Và theo cha qua Mỹ lúc còn thơ...
Chỉ biết Huế trong những buổi ngâm thơ
Yêu biết mấy cái duyên ngầm của Huế

Yêu cái đẹp của đền vàng điện ngọc
Mê tháp chùa Thiên Mụ vút uy nghiêm
Yêu Hương Giang dòng nước quá êm đềm
Mê đỉnh Ngự những bình minh chim hót

Thương cô dâu đẹp Huyền Trân Công Chúa !
Chuyện tình xưa Chiêm Việt, Ô Rí :
Khắc Chung hỡi ! Em ra đi vì nước !
Mơ một ngày đất Việt rộng ngàn nơi !

Yêu Huế má hồng nón nghiêng Tôn nữ.
Yêu Huế lẫy lừng thắm bút Vương gia.
Yêu Huế dịu dàng pha chút kiêu sa.
Dáng Tôn nữ khi "mô" cũng đài các.

Còn nhiều nữa những gấm hoa của Huế
Nhập hồn em nên yêu quá Huế ơi !
Dẫu nơi đây vò võ một khung trời
Lòng vẫn vấn vương hoài theo với Huế !

Xin hẹn Huế một ngày về với Huế...
Thăm hết bà con, thăm hết xóm làng...
Để thỏa lòng một người con của Huế
Xin một ngày thơ hát ở quê Cha !!!

(Cảm tác từ bài Hẹn với Huế của TN.C.B)

○ Thanh Toàn
Cali 7-95

nước Chiêm Thành ra Thuận Phủ, rồi sai bọn quy thuận là Tả Trà Viên, Kế Bà Tử, Bà Ân trấn giữ Thuận Phủ. Năm sau, chúa đổi Thuận Phủ làm trấn Thuận Thành. Các tên Viên, Ẩn, v.v... lần lượt qua đời, chúa sai Kế Bà Tử giữ chức Tả Đô đốc Thuận Thành, lại khiến Kế Bà Tử cùng các con và thuộc cấp ăn mặc theo lối Việt Nam để dân Chiêm bắt chước theo. Năm Đinh Sửu (1697), chúa đặt ra phủ Bình Thuận bao gồm luôn Phan Rí, Phan Rang làm hai huyện Yên Phước và Hòa Đa. Hủy bỏ tên trấn Thuận Thành. Nước Chiêm Thành hoàn toàn mất hẳn. Bà Tranh qua đời tại núi Ngọc Trản, sau có lập đền thờ. Kế Bà Tử nhận lãnh tới tước vương do chúa Nguyễn Phước Châu ban, để quản nhiệm số người Chiêm vong quốc. (Theo Việt Nam Sử Lược của Trần Trọng Kim và Đại Nam Thực Lục Tiền biên, cuốn thứ 8).

(2) Năm Ất Hợi, sau chay đàn, chúa Nguyễn Phước Châu đang trò chuyện với Thạch Liêm hòa thượng, bỗng quân hầu vào bẩm nhỏ vào tai, chúa Nguyễn vội vàng xin lỗi hòa thượng, xong theo tên hầu ra ngoài. Vài giờ sau trở lại, giải thích rằng chúa đi chữa cháy. Thạch Liêm hòa thượng bèn khuyên là chúa không nên quá bình dân, có thể kẻ gian sẽ lợi dụng, gây ra chuyện xong thừa cơ mà ám hại. Sự phân chia của triều đình Huế sau này bắt đầu từ đây.

(3) Chỗ đổi đất con voi đứng sau đặt tên là Khúc Tượng. Triều Minh Mạng cho sửa sang, đắp lại con đường thiên lý băng ngang, cải tên là núi Phước Tượng. Sau này dân Huế gọi là đèo Phước Tượng, gần đèo Hải Vân. Theo như lời của Thích Đại Sán, tức Thạch Liêm hòa thượng thì kiệu của chúa Nguyễn Phước Châu gồm 16 phu lực lưỡng, cao lớn, xõa tóc, chỉ vấn độc nhất một chiếc khố mà Thích Đại Sán thấy qua trong buổi chay đàn vào tháng 5 năm Ất Hợi (1695). Nếu như đi kiệu từ núi Phước Tượng về tới phủ Phú Xuân, nhanh thì cũng mất một ngày đường. Theo như lời Thích Đại Sán ghi trong tập Hải Ngoại Kỷ Sự, ghi rõ là có dạy phép hô mưa, ngưng mưa cho chúa Nguyễn Phước Châu, thành tựu hay không tùy công phu tu tập.

(4) Đánh chuông: Dùng vồ lớn, thẳng, treo ngang, đầu bọc vải thúc vào vết gồ tròn đúc sẵn trên chuông. Người Huế dùng động từ *động* có nghĩa là đánh thật mạnh, đạp thật mạnh, v.v.. trong việc sử dụng chuông lớn: *Động chuông*. Lại dùng các động từ *dóng, khua, rung,* v.v.. phân biệt. *Dóng trống, khua chuông* trỏ sự việc bất thường như tế lễ hay báo động. *Rung chuông* trỏ việc xảy ra hàng ngày, đúng giờ giấc cố định. Hàng đêm, dân các vùng Long Hồ, Nguyệt Biều, Long Thọ nói *chuông rung* có nghĩa chỉ thời khắc sau tám giờ tối vì chuông chùa Thiên Mụ bắt đầu *rung* vào lúc 8 giờ tối và *rung* đủ 108 tiếng.

Năm 1969, sau biến cố Tết Mậu Thân một năm, ông Đạo Dừa ra Huế làm hai việc *không nên, không phải*. Việc thứ nhất: Xin vào thăm điện Thái Hòa xong rồi *ngự* luôn, khiến ông tộc trưởng Nguyễn phước tộc (là Ưng Quả?) phải mất thì giờ mời ông Đạo Dừa đi chỗ khác. Việc thứ hai, ông Đạo Dừa yết kiến quan đầu tỉnh là Đại tá Tỉnh trưởng tỉnh Thừa Thiên, Thị trưởng thị xã Huế, kiêm tiểu khu trưởng tiểu khu Thừa Thiên Lê Văn Thân xin cho phép ông Đạo Dừa đem chuông chùa Thiên Mụ ra sông Bến Hải để ông Đạo Dừa lập đàn cầu nguyện hòa bình cho Việt Nam. Đại tá Lê Văn Thân đã từ chối và cho lệnh canh chừng chiếc xe lam ba bánh của ông Đạo Dừa kỹ hơn với lý do bảo vệ an ninh. ■

RU EM CHỊ THƯƠNG

Ạ à ơi... mình nghèo ăn mắm ăn rau
Gia đình êm thắm sang giàu làm chi
Lời cha mẹ mình tạc ghi
Họ hàng làng nước cô dì mến thương

(Trích "Hát ru làn điệu Huế" của Tôn Lệ Vân)

HUẾ GỌI

Thân gửi bạn bè, đồng hương
"Ngày Nhớ Huế"

Diên Nghị

Được tin dưới Los - "Ngày Nhớ Huế"
Bè bạn, đồng hương, tụ hội về...
Gặp gỡ, đổi trao, tình đất Mẹ
Tư riêng, tỵ nạn, xót xa quê...

Lục địa Hoa Kỳ, mênh mông quá,
Đông, Tuyết trùm vây, Tây nắng hè.
Năm múi giờ băng vùng kinh tuyết
Quê nhà - Quả đất nửa vòng chia...

Một chín năm tư, còn cắp sách,
Đạp xe, từng toán, đến học đường,
Bên này Quốc Học, kia Đồng Khánh
Cổng trường hai hướng, một sân chung

Ve kêu, phượng đỏ, báo mùa thi
Đóng cửa, trần thân, trốn bạn bè
Thức trắng ngọn đèn, ngồi học gạo
Mộng đời: võng lọng rước vinh qui

Không đậu Tú Tài, e ế vợ,
Hoàng triều xưa, lệnh ấn khắc son
Bề dày sử liệu, ghi Cung, Phủ
Khoa bảng lưu truyền, phả Tổ Tông.

Kỳ thi, đậu, rớt, tạm chia tay
Mỗi ngả ra đi, bỏ bạn Thầy
Kẻ nhập Quân Trường, người Đại Học
Bốn mươi năm - suy, thịnh, rủi, may!

Phận gái đục trong theo bến nước
Vuông tròn, yên ấm, cạnh chồng con
Bảng đen, phấn trắng, hàng lưu bút
Hồi tưởng, đôi khi, phảng phất buồn!

Đất mẹ tang thương, lần đổi chủ,
Vượt biên, cải tạo... ai mất còn?
Ngày đi bịn rịn tay người ở,
Huế mến thương ơi! Nhận diện giùm

Từ nẻo tha phương, nghe Huế gọi
Dịu dàng giai điệu, giọng thanh trong
Trước sau vẫn vậy, qua lời nói
Chia xẻ niềm vui, cộng nỗi mừng

Áo cơm bận bịu, không cùng dự
Gói ghém vào thơ, một chút lòng...
Ai chắc khi vui - dòng nước mắt
Nén cầm - ngược lại - cứ rưng rưng

Diên Nghị
Tháng 8. 94.

HUẾ CỦA HẮN

Tôn-Thất Sơn

Hồi ở Việt Nam trước hồi một chín bảy lăm, mỗi khi làm đơn lên các vị chính quyền xin xỏ thắc mắc khiếu nại chuyện chi, trên tờ đơn thường ghi rằng thì là ... nguyên đơn tôi tên Hắn hiện cư ngụ tại đường Bộ Thị — tên Nguyễn Biểu vào thời cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm — Thành Nội Huế sinh quán phường Nguyệt Biểu huyện Hương Thủy tỉnh Thừa Thiên, chánh quán làng Gia Miêu Ngoại Trang tỉnh Thanh Hóa vân vân...

Nay đã 16 năm xa Quê Hương và trên 45 năm rời xa nơi chôn nhau cắt rún, Hắn quay trí tưởng về vùng Đất Mẹ, nơi Hắn được cưu mang lớn lên để trở thành người và cuối cùng làm kẻ lưu đầy nơi miền Bắc Cực ngàn trùng xa cách này.

Hắn bắt đầu cuộc đời trẻ thơ từ một địa danh gọi là Tuần nằm về hướng Tây và cách thành phố Huế vào khoảng 13 cây số theo đường chim bay. Hắn lớn lên trong khung cảnh của những đồi chè xanh do Ông Bà Nội xây dựng nên. Sâu bên trong đồi chè là những rặng thông lẫn với những đồi sim tím. Hắn thường thơ thẩn đi hái sim mỗi mùa sim chín mọng ăn tím cả môi cả lưỡi. Có những buổi chiều hè Hắn ngồi trên chóp đỉnh đồi nhìn váng đỏ váng hồng khi mặt trời đỏ rực ngả về Tây, thỉnh thoảng hướng mắt về phía quốc lộ số một chạy vắt ngang xa xa với những lùm cây che khuất nên Hắn chỉ thấy có một phần trên những chiếc xe Traction đen bóng loáng vun vút chạy qua để lại những đám bụi mù khiến Hắn mơ ước vẩn vơ. Trong tâm hồn đứa bé 5, 6 tuổi Hắn mơ đến những bến bờ xa lạ với ao ước đặt chân tới. Hắn ao ước được một lần trong đời được ngồi trên chiếc xe hơi sang trọng kia nhưng nghĩ rằng chắc một đứa bé nhà quê nghèo hèn như Hắn đời nào có được hân hạnh đó, chắc chỉ có kiếp sau.

Thế rồi Cách mạng mùa Thu. Cha Hắn theo tiếng gọi thanh niên bỏ lại gia đình ra đi cứu nước theo tiếng gọi của Việt Minh, của Hồ Chí Minh. Hắn theo đám trẻ trong vùng ra quốc lộ tập đi một hai, đường lộ trống vì không còn xe hơi của các ông Tây chạy ngang nữa. Có những buổi chiều sau cơn mưa giông, tiếng kêu "áp" từ bên kia đồi vọng sang căn nhà tranh ba gian hai chái Hắn đang ở khiến Hắn vừa sợ vừa có cảm giác buồn não nuột. Hỏi Mạ, đáp rằng đó là tiếng kêu của con mang ra ăn sương chiều. Hắn chẳng biết con mang ra làm sao, có dữ tợn và ăn thịt con nít hay không. Có những mùa đông rét mướt, Cô và Bà Nội hắn thường dùng lồng ấp đặt dưới bụng ngay trong chiếc áo dài thâm đen, đi đâu cũng lò dò mang theo như phụ nữ mang thai.

Rồi quân Nhật đảo chánh Pháp. Những ngày tháng kinh hoàng vật vã vì cơn đói Ất Dậu do người Nhật gây ra để chận đứng tinh thần quật cường yêu nước của người Việt trước giặc ngoại xâm. Những tấm thân phù thủng vì thiếu ăn, những thân người da bọc xương ngã gục vì đó. Hắn thường lựa những hột cơm cõng những miếng sắn khô cứng ngắc và đắng nghét mà ăn còn sắn giao lại cho Mạ và Bà Nội.

Sau khi Nhật bị tước vũ khí thì những tin khủng khiếp khác dồn dập đến. Một vài chú vài bác trong vùng bị Việt Minh chôn sống hoặc chặt khúc thả trôi sông.

Đến khi quân Pháp trở lại, bắt đầu những vụ dội bom, những vụ đạn cà nông bắn xối xả quanh vùng Hắn ở. Những chiếc máy bay bà già thám sát thật độc ác và dễ sợ như những mụ phù thủy làm

tan gia bại sản không biết bao nhiêu gia đình vô tội. Rồi những vụ lính Tây, lính lê dương đi lùng Việt Minh. Hãm hiếp phụ nữ. Đốt nhà. Thế rồi căn nhà từng cưu mang Hấn rồi cũng bị đốt. Mạ Hấn đưa anh em Hấn về quê Ngoại tá túc ở làng Thanh Lam. Trong khi Ba Hấn kẹt ở thành phố Huế sau khi từ bỏ Việt Minh về thành. Lại những bữa ăn độn, khi đói khi no, chủ yếu là sắn nấu chín giã với muối sống và ớt tươi trong những chiếc cối giã lúa. Đó là những bữa ăn trưa. Hấn từng giúp Mạ và các Dì nấu bánh tét làm thực phẩm cho mấy anh bộ đội Việt Minh lên Huế đánh Tây ở Miễu Đại Càng. Người đi thì nhiều, kẻ về thì ít nhưng dư âm trận đánh được kể đi kể lại nhiều lần bởi kẻ sống sót.

Theo chiến cuộc và vận đời đưa đẩy, Ba Mạ đưa anh em Hấn về cư ngụ tại Thành Nội Huế, lúc đầu ở đường Nhà Thương dọc theo bờ thành phía cửa Đông Ba, sau đó là đường Bộ Thị. Hấn từng là học sinh tiểu học Trần Quốc Toản, trung học tư thục Bồ Đề, trung học Nguyễn Tri Phương và Quốc Học vào thời điểm mà cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã chỉnh đốn giềng mối chính trị Miền Nam. Vào thời kỳ hiệp định Genève chia đôi đất nước, Hấn học đâu đến lớp đệ lục đệ ngũ, Hấn ao ước được đi ra Miền Bắc và Hà Nội một chuyến trước khi cầu Hiền Lương bắc ngang sông Bến Hải đóng cửa thông thương.

Hấn có những buổi sáng mùa đông trong chiếc áo mưa rách cùng với Nguyễn Kim Thái hoặc đi bộ qua cầu Tràng Tiền hoặc qua đò Thừa Phủ để đến trường Quốc Học. Lớp học bắt đầu hồi 7 giờ rưỡi sáng nhưng Hấn phải ra đi từ hồi 5 giờ rưỡi hoặc 6 giờ sáng mới kịp đúng giờ vào lớp. Con đường thân yêu Nguyễn Biểu rẽ sang đường Âm Hồn, ngang qua những ngã rẽ Bộ Tham, Bộ Học, Đinh Công Tráng đâm lên đường Thượng Thành, ra cửa Thượng Tứ, ngang Phú Văn Lâu lên cầu Trường Tiền và sau đổi là cầu Nguyễn Hoàng. Gió lộng trên cầu khi ngang qua sông Hương về mùa Thu và Đông lạnh buốt thịt da. Nhất là vào những ngày trời mưa dai dẳng thúi đất thúi đai gió thổi quất roi mưa vào chân đau buốt thấu xương.

Hấn nhớ về Huế với những chiều đi dưới mưa với Ngô Đức Chương nói chuyện văn chương thơ phú con cóc. Hấn nhớ về Huế với những buổi đi lội nước lụt mềm chân khiến "con hà" ăn tét các kẽ ngón chân. Hấn nhớ về con đường Lê Lợi chạy ngang trường Đồng Khánh Quốc Học với những xác phượng vĩ đỏ ngập lối đi mỗi độ hè về. Hấn nhớ về những tà áo trắng ngợp đường Lê Lợi làm duyên dáng cho cầu Trường Tiền vào những chiều nắng vàng gió nhẹ trời trong khi Đồng Khánh tan trường làm cho chàng học trò Quốc Học thấy lòng phơi phới trong những lần "đi nghễ" khiến lòng thương mến vẩn vơ những mái tóc thề đen mượt nhảy múa trên vai cô nữ sinh Huế e ấp. Hấn nhớ về Huế với những buổi đi xe đạp lên vùng lăng Tự Đức học chung với Lê Cảnh Trí. Hấn nhớ những buổi đi tắm chung hồi còn bé với Chú Son tại Bến Tượng dưới chân cầu Đông Ba. Những con đò, những cục phân người trôi lềnh bềnh trên giòng nước. Hấn nhớ những buổi sáng sớm Hấn thường làm một chuyến bơi từ Phú Văn Lâu lên cầu Bạch Hổ rồi quay vòng trở lại khi còn học sinh Quốc Học. Hấn nhớ về chợ Xép tanh mùi cá và bùn lầy đen thui nằm khiêm nhường chênh chếch bên trái cửa Đông Ba. Hấn nhớ đến thời kỳ đánh bài vụ với heo ếch... trong Chợ Xép mà người ta còn xài đồng xu kẽm đen. Hấn nhớ đến những tranh mộc bản bình dân bày bán trong chợ mỗi độ Tết về. Hấn nhớ về Bao Vinh với người bạn Đào Hữu Tiềm, hấn thường về học chung để thi tú tài toán.

Khi vào y khoa Huế hấn lại đổi hướng học chung, về Bãi Dâu với Lê Đình Thương và đám bạn mới. Hấn cũng miệt mài nhiều năm tháng với Ngô Trọng Thọ nơi căn nhà từ đường nằm tại góc Âm Hồn — Đinh Công Tráng mà đối diện có một căn nhà nhỏ một thời người ta gọi nhà Mã-ông-trạng. Những địa danh Ga và bến xe Nguyễn Hoàng rất thân thiết với hấn

kể từ khi Hấn theo Lê Đình Thương, Đặng Ngọc Hồ, Trịnh Bình Tây, Đoàn Yến, Hầu Mặc Sửu đi đấu bi da. Thằng nào thằng nấy trừ Hồ, Yến, Sửu nổi cộc xì nẹc và nói tiếng Đan Mạch liên hồi khi "quê cơ". Ngô Trọng Thọ thường đèo Hấn trên chiếc Lambretta cũ kỹ tiếng nổ như tiếng trực thăng HU-1B về các nẻo đường im vắng, qua chùa Diệu Đế, xuống làng Kim Long đâm về chùa Linh Mụ để nghe tiếng chuông chùa gióng lên thinh không trong những buổi chiều tĩnh mịch bên giòng Hương lặng lờ êm đềm. Những buổi theo bạn bè y khoa Huế lên Tây Thượng, Ngự Bình hay xuống Vĩ Dạ ăn bánh bèo. Về Gia Hội ăn bún Mụ Rớt. Xuống dốc cầu Đông Ba ăn bánh khoái. Xa hơn nữa anh em đưa nhau đi du hí lành mạnh ở Cầu Hai, Hải Vân bằng Mobylette, Vespa, Lambretta, Sachs. Theo bạn bè lên cư xá sinh viên Nam Giao đánh xì phé cò con. Theo bạn Võ Văn Đàn qua Bến Ngự ăn cơm sinh viên.

Rồi Huế quàng khăn đại tang vào Tết Mậu Thân với 3.000 người dân vô tội tay trói gô gục ngã trong các nấm mồ tập thể ở Gia Hội, ở Bãi Dâu, ở Phú Thứ... Vào dịp Việt Cộng tổng tấn công cả Miền Nam theo lệnh Hồ Chủ Tịch vĩ đại, vào thời điểm Hấn làm nội trú tại Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng với Thầy Đinh Văn Tùng.

Ngày Hấn về thăm Mạ Hấn trong căn nhà đổ nát đạn bom, Huế đượm mùi tử khí. Nét hiền hậu điềm đạm trên khuôn mặt các Bà Mẹ Huế được thay thế bằng nét ủ dột sầu đau khôn tả. Tiếng cười dễ thương trong vắt hồn nhiên của các cô nữ sinh Đồng Khánh được thay thế bằng tiếng khóc thầm. Cả một trời tang tóc. Từ đó Hấn đi biệt. Thỉnh thoảng về nhìn lại Huế trong vài tiếng đồng hồ. Giòng sông Hương vẫn lặng lẽ trôi nhưng tim người dân Huế sôi sục và Quê Hương vẫn chìm trong mùa chinh chiến nồi da xáo thịt.

Hấn bỏ nước ra đi sau khi đã trả nợ bằng những cơn đòn thù, bằng những lận đận trong các trại cải tạo và nhà tù của kẻ thắng trận đỏ trong đó con người cùng một Mẹ Âu Cơ hành hạ lẫn nhau mà nhân danh bao nhiêu mỹ từ rỗng tuếch.

Qua mệnh đời đưa đẩy, Hấn đã trọn và sống với gia đình đã hơn 15 năm tại cái xó Bắc Cực — và rồi Hấn sẽ tiếp tục sống nốt cuộc đời còn lại ở nơi này. Vương quốc Na Uy cách xa Quê Mẹ đến hai lục địa. Gia đình Hấn cư ngụ tại một thành phố nhỏ bé như Huế tên là Kristiansand, đó là một tọa độ khiêm nhường nằm ở cực nam trên một dải đất trải dài từ bắc Xuống nam như một đòn gánh, mà nếu người ta dùng thành phố làm điểm chuẩn quay 180 độ thì miền bắc Na Uy sẽ gặp Tòa Thánh Vatican. Giải đất Na Uy cũng có dãy bờ biển dài như Đất Nước Hấn nhưng lại nằm trên vùng Bắc Hải mà không là Nam Hải.

Mùa Thu và Mùa Đông dài chiếm hầu hết tám tháng và ngày ngắn đêm dài. Người dân địa phương có hoạt động thể thao quanh năm. Về mùa Thu thì bầu trời xám đục với những cơn mưa nhỏ. Về mùa Đông thì tuyết phủ trắng xóa lạnh lùng. Mùa Xuân và mùa Hè kéo dài mỗi mùa hai tháng. Người dân địa phương chờ mặt trời và nắng ấm như ngày xưa Hấn chờ Mạ Hấn đi Chợ Hôm về mua-bánh-em-ăn. Ở đây không có những cơn nắng đổ lửa lên thân xác nhễ nhại mồ hôi. Ở đây không có cơn nồm nam từ Hạ Lào thổi về khiến cho áo quần đẫm mồ hôi trở thành chiếc bánh tráng nướng mỗi khi phơi trên ghế như Huế. Người dân địa phương hưởng lễ Giáng Sinh như người Việt mình hưởng Tết Nguyên Đán, người dân địa phương hưởng Tết Dương Lịch như người Việt mình ngoại đạo hưởng lễ Giáng Sinh. Bởi vậy mỗi năm khi Mùa Giáng Sinh về, nhìn thiên hạ trang hoàng nhà cửa mua sắm tưng bừng là lòng Hấn quặn thắt buồn đau bởi vì người ta có thân nhân có bạn bè quyến thuộc bên nhau còn mình thì bạn bè quyến thuộc tan tác mỗi kẻ một phương trời trong khi bên ngoài thì giá buốt căm căm.

Mỗi năm vào cuối tiết Xuân mọi người sửa soạn lên núi trượt tuyết nhân lễ Phục Sinh để khi trở về có dịp khoe với hàng xóm với bạn đồng

sở khuôn mặt rám nắng mạnh khỏe của mình thì những cây Forsythia bắt đầu đâm chồi nẩy lộc, Ngọc thường cắt nhiều cành mang vào nhà để cạnh lò sưởi thế là trong vòng một tuần lễ gia đình có được một lọ hoa-mai-địa-phương tuyệt đẹp, để cho bớt nỗi nhớ cành-mai-Huế.

Mỗi năm khi tuyết bắt đầu tan; khí hậu bắt đầu ấm áp trở lại với chút bầu trời trong xanh và nắng vàng cùng với những cây Forsythia nở vàng rộ, đứng trong cái lạnh gây gây da thịt Hấn thường nhớ về những cái Tết nơi Quê Nhà ở làng Thanh Lam Nguyệt Biều là quê Ngoại và quê Nội. Hấn nói với Ngọc "Cái không khí này khiến cho anh nhớ Huế quá đi thôi". Hấn nhớ Huế đến quay quắt. Hấn nhớ Huế đến thắt cả ruột. Nhớ Huế, nhớ Mạ và các em nhưng mà nước mắt Hấn gần cạn khô. Hấn tự nhủ: "Phải chi mình khóc được thì đỡ khổ biết mấy".

Nay ngồi đây mà nhớ về căn nhà nhỏ nghèo nàn nơi đường Bộ Thị trong đó Mạ Hấn đang sống. Nhớ về những mùa mưa lê thê của mùa Đông xứ Huế. Nhớ về những ngày lụt lội nơi căn nhà Hấn đã lớn lên làm người. Nhớ về con đường nhỏ từ nhà ra đường Mai Thúc Loan xuống chợ Xép lầy lội tanh tưởi. Nhớ về bên kia Đập Đá nơi vùng Chợ Cống có căn nhà từng cưu mang tuổi thơ người vợ yêu của Hấn. Nhớ về hai con phố nhỏ ngó nhau trên đường Trần Hưng Đạo vào những chiều chúa nhật buồn hắt hiu đi dạo phố một mình nhìn thiên hạ nhởn nhơ.

Những Chương, những Trí, những Tây đã ra đi vào lòng đất Huế. Những Thọ những Thương nay đang ở bên kia bờ Đại Tây Dương. Người Mẹ Già vẫn còn lịu địu nơi Nội Thành Huế đổi chủ đã 20 năm qua, chắt chiu mong đợi đứa con lang bạt trở về đặng nhìn lần cuối trước khi nhắm mắt vĩnh viễn đi vào cát bụi. Nhưng thằng con làm sao trở về khi đã hơn một lần chối bỏ những kẻ sắt máu đang ngồi chồm hổm trên đầu trên cổ nhân dân Việt Nam. Nhưng thằng con làm sao trở về khi thủ trưởng công an thành phố Huế đã khẩn trương gắn lên ngực áo Hấn chiếc "huy chương phản động".

Ngày nay hấn còn nhiều cơ hội đặt chân lên các đô thị xa hoa lộng lẫy, Hấn đã được ngồi vào trong những chiếc xe hơi sang trọng êm ái gấp mấy lần chiếc xe Traction, Hấn đã có dịp ăn ở nơi khách sạn tối tân, nhưng mà sao lòng hấn dửng dưng, nhưng mà sao lòng Hấn ê chề. Ừ, phải rồi quá khứ của Hấn không một lần gắn liền với vật thể đẹp đẽ vĩ đại của thiên hạ không cùng chung kỷ niệm với Hấn. Chỉ có Huế nhỏ bé là của Hấn. Huế nghèo nàn. Huế mang nhiều dấu tích đau thương của Dân Tộc, của Người Xứ Huế.

Những con đường nhỏ lầy lội, cái chợ Xép tanh tưởi bùn lầy nước đọng, con sông Hương lặng lờ, Hoàng Thành loang lổ vết tích chiến tranh trơ gan cùng tuế nguyệt, tiếng chuông chùa trong buổi chiều tĩnh mịch, những cục phân người nổi lềnh bềnh trên giòng sông Đông Ba, con đò uể oải dưới chân cầu Gia Hội, những roi mưa mùa Đông buốt da thịt, những buổi trưa hè đứng gió nắng đổ lửa mồ hôi nhễ nhại, những chén cơm hến buổi sáng, những trái bắp Cồn chín nóng hổi, những bát bún bò cay xé miệng vân vân... tất cả đã đi vào ký ức và làm thành Huế-của-Hấn khi ngồi đây nơi vùng Bắc Cực ngàn trùng xa cách này.

Mẹ ơi, con cầu trời Phật phù hộ cho Mạ sống lâu trăm tuổi để con còn một lần nhìn lại đôi mắt chất chứa một trời yêu thương mà con bắt gặp vào hôm cuối tháng tư bảy lăm khi con chạy bán sống bán chết từ Đà Nẵng vào Saigon. Mạ đã ôm chân con trai Mạ. Không nói. Nhưng ôi ánh mắt của Mạ con chẳng bao giờ quên đâu.

Mỗi lần nghĩ đến Mạ, đến Huế mà con chưa biết đến bao giờ mới gặp lại, ý nghĩ đó khiến tim con quặn thắt và nước mắt chỉ muốn ứa ra. — Mạ ơi, Huế ơi, con sẽ trở về vào một ngày nào đó. Con sẽ đi ngửng đầu cao nhìn lại Quê Hương nhìn lại Huế-của-con và mỉm cười với Bà Con Thân Thuộc.

Huế sống mãi trong trái tim rướm máu của Hấn.

○ Tôn-Thất Sơn
Na Uy, Mùa Phục Sinh - 95.

Thư viết gửi về Huế

Phan Mộng Hoàn

San Jose 30 tháng 05 năm 1995

Chị Thu của em,

Cuối tháng năm rồi mà hay chưa, ngoài kia không gian bàng bạc một nét buồn buồn của mùa thu ở quê nhà. Trời nhè nhẹ sương khói khiến lòng em chùng xuống một nỗi tiếc nhớ vu vơ. Và em viết thư này gửi chị trong chút cảm hoài về quê mẹ giờ đã vời xa trong dĩ vãng...

Mấy tuần lễ nay em bận rộn vì mùa Final học kỳ Xuân nên em không làm sao có chút thời giờ rảnh rỗi để tâm sự với chị. Nhưng chiều hôm qua em đã vui sướng tung hê hết lũ sách vở. Em chạy như bay đến quán sách của trường, hớn hở đứng xếp hàng sau cái đuôi dài vòng vèo những cô sinh viên tóc vàng như lúa chín, mỏi cổ vì cứ mãi ngước cao đầu nhìn qua sau vai mấy cậu da mầu mực tím, họ thì cao như cây tre miểu trong khi em lùn tịt như cái mụt măng... già! Em ngắm cái cô mua sách đó chị ơi. Bỗng nhiên chiều nay cô ta lộng lẫy như nàng Marylin Monroe ngày xưa em từng yêu mến. Những người trẻ tuổi này cũng như em, vừa rời khỏi phòng thi, vừa dứt khoát trả lại hết chữ nghĩa cho thầy. Và chừ đến đây bán mớ "kiến thức" kiếm tí tiền còm để lát nữa còn ghé vào campus khề khà bên ly cà phê nóng với đám bạn ồn ào tán dóc chuyện thế sự.

Em đang vui lắm vì vừa chấm dứt mùa học nhiều gay cấn. Lũ "Đạo hàm" rắc rối cùng bầy "Căn số" khó thương chừ không còn bắt em đăm chiêu o bế nữa. Em đã bye bye hắn lập tức ngay sau buổi chiều thi toán. Tiễn đưa hắn vào cõi quên lãng không chút tiếc thương ở quán sách của trường và sáng hôm nay rảnh rang ngồi đây viết thư cho chị.

Từ từ em sẽ kể cho chị nghe. Học kỳ Xuân em buộc phải lấy môn toán. Bây giờ em không còn được tự do ưa học chi thì học nữa. Phòng EOPS lưu ý cho sinh viên bô lão là em, rằng nếu cứ học tràn cung mây em sẽ hết vốn liếng học bổng để tiếp tục đi xa hơn. Vì rứa em đành khép mình vào khuôn khổ. Nghĩa là như mọi người, sau những lớp Anh ngữ căn bản giúp mình có phương tiện hội nhập vào rừng chữ nghĩa xứ người. Em phải lấy những môn "Giáo dục Tổng quát" là những cái mình đã "khổ lắm biết rồi nói mãi" từ cái hồi hơn 30 năm về trước khi vượt qua cây cầu Tú tài đôi. Chừ mệt mỏi làm răng vì "tụi hắn" rất khó nhai khó nuốt bởi em phải làm quen bằng thứ tiếng của "họ". Tội nghiệp cho em ngoài ngũ tuần em phải điên đầu làm toán. Cuốn sách Algebra nặng như đá tảng ấy đã hành hạ em qua 4 tháng trời ròng rã. Ngày mô như ngày nấy em đã cong lưng chúi đầu vào những trang sách chi chít đen ám chữ và số... Rồi em chợt nhớ đến ngày xưa...

Năm em học lớp đệ ngũ Mai Khôi ở Gia Hội, các sơ đã mời được người nổi tiếng dạy toán dễ hiểu từ Đồng Khánh tức cô Nguyễn Thị Thu qua trường mình. Nên những đứa học trò mất căn bản như em đã thấy ham thích việc dồi mài kinh sử. Bởi dân Huế vốn chuộng khoa bảng. Nhà giàu nứt đố đổ vách hay gia đình

thanh bạch đều cố sức lo cho con em học hành đỗ đạt. Nhưng muốn vào đại học, dân học trò buộc phải vượt qua mấy chặng đường, chặng mô cũng đầy gian truân khổ ải. Và toán là môn gây cho những kẻ đầu óc mơ mộng "loại" em lắm chua chát khi nếm mùi:

"Học đã sôi cơm nhưng
chửa chín
Thi không ngậm ớt thế mà
cay"

Huống chi chừ tự nhiên bắt mình dính trở lại kiếp học trò, toán càng làm mình ê ẩm. Suốt thời gian vướng víu hắn em cứ băn hăn bó hó hoài! Té ra khi mình không còn trẻ, não bộ xơ cứng hay răng mà cứ học trước quên sau đó chị ơi. Đầu óc chỉ chực lảng đảng nhớ chi mô.

Nhớ tiếc thời tuổi nhỏ thường cùng bạn bè chia xẻ nỗi ưu tư khi mùa thi đến. Tụi em chia nhau từng nhóm ôn chung bài. Bãi trường rồi không đến lớp nhưng ngày mô em cũng phải đạp xe qua Chợ Cống đến nhà Tường Nhi. Hai đứa chui ra sau vườn ngồi dưới gốc cây vú sữa đầy bóng mát thi nhau hét, tụng như điên những bài Vạn Vật tràng giang đại hải. Vừa ê a đọc vừa dòm mặt nhau, nghiêm trang và căng thẳng hơn khi mô hết. Nhiều lúc đang hăng hái học thi chợt đâm ngang kể lể tâm tình. Thời gian "giải trí lành mạnh" đôi khi kéo dài quá trớn. Có bữa mới ôn được nửa tiếng đồng hồ thì một đứa rụt rè đề nghị kiếm chút chi lót lòng. Rứa là đứa còn lại mau mắn đồng ý cái rụp. Tụi em dong xe qua Đập Đá luôn mát rượi vì sóng nước sông Hương vỗ về. Hướng về Vỹ Dạ xanh ngát hàng cau lả ngọn. Nắng hè trong như mật ong chiếu lấp lánh lên đám lá tre biêng biếc và lốm đốm thêu hoa xuống mặt đường nhựa đen êm ả. Hai cô "sắp sửa" Tú Tài ngày đó đã trong phút giây quên hết mọi hệ lụy cuộc đời khi ghé thăm quán bánh bèo Tây Thượng.

Quán tranh rộng rãi này là điểm hẹn hò lý tưởng của những người tuổi trẻ Thần Kinh... quỷ khiếp! Nói như rứa vì bọn em chưa khi mô dám "rước đèn" với một người bạn khác phái. Đang tơi bời vì phải vật lộn với tụi Toán-Lý-Hóa Vạn-Vật. Học trò Đồng Khánh của chị chăm hăm chúi húi chuyện đèn sách mô có giờ nghĩ tới ba chuyện rắc rối tơ vò. Trước mắt là cây cầu Tú Bán eo sèo khổ ải. Phải làm răng vượt cho qua được hắn. Còn thì mọi chuyện khác tính sau, đã có mẹ già.. lo liệu! Nên chi khi tới những điểm hẹn dễ thương này tụi học trò con gái tha hồ ăn to nói lớn. Quán nổi tiếng nhất là món bánh bèo dĩa. Bột bánh trắng tươi như bông bưởi lại còn dẻo thơm mịn màng nữa. O chủ quán tươi cười ra đón khách từ ngoài ngõ vội khoe là bánh mới đổ xong còn nóng hôi hổi. Nhìn dĩa bánh ngon mắt với ngự tôm chấy màu hồng thắm nở xốp lên thành lớp dày che lấp ló bên dưới là những tấm bánh trắng tinh và mỏng dính, rắc trên cùng là tóp mỡ xắt nhỏ như hạt lựu, vàng sậm và nhai tới sẽ nghe dòn tan rất vui tai. Khỏi phải mời mọc nhau khách sáo, tụi em xà ngay xuống ghế để náo nức hèo nhặt chèo khoan. Thoáng cái dĩa bánh bèo đã biến mất tiêu. Chén nước mắm ngọt thanh cay cay dễ chịu phải nhớ húp cho cạn kẻo phí của trời! Không cần hỏi han chủ đã bưng ra thêm hai tô bún cua nghi ngút khói. Đặc biệt bún cua ở Tây Thượng với những miếng thịt xe tròn cỡ lóng tay, thịt cua ướp răng mà thơm quết răng thiệt khéo, miếng thịt chắc nụi, mình nhai tới mô nghe thơm, cay và nồng nàn tới đó. Bữa trước mới ăn qua bữa sau đã thấy nhớ hắn rồi!

Chị thương nhớ,

Sáng hôm nay hồn em như
tủ áo
Ý trong veo là lượt xếp từng
đôi

Em đang tâm sự với chị nửa chừng thì bỏ dở đi chơi. Em vừa từ Nam Cali trở lại San Jose và sáng ni ở nhà một mình yên tĩnh nên lôi giấy bút ra viết tiếp cho chị đây. Hôm tê cả bầy tụi em vừa "họp chợ" tại nhà Diễm xưa. qua đây mới có 5 năm "ôn mụ" hắn đã sắm cái nhà thơm phức rồi đó chị ơi. Khi em và Tường Nhi tới, từ ngoài "cươi" em đã nghe trong nhà lao xao luyến xuyến tiếng bạn bè nói cười râm rang. Sau lớp

cửa kính em chộ tụi hắn dành nhau ùa ra đón khách. Mặt mày đừa mô ngó cũng tươi roi rói. Thu Phương cười tít mắt, Lành thì đủng đỉnh làm bộ cho ra vẻ hiền thục vì thực tế ngược lại với tên hắn. Để rồi coi chỗ mô có hắn là chỗ nớ nổi đình nổi đám. Tụi em ôm choàng lấy nhau mừng rỡ. Chị biết không, không phải khi mô bạn bè cũng có thể chạy tới thăm nhau dễ dàng như hồi còn ở quê nhà.

Mỗi đứa hùng cứ một góc trời. San Diego rẻo đất cuối Nam Cali có Hoàng Hương Thủy và Đông Phương. Thủy nghe có em và Ngọc Túy từ Miền Bắc "Địa đàng" xuống chơi nên năn nỉ Đoan Trang lái xe vèo vèo chở lên thăm. Thủy là đứa bạn từng chia ngọt xẻ bùi với em đoạn đời mẹ con em thân sơ thất sở ở quê nhà. Em chợt xót xa trông bạn có vẻ ủ dột. Có lẽ Thủy vẫn chưa nguôi ngoai vì cái chết của cậu em tài hoa.

Hồi mẹ con em dọn về ở 73 Mạc Đĩnh Chi, em đã có dịp thân quen với gia đình Hoàng Xuân Giang. Giang là em trai của Thủy tính tình rất dễ thương. Tối nào rảnh cậu ấy cũng dắt lũ con em ra mấy con đường vắng gần nhà để tập cho tụi nhóc chạy xe gắn máy. Em nhớ mãi hình ảnh của Giang vừa hát vừa đệm đàn ghi ta. Giọng anh trầm buồn như vướng một chút chi ray rứt trong đó. Em không làm răng quên được bé Bích Ty con gái cưng của vợ chồng Giang. Cô bé tròn quay và học giỏi, là bạn cùng lớp với út Mi nhon của em. Nhớ Mai mảnh khảnh có đôi mắt xếch của người Trung Hoa và làn da mịn màng trắng muốt. Giang mất rồi chắc Mai đau đớn lắm. Cô là người vợ yêu thương chồng đến si dại mà. Khi họ cùng hát với nhau thấy thương lắm. Mai mê đắm nhìn Giang, tiếng cô cao vút chơi vơi như nuối theo ánh mắt mãi chìm đắm vào cõi hư vô nào của Giang. Trước ngày sắp rời Sài Gòn để xuất ngoại sang Canada, Cậu Giang còn chịu khó sơn phết và sửa chữa chiếc xe đạp thời Tây ..đô hộ "cho chị MH chạy mệt nghỉ mà lo chuyện đem bầy nhóc qua với cha tụi hắn" theo lời Giang nói.

Nhắc đến Giang là em lại ngậm ngùi nhớ thời mẹ con em còn lưu đày ở quê nhà. Với con ngựa sắt sơn màu hắc ín ấy em đã chạy khắp nơi không biết chán. Nhớ cái yên xe đạp vênh váo bằng da bò, nhớ cái ghi đông vểnh lên như cặp râu của Thống chế Pétain.. Chiếc xe lì lợm đã đưa chủ tới mọi ngóc ngách của thành phố cho mình tìm mọi cách để ra đi và nhất là trước đó cho mẹ con được yên thân tồn tại trên chính tổ quốc mình! Và mãi 11 năm sau em mới đưa được bầy con lìa bỏ đất mẹ... Khi ra đi em đã tặng con ngựa sắt trung thành ấy lại cho một cô giáo còn khốn khổ gấp trăm lần mình!

Đó em lại lạc đề nói dông dài làm mệt tai chị. Thôi em quay lại đây.

Dưới San Diego còn có Tiên Phước trụ trì nhưng đố ai dụ dỗ con bạn ni rời khỏi tổ ấm của hắn dù chỉ một nửa ngày ngắn như cái chớp mắt. Chị còn nhớ TP không chị? Hắn có cặp mắt đen láy, tròn xoe và hàng mi dài ưa chớp chớp như mắt búp bê. Hồi nhỏ em nhớ lần đi dự trại hè Liên tỉnh Miền Trung mở tại rừng Dương ven biển Cửa Thuận. Chị đã biểu Phụng lớn cấp tốc làm vũ sư dạy múa cho tụi nhóc ĐK. Nói oai như rứa vì em lúc nớ vừa thi rớt Đíp-lôm kỳ 1 trong khi dân ĐK dự trại, sau hè mới leo lên đệ tứ. Em và Hồng Hoa là dân "ngoại quốc" từ Mai khôi phái đoàn thiểu số nên dễ bị thiên hạ ăn hiếp. Nhưng chỉ một sớm một chiều em đã xâm nhập xã hội quậy trời sợ với tụi hắn mà tên cầm đầu là Lê thị Mỹ. Sếu vườn dễ thương của chị em mình từ lâu đã tiêu diêu bên kia trời tưởng tiếc.

Những mùa trại hè đong đầy nắng thủy tinh và trong vắt giọng cười hồn nhiên của tuổi 16 ngây thơ. Bây giờ nơi ấy hàng dương liễu có còn xanh tóc lá? Và gió chiều lên có rì rào lời tâm sự với sóng nước biển khơi? Em nhớ dạo nớ vì trượt vỏ chuối nên em quá rầu rĩ. Đi trại mà em cứ mặt ủ mày chau. Bởi mu khóc nên giọng em khan đặc kiểu vịt đực. Rứa mà chị còn bắt em phải ra hát bên lửa trại bập bùng với ban hợp ca của dân ĐK người ta. Tại vì mùa Trung Thu sắp lên lớp đệ Tứ anh Hiệp em ghi tên cho em dự thi hát "Nhi Đồng" do đài Phát Thanh Huế tổ chức, em lãnh phần thưởng hạng 7 với cây đàn Mandoline vì rứa mà

chị đã xếp em vào loại mầm non ca sĩ! Thật thà mà nói, đêm lửa trại em chỉ ra đứng làm vì, vỗ tay cho dòn cho đậm đà nhịp vũ của bạn bè mà thôi.

Em làm răng quên được vũ khúc "Chiều Tà". Tụi bạn quỷ sứ mình mới quen, "ngoài đời" nghịch phá như thử chì chi, cãi nhau chí chỏ om sòm rứa mà khi lên sân khấu bỗng hóa thân thành những nàng thiếu nữ dịu dàng xinh tươi. ánh lửa bốc cao từ đám củi lửa trại đang tí tách reo vui ngày ấy, đã thoa cho môi má các cô bé 14, 15 hồng thắm nét xuân thì. Những nhịp chân nhẹ tênh xoay tròn khi chiều xuống. Thời gian chợt ngừng trôi để lắng nhìn. Dáng lụa mềm uốn éo tấm lưng thon. Suối huyền mơ là tóc xõa u hoài. Những mắt biếc và ngân nga lời ai hát... Những cô học trò Đồng Khánh bé bỏng của chị, những đứa bạn mồm năm miệng mười của em. Những Đỗ Phụng, Như Ngân, Kim Lan, Tường Nhi, Tiên Phước... ngây thơ thủa ấy chừ mỗi người phiêu bạt một phương trời. Có bao giờ nhớ tiếc tuổi thanh xuân?

Những ngày trại cho mình bao nhiêu là vui thú vì được rong chơi khắp nơi với lũ bạn bè mới quen. Huế mình quá xinh đẹp với những thắng cảnh thiên nhiên. Nơi Túy Vân bát ngát cỏ cây mướt xanh như ngọc, em đã vỡ lòng những dòng tùy bút đầu tiên ghi lại tiếng chim rừng lảnh lót từ núi xa vọng về. Âm thanh cao vút như nắng trong trên cao ấy, giọng chim tròn trĩnh buông lơi mà chan chứa lời gió ngàn reo vi vu... Những cây cổ thụ lực lưỡng và cao ngất tàng lá xanh đậm màu nguyên thủy cho mình bóng mát êm đềm. Giấc trưa hè nhẹ đến từ lúc mô ru em mơ màng giữa trời lồng lộng nắng gió.

Trại Hè Thuận An 57 em đã làm quen và thân thiết với Bạch Nga từ Phố Cổ Hội An. Con ngỗng trắng hiền ngoan ấy đã dành đoạn lìa bỏ chồng con và bạn bè đầu mùa hạ năm ngoái. Sau đó đến phiên Nhạn Vàng, cô bạn có lúm đồng tiền sâu hoáy dễ thương. Em nhớ hè năm kia khi cùng nhà em về Thủ phủ của người Việt Nam ở Hoa Kỳ, Kim Nhạn đã bỏ một buổi để cùng với Bích Diễm "dắt" em đi chơi. Tụi em gắn bó với nhau vì đều có quá nhiều kỷ niệm. Những năm 80, mấy tên chủ nhân mới của T.P Sài Gòn khắc nghiệt đọa đày lũ Mẹ Mốc tân thời là tụi em đến dở khóc dở cười. Mẹ con em lang thang lếch thếch khắp nơi vì liên tiếp bị đuổi nhà bởi không hộ khẩu đã dành. Còn bạn em có nhà cũng không yên thân, bọn khốn nạn kiếm mọi cách để xua cả nhà KN ra ở ngoài đường cho bõ ghét chỉ vì tội có thân nhân bảo lãnh cho ra nước ngoài.

Chừ trên cao xa ấy, những bạn bè thân đã ra đi sớm trước mình có đang nhìn xuống cõi đời này nơi kẻ thế nhân luôn phải tranh dành để sống?

Trong gặp gỡ đã có mầm chia biệt

Chị ơi em nói lan man tự làm buồn mình và buồn lây tới chị phải không?

Thôi để em xoay qua chuyện vui chị hí. Thường bên ni mỗi dịp họp mặt mỗi đứa tụi em khi đi quen na theo một món chi đó. Em ngó thấy quá nhiều món ăn bày đầy kín mặt bàn dài và món mô cũng hấp dẫn khẩu vị. Xế trưa hôm ấy có mặt 12 đứa nhưng Mai Hoa và Hương phải về sớm. Bạn em còn phải về để thanh toán cho xong "nợ nần" tức là cong lưng may từng núi hàng áo quần để kịp thời giao cho người ta. Qua đây khi tuổi đã vào thu. Lạ nước lạ cái thêm mật ít ruồi nhiều. Mọi người đều phải nai lưng ra để quần quật kiếm sống. Dù cực khổ nhưng mình vẫn cam lòng. Miễn răng con cái nên người. Tụi em đã an ủi nhau rằng coi như thế hệ kế tiếp của mình được cấp học bổng du học nước ngoài với chế độ đặc biệt ưu đãi: bố mẹ được "ăn theo"! Cho nên các "Mẹ Mốc" khốn khổ lúc còn ở quê nhà vì cứ phải tảo tần chạy ăn lo cho chồng con sống lây lất qua ngày đoạn tháng. Nay cảm thấy hạnh phúc vì dù răng nơi đất khách quê người mình được tự do tạo dựng lại cuộc đời, mặc dù lắm lúc bắt đầu từ con số không kinh hoàng. Tuy nhiên với bàn tay cần cù lao động, với trái tim còn đập trong lồng ngực và nhất là trí óc dù đã quá mệt mỏi phiền muộn vẫn luôn hướng mảnh đời còn lại sống

cho "tha nhân thương quý" của mình. Học trò chị ngày nay là những bà mẹ tình nguyện làm "con sen" làm "mụ vú" vui vẻ "hầu hạ" và phục vụ chồng con mình không biết chán. Phần em, em vẫn yêu đời da diết để làm việc và sống cho riêng mình nữa!

Cái tật nói lạc đề của em không làm răng sửa trị cho được. Chị tha lỗi cho em chị hí. Em quay lại chuyện "họp chợ" đây. Bên ni chuyện tiệc tùng không lo chỉ lo làm răng lôi kéo bàn bè tới nhóm "chợ" là khó thôi. Để khai mạc Bích Hảo mở chiếc máy ghi âm nhỏ xíu cho cả bày nghe giọng nói yếu ớt và run rẩy vì cảm động của thầy Âu. Hè 93 BH về thăm Huế đã làm một việc dễ thương là thu lại những lời nhắn gửi tâm tình của thầy và bạn thân ở bên nhà. Tụi em yên lặng nghe, bồi hồi nhớ thương vị thầy khả kính. Một đời thầy đã sống cho sự nghiệp giáo huấn của mình. Thầy Âu là người để lại nhiều kỷ niệm đáng nhớ nhất cho hàng vạn học trò.

Chị ơi! Chị nhớ không dịp em về thăm Huế em cũng bắt chước BH, đã gặp gỡ chị và một số bạn. Chiều hôm đó chị em mình vui quá. Chị đã nhắc cho tụi em nhớ lại thời hồn nhiên khi tụi em còn là những nữ sinh nhỏ bé của cô giáo dạy Toán dễ hiểu số 1 ở ĐK mình. Dân ĐK có thói quen kêu những cô giáo trẻ bằng chị. Nhập gia tùy tục em đã bắt chước bạn bè ở đây bỏ chữ "cô" trang trọng để thưa chị xưng em gần gũi và thân mật. Nhưng năm em bước lên lớp đệ nhị, nhà trường ra lệnh tuyệt đối cấm không cho xưng hô như rứa nữa. Đó là thời "chị" Tiết lên làm Hiệu Trưởng trường mình. Các cô giáo cô mô cũng dịu dàng dễ thương ngoài đời, trừ khi đứng trên bục giảng họ trở nên nghiêm nghị, đôi khi lạnh lùng. Còn lũ học trò con gái thì rủ nhau "mê" riêng một cô giáo, tôn làm thần tượng cho riêng mình. Cô Hoàng Oanh dạy Vạn Vật lớp em có đôi môi tròn chúm chím đỏ như san hô, cặp má bầu bĩnh và làn da bần quầng rám hồng thêm ánh mắt đen láy khi mô cũng reo lên nét tinh nghịch. Nhiều đứa bạn em chết mệt vì cô. Như Bạch Tiết bạn thân ngồi cạnh em, hắn theo dõi sát nút từng cử chỉ, từng lời nói của cô và hắn mê luôn môn VV của cô giáo dễ thương đó. Cho nên đừng hòng có ai dành "mặc sơ mi" VV được với hắn!

Hôm qua khi chạy xờ xuống phố để mua bó rau muống về luộc ăn với mắm cà. Hè rảnh rang nên em tha hồ tự cho phép mình vui sướng sống thong dong như lúc còn ở ngoài Huế mình. Từ nhà em tới siêu thị VN e cũng gần cỡ từ cửa Thượng Tứ xuống chợ Đông Ba chớ mấy. Em đi bộ nhanh cho khỏe người. Bên ni chị thấy ai còn lang thang thả bộ là phải đoán ra người đó là dân Bô-ê-miêng homeless hoặc là dân quý tộc thừa mứa tiền bạc không phải lo lắng "cày bừa" kiếm đô la hoặc là loại yêu đời da diết như em.

Em ngày mô cũng ráng chạy bộ một tiếng đồng hồ cho khỏi chết bất tử. Tháng trước em vừa đau dậy một trận ra trò, khi dòm vô kết quả thử nghiệm máu của em, ông thầy thuốc gia đình tuyên bố một câu xanh rờn: "Muốn sống an toàn chị phải diet tối đa để tự cứu lấy mình". Em biết rồi, sở dĩ em bị cao cholesterol như rứa là do những ngày làm dziệt kiều hồi hộp. 40 ngày trở về với quê hương yêu dấu là 40 ngày em thường xuyên "nạp nhiên liệu quá trữ lượng" vô cái cơ thể tội nghiệp của mình vốn đã dư năng lượng. Mà ác nghiệt thay món ăn mô ở bên nhà nhất là Huế cũng chan chứa tình cảm. Tụi hắn quyến rũ em quá chừng chị ơi! Hơn nữa em vốn tôn sùng thi sĩ Tản Đà là bậc thầy tri kỷ. Tiên sinh đã từng truyền lại cho hậu thế một triết lý vô cùng duyên dáng về hạnh phúc ẩm thực.

Khi em về thăm lại Huế em đã gặp lại vài đứa bạn thân còn sót lại ở đây. Vì hình như quá nửa lứa tụi em đều qua bến nớ (Mỹ, Canada, Úc, Pháp, Bỉ, Na Uy, Thụy Sĩ...) một số lớn thì bỏ Huế dời vô lập nghiệp ở trong Nam. Cho nên chừ nghe tin em trở lại Thu Trâm liền tới thăm. Năm 59 dọn thi Tú Tài Bán em thường đến nhà Trâm ôn bài. Nhà hắn nằm ngay múi cầu Gia Hội. Ba mạ Trâm mở cửa hàng bán đồ đồng nên tụi em quen kêu hắn là Trâm hàng đồng. Hai đứa leo lên căn gác gỗ thoáng mát ra ngồi ngoài hành lang dò bài nhau. Gió từ sông Hương phả lên mát rượi,

vừa học thi vừa dòm xuống cõi tục lụy nơi bến đò đậu kín dọc bờ sông. Hàng dừa xanh ngắt đổ bóng êm đềm che chở cho hàng trăm mái gia đình cư ngụ bập bềnh trên sông nước. Dân Kẻ Vạn sống chen chúc nhau trong một diện tích quá nhỏ bé. Cả nhà sinh hoạt giới hạn chưa tới hai mét vuông rứa mà lạ chưa họ thi đua đẻ năm một. Nhìn tụi nhóc lúp xúp trạc tuổi nhau, cởi trần trùng trục vói làn da đen bóng lưỡng chơi chạy đuổi bắt, chúng la hét om sòm vang cả một nhánh sông. Dạo đó đầu óc em cũng không hề vướng bận. Nay khi ngang qua đây em không còn thấy dày đặc xóm đò Kẻ Vạn nữa. Bờ sông vắng vẻ, những gốc dừa già cỗi soi mình lặng lẽ bên dòng nước buồn hiu gờn gợn sóng. Bạn em nói Nhà Nước cấm không cho họ sống tụ tập ven bờ sông gần nơi phố xá sợ làm ô nhiễm sông Hương. Em suy nghĩ và chợt lo cho những người đã từ trăm năm này quen lấy sông nước làm đất và con đò bề thế với đầy đủ tiện nghi gọn nhẹ là ngôi nhà để tồn tại nơi chốn này. Không biết họ có tìm được mảnh đất dung thân? Liệu nếp sống phải xa lìa dòng sông họ có còn được ru ngủ ngon giấc vì mô còn nữa những rập rình của cơn sóng vỗ?

Trâm ốm như "nữ thánh" Gandhi, những trông vẫn trẻ.. khô! Hai đứa chộ mặt nhau là reo hò ầm ĩ. Trâm đem tới cho em gói bọc lọc còn nóng hổi bắt em phải lột ra ăn liền và khoe là mới đạp xe xuống bến đò Chợ Đỏ lấy kịp lứa bánh ra lò đầu tiên của giấc chiều. Em vừa nghe bạn líu lo nhắc lại kỷ niệm thời xõa tóc vừa tận tình thưởng thức món bánh em mê nhất trên đời. Chiếc bánh cầm lọt tay còn nóng và mềm. Lá chuối gói bên ngoài răng mà ngó cũng khéo hơn bên kia gói chị ơi. Nếp lá gấp gọn gàng, mình mở ra là chộ liền miếng bánh trong trẻo xinh xinh ẩn hiện chất đời đằm thắm. Chỉ nên cắn nhẹ thôi lưỡi mình sẽ đụng chạm mùi vị đậm đà của tôm và thịt khéo ướp. Trưa hè nắng như thiêu đốt vạn vật nhưng ngồi bên giếng nước tỏa hơi mát rượi em đã cảm thấy chan chứa hạnh phúc. Tai em lơ mơ nghe Trâm nhắc chuyện xưa, mắt thì nhìn trời xanh ngăn ngắt xa xa nhấp nhô vài cụm mây trắng và bởi vì lòng vui quá nên em đã "chơi" liền tù tì một hơi... hết sạch bách gói bọc lọc bạn dãi mình! Rứa mà lúc nãy em ngại ngùng bụng hết chỗ chứa. Có lâu lắc chi, hồi trưa em mới nhẩn nha dùng cơm với gia đình An Sương mà! Sương đã ép em đơm thêm mãi những miếng cơm nóng dẻo để nhắm cho hết rẻo cá bống kho khô ngon tuyệt vời của hắn!

Chỉ 10 ngày ở Huế em đã ăn uống như thử 1 năm trời, biểu răng lượng cholesterol của em không vọt lên như phi tuyền con thoi phóng vào quỹ đạo đã chớ! Như nhà thơ sông Đà núi Tản, khi trở về chốn cũ dấu yêu em đã được thở hít làn không khí trong sạch, gặp lại bạn bè cũ thân thương, cùng hàn huyên nỗi đời ấm lạnh. Mâm cơm dù đạm bạc vẫn làm mình ngon miệng. Huống chi ngày mô như ngày nấy từ sáng tưng bưng cho tới lúc lên đèn em đã bị chiêu đãi bao nhiêu là món ăn ngon lành của cố đô!

Vì cơ thể phải kiêng cữ tội nghiệp như rứa nên chi suốt buổi tiệc em ham chọc cho bạn bè vui cười cho họ ăn ngon miệng, còn phần em thì cứ nhứt định chờ món đặc biệt của Bích Hảo. Hắn khun tột chị ơi! Khi bước vô em thấy trên tay BH cầm một bó hoa.. không một bó rau muống còn tươi xanh. Những cọng rau mềm oặt lá non mướt. Bạn em chỉ việc nhóm bếp ga chờ cho nước sôi để luộc rau là xong. Chấm rau muống luộc vừa tới ấy vào chén nước chấm sóng sánh đỏ au, với những con tôm kho đánh bóp bông lài, cả một trời xứ Huế hiện ra cho em háo hức... nhai nuốt! Chị thấy đó, dù xa cách Huế muôn trùng mà chỉ một khoảnh khắc gợi nhớ đủ sức đưa em bay bổng về chốn cũ thân thương.

Trong khi Diễm còn ham hố trổ tài nấu món Hủ tiếu thì cả lũ quỷ sứ đã ồn ào tiếp nối không dứt những chuyện tiếu lâm "khó hiểu" nói theo giọng điệu gốc Bắc kỳ của gia chủ. Học trò ĐK của chị "tịnh như xử nữ" chỉ khi mô ở một mình. Trái lại ăn nói rất mực văn chương thi phú... kiểu bóng bẩy Hồ Xuân Hương lúc họp chợ Đông Ba. Nhiều đứa long lanh nước mắt vì đã dồn dập cười mãi.

Nửa chừng thì Bích Hảo ra lệnh "mỗi người 1 phút" kêu điện thoại vô nhà thương thăm Nguyễn Thị Hiếu đang điều trị bệnh đau dạ dày đột xuất. Không ai được phép tả cảnh buổi tiệc sợ lem thèm hắn. Em chọc cho H. quên rầu vì phải nằm chèo queo trong nớ. Đã nghe giọng bạn reo lên trong máy nên mình cũng yên tâm khỏi lo nghĩ xa xôi.

Bọn em bên ni mỗi đứa một phương trời có khi xa cách đến hàng vạn dặm đường. May nhờ điện thoại lâu lâu tưởng như được gần gũi trong gang tấc để cùng chia xẻ tâm sự. Ai cũng có đời sống riêng phải lo toan và phấn đấu. Mệt mỏi nhiều vì cuộc sống luôn đòi hỏi mình phải xông tới làm việc và hưởng thụ. Vì quá căng thẳng khi kiếm sống nên bù lại mình phải biết điều chỉnh cho tinh thần thoải mái. Vì rứa mà mùa hè là mùa dong chơi đó đây. Có lẽ bên nhà khi nghe kể những chuyến du lịch xa của bạn bè bên ni sẽ thắc mắc răng người mô cũng lắm tiền nhiều bạc. Chứ thực ra đó chỉ là giai đoạn hưu canh chờ đợi vào mùa cày mới!

Chị biết không, từ hôm chia tay với chị và các bạn, trở lại đây mà em cứ ngậm ngùi thương nhớ bên nhà. Huế của mình ngày xưa rất mực phong lưu mà nay thì đìu hiu xơ xác quá. Những ngày về với quê hương là những ngày buồn hơn vui. Nắng hạ chói lòa như muốn nung đốt mình, thêm ngọn gió Lào khô khốc thổi tới càng làm héo úa cỏ cây hoa lá.

Tối 25 tháng 7, 95

Chị thương mến, em nối tiếp lá thư dài dòng này tại vùng biển thơ mộng Hạ Uy Di.

Máy bay em nhẹ nhàng từ mây trắng đáp cánh xuống mặt đại dương đầm thắm mơ màng. Trước mắt em bây giờ là giải khăn lụa trong trẻo màu lục non đang quấn quýt ven bờ biển dợn sóng mềm mại. Màu lúa con gái ấy biếc lên tươi thắm để rồi thoáng chốc tím thẫm u buồn. Hải đảo Honolulu với hàng dừa lả ngọn đang niềm nở đón chờ khách lãng du.

Nơi chốn xinh đẹp này không dưng khiến tim em nhói lên nỗi rầu rĩ nhiều duyên cớ. Chị ơi! Cho tới khi mô thì đất nước mình mới được hồi sinh?

Bờ biển quê hương với hình chữ S uốn lượn dịu dàng từ miền cát vàng của vịnh Hạ Long. Sóng nước biếc ấy còn vỗ về những gộp đá xám buồn, cheo leo của Đồ Sơn thơ mộng. Mây trắng thì cứ bảng lảng một niềm nhung nhớ trên đèo Hải Vân xinh đẹp và tiếng chuông nhà thờ xóm đạo Lăng Cô hằng nhắc nhở những người con yêu của tổ quốc nhớ đừng quên chốn cũ. Những võng lưới phơi mình dưới cơn nắng trong veo và gió biển khơi đong đưa mãi điệu ru buồn trưa thuở đó đã khắc ghi mãi vào lòng trí em... Chị ơi! Thử hỏi làm răng em có thể quên được nét mỹ miều của xứ sở mình.

Cho nên dù ở bất cứ nơi mô, có giàu sang đến tột bực hay thanh lịch tuyệt vời cũng chỉ làm đậm đà thêm nỗi nhớ về nơi chôn nhau cắt rốn. Và dòng thời gian biền biệt trôi đi càng làm dày thêm tấm lòng mến thương chốn cũ dấu yêu.

À ơi! Chiều chiều ra đứng
ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau
chín chìu!

Em dừng bút thôi chị hí, bởi vì viết mấy nói mấy vẫn không làm răng khuây khỏa nỗi luyến lưu về cố hương mịt mù khói sóng...

Học trò cũ của chị,

Phan Mộng Hoàn
Cuối tháng 7, 1995
tại San Hô thành - Bắc Cali

NHỚ QUÊ

Ạ à ơi... ru con mẹ nhớ quê nhà
Ngọn bầu đọt bí mặn mà rau canh
Canh chua có khế trên cành
Luộc gà rắc cọng lá chanh thơm lừng

(Trích "Hát ru làn điệu Huế" của Tôn Lệ Vân)

Tâm sự một dòng sông

Nguyễn-Khoa Diệu Phương

Sông Seine thân mến,

Cám ơn bạn đã có nhã ý mời Hương giang sang Paris cư ngụ, thật đã làm Hương giang xúc động bâng khuâng. Nhưng rất tiếc không thể nào nhận lời bạn được, chắc bạn cũng hiểu chứ. Hương giang làm sao bỏ Huế đi cho đành! Từ nguyên thủy ta đã sinh ra nơi đây, là linh hồn muôn đời của Huế. Thành quách này, cung điện nọ, bao triều đại đổi thay, Hương giang vẫn luôn luôn hiện diện, an ủi họ, vỗ về những nỗi buồn vui, tâm sự bộc lộ với sông, kể lể những nỗi niềm ngàn đời dấu kín.

— Hương giang thật sắt son!

Không, bạn lầm rồi, 20 năm qua lòng ta héo hon tan nát, không còn nỗi buồn nào cay đắng bằng nỗi buồn đất nước đổi thay. Để rồi nhìn bạn bè, bà con thân thích lần lượt bỏ mình ra đi. Ta ngậm ngùi, đau khổ, khóc thầm để thân xác ngày càng võ vàng héo hắt. Nhưng ta chấp nhận để họ đi tìm tự do hạnh phúc, tương lai ngày mai ở phương trời nào đó.

Bạn biết không, hôm chia tay ta gạt nước mắt để khuyên họ yên tâm can đảm ra đi. Còn đất nước kinh đô này, thành quách đấy là sức mạnh kiên cường hậu thuẫn bất di bất dịch.

— Hương giang qua đây Seine sẽ dành cho bên Tả ngạn để Hương giang tha hồ uốn mình lượn khúc - Paris có thêm sông Hương mang sắc thái mộng mơ cho thành phố, các du khách tha hồ đắm mình trong nét đẹp lãng mạn say mê của Hương giang. Nếu Hương giang bằng lòng chôn mình ở miền Trung đất Việt thì thiên sắc ấy sẽ phai nhòa với thời gian.

— Không được đâu bạn, Hương giang mà đến xứ văn minh thì không sớm muộn gì cũng khô héo yểu mệnh thôi. Nào còi xe rộn rịp huyên náo ồn ào, du khách tấp nập, Bateau mouche đêm ngày sình sịch ngược xuôi, làm cho Hương giang mất đi những phút giây quý báu: mình soi mình đáy nước, sống nội tâm.

Nhìn lại cầu Tràng Tiền, gãy mấy vài ngày xưa vẫn còn đó, lưng gầy guộc chịu đựng với thời gian, Hương giang và Tràng Tiền năm tháng quạnh hiu mỏi mòn bên nhau, chia xẻ đau thương và tang tóc. Chỉ có tưởng tượng nếu ta ra đi, còn lại khoảng đất trống trũng sâu, hào khô đầy sỏi đá... lau sậy ngơ ngác, trăng sao lạnh lẽo bơ vơ. Trơ thân cây da tìm không bến nước cũ, để đêm đêm như nhớ chị đò... Nếu ta qua bên ấy, có Paris ánh sáng hoa lệ, nhưng lòng ta vẫn u sầu thương về bến cũ nhớ chiếc đò xưa mà lòng thêm xót xa.

Ta cũng đã đi thăm những con sông bạn, đã làm cho ta

ngẩn ngơ ít nhiều vương vấn...

Như kìa sông Danube, dòng sông trữ tình. Rồi nghe nhạc J. Strauss, bài hát Viennois đã làm ta bâng khuâng, thổn thức...

Rồi đến sông Nile, bờ sông đã in dấu hài của giai nhân Cléopatre, với hàng trăm thiếu nữ đẹp lộng lẫy trên du thuyền tình tứ.

Kìa đến sông Dịch Thủy, lòng ta xao xuyến nhìn bờ sông với triền cát trắng thoai thoải bao la, nơi đây Kinh Kha ra đi không hẹn ngày trở lại...

Trên đường đến thăm sông Venise, ta dừng lại thăm mộ bia của Romeo và Juliette, không khỏi ngậm ngùi cho thiên tình sử được muôn đời nhắc nhở?

Đến con sông Neva Leningrad, vì quá gần gũi mặt trời trong 3 tháng hè ở đây không có đêm, không có cảnh đất đen đuổi ánh sáng mặt trời. Đêm ở đây ôm ấp cái ánh sáng thê lương trắng đục ngà ngà. Hương giang đã ngây ngất với dòng sông nhuộm màu thạch nhũ (1).

Bây giờ ta thăm bạn yêu quí, sông Seine! Dừng lại bên bờ sông Seine, gió hiu hiu hất lá vàng ngập lối đi. Những cây cầu lịch sử, như Alma, Mirabeau, Pont aux Double ôm choàng qua sông mơn trớn bạn. Xa xa Tour Eiffel lạnh lùng trong sương mờ. Tiếng chuông nhà thờ Notre Dame như tiếng gọi từ trăm năm, thức tỉnh con người mau trở về với Chúa. Trời thật thấp, sương khói như quyện lên phủ kín giòng sông. Trong bóng đêm huyền hoặc, trên đồi cao, những lâu đài cổ kính ẩn hiện chỉ còn nhận được mái rêu nhạt nhòa theo năm tháng. Trong gió rì rào nghe như có tiếng nức nở từ miền hoang vu lạnh lẽo... Có phải tiếng khóc than của Hoàng Hậu Marie Antoinette (2) trong lâu đài cổ kính oan nghiệt năm xưa...

Bạn ơi! Như ta đã kể, nhiều sông danh tiếng cũng không cầm chân ta được. Ta vẫn nhớ Huế, cần Huế vì ta là của Huế đời đời kiếp kiếp. Chừ ta ngồi đây ôm tràn kỷ niệm của bạn bè bà con của tuổi thơ, của tháng năm mộng mơ ta với Huế. Của những tiếng ve sầu rả rả đón hạn về, những ngày nắng cháy làm hoa phượng thêm đỏ rực rỡ chói chan, những tàng cây buông mình lả lơi như âu yếm lòng ta. Từng đàn bướm trắng, những con chuồn chuồn đạp nước đuổi nhau trên mặt sông làm sóng nước lăn lăn.

Đêm hè những sao trời lấm tấm in mình trên mặt sông như kim cương lấp lánh. Trăng thật sáng treo ngang sườn núi Ngự soi xuống dòng sông. Con đò lờ lững, giọng hò dìu dặt như điệu buồn Nam ai. Trong khoang ánh sáng mập mờ như đom đóm, cô gái gầy gầy nghiêng mình đẩy mái chèo. Dưới ánh trăng bóng cô đổ xuống mặt sông ẻo lả nhỏ nhắn. mái chèo rẽ nước trôi hờ hững, đò xuôi về đâu đêm nay:

Đại lược hay ngược Kim Long..

Thu êm dịu đưa ta về qua khứ nào một thuở vàng son, lòng ta lâng lâng theo gió cuốn. Thu về, những con gọng vó chạy tung tăng trên mặt nước, thu đem những chiếc lá vàng rơi hiu hắt... Bến đò Thừa phủ, những tà áo nữ sinh, chiếc nón lá bài thơ che lệch mái tóc xõa hững hờ trên đôi vai. Những ánh mắt hồn nhiên e ấp, ríu rít như đàn chim non. Đò qua sông, đó đây tiếng khúc khích cười ròn rã bên sân trường Đồng Khánh, Khải Định, hương hoa me thoang thoảng, mùi hoa sứ hoa đại trong sân trường lùa trong nắng thu tản mát như hương trời, phiêu bồng trong gió lồng lộng bay tà áo dậy thì... phảng phất hương nồng chùm kết còn vương trên mái tóc thề mềm mại nhung tơ. Bóng trăng lẽo đẽo theo ta, bên kia cánh đồng Nguyệt Biều như giải lụa bạch dưới trăng. Cầu Bạch Hổ lạnh lùng, kìa Kim Long trong giấc ngủ kiều diễm mơ màng chiêm bao:

"Kim Long nhiều ả mỹ miều
Trẩm thương trẩm nhớ trẩm
liều trẩm đi."

Trong vắng lặng, tiếng chuông ngân nga đìu hiu buồn trong gió đêm. Chùa Thiên Mụ cao vút đứng suy tư bên cây thông già vi vút với ngàn mây trắng xóa. Lòng ta chợt thanh thản, nhẹ nhàng. Tiếng nước róc rách

vỗ vào mạn thuyền, giọng hò dìu dặt từ xa cất lên làm xao xuyến cả dòng sông. Mái chèo nhịp nhàng rẽ nước, dòng nước xẻ đôi, con nước xoáy tròn bọt, từng mảnh trăng loang loáng vỡ theo nước trắng xóa..

Từ những con kinh chạy về sông mang theo hương sen ngào ngạt trong các hồ Tịnh Tâm thoang thoảng dịu dàng. Bên kia Cồn hến, bắp trổ dòng dòng trong gió nồm thơm ngọt. Kìa Vỹ dạ, hàng cau xanh dưới trăng, những chùm cau tơ non lấp lánh như màu nhũ ngân, mùi hương cau ngan ngát trong đêm.

Có những chiều ta thường suy tư ngắm hoàng hôn xuống, đổi màu tím sẫm dưới đồi Vọng Cảnh. Từng đám mây phiêu lãng, dòng nước chảy lờ đờ cuốn theo những cánh bìm bìm trôi... Khói sương quyện lên trong u hoài, chiều đã nhạt nhòe bao trùm lên cảnh vật. Hương giang lờ lững qua các lăng tẩm của các Tiên đế nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng mà hậu duệ của các vì vua đa tình ấy... Ta tưởng như mầu thời gian chưa tàn phai kỷ niệm còn khắc khoải dấu yêu. Có lẽ vong hồn năm tháng cũ trở về lưu luyến đâu đây:

"Đập cổ kính ra tìm lấy bóng
Xếp tàn y lại để dành hơi"

Bạn nghe chăng? Đã qua bao thế kỷ thăng trầm, con sông Hương trải mình theo bao triều đại lịch sử. Như hai công nương Ngọc Vạn và Ngọc Khoa đã hy sinh thân mình làm lễ vật triều cống qua Chiêm Thành mang thanh bình cho nước Việt. Một huyền thoại, một trang sử đẹp với bóng giai nhân thành Phú Xuân diễm lệ bên dòng Hương giang. Hoa tím trên sông buồn thơ thẩn, từng rặm lau thưa hoen ố bụi vàng.

Trong lịch sử phân tranh Nam Bắc, ta đau khổ nuốt lệ nhìn máu chảy thành sông, thây phơi khắp nẻo. Những con người anh em giết lẫn nhau. Có đêm ta bồi hồi nghe tiếng khóc của thiếu phụ mất chồng con:

Thuyền ơi! ta chở trăng đi
Mênh mông biển gió thấy gì
nữa đâu
Thuyền ơi! ta đến bến sầu
Khóc không nước mắt hoài
màu thời gian
Thuyền ơi! tóc chảy đêm
vàng
Giai nhân sóng soãi hai
hàng chiêm bao
Chồng tôi rách nát chiến
bào
Vi vu nước mắt bay vào kinh
đô

(Hoàng Cầm)

Bạn thấy đó, làm sao ta bỏ Huế đi cho đành! Con sông và Huế đã từ tiền kiếp là một. Ta chưa hề cúi mặt, hiên ngang ngẩng lên cao ngạo với đời. Từ trong tiềm thức, Huế của ngàn năm văn vật, lâu đài thành quách, cung điện cổ kính với lịch sử oai hùng. Phú Văn Lâu xưa ngọn kỳ đài bay ngạo nghễ trong gió. Huế có nhạc trữ tình, văn thơ tuyệt tác. Huế có giai nhân kiều diễm. Huế có sông Hương, dòng sông thơm ngát, có con đò nan mang phong chở nguyệt lững lờ trong sương...

Sông Seine ơi! Hãy hiểu cho lòng ta đau khổ biết là chừng nào, nếu ta phải rời xa cố đô Huế. Ta cám ơn bạn có lời mời, nhưng bạn ơi, ta quá thương Huế.

Bạn ơi! Ta vẫn đợi trên trùng khơi nỗi nhớ, trong mòn mỏi chờ mong: Huế của ngày qua, Huế của ngày mai và Huế của tương lai rực rỡ...

Hẹn bạn trong mọt dịp khác tâm sự nhiều hơn. Chào bạn.

Hương giang

Nguyễn Khoa Diệu Phương

Fountain Valley, Thu 95

(1) Tại Nga Sô vào tháng 5, 6 và 7 vùng đó không có đêm.

(2) Đời vua Louis 16 và hoàng hậu bị giam cầm, sau đó chạy trốn đã bị bắt xử chém trên đường đào tẩu.

CHƠI ĐÙA MỘT THUỞ ẤU THƠ

LÊ VĂN LÂN

✧ Trò Chơi "Xù Xì Xụt Xịt"

Một đám con nít tụ tập dưới chân cột điện của khu Vườn Bông Xóm Đông Ba. Tụi nó lắng tai nghe say mê một thằng lớn nhất kể chuyện đời xưa. Trong đám nhân vật con nít này... có tôi mới lên mười hai mười ba gì đó... Củ khoai lang nướng dở chín dở sống mà tôi ăn hồi chiều làm bụng tôi sình lên dữ dội ... Nhưng tôi cố nín không để hơi xì ra cuối cùng thì một tiếng kêu "ít" rất kín đáo đã thoát ra... Một mùi thúi... đến đấng họng bốc ra làm tụi nhỏ tóe ra và la lớn: "Đứa mô địt! Đứa mô địt!..." Tên bạn ngồi cạnh tôi chỉ mặt tôi: "Mi địt". Tôi bèn hăng hái chối và đổ hô lại: "Tau không địt, mà mi địt". Rứa là mấy đứa khác cũng đổ hô cho nhau ỏm tỏi "Mi địt! Mi địt". Thằng lớn nhất trong bọn bèn nói: "Thôi tau xù xì xụt xịt xem đứa mô địt". Nó bèn vừa đọc vừa lấy tay chỉ mặt theo thứ tự vòng tròn những bộ mặt con nít ngồi quanh:

Xù xì xụt xịt
Hột mít lùi tro
Ăn no té địt
Thằng cha nào địt
Phải kiếm cho ra
Đến ngày mồng ba
Thằng cha này "địt"

Tiếng "địt" cuối cùng cùng với cái ngón chỉ tay quyết liệt không trúng mặt tôi mà lại nhè vô cái thằng bạn ngồi kế tôi hồi nẫy... Rứa là cả bọn vỗ tay reo cười lên: "Rứa là mi địt"... Nghe vậy, hắn tức quá bèn la lên: "Tau không địt, mà phải xù xì xụt xịt lại".

Đương nhiên hồi đó tôi biết hắn oan, mà tội chi tôi lại nhận tôi là thủ phạm chứ...

Câu chuyện "Xù xì xù xịt" đã cũ già hơn nửa thế kỷ... Tôi bèn xin viết lại vừa như là một lời thú tội chân tình, vừa như là một đoạn nhập đề cho bài này. Nhắc đến những trò chơi con nít cổ truyền cách đây 4-5 thập niên mà lối "Xù xì xụt xịt" là một cách chơi đùa, chúng ta còn giữ nhiều kỷ niệm thú vị khiến có lẽ đến chết cũng không quên mặc dù sau này, chúng ta còn biết nhiều trò chơi nhi đồng khác thích thú và bổ ích hơn nhiều qua những lần sinh hoạt tập thể ở học đường hay nhóm bạn hoặc khi đi cắm trại Hướng Đạo v.v..

Chúng ta bây giờ ai cũng vẫn còn giữ một ký ức sâu đậm và những lối chơi trẻ thơ cổ truyền, chính là vì những lối chơi ấy chúng ta được học vào thuở đầu đời... Chúng ta đã nhớ vì đã tập vận dụng ngũ quan trên cơ thể: chân chạy nhảy, tay bắt chuyền, mắt ngó nhìn, miệng la cười và đã tham gia với cộng đồng

tập thể đồng trang lứa. Những bài ca hay câu đọc kèm theo có vần có điệu... mà ý nghĩa nhiều lúc ngộ nghĩnh làm phát triển đầu óc bén nhậy tưởng tượng của trẻ thơ... hoặc có tính đột biến chấm dứt bất chợt thình lình làm bộc phát những trận cười ngây thơ!

Ai trong chúng ta không còn nhớ những điệu thơ bốn chữ và trò **"Kéo cưa lừa xẻ"** khiến con nít cười như nắc nẻ:

Kéo cưa lừa xẻ
Ông thợ nào khỏe
Về ăn cơm trưa
Ông thợ nào thua
Về bú tí mẹ!

hay

Cút ca cút kít
Làm ít ăn nhiều
Nằm đâu ngủ đấy
Nó lấy mất cưa
Lấy gì mà kéo?

Hoặc bài: **"Đánh đầu"** sau:

Vỗ tay bà cho ăn bánh
Không vỗ tay, bà đánh lên đầu cố cốc.

Cái đặc tính cao điểm "ú tim" của các trò chơi con nít đều nằm ở chữ cuối cùng của bài hát... Con nít lúc chơi phải chú ý lắng nghe thật kỹ mà hành động thật nhanh, cho đúng thời điểm để khỏi thua vào phút cuối chẳng hạn như trò chơi **"Thi chân đẹp"**.

Nu na nu nống
Cái cống nằm trong
Cái ong nằm ngoài
Củ khoai chấm mật.
Phật ngồi Phật khóc
Con cóc nhảy ra,
Con gà ú ụ
Nhà mụ thổi xôi.
Nhà tôi nấu chè.
Tè he cống rụt.

Hay một bài đồng dao khác về trò chơi **"Thi chân đẹp"** là:

Nu na nu nống
Thằng cộng cái cạc
Chân vàng chân bạc
Đá xỉa đá soi
Đá lên đá xuống
Đá ruộng bồ câu
Đá râu ông già
Đá ra đường cái
Gặp gái đi đường
Có phường trông quân
Có chân thì rút.

Hoặc hành động ú tim có thể là phải phát ra tiếng kêu như trò chơi **"Làm chó làm mèo"** sau:

Xỉa cá mè
Đè cá chép
Chân nào đẹp
Thì đi buôn men
Chân nào đen
Ở nhà làm chó (hoặc làm mèo)

Cuối bài, đứa bé vờ làm chó sủa gâu gâu hoặc làm mèo kêu meo meo và chạy quanh đám đông trong khi mọi người vỗ tay reo hò.

Bài viết của bà Trần Thị Lai Hồng về *"Nhi đồng trong ca dao Việt Nam"* (đăng trong nguyệt san PHỤ NỮ NGÀY NAY tháng 9 năm 1987) là một bài biên khảo rất giá trị và lý thú cho những người Việt Nam còn lưu tâm "gìn vàng giữ ngọc" cho di sản văn hóa quê hương...

Tôi thiết tưởng sự sưu tập sơ khởi như trên thật là khá đủ và gợi ý tuy rằng còn cần nhiều sự đóng góp thêm về mặt hệ thống hóa tùy theo đặc tính của mỗi trò chơi, ví dụ như sự phân loại sau:

- Các trò chơi có chủ ý thể thao, luyện tập con nít về thân thể như: *Đá cầu, đá kiệu, kéo co, nhẩy dây* v.v..
- Các trò chơi luyện về sự lanh lợi tinh tế tay, mắt: như *Đánh đũa (banh đũa), đánh căng, đánh bi, đánh đáo.*
- Các trò chơi có tính chất huyền bí: như *Phụ đồng chổi.*
- Các trò chơi tập thể vui nhộn như:
  - *Rồng rồng* (hay rồng rắn đi chơi).
  - *Thả đỉa ba ba* (đổi cột).
- Các trò chơi ẩn dấu một ý nghĩa về lịch sử như: *Chi chi rành rành, Rồng rắn.*

Trong bài viết này, tôi xin đề cập đến một số trò chơi con nít đặc biệt ít người biết vì chúng chỉ được chơi trong một vùng địa phương nhỏ ở Quảng Bình gọi là *Nguồn Sơn*, một nhánh của Sông Gianh (Sông Giang chảy vào phía Bắc của tỉnh Quảng Bình chia thành 3 nhánh: nhánh phía Bắc là Nguồn

Nậy, nhánh giữa là Nguồn Nan, nhánh phía Nam là Nguồn Sơn).

Đây là một sự điều tra sưu khảo công phu của vị học giả danh tiếng là Linh Mục CADIÈRE đăng trong một loại bài về Phong tục dân giã ở vùng Thung Lũng Nguồn Sơn (Coutumes populaires de la Vallée du Nguồn Sơn) trong Bulletin de L'École Francaise d' Extrême Orient 1902).

Giá trị của những trò chơi ở vùng Nguồn Sơn Quảng Bình (Đồng Hới) không những nằm trong tính chất độc đáo, mà về phương diện giáo dục hay giải trí khác biệt đối với các trò chơi ở các địa phương khác thuộc Bắc Trung Nam, mà còn rất đáng cho chúng ta chú ý về phương diện thổ ngữ của một khu vực địa dư mà ta gọi là khu "Bình Trị Thiên".

Cố Cadière đã sưu tầm về cách sống và phong tục của dân Nguồn sơn trong thời gian cố được làm việc ở vùng này với tư cách một cha sở và là một hội viên của trường Viễn Đông Bác Cổ.

Cố đã từng quan sát đám con nít địa phương trên những bãi đất chợ, trên đường cái.. thấy chúng đủ mọi lứa tuổi, đứa lớn bế bồng hay cõng đứa nhỏ, chạy chơi, la cười và chạy tán loạn khi có người lạ đến... Cố cũng quan sát tụi con nít chăn trâu ngoài đồng nội ngồi quây tròn, nói chuyện hay đố nhau hoặc đánh cờ, hoặc chơi đánh căng v.v..

Những trò chơi con nít mà Linh Mục Cadière ghi chép kỹ lại ở vùng Nguồn Sơn (Quảng Bình) gồm có những trò chơi sau:

- Trò "Bán Con Heo".
- Trò "Khẩy Năm Tiền Một Quan".
- Trò Chơi "Ù Hột".
- Trò "Bắt Đuôi Hùm"
- Trò Chơi "Dành Căng"

Tôi xin ghi nguyên cách gọi tên về trò chơi và chính tả của những chữ mà cố Cardière đã dùng về thổ ngữ địa phương trong mỗi trò chơi.

✧ **Trò "Bán Con Heo".**

Tụi con nít ở Nguồn Sơn (Quảng Bình) chơi trò "Bán Con Heo" (sic) như sau:

Cả bọn nắm tay nhau ngồi thành vòng tròn. Đứa ở giữa vòng làm *"Con Heo"*. Một đứa đừng ngoài vòng làm người *"Mua Heo"* hay con cọp... Một đứa ngồi trên vòng tròn làm mụ đàn bà bán heo. Và sau đây là cuộc đối thoại giữa kẻ mua và người bán (Họ dùng tiếng thổ ngữ của vùng này xen kẽ với tiếng Việt thông thường ở nơi khác như lả là lửa, nác là nước).

- Ơi mụ trong nhà! cho xin chút lả (lả là lửa).

Lặng thầm

Em về nắng tắt bên sông
Lắng trong con nước phiêu bồng chợt dâng
Xa xôi bỗng chốc hóa gần
Rợp hồn huyền hoặc trắng ngần áo em

Ai đem mưa ướt gót mềm
Dẫm lời tự khúc, êm đềm lời thơ
Tương tư có tận bao giờ
Còn thao thức gọi bến bờ riêng ai

Em về tóc xõa buông dài
Nghe chiều chậm lại bờ vai chợt gầy
Em về Bến Ngự chiều nay
Phú Cam ngược dốc mình ai quay về

Trần Đ. Trương

- Lả tắt rồi.

- Cho xin mẹng nác (mẹng nác: miếng nước).

- Nác dưới giếng.

- Cho xin thấy bưởi (thấy = trái).

- Bưởi hãi côi cơn (côi cơn = trên cây).

- Cho xin trượi mày (trượi = sợi).

- Mây hãy côi rú (côi rú = trên rừng).

- Cho xin thấy cam.

- Cam hãy côi cơn.

- Cho xin thấy tắt (thấy tắt = trái kim quất, trấi tắc).

- Tắt hãy côi cơn.

Cuộc đối thoại có thể kéo dài tùy ý, nhưng cuối cùng người mua heo chán nói chuyện bèn làm bộ bỏ đi... Bấy giờ con heo trong chuồng bỗng kêu ục ịch... Thế là ngời bán kẻ mua lại trao đổi.

- Con chi ục ịch trong chuồng?

- Con heo.

- Heo chi?

- Heo lang (lang = trắng có đốm đen).

- Lang chi?

- Lang cảng; lang cảng lọ đuôi không nuôi cũng nây (nây = mập béo).

- Cảng chi? (cảng = là cẳng).

- Cảng hùm.

Rồi sau đây là sự mặc cả giá tiền con heo.

- Một quan, bán chăng?

- Thưa rằng chẳng bán.

- Hai quan bán chăng?

- Thưa rằng chẳng bán.

- Ba quan bán chăng?

- Thưa rằng chẳng bán.

- Bốn quan bán chăng?

- Thưa rằng chẳng bán.

Chúng ta để ý sự bắt vần "ăng" giữa các chữ *chăng, rằng, chẳng:*

- Một quan, bán *chăng?*

- Thưa *rằng, chẳng* bán?

Sự bắt vần làm cho cuộc đối thoại nghe vui tai. Người mua heo lại làm bộ đi... Nhưng mụ bán heo lại gọi với:

- Ới ông mua heo!

- Vô đây tui bán cho một trự tiền sít.

(Trự tiền sít: đồng tiền sứt mẻ) - trự là chữ.

Người mua heo bèn trở lại và tiến gần hai đứa trẻ ngồi ở vòng tròn, nghĩa là ngồi ở cửa chuồng heo. Người mua hỏi:

- Chạc ni chạc chi? (giây này là giây chi?).

Mụ bán heo trả lời:

- Chạc chìu (giây cây "chìu").

Cây chìu là một loại giống như giống mây rắn chắc. Người bán heo cố gắng mở cửa chuồng mà đi vô... nhưng cửa chuồng vẫn không mở vì hai đứa nhỏ cố giữ chặt cánh cửa bằng cách níu chặt tay nhau.

Người mua lại đến cửa khác và lại hỏi "- Chạc ni chạc chi?".

Và mụ đàn bà lại trả lời "- Chạc chìu".

Cứ như thế người mua đi thử nhiều cửa... xem cửa nào yếu thì nhào vô bắt heo. Ví dụ người mua tiếp tục đi và dừng lại từng cửa mà hỏi:

- Cột ni cột chi?

Và câu trả lời của người bán heo:

- Cột sắt!

Thì có nghĩa là cửa quá chắc, không vô được. Rồi đi thử cửa kế tiếp và hỏi:

- Cột ni cột chi.

- Cột lim!

Thì cũng vô phương mà vô bắt heo. Rồi đến cửa cuối cùng, người mua heo hỏi:

- Cột ni cột chi?

- Cột chuốc! (Chuốc là cây chuối).

Hoặc là:

- Chạc ni chạc chi?

- Chạc chuối lầy (giây bẹ chuối bị thúi nát).

Có nghĩa là cửa quá yếu có thể mở dễ dàng, người mua bèn lanh tay chụp lấy vai đứa nhỏ ở cửa đó... mà nhào vô dưới hình dáng con cọp về lấy mồi heo ở trong chuồng... Heo sợ kêu eng éc.. Cọp thì gầm rống lên trước khi ăn heo. Thế là cả đám con nít xả óa đứng lên reo cười và trò chơi chấm dứt.

Trò chơi bắt heo phải chấm dứt một cách ú tim nghĩa là bất chợt, đột ngột thì con nít mới khoái như các trò chơi con nít khác.

✧ Trò Chơi "Lộn Chuồn Chuồn".

Một trò chơi khác là "LỘN CHUỒN CHUỒN". Hai đứa nhỏ đứng đâu mặt, bốn tay nắm lấy nhau rồi lại lộn quay lưng với nhau nhưng tay không thả ra... Rồi lại quay đâu mặt... Rồi lại quay lưng. Vừa quay miệng vừa hát:

Lộn chuồn chuồn
Búi Bộ Kim Cang
Bên tau mã ngọ (mở ngõ)
Bên tau sang lòn (chui qua)

✧ Trò "Khẩy Năm Tiền Một Quan".

Một trò chơi khác là *Khẩy năm tiền một quan.*

Đám con nít chia làm hai phe rồi rút thăm phe nào rút que ngắn thì phải ngồi quây vòng lại, tay nắm lấy nhau. Còn phe kia đứng ngoài rồi nhảy qua vai phe tụi trẻ đang ngồi... Nếu nhảy vô không chạm tay của chúng thì được ăn năm tiền... Nếu nhảy ra lại không chạm tay thì ăn *một quan*... Ví dụ phe nhảy vô mà chạm tay phe ngồi thì phe nhảy phải ngồi thay chỗ cho đối phương... Cách tính ăn thua là phe nào ăn được 2 quan tức là nhảy vô nhảy ra 2 lần không chạm tay kể là thắng cuộc...

Phe thắng bèn vừa chạy vừa kêu ú ú cho đến lúc hết hơi nghỉ để tiếp tục kêu nữa thì dừng lại. Phe thua phải đến chỗ phe thắng dừng lại để cõng và chạy về chỗ cũ.

✧ Trò Chơi "Ù Hột".

Đám cọn nít đứng thẳng làm một hàng, tay để sau đít. Một đứa cầm một hột cây gì không biết, đi lần lượt sau lưng hàng con nít rồi lấy tay đập vô tay tụi nó, làm bộ như đặt cái hột vô. Vừa đi, nó vừa kêu "hột, hột! Rồi nó đã đặt lén cái hột trong tay một đứa và nói to:

Ai có hột thì ù!

Đứa được có hột trong tay bèn *ù té* chạy, vừa chạy vừa kêu ú ú... cho đến lúc mệt hết hơi thì dừng lại... Tuy nhiên, nếu đứa trẻ khác đứng bên trái của tên có hột mà lanh lẹ lấy chân đá đít nhẹ thì nó phải đứng lại.. và trò chơi lén đưa hột lại diễn ra lại như cũ. Để ý rằng mỗi một đứa đứng trong hàng đều có một cái tên gọi bằng tên một trái cây: Cam, Quít, Mít, Bưởi, Bồng, Chanh, Khế, Bứa hay Ang (Ang là tên một trái cây ở vùng này, không biết là gì?). Nếu đứa có hột chạy thoát được không bị đá thì nó vừa chạy vừa ú trong miệng cho đến lúc dừng lại ... Đứa trẻ lớn nhất thủ lãnh trong bọn bèn ra lệnh cho một tên (Cam, Quít, Bưởi, Bồng, tùy ý nó) phải cõng đứa có hột chạy về...

✧ Trò Chơi "Bắt Đuôi Hùm".

Giống như trò *"Rồng rắn đi chơi"*. Con nít nắm thắt lưng nhau đứng thành một vòng dài. Đứa đứng đầu đàn chạy bắt đứa đứng ở đuôi đàn... Thằng này chạy nhưng không được đứt khỏi đàn. Do đó đàn con nít chạy uốn éo lúc lượn bên này, lúc lượn bên kia... như con cọp (hùm) đi vậy.

✧ Trò Chơi "Dành Căng".

Trò chơi này, khá phức tạp, nhưng đại khái cũng giống như chơi "đánh căng" ở vùng khác... nên tôi không viết ra đây, duy chỉ nhắc đến vài tiếng thổ ngữ đặc biệt của trò chơi như tiếng gọi các thanh que là *Bạng* (que dài), *ỏn* (que ngắn). Lúc lấy que dài (bạng) đánh vô que ngắn (ỏn) được kê nằm trong cái lỗ dưới đất thì gọi là *Mọc Mắm* (nghĩa là múc mắm) hay *Vệch Bàn* (không đoán ra là gì?)... Lúc chơi, thì có lúc đọc bài sau:

Thịt gà.
Cơm nếp.
Nhảy que.
Hòn bạng.

Nhận xét chung về các trò chơi kể trên, ta thấy rằng các trò chơi này gây rất nhiều sự thích thú cho đám nhi đồng. Riêng về mỗi trò chơi riêng biệt là thấy trò chơi nào cũng có một nét đặc sắc đáp ứng cho một nhu cầu cho tâm lý học hỏi về giải trí của đám trẻ nít cũng như cầu khích động cơ thể hay khuyến khích sự ganh đua...

Trò chơi *"Bán Con Heo"* là một vở kịch ngắn diễn tả lại một sự mua bán con heo. Các lời đối thoại của hai nhân vật bán và mua heo là cả một câu chuyện nhại lại sự sinh hoạt của người lớn.

Người mua heo ban đầu là một khách bộ hành xa lạ ở vùng khác đi ngang qua trước nhà... Rồi gợi chuyện để làm quen: Trước hết xin lửa châm thuốc hút, rồi xin nước, rồi xin trái cây ăn để giải khát...

Rồi nhân nghe tiếng heo kêu ục ịch, người mua heo bèn hỏi thăm về hình dáng con heo và đi đến sự mặc cả về giá tiền... Người bán heo trong dịp này khoe rằng heo

của mình là giống heo tốt nuôi rất mau mập mạnh vì có những đặc điểm *"lang cẳng"*, *"lọ đuôi"* và có *"cẳng hùm"*... Giá cả được bàn cãi sát nút... nhích giá lên từ thấp lên cao...

Nhưng người mua làm bộ bỏ đi không thèm, người bán bèn kêu với lại... dụ bán giá rẻ... Đến đây cuộc mua bán có chiều hướng thay đổi bất ngờ vì người mua heo chỉ là một kẻ xa lạ giả bộ lương thiện đi mua heo nhưng toan tính bất lương, chuyên thả đi rong các xóm làng để dọ hỏi rình rập cửa nẻo nhà nào không được đóng kỹ là kiếm thế nhảy vô trộm cướp. Và người mua heo có thể là một con cọp con hùm từ trên rừng rú mò về. Nếu cửa chuồng heo không được buộc kỹ bằng giây chạc chắc thì cọp (hùm) sẽ nhẩy vô cướp heo.

Trò chơi *"Bán heo con"* là một sự giáo dục khuyến cáo sự "đề cao cảnh giác" cho con nít trước kẻ lạ mặt và thú dữ. Khuyên chúng không nên nghe lời làm quen dụ dỗ của người lạ, và cửa nẻo phải luôn buộc kỹ...

Cọp (hùm) là con thú dữ quen thuộc đối với dân địa phương vì vùng này có lẽ thường bị hùm cọp mò về luôn vì làng mạc ở tiếp cận với rừng rú. Trò chơi *"Bắt đuôi hùm"* là một dịp nhắc đến cọp hùm...

Trò chơi *"Ù Hột"*, các thứ trái cây đã được nhắc đến như một chứng tích về nếp sống hồn nhiên của con người giữa thên nhiên nên chọn tên các trái cây để gọi người ta...

Các trò chơi *"Lộn Chuồn Chuồn"*, *"Dành Căng"*, *"Khẩy Năm Tiền Một Quan"* là những trò chơi đòi hỏi sự vận động cơ thể: luồn qua lộn lại, nhẩy vô nhảy ra, lanh tay lẹ mắt để bắt chụp.

Một điều cần chú ý hơn cả và gây thích thú nhất cho con nít là ở sự diễn biến cuối cùng của mỗi trò chơi đều có sự kết thúc mau lẹ, bất ngờ... một cao điểm dồn dập mà con nít chờ đợi... để định đoạt sự thua thắng cho mình... như cọp bất ngờ xô xập cửa chuồng heo để nhẩy vô vồ heo, như ù té chạy thật xa để người khác đuổi... càng chạy xa bao nhiêu thì phần thích thú thắng lợi là được cõng chạy về càng nhiều bấy nhiêu.

✧ Chơi Đùa Một Thuở Ấu Thơ

Chơi đùa một thuở ấu thơ... Làm người ai mà chẳng nhớ lại quãng thời gian đầu đời đầy chuyện vui đùa nhảy nhót... nhưng hình như một triết gia nào đó đã nói: *"Chúng ta không bao giờ được tắm lại trên cùng một giòng sông.."* ý muốn nói thời gian như một giòng nước luôn chảy, một khi chảy qua là trôi đi luôn mãi...

Nhắc đến những trò chơi của thời ấu thơ, ai mà không khỏi ngậm ngùi.. nhất là vào thế hệ của chúng ta... mà sự biến chuyển xẩy ra một cách gia tốc kinh khủng không ngờ.

Những trò chơi con nít mà Linh Mục Cadière ghi chép lại ở vùng Nguồn Sơn (Quảng Bình) vào năm 1902 (cách đây 93 năm!) không biết bây giờ có còn tồn tại ở tại địa phương ấy hay không? Hay đã mai một như bao điều khác..?

Tuy Nguồn Sơn là một vùng hẻo lánh cận Sơn Lâm rừng rú ở miền Quảng Bình (Trung Việt) nhưng trò chơi của đám con nít - bỏ ra ngoài những tiếng nói địa phương - cũng có những nét đại cương tương tự với những trò chơi Nhi đồng ở các nơi khác trên xứ Việt Nam - Là những người sinh trưởng ở VN trước đây - ít nhiều - ai cũng có dịp chơi đùa như vậy, nên nhắc đến những trò chơi của thuở ấu thơ là nhắc đến những kỷ niệm đặc biệt thích thú, khó có một kỷ niệm nào về sau trong cuộc đời có thể so sánh được... Đất nước Việt Nam bây giờ đã từng trải qua một thế kỷ đầy biến chuyển... Bây giờ người ta khó có thể tìm thấy một địa phương nào còn hẻo lánh, *"Khép kín"* mà giữ được bao nhiêu tập tục cổ truyền từ những thế kỷ trước.. Người dân VN càng ngày vì sinh kế càng di chuyển cùng thay đổi địa bàn sinh hoạt, ít ai ở luôn một chỗ từ lúc sinh ra cho đến lúc chết... Những tập tục của một địa phương đương nhiên trở thành bị pha trộn, huống hồ chi là những trò chơi con nít... Sự tiến bộ và văn minh vật chất cũng đã đẩy lùi vào

bóng tối những cái gì xưa cũ...

Ánh điện chói lòa về đêm đã dần dà thay thế cho ánh trăng rằm vằng vặc xanh dịu soi sáng trên những thửa sân rộng mà đám nhi đồng tụ nhau chơi đùa ca hát...

Tất cả những sự đời đã trở thành Ký Vãng....

✧ Hình ảnh trong đáy tâm tư: MẸ QUÊ HƯƠNG

Bài bút khảo về chơi của tôi — viết đến đây — tưởng chừng phải chấm dứt vì tất cả đã trở thành KÝ VÃNG...

Ấy thế mà không! Từ đáy tâm tư của tôi — và có thể trong đáy tâm tư của các bạn đọc — bỗng như một bọt nước nổi lên một hình ảnh... ban đầu nhỏ li ti rồi từ từ lớn bự ra...

Hình ảnh của Mẹ Quê Hương.

Bà mẹ xa xưa cổ truyền nào trên cõi đời nuôi con từ trứng nước cũng bằng bầu sữa thiên nhiên của mình... rồi sau lại bằng những miếng ăn san sẻ. Ăn là bổ về thể xác... Mẹ còn dạy cho đứa con về CHƠI tức là bồi dưỡng về mặt tinh thần...

Những trò chơi của trẻ ấu thơ chính là những kỷ niệm về người Mẹ... từ Mẹ ruột thịt của cá nhân đến Mẹ vĩ đại của chung.

Mẹ Việt Nam nghèo...! Mẹ Việt Nam quê mùa!

Vì nghèo nên Mẹ Việt Nam không có thể mua cho con những đồ chơi đắt giá... mà chỉ cho con những món nghèo nàn tùy tiện: Một vài cái hột trái cây (chơi Ù Hột), một hai cây que (chơi Đánh Căng), một củ khoai lang xỏ 4 cây tăm làm con heo và cơ man nhiều thứ khác...

Vì quê mùa... nên Mẹ Việt Nam không ăn nói văn chương hay sách vở cao xa... mà nói bằng ngôn ngữ của bản hương, bản thể tùy địa phương nào là "chút lả", "mẹng nác", nào là "chạc chìu, chạc chuốc", nào là Bảng, Ổn, nào là Mọc Mắm...

Mẹ ơi... Mẹ ơi... hành trang mà Mẹ cho con buổi đầu đời tưởng không có gì quý giá trên đời thay thế được... hoặc mua bằng vàng bạc ngọc ngà... mà chỉ tiếp nhận được qua TÌNH THƯƠNG... Hình ảnh của Mẹ đã nhạt nhòa qua giòng nước mắt từ khóe mắt rỉ ra nóng hổi khi nhớ lại mà thôi...

○ **Lê Văn Lân**

PHIẾU MUA TUYỂN TẬP NHỚ HUẾ

Tôi muốn mua _____ Tuyển Tập Nhớ Huế số 7 (1995) để thân tặng cho Ông Bà:
Tên họ: _____
Số nhà: _____ Đường: _____
Thành phố: _____ Tiểu bang: _____ ZIP Code: _____
Với lời nhắn: _____
_____
Tên họ người mua: _____
Địa chỉ: _____
_____
Giá $5.00 / 1 quyển x _____: _____
Cộng thêm cước phí ($1.00 / quyển) : _____
Tổng cộng: _____

Chi phiếu xin đề: TuyểnTtập Nhớ Huế và gửi về địa chỉ:

Tuyển Tập Nhớ Huế - 9559 Bolsa Ave., Ste D - Westminster, CA 92683

Quý bạn đọc cũng có thể mua TTNH qua những người đại diện của TTNH:

Vùng San Jose:	Chị Phan Mộng Hoàn
Vùng Houston:	Chị Elizabeth Nguyên Phương và Anh Chị Phạm Doãn Huề
Texas ngoài vùng Houston:	Chị Tôn Kim Tri
Pháp và Âu Châu:	Nhà sách Diễm Phương
Canada:	Chị Ngọc Quỳnh Đỗ Kỳ Quang.

THƠ BỒNG

Mùa Xưa

<Hay Mùa Giột Trong Xe Đò>

Mùa xưa mùa ngát mùi hương
Thấm vào kỷ niệm con đường thương quê
Hương cau hương bưởi hương chè
Luôn trong tóc mượt vấn vê vóc tình
Không nhìn bẽn lẽn em xinh
Lời em tâm sự mong mênh một chiều

Anh mơ hương quyện thương yêu
Say lòng anh mộng bao điều trúc mai
Ước gì mùa mãi đương dài
Để anh được khoát chung hoài áo em

Một chiều ngả nắng say mềm
Hương thôn ngay trước đeo thêm nỗi buồn
Tình quê dao dạt sầu tuôn
Nhớ em lại xót mấy buồng cau xưa

Bồng

Người Huế Minh Hương

Lê Phước Lộc

Tôi đã từng thưa chuyện với bạn về cái người Huế "chướng" đáng ghét, đáng yêu trong số Tuyển Tập Nhớ Huế trước. Dư âm của anh chàng Huế chướng đó đi cũng thật là xa, tận mãi bên Úc châu, Âu châu... Rồi vài ba thân hữu cũng lên tiếng đáp lễ lại trên mấy số tuyển tập kế tiếp sau đó, làm cho tôi nghĩ rằng mình đã gãi đúng chỗ ngứa... đã quá!!! nên xin mạo muội được viết thêm vài câu về Huế chướng trước khi vào đề tài chính. Tôi thực tình không hiểu tại làm sao người ta không kêu là anh Sài Gòn chướng, hay anh Hà Nội chướng, mà chỉ có nói được là anh Huế chướng. Người ta chỉ nói là anh Sài Gòn "kỳ cục", không ai lại nói anh Sài Gòn chướng. Cho nên chướng là cái nét độc đáo của con người gốc xứ Huế, không có miền nào có cả. Tôi phải mở dấu ngoặc ở đây để viết thêm về ý trên, sợ bị hiểu lầm.

Thứ nhất không phải ai người Huế cũng đều chướng cả, nhưng đa số người Huế, nhất là Huế chay, đều chướng nhiều, chướng ít hoặc chướng ở một dạng này hay dạng khác. Nói như thế, nhưng nếu ai mà là người Huế số ít, mà chưa bao giờ chướng, chưa thử chướng, đề nghị tối nay "chướng" một cái với bà xem sao? Chướng ít ít, chướng vừa vừa, kiểu chi đó cũng được. Có như vậy mới thấy chướng là "sướng" nhất đời (có khi trật đường rầy thì khổ ráng chịu nghe!)

Thứ hai chướng cũng là cái nét đáng yêu (mà có khi cũng là cái đáng ghét) thổ sản của người "mình" thì trong này cũng phải hiểu là các "ôn" lẫn các "mệ" đều có thể chướng. Mà hễ các "mệ" chướng thì lại hóa ra thành lãng mạn. Các "ôn" mà chướng thì "nhiều khi" còn đường mà mò, chứ mấy mệ, mấy cô mà chướng thì chỉ có chịu thua. Nó lâng lâng, lãng đãng, dấu dấu, che che, thì thì thầm thầm, không cách gì mà đoán cho ra. Bởi vậy cho nên người ta mới nói: Mấy o người Huế lãng mạn lắm... lắm (vừa nói vừa cắn móng tay, và ỏn ẻn) là như vậy đó. Nói cho rõ ra chướng là cái duyên ngầm của đa số người gốc Huế. Ở mấy ôn thì chướng là chướng thứ thiệt, thứ dữ, đặc sệt, có khi cực độ là thành chướng một cách "Ngụy tặc", không có thuốc chữa.

Bây giờ ta thử giải phẫu cái chướng xem thử có cái cục chi bên trong, mà nó ghê gớm rứa. Bạn đừng lo là tôi lạc đề. Tôi sẽ nói về một khối người Huế dễ thương và rất đặc thù, như tựa bài này vậy. Bạn đừng nôn nóng, nôn

nóng là thành Huế chướng, xấu tánh lắm. Sau mười mấy cuộc giải phẫu, tỉ mỉ, tăng măng, so trước nhìn sau, hỏi trên hỏi dưới, được phép làng, phép tổng, hôm nay tôi mới mạo muội (vì có xin phép trước rồi nghe!) tiết lộ một khám phá động trời. Tôi đã mổ mấy trăm trường hợp chướng và thấy như sau: Chướng là một u nang, bên trong mổ ra thấy toàn là... máu dòng, máu giống của vua không hà, không tìm thấy cái chi khác cả. Như bạn đã chán biết, vua ta đi đâu là gieo giống chỗ đó, nhất là ở làng Kim Long. Thơ có vịnh như sau:

Kim Long có gái mỹ miều
Trẫm đi, trẫm nhớ, trẫm về,
trẫm thương.

Đó là Trẫm đi... chứ trẫm "ở lại" thì mệt... lắm. Vua đi đâu là vua gieo giống... tốt đến đó. Đó quý vị đã thấy chưa!! Có máu vua, chúa mới chướng. Không có máu vua, chúa thì không biết mầng răng mới chướng cho được. Mà có chướng cũng không đúng kiểu mới lạ chứ!! Con nhà dân giã thì mầng chi mà biết chướng được, phải không thưa các bạn người Huế của ta. Y hệt như mấy người bạn Hồi giáo, muốn nhiều bà thì phải là Hồi giáo trước, sau đó cái gì khác thì tính sau... Chứ nếu bạn là tôn giáo khác, còn khuya mới được hai, ba dzợ. Muốn chướng thì phải có máu dzua trước đã... phải có membership trước đã nói theo kiểu Mỹ phải vào hệ ba, hệ năm, hệ bảy v.v... Phải Ưng, phải Vĩnh, rồi lẹt tẹt sau như Quý, như Định thì mới chướng được. Ra đến dân giã như Nguyễn văn... Nguyễn hữu thì không biết chướng là cái chi, cả một đời không... bao giờ biết... chướng. Thành ra câu tuyên bố của vị y sĩ sau khi mổ cục Huế chướng ra xong là: Có 50 phần trăm (lên giọng một chút như nói kiểu Auction), 60 phần trăm, 70 phần trăm... là máu của vua.

Năm, sáu mươi phần trăm người Huế sinh sống tại cố đô Huế đều có máu vua trong người cả. Ra đường ai cũng vỗ bụng, vỗ ngực ta đây là người của hoàng phái, người của hoàng triều, cho nên ai cũng có chút ít "bà con" với nhau. Thành ra các anh Huế chướng rồi ra cũng bà con với nhau hết, vì bạn thấy đó... ai... cũng có cùng một vua cha cả. Cho nên phải có máu vua mới chướng đúng cách được. Huế chướng như vậy là một nét rất đặc thù của Huế vậy. Nhưng một khối người Huế mà tôi sắp giới thiệu sau đây là một khối người rất dễ thương, hoàn toàn khiêm nhường, và rất có công trạng với Vua triều Nguyễn ở Huế. Đó là người Huế gốc Minh Hương. Như quý bạn cũng đã dư biết, khi bọn Mông cổ (mà bạn cũng biết là bị ngài danh tướng nhà Trần của ta dũa cho tơi bời khi bén mảng đụng vào "Nam đế cư"), tức là nhà Nguyên đánh đổ nhà Minh, mà một thời đã cai trị nước Trung Hoa mấy trăm năm cực thịnh, thì các sĩ phu nhà Minh, vì không thể sống và phò trợ cho các hôn quân của nhà Nguyên được, đã đành gạt nước mắt, ra đi về phương nam để xin... tỵ nạn như chúng ta bây giờ vậy (sao mà nó giống nhau quá vậy nè). Trong số chất xám, thâm nho, dịch lý và thương mãi đó, đã có rất nhiều đại gia đình gốc nhà Minh tìm đường xuống phía nam bằng thuyền, và tấp rải rác vào miền duyên hải Việt Nam như Hải Phòng, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên, Hội An, xa nữa xuống Sài Gòn, Chợ Lớn. Tất cả họ đã đồng hòa với người Việt Nam, gọi chung là người Minh Hương, để phân biệt với các người Hoa tới Việt Nam vào những thời điểm khác sau này.

Đặc biệt sau khi Huế được chọn là Kinh đô, với sự trọng dụng của các vị vua chúa Nguyễn, Huế đã đón tiếp rất nhiều gia đình gốc Minh Hương đến đây sinh sống. Họ đã quên quê hương họ, để hết lòng ra sức giúp cho các vị chúa Nguyễn, chọn nơi đây là quê hương của họ, đồng hóa thành người Việt Nam, lấy vợ Việt Nam, gả con gái cho người Việt Nam, một điều mà ít khi người Tàu chính cống nào thích làm cả.

Người Huế Minh Hương dùng cái sở học âm dương, dịch lý, thuyết tam tài... vốn quý của người Trung Hoa, để truyền bá trong chốn quân vương học giả, ảnh hưởng khá sâu đậm suốt mấy mươi

năm cai trị của vua Nguyễn. Những hậu duệ của họ, tôi xin đan cử một vài như họ Lâm, họ La, họ Lưu, họ Quách, họ Ích, họ Hoàng, họ Lê, họ Châu, họ Lý... Thôi bây giờ, để nói có sách mách có chứng, tôi sẽ kéo "xềnh xệch" bạn một vòng quanh thành phố Huế, để bạn tin tôi là không nói xạo. Này nhé, ở ngay đường Trần Hưng Đạo, có nhà sách La ngu hí, La ngu mà bán sách vở thánh hiền mới lạ. Qua cầu Đông Ba, kéo xuống Gia Hội, một ổ Minh Hương xanh rờn hí. Bạn ta sẽ thấy có rạp chớp bóng Châu Tinh do ông Châu Quí Hương làm chủ nhé, nay thì chắc là phe ta "quản lý", đỡ nhẹ rồi. Gần đó là mấy tiệm thuốc bắc dòng họ La Quảng Thanh. Ai cũng nhớ tiệm hương đèn, vàng bạc (giả) của dòng họ Ích Sanh. Xuống chút nữa là mấy nhà làm răng giả Minh Hương, mà tôi không nhớ tên. Cùng là anh em cột chèo cả đấy. Trở về phố Trần, ta có tiệm bánh Thuận Hương do Minh Hương doanh nhân Hoàng Vĩnh Khoan làm chủ, rồi tiệm Song Hỷ do Lý Hùng làm "ôn chủ..ủ". Còn biết bao nhiêu thầy Phong thủy người Minh Hương ở Huế như ông Quảng Thọ, ông thày Tàu tên Sự v.v.. Họ là những người Huế Minh Hương còn tin và áp dụng Bát quái đồ để "liên lạc với âm dương".

Về phía văn thì gần đây phải kể đến học giả La Hoài, một người Huế minh hương nổi tiếng, đã dạy các trường Đại học Huế. Lâu hơn nữa tôi phải kể thêm, nào các phụ đạo Mai khắc Đôn, người đã dạy chữ Hán và khơi động lòng yêu nước chống Pháp cho thái tử Vĩnh Sang (vua Duy Tân). Phụ đạo còn có Tạ Hà, các ông Trương như Cường, Huỳnh Côn.... Họ là những người Huế minh hương (tôi xin viết chữ thường, làm như là một tĩnh từ) mà chúng ta nên kết thân.

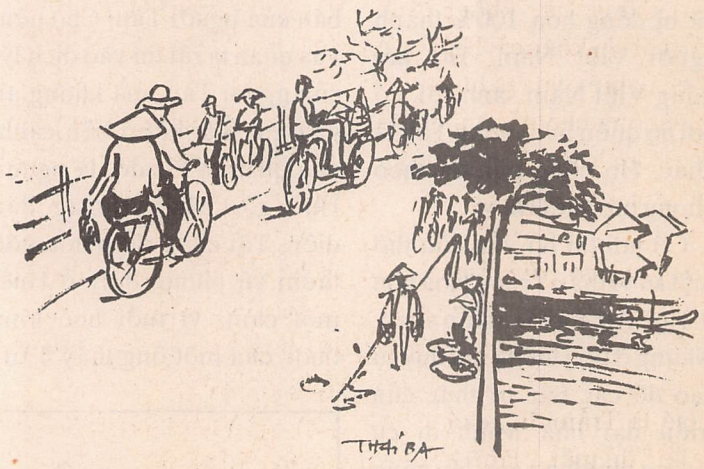

Vì họ đã từ bỏ quê hương, quên bớt tiếng mẹ đẻ để nói tiếng Huế, đã hòa đồng vào cuộc sống của người Việt chúng ta. Họ đã chia sẻ vận nước nổi trôi với chúng ta, chia sẻ trách nhiệm gánh vác non sông của chúng ta. Nói tóm lại, họ là người Việt Nam, ở Huế, nói tiếng Huế, biết nghe ca Huế, biết Huế đẹp, Huế thơ, biết ăn mắm tôm chua, biết ăn trái vả, biết hưởng thụ như vua Việt Nam... Họ là người mà tôi gọi là Huế gốc... minh hương.

Người Huế Minh Hương cũng là những thương gia giàu có, góp phần làm phồn thịnh cho xứ Huế một thời. Kẹo Mè xửng, áo mũ vàng bạc cũng còn gọi là đồ kim tiền, cũng như đàn Nam Giao là những nét văn hóa Trung Hoa thâm nhập sâu đậm vào văn hóa Việt, và trở thành thuần túy Việt Nam. Vua Trung Hoa và vua Việt Nam khi lên ngôi, cũng đều xưng danh là con Trời, Thiên tử, mỗi năm phải lên đàn (Nam Giao) để tâu về trời mọi việc trần gian. Hiểu theo một nghĩa tích cực, thì vua theo cái đạo trời đất (hệ thống âm dương ngũ hành của dịch lý) mà cai trị. Nếu năm nào có thất mùa, hạn hán, lụt lội, v.v.. là các quan trong triều tâu rằng: Bẩm Bệ hạ something's wrong (nói nguyên văn tiếng Anh nhé). Chắc vì trời phạt, phải "do something" Bệ hạ ạ. Giống như ở nước Mỹ này, mặc dù không tin thuyết của Tàu nhưng người Hoa Kỳ họ cũng phải "In God we trust" mà cai trị. Ý nghĩa là có Thượng đế chứng giám, chúng ta làm

việc, tin cậy lẫn nhau, đừng khủng bố lẫn nhau, sống trong hòa bình mà làm việc... lại làm việc. Cứ tin là có Thượng đế chứng giám là được. Vậy thì vua quan ta lúc xưa cũng không mị dân mấy bằng cái anh Huê Kỳ này nhỉ. Cho nên tôi rất yêu người Huế Minh Hương lắm... lắm... và tôi xem họ như những người Việt Nam chính thống đáng yêu.

Người Huế Minh Hương đã bị đồng hóa 100% thành người Việt Nam. Họ nói tiếng Việt Nam sành sõi, có nơi họ quên luôn tiếng Tàu là khác. Họ cũng dần dà theo phong tục Việt Nam.

Có nơi thì họ vẫn còn thờ một số vị thần Trung Hoa như ở Hội An hay ở miền nam. Nhưng ở tại Huế là nơi quy tụ cao độ các bậc trí thức của triều đại nhà Minh dị cư xuống phương nam. Họ cũng chính là người đã từng coi long mạch đất Thần kinh cho vua Gia Long xây dựng cơ ngôi. Tương truyền rằng họ đã trấn yểm một số địa hình địa vật từ thượng nguồn tả trạch và hữu trạch về đến biển Thuận An. Nhờ thế mà vua Gia Long mới truyền ngôi được nhiều đời. Cũng nghe nói, bây giờ Huế nghèo yếu quá không có khả năng vươn lên thành một đô thị quốc tế như thuở xưa được. Quý vị biết sao không? Sự trấn yểm các địa hình địa vật đã bị ai đó nhầm lẫn phá vỡ, cho nên long mạch bị chạm: Huế hết linh thiêng rồi, Huế hết là đất "Thần" kinh rồi, bạn ạ. Bạn cho tôi khoe một chút kiến thức học lóm về phong thủy nhé! Lâu lâu nói lạc đề một tị cho nó vui, bởi vì nói về người Huế Minh Hương mà không nói đến phong thủy là một điều thiếu sót. Người Trung Hoa rất tin chuyện phong thủy, mà ngay cả người Mỹ, nhất là người Mỹ ở Hong Kong cũng rất tin chuyện phong thủy, tin chuyện phong thủy như tin tử vi vậy. Mà tin phong thủy, tin tử vi thì phải tin kiến thức quý báu của người Tàu. Cho nên vua quan ta rất tin vào dịch lý của người Tàu, mà không ai gần gũi hơn hết ở bên cạnh vua quan ta lúc đó, là người Huế gốc Minh Hương đại diện. Tôi cũng rất muốn nói thêm về phong thủy ở Huế một chút, vì mới học lóm được của một ông thầy Tàu. Nhưng... tôi sẽ đề cập đề tài này trong những Tuyển tập Nhớ Huế kế tiếp, kẻo tôi lại bị cho là gãi đúng... nhiều... chỗ... ngứa của bạn quá thì khổ lắm. Nói đến Huế là bất tận, nói hoài không hết..

Để chấm dứt bài... thâm cứu... bá láp của tôi về người Huế Minh Hương này, tôi xin thưa bạn một điều này, rằng thì là người ta bảo "Nói có sách, mách thì phải có chứng", tôi thì chỉ xin bạn là: tôi "mách" mà bạn... cười được... là tôi đã có chứng rồi (thì không phải là có người làm chứng đó à). Mến chào các bạn người Huế của tôi, hẹn hè sang năm sẽ gặp lại bạn ở những đề tài vui hơn.

○ **Lê Phước Lộc**

MỆ RU CHÁU

Ạ à ơi... trời thu gió thổi vi vu
Cháu tui buồn ngủ tui ru tui bồng
Nâng niu như một cành bông
Cháu tui tui nựng tui cưng hết lòng

Ạ à ơi... xưa rày một ước hai mong
Chừ đây bồng cháu thong dong cười dòn
Tháng năm chờ đợi mõi mòn
Chừ đây bồng cháu hết còn mong chi

Ạ à ơi... thương con thương cháu khôn bì
Tã dơ mệ giặt ướt thời mệ thay
Áo con mệ cắt mệ may
Cưng thương ấp ủ luôn tay ẵm bồng

(Trích "Hát ru làn điệu Huế" của Tôn Lệ Vân)

Nhớ Huế

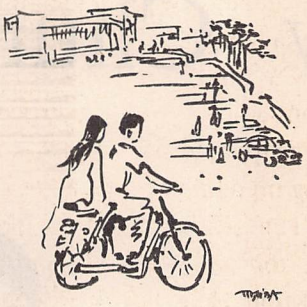

cho ngày nhớ Huế

Anh đi buổi ấy mây hờn dỗi
Trời mãi giăng dày giọt vấn vương
Những lối mòn xưa vào Đại Nội
Lâu rồi không thấy dáng người thương

Gia Hội Chi Lăng cứ mỗi chiều
Vỉa hè, quán gió cũng buồn theo
Vài ba người bạn ngồi tâm sự
Nhắc nhở các anh cũng đã nhiều

Vỹ Dạ còn đâu đêm sáng trăng
Xưa mình chung lối ghé sang thăm
Vườn thơ Tôn Nữ thương thương ấy
Nay đã theo chồng đi biệt tăm

Lâu rứa có khi mô anh nhớ
Bến đò Thừa Phủ thuở xa xưa
Với tà áo trắng giờ tan học
Trắng cả con đò dưới nắng trưa

Cảnh ấy giờ đây đã lặng yên
Vào trong tiềm thức tuổi hoa niên
Mà bao kỷ niệm nên thơ ấy
Khắc đậm trong ta Huế thật hiền

Cũng vẫn thuyền xuôi miền Đại Lược
Cũng còn thuyền ngược bến Kim Long
Khách thương giờ lại nhiều hơn trước
Nên nước Hương Giang ai rẽ dòng

Xao xác gà khuya xóm Thọ Xương
Hồi chuông Thiên Mụ lắng cung buồn
Như ca dao gởi tình non nước
Không rõ người xưa có vấn vương

Huế kể từ khi vắng các anh
Vẫn dòng Hương lặng sống yên lành
Trên bờ thay đổi thêm đôi nét
Từ chợ Đông Ba đến nội thành

Văn Lâu, Thương Bạc, Bến Chương Dương
Nay những hoa viên thế bãi biền (1)
Cây kiểng, thanh đăng, hình tượng đá
Làm trăng thanh lịch cảnh sông Hương

Lê Lợi đường xưa ai đón đưa
Hai hàng cây muối đã già nua
Thời gian hằn nếp lên thân thể
Nhưng vẫn không sờn với nắng mưa

Huế vẫn còn nhiều nét đổi thay
Làm sao kể xiết để anh hay
Làm sao nói hết điều sâu lắng
Huế với anh qua những tháng ngày

HÀ THÚC HOÀI NHÂN

(1) trồng bắp.

Thủy Chung với Huế

Trần Thị Hoàng Diễm

Hai mươi hai năm ở Huế và hai mươi hai năm xa Huế - Một người con gái như Diễm quả thật là gái Huế vừa lãng mạn vừa đa tình. Không phải là anh Hà thường hay khen đôi mắt Diễm là cả sông Hương của hoàng hôn nắng nhạt, nhất là cái dáng của Diễm. Giờ thì đã xa Huế lâu rồi hết lưu lạc vào Saigon, rồi Cali vậy mà buổi họp mặt Huế vào năm ngoái trong một góc phòng Diễm phải giựt mình vì câu nói của ai đó:

— Xin lỗi cô có phải là "Diễm Xưa" của Trịnh Công Sơn không?

Diễm cười bởi vì đây không phải là lần đầu. Có một người bạn đứng gần đâu đó đã trả lời thay cho Diễm:

— Lâu rồi anh bạn ơi. Diễm của Trịnh Công Sơn đâu có đẹp như ri, và rồi từ đằng xa anh Hà đi đến:

— Này cô gái Huế — Em vẫn như xưa — dáng gầy mảnh khảnh bên giảng đường của Đại Học Văn Khoa.

— A, anh Hà. Anh là bác sĩ hay là thi sĩ đây. Chào anh. Thế....

— Anh đi có một mình. Thấy em đứng tựa cửa nhìn thiên hạ chào hỏi nhau anh đã ngắm em như hai mươi hai năm trước ở Đại Học Huế mà em đâu có hay.

- Trời!...

Đó là cái tật của Diễm. Vui cũng kêu trời. Buồn cũng kêu trời.

— Cái dáng của em chẳng có gì thay đổi. Cho anh hỏi thật nghe: Em ăn cái gì mà trẻ vậy!

Diễm đưa tay lên môi "Suỵt" coi chừng thiên hạ họ cười anh đó.

Hồi xưa cứ mỗi lần ở giảng đường ra là Diễm tìm một góc trước cổng Morin để đợi Ba đến đón. Ông cụ làm ở ngân khố bên kia đường. Vừa lên đại học Diễm đã năn nỉ ông cụ cho đi học bằng xe đạp nhưng ông cứ lấy lý do con gái đi học một mình chi cũng có trai đi lò dò theo chọc mà Diễm lại là con út nên chuyện đưa đón cùng đường không có gì rắc rối. Có bữa ra khỏi lớp rất sớm Diễm lại qua ngân khố cho Ba hay rồi thả bộ tà tà dọc theo Morin qua cầu Trường Tiền ghé vào chợ Đông Ba tha hồ ăn hàng.

Diễm đã có mấy chàng Quốc Học trồng cây si vào hồi học Đồng Khánh vào cái

tuổi 17 nhưng ở nhà Ba Mẹ dặn: Đi ra đường đừng ngó nghiêng ngó ngửa con trai nó rủ rê là hư cả đời! Nghe mẹ dặn vậy chứ ít khi Diễm được lang thang một mình. Nhiều lần ngồi cạnh tay lái của Ba, Diễm nghe đằng sau xe: "Ba ơi cho tụi con níu lên khỏi dốc nghe Ba". Ông cụ nhíu mày khó chịu. Và rồi một vài cục giấy vo tròn vội vã vứt vào xe phía bên Diễm ngồi. Diễm giả bộ không thấy và rồi kín đáo lượm bỏ vào cặp tí nữa trong giảng đường cho mấy con bạn coi. Nào là: Je t'aime, I love you, you are so beautiful...

Bây giờ mà Diễm còn nhớ đến những buổi sáng hết lớp học sớm hay có những giáo sư từ Sài gòn ra trễ máy bay là được dịp Diễm thơ thẩn qua Bưu Điện mua vài con tem, ghé Pharmacie Lê Đình Phòng mua một hộp kẹo ho cho mẹ hoặc đi dọc theo Lê Lợi — con đường tình mà những năm học Đồng Khánh, Diễm thương ơi là thương — lắm lúc ba bốn đứa Thủy Tiên, Ngô Chi, Thanh Trà và cả ban tam ca họ Hoàng rủ nhau xuống đò qua bên tê sông để nhìn trọn sáu vài mười hai nhịp Trường Tiền và hàng phượng đỏ bên kia sông Thành Nội. Diễm yêu Huế vô cùng nhưng rồi Diễm cũng phải bỏ Huế mà ra đi. Cái thành phố cổ kính và quá nhỏ mà sáu tháng mưa đã đẫm ướt tim Diễm. Hai mươi hai năm uống nước sông Hương, những đêm trăng sáng, ánh trăng dịu ngọt phủ đều một màu vàng trên mặt sông phẳng lặng như trải một tấm thảm vàng trên đó có những con đò dọc ngang.

Xa hơn nữa dãy trường Đại Học Sư Phạm nhuốm màu bàng bạc của sương khuya — trăng tắm vàng cả cố đô Huế đang yên nghỉ sau một ngày nóng bức vào tháng hè mà thường có những buổi chiều sau khi xong bài vở Diễm thường khoác vào mình một bộ lụa ngà, cầm trên tay một vài cuốn truyện nhỏ. Vậy là cứ từ Ô Hồ Diễm qua Ngự Viên, cầu Đông Ba, xuống ngã giữa rồi dọc theo đại lộ Trần Hưng Đạo ghé vào nhà sách Ưng Hạ đọc một vài tạp chí và vòng về. Diễm qua cầu Gia Hội ngang rạp Châu Tinh thể nào Diễm cũng gặp một vài cặp mắt đang đứng dọc lề đường chờ giờ vào phim. Ngay ở góc Trung Bộ, Diễm đã gặp Tao Phùng đang tựa cửa:

— Ê, mi đi mô mà thất thểu một mình như thất tình rứa?

Diễm cười giả lả:

— Bộ mi không thấy mấy cuốn sách trên tay tao sao?

— Thôi mày ơi. Biết quá mà đi "rượng" thì có. Sao chiều ni có hẹn với chàng mô mà diện bảnh rứa?

— Tầm bậy! Đi ra đường thì phải ăn mặc lịch sự chứ.

— Rứa tau hỏi mi: Mi xức "nước bông" mùi gì mà thơm lựng. Đi học mi mô có như vậy. Mi có thấy đằng sau có ba chàng "ngự lâm pháo thủ" đang đạp xe theo "cua" mi không?

Đến lúc đó thì Diễm mới để ý. Đúng như Tao Phùng nói, đằng sau Tuấn, Hải và Mẫn đang giả bộ cười nói chỉ chỏ ra bờ sông. Trong đó Diễm biết Hải nhiều nhất. Anh chàng này đã trồng cây si ở Đại Học cả hai năm nay. Diễm đành phải xuống nước năn nỉ:

— Thôi tau chịu thua. Mi cho tau vào nhà trốn vài phút, kẻo về nhà bà cụ ngồi ở lan can sẽ thấy ngay và tối nay sẽ có một bài "moral" dài cả tiếng.

Chỉ trong vòng vài phút sau là hai đứa quên mất chuyện đó vì đã có một vài trái cây bỏ vào miệng.

Sáng mai vô đến giảng đường Diễm đã nghe bản tin buổi sáng như thế này:

— Con Diễm chiều qua đã tự nạn ở nhà tau. Hắn đi "rượng" về trước cổng nhà thì tau bắt gặp một đoàn trai đang hiên ngang biểu tình sau lưng nó.

Hình như mọi người đều đổ mắt về phía Diễm. Có thanh minh thì chẳng có ai tin Diễm.

Diễm phải bỏ Huế mà đi. Sau cái đám cưới đơn giản với Thọ. Sau Mậu Thân bạn bè người mất kẻ còn, thành phố xác xơ tiêu điều. Diễm không thể nào đi ngang qua những vườn hoa đầy những bó nhang cắm vội vã trên ngôi mộ vừa lấp. Lại không thể nào vào giảng đường vắng hoe còn dấu tích của những gia đình tự nạn trong ba mươi ngày Tết qua. Còn nữa, chiếc cầu đã gẫy chứng tích chiến tranh còn đó - Huế ơi,

Huế điêu tàn và tội nghiệp quá. Không còn chịu đựng nữa. Diễm bằng lòng một cuộc hôn nhân vội vã để bay về Sài gòn khi chồng Diễm đã có công ăn việc làm ở đó.

Đã hơn hai mươi năm qua, Diễm cứ ngỡ như mới hôm qua, quá khứ như bức tranh đậm màu trong Diễm. Hai lần về Việt Nam thăm ông cụ Diễm đều ra Huế. Năm 91 thành phố Huế còn tiêu điều quá. Con đường Lê Lợi cỏ mọc ra tận giữa đường. Ổ gà chằng chịt. Chiếc xích lô chở Diễm ngang qua cầu Nguyễn Hoàng bắc qua sông Hương, Bịnh Viện Huế rồi Trường Đồng Khánh mà nay đã đổi thành Trường Hai Bà Trưng và rồi Quốc Học. Nước mắt cứ lưng tròng Diễm cố giữ lại để đến mộ me thì Diễm òa ra tức tưởi. Đâu đây bốn câu thơ của một người bạn thân:

"Con về giữa đường trăng
Ghé thăm nơi mẹ nằm
Chiếu giường còn hơi ấm
Đất đã lạnh trăm năm".

Chiều hôm đó Diễm lên Linh Mụ với một số bạn bè cũ. Cũng cười nói, đùa giỡn như những ngày xưa cũ nhưng trong lòng Diễm cứ mải suy nghĩ vẩn vơ. Hơn hai mươi năm qua sống xa Huế nhưng luôn luôn Diễm sống trọn về Huế. Từ dáng dấp đến giọng nói chưa bao giờ thay đổi. Trái lại bạn bè Diễm năm tháng nhọc nhằn trên đôi vai bé nhỏ, họ đã già trước tuổi nhiều quá. Ngô Chi, cô bạn thân nhất của Diễm nói bô bô khi cả tụi đi ngang cầu Kim Long:

— Ê! tụi bay biết không? Con Diễm về đây đã biến tau thành triệu phú.

Diễm hãi hùng muốn thả rơi cái ghi đông xe đạp. Sau này Diễm mới hiểu — té ra bảy chục đô mà Diễm cho mấy đứa con của Chi đã được đổi thành một triệu Việt Nam.

Lần thứ hai khi bị thất nghiệp Diễm quyết định về Việt Nam ở với Ba vài tháng. Diễm đem theo cậu con trai vừa mới lấy xong cái cử nhân kinh tế. Thằng Bé muốn biết kinh tế Việt Nam bây giờ như thế nào và nhất là để thăm lại quê hương sau mười năm xa cách. Máy bay đáp xuống phi trường Phú Bài là Diễm đã nức nở trong lòng. Theo xe về ở trọ tại nhà một người bạn ngay phố Trần Hưng Đạo để cho con khỏi thấy buồn, thế mà thằng bé khăng khăng ở Hotel Hương Giang đi mẹ. Đứng trên bao lơn nhìn qua bên kia sông, chợ Đông Ba thật linh động, Diễm nhìn về phía cồn lấp lánh ánh đèn sau những lùm cây Diễm nhớ ngày trước qua cồn ăn chè bắp, Diễm thường ao ước sau này có tiền Diễm mua cả vùng đất này để làm một cái đảo, tách riêng Vĩ Dạ và Đò Cồn. Diễm có ngờ đâu vùng đất này rộng lớn như vậy. Diễm cười thầm ước ao thuở bé. Đúng là con cóc mà muốn to bằng con bò.

Một buổi sáng đẹp trời Diễm cùng con về Vĩ Dạ thăm lại nơi mà mối tình ngọt ngào đã đi qua đời Diễm vào tuổi mười mấy. Diễm đứng ngẩn ngơ trước ngôi nhà có bể cạn hình chữ nhật và hàng cau thẳng tắp. Con chó thấy có người lạ đến sủa vang. Diễm nhắm mắt lại để vang vọng đâu bản nhạc tình muôn thuở: *"Em đến thăm anh một chiều mưa... và quên đường về..."*.

Hai mẹ con đã đứng thật lâu trước bãi biển thẳng tắp tiếng sóng rạt rào. Ngoài xa một cột trụ bị xâm thực nước biển đã vào tận nơi mà ngày xưa là những quán hàng bán thức ăn và nước uống. Thuận An giờ đã khác hẳn ngày xưa vì chiếc cầu bắc ngang phá Thuận An. Huế ơi! Huế đã thay đổi nhiều quá.

Con đường Lê Lợi đã có những tà áo dài sau giờ bãi trường. Hai hàng cột đèn lớn bóng tròn sang trọng dọc theo đại lộ cho đến ga xe lửa, đêm đêm ánh sáng vàng chiếu sáng lòng đường hòa vào tiếng nhạc của những quán café đã làm Diễm liên tưởng đến hai hàng đèn bên

bờ sông Seine ở Paris năm nào. Câu lạc bộ Cercle cũng đã thay đổi hẳn bởi những người khách ngoại quốc nhất là người Pháp. Thuyền Rồng đưa mẹ con Diễm đi dọc lên chùa Linh Mụ một sáng mù sương. Hai bên đường cảnh vật mờ ảo. Thằng bé suýt soa:

— "Đẹp hơn bên Mỹ nhiều mẹ ạ".

Diễm mừng trong lòng. Con Diễm đã lớn lên ở bên Mỹ và học thành tài với bằng cấp ngoại quốc, thế mà về đến quê hương đã yêu ngay thành phố cổ kính thân thương của hai bên nội ngoại. Lần đầu tiên Diễm hưởng được hạnh phúc trọn vẹn từ tình thương con và tình yêu với Huế. Buổi sáng thật yên lặng chỉ nghe thấy tiếng máy nhè nhẹ khua sóng trên sông Hương.

Mười bốn ngày ở Huế không đủ để Diễm thăm lại tất cả nơi chốn mà dấu chân Diễm đã đi qua của thời con gái...

Năm nào cũng vậy cứ đến Ngày Nhớ Huế là Diễm nôn nao trong lòng, đối với Diễm không phải một năm mới có một Ngày Nhớ Huế mà trọn cả năm lúc nào Diễm cũng nhớ quay quắt về Huế và núi Ngự Bình có me ở đó.... đã hơn hai mươi năm rồi Diễm mãi mãi là con của Huế mặc dù xa cách nghìn trùng.

○ **Trần Thị Hoàng Diễm**
Tháng sáu 94.

về thăm nấm mộ đầu xuân

Ta lại nhìn phố xưa buồn hoang phế
Và giòng sông lưu dấu cuộc tang thương
Hai mươi năm còn đó vết tích buồn
Những nấm mộ đầu xuân nằm cô quạnh

Ngày ta đi mùa đông vừa chớm lạnh
Bên hoàng thành máu đỏ quyện mưa sa
Và đâu đây thấp thoáng những bóng ma
Lòng vội và sao ngại ngần chân bước.

Chén hờn tủi phôi pha trời tổ quốc
Chút tình say vừa đủ thấy quê hương
Hai mươi năm say tỉnh lạc phố phường
Bỗng thức giấc mơ hồ lời ai gọi

Ta đến đó, cỏ vàng chen bụi đỏ
Hẳn lâu rồi quạnh vắng bóng nhân gian
Nén hương này xin đậu bến bình an
Giọt nước mắt thương dâng người quá vãng

Nguyễn Đông Anh
Cali tháng 7/95

NHỮNG BÀI THƠ GÂY RA THẢM HỌA TÀY TRỜI

Hương Thủy

Trong lịch sử của nền văn hóa Việt Nam, có những bài thơ gây ra thảm họa tày trời cho tác giả vì có kẻ xuyên tạc đem ra sàm tấu với vì "Thiên tử" đang trị vì. Tôi xin kể ra sau đây hai trường hợp điển hình nhất:

* 1. Trường hợp của cậu Ấm Nguyễn Văn Thuyên:

Nguyễn Văn Thuyên là con trai của đệ nhất công thần Trung-quân Nguyễn Văn Thành, nguyên là người tỉnh Thừa Thiên, dưới triều vua Gia Long.

Thuyên là một công tử tài ba, đỗ cử nhân sớm nhưng không chịu ra làm quan, mà lại lập Tao-đàn ở phường Đông Ba để tiêu khiển bằng cầm, kỳ, thi, tửu. Thuyên lại là một trang hảo hớn, hay tìm cách kết thân với văn nhân, thi sĩ. Chính vì tánh hào hoa, phong nhã ấy mà xảy ra câu chuyện vô cùng bi đát sau đây:

Năm Gia Long thứ 13 (1814), nhân nghe ở Thanh Hóa có hai nhân vật lỗi lạc là Nguyễn Đức Nhuận và Nguyễn Văn Khuê, Thuyên làm bài thơ sau đây rồi sai người nhà tên là Nguyễn Trương Hiệu cầm đi mời họ vào Huế chơi:

"Văn đạo Ái-châu đa tuấn kiệt.
Hư hoài trắc tịch dục cầu ty.
Vô tâm cửu bảo Kinh-sơn phác,
Thiên tướng phương tri Ký bắc kỳ.
U-cốc hữu hương thiên-lý viễn,
Cao cương minh phượng cửu thiên tri.
Thử hồi nhược đắc Sơn-trung-tể,
Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky"

Nghĩa là:

Ái-châu (1) nghe nói lắm người hay,
Ao ước cầu hiền đã bấy nay.
Ngọc phác Kinh-sơn tài sẵn đó,
Ngựa kỳ Ký-bắc biết đâu thay.
Mùi hương hang tối xa nghìn dặm,
Tiếng phượng gò cao suốt chín mây.
Sơn-tể phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.

(Lời dịch của Cụ Trần Trọng Kim)

(1) Ái-châu là Thanh Hóa.

Về phương diện văn chương, đó là một bài thơ xuất sắc. Tác giả có ý tâng bốc hai ông

bạn làng văn chưa quen biết: nào là *ngọc phát kinh sơn*, nào là *ngựa kỳ Ký bắc*, nào là *mùi hương trong hang tối*, nào là *tiếng phượng ở gò cao*. Duy có hai câu kết:

Thử hồi nhược đắc Sơn-trung-tể,
Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky"

(Sơn-tể phen này dù gặp gỡ,
Giúp nhau xoay đổi hội cơ này.

Mặc dù đó chỉ là khẩu khí của một cậu ấm ngông cuồng, cũng đã bị kẻ thù của ông Nguyễn Văn Thành lợi dụng, đem ra xuyên tạc, đến nỗi gây nên một thảm họa tày trời: Cha con ông Nguyễn Văn Thành phải ôm hận về chín suối. cha phải tự tử ở trong ngục, con thì bị chém đầu!

"Sơn-trung-tể" là gì mà gây nên thảm họa như thế?

Theo truyện Tàu, đời Lương Vũ Đế (502-549), Đào Hoàng Cảnh học thức uyên thâm, không chịu ra làm quan mà thích vào núi ở ẩn. Mỗi khi vua muốn hỏi ý kiến của tiên sinh về quốc sự, phải cho sứ giả vào núi tìm: nhân đó người đương thời tặng cho tiên sinh cái danh hiệu *"Sơn-trung Tể-tướng"*, nghĩa là "Tể tướng ở trong núi".

Về phương diện chính trị, dưới thời quân chủ chuyên chế, bài thơ trên là một lợi khí vô cùng sắc bén để hãm hại phe thù nghịch.

Nguyên trong thời kỳ Nguyễn Phúc Ánh (tức vua Gia Long sau này) cầm quân đánh Tây Sơn để khôi phục nhà Nguyễn, hai ông Nguyễn Văn Thành và Lê Văn Duyệt đều lập công to, nên về sau đều được vua phong tặng cho tước lớn. Ông Lê Văn Duyệt xuất thân ở đám hoạn quan, gốc dân giả; còn ông Nguyễn Văn Thành là con nhà quý tộc, xuất thân ở đám sĩ phu, vì thế ông Thành có ý coi rẻ ông Duyệt nên ông Duyệt rất căm tức ông Thành.

Ông Thành có một môn hạ tên là Nguyễn Hữu Nghi, vì bất mãn với ông Thành nên trốn qua nương náu lập công bên ông Duyệt. Một hôm, Nghi được một người bà con là Nguyễn Trương Hiệu đưa cho xem bài thơ nói trên của cậu Ấm Thuyên, Nghi lập tức phi báo cho Lê Văn Duyệt hay, ông này không bỏ lỡ cơ hội, bèn đem bài thơ tang chứng "phản nghịch" tâu vua; do đó Thuyên bị bắt giam ngay lập tức.

Vua Gia Long vốn đã không ưa ông Thành vì hai lẽ: Một là ông Thành vẫn giữ thái độ thân mật với vua như là khi còn cùng nhau bôn ba trên đường phục quốc, một điều mà vì "Thiên tử" tuy không nói ra nhưng chẳng thích. Hai là nhiều phen ông Thành năn nỉ xin vua lập Hoàng Tôn Đán, con Hoàng-tử Cảnh, làm tự quân, là điều mà vua rất bất mãn, vì cho rằng ông Thành có dụng ý như thế là để sau này dễ bề lộng hành. Cho nên, mặc dầu ông Thành một hôm tan chầu, chạy theo níu áo bào của vua khóc lóc, kể lể thảm thiết, vua giật áo bỏ đi vào cung rồi từ đó cấm không cho ông Thành vào chầu nữa; và mặc dầu Binh-bộ Tham-tri Võ Trinh xin vua mở lượng khoan hồng đối với Thuyên, viện cớ: Tuy bài thơ chứa đựng ý phản bội, nhưng Thuyên còn biết *"đầu thượng hữu quân thân"*, còn biết trọng Thánh-Triều, bởi lẽ trong câu thơ *"U cốc hữu 'hương' thiên lý viễn"*, đáng lẽ Thuyên phải dùng chữ *"lan"* thay cho chữ *"hương"*, nhưng Thuyên biết chữ *"lan"* là chữ húy nên không dùng. Mặc dù vậy, vua Gia Long vẫn không thèm đếm xỉa đến, và oái oăm hơn nữa, vua lại giao việc này cho Tả quân Lê Văn Duyệt, kẻ thù của ông Thành, cứu xét. Thế là số phận hai cha con ông Thành đã được quyết định kể từ đấy. Ông Duyệt liền cho hạ ngục ông Thành ngay mặc dầu ông này vô tội.

Trước sau ông Thành vẫn một mực kêu oan cho con. Một hôm, trong nhà giam, ông Thành than với Thị-trung Thống-chế Hoàng Công Lý rằng: *"Vua bắt tôi chết mà tôi không chết là bất trung"*. Ông hòa lệ viết thư, tả nỗi oan tình rồi uống độc dược tự tử. Còn cậu Ấm Thuyên thì bị án phân thây vô cùng bi thảm, nguyên do chỉ vì hai câu thơ mà cậu làm trong khi cao hứng:

Thử hồi nhược đắc Sơn-trung-tể,
Tá ngã kinh luân chuyển hóa ky"

Trong cuốn *"Việt Nam sử lược"*, tác giả Trần Trọng Kim đã phê bình vua Gia Long như sau:

"Công nghiệp của Ngài thì to thật, tài trí của Ngài thì cao thật, nhưng chỉ hiềm có một điều là khi công việc xong rồi, Ngài không bảo toàn cho những công thần, mà lấy những chuyện nhỏ nhặt đem giết hại những người có công với Ngài, khiến cho hậu thế ai xem đến những chuyện ấy cũng phải thở dài mà thương tiếc cho những người ham mê hai chữ "công danh" về đời áp chế ngày xưa".

* 2. Trường hợp của An-Phong-Công Hồng Bảo

Dưới triều vua Tự Đức, nền văn học Việt Nam ở vào thời kỳ toàn thịnh. Trong các vua triều Nguyễn, vua Tự Đức là ông vua hay chữ nhất. Suốt 36 năm trị vì, không lúc nào là Ngài không trọng đãi văn nhân và khuyến khích việc học hành. Ngài chăm về việc khoa giáp, sửa sang việc thi cử, đặt ra *"Nhã-sĩ khoa"* và *"Các-sĩ khoa"* để chọn lấy người văn học ra làm quan. Ngài lại đặt ra "Tập-Hiền-Viện" và "Khai-Kinh-Diên" để Ngài ngự ra cùng các quan bàn luận văn chương hay chính trị. Lại sai soạn bộ *"Khâm Định Việt Sử"* từ đời thượng cổ cho đến hết đời Hậu Lê. Chính dưới thời Ngài trị vì, đã xuất hiện biết bao tài hoa lỗi lạc như Nguyễn Văn Siêu, Cao Bá Quát. về thơ, có những thi bá lừng danh như Tùng Thiện Vương, Tương An Quân Vương, Hồng Bảo, v.v... Hai câu thơ sau đây mà có người cho là của Ngài, còn truyền tụng cho đến ngày nay:

"Văn như Siêu, Quát vô Tiền hán,
Thi đáo Tùng, Tuy thất Thịnh Đường"

nghĩa là

Văn của đời Tiền Hán là hay nhất, thế mà văn của ông Nguyễn Văn Siêu, ông Cao Bá Quát còn hay hơn.

Cũng như thơ thời Thịnh Đường là rất hay, thế mà thơ của Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương lại hay hơn.

Từ khi có bốn nhà thơ này nổi lên, thì Hán, Đường mất tiếng.

Về văn học thì thế, nhưng về chính trị, vua Tự Đức không ngần ngại sát hại những văn nhân, thi sĩ dù là thân thích ruột rà, mà Ngài nghi là có tư tưởng đối lập. Câu chuyện sau đây là một bằng chứng:

Trong một buổi họp Tao-Đàn mà Ngài làm chủ súy, Ngài ra đề thi là *"Vô Đề"* với những sự bắt buộc như sau: Tám chữ đầu của tám câu phải là: *"Phong, hoa, tuyết, nguyệt, cầm, kỳ, thi, họa"*. Trong mỗi câu thơ, lại phải có một chữ số theo thứ tự: *"Nhất, nhị, tam, tứ, ngũ, lục, thất, bát."*

Với sự hạn chế như thế mà An-Phong-Công Hồng-Bảo (anh ruột của Ngài) cũng đã làm được một bài thơ tuyệt tác như sau:

Vô Đề

Vân đạm, phong khinh, nhất diệp châu,
Hoa cù ẩn ước nhị tầng lâu.
Tuyết ngưng địa thượng tam đông lãnh,
Nguyệt đáo thiên trung tứ bích sầu.
Cầm vận ngũ huyền ca nhã hứng,
Kì vi lục cuộc thức doanh thâu.
Thi thành thất bộ chung hoài cổ,
Họa nhập Tiêu Tương bát cảnh đồ.

Hồng Bảo

MỆ RU CHÁU

Ạ à ơi... dong đèn khuya sớm trời đông
Ấp ôm cháu ngủ ấm nồng tình thương
Ngày đêm ru cháu du dương
Thiu thiu cháu ngủ má hường thêm tươi

Ạ à ơi... cháu tui vừa ngủ vừa cười
Mát lòng hả dạ mê đòi chi hơn
Phước may Trời Phật ra ơn
Có con có cháu như đờn đủ giây

(Trích "Hát ru làn điệu Huế" của Tôn Lệ Vân)

Nghĩa là:

Gió nhẹ, mây êm, một lá thuyền,
Lầu hai lấp ló khóm hoa hiên.
Ba đông tuyết phủ dồn hơi lạnh,
Bốn vách trăng soi gợi nỗi phiền.
Đàn gãy năm dây ca hát thú,
Cờ vây sáu cuộc đổi thay phiên.
Thơ xong bảy bước xui hoài cổ,
Bút hoa Tiêu Tương tám cảnh tiên (1)

Vua khen hay và ngâm mãi. Nhưng có kẻ ghét Hồng Bảo, xuyên tạc ý thơ và sàm tấu, cho rằng câu thơ: *:Nguyệt đáo thiên trung tứ bích sầu"* là có ý chỉ trích vua, cho rằng vua thuộc về "âm", về "tà" chứ không thuộc về "dương" về "chánh" như Hồng Bảo, cho nên khi trăng lên giữa trời là gieo thảm, gieo sầu cho thiên hạ.

Sẵn có lòng nghi kỵ Hồng Bảo nuôi ý thoán vị, vua Tự Đức cho lời nói trên là có lý, nên về sau, nhân vụ án Hồng Bảo âm mưu đảo chánh, vua đã thẳng tay trừng trị Hồng Bảo bằng cách chém bêu đầu.

○ **Hương Thủy**

(1) Biệt chú: Tám bức họa tuyệt đẹp do Tống Địch vẽ ra là:

1. Bình sa nhạn lạc (Bãi cát nhạn sa)
2. Viễn phố phàm quy (Bến xa thuyền về)
3. Sơn thị tình lam (Trời quang mây tạnh nơi núi và chợ)
4. Giang thiên mộ vân (Trời nước mây chiều)
5. Động Đình thu nguyệt (Trăng thu ở Động Đình)
6. Tiêu Tương dạ vũ (Mưa đêm ở sông Tiêu sông Tương)
7. Yên tự văn chung (Khói chùa và tiếng chuông chiều)
8. Ngư thôn tịch chiếu (Xóm chài bóng ngả).

Tâm Tình Bên Nớ Bên Ni

(Thân tặng các ôn mẹ HUẾ CHAY)

Chàng ơi hãy nói chuyện tâm tình
Nhớ tránh làm sao khỏi bất bình
Thiếp hỏi mong chàng nương đúng ý
Chàng lơ thấy thiếp chẳng đồng tình

Ưa chàng tán tụng đề cao vợ
Quý thiếp bao dung bớt bực mình
Chín bỏ làm mười cho thoải mái
Tâm tình cởi mở chớ làm thinh

Nũng nịu đòi nghe chuyện chúng mình
Mà sao dễ giận lúc tâm tình
Phàn nàn nóng nảy hay la lối
Bắt bẻ gay go chẳng nói tình

Chẳng lẽ ca hoài yêu quý vợ
Còn không né mãi bực lòng mình
Tâm tình muốn tỏ thành ra ngại
Lặng lẽ làm thinh khỏi bất bình.

Bửu Cầu

CẬU TÔN VÀ CÁC MỆ

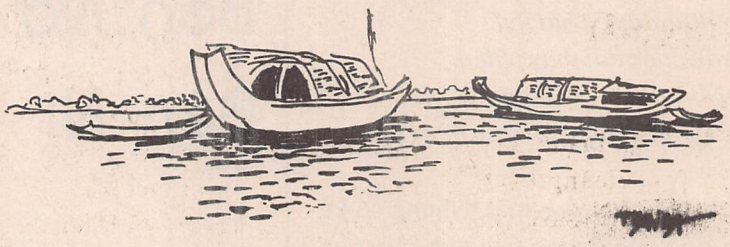

Tôn Thất Hứa

☆ Nguồn gốc:

Họ Nguyễn-Phước hay Tôn-Thất phát xuất từ làng Gia-Miêu Ngoại- Trang, tổng Thượng-Ban, huyện Tòng-Sơn, phủ Hà-Trung thuộc tỉnh Thanh-Hóa. Vào năm 1803 vua Gia Long đổi Gia-Miêu Ngoại-Trang thành Quí-Hương và Tông-Sơn thành Qui-Huyện.

Dòng họ Tôn-Thất thực ra cũng bắt nguồn từ họ Nguyễn Văn, dưới triều Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Nguyên (Chúa Sãi), con của Nguyễn Hoàng (1613-1635), được đổi thành Nguyễn-Phước. Thân phụ của Triệu-Tổ Tịnh-Hoàng-Đế Nguyễn Kim tên là Nguyễn Văn Lưu. Dưới triều Minh Mạng (1823) nhóm bà con thân thuộc đi theo Nguyễn Hoàng bành trướng lãnh thổ đến cực nam của nước Việt Nam hiện tại được mang họ Tôn-Thất Nguyễn-Phước. Những bà con thân thích ở lại miền bắc thì mang họ Công-Tánh Nguyễn-Hữu. Hiện nay giản dị hóa trên giấy tờ chỉ có vỏn vẹn Tôn-Thất hay Nguyễn Hữu.

☆ Tổ chức HỆ - PHÒNG - CHI - PHÁI

Ngày xưa các danh môn, vọng tộc, thế phiệt, trâm anh đã ghi khắc vào bia đá, vào bảng đồng gốc tích tổ tiên lưu lại cho thế hệ hậu nhật. Các làng họ ở thành thị cũng như thôn quê đều biên chép cội rễ ông bà vào Tộc phổ, Chi phổ hay Gia phổ để truyền lại cho con cháu. Mấy chục đời sau nhờ các tài liệu trên mà kẻ hậu sinh biết rõ thân thế, sự nghiệp của tiền nhân để "Ôn cố tri tân".

Dòng họ Nguyễn-Phước được chia ra Hệ, Phòng, đi sâu thêm nữa là Chi, Phái để nhận diện bà con gần xa cũng như liên hệ gia đình.

— Triều Nguyễn có Ngọc-Phò Nguyễn-Phước Tộc hay Hoàng-Triều Thế- Phổ.

— Mỗi hệ có Tôn Phổ.

— Mỗi phòng có Biệt Phổ.

— Các Nhánh, các Phái trong bản phòng có Chi Phổ riêng.

Con cháu của một Vua hay một Chúa họp lại thành một HỆ.

Vị Vua hay Chúa đứng đầu một Hệ gọi là Ngài HỆ TỔ.

Các thừa tự của các Ngài Hệ Tổ lập ra PHÒNG.

Đứng đầu một Phòng được gọi là ĐỆ NHẤT THẾ hay ĐỨC TIÊN CÔNG.

Hy-Tôn Hiếu-Văn Thụy-Quận-Công Nguyễn-Phúc Nguyên tục gọi là Chúa Sãi đã phân biệt thứ dân cùng con cháu các chúa (cậu Tôn) bằng cách thay thay đổi Nguyễn Văn bằng Nguyễn-Phước Tôn-Thất. Vua Minh Mạng ngay khi mới lên ngôi đã lo ngại về họa tranh chấp trong nội bộ hoàng gia, đã khôn khéo một lần nữa tách rời con cháu dòng chính vua Gia Long (các Mệ), lập thành Chánh Hệ với các vương tôn công tử các chúa (hệ Tôn-Thất) đã có tự trước bắt đầu bằng bài

thơ *Ngự Chế Mạng Danh Thi*; sau đó là *Đế Hệ Thi* và *Phiên Hệ Thi* để đặt tên cho các con cháu dòng chính sẽ kế vị ngôi vua kế tiếp theo vua Gia Long với các hoàng tử anh em ruột của chính mình.

☆ Các hệ TÔN THẤT

♦ Hệ Nhất:

Hệ Nhất được lập thành do các con cháu của Triều-Tổ Tịnh-Hoàng-Đế Nguyễn Kim. Nguyễn Kim sinh năm 1468, chết năm 1545, có hai con trai Tả-Tướng Quận-Công Nguyễn Uông và Thái-Tổ Giả-Dụ Hoàng-Đế Nguyễn Hoàng và Công chúa Ngọc Bảo (vợ của Trịnh Kiểm).

♦ Hệ Nhì:

Hệ Nhì bắt nguồn từ Thái-Tổ Giả-Dụ Hoàng-Đế Nguyễn Hoàng (1525- 1613). Năm Mậu Ngọ 1558 đời Vua Anh Tông, Nguyễn Hoàng vào trấn đất Thuận Hóa dựa theo lời khuyên của Nguyễn Bỉnh Khiêm tục là Trạng Trình: *"Hoành sơn nhất đái, vạn đại dung thân"* cũng bắt đầu bành trướng lãnh thổ nước Việt Nam.

Nguyễn Hoàng có 10 con trai và 2 con gái:

— Thái-bảo Hòa-Quận-Công
— Hoàng-tử Hán
— Hoàng-tử Thanh
— Hào-Quận-Công
— Hoàng-tử Hải
— Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Nguyên, hệ tổ Hệ Ba
— Hoàng-tử Hiệp
— Hoàng-tử Trạch
— Hoàng-tử Dương
— Nghĩa-Hưng Quận-Vương
— 2 công chúa Ngọc Tiên, Ngọc Tú.

Hoàng tử Hiệp và Hoàng-tử Trạch bị đuổi ra khỏi gia đình Tôn-Thất vì bất đồng chính kiến, con cháu mang họ Nguyễn Thuận.

Các Hoàng tử Hắc, Vĩnh con của Hoàng tử Hán; các Hoàng tử Nghiêm, Long, Cường, Chất con của Hoàng tử Hải được đưa ra Bắc làm con tin cho vua lê lập ra họ Nguyễn Hữu.

♦ Hệ Ba:

Hệ Ba là con cháu của Hy-Tôn Hiếu-Văn Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Nguyên tục gọi là Chúa Sãi (1563-1635). Chính Chúa Sãi đã đổi họ Nguyễn thành họ Nguyễn-Phước, có được 11 con trai và 4 con gái.

1. Khánh-Quận-Công
2. Thân-Tôn Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Lan, hệ tổ Hệ Bốn.
3. Hoàng-tử Anh
4. Hoàng-tử Trung
5. Hoàng-tử An
6. Hoàng-tử Vinh
7. Hoàng-tử Lộc
8. Hoàng-tử Tu
9. Hoàng-tử Thiều
10. Vinh Quận Công
11. Hoàng-tử Đôn.

Các Công chúa Ngọc-Liên, Ngọc-Vạn, Ngọc-Khoa và Ngọc-Đỉnh. Công chúa Ngọc-Liên lập gia đình với Nguyễn-Phước Vĩnh, con của Mạc-Cảnh Uông lập ra họ Nguyễn Hữu.

Công chúa Ngọc-Đỉnh lấy Nguyễn Cửu Kiều lập ra họ Nguyễn Cửu.

♦ Hệ Bốn

Hệ Bốn là con cháu của Thần-Tôn Hiếu-Chiêu Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Lan gọi là Chúa Thượng (1601-1648). Chúa Thượng có 3 con trai và một Công chúa.

1. Hoàng-tử Võ
2. Thái-Tôn Hiếu-Triết Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Tần, hệ tổ Hệ Năm
3. Hoàng-tử Quỳnh

và một Công chúa không rõ tên.

♦ Hệ Năm:

Con cháu của Thái-Tôn Hiếu-Triết Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Tần còn gọi là Chúa Hiền tạo thành Hệ Năm. Chúa Hiền Nguyễn-Phúc Tần sinh năm 1620, chết năm 1687, có 6 con trai và 3 con gái.

1. Phước-Quận-Công Nguyễn-Phúc Diễn, Tiên công phòng Nhất.
2. Anh-Tôn Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Trăn, hệ tổ Hệ Sáu
3. Cương-Quốc-Công, Tiên công phòng Ba

4. Quốc-Oai-Công Nguyễn-Phúc Hiệp, Tiên công phòng Tư

5. Hoàng-tử Nguyễn-Phúc Niên, tảo vong

6. Hoàng-tử Nguyễn-Phúc Nhiêu, tảo vong.

Công chúa Ngọc-Tào, 2 công chúa còn lại không rõ tên.

Trong lịch sử cận đại, từ Hệ Năm phát xuất hai Phụ-Chánh Đại-Thần tiêu biểu cho hai khuynh hướng chính trị khác biệt nhau: Tôn-Thất Thuyết linh hồn đảng Cần-Vương thuộc phái chủ chiến chống Pháp và Tôn-Thất Hân thuộc phái hợp tác.

♦ Hệ Sáu:

Anh-Tôn Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Trăn (1649-1691) còn gọi là Chúa Nghĩa sinh hạ được 5 con trai và 4 con gái.

1. Hiến-Tôn Hiếu-Minh Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Chu, hệ tổ Hệ Bảy.
2. Hoàng-tử Tuấn
3. Hoàng-tử Toàn
4. Hoàng-tử Trinh
5. Hoàng-tử Quảng

Các Công chúa Ngọc-Nhiệm, Ngọc-Niệu và những người còn lại không tìm được tên.

Anh-Tôn Hiếu-Nghĩa Hoàng-Đế chôn ở làng Kim-Ngọc, huyện Hương-Trà, tỉnh Thừa-Thiên, vợ là bà Vĩnh Mậu được an táng tại Định-Môn cùng huyện và cả hai được thờ ở Thái-Miếu.

Ngoại trừ Nguyễn-Phúc Chu lập ra Hệ Bảy, các con khác của Chúa Nghĩa Nguyễn-Phúc Trăn không có con trai kế vị. Hệ Sáu không còn tồn tại.

♦ Hệ Bảy:

Con cháu của Hiến-Tôn Hiếu-Minh Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Chu (1675- 1725) còn gọi là Quốc Chúa họp lại thành Hệ Bảy. Các em của Quốc Chúa đều vô tự.

Chúa Nguyễn-Phúc Chu có 38 con trai và 4 con gái.

♦ Hệ Tám:

Được họp bởi hậu duệ của Túc-Tôn Hiếu-Ninh Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Trú (1696-1738). Chúa Nguyễn-Phúc Trú sinh hạ được 3 hoàng tử cộng với 6 công chúa.

1. Thế-Tôn Hiếu-Võ Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Khoát, hệ tổ Hệ Chín.
2. Thiếu-Bảo Nghiêm-Quốc-Công
3. Tường-Quan-Hầu.

Các Công chúa Ngọc-Thương, Ngọc-Sách, Ngọc-Doãn, Ngọc-Biên, Ngọc- Uyên và một người không để lại tên.

♦ Hệ Chín:

Con cháu của Thế-Tôn Hiếu-Võ Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Khoát còn gọi là Võ Vương (1744-1765) lập thành Hệ Chín. Võ Vương có 18 Hoàng-tử và 12 Công chúa.

Hệ Chín chấm dứt hệ Tôn-Thất.

Tuy nhiên tưởng cũng nên nói thêm là 2 người con của Võ Vương Nguyễn-Phúc Khoát kế nghiệp cha có thể nới rộng để lập ra các hệ Tôn-Thất kế tiếp nhưng:

— Duệ-Tôn Hiếu-Định Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Thuần còn gọi là Định Vương chỉ có một người con gái.

— Hưng-Tổ Hiếu-Khương Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Luân ngoại trừ Thế-Tổ Cao-Hoàng-Đế Nguyễn-Phúc Ánh tức vua Gia Long lập ra chánh Hệ, những người con khác vô tự.

Hệ Chín chấm dứt dòng họ Tôn-Thất. Các Hệ 4 và 6 không có con cháu nối nghiệp bị xóa hẳn tên trong Tôn-Nhơn-Phủ. Thống kê được tính vào tháng 2-1942, 7 Hệ Tôn-Thất hiện hữu gồm có 3,100 cháu trai và 2,800 cháu gái.

Ghi chú:

1. Các Hệ 7 và 9 vì số con quá đông, cho nên tôi không nêu ra hết tên các hoàng tử, thay vào đó tôi ghi thêm vị trí của các ngôi mộ của các Ngài Hệ Tổ cộng thêm các Tư Dường các phòng để các con cháu họ Tôn-Thất có thể nhận nhau được dễ dàng hơn.

2. Tôn-Thất là một họ với hai chữ đi đôi với nhau, không có thể tách rời được.

3. Con gái của dòng họ Tôn-Thất được mang họ Tôn-Nữ Thị.

☆ CÁC CHÁNH HỆ

Vua Gia Long (1802-1819) có 13 người con trai và 18 người con gái. Trong số 13 hoàng tử (con của vua Gia Long) có hai người là Thuận- An-Công và Hoàng-tử Tuấn (tức là hoàng tử thứ 2 và thứ 3) mất sớm, không có vợ con. Vua Minh Mạng (1820-1840) là hoàng tử thứ 4 được lập làm Thái-tử năm 1816. Sau khi lên ngôi Hoàng-Đế, Vua Minh Mạng đã nghĩ đến:

— Để tránh một sự tranh chấp trong gia đình hoàng tộc.

— Để con cháu có thể nhận diện nhau cũng như phân định chỗ đứng của từng cá nhân trong đại gia đình Nguyễn-Phước.

—- Dựa vào nguyên tắc *Chính danh Định phận* của Khổng Mạnh, vua Minh Mạng đã nghĩ ra một phép đặt tên đôi.

Bài thơ *Ngự Chế Mạng Danh Thi*, gồm có tất cả 20 chữ chỉ định tên của các hoàng tử các thế hệ kế tiếp:

MIÊN, NHƠN, KỲ, SƠN, NGỌC
PHỤ, NHƠN, NGÔN, TÀI, HÒA
BỐI, LỰC, TÀI, NGÔN, TÂM
NGỌC, THẠCH, HÓA, HÒA, TIẾU

MIÊN là tên của tất cả con trai của vua Minh Mạng cộng với húy.

NHƠN là tên của tất cả con trai của vua Thiệu Trị cộng với húy.

Tiếp tục kéo dài như vậy thì Bảo Long sẽ đến chữ PHU.

Với phép đặt tên đôi trên chưa phân định được con cháu đích tôn với anh em chú bác trong đại gia đình con cái vua Gia Long. Để giải quyết vấn đề nan giải này cũng như biết rõ là anh em mình ai cũng yêu thơ mà vua Minh Mạng đã suy nghĩ rất nhiều trong hai ba năm đầu của triều đại đã sáng tác ra 11 bài thơ:

1. Một bài gọi là ĐẾ HỆ THI
2. Mười bài gọi là PHIÊN HỆ THI.

Mỗi bài thơ gồm có 20 chữ, ý nghĩa rất uyên thâm dùng để đặt tên cho 20 đời nối tiếp nhau, kể từ thế hệ vua Minh Mạng. Đã nói đến thừa tự thì chỉ nói đến con trai mà thôi, cho nên kể từ đời vua Minh Mạng các con cháu trai con vua cũng như các hoàng tử anh em ruột, người con trai nào cũng có tên đôi gồm 2 chữ:

— Chữ đầu là tên chung cho cả thế hệ

— Chữ thứ hai là tên riêng cho mỗi người tùy ý gia đình tự đặt

— Con gái dòng vua Gia Long thì thường có tên tục gồm 2 chữ và mang họ tùy theo từng thế hệ:

. Công-Tôn-Nữ Thị
. Công-Tằng-Tôn-Nữ Thị
. Công-Huyền-Tôn-Nữ Thị...

Mười một bài thơ ngự chế ấy được khắc vào kim sách (sách bằng vàng lá) có bài tựa của vua Minh Mạng đề ngày 1 tháng 1 năm Minh Mạng thứ 4. Nay xin chép lại 11 bài thơ nói trên.

☆ ĐẾ HỆ THI

Cho con cháu dòng chính vua Minh Mạng)

MIÊN HƯỜNG ƯNG BỬU VĨNH
BẢO QUÍ ĐỊNH LONG TRƯỜNG
HIỀN NĂNG KHAM KẾ THUẬT
THẾ THOẠI QUỐC GIA XƯƠNG

Tổng cộng: 2,200 hậu duệ.

10 bài thơ PHIÊN HỆ, tặng cho các anh em vua Minh Mạng.

- **A. Cho Hoàng-tử TĂNG-DUỆ HOÀNG-THÁI-TỬ**
  (Con trai trưởng vua Gia Long)

  MỸ DUỆ TĂNG CƯỜNG TRÁNG
  LIÊN HUY PHÁT BỘI HƯƠNG
  LỊNH NGHI HÀM TỐN THUẬN
  VY VỌNG BIỂU KHÔN QUANG

  Tổng cộng: 32 hậu duệ

- **B. Cho Hoàng-tử KIẾN-AN-VƯƠNG**
  (Con thứ 5 của vua Gia Long)

  LƯƠNG KIẾN NINH HÒA THUẬT
  DU HÀNH SUẤT NGHĨA PHƯƠNG

DƯỠNG DI TƯƠNG THỨC HẢO
CAO TÚC THỂ VI TƯỜNG
Tổng cộng: 46 hậu duệ

- **C. Cho Hoàng-tử ĐINH-VIỄN QUẬN-VƯƠNG**
(Con thứ 6 của vua Gia Long)

TỊNH HOÀI CHIÊM VIỄN ÁI
CANH NGƯỠNG MẬU THANH KHA
NGHIỄM KHẮC DO TRUNG ĐẠT
LIÊN TRUNG TẬP CÁT ĐA

Tổng cộng: 183 hậu duệ

- **D. Cho Hoàng-tử DIÊN-KHÁNH-VƯƠNG**
(Con thứ 7 của vua Gia Long)

DIÊN HỘI PHONG HANH HIỆP
TRÙNG PHÙNG TUẤN LÃNG NGHI
HẬU LƯU THÀNH TÚ DIỆU
DIỄN KHÁNH THÍCH PHƯƠNG HUY

Tổng cộng: 39 hậu duệ

- **E. Cho Hoàng-tử ĐIỆN-BÀN-CÔNG**
(Con thứ 8 của vua Gia Long)

TÍN ĐIỆN TƯ DUY CHÁNH
THÀNH TỒN LỢI THỎA TRINH
TÚC CUNG THỪA HỮU NGHỊ
VINH HIỂN TẬP KHANH DANH
Tổng cộng: 8 hậu duệ

- **F. Cho Hoàng-tử THIỆU-HÓA QUẬN-VƯƠNG**
(Con trai thứ 9 của vua Gia Long)

THIỆN THIỆU KỲ TUẦN LÝ
VĂN TRI TẠI MẪN DU
NGƯNG LÂN TÀI CHI LẠC
ĐỊCH ĐẠO DOÃN PHU HỮU

Tổng cộng: 18 hậu duệ

- **G. Cho Hoàng-tử QUẢNG-OAI-CÔNG**
(Con trai thứ 10 của vua Gia Long)

Sinh ngày 20-5-1809 con của bà Ngọc Bình. Bà Ngọc Bình là vợ vua Cảnh Thịnh, em của Ngọc Hân công chúa vợ vua Quang Trung. Bà Ngọc Bình là thứ phi của vua Gia Long.

PHỤNG PHÙ TRƯNG KHẢI QUẢNG
KIM NGỌC TRÁC TIÊU KỲ
DIỄN HỌC KỲ GIA CHÍ
ĐÔN DI KHẮC TỰ TRÌ

Tổng cộng: vô tự

- **H. Cho Hoàng-tử THƯƠNG-TÍN QUẬN-VƯƠNG**
(Con trai thứ 11 của vua Gia Long)
Sinh ngày 20-10-1810, con bà Ngọc Bình.

THƯỜNG CÁC TUÂN GIA HUẤN
LÂM TRANG TUY THANH CUNG
THẬN TỤ DI TÂN ĐỨC
THỌ ÍCH MẬU TÂN CÔNG

Tổng cộng: 8 hậu duệ

- **I. Cho Hoàng-tử AN-KHÁNH-VƯƠNG**
(Con trai thứ 12 của vua Gia Long)

KHÂM TÙNG XƯNG Y PHẠM
NHÃ CHÁNH THỦY HOANG QUI
KHẢI ĐỂ ĐĂNG CẦN DỰ
QUYÊN NINH CỘNG TRẤP HY
Tổng cộng: 9 hậu duệ

- **J. Cho Hoàng-tử TỪ-SƠN-CÔNG**
(Con trai thứ 13 của vua Gia Long)

TỪ THỂ DƯƠNG QUỲNH CẨM
PHU VĂN ÁI DIỆU DƯƠNG
BÁCH CHI QUÂN PHÚ DỰC
VẠN DIỆU HIỆU KHUÔN TƯỜNG

Tổng cộng: 79 hậu duệ.

Theo phép đặt tên đôi như vừa nêu trên thì tất cả con trai của vua Minh Mạng tên đầu phải là MIÊN cộng với tên húy do gia đình tự đặt ra. Kế đó tất cả con trai con thế hệ MIÊN

đều có tên bắt đầu bằng chữ HỒNG hay HƯỜNG cộng với tên do gia đình đặt ra. Tất cả con trai thế hệ HỒNG đều bắt đầu bằng ƯNG cộng với tên do gia đình đặt ra... và cứ như thế cho đến chữ thứ 20 của bài thơ.

Đối với 10 Phiên Hệ Thi cũng vận dụng y như vậy.

Cái đặc điểm của Đế Hệ Thi và Phiên Hệ Thi là chữ nào cũng tốt, cũng đẹp cả. Cây nào cũng hay cả cho nên toàn bài thơ là chuyện tốt đẹp, có thể nói là "Mỗi bài mỗi vẻ, mười phân vẹn mười". Lấy ví dụ bài Đế Hệ Thi dịch ra bằng một bài văn vần 20 câu, mỗi chữ dịch thành một câu mới đủ rõ nghĩa như sau:

1. Miên: trường cửu phước duyên trên hết
2. Hường: oai hùng đúc kết thế gia
3. Ưng: nên danh xây dựng sơn hà
4. Bửu: bối báu lợi tha quần chúng
5. Vĩnh: bền chí hùng anh ca tụng
6. Bảo: ôm lòng khí dũng bình sanh
7. Quy: cao sang vinh hạnh công thành
8. Đinh: tiền quyết thi hành oanh liệt
9. Long: vương tướng rồng tiên nối nghiệp
10. Trường: vĩnh cửu nối nghiệp giống nòi
11. Hiền: tài đức phúc âm sáng chói
12. Năng: gương nơi khuôn phép bờ cõi
13. Kham: đảm đương mọi cơ cấu giỏi
14. Kế: hoạch sách mây khói cân phân
15. Thuật: biên chép lời đúng ý dân
16. Thể: mãi thọ cận thân gia tộc
17. Thoại: ngọc quý tha hồ phước tộc
18. Quốc: dân phục năm gốc giang san
19. Gia: muôn nhà Nguyễn vẫn huy hoàng
20. Xương: phồn thịnh bình an thiên hạ.

Nhưng ý nghĩa bao trùm sâu sắc của cả 11 bài thơ là chỗ phân chia các hoàng tử con vua Gia Long làm 2 hệ:

— Đế Hệ: dòng vua, kế thừa đế nghiệp.

— Phiên Hệ: bờ rào bao quanh cho đế hệ.

- ***Chánh hệ NHẤT:***

Chánh Hệ Nhất được họp thành bởi các phòng các con của vua Gia Long THẾ-TỔ CAO-HOÀNG-ĐẾ (1762-1819), Ngài đã có công thống nhất quốc gia lên ngôi năm 1802.

- ***Chánh hệ NHÌ:***

Con cháu của vua Minh Mạng THÁNH-TỔ NHƠN-HOÀNG-ĐẾ (1791-1840) tên húy là Đảm gồm có 78 hoàng nam và 64 công chúa.

- ***Chánh hệ BA:***

Con cháu của vua Thiệu Trị HIẾN-TỔ-CHƯƠNG HOÀNG-ĐẾ (1807-1847) có húy là Miên-Tông. Vua Thiệu Trị có cả thảy 29 hoàng nam và 35 công chúa.

- ***Chánh hệ BỐN:***

Được họp thành bởi con cháu của các con nuôi vua Tự Đức DỰC-TÔN-ANH HOÀNG-ĐẾ (1829-1883), húy là Hồng-Nhậm. Vua Tự Đức không có con, chỉ có 3 người con nuôi.

— CUNG-TÔN-HUỆ HOÀNG-ĐẾ (Dục Đức) húy là Ưng Ái sau đổi là Ưng Chân, con của Thoại-Thái-Vương.

— CẢNH-TÔN-THUẬN HOÀNG-ĐẾ (Đồng Khánh) húy là Ưng Đường và

— GIẢN-TÔN-NGHI HOÀNG-ĐẾ (Kiến Phước) húy là Ưng Đăng, cả hai con của KIÊN-THÁI-VƯƠNG.

Hệ Bốn được lập thành do con cháu của vua Dục Đức (1852-1884). Vua Dục Đức có 11 hoàng nam và 8 công chúa.

- ***Chánh hệ NĂM:***

Thành lập do con cháu vua Kiến-Phước GIẢN-TÔN-NGHỊ HOÀNG-ĐẾ (1869-1884), hiện nay vô tự.

- ***Chánh hệ SÁU:***

Con cháu vua Đồng Khánh CẢNH-TÔN-THUẬN HOÀNG-ĐẾ (1864-1888) họp thành chánh hệ Sáu, vua Đồng Khánh có 6 hoàng nam và 6 công chúa. Chánh hệ Sáu chỉ có độc nhất 1 phòng, đó là phòng An-Hòa Quận-Vương tính đến năm 1942 chỉ còn có 2 người.

Tính đến năm 1942, chánh hệ Sáu là chánh hệ sau cùng của triều Nguyễn. Chánh Hệ Năm vô tự, hiện hữu chỉ có 5 chánh hệ với tổng số 2,522 cháu trai và 2,400 cháu gái.

○ Tôn Thất Hứa
Wuerzburg, Đức quốc

Tài liệu tham khảo:

1. Constitution de la Famille Impériale d'Annam

Tôn-Thất Cổn, Président du Conseil Tôn-Nhơn.

2. Việt Nam Sử Lược quyển 2 của Trần Trọng Kim.

3. Tiền tệ Việt Nam từ 968 đến 1975 do ông Phạm Thăng biên khảo. Trung tâm Văn Hóa Xã Hội Phật Giáo Việt Nam tại Cộng Hòa Liên bang Đức - Chùa Viên Giác Hannover xuất bản 31-12-1989.

4. Kể chuyện vua quan nhà Nguyễn của Phạm Khắc Hòe do nhà xuất bản Thuận Hóa, 110 Phan Đăng Lưu, Huế.

5. Tài liệu của bổn phòng: Đệ Ngũ Hệ, Quốc-Oai-Công Phòng, đệ Tam chi, đệ Nhị Phái.

☆Tài liệu bổ túc:

NGUỒN GỐC HỌ NGUYỄN-PHÚC VÀ TÔN-THẤT

Theo tài liệu khảo cứu của cụ Nguyễn Phước Ưng Trình đã được đăng tải trên báo Lành Mạnh thì nguồn gốc như sau: Vào ngày Giáp Thìn tháng 7 năm Quý Hợi (1563) là ngày bà Nguyễn Hoàng khai hoa, nằm thấy một ông lão râu tóc bạc phơ cầm cho một tờ giấy hồng đào, khi mở ra thì trong ấy toàn là chữ Phúc. Khi tỉnh dậy vừa sinh con trai thứ 6. Bà Nguyễn Hoàng muốn đặt tên Phước để kỷ niệm chữ của thần cho, còn ông Nguyễn Hoàng lại muốn dùng chữ Phước làm chữ "lót" cho tên họ, để sau này con cháu đều được hưởng chung. Bèn đặt tên cho con là Nguyễn Phúc Nguyên, ấy là người đầu tiên mang tên họ là *Nguyễn Phúc*.

Dòng Nguyễn Phúc cha truyền con nối, đều lấy ông trưởng làm chính thống đã được lòng dân. Ngày 2 tháng 5 năm Nhâm Tuất (1802) vua Gia Long thống nhất sơn hà lại một cõi. Trước đó một năm (1801) Đông cung Nguyễn Phúc Cảnh đã mất cho nên khi vua Gia Long băng hà vào năm 1819 thì đầu năm sau Nguyễn Phúc Đảm nối ngôi. Trước ngày cầm "truyền quốc bửu", vua đã nhận thấy có phe không ủng hộ mình. Vì trước kia Lê Văn Duyệt có tỏ ý với Đức Cao Hoàng: Ngày sau nên lập Nguyễn Phúc Đán, con Nguyễn Phúc Cảnh lên nối ngôi, ấy là chính thống. Đã nghe vậy, lẽ tất nhiên là vua phải chuẩn bị, huống chi dưới tay vua sẵn có bao nhiêu người tâm phúc chắc họ cũng đã đủ những phương pháp để tránh cái họa tương tranh trong hoàng gia như chúng ta đã thấy nhiều về lịch sử.

Trong châu bản năm đầu của triều Minh Mạng, chúng ta tìm thấy một tập sớ của Công thần Đinh Phiên, Đông các Đại học sĩ được vua Minh Mạng cho thêm chữ lót Nguyễn thành ra Đinh Nguyễn Phiên, soạn dâng cho nhà vua cả thảy 11 bài thơ quy định chữ lót cho mỗi thế hệ. Một bài Đế hệ và mười bài Phiên hệ. Đế hệ cho dòng vua chính thức trị vì. Phiên hệ dành cho những huynh đệ không lên ngôi, xem như phên giậu (rào) bao vây, che chở nhà vua. Nếu danh phận đã định như thế, thì đế nghiệp sẽ an như bàn thạch.

Cũng theo bài khảo cứu của cụ Nguyễn Phước Ưng Trình còn nói rõ thêm: Tuy đã biểu đồng tình, song chưa dám tuyên bố còn muốn thăm dò ý kiến, thành thử vua còn giữ bí mật đề nghị của Đinh Nguyễn Phiên. Có một ngày vua bàn với các hoàng đệ rằng: *"Con cháu cả chín hệ, theo Đức Thái Tổ vào Nam, thì đều được mang quốc tánh là Nguyễn Phúc, còn ai ở lại Thanh Hóa thì mang công tánh là Nguyễn Hữu. Đức Hoàng Khảo đã truy thương huy hiệu Hoàng Đế lên cả chín đời trên, từ Triệu Tổ đến Thế Tôn, vậy người trong chín hệ trên cũng như người trong đệ nhất chính hệ (cả mười phiên hệ) đều được xưng là Tôn Thất, nghĩa là đồng họ với nhà vua, khỏi phải xưng đến quốc tánh (Nguyễn Phúc) như trước nữa."* Sở dĩ định như vậy là vì theo văn hóa tương truyền, thì tên và họ của cả triều vua đều thuộc về quốc húy cả.

Trong châu bản về Minh Mạng nguyên niên, ngày 24 tháng 3, có một ông tâu lên xưng là Nguyễn Phúc Bình. Cũng năm ấy ngày 12 tháng 10, một ông khác tâu lên còn xưng là Nguyễn Phúc Mảo. Qua năm thứ ba

(1822) ngày 28 tháng 5 cũng ông Bình tâu lên, xong không xưng là Nguyễn Phúc Bình như năm kia, mà lại xưng là Tôn Thất Bình. Cho đến nay vì chưa tìm được gì về trước nữa cho nên chúng ta phải theo tài liệu trong châu bản, năm thứ ba, ngày 28 tháng 5 người hoàng gia xưng là Tôn Thất thay thế hai chữ Nguyễn Phúc xuất hiện từ năm 1563.

Trong năm thứ ba các hoàng đệ đều đã phục tùng mạng lệnh của nhà vua, tự xưng là Tôn Thất. Qua năm thứ tư, vua Minh Mạng mới ban bố phép đặt tên: *"Từ đệ nhất chính hệ, tức là mấy anh em ta trở về sau, con cháu càng ngày càng đông, tên dễ trùng nhau, Đức Hoàng Khảo đã muốn định phép đặt tên, xong vì vạn cơ không rảnh, nay ta kính thừa tiên chỉ, đã chọn 11 bài thơ, con cháu ta cũng như con cháu các anh em ta, mỗi Phòng đều có một bài thơ 20 chữ, mỗi đời một chữ, tức 20 đời.*

Người trong Phòng nào cũng sẽ có tên đôi, tên hai chữ: chữ trên để phân thế thứ, lấy trong bài thơ, là tên chung cho các Phòng; còn chữ dưới là tên riêng thì gia đình tự đặt theo ý muốn. Vậy sơ sinh con cháu Phòng nào thì sẽ lấy một chữ theo thế thứ trong câu thơ; thành thử chúng ta nhìn nơi tên đủ biết người ấy thuộc về Phòng nào và về thứ mấy.

Ngày 7, 8 và 9 tháng tư này, ta đã cáo Giao, cáo Miếu, nay ta theo bài thơ về **Đế Hệ** ta tự đặt tên cho các hoàng tử đã có tên. Vậy từ nay tên Hoàng-trưởng-tử là Mâng Tông, cho đến hoàng tử thứ 23 là Mâng Thật. Về sau mỗi khi sanh hoàng tử đầy tháng thì ta sẽ tiếp tục ban tên theo chữ Mâng. Các hoàng tử đã có tên mới thì không được hành dụng tên cũ nữa."

(Theo sách Minh Mạng Chính Yếu)

(Tài liệu khảo cứu trên của cụ Ưng Trình, đã được đăng trong tạp chí Lành Mạnh trước đây và được Tiến sĩ Thái Văn Kiểm *"Thư từ văn hóa Việt Nam"* (Le Gardien, du Temple Sacré de la Culture Vietnamienne) đã cung cấp để bổ túc thêm bài viết). Xin chân thành cảm tạ Tiến sĩ Thái Văn Kiểm.

○ **Tôn-Thất Hứa**

Lạc Bến

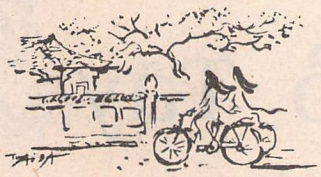

Sao Em không mặc áo lụa Hà Đông
Cho trời thu hâm nóng cuộc tình xưa
Mưa tháng tám giăng khắp các nẻo đường
Anh đang đếm từng giọt tình trôi qua

Thư Em viết Anh say sưa nghiền ngẫm
Lời Em tình tự thanh thót triền miên
Ru Anh vào giấc mộng dài thăm thẳm
Hồn thênh thang trên đỉnh núi bình yên

Nơi xứ người Em làm thân cỏ dại
Bỏ quê nghèo làm khách lạ bơ vơ
Nốt thang đời đưa Em vòng trở lại
Nợ đèn sách mờ chân bước tuổi thơ

Sương mù Paris giăng mắc biền biệt
Gió lộng Cali rạt rào bụi vấn vương
Hai phương trời ta dừng chân cách biệt
Mộng tương phùng ta góp hội tơ vương

Cali Thu
Nguyễn Ngọc Thùy Trang

Đêm Thơ Nhạc Huế trên Hồ Tây Hà Nội

Tôn Thất Tùng

Vào khoảng giữa tháng 3. 94 tôi từ Sài Gòn theo xe lửa ra Hà Nội thăm gia đình người chị. Sau mấy ngày đi Hải Dương lên núi Côn Sơn viếng đền thờ Nguyễn Trãi, tôi sắp trở vô Sài Gòn để về Mỹ thì một buổi chiều thằng cháu đi dạy học về báo tin có một nhóm nghệ sĩ người Huế ở Hà Nội sẽ tổ chức đêm thơ nhạc trên Hồ Tây tối nay và hỏi tôi nếu muốn tham dự nó sẽ nhờ người giới thiệu với nghệ sĩ Hồng Tuyết là người tổ chức. Tôi chưa có ý kiến thì chị tôi bảo:

— Thôi, đừng đi cậu ạ, lỡ họ hội họp chống đối nhà nước thì rắc rối lắm đấy.

Thằng con chị tôi vội cắt ngang:

— Không đâu mẹ ạ, những người tổ chức đều là nhóm văn nghệ sĩ chân chỉ hạt bột, buổi họp mặt chỉ thuần túy văn nghệ, chống báng cái nỗi gì. Mẹ yên chí lớn, để con đi tìm thi sĩ Thôi Sơn nhờ ông ta giới thiệu là xong thôi. Ông ta dạy học cùng trường với con, con biết rõ mà. Dứt lời nó ra cửa phóng Honda đi một nước.

Khi cháu tôi trở về nhà thì trời cũng sắp tối, nó bảo tôi sửa soạn ra đi và đề nghị tôi ghé qua tiệm rượu mua một chai rượu ngoại quốc để đóng góp gọi là một sự đãi ngộ của khách phương xa. Tôi đồng ý và theo nó cùng đi. Sau khi ghé nhà Thủy Tạ gởi Honda, hai cậu cháu không quên tạt qua cửa hàng bách hóa gần đó mua một chai Rémy Martin với hai chai Soda rồi thả bộ ra Hồ Tây đến điểm hẹn.

Gió chiều Xuân Hồ Tây se lạnh. Từ xa khách sạn Thắng Lợi với giàn đèn xanh đỏ lấp lánh nghễu nghện trên nền trời như muốn phô bày cái phong cách sang trọng đã làm nổi bật sự nghèo nàn nói chung của Hà Nội ba mươi sáu phố phường.

Chúng tôi rảo bước dọc theo bờ hồ, hướng về chùa Kim Liên. Khi những ngọn đèn màu trong các quán nước quanh hồ đồng loạt bật sáng thì tới điểm hẹn. Một chiếc thuyền tam bản khá lớn neo sát bờ đón đợi. Chúng tôi theo tấm ván nhỏ bước lên thuyền thì thấy khoảng mười người vừa nam vừa nữ đang ngồi trong khoang thuyền trên chiếc chiếu cạp điều. Chính giữa là một chiếc mâm đồng đầy thức nhắm với những ly rượu sóng sánh ánh vàng. Sau màn giới thiệu, tôi được biết nhóm họp mặt gồm có:

Hồng Tuyết (người đứng đầu tổ chức), Thu Thủy, Châu Loan, Nguyễn Thị Hồng, Vũ Văn Thoại, các nhà thơ Yên Thao, Băng Sơn, Trần Lê Văn, thi sĩ trào phúng Thôi Sơn, nghệ sĩ Thanh Hùng và Luật gia Nguyễn Thành Vĩnh và đặc biệt có sự hiện diện của nữ tài tử Kim Xuân, người tôi rất ái mộ khi chị đóng vai cô Thủy trong phim Ái Hoa vào năm 1954 cùng với nam tài tử Anh Tứ hiện nay là chủ nhân

tiệm bán đồ điện tử Continental ở Orange County. Lát sau thuyền từ từ tách bến, quay mũi về phía Quảng Bá, Nhật Tân.

Trong sự tĩnh lặng của Hồ Tây, tôi nghe rất rõ tiếng chèo khoan thai khua nước dưới ánh trăng Xuân bàng bạc. Xa xa bóng đêm nghi ngút. Sau thời gian thù tạc, chén chú chén anh, khi những đĩa thức ăn đã vơi dần thì mục văn nghệ bắt đầu bởi nghệ sĩ Hồng Tuyết. Điệu hò Mái Đẩy được cất lên. Câu hò Huế nói lên tâm sự của Huyền Trân: *"Công Chúa ơi, có bao giờ Thăng Long quên được số phận nàng con gái lá ngọc cành vàng, vì sự thanh bình của dân tộc mà phải gạt lệ ra đi làm dâu xứ Hời, đem theo bao sầu muộn nhớ thương..."* Sau điệu hò Mái Đẩy Hồng Tuyết ca tiếp bài Nam Bình *"Nước Non Ngàn Dặm Ra Đi"* của cụ Thúc Giạ. Lời ca tha thiết, tiếng ca trong vắt của nữ nghệ sĩ Hồng Tuyết trong như nước hứng mo cau của quê nhà thôn Vỹ, thơm như hương sen hồ Tịnh, quyện vào tiếng đàn tranh điêu luyện của đức lang quân Vũ Văn Thoại nghe tợ tiếng khóc than của muôn vạn dân Hời!

Tiếp nối là điệu Lưu Thủy của nghệ sĩ trẻ Thu Thủy với tiếng đàn nhị phụ họa của một nghệ nhân đất Bắc là Thanh Hùng. Theo sau Thu Thủy là giọng ca của Châu Loan với những bài Bình Bán, Nam Ai, Cổ Bản. Mặc dầu đã lớn tuổi nhưng giọng ca của nghệ sĩ Châu Loan vẫn còn ngọt ngào quyến rũ hòa với tiếng đàn nhị réo rắt làm cho những người có mặt trong khoang thuyền vứt bỏ hết những khó khăn, những lo âu phiền muộn lên bờ đê Yên Phụ, mặc cho con thuyền bồng bềnh trên sóng nước Hồ Tây.

Về điệu Nam Ai thì tôi đã có dịp nghe nhiều lần trong đời với những lời ca khác nhau, nhưng chưa có khi nào làm tôi xúc động bằng lần này. Phút chốc hình ảnh Cố Đô thân yêu hiện lên trong tôi rất rõ nét, lòng tôi dâng lên một nỗi nhớ thương rào rạt. Nay tôi xin ghi lại nơi đây một đoạn của bài ca Nam Ai do Châu Loan ca diễn ở Hồ Tây hôm đó mà tôi còn nhớ được để chứng tỏ những lời tôi nói không có gì là quá đáng. Tôi nghĩ rằng những người Huế tha hương khi nghe được tiếng ngân nga của bản Nam Ai này lòng sẽ bồi hồi rưng rưng nước mắt hòa lẫn một chút hãnh diện vì mình là người Huế:

.....

Vẻ đẹp Huế chẳng nơi nào có được
Hiền dịu mơ màng pha lẫn trầm tư
Ta nhớ ta thương sông Hương núi Ngự
Mơ chốn Hương Bình nhịp sống thanh tao
Ta ước ao ta làm sao trở lại
Dẫu Huế xa vời ta mãi nhớ thương
Dẫu Huế u buồn ta vẫn nhớ thương

Rồi không biết do ai đề nghị, bài *"Lời Kỹ Nữ"* của thi sĩ Xuân Diệu được Thu Thủy da diết ngâm lên làm lạnh buốt xương da những người hiện diện. Có lẽ đâu là lúc trái tim gọi trái tim, tấm lòng mở tấm lòng. Chẳng biết sóng nước dâng câu ca lên hay câu ca làm cho sóng nước phải tự dâng lên cho lời ca hòa tan trong gió? Bỗng Hồng Tuyết quay mặt về phía tôi rồi nói:

— Nào, xin viễn khách vui lòng cho biết thích nghe bài ca gì, chị em chúng tôi sẵn sàng chiều ý?

Không một chút do dự, tôi ngỏ lời:

— Nếu không có gì trở ngại xin chị cho nghe bài *"Đây Thôn Vỹ"* của Hàn Mặc Tử thì thật là vạn hạnh.

Hồng Tuyết hướng mắt vào Thu Thủy cất tiếng:

— Xin mời người đẹp đất Thần Kinh làm đẹp lòng bạn cố hương.

Thế là một lần nữa Thu Thủy lại cất giọng diễn ngâm:

Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Nón trúc nghiêng nghiêng mặt chữ Điền.

.....

Nhìn ánh mắt của mọi người có mặt trong khoang thuyền hôm đó tôi hiểu rằng với lời thơ tuyệt vời của người thi sĩ tài hoa mệnh bạc cùng với giọng ngâm mật ngọt của người con gái Huế

ấy quả nhiên đã lôi kéo mọi người về với Thừa Thiên, hay nói một cách khác, lời thơ và giọng ngâm ấy đã đưa xứ Huế đẹp Huế thơ ra Hà Nội, làm vơi đi những ly rượu rót mãi vẫn không đầy và làm sạch bách những thức ăn trên đĩa, chỉ còn trơ lại màu men sứ trắng phau như da người con gái vào độ xuân thì, và cũng làm tan biến những khói thuốc trong khoang thuyền ấm áp, không cho cái giá lạnh bên ngoài có cơ hội len vào. Ngoài kia trăng Xuân huyền ảo, lãng đãng sương rơi trên mặt nước Hồ Tây nhưng bên trong con thuyền chỉ có những tâm hồn đầy chất nghệ sĩ và rất Huế.

Kết thúc đêm thơ nhạc là những điệu hát Quan Họ, Cò Lả, Ca Trù v.v.. do nghệ sĩ Thanh Hùng trình diễn cũng không kém phần hào hứng. Nhưng chuộc vui nào rồi cũng đến lúc phải tàn! Con thuyền lại đủng đỉnh quay về bến cũ để rồi bịn rịn chia tay. Nhà thơ Yên Thao là người bước ra khỏi thuyền sau cùng. Ông ngửa mặt nhìn lên trời, vầng trăng mười sáu đêm Xuân Hồ Tây như e thẹn ẩn mình sau chiếc khăn sương. Có lẽ tức cảnh sanh tình Yên Thao ngâm khẽ, rất khẽ hai câu thơ vừa đủ cho những người đứng gần nghe:

Bỗng bao phiền muộn ở đời
Chẳng là gì giữa tuyệt vời đêm nay

Sau khi cám ơn và bắt tay từ giã mọi người, tôi cùng đứa cháu rảo bước đến nhà Thủy Tạ lấy xe Honda trở về. Mặc cho gió đêm mơn man đôi má, tôi miên man một cảm giác tuyệt vời, lòng vấn vương về sự kỳ lạ của buổi họp mặt. Mà kỳ lạ thiệt: Tôi, một người Huế tha hương từ bên kia đại dương vừa mới trở về nước lần đầu, lại ra Hà Nội, lại được dự *"ĐÊM THƠ NHẠC HUẾ"* trên Hồ Tây với những người Huế đang cư ngụ tại miền Bắc, bất chấp những khó khăn phiền muộn đang chầu chực chung quanh.

Người Huế là rứa đó, dù ở bất cứ nơi nào trên mặt địa cầu: Sài Gòn, Hà Nội, Ba Lê, Nữu Ước hay nơi miền Nam Cali cũng thế, người Huế thường mơ về Cố Đô ngàn đời yêu dấu, ngàn đời khó phai mờ trong trái tim ta! Dầu cho ngày nay Huế có mất đi phần nào nét yêu kiều diễm lệ nhưng đối với chúng ta thì... "Dẫu Huế u buồn ta vẫn nhớ thương".

Chính vì vậy mà mười một năm trôi qua, cứ mỗi độ hè vvề là **NGÀY NHỚ HUẾ** ở Quận Cam lại tưng bừng rộn rịp, hội trường không khi nào thiếu vắng những con người luôn luôn thiết tha với Huế.

Quận Cam,
NGÀY NHỚ HUẾ 1995

○ Tôn Thất Tùng

THIẾT THA LÒNG MẸ

Ạ à ơi... gió đưa ngọn chuối sau vườn
Nhìn ra nải chuối ôm buồng thiết tha
Búp măng chui gốc tre già
Măng mềm đã có tre già chở che

Ạ à ơi... heo con ủn ỉn sau nhà
Đợi mong chút cám ngọt chè thơm khoai
Gà con một đám loai choai
Chạy theo gà mẹ kiếm hoài miếng ăn

Ạ à ơi... thương con mẹ biết mần răng
Để con ăn học cho bằng người ta
Ngọn đèn gần bóng trăng xa
Nhìn con thấy nét thiệt thà giống ai

(Trích "Hát ru làn điệu Huế" của Tôn Lệ Vân)

Tại sao di tích Huế được công nhận là Di sản Thế giới ?

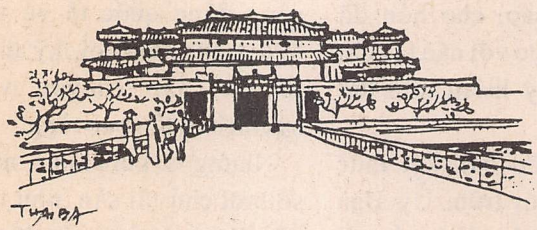

P..T.A

Khi kết thúc cuộc họp lần thứ 17 của Ủy Ban Di Sản Thế Giới (DSTG) tại Colombia từ ngày 6 đến 11-12-1993, UNESCO đã quyết định công nhận Quần thể Di tích Huế là tài sản văn hóa chung của nhân loại. Đến ngày 2-8-1994, cuộc lễ trao văn bản công nhận đã được tổ chức trọng thể tại Hoàng cung Huế với sự tham dự của nhiều quan chức quốc tế, quốc gia, địa phương và đông đảo bà con xứ Huế.

Nhiều phương tiện truyền thông đã loan báo rộng rãi tin vui này, làm cho toàn dân trong cả nước đều hân hoan. Đây là một sự kiện đáng ghi vào lịch sử văn hóa Việt Nam, vì di tích Huế là tài sản đầu tiên của nước Việt Nam được ghi tên vào Danh mục Di sản Thế giới (World Heritages List).

Thử hỏi tại sao Quần thể Di tích Huế có được vinh dự ấy? Và còn phải làm gì nữa cho di sản văn hóa này?

Điều kiện chung nhất mà UNESCO đòi hỏi để một tài sản (un bien) được đăng vào Danh mục DSTG là tài sản đó phải có một giá trị toàn cầu nổi bật (outstanding Universal value) và nước sở tại phải thiết lập một bộ hồ sơ để đệ trình UNESCO xét duyệt.

Các tài sản được chia làm 2 loại: Tài sản văn hóa (biens culturels) đã có sẵn trong trời đất. Di tích kiến trúc Huế thuộc vào loại tài sản văn hóa, cho nên ở đây xin miễn nói đến các tiêu chuẩn (criteria) liên quan đến loại tài sản thiên nhiên (như thắng cảnh Vịnh Hạ Long chẳng hạn).

Ủy Ban DSTG (World Heritage Committee) thuộc UNESCO đã đưa ra cho các nước có tài sản làm hồ sơ đệ trình những tiêu chuẩn cần phải đáp ứng. Các tiêu chuẩn kèm theo chứng lý (justification) liên quan đến giá trị văn hóa lịch sử và pháp lý của tài sản.

Về giá trị văn hóa nói chung, một tài sản văn hóa tầm cỡ quốc gia như quần thể di tích Huế cố đô Huế chẳng hạn, phải:

— Tiêu biểu cho một thành tựu nghệ thuật độc đáo, một kiệt tác (a masterpiece) do bàn tay con người tạo dựng hoặc:

— Có giá trị to lớn về mặt kỹ thuật xây dựng, nghệ thuật kiến trúc trong một kế hoạch phát triển đô thị hay một chương trình làm đẹp cảnh quan tại một khu vực văn hóa của thế giới, hoặc:

— Tiêu biểu cho một Quần thể Di tích Huế kiến

trúc của một thời kỳ lịch sử quan trọng, hoặc:

— Kết hợp chặt chẽ với các sự kiện trọng đại, những tư tưởng hay tín ngưỡng có ảnh hưởng lớn hay với các danh nhân lịch sử.

Ngoài ra một tài sản văn hóa muốn được quốc tế công nhận, phải được xác nhận đầy đủ về mặt pháp lý và phải có cơ quan quản lý bảo đảm công tác bảo tồn nó. Do đó, cần phải có pháp lệnh bảo vệ cấp quốc gia, cấp tỉnh hoặc cấp thành phố. Trong hồ sơ đệ trình, phải nói rõ về các pháp lệnh đó và phải cam kết thi hành có hiệu quả. Còn phải nêu ra kế hoạch quản lý thích đáng, bao gồm công tác bảo tồn và khả năng giới thiệu tài sản cho công chúng biết được và tiếp cận, du ngoạn để hưởng thụ văn hóa.

Quần thể Di tích Huế đã đáp ứng được hầu hết các tiêu chuẩn ấy. Những người tham gia thực hiện bộ hồ sơ của Huế đã nêu ra khá đầy đủ các chứng lý bằng nhiều loại hình tư liệu khác nhau: 52 trang viết, 62 bản đồ, bản vẽ đạt họa, hơn 100 ảnh máy chụp từ vệ tinh, từ máy bay và ảnh tư liệu đen trắng chụp từ xưa, 64 phim slide, một cuốn băng video dài 45 phút, v.v... Trong phần chứng lý về giá trị, cũng đã so sánh thành quách, cung điện, lăng tẩm Huế với Cố cung Bắc Kinh và Minh Thập Tam Lăng của Trung Quốc. Ngoài ra còn nhắc lại lời của cựu Tổng Giám Đốc UNESCO, A.M.M' Bow đã phát biểu tại Hà Nội năm 1981 rằng thành phố Huế là *"Một kiệt tác về thơ kiến trúc đô thị"* (a masterpiece of urban poetry). *"Huế là một cao điểm biểu hiện bản sắc văn hóa dân tộc... Huế cũng là một bộ phận không thể tách rời của di sản văn hóa loài người"*.

Nhìn chung, Quần thể Di tích Huế mang những giá trị nhân văn cao, cho nên đã sánh vai được với các tài sản văn hóa quý hiếm trên thế giới.

Trong biên bản kết thúc cuộc họp nói trên, Ủy Ban DSTG đã nhận định vắn tắt về di sản cố đô Huế như sau:

"Quần thể di tích Huế là kinh đô của nước Việt Nam được xây dựng vào đầu thế kỷ 19. Nó kết hợp triết lý Đông phương và truyền thống Việt Nam. Được hòa quyện vào môi trường thiên nhiên, vẻ đẹp và sự phong phú đặc biệt của kiến trúc và trang trí ở các tòa nhà là một phản ảnh độc đáo của đế chế Việt Nam ngày xưa vào thời cực thịnh của nó" (The World Heritage Newsletter, số 4, tháng 3 năm 1994, trang 7).

Sau đó trong cuộc họp định kỳ thường niên tiếp theo của Ủy Ban DSTG tại Thái Lan và tháng 12-1994, UNESCO cũng đã ghi tên thắng cảnh Vịnh Hạ Long vào Danh mục Di sản Thiên nhiên Thế giới. Như vậy tính đến nay, trong Danh mục DSTG đã có được 443 tài sản chung của nhân loại, gồm 344 tài sản văn hóa và 99 tài sản thiên nhiên, nằm rải rác ở 95 nước trên hoàn cầu.

Trong các văn kiện của UNESCO đều có minh định rằng tất cả các tài sản ấy đều phải được bảo vệ vì lợi ích của nhân loại bằng tình đoàn kết và tương trợ lẫn nhau giữa các nước. Nước sở hữu tài sản sau khi được xếp hạng, có thể nhận được những trợ giúp nhất định của cộng đồng quốc tế về tiền bạc, trang thiết bị, kỹ thuật và đào tạo chuyên viên ngành bảo tồn bảo tàng.

Nhưng về phía khác, nước sở hữu chủ tài sản, như trên đã nói, phải bảo quản đầy đủ và phát huy tác dụng đúng mức giá trị nhân văn của nó. Sự công nhận di tích Huế của UNESCO chẳng những nâng cao uy tín của dân tộc Việt Nam về mặt văn hóa nghệ thuật truyền thống của cha ông, mà còn hữu ích thiết thực trong cuộc sống kinh tế xã hội hiện nay thông qua các hoạt động văn hóa du lịch. Vì Huế càng nổi tiếng thì du khách bốn phương đến viếng Huế càng đông. Tuy nhiên trước uy tín và mối lợi ấy, có những điều phải suy nghĩ.

Một điều quan trọng là trình độ và khả năng quản lý tài sản văn hóa thế giới này phải tương xứng với tầm cỡ của nó. Nếu quản lý tồi, để cho tài sản xuống cấp, tức là không còn giữ đủ tiêu chuẩn quốc tế nữa thì nó sẽ bị Ủy Ban DSTG loại ra khỏi Danh mục DSTG như các văn bản của UNESCO đã qui định.

(Xem tiếp trang 197)

Thư Tín

Thư Bạn đọc:

.....Ngày Nhớ Huế và Tuyển Tập Nhớ Huế như tiếng chuông ngân vang, sâu thẳm vào tâm hồn bầy con cháu của Cố Đô, đang lưu lạc nơi quê người. Tiếng chuông có mãnh lực quy tụ bầy chim xa xứ đang tản mác khắp bốn phương trời, tìm lại với nhau qua những tâm tình khắn khít với lịch sử, văn hóa, với kỷ niệm của Huế đẹp và thơ, và cả với những đặc ngữ dễ thương, Mô, Tê, Răng, Rứa...! Xin hoan hô chủ trương Nhớ Huế và xin hết lời cám ơn Ban Tổ chức Ngày Nhớ Huế và Ban Biên tập Tuyển Tập Nhớ Huế đã gieo trồng "Cây Nhớ Huế" tại Cali cũng như trong lòng của mọi người Huế đang ly hương.

Xin góp một bài viết về Thơ của Cụ An Đình Trần Kinh trong Hương Bình Thi xã. Cụ Trần Kinh, thân phụ chúng tôi, nguyên Đốc học Quảng Bình, Bình Định, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi và Bình Thuận. Hưu trí năm 1944.

Chúng tôi thiển nghĩ, đề tài "Thơ của Hương Bình Thi xã" sẽ khởi hứng cho nhiều gia đình quý Thi ông trong HBTX, có dịp giới thiệu những áng thơ hay, để cộng đồng người Việt tha hương cùng thưởng thức, cũng là một điều rất đáng được khích lệ.

✉ *Trần Thị Cẩm Tuyến – Portland – 7. 4. 1995*

.... Tờ "Nhớ Huế" là một tập san có giá trị vì bài vở được chọn lọc kỹ lưỡng, phần lớn những người đóng góp bài vở đã tìm tòi thấu đáo về các chủ đề họ viết. Không những có chiều sâu, báo còn có một hình thức trang nhã nhờ lối trình bày rõ ràng qua việc xếp chữ (typesetting) và trang trí (design & graphics). Giữa những tờ báo về Huế thì đây là tờ báo nổi bật hơn tất cả.

✉ *Hà Thúc Khanh – Silver Spring, Maryland – 10. 4. 1994*

.... Tình cờ được Lê Thanh Toàn gởi cho, đúng ra, nhường cho Tuyển Tập Nhớ Huế, quý hóa quá, đã đọc không sót một dòng. Cảm xúc, lẫn thơm lây lắm, về đầu tư tim óc của quý anh chị, các bạn "quê hương mình"!

Xin góp vài ý về tuyển tập: Tranh bìa chợ Kim Long, chỉ cần lướt nhìn, đã thấy sáng đẹp, ấm cúng! Nhất là mới! (Tôi nói mới - vì dụng tới Huế - các họa sĩ thường ưa vẽ về Linh Mụ, Trường Tiền, sông Hương - họ quên mất vườn trăng Vỹ Dạ (quê nội tôi), Kim Long... nhỏ bé mà ấm đậm tình người! Nhìn bức tranh "Phiên chợ làng quê xứ Huế" thế ấy, hỏi sao không xúc cảm, giao động được, rạo rực được quý anh chị nhỉ? Xin hoan nghênh đề tài... lạ của Họa sĩ Thái Bá và "sáng kiến khai thác, xử dụng" lên tranh bìa của BBT Tuyển Tập Nhớ Huế! ....

✉ *Lê Nguyễn – Panasoffkee, Florida, 11. 15. 1994*

... Tôi đã nhận được 5 đặc san BS gởi. Xin cám ơn BS. Các bạn tôi và tôi cùng một ý nghĩ là bài vở phong phú - súc tích - làm cho người đọc (dân Huế) như đang sống trên thành phố thân yêu. Càng đọc càng thấy bồi hồi xúc cảm - nhớ nhung buồn man mác. Như vậy mới thấy mối tình quê hương luôn tiềm ẩn trong tim, đợi có dịp là thức dậy! ....

✉ *Lê Thanh Viễn – New York – 20. 12. 1994*

.....Tôi là người đi theo diện H.O vừa đến đây cuối tháng 5-1995. Tôi đã 70 tuổi. Tháng 7-1995 tôi đượcmột người bạn già ở Cali gởi cho 2 TTNH số 5 và 6. Là người Huế, Thừa Thiên cả nên chúng tôi rất thích TTNH.

Tôi muốn mua TTNH các số 1, 2, 3 (dù cũ hay rách chút ít hoặc chỉ còn 1, 2 số cũng được). xin quý báo cho biết số tiền phải trả kể cả cước phí để tôi gởi Money order hoặc check ngay khi được tin lại.

..... Chúc quý báo ngày càng phát triển mạnh.

✉ *Hoàng Đức Hoàn – Laurel, Delaware – 18. 8. 1995*

❒ ***Chị Trần Thị Cẩm Tuyến***
Portland, Oregon.

Rất cảm động khi đọc những lời khen tốt đẹp của chị. Xin cám ơn chị đã cho TTNH cái vinh dự được đăng tác phẩm của Cụ An Đình Trần Kính.

❒ ***Anh Lê Nguyễn***
Panasoffkee, Florida.

Xin đón nhận nhiệt tình của anh dành cho TTNH. Dù chưa gặp mặt nhưng qua thư từ và điện thoại thấy anh còn nặng tình với Huế vô cùng. Thân mến.

❒ ***Anh Hà Thúc Khanh***
Silver Spring, Maryland.

Những cảm nghĩ của anh về TTNH làm cho anh em trong Ban Biên Tập hết sức phấn khởi. Mong nhận được những sáng tác của những người bạn trẻ như anh.

❒ ***Anh Lê Thanh Viễn***
New York.

Rất cám ơn những lời khen ngợi của anh. Anh Lê Văn Lân nhắc đến anh luôn và BBT xin nhờ anh phổ biến TTNH ở phía bắc Hoa Kỳ.

❒ ***Cụ Hoàng Đức Hoàn***
Laurel, Delaware.

Rất phấn khởi và cảm động khi đọc thư của Cụ. Xin gởi thân tặng Cụ TTNH số 4. Rất nhiều người cũng muốn có toàn bộ TTNH như Cụ nên xin trả lời chung là chúng tôi rất tiếc không còn các số cũ nữa. Cụ nên giữ kỹ các số này, ai muốn đọc xin đến tận nhà. xin nói nhỏ với Cụ là nếu Cụ có cho ai mượn là phải đòi ngay đừng để họ chuyền tay là có thể mất, như nhiều người "kêu trời không thấu!!", bên nhà TTNH còn quý hơn nữa. Đa tạ.

❒ ***Chị Tôn Kim Tri***
Richardson, Texas.

Xin cám ơn vô cùng việc giới thiệu TTNH cho bạn bè và thân hữu rất dễ thương của chị ở các vùng Texas. Việc làm này rất tốn thì giờ của chị, chúng tôi xin ghi ơn.

❒ ***Anh Hoài Việt***
Paris, 2 XI 1994.

Nhận được thư rất dài của anh trên nửa năm mới hồi âm, quả thật có tội. Đọc thư anh "mát cả ruột" nhất là khi có người hiểu được bài viết của mình. Những chuyện tôi tưởng tượng có người cho là viễn kiến và biết đâu sẽ thành sự thật trong tương lai.

❒ ***Anh Hoàng Đống***
Portland, Oregon.

Cám ơn anh chị đã đến thăm và sinh hoạt vui vẻ cùng anh chị em trong Hội Thân hữu Huế - Thừa Thiên. Rất tiếc bài "Lục lạc reo" không đăng được vì không liên hệ đến Huế. Đã nhận được tập kịch do Hoàng Giao chuyển lại.

❒ ***Chị Tôn Nữ Lưu Huyền***
San Jose.

Bài viết của chị gởi cho một người nên không tiện đăng và hy vọng qua những dòng chữ này, người ấy sẽ hiểu lòng chị.

❒ ***Anh Nguyễn Đông Anh.***

Bài thơ "Về thăm mộ đầu xuân" đăng trong số này. "Huế của tôi ơi" xin dành vào dịp khác. Cám ơn sự cộng tác của anh.

❒ ***Chị Tôn Lệ Vân***
Canada.

Bài "Ru em làn điệu Huế" của chị biên soạn rất công phu. Đọc hết 107 bài của chị sưu tập làm nhớ lại thuở thơ

ấu năm trong tay mẹ, hân hạnh giới thiệu cùng bạn đọc một công trình nghiên cứu về các loại ru con Trung, Nam, Bắc sắp xuất bản. Bài của chị viết về vua Tự Đức đăng trong số này và rất mong nhận được bài của giáo sư Tôn Thất Thiện.

❒ ***Anh Nguyễn Phúc Bửu Tập***
Chicago, Illinois.

Xin cám ơn những ý kiến của anh và sẽ cố gắng thực hiện. Bài của anh đăng trong số này. Như anh đã biết, chúng mình đồng bệnh, nếu không nhờ BS giỏi thông tim và mổ tim thì mình đã quy tiên từ lâu. Cũng cám ơn nước Mỹ này mới còn sống sót những ngày còn lại của cuộc đời là những bonus trời cho. Chúc anh nhiều sức khỏe và may mắn.

❒ ***Cô Nguyễn Khoa Diệu Phương***
Fountain Valley, California.

Ban Biên Tập không ngờ một người trẻ tuổi, học "trường đầm" mà văn chương ướt át, rất đáng để cho các bạn trẻ noi theo. "Tâm sự một giòng sông" đăng trong số này. "Bức thư tình không gửi" dành lại số sau.

❒ ***Chị Hoàng Bích Đào***
Paris.

Cám ơn chị đã giúp phổ biến 200 TTNH ở Paris và Âu Châu. Nghe chị kể chuyện bán TTNH bên nớ mà ham. Năm nay xin nhắc chị đặt cọc trước 300 số, nếu trễ sẽ không còn báo. Các bạn đồng hương ở Âu Châu muốn có TTNH xin ghé nhà sách Diễm Phương ở Paris. Bài thơ "Niềm đau không tên" của chị đăng trong số này.

❒ ***Anh Lê Văn Lân.***
Lawrenceville, New Jersey.

Hai bài viết của anh đều hay cả nên cho đăng luôn cả hai. Luôn thể xin cám ơn bạn đã làm dùm mấy câu rao Bài Chòi, nhất là hai con Nọc Đượng và Bạch Tuyết làm đồng hương "cười bể bụng" trong dịp Tất niên của Hội Thân hữu Huế vừa qua. Đi Tây về có gì lạ không?

❒ ***Chị Phan Mộng Hoàn***
San Jose.

Cám ơn nhiệt tình của chị đối với TTNH. Năm nào chị cũng giữ kỷ lục bán dùm TTNH. Rất vui mừng được gặp lại các bạn cũ QHĐK trong dịp picnic vừa qua tại San Jose.

❒ ***Anh Chị Trần Đoàn***
Virginia.

Rất cám ơn chị đã giới thiệu và bán dùm TTNH tại vùng Hoa Thịnh Đốn. Sẽ ủng hộ và cố gắng lên tham dự họp mặt nhân lễ Kỷ Niệm 100 năm Quốc Học của nhóm các anh tổ chức ở Virginia.

❒ ***Anh Chị Phạm Doãn Huề***
Houston, Texas.

Hai mươi năm sau mới gặp lại, thấy anh chị vẫn trẻ hoài. Cám ơn sự đón tiếp nồng hậu. Kỳ này sẽ gửi TTNH để nhờ anh chị giới thiệu với bạn đọc vùng Houston.

❒ ***Chị Lê Khắc Ngọc Quỳnh***
Toronto, Canada.

Đã nhận được 3 bài thơ của chị và đang chờ truyện ngắn nhưng chưa thấy! Bài "Lối về yêu thương" đăng trong số này. Hẹn gặp chị tại San Jose đầu tháng 9-95.

❒ ***Anh Tôn-Thất Hứa***
Gerbrunn, Germany

Bài viết của anh rất bổ ích cho bà con Nguyễn-Phước tộc cũng như nhiều bài khác đăng trong số này có dính dáng đến các Mệ và Hoàng gia. Phải chăng vì mẹ và vợ đều là Tôn Nữ nên có thiên vị! Cám ơn và hân hạnh được anh cộng tác với TTNH. Thể theo lời yêu cầu của anh, xin giới thiệu đến đồng hương quyển Nguyễn-Phước Tộc Thế Phả của giáo sư Tôn-Thất Hanh biên soạn sau 4 năm sưu tầm tài liệu dịch thuật. Đây là quyển gia phả đầu tiên của họ Nguyễn-Phúc viết bằng tiếng Việt được chép từ đời Định Quốc Công Nguyễn Bặc từ thế kỷ thứ 10 cho đến Vua Bảo Đại ở thế kỷ thứ 20. Sách dày trên 500 trang kèm theo một số bản đồ, hình ảnh. Địa chỉ liên hệ: Tôn-Thất Hanh - 19/12 Lý Thường Kiệt - Huế.

❒ ***Chị Nhã Ca Trần Thu Vân***
Westminster, California.

Cám ơn chị đã viết thường xuyên và tận tình yểm trợ TTNH. Chúc chị và anh Trần Dạ Từ thành công trong lãnh

vực báo chí. Tờ Việt Báo Kinh Tế, một nhật báo được công nhận là phát triển nhanh nhất trong làng báo Cộng đồng tị nạn.

❒ ***Anh Phạm Hường***
Paris.
Hoa sứ vườn em được chọn đăng trong kỳ này, những bài còn lại và những bài nhạc xin để kỳ sau.

❒ ***Anh Trần Đ. Trương***
Santa Ana, Orange County.
Bài thơ "Lặng thầm" đăng trong số này. Những bài Phố buồn, Thôn cũ, Vô đề xin để kỳ khác.

❒ ***Nhà thơ Bồng - Phạm Văn Thoại***
Paris.
Vẫn in thơ của anh theo thủ bút và lối trình bày đặc biệt của anh như mọi năm. Cám ơn tình bạn hơn 40 năm giữa chúng ta. Ráng thu xếp năm nay về Cali ăn Tết với anh em. Thân.

❒ ***Anh Nam Cát NPBH***
Rolling Hills, California.
BBT rất cám ơn nhiệt tình của anh với TTNH. Vì số trang của TTNH có hạn nên những bài hợp với chủ đề năm nay xin đăng trước. Mong anh thông cảm. Đa tạ.

❒ ***Anh Thân Trọng Tuấn***
Garden Grove, California.
Đợi mãi không thấy bài viết về Nguyệt Biều và chuyện ông BG của anh, đành đăng bài "Câu sấm dời đô". Tích "Cái vỏ lúa" xin dành lại kỳ sau. Đa tạ.

❒ ***Anh Nguyễn Mộng Giác***
Orange County, California.
Rất cám ơn anh đã viết cho TTNH một bài rất hay. Làm rể Huế như anh thật dễ thương. Cũng xin cám ơn Chị rất nhiều, năm ngoái đã nấu dùm một nồi bún bò thật lớn để giúp Ban tổ chức bán gây quỹ trong Ngày Nhớ Huế.

❒ ***Anh Nguyễn Hữu Thứ***
Mississauga, Canada.
Rất cảm động những lo lắng cho sức khỏe và những lời thăm hỏi chân tình của anh về TTNH. Tuy còn yếu nhưng vẫn hoạt động mạnh cùng với anh chị em lo tổ chức Ngày Nhớ Huế và Tuyển Tập Nhớ Huế năm nay. Đang cố gắng xây dựng một nền tảng vững chắc cho TTNH. Như anh biết, phí tổn của tờ báo dày 230 trang, in 2.000 số rất cao (khoảng 5.000 đồng) nên cần được ủng hộ của mạnh thường quân đăng quảng cáo và các bạn đọc đặt mua. Chúng tôi bán rất rẻ, chỉ $5.00 một cuốn, mong sao được hòa vốn. Mục đích chính là muốn phổ biến rộng rãi đến đồng hương khắp nơi chứ không làm thương mãi. Tiền lời có dư đôi chút thì để "cõng" Ngày Nhớ Huế hàng năm.
Xin kể thêm, Hội Thân Hữu Huế - Thừa Thiên đã tổ chức Họp mặt Tất niên Huế lần thứ nhất năm vừa qua, có chơi Bài Chòi rất vui nhộn. Như vậy mỗi năm chúng tôi vác ngà voi đến 3 công tác mà việc nào cũng đòi hỏi thì giờ và công sức cả. Xin cám ơn những bài viết đặc biệt về Huế của anh. Thân kính.

❒ ***Anh Võ Long Tê***
Calgary, Alberta.
Rất cảm động khi đọc thư anh. Bài "Cảnh Huế trong Sảng Đình Thi tập" đến vừa lúc TTNH đang in nên rất tiếc không đăng kịp số này. Một lần nữa xin đa tạ. Chúc anh được dồi dào sức khỏe.

❒ ***Cùng các bạn đọc, thân hữu và đồng hương.***
BBT đã nhận được rất nhiều thư từ, điện thoại thăm hỏi, khen ngợi và khuyến khích. Xin muôn vàn cảm tạ. Chúng tôi cũng nhận được rất nhiều sáng tác, nhất là thơ của các bạn từ khắp nơi gởi về. Rất mong mối dây liên lạc này được bền chắc và dài lâu. Và cuối cùng xin các bạn đồng hương nuôi dưỡng TTNH bằng cách mua báo, cổ động bạn bè mua giúp và đóng góp bài vở. Một lần nữa xin đa tạ. ■

Hãy tặng bạn hữu hoặc người thân số báo

"Hai Mươi Năm Xa Huế"

TUYỂN TẬP NHỚ HUẾ 95

Xin điền vào Phiếu Tặng Báo

(Tiếp trang 192)

Tại sao di tích Huế...

Một điều đáng quan tâm không kém là việc bảo vệ môi trường thiên nhiên và môi trường văn hóa của di tích nói riêng, của thành phố nói chung. Kiến trúc cố đô Huế được đánh giá cao, một phần là nhờ có ngoại cảnh thiên nhiên xinh đẹp và nên thơ. Thời đại này là thời đại của phát triển du lịch, nhưng cũng là thời đại của bảo vệ môi trường. Trong bài diễn văn đọc tại buổi lễ nói trên tại Đại Nội, ông Phó Tổng Giám Đốc UNESCO D. Janicot sau khi hết lời ca ngợi di sản văn hóa Huế, đã cảnh giác các nhà lãnh đạo và dân chúng địa phương về một số nguy cơ đối với môi trường do du khách ngoại quốc mang lại.

Ông rút kinh nghiệm từ các hoạt động du lịch "quá tải" ở một số tài sản văn hóa trên thế giới. Ông khuyên Huế không nên phát triển du lịch một cách thái quá, mà cần *"phát triển một nền du lịch chất lượng hơn là một nền du lịch số lượng"* (développer un tourisme de qualité, plutôt qu'un tourisme quantité).

Cần biết thêm rằng sau khi di tích Huế được công nhận, UNESCO đã tổ chức tại đây hai cuộc hội nghị quốc tế về vấn đề bảo tồn và phát triển đô thị này, trong đó có cuộc "Hội nghị Chuyên gia Quốc tế về Bảo tồn và Phát triển Di sản Văn hóa phi vật chất vùng Huế" diễn ra từ ngày 21 đến 24 tháng 3-1994 để tìm cách gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa tinh thần truyền thống của vùng này. Trong bản đúc kết hội nghị, các chuyên gia trong nước và nước ngoài đồng một lòng đề nghị với UNESCO và chính phủ Việt Nam nên sớm vinh danh Huế là một thành phố lịch sử (un ville historique) của thế giới để có cơ hội hưởng được những quy chế và quyền lợi khác nữa từ phía quốc tế.

Quần thể Di tích Huế trở thành Di sản Văn hóa Thế giới là một sự kiện góp phần tích cực và xứng đáng trong việc đem lại một vận hội mới cho ngành du lịch địa phương. Nhưng kèm theo đó là một gánh nặng quản lý văn hóa và du lịch mà các nhà hữu trách liên quan phải có đủ năng lực để đảm đương, nghĩa là bảo tồn và phát huy tác dụng vào công cuộc phát triển kinh tế xã hội địa phương một cách hữu ích và đứng đắn.

○ P.T.A

THÔNG BÁO

Để chuẩn bị cho Tuyển Tập Nhớ Huế số 8 (1996) ngày càng phong phú và mỹ thuật hơn, mong quý thân hữu gửi bài về sớm hơn mọi năm. Quý vị có thể gửi bài ngay từ bây giờ về địa chỉ:

Tuyển Tập Nhớ Huế
9559 Bolsa Ave., Suite
Westminster, CA. 92683

HÃY CỔ ĐỘNG TUYỂN TẬP NHỚ HUẾ BẰNG CÁCH GIỚI THIỆU VỚI BẠN BÈ

RESTAURANT

ĐÀ NẴNG

9607 Bolsa Ave., - Westminster, CA 92683

(Trong khu Bolsa Mini mall, cạnh nhà sách Tú Quỳnh)

TEL: (714) 839-3173

ĐẶC BIỆT NGON NHẤT CALI

▼ BÚN BÒ HUẾ

▼ MÌ QUẢNG

Ngoài ra còn nhiều món khác:

- Bánh khoái (xèo).
- Bánh bèo chén.
- Bánh ướt thịt nướng.
- Bánh ướt tôm chầy.
- Bánh cuốn nhân thịt.
- Bánh lá chả tôm.
- Bún thịt nướng.
- Bún nem nướng.
- Bún chả.
- Bún chả giò.
- Các loại cơm tấm.
- Cơm chiên tỏi gà con (rôti).

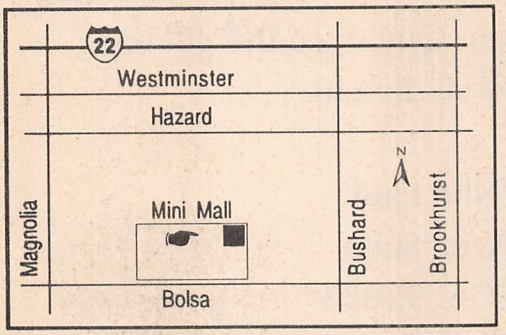

Mở cửa:
Thứ Ba - Chủ Nhật: 9 am - 9 pm
Thứ Hai: Nghỉ

KÍNH MỜI

ĂN MỘT LẦN, TƯƠNG TƯ MỘT ĐỜI

QUẢNG ĐÀ

Restaurant

MÓN ĂN ĐẶC BIỆT MIỀN TRUNG

Tại quê người nhà hàng Quảng Đà hãnh diện là nơi bảo tồn các món ăn độc đáo của miền Trung xứ Huế.

QUẢNG ĐÀ Restaurant
820 Franklin St.
Oakland, CA 94607
(Góc đường Số 9, China Town)
(510) 444-1112

QUẢNG ĐÀ Restaurant
348 E. Santa Clara St.
San Jose, CA 95113
(góc đường số 8)
(408) 297-3402

QUẢNG ĐÀ Restaurant
9786 Westminster Ave.
Garden Grove, CA 92644
(Cạnh Chè Hiển Khánh góc Brookhurst)
(714) 636-3016

ĐẶC BIỆT HỦ TIẾU THANH XUÂN CHÍNH GỐC HỦ TIẾU MỸ THO

Ngoài ra nhà hàng chúng tôi rất nổi tiếng món: HỦ TIẾU THANH XUÂN (chợ cũ)

- Mì Quảng
- Bún Bò Huế
- Bánh Bèo Vĩ Dạ
- Bánh Lá (Bánh Nậm)
- Chả Tôm
- Bánh Bột Lọc
- Bánh Xèo (Bánh Khoái)
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Ướt Thịt Nướng
- Cơm Hến
- Cơm Gà
- Bún Mắm Thịt Heo Quay
- Bánh Bèo Chén Miền Trung
- Mì Cao Lầu Hội An
- Chả Huế
- Gỏi Mít Trộn Xúc Bánh Tráng
- Gỏi Hến Xúc Bánh Tráng
- Bánh Tráng Đập Chấm Mắm Nêm
- Bánh Ít Kẹp Bánh Ram
- Bánh Cuốn Nhân Thịt
- Bánh Canh Tôm Cua
- Mì Hoành Thánh Tôm
- Cơm Bì Thịt Nướng

ĐẶC BIỆT :
Mì Quảng Chay,
Bánh Xèo Chay.

Quảng Đà Restaurant Kính mời.

DANH'S PHARMACY

Nhà Thuốc Tây dầu tiên tại Hoa Kỳ

9182-9186 Bolsa Ave.,
Westminster, CA 92683

Tel: (714) **892-4407**
Fax: (714) 898-9219

LINH'S PHARMACY

Nhà Thuốc Tây Việt Nam Phẩm chất tinh vi, giá rẻ khó ai bì.

9191 Bolsa Ave., Ste.# 102
(Asian Village)
Westminster, Ca 92683

Tel: (714) 891-3644

Geriavit Pharmaton
thuốc bổ có chất sâm của Thụy Sĩ. Từng được dận hơn 60 nước trên thế giới dùng hàng ngày, và rất được người Việt Nam ưa chuộng

- ***Bán thuốc theo toa Bác Sĩ***
- ***Nhận Medical & các loại bảo hiểm***
- ***Nhận gởi qùa & thuốc về Việt Nam***
- ***Bán vật dụng Y Khoa***
- ***Nhận gởi FAX và Điện Tín về Việt Nam***
- ***Nhận đổi check Welfare, SSI***

Designed by VAN Arts 714/ 554-6565

LINH II Pharmacy

9500 Bolsa Ave., Suite #N
Westminster, CA 92683

(Góc Bolsa & Bushard - Trong khu chợ Bolsa Supermarket, cạnh BS Trần Thị Kim Chi, BS Nguyễn Khắc Lân, BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, BS Nguyễn Phúc Diễm Chi, BS Phan Tuyết Mai, BS Nguyễn Sơn Hà...)

Tel: (714) 775-0550

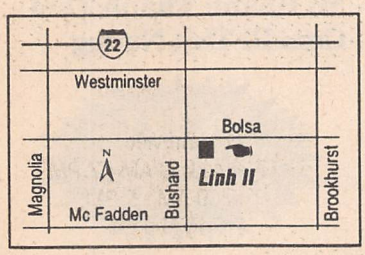

Nhận Medical và Bảo Hiểm

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 am - 7 pm
Thứ Bẩy: 10 am - 4 pm
Chủ Nhật: nghỉ

Tiến sĩ Dược khoa Quách Thùy Linh, Pharm D.
Tốt nghiệp Đại học Dược khoa Hoa Kỳ USC

Kính Mời

PHÒNG MẠCH ĐẦU TIÊN

Về **NHI KHOA**
Tại **VAN NUYS**

6900 Van Nuys Blvd., Suite #7
Van Nuys, CA 91405
Tel: (818) 989-2406
& (818) 989-2407
Beeper: (818) 379-9071
Cạnh Pharmacy of Phan's
cạnh Nha Sĩ Phan Mỹ Hạnh

Bác Sĩ

LÊ PHƯỚC LỘC (Richard Le), M.D.

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

- *Tốt nghiệp Michael Reese Hosp. Med Center University of Chicago (Illinois)*
- *Nội trú Tulane Med Center - University of Tulane New Orleans*
- *Nguyên thường trú White Memorial Med Center University of Loma Linda, Los Angeles*
- *Hội viên Y sĩ đoàn Hoa Kỳ từ 1985*
- *Hội viên trung cấp Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ*
- *Từng hành nghề tại New Orleans từ 1984-1985*

NHI KHOA & Y KHOA TỔNG QUÁT

★ Khám và trị bệnh trẻ em sơ sinh Việt, Miên, Lào, Hoa
★ Chích ngừa & Khám nhập học - Free
★ Khám sức khỏe định kỳ (CHOP) nếu lợi tức thấp - Free
★ Lập giấy sức khỏe tiền Hôn nhân
★ Nhận làm Bác Sĩ gia đình
★ Hợp tác với Chương trình Bông sữa WIC
★ Trực tiếp điều trị liên tục nếu nhập viện tại vùng Van Nuys
★ Giới thiệu chuyên khoa nếu cần

CHUYÊN TRỊ:

★ *Các bệnh trẻ em liên quan đến tăng trưởng - Tiêu bộ - Hô hấp - Xương khớp - Đầu - Đau ngực - Phong thấp - Ho - Suyễn - Táo bón - Hô hấp - Các bệnh ngoài da - Các bệnh dinh dưỡng - Các bệnh phụ khoa - Các bệnh thanh thiếu niên - Các thương tích tai nạn nghề nghiệp.*

Phòng mạch trang bị máy thử nghiệm Vật lý Trị liệu và Quang Tuyến X

ĐẶC ĐIỂM:

- **Phòng mạch có máy điều hòa không khí, trang bị dụng cụ tối tân - Điện tâm đồ**
- **Đo thính lực - Phân tích máu - Nước tiểu - Đo nhãn lực**
- **Bảo đảm không chờ lâu và có thể tham khảo trực tiếp bất cứ lúc nào bằng điện thoại**
- **Bãi đậu xe rộng rãi**

Đặc Biệt: Có máy truy tầm Ung thư và máy Siêu âm để truy tầm các loại Bướu trong bụng và trong các Xoang

Giờ làm việc:
Thứ 2 - Thứ 6: 9 AM - 7 PM
Thứ 7: 9 AM - 5 PM
Chủ Nhật nghỉ

NHẬN MEDICAL & MEDICARE & BẢO HIỂM

Bánh Mì *THANH NHÀN*

Sandwich - Food To Go - Oriental Deli

Với các Đặc Sản:

- ✦Bánh Mì Thịt nguội nổi tiếng.
- ✦Các loại Giò Chả, Nem, Tré.
- ✦Các loại bánh: Cuốn, Bèo, Bột lọc, Ít, Dày, Giò.
- ✦Cơm, Bún Thịt nướng, Mì
- ✦Gỏi cuốn, Bò bía.
- ✦Các loại Chè, Bánh Mứt Việt nam.
- ✦Các loại Nước Sinh tố tươi, bổ dưỡng.

Đặc biệt Nước mía nguyên chất.

9569 - 9571 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683

TEL: (714) 839-1440

TRUNG TÂM Y NHA KHOA POMONA

Y VIỆN POMONA

945 E. Holt Ave., Suite E - Pomona, CA 91766 - *(Góc Holt & Reservoir)*

(714) 623-6502

Bác Sĩ

VÕ ĐÌNH HỮU, M.D.

- Chief of Staff Bệnh viện Lenterman.
- Bác sĩ Department of Family Practice Pomona Valley Hospital.
- Hội viên American Academy of Pediatrics.
- Tốt nghiệp Chuyên khoa tại University of Florida.
- Cựu Y sĩ Hồng Thập Tự Việt Nam.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Từ Dũ, Giải phẫu Bình Dân, Bệnh viện Nhi Đồng.

Bác Sĩ

LÊ MINH ĐỨC, M.D.

- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ.
- Hội viên Hội Y Sĩ California.
- Hội viên Hội Y Sĩ L.A County.
- Bác sĩ Điều trị các Bệnh viện vùng Pomona.
- Cựu Nội trú Sản phụ khoa Bệnh viện Hùng Vương, Nội khoa Nguyễn Văn Học.
- Cựu Nội trú Bệnh viện Huntington Memorial California.

- Chuyên Khám bệnh Trẻ em, Khám bệnh Nhập học, Chích ngừa, Khám bệnh Toàn khoa Người lớn, Bệnh Phụ nữ, Khám thai, Săn sóc sức khỏe gia đình, Khám bệnh định kỳ hàng năm, Thử nghiệm tìm Ung thư Đàn bà.
- ✦ **Khi cần nằm Bệnh viện, Bác sĩ sẽ đích thân theo dõi. Trung tâm có Bác sĩ chuyên môn, Bác Sĩ Nha Khoa đầu tiên vùng Pomona và phụ cận.**

NHẬN MEDICAL - MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

Ngày giờ làm việc:
Ngày thường: 4 PM - 8 PM
Thứ Bảy, Chủ Nhật: 10 AM - 3 PM

Nhận Làm Bác Sĩ Gia Đình
Khám bệnh theo hẹn
Khi cần gọi 24 giờ (909) 623-8502
Bác Sĩ Võ hay Bác Sĩ Lê

Bác Sĩ

ĐOÀN YẾN, M.D.

1663 Beverly Blvd., Suite #201 - Los Angeles, CA 90026

TEL: (714) 413-4845

- *Tốt nghiệp Hậu Đại Học Wadsworth, LA.*
- *Nguyên Bác sĩ Trưởng Khu Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Nguyễn Huệ, Nha Trang.*
- *Nguyên Bác sĩ Giải Phẫu và Điều Trị Quân Y Viện Trần Ngọc Minh, Sài Gòn.*
- *Đã hành nghề lâu năm tại Việt nam.*

CHUYÊN TRỊ:

- ☆ *Bệnh về Tai nạn & Nghề nghiệp*
- ☆ *Bệnh Toàn khoa người lớn và trẻ em.*
- ☆ *Bệnh Phụ nữ, Thăm thai.*
- ☆ *Săn sóc sức khỏe gia đình.*
- ☆ *Khám sức khỏe nhập học và chích ngừa.*
- ☆ *Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC.*
- ☆ *Tiểu Giải phẫu.*

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu:
9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 3:00 PM
Chủ Nhật: 10 AM - 1 PM

HUẾ Restaurant

Rendez Vous

15562 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683
(Góc Brookhurst & Mc Fadden)

(714) 775-7192

Đến, Say đắm
Ngồi, Ngất ngây
Về, Si tình

✦KHUNG CẢNH VÀ MÀU SẮC RẤT HUẾ
✦LAN TƯƠI ĐẸP NHẤT
✦*NHẬN ĐẶT PARTY TẠI CHỖ HAY MANG ĐI.*

Mở cửa 7 ngày:
Chủ Nhật - Thứ Năm: 9AM - 8PM
Thứ Sáu & Thứ Bảy:
8:30AM - 10PM

ĐẶC BIỆT:

- Bún Bò Bánh Ướt Thịt Nướng
- Bánh Bèo
- Bánh Nậm
- Bánh Ướt Tôm Chấy
- Bánh Bột Lọc
- Mì Quảng
- Các Loại Cơm
- Các Loại Chè
- Cơm Hến (Weekend)

Quán Ăn Huế

HƯƠNG BÌNH

9711 Bolsa Ave., #E - Westminster, CA 92683
(Trong khu chợ T&K Food Warehouse)

(714) 531-0576

NỔI TIẾNG NHẤT ORANGE COUNTY

* *Bún Bò Huế Hương Bình gân huyết.*
* *Mì Quảng đậm đà.*
* *Nem nướng Ninh Hòa.*
* *Chả giò, Chạo tôm.*
* *Bánh canh tôm cua.*
* *Bánh ướt tôm cháy, Bánh ướt thịt nướng.*
* *Bánh bèo, Bánh nậm, Bột lọc.*
* *Bánh ran, Bánh ít, Bánh lá chả tôm.*
* *Bánh khoái.*
* *Cơm Hến.*
* *Và các món ăn thuần túy Huế.*

Mở cửa từ 8:30 am - 8 pm.
Nghỉ ngày Thứ Tư

Hương Bình Kính Mời.

CHÂU BÙI, O.D.

DOCTOR OF OPTOMETRY

9600 Bolsa Ave., Ste H & C • Westminster, CA 92683 *(khu Bolsa Supermarket, đối diện cổng chợ Man-Wah)*

(714) 775-7045

- *Bác Sĩ Tốt Nghiệp Đại Học Southern California College of Optometry*
- *Hội Viên Hội Orange County Optometric Society và American Optometric Association*

BÁC SĨ CHUYÊN KHOA VỀ:

- *Khám mắt toàn diện và cho toa làm kính.*
- *Khám mắt cho Contact Lenses: Daily Wear, Flexible Wear, Disposable, Colored, Toric, Rigid Gas Permeable.*

NHẬN LÀM CÁC LOẠI KÍNH:

- *Cận thị, Viễn thị, Kính lão, Kính hai tròng không có lằn, Kính mát.*
- *Kính thật mỏng và nhẹ (Polycarbonate và Hi-Index) cho những người cận thị nặng.*
- *Đặc biệt có làm kính để dùng máy Computer cho đỡ mỏi mắt.*

LOW VISION:

Có những dụng cụ tối tân (Telescopes & Microscopes & Loupes) để giúp quý vị với tầm mắt thật kém có thể đọc và nhìn xa được.

FASHION CONSULTATION SERVICE:

Giúp quý vị chọn những gọng kính mới lạ, quốc tế, hợp thời trang: Fendi, Georgio Armani, Logo, Luxottica, Christian Dior, L'Amy, Marchon, Yves Saint Laurent, Rodenstock, Ray Ban, Nina Ricci...

NHẬN
MEDICAL & BẢO HIỂM
VISA/MASTER CARD
GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 6 PM
Thứ Bảy 10 AM - 4 PM
Chủ Nhật: Xin lấy hẹn trước

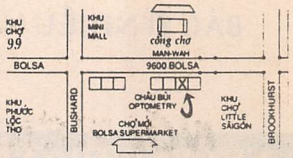

Nhà Thuốc Tây

TAM'S RX PHARMACY

14024 Magnolia, #103 - Westminster, CA 92683

(Khu Shopping Center mới, góc Magnolia và Westminster)

(714) 892-9808 / (714) 895-9044

- *Nhà thuốc Gia đình của Quý vị do Dược Sĩ tốt nghiệp, hành nghề lâu năm tại Việt Nam và Hoa Kỳ, luôn luôn có mặt, đích thân tận tình chỉ dẫn cách xử dụng các loại thuốc đúng theo tiêu chuẩn Hoa Kỳ.*
- *Nhận MEDICAL, THẺ THUỐC PCS, BLUESHIELDS, BLUE CROSS, MEDI-MET và các loại BẢO HIỂM.*
- *Địa điểm thuận tiện, góc Magnolia và Westminster (gần chợ Phát Tài), bãi đậu xe rộng rãi, an toàn.*
- *Tiếp đãi ân cần. Quý khách không phải chờ lâu.*
- *Có máy Photocopy.*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 10 AM - 7 PM
Thứ Bảy: 10 AM - 5 PM

Dược sĩ Tôn Nữ Diệu Hoa, tự Tâm Thường Kính Mời.

TRUNG TÂM SẢN PHỤ

BÁC SĨ VÕ VĂN CẦU, M.D.,FACOG.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Môn Sản Phụ Khoa Hoa Kỳ*
- *Diplomate American Board of Obstetrics & Gynecology*
- *Fellow American College of Obstetrics & Gynecology*

- *Nguyên Bác Sĩ Sản Phụ Khoa, Giải Phẫu, Trưởng Bảo Sanh Viện Lê Trung Đình, Quảng Ngãi*
- *Nguyên Trưởng Khu Sản Phụ Khoa và Bác Sĩ Giải Phẫu Bệnh Viện Sùng Chính, Sàigòn*
- *Tốt nghiệp Chuyên môn Sản Phụ Khoa, Nguyên Giảng Huấn Viên tại Bệnh Viện John Sealy University Hospital, Texas*

BÁC SĨ NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM VỀ SINH ĐẺ VÀ MỔ XẺ TỪ VIỆT NAM VÀ HOA KỲ.

CHUYÊN TRỊ: SẢN KHOA VÀ TẤT CẢ CÁC BỆNH ĐÀN BÀ

- **SẢN KHOA:** Thăm thai và đích thân đỡ đẻ, kể cả trường hợp khó khăn. Kế hoạch hóa gia đình (OCA,Deproprovera, Norplant). Cột kẹp hoặc đốt ống dẫn trứng. Có thể sinh thường những trường hợp đã mổ (previous C/Section). Hướng dẫn để sinh trai gái theo ý muốn. Hiếm muộn và giải phẫu hiếm muộn.
- **PHỤ KHOA:** Kinh nguyệt bất thường. Nhiễm trùng bộ phận sinh dục. Huyết trắng. Rối loạn sinh lý. Truy tầm Ung thư vú. Ung thư cổ tử cung và điều trị tiền ung thư cổ tử cung. Chẩn đoán và điều trị bướu âm đạo, tử cung và buồng trứng.
- **GIẢI PHẪU:** Bướu tử cung, buồng trứng, ống dẫn trứng. Ngưng sanh. Bệnh sa tử cung và sửa âm đạo. Bệnh không điều khiển nước tiểu. Các bệnh điều trị bằng Laser

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Xin Vui Lòng Lấy Hẹn

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM - 6:30PM

Thứ Bảy: 10:00AM - 3:00PM

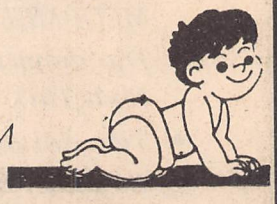

14024 Magnolia, Suite #104 - Westminster, CA 92683

(714) 898-1375 (24 Hrs.)

MAGNOLIA CLINIC

Bác Sĩ

PATRICK TRẦN LƯƠNG HOA, M.D.

❑ Tốt nghiệp CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG tại St. Barnaras Medical Center, New Jersey.
❑ Research Fellowship ngành Allergy và Immunology tại Creighton University Medical School.

* **CHUYÊN TRỊ BỆNH:**
  - ❑ Nghẹt Mũi Kinh Niên, Sổ Mũi,
  - ❑ Chảy Nước Mũi, Hắt Xì.
  - ❑ Ngứa, Phong Mề Đay.
* **THỬ NGHIỆM:**
  - ❑ Allergy Skin Testing và
  - ❑ Chích Allergy (Immunotherapy)
* **KHÁM và TRỊ:**
  - ❑ Bệnh Nội Thương, Cao Máu,
  - ❑ Tim, Phổi, Bao Tử, Gan, Thận,
  - ❑ Bệnh Nhiễm Trùng.

14571 Magnolia Ave., Suite #207
Westminster, CA 92683

Tel: (714) 895-7145

XIN GỌI LẤY HẸN TRƯỚC

Bác Sĩ BÙI MINH ĐỨC

Chuyên Khoa
Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ

HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG HOA KỲ (FELLOW AMERICAN ACADEMY OF OTOLARYNGOLOGY HEAD AND NECK SURGERY) VÀ HỘI VIÊN HỘI TAI MŨI HỌNG ĐỨC QUỐC

- *Tốt nghiệp chương trình hậu đại học Chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ Hoa Kỳ (University of Louisville, Kentucky, USA)*
- *Tốt nghiệp chương trình hậu đại học Chuyên khoa Tai Mũi Họng, Giải Phẫu Đầu và Cổ Đức Quốc (NO Universitatsklinik Wurzburg, Deutschland)*
- *Nguyên Giáo Sư, Trưởng khu Tai Mũi Họng Y Khoa Huế, Việt Nam.*

Chuyên trị và Giải phẫu các bệnh về:

❑ **TAI:** Tai thối, chảy mủ kinh niên, tai điếc. Giải phẫu Tai bằng kính hiển vi (Vi phẫu Tai). Đo thính lực và giúp mang máy điếc.

❑ **MŨI:** Mũi nghẹt kinh niên, thối mũi, nhức đầu. Tìm và chữa trị bệnh Biến ứng.

❑ **HỌNG:** Khàn giọng, nuốt nghẹn, nghẹt thở, hạch ở cổ. Tìm và chữa trị Ung thư ở Cổ và Khí quản.

Đầy đủ dụng cụ tối tân để tìm bệnh về Tai-Mũi-Họng, Đầu và Cổ

9131 Bolsa Avenue, Suite 201
Westminster, CA 92683

Điện thoại: (714) 894-5581

Nhận Medical, Medicare và bảo hiểm

giờ khám bệnh:
Ngày thường: Từ 1 giờ chiều đến 6 giờ chiều
Thứ Bảy: Từ 10 giờ sáng đến 3 giờ chiều, Chủ nhật: nghỉ
Xin lấy hẹn trước

LASER

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

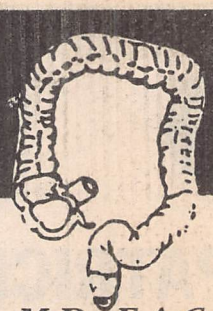

Bác Sĩ TRẦN TIẾN HUYẾN, M.D., F.A.C.S.

- *Tốt Nghiệp Bằng Chuyên Khoa Giải Phẫu Tổng Quát (American Board of Surgery) tại University Pittsburgh.*
- *Tốt Nghiệp Siêu Chuyên Khoa Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa tại Ferguson Clinic, Michigan*
- *Nguyên Giảng Sư Đại Học Y Khoa Saigon*
- *Hội Viên Hiệp Hội Bác Sĩ Giải Phẫu Hoa Kỳ (Fellow American College of Surgeons)*
- *Hội Viên Hội Giải Phẫu Bệnh Đường Ruột và Trĩ Khoa Hoa Kỳ (American Society of Colon and Rectal Surgeons)*

14571 Magnolia St., Suite 207
Westminster, CA 92683
(714) 898-1177

7151 Lincoln Ave., #A
Buena Park, CA 90620
(714) 527-2777

NHẬN MEDICAL - MEDICARE
TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

- *Chữa trị bằng tia Laser dứt tuyệt*
- *Phương pháp tối tân nhất để định bệnh & trị bệnh*
- *Không cần nằm Bệnh viện*
- *Không ra máu, không đau*
- *Trĩ Nội, Trĩ Ngoại, Trĩ Sa*
- *Mạch Lươn, Sa Ruột, Mồng Gà*
- *Ung Thư Đường Ruột, Bệnh Bao Tử, Sạn Mật*
- *Cơ Vòng Suy Yếu, Sửa Lại Âm Đạo Theo Ý Muốn, Cắt Da Qui Đầu.*

Bác Sĩ Nha Khoa

NGÔ THI VĨNH

665 E. Los Angeles St., Suite D
Simi Valley, CA 93065

(805) 584-8875

- ▼ Khám răng định kỳ
- ▼ Nha khoa phòng ngừa
- ▼ Kha khoa thẩm mỹ
- ▼ Chữa răng người lớn và trẻ em
- ▼ Làm răng giả các loại

NHẬN BẢO HIỂM VÀ MEDICAL

Bác Sĩ

VÕ VĂN TÙNG

NHI KHOA & Y KHOA GIA ĐÌNH

- *Tốt nghiệp Chuyên môn tại Thụy Sĩ & Hoa Kỳ*
- *Nguyên Y Sĩ Trưởng trại Binh sĩ & Gia đình Binh Sĩ Tổng Y Viện Duy Tân, Đà Nẵng*
- *Nguyên Trưởng Khu Nhi Khoa Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa Đà Nẵng*
- *Bác Sĩ điều trị các Bệnh viện Fountain Valley, Children Hospital v.v... Hành nghề trên 20 năm tại Việt Nam & Mỹ*

CHUYÊN KHÁM:

- ✦ **Bệnh trẻ sơ sinh, Săn sóc trẻ mới sinh tại Bệnh viện Fountain Valley. Tất cả các bệnh liên quan đến trẻ em (cảm, sổ mũi, ho, sưng phổi, tiêu chảy, bệnh tai, mũi, họng, bệnh ngoài da, chậm lớn, kém thông minh, chích ngừa nhập học...)**
- ✦ **Bệnh nội thương, người lớn. Bệnh biến ứng (Allergy).**
- ✦ **Bệnh đàn bà - Châm cứu các bệnh đau nhức, phong thấp**
- ✦ **Cộng tác với Chương trình Bông sữa WIC**

Giờ khám bệnh:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 6 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 2 PM

9559 Bolsa Ave., Ste. #D • Westminster, CA 92683
(714) 531-5754
(Trên lầu Thành Mỹ Restaurant, trong khu Bolsa Mini Mall)

Bác Sĩ Nha Khoa

VÕ TRỌNG DI

4132 University Ave.

San Diego, CA 92105

Tel: (619) 280-3322

GRAND OPENING

AUGUST 17, 1995

Under New Management

Hương Giang

Vietnamese Restaurant

9950 #B Bolsa Avenue
Westminster, CA 926835
(Góc Brookhurst & Bolsa Cạnh Expo Hair Salon)

Tel.: **(714) 531-2905**

- *Cháo và Thức Ăn Huế đủ loại*
- *Phục vụ nhanh chóng & tận tình*
- *Giá đặc biệt trong tuần lễ đầu khai trương*

FREE
Nước Ngọt
From 08/17 to 08/31/9

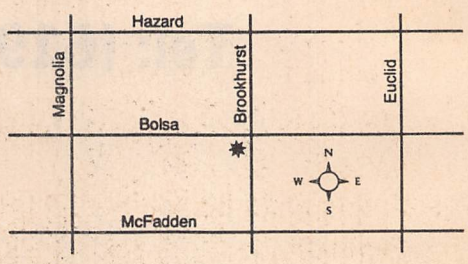

Bác Sĩ Y Khoa

THÁI DIỆU MY, M.D.

Diplomate American Board Of Physical Medicine & Rehabilitation

11180 Warner Ave., Suite 167 - Fountain Valley, CA 92708

TEL: (714) 444-2849

- *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa tại Univ. of California, Davis.*
- *Tốt nghiệp Chuyên khoa tại Univ. of California, Irvine.*
- *Nguyên thường trú Nhà thương V.A Long Beach và Long Beach Memorial.*
- *Hiện là Giám Đốc Điều hành của Orthopedic & Spinal Cord Injury Rehabilitation tại St. Jude Medical Center, Fullerton.*
- *Bác sĩ điều trị tại Western Medical Center và Fountain Valley Regional Center.*

CHUYÊN TRỊ:

- **Tham khảo và phục hồi bệnh liệt thân (Stroke, Spinal Cord Injury, Brain Injury).**
- **Những bệnh đau nhức kinh niên.**
- **Phong thấp, Viêm khớp xương (Arthritis), Đau cổ, Bả vai, Cụp xương sống.**
- **Đau khuỷu tay (I.E Tennis Elbow), Khối xương cổ tay (I.E Carpal Tunnel Syndrome), Xương chậu, Đầu gối và Xương bánh chè.**
- **Bệnh mỏng xương (Osteoporosis).**
- **Mệt mỏi tái phát từ bệnh Viêm tủy xám (Post Polio Syndrome).**
- **Các tai nạn thể thao, lưu thông, nghề nghiệp.**
- **Chứng nhận disability (Disability Evaluation).**

Nhận Bảo Hiểm, Medicare, Medical.

Giờ Làm Việc:
Thứ Hai, Tư, Sáu:
1PM - 6PM
Thứ Bảy: 10AM - 2PM
Ngoài giờ làm việc
xin gọi lấy hẹn:

(714) 444-2849

Siêu thị

KINH ĐÔ

13904 Brookhurst Street - Garden Grove, CA 92643

(Góc Brookhurst & Westminster -
Đối diện Target, cạnh Service Merchandise)

(714) 537-4602

- ***Siêu thị lớn và khang trang***
- ***Đầy đủ các loại thịt cá, rau cải tươi.***
- ***Đầy đủ các loại thực phẩm khô.***

GIÁ RẺ, HÀNG SALE THƯỜNG XUYÊN

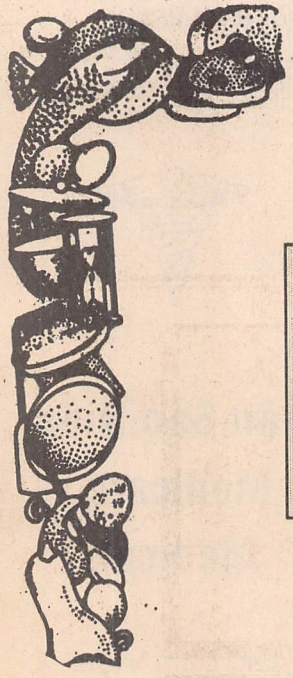

- ☆ Mua $20.00 có quà tặng. Càng mua nhiều càng tặng nhiều.
- ☆ Mua từ $60.00 trở lên được tặng 1 bao gạo thơm.
- ☆ Rau muống 49 cents / 1 pound.

ĐẶC BIỆT:

SIÊU THỊ KINH ĐÔ LÀ NGÔI CHỢ VIỆT NAM DUY NHẤT CÓ RAU CẢI TƯƠI MỖI NGÀY TỪ NÔNG TRƯỜNG ĐEM VỀ.

PARKING RỘNG RÃI, AN TOÀN
CÓ NHÂN VIÊN AN NINH CANH GÁC.

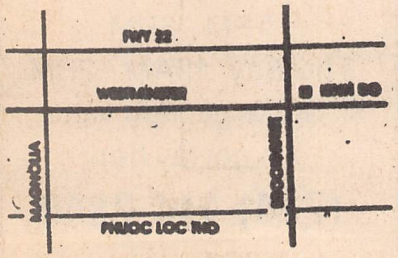

SIÊU THỊ KINH ĐÔ
KÍNH MỜI.

PHÒNG MẠCH NỘI THƯƠNG TỔNG QUÁT

Bác Sĩ **TRẦN NHƠN, M.D.**

14082 Magnolia Ave., Suite #109 • Westminster, CA 92683

(Góc Magnolia và Westminster, trong khu chợ Phát Tài)

Điện thoại: (714) 895-8583

- Tốt Nghiệp Chuyên Môn Nội Thương Hoa Kỳ (Internal Medicine)
- Nguyên Giảng Viên Đại Học Y Khoa Huế
- Nguyên Bác Sĩ Điều Trị Nội Khoa Các Bệnh Viện
- Nguyên Nội Trú Bệnh Viện Đồn Đất (Gral, Saigon)
- Hội Viên Hội Y Sĩ Hoa Kỳ
- Hội Viên Hội Nội Thương Hoa Kỳ

- **Bệnh Dị Ứng:** Sổ mũi, nghẹt mũi kinh niên, suyễn, mề đay, phong ngứa, thử allergy và dùng tiêm chích miễn dịch trị liệu.
- **Bệnh Tim Mạch:** Tim loạn nhịp, hồi hộp, đau tức ngực, cao máu, suy tim.
- **Bệnh Phổi:** Ho kinh niên, khó thở, viêm phổi, lao phổi, ung thư phổi.
- **Bệnh Tiêu Hóa:** Đau bụng, tiêu chảy, táo bón kinh niên, khó tiêu, ợ chua, loét bao tử, ung thư ruột, bệnh gan mật.
- **Bệnh Thần Kinh:** Nhức đầu, lo âu, mất ngủ, động kinh.
- **Bệnh Tiết Niệu:** Viêm thận, viêm tiết niệu, bệnh hoa liễu.
- **Bệnh Máu:** Thiếu máu, ung thư máu.
- **Bệnh Nội Tiết:** Bướu cổ, đái đường.
- **Bệnh Phong Thấp:** Viêm đau, khớp xương.
- **Bệnh Ngoại Da:** Mụn, ghẻ, Eczema, lang ben.

- Những bệnh liên quan đến tuổi già.
- Khám tổng quát định kỳ, chích ngừa nhập học, thi đua thể thao, cảm cúm, viêm phổi.
- Nhận làm bác sĩ gia đình
- Khám và thử máu cho chứng chỉ hôn nhân.

GIỜ LÀM VIỆC:

Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10:00AM-6:00PM

Thứ Bảy: 10:00AM-3:00PM

Chủ nhật: Theo hẹn

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM

SEAFOOD WORLD

Finest Chinese Restaurant

15351 Brookhurst St., Suite #101 - 106 • Westminster, CA 92683

(Giữa Mc Fadden và Bolsa)

Tel: (714) 775-8828 - Fax: (714) 775-2317

Nhà hàng được báo chí nhiệt liệt khen ngợi. Dưới đây là lời phê bình của ký giả Mike Sibley của tờ The Register:

"One of the most beautiful and elegant restaurant I've seen."
"There are top class hotels around the world that don't do such a great job as here in Westminster."

- ✦ Nhà hàng Seafood nổi tiếng về tiệc cưới, hội đoàn với 600 chỗ ngồi rộng rãi, lịch sự và sang trọng.
- ✦ Trang trí độc đáo, khung cảnh tuyệt đẹp, nghệ thuật và tân kỳ khác hẳn các restaurant khác.
- ✦ Đầu bếp Hongkong chuyên nghiệp đã từng đoạt nhiều giải thưởng nấu ăn quốc tế đảm trách.

DẠ TIỆC	ĐIỂM TÂM	HỘI ĐOÀN
Có sân khấu, âm thanh, sàn nhảy, phòng trang điểm cô dâu và hệ thống video projector.	*"DIM SUM"* kiểu Hongkong mỗi ngày với nhiều món. ***ĐẶC BIỆT ÍT DẦU MỠ***	Seafood World dành ***Giá Đặc Biệt*** để các Hội đoàn tổ chức liên hoan, họp mặt.

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

BÁC SĨ LÊ VĂN GIAO, M.D.

10051 Bolsa Ave., #A-2 - Westminster, CA 92683
(Góc Bolsa và Brookhurst)

(714) 839-4311 & 839-4321

CHUYÊN KHOA QUANG TUYẾN, TRUY TẦM UNG THƯ NGỰC & ĐỒNG VỊ PHÓNG XẠ

- *Tốt nghiệp Y khoa Bác sĩ tại Đại học Y khoa Utah.*
- *Cựu Nội trú Nội thương và Ngoại thương Đại học Y khoa USC*
- *Tốt nghiệp chuyên khoa Quang Tuyến Đại học Y khoa USC.*
- *Nguyên Giảng viên và Bác Sĩ Trưởng các Bác Sĩ thường trú Đại học Y khoa USC.*
- *Hậu Đại học Đồng Vị Phóng Xạ (Nuclear Medicine) tại Đại học Y khoa USC.*
- *Chuyên khoa đặc biệt về Truy Tầm và Trị Liệu Ung Thư Ngực tại UCLA.*
- *Nguyên Bác Sĩ Trưởng khu Quang Tuyến cho CIGNA HEALTH PLAN.*
- *Hiện là Bác Sĩ Quang Tuyến tại nhà thương FHP và Fountain Valley.*

TRUY TẦM VÀ HỢP TÁC VỚI CÁC BÁC SĨ CHUYÊN MÔN ĐỂ TRỊ LIỆU CÁC BỆNH UNG THƯ NGỰC, CỔ, TỬ CUNG, BAO TỬ, RUỘT, PHỔI, V.V...

- **Những máy móc tối tân định các bệnh:** Sản phụ khoa, Trẻ em, Chứng bệnh cấp tính & kinh niên, Người lớn.

- *Có nữ chuyên viên dùng máy Quang Tuyến tối tân bậc nhất, chuyên chỉ để chụp hình ngực vô cùng chính xác và giảm thiểu độ phóng xạ trên cơ thể bệnh nhân đến mức tối thiểu hầu như không đáng kể.*

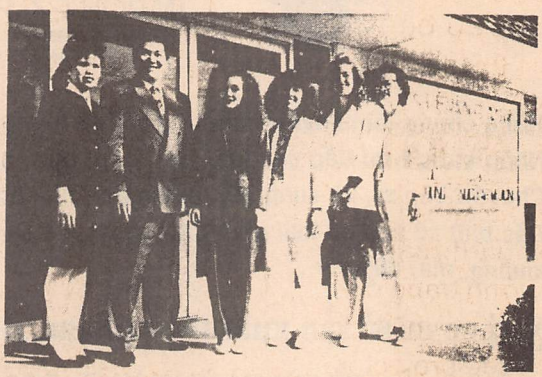

100 NGƯỜI NÓI 1000 NGƯỜI NGHE 100,000 NGƯỜI ĐẾN
NGÔI CHỢ LÝ TƯỞNG CỦA NGƯỜI VIỆT HẢI NGOẠI

LITTLE SAIGON
SUPERMARKET
小西貢超級市場

9822 BOLSA AVE. • WESTMINSTER, CA 92683 • TEL: (714) 531-7272

ĐẶC BIỆT

* Khách hàng mua nhiều hay ít đều có quà tặng tùy qúi khách lựa chọn
* Luôn luôn có hàng SALE và tràn đầy hàng trăm món hàng bán dưới giá sỉ
* Quầy cá tươi phục vụ khách hàng làm cá sạch sẽ và chiên cá miễn phí
* Mua chén dĩa tô đặc biệt bớt thêm 10%
* Cuối tuần có thêm nhân viên hướng dẫn và lo đầy đủ chỗ đậu xe cho khách hàng đi chợ

CHỢ LITTLE SAIGON CÓ 10 CÁI NHẤT

- Chợ lớn NHẤT
- Hàng nhiều NHẤT
- Thịt, cá, rau tươi NHẤT
- Đủ loại hàng thực dụng NHẤT
- Giá cả các loại hàng hạ NHẤT
- Đã có tặng phẩm nhiều NHẤT
- Tiếp đãi ân cần NHẤT
- Địa điểm thuận lợi NHẤT
- Bãi đậu xe an toàn NHẤT
- Và đã được mọi người ưa thích NHẤT

WE WELCOME ATM

California Lottery LOTTO
California Lottery DECCO
Little Lotto

VANCO INC.
DBA DELTA FOOD CO.
IMPORT & PACKAGING OIL

14942 MORAN ST. - WESTMINSTER, CA 92683
TEL. (714) 898-7544 - FAX (714) 891-3536

- Hãng chúng tôi chuyên môn vô chai và thùng đủ loại dầu ăn nguyên chất.
- Nhập cảng trực tiếp các loại gạo, nếp, bún, bánh tráng và đồ khô thượng hạng.
- Chuyên bán sĩ, và cung cấp thẳng đến nhà hàng.
- Đặc biệt có bán đủ loại gia vị, túi nylon, và các đồ đựng "to go" như dĩa giấy, ly, muỗng, nĩa, đũa v.v...

Quý vị có cơ sở sản xuất thực phẩm, xin mời đến: DELTA FOOD CO.

MỞ CỬA HÀNG NGÀY: Từ 7:30 AM đến 4:00 PM

Ana Funding

Real Estate Loans

14411 Brookhurst St., Suite A - Garden Grove, CA 92643

Phone: (714) 775-7786 / 1-800-675-7786

▼ 10 Year Fixed / Conforming	**8.500%**
▼ 15 Year Fixed / Conforming	**8.125%**
▼ 20 Year Fixed / Conforming	**8.250%**
▼ 30 Year Fixed / Conforming	**8.875%**
▼ 30/5 Year / Balloon	**7.500%**
▼ 30/7 Year / Balloon	**7.750%**
▼ 15 Year Fixed / Jumbo	**8.875%**
▼ 30 Year Fixed / Jumbo	**9.000%**

Rates change daily, call for current rates.

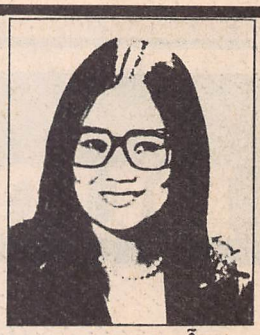

AN NGUYỄN

Broker

Bus: (714) 775-7786

Res: (714) 775-8700

SPECIAL LOAN PROGRAMS:

NO POINT - NO FEES

JUMBO: EZ QUALIFY

(No VOE, Paystubs, W2 or 10408)

PURCHASE / REFI: 20% DOWN

For Non Owner Occupied

COMMERCIAL: MIXED USED

Bác sĩ Nha Khoa

HỒ VĂN PHÚ, D.D.S.

*** Nha khoa gia đình : trám, nhổ, chữa tuỷ răng**
*** Khám răng định kỳ Nha Khoa Phòng Ngừa**
*** Làm răng giả các loại * Sửa răng thẩm mỹ**

Nhận bảo hiểm và Medical
Xin vui lòng lấy hẹn trước

South Bay Center
15024 Prairie Ave
Hawthorne, CA 90250
(213) 978-8993

Chinatown Center
626 W. College St, #104
Los Angeles, CA 90012
(213) 617-0096

Bác Sĩ Nha Khoa

DƯƠNG ÚT, D.D.S.

(DOCTOR OF DENTAL SURGERY)

Tốt nghiệp Đại Học Đường Loma Linda California USA.

- Nha sĩ kinh nghiệm hành nghề nhiều nơi.
- Chuyên trị các trường hợp sai lệch khớp nhai, tái tạo khớp nhai (FULL MOUTH RE-CONSTRUCTION
- Chữa răng bằng phương pháp và kỹ thuật máy móc mới nhất ở Hoa Kỳ.

▼ **NHA KHOA THẨM MỸ:** Bonding, Veneer.

▼ **NHA KHOA NHI ĐỒNG:** Kiên nhẫn và nhẹ nhàng với trẻ em.

▼ **NHA KHOA TỔNG QUÁT:**

- *Trám răng, nhổ răng, lấy gân máu.*
- *Răng giả các loại.*
- *Bệnh nướu răng (Gum disease).*
- *Giải phẫu.*

XIN VUI LÒNG LẤY HẸN TRƯỚC
TRỪ TRƯỜNG HỢP KHẨN CẤP

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Bảy: 10:00 sáng đến 6:00 chiều.

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

CHUYÊN SỬA CHỮA CÁC LOẠI RĂNG GIẢ BỊ HƯ HẠI

Tel: (213) 617-2778

807 CESAR E. CHAVEZ AVE.
LOS ANGELES, CA 90012

THƯỢNG HẢI BÁ BỔ NGŨ TẠNG THẦN DƯỢC

Lần đầu tiên trong ngành Y Dược Đông Phương, Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược được bào chế bằng tinh chất sức ong chúa phối hợp với dược phẩm cực qúy của Đông Y như nhân sâm, yến quế, hà thủ ô, và các dược phẩm thượng hạng khác với phương pháp bào chế gia truyền do Bác Sĩ Thượng Hải kế thừa điều chế và trực tiếp cố vấn.

Thượng Hải Bá Bổ Ngũ Tạng Thần Dược có công dụng như sau:

- Giúp cho cơ thể chống lại bệnh tật, gia tăng sức đề kháng của cơ thể, làm trẻ lại các tế bào thoái hóa vì tuổi già.
- Gia tăng sức chịu đựng của cơ thể, giúp cơ thể chống lại các bệnh tật của tuổi già như đau nhức bắp thịt, gân cốt, đau khớp xương do phong thấp, thận suy, suất tinh sớm, yếu sinh lý, già trước tuổi, tóc bạc sớm, ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Phòng ngừa các bệnh ung thư vì rối loạn cơ thể, kinh mạch do hoàn cảnh đời sống và căng thẳng thần kinh vì công việc.
- Gia tăng trí nhớ cho học sinh, sinh viên cần thức khuya học bài.
- Gia tăng sức khoẻ, tăng cường sức lực cho qúy vị vì hoàn cảnh công việc phải làm việc qúa sức.
- Tăng cường sinh lực giúp cho hạnh phúc gia đình được bền vững.
- Làm mát gan, giúp cho da dẻ mịm màng, phòng ngừa các bệnh nám da, dà mặt sần sui khô khan vì thực phẩm hoặc thời tiết.

Ghi chú: Thượng Hải Bá Bổ Thần Dược là phương dược cổ truyền lưu lại hậu thế, đã được dùng trên 1000 năm do các ngự y cung đình phương Đông và các thiền sư Tây Tạng và Ấn Độ để cứu nhân độ thế.

MỖI CHAI THUỐC GÍA $25 - DÙNG ĐƯỢC TRONG MỘT THÁNG

Nhận gửi thuốc đi khắp nơi bằng U.P.S.

Muốn mua thuốc xin liên lạc với:

PHÒNG MẠCH BÁC SĨ CHÂM CỨU ĐÔNG Y DƯỢC PHÒNG

13878 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92643 * TEL: (714) 636-8166

(Trong khu chợ Kinh Đô và Sea food Đông Lợi)

CHUYÊN TRỊ: CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG BẰNG CHÂM CỨU
VÀ CÁC BỆNH KẾT HỢP PHƯƠNG PHÁP ĐÔNG TÂY

Bác sĩ THƯỢNG HẢI, Ph. D., C. A., O.M.D.

** Tốt nghiệp Bác Sĩ Chuyên Khoa Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Diplomate in Acupuncture of The N.C.C.A.*
** Hội viên hội Cố Vấn Đông Y Châm Cứu Hoa Kỳ.*
** Hội viên hội Châm Cứu Hoa Kỳ.*

** Nguyên Y Sĩ Đông Y Châm Cứu Trung Tâm Y Tế Phật Giáo.*
** Nguyên Cố Vấn Đông Y các bệnh viện Quảng Đông, Triều Châu, Sùng Chính, Phước Kiến.*
** Đông Y Gia Truyền Ba Đời.*

CHUYÊN TRỊ

- Đặc biệt tiểu sản, hiếm muộn, không có con, dễ bị xảy thai, sau khi sanh nám mặt, yếu người.
- Tai nạn xe cộ, phong thấp, đau nhức khớp xương.
- Nhức đầu kinh niên, nửa đầu hoặc cả đầu.
- Phong thấp, tê bại, bán thân bất toại.
- Huyết áp cao, thiếu máu, sa tử cung, ruột, bao tử, trĩ.
- Trị bệnh tim mạch, đau ngực, hồi hộp, khó thở.
- Ăn không ngon, mất ngủ, sụt cân.
- Đàn bà kinh nguyệt không đều, hiếm muộn, không con, huyết trắng, hành kinh đau bụng.
- Cai hút thuốc, rụng tóc, đái đường.
- Thận suy, xuất tinh sớm, yếu tình dục, già trước tuổi, tóc bạc.
- Trị bệnh da mặt nám, mụn bọc, mật, lưng.
- Phòng mạch có đầy đủ các loại Đông Y Dược thượng hạng bào chế bằng phương pháp gia truyền.
- Thuốc tể cho sinh viên, học sinh cần tăng cường trí nhớ để học thi.
- Nhận gửi thuốc Bắc bằng U.P.S đi khắp thế giới.

PLASTIC SURGERY

Bác Sĩ TRẦN TIẾN SUM, M.D.

GIẢI PHẪU THẨM MỸ và TÁI TẠO

- Tốt nghiệp chuyên khoa Plastic Surgery tại Mt Sinai Hospital New York, Hoa Kỳ (1984)
- Tu nghiệp chuyên khoa thẩm mỹ cho người Á Đông tại Viện Đại Học Showa, Tokyo, Nhật Bản (1983)
- Tốt nghiệp chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại Stanford University Santa Clara V.M.C và Fresno V.M.C (1977-1981)

Chuyên Giải Phẫu:

- *Mắt hai mí Đông Phương và độn mũi*
- *Căng da mặt, trán, cổ, lột da, mài da làm mờ sẹo*
- *Độn ngực, làm nhỏ lại, nâng ngực bị xệ*
- *Đặc biệt giải phẫu bằng tia Laser: Cắt bỏ các bướu ở mặt, nốt ruồi, vết chàm v.v... (vết sẹo rất nhỏ và mờ)*
- *Giải phẫu và tái tạo các khuôn mặt bị tai nạn*
- *Tái tạo bộ ngực sau khi bị cắt bỏ bởi ung thư*
- *Tái tạo các chức phận của bàn tay: dây thần kinh, gân và xương*

Nhận:
Visa, Master Card,
American Express

Tel:
1(805) 253-3755
Toll Free:
1(800) 540-2340
Tel. 24/24:
(805) 253-2211
Cách LA Downtown
30 phút lái xe,
Cách Monterey Park
40 phút lái xe

THAM KHẢO và LẤY HẸN
TẠI ĐỊA CHỈ MỚI:
25775 W. Mc Bean Parkway,
Suite # 100
Valencia, CA 91355

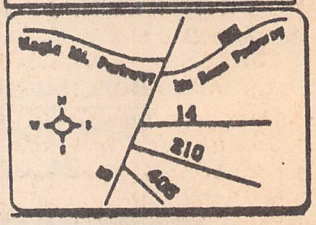

Bác Sĩ NGUYỄN KIỂN NGỌC, M.D.

Khoa Tâm Thần - Psychiatry

14482 Beach Blvd. Suite # Y ◻ Westminster, CA 92660

(Góc Beach & Hazard, trong dãy nhà SHOWCASE HOMES, phòng mạch Suite Y, trông ra đường Hazard)

- *Hoàn tất Residency về Psychiatry tại University of S. Florida từ 1977 - 1981*
- *Bác sĩ Tâm thần của Orange County Mental Health 1981 đến nay.*

(714)
898-4382

KHÁM THEO HẸN
Thứ 2, 3, 4, 6: từ 5:30 PM -7:30 PM
Thứ 5: từ 1 PM - 7:30 PM
Thứ 7: từ 9 AM - 3 PM

NHẬN
MEDICAL
VÀ BẢO HIỂM

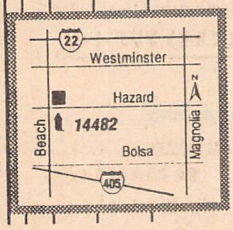

CHUYÊN TRỊ

THÁC LOẠN:

- Tư tưởng (Thoughts)
- Tình cảm (Feelings)
- Hành vi (Behavior)

GIAO TÌNH XÁO TRỘN:

- Giữa bạn bè, vợ chồng
- Trong gia đình, ngoài xã hội
- Trong công việc

CÁC CHỨNG

- Nóng giận (Anger)
- Lo âu (Anxiety), Sợ sệt (Fear)
- Sầu muộn (Depression)
- Cuồng tính (Mania)
- Biếng ăn hay ăn nhiều
- Mất ngủ hay ngủ nhiều
- Đầu nhức hay căng thẳng
- Hồi hộp, khó thở
- Sinh lý bất thường

Bác Sĩ PHAN TUYẾT MAI, M.D.

Chuyên Khoa Giải Phẫu Nhãn Khoa (Eye Physician and Surgeon)

Diplomate of The American Board of Opthalmology

- ★ *Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.*
- ★ *Thường trú Nội Khoa Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.*
- ★ *Tốt nghiệp Chuyên Khoa Nhãn Khoa (Giải phẫu và Điều trị Nhãn Khoa) Jules Stein Eye Institute, UCLA.*
- ★ *Tốt nghiệp Hậu Chuyên Khoa Giải Phẫu và Ghép Giác mạc (Fellowship in Cornea and External Disease, Corneal Transplant), Massachusetts Eye and Ear Infirmary, Harvard Medical School.*
- ★ *Hội viên Hội Society Of The Heed Fellow (Hội đoàn Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa Ưu tú).*
- ★ *Giảng huấn viên Khu Nhãn Khoa (Department of Opthalmology) Đại Học Y Khoa UCLA Jules Stein Eye Institute.*

9500 Bolsa Ave. #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

GIẢI PHẪU VÀ ĐIỀU TRỊ:

- ▢ *Mắt lòa - Mắt cườm (Cataract) - Ghép kính nhân tạo (Lens implant).*
- ▢ *Mộng thịt trên tròng trắng và tròng đen (Pterygium).*
- ▢ *Giải phẫu cận thị - Loạn thị (Radial Keratotomy)*
- ▢ *Đo và làm kính, Contact lens.*
- ▢ *Giải phẫu bằng tia sáng Laser.*
- ▢ *Giải phẫu áp suất mắt cao (Glaucoma) - Mắt lé - Giải phẫu mí mắt.*
- ▢ *Chữa mọi trường hợp viêm mắt, mắt loét, đỏ hoặc khô.*

Khám bệnh theo hẹn

- ▢ *Với sự cộng tác của Nhóm Bác sĩ Giải Phẫu Nhãn Khoa chuyên môn và danh tiếng vùng Southern California.*
- ▢ *Trang bị đủ những máy móc thử nghiệm và Tia sáng Laser tối tân.*

CHUYÊN GIẢI PHẪU VÀ GHÉP GIÁC MẠC MỚI (Corneal Transplant) Để Điều Trị Những Trường Hợp Giác Mạc, Mắt Bị Mờ Trắng, Dục Trắng, Sẹo Gây Ra Bởi Tai nạn, Vi Trùng, Bệnh Ban, Trái Hoặc Sau Khi Giải Phẫu Mắt Bị Hỏng.

Bác Sĩ NGUYỄN PHÚC VĨNH KHIÊM, M.D.

CHUYÊN KHOA BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN

- ★ Diplomate American Board Of Internal Medicine.
- ★ Diplomate American Board Of Cardiovascular Disease.
- ★ Tốt nghiệp Bác sĩ Y Khoa, Harvard Medical School, Boston, Massachusetts.
- ★ Thường trú Nội Khoa (Internal Medicine), Massachusetts General Hospital, Harvard Medical School.
- ★ Tốt nghiệp Chuyên khoa Bệnh Tim (Cardiology), Stanford of Medicine, Palo Alto, California.
- ★ Tốt nghiệp Hậu Chuyên khoa Thông Tim (Advanced Fellowship in Angioplasty), Seton Medical Center, San Francisco, dưới sự điều khiển của Bác sĩ Richard Myler và Bác sĩ Simon Stertzer (Hai vị khai sinh của ngành Angioplasty).
- ★ Nguyên Giám Đốc chương trình Soi tim và Thông tim (Interventional Cardiology) cho HMO FHP, Los Angeles (1989-1992).
- ★ Bác sĩ điều trị tại Samaritan, Los Angeles.

Với sự hợp tác của nhóm bác sĩ uy tín bậc nhất tại bệnh viện Good Samaritan, Los Angeles: Bác sĩ Stanley Wishner (Cardiology) và Bác sĩ Gregory Kay (Cardiothoracic Surgery).

1245 Wilshire Blvd., #707
Los Angeles, CA 90017
24 Hrs. Answering Service:
(213) 977-0101
Tiếng Việt: **(818) 787-9377**

CHUYÊN CHẨN VÀ ĐIỀU TRỊ BỆNH TIM VÀ HUYẾT QUẢN
Bằng Phương Pháp Soi và Thông Tim
(Cardiac Catheterization, Coronary Angioplasty, Peripheral and Renal

ĐỊA CHỈ MỚI TẠI LITTLE SAIGON
9500 Bolsa Ave., #P
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 775-4400

- ▢ Ngăn ngừa Bệnh tim (Preventive Cardiology): Bệnh cao mỡ (Cholesterol), Áp huyết cao (Hypertension) và Tiểu đường (Diabetes).
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu tim (Coronary artery disease).
- ▢ Bệnh tim bẩm sinh (Congenital heart disease).
- ▢ Bệnh van tim (Vascular heart disease).
- ▢ Bệnh tim đập thất nhịp (Arrythmia).
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu dưới chân (Peripheral arterial disease): Đau chân khi đi, lạnh chân.
- ▢ Bệnh nghẽn mạch máu trong thận làm áp huyết cao (Renovascular disease).

NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ BẢO HIỂM.
Xin lấy hẹn trước
Giờ Làm Việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:00 AM - 5:30 PM
Thứ Bẩy và Chủ Nhật: Khám theo hẹn

TIM'S AUTO REPAIR

DOMESTIC & IMPORT

1020 Harbor Blvd. (At Hazard)
Santa Ana, CA 92703

(714) 554-9500

- *BRAKES - A/C - CARBURETOR*
- *TUNE-UP - ENGINE REBUILT*
- *SMOG CHECK - NO PASS NO PAY*

Tim Tien Nguyen
Owner

TÔN THẤT VINH

Real Estate Broker

(714) 531-8878

ERA STAR
Real Estate Center
8700 Warner Ave.
Fountain Valley,
CA 92708

Quý vị muốn mua và bán nhà xin liên lạc với chúng tôi.

Với kinh nghiệm của ngành Địa Ốc trong những năm qua, chúng tôi sẽ đem quyền lợi tối đa về cho Quý vị.

TIỆM VÀNG HỘT XOÀN

KIM THỌ JEWELRY

TEL: (714) 892-5007

The Jewelry Center

Booth #3 & 2nd Floor

- **HỘT XOÀN, CẨM THẠCH, NỮ TRANG, VÀNG LÁ.**
- **ĐỦ LOẠI, ĐỦ KIỂU.**
- **BẢO ĐẢM ĐẸP VÀ ĐẦY ĐỦ PHẨM CHẤT.**

ASIAN GARDEN MALL
9200 Bolsa Ave. Suite 227 #3 2nd Floor
Westminster, Ca 92683

Siêu Thị *Supermarket*

ANH MINH

10451 BOLSA AVENUE • WESTMINSTER • CA 92683

(714) 775-0857 • (714) 775-0858

- THỊT, CÁ TƯƠI NGON
- RAU CẢI ĐỦ LOẠI, XANH TƯƠI 4 MÙA
- GIÁ CẢ PHẢI CHĂNG

Bê-Sa có chợ Anh Minh
Thịt cá rau cải tươi xanh suốt tuần
Vui vẻ tiếp đãi ân cần
Giá hàng rẻ nhất, phương châm chợ nhà

MỞ CỬA 7 NGÀY TRONG TUẦN TỪ 9AM-9PM

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ LEE, HYNSON & ASSOCIATES

8732 WESTMINSTER AVE., STE 4. WESTMINSTER, CA 92683 (714) 895-1300

TRUNG TÂM PHÁP LÝ - ĐỊA ỐC - TÀI CHÁNH

LÊ QUANG CƯỜNG, J.D.

TIẾN SĨ LUẬT KHOA

Nguyên Luật Sư Tòa Thượng Thẩm Việt Nam

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN

PARALEGAL

THAM KHẢO MIỄN PHÍ 24/24

(714) 895-1300 fax (714) 895-2757	(213) 328-8819	BEEPER (714) 422-4500

- ĐẶC BIỆT: VỀ ĐẦU TƯ & TRANH TỤNG ĐỊA ỐC
- HỘ LUẬT: Ly Hôn, Ly Thân, Chúc Thư, Phá Sản, Giữ Con.
- GIAO KÈO BUÔN BÁN: Thành lập Công ty, Phá sản

BÁC SĨ Y KHOA

VĨNH THỪA, M.D.

- Tốt nghiệp Bác sĩ Toàn khoa tại Catholic University of Louvain, Belgium.
- Tốt nghiệp Bác sĩ Nhi khoa tại Cleveland Clinic's Children's Hospital, Ohio.
- Nguyên Bác sĩ của St. Luke's University Hospital, Brussels.
- Nguyên Bác sĩ Nhi khoa của Bellflower Medical Group, L.A. County.
- Bác sĩ điều trị tại Fountain Valley Regional Hospital, Humana Hospital Westminster và Santa Ana Hospital Medical Center.
- Hội viên Y Sĩ Đoàn Hoa Kỳ (AMA) & Hàn Lâm Viện Nhi Khoa Hoa Kỳ (AAP)

CHUYÊN KHOA NHI ĐỒNG
TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN
TIỂU GIẢI PHẪU, CHÍCH NGỪA
THỬ NGHIỆM MÁU, NƯỚC TIỂU, CHIẾU ĐIỆN

Giờ làm việc:
Thứ Hai - Thứ Sáu 9 AM - 1 PM, 2 PM - 6 PM
Thứ Bảy 9 AM - 1 PM
Nhận bảo hiểm & medical

(714) 265-2191
1919 N. Fairview, Suite 309, Santa Ana, CA 92706
(Gần ngã tư Fairview và Westminster, bên cạnh Santa Ana Hospital)

ORANGE Pharmacy & COPY CENTER

9950 Bolsa Ave. - Westminster, CA 92683
(Ngã tư Bolsa & Brookhurst)

Tel: (714) 775-6301 ☎ Fax: (714) 775-0891

- ★ Nhận Bảo Hiểm, Medical, Visa & Master Card.
- ★ Giao thuốc tận nhà miễn phí.
- ★ Nhận gửi quà, đánh điện tín, đánh Fax và thư về Việt Nam nhanh chóng, bảo đảm.

XEROX 3 ¢/copy **Không giới hạn số lượng**

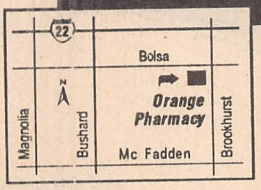

Open:
Monday - Friday:
10 AM - 8 PM
Saturday:
10 AM - 5 PM

TẠI LONG BEACH

BÁC SĨ Y KHOA

VÕ VĂN PHÁC, M.D.

CHUYÊN MÔN NỘI THƯƠNG NGƯỜI LỚN & TRẺ EM
Y KHOA GIA ĐÌNH

CHUYÊN MÔN:
- * Y khoa gia đình.
- * Các bệnh nội, ngoại thương tổng quát.
- * Bệnh toàn khoa người lớn và trẻ em. (Các bệnh về tim, phổi, thực quản, bao tử, gan, ruột, cao huyết áp, phong thấp, tiểu đường).
- * Bệnh ngoài da, hoa liễu, dị ứng (allergy).
- * Bệnh phụ nữ, đàn bà, thăm thai, kế hoạch hóa gia đình.
- * Chích ngừa, khám bệnh nhập học, theo dõi sức khỏe, định kỳ trẻ em.
- * Cộng tác với chương trình WIC cho sản phụ, trẻ em.
- * Tiểu giải phẫu các bướu dưới da, mụn cóc, nốt ruồi, cắt da qui đầu.

THỬ NGHIỆM:
- * Mở trong máu (cholesterol).
- * Các loại về máu, nước tiểu.
- * Thử máu hôn thú.
- * Truy tầm ung thư vú, tử cung.

Trang bị máy đo tim, đo phổi, máy massage.

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH
NHẬN MEDICAL, MEDICARE
VÀ BẢO HIỂM CÁC LOẠI

Giờ Khám Bệnh:
Mon - Fri: 9:30 AM - 6:30 PM
Sat: 9:00 AM - 3:00 PM

611 E. Anaheim St., Long Beach, CA 90813
(Giữa Atlantic Blvd. & Lime Ave.)
Tel: (310) 591-8982

BÁC SĨ

BÙI ĐỒNG

BỆNH NGOÀI DA VÀ TỔNG QUÁT

9559 BOLSA AVE., SUITE A
WESTMINSTER, CA 92683
(714) 531-4616
(714) 531-4617

- *Nguyên ban giảng huấn trường đại học Y Khoa Sàigòn*
- *Nguyên Y Sĩ Chuyên Môn Bệnh Viện Bình Dân, Nhi Đồng và Sùng Chính*
- *Hội viên Hội Hàn Lâm Viện Ngoài Da Hoa kỳ.*

CHUYÊN TRỊ
BỊNH NGOÀI DA & HOA LIỄU
(Skin Diseases and Veneral Diseases)
BỊNH DỊ ỨNG (Allergy)
GIẢI PHẪU DA (Skin Surgery)

Giờ khám bệnh: (theo hẹn)
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 9:30AM - 6PM
Thứ Tư: 1PM - 6PM, Thứ Bảy: 9AM - 3PM

LIEN D, NGUYEN, CPA

Hội viên AICPA, California Society of CPA.

- KHAI THUẾ CÁ NHÂN, THƯƠNG MẠI.
- GIỮ SỔ SÁCH KẾ TOÁN.
- CỐ VẤN ĐẦU TƯ.
- ĐẠI DIỆN THÂN CHỦ TRONG TRƯỜNG HỢP BỊ AUDIT.

(714) 530-3602

14180 Brookhurst St.
Garden Grove, CA 92643
(Lầu 2, khu phố ngói xanh)

Kamala Flowers and Music

(Tiệm Bông Liên - Hoa)

14044 Magnolia St., Ste. 128 - Westminster, CA 92683
(Góc Westminster & Magnolia - Trong khu chợ Phát Tài)

Tel: (714) 891-8130 • Pager: (714) 571-6483
Free: 1-800-700-4443

- ***Phong lan - Cây kiểng - Bàn chông cắm hoa***
- ***Cho mướn thùng hơi thổi bong bóng***
- ***Trang trí bong bóng cho mọi dịp lễ.***
- ***Giao hoa khắp mọi nơi.***
- ***Bán bong bóng có in hình Phật Đản Sanh cho lễ Phật Đản và hình Mục Liên Kiều cho lễ Vu Lan.***
- ***Có hoa hồng cài áo cho lễ Vu Lan.***

VISA & MASTER CARD

DISCOUNT
EXOTIC FRESH & SILK

- Private & Group Piano Lessons
- All Ages & Levels
- Professional Piano Instruction.

- Thủy Rios Certificate Ikenobo Ikenaba Designer
- Robert Rios 30 years exp. Ph.D Pianist

FLOWERS AND MUSIC

- Complete Floral Services.
- Original Quality Design.
- Live Classical Piano Music For Weddings & Parties.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ ĐOÀN

ROGER A. KANDER, ESQ.

4266 ATLANTIC AVE. ❑ LONG BEACH, CA 90807

(714) 952-3644 ☎ (310) 426-0541

Luật sư Roger A. Kander trên 30 năm kinh nghiệm và danh tiếng, tín nhiệm của thân chủ Hoa Kỳ cũng như thân chủ Á Châu.

TAI NẠN

ĐẠI HÌNH

1. Phục vụ Tận Tâm.
2. Kết quả Chắc Chắn.
3. Văn phòng sẽ ứng trước mọi phí tổn trong hồ sơ tai nạn.
4. Chỉ nhận lệ phí sau khi hồ sơ được bồi thường.

THƯƠNG MẠI

5. Đã làm trên 30,000 thân chủ vui lòng.
6. Chuyên môn về Bồi thường tất cả mọi loại Tai Nạn, bảo đảm được hài lòng.

Thu Kander

Giải Phẫu Thẩm Mỹ

Bác Sĩ

LÝ QUỐC BẰNG, M.D.

- *Giải phẫu Thẩm Mỹ từ 1968.*
- *Tu nghiệp International Aesthetic Plastic for Oriental People.*

ĐẶC BIỆT:

- *Làm mắt hai mí không cần giải phẫu ngoài da.*
- *Tham Khảo Miễn Phí.*

Tel: (714) 898-5001

Pager: (310) 501-3712

8191 Bolsa Ave. - Midway City, CA 92655

THUỐC BỔ SÂM

PHARMAX

MAXIMUM STRENGTH GINSENG K8000 & HIGH POTENCY VITAMIN

TĂNG CƯỜNG SINH LỰC
TƯƠI VUI TRẺ ĐẸP

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY và CHỢ VIỆT NAM TẠI HOA KỲ

TRƯỜNG THẨM MỸ HẰNG NGA

ASIAN AMERICAN INTERNATIONAL BEAUTY COLLEGE
7871 WESTMINSTER BLVD., WESTMINSTER, CA. 92683
Giờ Mở Cửa: Thứ Ba Đến Thứ Bảy (8:30AM-5:00PM)
TELEPHONE (714) 891-0508

Đặc Biệt Cho Khóa Mùa Hè

NGÀNH TÓC:

Học Phí $1,300.00

MÓNG TAY:

Học Phí $240.00

[Thời Hạn Từ 15 Tháng 7, 1994 Đến 30 Tháng 9, 1994]

Dịch Vụ Làm Tóc

Cắt tóc Nam hay Nữ:	$3.00
Uốn Tóc:	$7.00
Gội đầu, cuốn ống:	$3.00
Nhuộm tóc:	$10.00
Móng tay nước:	$3.00
Một bộ móng tay bột:	$10.00
Nhổ chân mày:	$3.00
Massage da mặt:	$5.00

Các Dịch Vụ Về Tóc Sẽ Được Tính Tiền Thêm Đối Với tóc dài

Tất Cả Các Dịch Vụ Trên Đều Được Học Sinh Thực Hiện Dưới Sự Giám Sát Của Giáo Viên Nhiều năm Kinh Nghiệm

Nhà Trường còn rất nhiều dịch vụ khác xin mời Qúi đồng hương đến thăm trường để biết thêm chi tiết. Rất cám ơn Qúi đồng hương đã yêu thương và ủng hộ trong suốt thời gian qua.

HỘI THÂN HỮU HUẾ - THỪA THIÊN

Ngày 15 tháng 08 năm 1995

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ Tịch Võ Văn Tùng
Phó Chủ Tịch
Tôn Thất Tùng
Nguyễn Khoa Thiều
Hoàng Giao
Hà Thúc Như Hỷ
Tổng Thư Ký Hoàng Tuấn Lộc
Phó Tổng Thư Ký Hoàng Ngọc Trác
Thủ Quỹ Bà Trần Tiển Khanh
Quản Trị Viên và Trưởng Ban
Thái Doãn Ngà
Nguyễn Đình Mô
Hoàng Thi Thao
Thái Bá
Nguyễn Văn Y
Nguyễn Ngọc Thanh
Hồ Văn Phú
Lê Bá Chư
Dương Công Liêm
Võ Đình Đắc
Võ Văn Đạt
Trang Kiên
Nguyễn Tấn Thọ
Bửu Lộc

CỐ VẤN
Thái Văn Kiểm - Hoàng Trọng Thược
Hoàng Duy Từ - Nguyễn Hữu Thứ
Vĩnh Huyên - Lê Văn Lân
Bùi Minh Đức

ĐỊA CHỈ
9559 BOLSA AVE., SUITE D
WESTMINSTER, CA 92683
Phone: (714) 531-5754
FAX: (714) 531-5824

THƯ MỜI

Kính gửi quý đồng hương và thân hữu

Để tạo cơ hội gặp gỡ,hàn huyên và ôn lại
những kỷ niệm khó quên về Huế,
Hội Thân Hữu Huế-Thừa Thiên
trân trọng kính mời
quý vị đã từng sinh sống ở Huế và thân hữu đến tham dự

NGÀY NHỚ HUẾ 1995

được tổ chức tại
Địa điểm

WESTMINSTER CULTURAL ART CENTER
AUDITORIUM
7571 Westminster Avenue,Westminster
(Góc đường Westminster và Hoover)
Thời gian:

Chủ Nhật 10 tháng 9,1995
Từ 11 giờ sáng đến 5 giờ chiều

Chương trình gồm có:
Phần 1:
Hàn huyên và thưởng thức các món ăn thuần túy như bún bò,
bánh bèo,bánh nậm,chả Huế,
chè đậu ván,chè hột sen v.v.
Phần 2.:
Chương trình văn nghệ gồm nhiều tiết mục Thi Ca Vũ Nhạc
đặc biệt hướng về Cố đô Huế
do các nam nữ nghệ sĩ danh tiếng và thân hữu trình bày
Phần 3
Ra mắt Tuyển Tập Nhớ Huế số 7 dày 230 trang
gồm nhiều biên khảo về Huế rất công phu,
Thơ,Văn chọn lọc đặc sắc

Thay mặt Hội Thân Hữu Huế-Thừa Thiên

BS Võ Văn Tùng

Bác Sĩ Nha Khoa

NGUYỄN VĂN Y

DENTIST

5110 Westminster Ave., Suite #K
Santa Ana, CA 92703
(Góc Euclid và Westminster)

Tel: 534-5533

- Trưởng Phòng Nha Khoa Quân Y Viện & Dân Y Viện Pleiku
- Nha Sĩ Trưởng Binh Chủng Nhảy Dù và Bệnh Viện Đỗ Vinh
- Giảng Huấn Viên các Khoa Quân Y: NHA, Y, DƯỢC SĨ tại Trường Quân Y
- Đã mở Phòng mạch tại Trương Minh Ký, Gia Định từ 1963

- **Khám Răng Tổng Quát và Định Kỳ**
- **Chữa Răng và phòng bệnh Răng, Miệng, Người lớn và Trẻ em**
- **Trám, Nhổ răng, Lấy gân máu**
- **Tiểu Giải Phẫu Nha Khoa**
- **Sửa Răng Thẩm Mỹ Làm các loại Răng giả, Cầu răng**

Giờ làm việc:
Thứ Hai đến Thứ Sáu: 10AM - 6PM
Thứ Bảy: 10AM - 3PM
Chủ Nhật: Theo hẹn

Nhận MEDICAL và BẢO HIỂM

Bác Sĩ

LÊ VĂN CẨM, M.D.

J. FELLOW OF AMERICAN ACADEMY OF PEDIATRICS
9341 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 894-9666

CHUYÊN KHOA NHI KHOA

Sơ sinh, trẻ em và các bệnh thanh thiếu niên
Y khoa tổng quát người lớn
Bác Sĩ điều trị tại Bệnh viện Fountain Valley Regional Hospital

Nhà Thuốc Tây

MAI Pharmacy

11801 Inglewood Ave., Suite 3 - Hawthorne, CA 90250

(310) 676-7581

Dược sĩ Mai Duy Cát, Pharm. D.

- ***Bán thuốc theo toa Bác sĩ và Nha sĩ.***
- ***Thuốc thông thường, đặc chế và tương đương.***
- ***Bán và gửi thuốc về Việt Nam.***
- ***Nhận Medical và Bảo Hiểm***

Giờ mở cửa:
Hàng ngày: 9:30 sáng - 6:30 chiều
Thứ Bảy: 9:30 sáng - 2:30 chiều
Chúa Nhật: Nghỉ

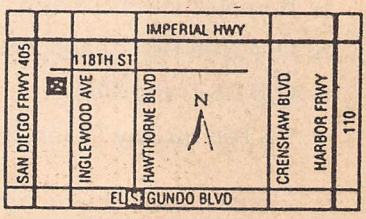

DANH SÁCH ÂN NHÂN ỦNG HỘ

Ngày Nhớ Huế & Tuyển Tập Nhớ Huế 95

- Ô.B Bửu Bang, Los Angeles.
- Ô.B BS Lê Văn Cẩm, Westminster.
- Ô.B DS Mai Duy Cát, Mai Pharmacy.
- Ô.B BS Võ Văn Cầu, Westminster.
- Ô.B Trần Ngọc Châu, Van Nuys.
- BS Châu Bùi, OD. Westminster.
- Ô. Lê Bá Chư, TT Giáng Ngọc, Westm.
- Ô.B LS Lê Quang Cường, Westm.
- Ô.B DS Quách Nhứt Danh, Danh & Linh Pharmacy, Westminster.
- Đà Nẵng Restaurant, Westminster.
- Ô.B BSNK Võ Trọng Di, San Diego.
- Ô.B Trần Dũ, Little Saigon Market.
- Quảng Đà Restaurant, Garden Grove.
- Ô.B Lê Phúc Điểm, Westminster. KT Furniture, Anaheim.
- Ô.B BS Bùi Đồng, Westminster.
- Ô.B BS Bùi Minh Đức, Westminster.
- Ô.B BS Lê Văn Giao, Westminster.
- Ô.B BS Thượng Hải, Garden Grove.
- BS Patrick Trần Lương Hoa, Westm.
- Ô.B LS Đỗ Hữu Hòa, CosmetiCare
- Hương Bình Restaurant, Westm.
- Hương Giang Restaurant, Westm.
- Ô.B BS Võ Đình Hữu, Pomona.
- Bà Vĩnh Huyên, Huntington Beach.
- BS Trần Tiễn Huyến, Westminster.
- Huế Rendez Vous Restaurant, Westm.
- Ô.B LS Roger Kander, Long Beach.
- Kamala Flower & Music, Westminster.
- Ô.B Trần Tiễn Khanh, Bell Canyon.
- Ô.B DS Trang Kiên DS Tôn Nữ Duy Thạnh, San Diego
- Ô.B BS Thái Doãn Kim, Canoga Park.
- Ô.B BS Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm & BS Phan Tuyết Mai, Westminster.
- Ô.B Nguyễn Đình Liễn, Westminster.
- Ô.B BSNK Đỗ Kỳ Long, Sacramento.
- Ô.B BS Lê Phước Lộc, Van Nuys.
- Ô.B Nguyễn Hữu Lộc, San Diego.
- Ô.B Bửu Lộc, Seafood World, Westm.
- BS Thái Diệu My, Santa Ana.
- Ô.B Anh Minh Supermarket, Westm.
- GĐ Trường Thẩm Mỹ Hằng Nga, West.
- Ô.B BS Nguyễn Kiển Ngọc, West.
- Ô.B Bửu Ngự, Thanh Nhàn, Westm.
- Ô.B BS Trần Nhơn, Westminster.
- Ô.B BS Võ Văn Phác, Long Beach.
- Ô.B BSNK Hồ Văn Phú, Hawthorne.
- Ô.B Nguyễn Phúc, Catinat Pharmacy & DS Nguyễn Vy Phương & DS Nguyễn Vỹ Hoàng, Westminster.
- Ô.B BS Trần Tiễn Sum, Los Angeles.
- Ô.B BSNK Mai Duy Thắng, San Jose.
- Ô.B BS Vĩnh Thừa, Santa Ana.
- NS Thái Quỳnh Thư, Canoga Park.
- Ô.B DS Hoàng Ngọc Tuệ, Westminster.
- Ô.B Vĩnh Tung, Garden Grove & Ana Funding, Garden Grove.
- Ô.B BS Võ Văn Tùng & Tam's Pharmacy, Westminster.
- Ô.B BSNK Dương Út, Los Angeles.
- Bà BSNK Ngô Thị Vĩnh, Simi Valley.
- Ô.B BS Nguyễn Văn Y, Santa Ana.
- Ô.B BS Đoàn Yến, Los Angeles.

Tiếng hát

Diệu Hoàng 2

Gởi HUẾ niềm thương

Mặt A:

- *Mưa trên phố Huế (Minh Kỳ - Tôn Nữ Thụy Khương)*
- *Lời ru giòng sông (Phùng Lê)*
- *Gởi Huế niềm thương (Quý Hoàng)*
- *Trở về Huế (Văn Phụng)*
- *Đêm tàn bến Ngự (Dương Thiệu Tước)*

Mặt B:

- *Ngàn thu áo tím (Vĩnh Phúc - Hoàng Trọng)*
- *Huế tình yêu của tôi (Trương Tuyết Mai)*
- *Mùa Thu mang theo (Thu Thủy - Trần Ngọc Tuấn)*
- *Nắng Chiều (Lê Trọng Nguyễn)*
- *Khúc tình ca xứ Huế (Trần Đình Quân)*

Trung Tâm Sản Xuất và Phát Hành Băng Nhạc - Video - CD

GIÁNG NGỌC

9551 Bolsa Ave., Suite E & D ❑ Westminster, CA 92683

(714) 531-2246 & 963-8781

K-T Furniture GALLERY

2775 W. Lincoln Ave. ○ Anaheim, CA 92801

(Giữa Dale & Magnolia)

(714) 821-4989

Bộ bàn ăn và tủ bày bằng gỗ quý

Với 15,000 sqft Showroom,
chúng tôi có đủ loại bàn ghế,
tủ, nệm từ Italy đến Hi-Tex.
Tha hồ để quý vị lựa chọn.